



KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ
<http://www.vanbutnamhoaky.com>



VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI Vùng Nam Hoa Kỳ



Nhiệm kỳ 2011 – 2014

Cố vấn: **Đoãn Quốc Sỹ**

BAN ĐẠI DIỆN

Chủ Tịch: Nguyễn Mạnh An Dân

Phó CT Nội Vụ: Phạm Ngũ Yên

Phó CT Ngoại Vụ: Nguyễn Đức Nhơn

Tổng Thư Ký: Túy Hà

Thủ Quỹ: Phạm Tương Như

UV Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù: Trương Sĩ Lương

UV Giao tế : Thu Nga - Lê Thị Hoài Niệm

UV Tổ chức: Cù Hòa Phong

UV Âm Nhạc Linh Phương

HỘI VIÊN DANH DỰ

Lê Thị Thu Cúc

HỘI VIÊN HOẠT ĐỘNG

*Dương Phước Luyện *Huỳnh Quang Thê

*Huỳnh Vũ Lê Văn Huyền *Huỳnh Công Ánh

*Lan Cao *Lê Hữu Minh Toán *Lê Thị Hoài Niệm

*Linh Phương *Nguyễn Thế Giác *Lê Hữu Liệu

*Nguyễn Tuấn Chương *Phan Đình Minh *Thu Nga

*Mây Ngàn *Cù Hòa Phong *Luu Nguyễn Từ Thức

*Vĩnh Tuấn *Vô Tình *Diễm Nghi

*Luu Thái Dzo *Dương Thượng Trúc

*Song An Châu *Vô Thạnh Văn *Yên Sơn

HỘI VIÊN TÌNH NGHĨA

-Đào Lê - Đặng Minh Hùng - Bích Huyền - Quỳnh Nguyễn

- Hoàng Tường - Kha Lăng Đa - Kim Hà - Linh Du

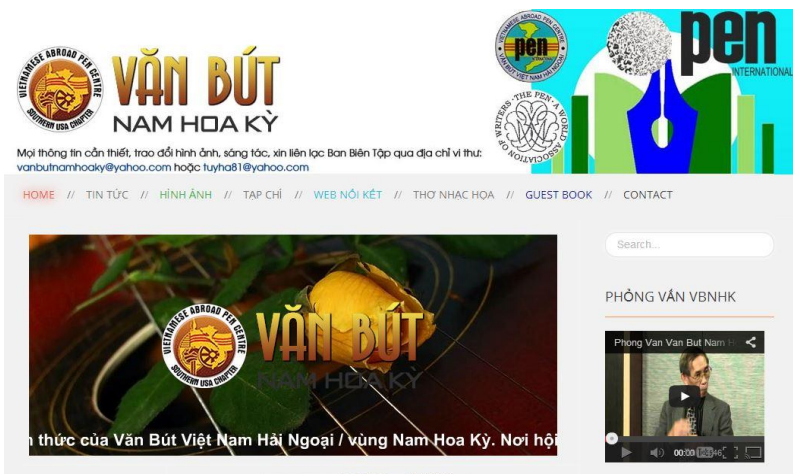
-Châm Hồ - Nguyễn Kim Long Phụng - Nguyễn Thanh Ngọc

- Tam Thanh - Thanh Hà - Tiffany Nguyễn - Thái Tầu

- Tuấn Trường - Bích Phương - Nhật Hạnh - Ngô Thu Hồng

- Song Thy - Trần Yên Thụy - Văn Ngọc Thy - Xuân Diệp

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 2



vanbutnamhoaky.com

LỜI MỞ

“Ngày 30 tháng 4 năm 1975, tiếng súng đã ngưng trong một nên hòa bình rơi nước mắt và cùng với sự cáo chung tức tưởi của chính quyền miền Nam Việt Nam, Trung Tâm Văn Bút Việt Nam - Tổ chức văn hóa qui tụ những người cầm bút có uy tín và tầm cỡ nhất, mang tầm cỡ quốc gia, sinh hoạt với cộng đồng quốc tế - tự nó, đã mất tên.

Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, trên nguyên tắc đã không còn, nhưng tinh thần văn bút và tình yêu cũng như trách nhiệm của mỗi con dân Việt Nam vẫn luôn sống trong lòng mỗi người cầm bút, và cùng với đồng bào lưu lạc của mình, khi ra đi những người cầm bút đã mang theo cả quê hương và khát vọng sẽ vì quê hương mà hiến dâng, mà góp sức.

Trong tinh thần như vậy, ngay từ những ngày đầu bỡ ngỡ của kiếp đời lưu lạc, những người cầm bút có lòng như Minh Đức Hoài Trinh, Trần Thanh Hiệp, Trần Tam Tiệp... đã tìm đến với nhau, ngồi lại bên nhau và đã kiên trì vận động trong nhiều năm

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 3

dài dễ tiếng nói của người cầm bút Việt Nam lưu vong được thừa nhận.

Như một phép màu, như một ân sủng ngoài mong ước, việc vận động đơn độc và gian khó của các văn hữu khả kính của chúng ta đã có kết quả tích cực. Văn Bút Quốc Tế thừa nhận Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, chính thức trở thành hội viên của Văn Bút Quốc Tế. Đây là một biệt lệ chưa từng có trong sinh hoạt văn bút và là một thành quả rất đáng tự hào cho người cầm bút Việt Nam lưu vong, và cho cả cộng đồng người Việt trên toàn thế giới khi Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại chúng ta được nhìn nhận như một tổ chức có tầm cỡ quốc gia, sinh hoạt bình đẳng với trên 150 hội viên khác, đại diện cho các quốc gia của họ.

Khởi đầu, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại chỉ có một Trung tâm ở Âu Châu, sau đó đã nhanh chóng phát triển sang Úc Châu, Gia Nã Đại và Hoa Kỳ. Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ là một trong những trung tâm đầu tiên được thành lập trong đợt phát triển này.

TTVB Nam Hoa Kỳ khai sinh vào tháng 7 năm 1991 với tổng số 45 hội viên trong kỳ họp mặt đầu tiên. Đây là một con số kỷ lục rất đáng tự hào của một tổ chức tân lập. Hình như mọi người đã tìm đến với nhau không cần nghe theo lời mời gọi của bất cứ ai. Tiếng gọi, sự thôi thúc của tình yêu và trách nhiệm luôn có trong tim mọi người cầm bút.

TTVB Nam Hoa Kỳ đã lần lượt được điều hành bởi những Ban Chấp Hành (chính thức hay chuyển tiếp) với các vị chủ tịch theo thứ tự như sau: Nguyễn Đình Phùng, Nguyễn Văn Sâm, Điệp Mỹ Linh, Trần Hồng Văn, Trương Sĩ Lương, Ngô Du Trung, Phạm Ngũ Yên, Nguyễn Bửu Thoại, Huỳnh Quang Thế, Nguyễn Mạnh An Dân, Nguyễn Thế Giác, Nguyễn Mạnh An Dân.

TT Văn Bút Nam Hoa Kỳ sinh hoạt đều đặn và có hiệu quả cao. Trong mỗi nhiệm kỳ BCH đều chú trọng đến việc khuyến khích và tạo điều kiện để hội viên sáng tác và xuất bản, tổ chức ra mắt sách cho văn hữu trong và ngoài văn bút, xuất bản các bản tin, các tuyển tập và thực hiện các chương trình phát thanh và truyền hình về văn học nghệ thuật, tổ chức các cuộc thi sáng tác văn học, phát triển số hội viên sinh hoạt, đặc biệt nhắm vào giới trẻ sáng tác bằng nhiều ngôn ngữ. Nhận trách nhiệm tổ chức các Đại Hội Văn Bút VNHN và cử đại diện tham dự tất cả các Đại Hội tổ chức tại các khu vực khác. Đáng chú ý nhất là trong suốt 7 năm qua, quý

san Tin Văn, một tập san văn học duy nhất mang danh nghĩa văn bút được thực hiện định kỳ và được phát hành khắp nơi.

Ban Chấp Hành đương nhiệm (2012 - 2014) được điều hành bởi một Chủ Tịch được giới thiệu và bầu chọn từ các cựu Chủ Tịch còn tiếp tục sinh hoạt và được sự chung sức từ các văn hữu đầy khả năng và thiện chí với thành phần như sau:



Chủ Tịch: Nguyễn Mạnh An Dân

Phó CT nội vụ: Phạm Ngũ Yên

Phó CT ngoại vụ: Nguyễn Đức Nhơn

Tổng Thư Ký: Tuý Hà

Thủ Quỹ: Phạm Tương Như

Ủy Viên Giao tế cộng đồng: Thu Nga

Lê Thị Hoài Niệm

Ủy viên phụ tá tổ chức: Cù Hoà Phong

Ủy viên văn nghệ: Linh Phương

Ủy viên đặc trách Website: Diễm Nghi

Nhân dịp thực hiện kỷ yếu năm 2014, chúng tôi xin phép giới thiệu một số sinh hoạt tiêu biểu gần nhất mà VBVNHN /Vùng Nam Hoa Kỳ đã thực hiện trong 3 năm qua, vừa như một kỷ niệm riêng vừa như một gợi nhắc chung để mỗi chúng ta cùng nhìn lại và cùng buồn vui với những tháng ngày cùng gắn bó sinh hoạt bên nhau.

Ban Biên Tập giới thiệu vài sự kiện và hình ảnh sinh hoạt trong thời gian qua của Văn Bút Nam Hoa Kỳ (VBNHK)

Sinh hoạt văn học:

Từ năm 2004 Đã lần lượt tham gia sinh hoạt văn học nghệ thuật, dưới nhiều hình thức như: Tham dự, tổ chức, yểm trợ, giới thiệu các tác giả và tác phẩm sau đây: - Bích Xuân với “Mùa Xuân Châu Ngọc” - Trần Hồng Văn với “Con mưa tuyết đầu mùa”- Nguyễn Văn Lân với “Sôi nổi” - Thu Nga với “Mây theo gió về” - Phạm Ngũ Yên với “Chấn gối ngày về”- Nguyễn Tấn Ích với “Lưu dấu ngày về” - Túy Hà với “ Rực rỡ đời thường, dấu ấn da vàng, dĩa quý vẫn nở” - Phương Triều với “Giọt sữa đất” – Nguyễn Hữu Nhật và Nguyễn Thị Vinh với “ Tiếng Việt Hay quá, Cỏ bông lìa gốc” - Lê Thị Hoài Niệm với “ Vén mây tìm lại nửa vàng trăng” - Du Miên với “Suối nguồn văn minh phương đông” -Quốc Nam với “50 năm thi ca” - Huy Phương với “Nước Mỹ Lạnh lùng” - Yên Sơn và Vĩnh Tuấn với CD “Lối cũ vẫn trong tim” - Vũ Linh với “Một Thời Chinh Chiến” - Phạm Tương Như với “Thơ Hát Ru Đời” - Lưu Thái Dzo với “Vòng bay cuối của một loài chim” - Lan Cao với “Thấp đời” - Tiến Sĩ Mai Thanh Truyết với “Những vấn đề môi trường Việt Nam” - Túy Hà với Những mảnh đời biệt xứ” - Hàn Song Tường với “Trong nỗi nhớ một ngày” - Phan Xuân Sinh với “Tắt cạn đời sông” - Trần Khải Thanh Thủy với “Chết ngoài kế hoạch”...

Sinh hoạt văn hóa văn nghệ tại Houston TX.

- Ngày 29-2-2004 Lễ Thượng Thọ Bát Tuần Nhà Văn Đoàn Quốc Sĩ
- Ngày 12-9-2004 VB/Nam Hoa Kỳ ra mắt Tân Ban chấp Hành Tại Phòng trà Duy Thành 8
- Ngày 31-7-2005 VB/Nam Hoa Kỳ ra mắt Tân Ban Chấp hành tại Nhà Hàng Fu Kim
- Ngày 18-3-2006 Tổ chức Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tại Trụ sở Công Đồng
- Ngày 25-5-2006 Đêm văn nghệ: nhạc phổ thơ tại Mini club
- Ngày 4-3-2007 VB/Nam Hoa Kỳ Tổ chức văn nghệ mừng xuân tại phòng hội đài little Saigon

- Ngày 20-7-2008 VB/Nam Hoa Kỳ ra mắt Tân Ban Chấp Hành tại trụ sở Cộng Đồng
- Ngày 14-12-2008 VBVN/Hải Ngoại ra mắt tân Ban Chấp Hành tại nhà hàng Thiên Phú
- Ngày 5-4-2009 Kết nạp Nhà Văn Đối Kháng Trần Khải Thanh Thủy làm Hội viên kết nghĩa.
- Ngày 10-5-2009 Vinh danh Nhà văn Minh Đức Hoài Trinh tại Nhà Hàng Nghệ sĩ
- Ngày 25-7-2010 Văn nghệ Nổi đời lưu vong tại Nhà hàng Saigon Maxim
- Ngày 16-12-2012 VB/Nam Hoa Kỳ kỷ niệm 21 năm Sinh Hoạt tại nhà hàng Thiên Phú.

Ngoài ra, VB/Nam Hoa Kỳ thường xuyên tham gia mọi chương trình văn Học Nghệ thuật của các tác giả khác và tham gia sinh hoạt với các Hội Đoàn Bạn cũng như Cộng Đồng.

Phát hành Quý san Tin Văn ba tháng một lần (đã được 17 số).

Thường niên tổ chức Văn Nghệ gây quỹ và Hội ngộ Mừng Xuân Luôn luôn có Đại Biểu tham gia các Đại Hội Văn Bút Hải Ngoại cũng như Văn Bút Quốc Tế.

Mời vào xem thêm nhiều chi tiết ở trang nhà:

<http://www.vanbutnamhoaky.com>



Vinh Danh các VH lão thành :
Huỳnh Quang Thế, Lưu Thái Dzo,
Lan Cao, Trần Hồng Văn, Nguyễn Đức Nhơn,
Vô Tình và Lê Thị Thu Cúc



16-12-2012 VBNHK Kỷ Niệm 21 năm Sinh Hoạt / nghi thức khai mạc/ ông binh Trương Sĩ Lương



16-12-2012 VBNHK Kỷ Niệm 21 năm: Diễn Nghị Nguyễn Mạnh An Dân, Tử Hà



Họp Mặt
Tân Xuân 2013



Chiều thơ nhạc
30 tháng 4 nhìn lại

KỶ NIỆM 21 NĂM THÀNH LẬP VBNHK

Diễn Nghị

Lần cuối tôi đặt chân đến Houston khoảng sáu năm về trước vào dịp VBNHK vinh danh nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh, người có công vận động Văn Bút Quốc Tế, thành lập Văn Bút VN Hải Ngoại sau khi CS Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam tự do. Đó chính là một biến cố trọng đại đối với giới cầm bút nói riêng và người Việt tỵ nạn cộng sản nói chung.

Sáu năm vụt qua như thoi đưa. Một lần nữa, tôi lại có dịp tái ngộ các cô chủ văn hữu, trong tình thân quý mến, nhân dịp chung vui lễ kỷ niệm 21 năm thành lập Văn Bút Vùng Nam Hoa Kỳ. (VBNHK)

Buổi sáng Chủ Nhật trời Houston, mưa nặng hạt, gió lạnh lạnh làm cho lòng tôi cảm thấy hơi lo, e rằng không được nhiều người tham dự, vì mưa lạnh, vì bận lễ nhà thờ, chùa - nhất là hôm nay trùng với lễ “Cung tiễn giác linh Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Phó Tăng thống GHPGVNTN tại Houston”. Thế nhưng, khi bước vào nhà hàng Thiên Phú, đường Bellaire quen thuộc, tôi lấy làm ngạc nhiên bởi số khách tham dự thật đông đúc, ai cũng rộn ràng với những lời chào hỏi thân thương.

Sau phần nghi lễ chào cờ trang trọng, chương trình mở đầu với lời phi lộ ngắn, gọn, chào mừng quan khách và văn hữu từ khắp nơi về tham dự, rất súc tích của văn hữu Vĩnh Tuấn, trưởng ban tổ chức: “Sau 21 năm, kể từ ngày thành lập với biết bao thăng trầm, có lúc mệt mỏi, có khi muốn nản lòng, nhưng nhờ tinh thần cương quyết ‘xung trận’ của số đông văn hữu, nên VB Vùng Nam HK (VBNHK) mới tồn tại đến ngày hôm nay. Xin chân thành cảm ơn tất cả các văn hữu tiền nhiệm đã lèo lái con thuyền VBNHK vững mạnh mà một mặt nào đó, góp sức vào đại cuộc, đấu tranh cho quê hương của chúng ta sớm có tự do dân chủ. Xin chân thành cảm tạ quý văn thân hữu, văn hữu đã quan tâm tới tập thể VBNHN”

Tiếp theo là Chủ tịch VBNHK, Nguyễn Mạnh An Dân, ngỏ lời chào mừng quan khách. Ông đã dùng lời lẽ rất khéo léo đề ca ngợi sự đóng góp, chia sẻ của các văn hữu, thân hữu, chiến hữu, mạnh thường quân nói chung. Những đóng góp, khuyến khích đó

đã tạo nên nỗ lực thúc đẩy anh chị em VBNHK miệt mài làm việc, sáng tác để đưa tuyển tập Tin Văn ra đời trong mỗi định kỳ. Văn hữu chủ tịch còn dẫn lược lịch sử Trung Tâm Văn Bút Việt Nam và sự ra đời của Văn Bút Nam Hoa Kỳ.

Tổ chức văn bút, như văn hữu chủ tịch Nguyễn Mạnh An Dân (NMAD) mô tả không “là một nhóm người đến với nhau để “ngâm hoa vịnh nguyệt, buồn gió khóc trăng” cho qua ngày đoạn tháng của chuỗi đời lưu lạc nơi xứ người; mà họ đã và đang tận lực để cố làm một chút gì. “Một chút gì đó”, một cụm từ khá khiêm tốn nhưng lại là một đóng góp tim óc, miệt mài và công phu, đó là quý san Tin Văn, tờ báo đầu tiên và duy nhất mang danh nghĩa văn bút được phát hành định kỳ. Trong lời mở đầu (ứng khẩu) của văn hữu NMAD, xin được ghi lại như sau:

“Thật vui mừng, thật cảm động khi được đón tiếp đông đảo quý vị đến với chúng tôi trong ngày trời mưa bão này. Đây không phải lần đầu tiên quý vị đến với chúng tôi mà quý vị luôn luôn có mặt bên chúng tôi trong suốt 21 năm sinh hoạt của văn bút. Những lần đó, thật hiếm hoi cơ hội, quý vị đến để chung vui với chúng tôi về chút thành tích khiêm tốn nào đó đạt được; số lần còn lại, quý vị đã đến như một cách chia sẻ, nâng đỡ trước những khó khăn, bất toại mà văn bút gặp phải. Sự có mặt của quý vị không những đã vượt quá cái giới hạn của người khách hiện diện mang tính hình thức trong giao tế cộng đồng, mà quý vị đã đến như những người bạn, những người trong cuộc đầy cảm thông. Chúng tôi trân trọng tình cảm của quý vị và cho phép chúng tôi được dùng một danh xưng, mà với chúng tôi, thân quý và trân quý nhất: Thân hữu.

“Thưa quý vị, cảm xúc của chúng tôi không dừng lại ở đó. Là thân hữu, chúng ta có thể gặp nhau chỗ này chỗ khác, nói với nhau chuyện nọ chuyện kia, nhưng chúng tôi tin chắc rằng quý vị sẽ không đến với chúng tôi trong những lần sinh hoạt chính thức mang danh văn bút nếu như quý vị không biết chắc rằng chúng tôi không phải là một nhóm người, đến với nhau để “ngâm hoa vịnh nguyệt, buồn gió khóc trăng” cho qua ngày đoạn tháng của chuỗi đời lưu lạc. Quý vị cũng sẽ không đến nếu như quý vị không biết, chúng tôi đang tận lực để cố làm một chút gì, cái chút gì đó có thể hiểu nôm na như một thi hữu của chúng tôi đã nói:

*Nếu không chuyển lửa vào thơ được
Tôi sẽ cho thơ vào lửa ngay.*

“Thưa quý vị, chúng ta có thể đang sinh hoạt trong nhiều lãnh vực khác nhau, nhưng tôi tin trong lòng mỗi quý vị, cũng như chúng tôi, đều đang ánh lên một đóm lửa, đóm lửa đó có thể hiểu là những thôi thúc, những mời gọi từ tình yêu và trách nhiệm đối với tổ quốc và đồng bào mình, phải quyết tâm, nỗ lực để làm một chút gì. Từ điểm chung đó, cho phép chúng tôi dùng thêm một danh xưng nữa, mà với chúng tôi, cũng thật thân quý và trân quý: Chiến hữu.

Khi nói về Văn Bút Việt Nam dẫn đến Văn Bút VNHN, văn hữu NMAD trình bày rất rõ ràng: “Trung Tâm Văn Bút Việt Nam (Trước 75) qui tụ những tên tuổi lẫy lừng nhất, uy tín nhất và được yêu mến, tin cậy nhất của nền văn học miền Nam tự do. Từ Thanh Lăng, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Văn Trung, Vương Hồng Sển... của bộ môn biên khảo, đến Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Nguyễn Sa và hàng trăm văn nghệ sĩ tài ba khác... trong lãnh vực thơ văn đã góp phần tạo nên uy tín và tầm cỡ cho Văn Bút Việt Nam trong sinh hoạt với Văn Bút Quốc Tế. Với một nền văn học vừa mang tính chiến đấu vừa chuyển chở một tinh thần nhân bản truyền thống, sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam, lan rộng theo bước sinh hoạt của Trung Tâm Văn Bút và đã nhanh chóng tạo được một chỗ đứng vinh dự trong sinh hoạt văn học quốc tế. Đau đớn thay! Ngày 30 tháng 4 năm 1975, tiếng súng đã ngưng trong một nền hòa bình rơi nước mắt, và cùng với sự sụp đổ của chế độ tự do miền Nam, Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, tự nó, đã mất tên.

“Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, trên nguyên tắc đã không còn, nhưng tinh thần văn bút và tình yêu cũng như trách nhiệm của mỗi con dân Việt Nam vẫn luôn sống trong lòng mỗi người cầm bút, và cùng với đồng bào lưu lạc của mình, khi ra đi những người cầm đã bút mang theo cả quê hương và khát vọng sẽ vì quê hương mà dâng hiến, mà góp sức.

“Trong tinh thần như vậy, ngay từ những ngày đầu bờ ngõ của mảnh đời lưu lạc, những người cầm bút có lòng như Minh Đức Hoài Trinh, Trần Thanh Hiệp, Trần Tam Tiệp đã tìm đến với nhau, ngồi lại bên nhau và đã kiên trì vận động trong nhiều năm dài để tiếng nói của người cầm bút Việt Nam lưu vọng được thừa nhận. Như một phép màu, như một ân sủng ngoài mong ước, việc vận động đơn độc và gian khó của các văn hữu khả kính của chúng ta đã có kết quả tích cực. Văn Bút Quốc Tế thừa nhận Văn Bút Việt

Nam Hải Ngoại, chính thức trở thành hội viên của Văn Bút Quốc Tế. Đây là một biệt lệ chưa từng có trong sinh hoạt văn bút và là một thành quả rất đáng tự hào cho người cầm bút Việt Nam lưu vong, và cho cả cộng đồng người Việt trên toàn thế giới khi Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại chúng ta được nhìn nhận như một tổ chức có tầm cỡ quốc gia, sinh hoạt bình đẳng với trên một trăm năm mươi (150) hội viên khác đại diện cho các quốc gia của họ.

“Khởi đầu, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại chỉ có một Trung Tâm ở Châu Âu, sau đó đã nhanh chóng phát triển sang Úc Châu, Gia Nã Đại và Hoa Kỳ. Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ là một trong những Trung Tâm đầu tiên thành lập trong đợt phát triển này.

Nói về sự hình thành rất tích cực của VBKVNHK văn hữu NMAD nhấn mạnh:

“Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ thành lập từ tháng 7 năm 1991, với tổng số 45 hội viên, trong kỳ họp mặt đầu tiên. Đây là một con số kỷ lục rất đáng tự hào của một tổ chức tân lập. Hình như mọi người đã tự tìm đến với nhau không cần nghe theo lời mời gọi của bất cứ ai, tiếng gọi, sự thôi thúc của tình yêu và trách nhiệm luôn có trong tim mọi người cầm bút.

“Trung Tâm Văn Bút NHK đã lần lượt được điều hành bởi những Ban Chấp Hành (chính thức hoặc chuyển tiếp) với các vị chủ tịch theo thứ tự như sau: Nguyễn Đình Phùng, Nguyễn Văn Sâm, Diệp Mỹ Linh, Trần Hồng Văn, Trương Sĩ Lương, Ngô Du Trung, Phạm Ngũ Yên, Nguyễn Bửu Thoại, Huỳnh Quang Thế, Nguyễn Mạnh An Dân, Nguyễn Thế Giác, Nguyễn Mạnh An Dân. TT Nam Hoa Kỳ sinh hoạt đều đặn và có hiệu quả cao. Trong mỗi nhiệm kỳ BCH đều chú trọng việc khuyến khích và tạo điều kiện để hội viên sáng tác và xuất bản, tổ chức ra mắt sách cho văn hữu trong và ngoài văn bút, xuất bản các tuyển tập, bản tin và thực hiện các chương trình phát thanh, truyền hình về văn học nghệ thuật, tổ chức các kỳ thi sáng tác văn học. Phát triển số hội viên sinh hoạt, đặc biệt, nhắm vào thành phần trẻ sáng tác bằng nhiều ngôn ngữ. Nhận trách nhiệm tổ chức các Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại và cử đại biểu tham dự tất cả các đại hội tổ chức tại các khu vực khác v.v..

“Thật sự chúng tôi có giới thiệu Văn Bút VNHN mang tầm cỡ quốc gia, sinh hoạt bình đẳng với các Trung Tâm bạn, đại diện các quốc gia họ mang tên trong tổ chức Văn Bút Quốc Tế, đúng hay

không? Xin thưa, lời giới thiệu hoàn toàn không có ý khoa trương về tầm cỡ của một tổ chức mà chúng tôi đang sinh hoạt. Việc nhìn lại chính mình chỉ có tính cách như một lời tự nhắc nhở, tự kiểm điểm để nhận thấy là dường như mình đã đắc tội, đã phụ lòng khi không làm, hay chưa làm được những gì mà vị thế và tầm cỡ của VBVNHN lẽ ra phải chu toàn, chưa kể là do nhiều nguyên nhân tế nhị khác nhau: có thể do sự yếu kém chủ quan, cũng có thể do những đánh phá từ một thế lực hung hiểm của cả một chế độ, luôn luôn muốn cho cái gọi là hội Nhà Văn Việt Nam của họ thay thế vào vị trí của chúng ta trong Văn Bút Quốc Tế, do đó Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại thường xuyên có những xáo trộn, những tranh cãi, dẫn đến tình trạng VBVNHN có lúc được nhìn bằng những đánh giá thiếu thiện cảm và thiếu tin cậy từ nhiều người. Chúng tôi xin đơn cử hai (2) biến cố quan trọng nhất của VBVNHN:

“1) Năm 1995 Đại Hội kỳ V của VBVNHN được tổ chức tại miền Nam California để bầu cử Tân Ban Chấp Hành thay thế BCH mãn nhiệm đã hoàn toàn thất bại vì sự đánh phá của một thiểu số vô trách nhiệm. Đại hội phải ngừng lại giữa chừng và sau đó 3 tháng, phải có một Đại Hội thứ hai để hàn gắn những bất đồng và bầu BCH mới. Trong thời gian này, VBVNHN có thực hiện một tuyển tập mang tên “Trong Con Vết Vết” để chia sẻ buồn vui, để phân tích căn cứ vấn đề và kêu gọi nỗ lực kiện toàn tổ chức.

“2) Năm 2008, lại một lần nữa sóng gió lại nổi lên, lần này không chỉ là “vết vết” mà quả tình Văn Bút đang đứng trước bờ vực tử sinh khi một số cá nhân vô kỷ luật đã tường trình sai lạc nhiều sự việc, khiến Văn Bút Quốc Tế có cái nhìn rất xấu về VBVNHN, họ không khai trừ chúng ta ra khỏi tổ chức nhưng đã đặt VBVNHN trong tình trạng “dormant”, có nghĩa là chúng ta chỉ như một cái xác không hồn, chúng ta vẫn còn tư cách hội viên nhưng không được tham gia các sinh hoạt của tổ chức. Trước tình trạng này, VBVNHN lại phải tổ chức một Đại Hội Đặc Biệt để kiện toàn tổ chức. Gọi là Đại Hội đặc biệt vì trong đại hội này có đại diện được VBQT cử đến để theo dõi sinh hoạt đại hội và phúc trình những đánh giá, nhận xét để VBQT dựa vào bản phúc trình này mà có quyết định về VBVNHN. Đại hội VBVNHN kỳ VIII, được tổ chức tại thành phố Houston, Texas, với sự tham dự của các đại diện VBQT đã thành công tốt đẹp. Hai bản phúc trình từ hai quan sát viên đại diện VBQT đều đánh giá cao về tổ chức

VBVNHN và văn bút quốc tế đã quyết định cho phục hoạt VBVNHN. Chúng ta trở lại sinh hoạt bình thường trong sinh hoạt VBQT.

“Thưa quý vị, cả hai Đại Hội VBVNHN quan trọng nhất, mang tính sống còn của tổ chức VB đều do VBNHK tổ chức tại thành phố Houston (Hữu Tâm) của chúng ta (Riêng Đại Hội kỳ V lần hai, bầu Ban Chấp Hành, trên danh nghĩa do TT Canada trách nhiệm nhưng họ đã nhờ TT Nam Hoa Kỳ phụ trách việc tổ chức Đại Hội tại Houston, Texas)

“Thưa quý vị, vì sự tế nhị của vấn đề, chúng tôi không tiện nói rõ TTVB Nam Hoa Kỳ đã nỗ lực như thế nào, đã làm điều gì để đưa đến sự thành công trọn vẹn của cả hai kỳ Đại Hội; tuy nhiên, trong thâm tâm chúng ta chắc chắn đều hiểu, không phải vô tình ngẫu nhiên mà Đại Hội Đồng VBVNHN lại tin cậy và ủy thác cho VBNHK trách nhiệm giải quyết những sự việc tương như bất khả để cứu vãn và nâng cao uy tín của VBVNHN. Chúng tôi nhắc lại hai sự kiện này vừa để chia sẻ một chút buồn vui với nhau, vừa như một lời cảm ơn muộn màng gửi đến quý vị, bởi lẽ một trong những lý do không kém quan trọng khiến chúng tôi tự tin nhận lãnh nhiệm vụ, vì chúng tôi biết hành trình của mình không đơn độc, bên cạnh nỗ lực của chúng tôi luôn luôn có quý vị và chính quý vị đã góp một bàn tay, góp những tấm lòng để giúp gia đình Văn Bút ôn cố và phát triển, xin cảm ơn quý vị.”

Khi nghe hết bài diễn văn của văn hữu Nguyễn Mạnh An Dân mới thấy các bậc chú bác anh chị trong tổ chức Văn Bút đã âm thầm, công khai, chiến đấu dũng cảm, kiên trì như thế nào để cho ngôi nhà VBVNHN được đứng vững cho đến hôm nay. Là một người trẻ tuổi, thế hệ thứ 2, sống trên đất người, nhất định sẽ nói gót cha chú để gìn giữ ngôi nhà văn hóa này như một bảo vật rất được trân quý bằng tất cả con tim và khối óc.

Sau bài diễn văn (ứng khẩu) khá dài, nhưng rất súc tích, của văn hữu NMAD, chương trình văn nghệ được mở màn do MC văn hữu Hoài Niệm dẫn chương trình với bài thơ vừa mới sáng tác của thi nhạc sĩ Huỳnh Công Anh “không thể ngồi yên”, bằng giọng ngâm của văn hữu Chi Huệ và giọng đọc thơ trầm hùng của văn hữu Trương Sĩ Lương. Nội dung bài thơ, rất có hồn, được sáng tác ngay sau cuộc xuống đường chống Trung cộng xâm lăng của đồng bào quốc nội tại Saigon, Hà Nội vào ngày 9-12-2012.

Không thể ngồi yên

Sáng nay tim nhói, ruột như cắt
Dân Việt vùng lên chống xâm lăng
Bạo quyền Việt Cộng, ra tay đàn áp
Ôi đau thương, ôi ô nhục vô ngần

Sáng nay nước mắt sao nhiều quá!
Nhỏ xuống đời, ràn rụa trong tâm
Lũ Dững, Trọng, Sang, sao hèn cả
Quốc Hội đâu? Đâu quân đội nhân dân?

Chiêu Thống năm xưa, dâng bán nước
Muôn đời lịch sử mãi ô danh
Giặc Hán, Minh, Thanh, quân xâm lược
Quên rồi sao? Đống Đa, Vạn Kiếp, Bạch Đằng

Lũ Đại Hán lúc nào cũng dòm ngó
Hề chi nguyên tử với đạn bom
Hào kiệt phương Nam, hiên ngang còn đó
Xác chúng mày, no miệng cá biển Đông

Sáng nay ngồi đứng không yên được
Tổ Quốc ơi! Nhức nhối xoáy trong lòng
Giống nòi ơi! Điều linh bao giờ hết?
Đến bao giờ lũ bán nước tan xương?

Ngồi yên, không thể ngồi yên được
Non nước đau, người cũng oằn đau
Tổ Quốc nhục, con dân đều thấy nhục
Khắp năm Châu, dấu lưu lạc phương nào
HCA (/09/12)

Tiếp theo là phần tuyên đọc bản vinh danh VBNHK của Thống Đốc tiểu bang Texas, Rick Perry, nhân dịp kỷ niệm 21 năm thành lập VBNHK, và bản Vinh Danh VBNHK của bà Thị Trưởng Thành phố Houston, Texas. Đặc biệt trong buổi tiệc còn có sự hiện diện của đương kim Chủ tịch VBVNHN, văn hữu Vũ Văn Tùng và phu nhân, đến từ California cùng các quan khách từ

xa đến mà chúng tôi không thể kể hết. Qua lời phát biểu trước cử tọa, văn hữu Vũ Văn Tùng đã không ngớt ca ngợi tinh thần làm việc rất xuất sắc của các văn hữu VBNHK nói chung: “Có đến đây mới thấy VBNHK là nơi sinh hoạt hăng say, có giao tình và thành quả tốt đẹp đối với cộng đồng và đoàn thể bạn tại địa phương. Tôi thành thật chúc mừng sự thành công của quý văn hữu VBNHK và không quên cảm ơn sự đón tiếp thân tình, nồng hậu của quý vị. Tôi rất hân hạnh khi đến đây tham gia sinh hoạt chung với các bạn”.

Cũng trong dịp này, các văn hữu lão thành thuộc VBNHK đã được vinh danh trước cử tọa và được tặng hoa, gồm: 1) Hội viên danh dự, bà Lương Y Lê Thị Thu Cúc. 2) Hội viên tình nghĩa, ông Steven Quỳnh Nguyễn. 3) Văn hữu Trần Hồng Văn, cựu Chủ tịch VBNHK. 4) Văn hữu Huỳnh Quang Thế. 5) Văn hữu Lưu Thái Dzo. 6) Văn Hữu Lan Cao. 7) Văn hữu Vô Tình. 8) Văn hữu Nguyễn Đức Nhơn. Đặc biệt, hai văn hữu Túy Hà và Diễm Nghi, có công với VBNHK trong việc điều hành Website VBNHK và báo Tin Văn cũng được ghi công trạng trước toàn thể văn hữu và quan khách.

Buổi tiệc lôi cuốn khách tham dự với nhiều tiết mục văn nghệ rất phong phú. Những bài thơ đượm buồn da diết, được nữ nghệ sĩ Hoàng Hoa cất cao với giọng ngâm rất điêu luyện, làm ray rứt tâm hồn người nghe; những tình khúc cho quê hương, những bản tình ca buồn được trình bày bởi các ca sĩ Huy Trường, Nhật Hạnh, Vũ Khoa, Khanh Hoàng, Như Ly, Thanh Diệp, Anh Việt v.v... đã được cử tọa tán thưởng bằng những đóa hoa ân tình. Một điều cần được nói là hầu hết những bài thơ hay của các thành viên trong VBNHK đã được các nhạc sĩ Nguyễn Tuấn Chương, Vũ Khoa, Nhật Hạnh... phổ thành ca khúc như một kỷ niệm đẹp với tình nghĩa anh em bạn bè. Đặc biệt trong phần văn nghệ, còn có nhạc sĩ Linh Phương và Huỳnh Công Ánh đã đóng góp hai nhạc phẩm rất có giá trị về nội dung (lời) cũng như tiết tấu âm nhạc.

VBNHK không chỉ đơn thuần là một tổ chức với những người yêu văn chương mà nó còn là nỗi khắc khoải của những tâm hồn xa xứ, những tấm lòng luôn hướng về quê hương đất nước. Họ sử dụng ngòi bút sắc bén của mình như một vũ khí để khơi dậy lòng yêu nước; và những vần thơ là lời tâm sự của kẻ xa quê mà tâm trạng không thể ngồi yên trước nỗi ô nhục của đảng CSVN — dâng đất, bán biển cho Tàu cộng.

Khi được hỏi cảm tưởng như thế nào đối với “Chiều kỷ niệm 21 năm thành lập VBNHK”, thi sĩ Lan Cao rất vui vẻ: “Tôi thấy các văn hữu trong Nam Hoa Kỳ nói chung đã và đang bước từng bước đáng khen. Đặc biệt sự hiện diện của văn hữu Vũ Văn Tùng, Chủ tịch VBVNHN, không những chỉ nói lên tình đoàn kết giữa những người cầm bút trong giai đoạn hài hòa của VBVNHN, mà nó còn là một điểm son đáng ghi nhận, có thể nói là tấm gương soi cho thế hệ nối tiếp như cô Diễm Nghi đây. Xin có lời khen, cô hát và ngâm thơ làm tôi xúc động.”

Tôi ngưỡng mộ sự nối kết chặt chẽ của các anh chị VNNHK vì họ đã dành thời gian cùng nhau sinh hoạt hàng tuần. Họ không chỉ đến với nhau vì đam mê văn học, mà còn chia sẻ nỗi buồn tha phương của những tâm hồn lưu lạc xứ người. Phải chăng đó là niềm tin vào sự tồn vong của nền văn hóa Việt như câu: “Tiếng Việt còn, nước Việt còn”. Từ phương xa về, tôi như một cánh chim tìm về tổ ấm. Tổ ấm VBNHK với bao tấm lòng thương yêu, trù mến, khiến tôi tự nhắc nhở lòng mình phải tiếp tục noi gương, đóng góp cùng anh chị VBNHK nói riêng, và sự tồn vong của nền văn học Việt Nam Nhân Bản nói chung.

Ngày qua ngày, tôi vẫn đắm đuối với ngôn ngữ mẹ của mình, dù đang mưu sinh trên mảnh đất không là nơi chôn nhau cắt rốn, nhưng tiếng Việt thân thương, phong phú của tôi vẫn còn đó, hiển hiện qua những vần thơ, nốt nhạc. Thế nhưng, quê mẹ của tôi bên kia bờ Đại Dương vẫn còn mãi ngất nghèo, ngất ngưỡng trong ô nhục đau thương. Nghĩ đến đó, mắt tôi chợt cay cay! Trên đường về hun hút mờ xa... tôi chợt nuối tiếc những kỷ niệm của buổi tiền đại hội hôm trước ở quán Phố Núi. Đó là những vui, buồn, ưu tư khi sinh hoạt với các anh, chị, các chú văn hữu Nam Hoa Kỳ. Tôi chợt hiểu, thì ra chuyến đi nào cũng có nhiều kỷ niệm để mà nhớ, để mà tiếc!

Diễm Nghi



Vũ Văn Tùng và phu nhân (ngồi áo đỏ) Yên Sơn,
Nguyễn Mạnh An Dân, Kê thi hoài niệm



Nguyễn Chính Kết - Trương Sĩ Lương



Nguyễn Mạnh An Dân
Như Phong



Giới Tiêu Tin Văn
(Phu nhân các văn hữu phụ trách)



Từ trái sang phải Hàng đứng : Lê Hữu Minh Toàn, Yên Sơn, Huỳnh Quang Thế, Túy Hà, Phạm Tương Như, Nguyễn Tuấn Chương, Lê Hữu Liêu, Lưu Nguyễn Từ Thức, Hàng ngồi : Cù Hòa Phong, Vĩnh Tuấn, Mây Ngân







KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 22



Phóng sự của VOA
Nguyễn Phục Hưng thực hiện
Phát thanh thứ Tư, ngày 25 tháng Tư năm 2012



*"Mắt rung rung lệ cờ vàng
Tiếng hô xé nát ruột gan
thân này,
Hạ kỳ súng bắt đều tay,
Xin chào đất nước lần này
nữa thôi"*

Đó là những vần thơ của nhà thơ Nguyễn Tư, cũng là một cựu quân nhân của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, đã viết trong giờ phút cuối cùng của miền Nam Việt Nam ngày 30 tháng Tư năm 1975 nhìn lá cờ thân yêu được hạ xuống, trước khi miền Nam thất thủ. Và đó cũng là lời mở đầu cho bài nói chuyện *"Thơ Nhạc Trong Tủ"* của

nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân trong chương trình thơ nhạc đặc biệt *"30 Tháng Tư, Một Ngày Nhìn Lại"* do Văn Bút Nam Hoa Kỳ tổ chức tại Houston, chiều Chủ nhật, ngày 15 tháng Tư năm 2012.

Trong bài nói chuyện, diễn giả Nguyễn Mạnh An Dân nhắc đến những vần thơ, những bài hát của các cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa đã sáng tác trong các trại tù cải tạo, sau biến cố 30 tháng Tư 1975. Những sáng tác nói lên tâm tình, cuộc sống tù đầy cũng như tâm tình với những người thân thương và với đất nước, với dân tộc của các nhà thơ Vương Quang Tuệ, Hà Thúc Sinh, Tô Thùy Yên, Nguyễn Hữu Nhật, Phạm Nam Quân... Xin trích dẫn một vài đoạn tiêu biểu.

Hình ảnh những tù nhân trong trại cải tạo phải chôn xác bạn tù dưới sự kiểm soát của cai ngục được mô tả qua bốn câu thơ của chính diễn giả:

*Hai người tù khiêng một người
Tám ny lông rách hờ đôi chân gầy
Vệ binh cầm súng quay quay
Quát: Đào cái lỗ lấp ngay rồi về"*

Và hình ảnh những người lính VNCH trước khúc quanh khắc nghiệt của lịch sử, được nhà thơ Nguyễn Hữu Nhật viết :

*"Áo quan bằng chiếu lá tù,
Chôn người lấp cả sương mù cuối năm
Chết đứng từ hồi 75
Đến nay mới chịu chết nằm đó thôi"*

Diễn giả cũng đã ghi lại tâm tình của ông về chế độ mới đang cai trị đất nước:

*"Em bé được lệnh vẽ cờ,
Tay run bưng đôi gương tô nền hồng
Máu người khô từ bên trong,
Mặt ngoài vẫn phải vui mừng vỗ tay"*

Hình ảnh Mẹ hiền vất vả thì được nhà thơ tù Nguyễn Hữu Nhật ghi lại đậm nét trong những vần thơ sau đây:

*"Chiều đi lao dịch về nhà
Thấy ngoài đồng gió thổi bà mẹ quê
Thay trâu cày dưới chân đê
Mưa thôi nặng hạt, nón mê bật vành"*

Bài nói chuyện của diễn giả Nguyễn Mạnh An Dân làm vui lòng nhiều quan khách tham dự. Tiếp theo đó, nhạc sĩ Vũ Khoa, nguyên là tù nhân cải tạo tại trại Xuyên Mộc, nhóm 520, trình bày các bài Tù Ca do chính ông sáng tác trong trại tù:

"Chúng nói về Tình Người, tôi thấy nước mắt rơi. Chúng nói về Tình yêu, trời ơi, trời ơi hỡi, người yêu xa vời vợi..."

Tuy nhiên khi được hỏi cảm tưởng của ông sau nhiều năm sống tại Hoa Kỳ, ông Vũ Khoa chia sẻ:

"Thực sự ra ở chỗ nào mà không có tiền, mà không có kinh tế nó bảo đảm cho anh làm bất cứ cái gì thì nó là nhà tù, bởi vì bị tù vì nhiều thứ lắm chứ không phải nhà tù mới là tù, chỗ nào cũng là nhà tù được cả. Thử không có tiền, không có xe, có cộ bên Mỹ anh không đi đâu được thì đó là nhà tù chứ còn gì nữa"

Đồng hương tham dự buổi sinh hoạt với nhiều lý do khác nhau. Ông Nguyễn Trần Quý cho biết ông đến vì muốn ủng hộ sinh hoạt này:

"Sinh hoạt văn hóa của Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là một điều mà người Việt chúng ta hãnh diện, hãnh diện là bởi vì có lẽ đây là một trong những tổ chức còn lại rất ít của người Việt có tầm mức quốc tế mà nó duy trì từ trước năm '75 đến bây giờ"

Nhà văn Dương Thượng Trúc đến từ thành phố Wichita, tiểu bang Kansas, cũng là một cựu sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa, chia sẻ tâm tình của ông:

"Không riêng cá nhân tôi mà có lẽ tất cả mọi người đều cảm thấy rất đau buồn trong ngày 30 tháng Tư, và trong dịp tháng Tư về... "



Và Ông Hứa Hùng một cựu quân nhân khác thì nói lên sự thất vọng của ông với nhà nước Việt Nam sau 37 năm cai trị đất nước:

"Chúng ta không đem hận thù vào dân tộc nhưng cái chế độ nó làm cho 87 triệu dân toàn cõi Việt Nam không có tự do, thành ra tôi đau buồn"



Một số bạn trẻ cũng tham dự sinh hoạt đặc biệt này. Trong khi thế hệ cha anh hoài niệm về biến cố tháng Tư 1975 thì có lẽ giới trẻ nhìn những kinh nghiệm của cha anh như những bài học lịch sử và hướng về tương lai. Một bạn trẻ tên Duyên nói lên sự khâm phục của cô trước sự can đảm của nhạc sĩ Việt Khang, là một người sinh ra và lớn lên trong nước:

"Cháu rất là hãnh diện về chú Việt Khang vì chú có thể bộc lộ cảm xúc của mình, viết ra những bài nhạc và tải lên cho mọi người biết"

Thấm thoát 37 năm đã trôi qua sau biến cố 30 tháng Tư, 1975. Thành viên Văn Bút Hải Ngoại Việt Nam- Nam Hoa Kỳ, cũng như đa số đồng hương luôn có những hoài niệm về quê hương, mặc dầu có những cách diễn đạt khác nhau.

.Nguyễn Phúc Hưng
tưởng trình từ Houston, Texas.

GIỚI THIỆU THI PHẨM **"Vòng Bay Cuối Một loài chim"** **của nhà thơ Quân Đội Lưu Thái Dzo**



Trong khuôn khổ hoạt động bảo tồn và phát huy nền Văn Học Việt Nam tại Hải Ngoại, VBNHK đã tổ chức buổi sinh hoạt vào chiều Chủ Nhật 26-2-2012 tại Nhà Hàng SAIGON MAXIM Houston TX nhằm giới thiệu thi phẩm mới “Vòng bay cuối một loài chim” của Nhà thơ Quân Đội Hoàng Huy

Năng tức Lưu Thái Dzo.

Ngoài Văn Bút Nam Hoa Kỳ, buổi sinh hoạt còn được bảo trợ bởi Hội Quán Văn Nghệ Bụi Vàng, Các Tạp Chí: Con Ong, Đất Mẹ, Sóng, Bán nguyệt san Tự Do, Thế giới và một số Hội Đoàn, Thân hữu khác.



Nhà văn Túy Hà, Tổng Thư Ký Văn Bút Nam Hoa Kỳ và Bà Nguyễn Hoan phụ trách điều hợp chương trình. Buổi sinh hoạt thu hút trên 300 quan khách đa số là các thành viên Văn Bút và Cựu tù chính trị thân quen của tác giả. Ngoài ra phải kể đến sự tham dự của các Đài Truyền Hình: BYN 57.3 Đài Van TV và Vietface TV. Mở đầu sinh hoạt là nghi thức chào quốc Kỳ trang nghiêm và long

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 28

trọng với sự tham dự của hơn 20 thân hữu ca đoàn MARIA trên sân khấu.

Sau phần nghi thức khai mạc, Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân Chủ tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ ngỏ lời Chào mừng quan khách và trình bày lý do buổi sinh hoạt. Kê đến là phần giới thiệu tác Giả do Nhà Thơ Lan cao phụ trách. Tiếp theo chương trình, Kỹ sư Nguyễn Ngọc Bảo giới thiệu tác phẩm “Vòng bay cuối một loài chim” Trong gần 60 phút, ông tóm lược nội dung thi phẩm liên quan đến ba loại tình yêu mà tác giả Lưu Thái Dzo đã diễn đạt. Đó là tình yêu đôi lứa, tình yêu Quê Hương Dân Tộc và tình yêu Thượng Đế. Ông đã hết lời ca ngợi về tinh thần nhân bản trong hồn thơ Lưu Thái Dzo.

Sau đó là phần phát biểu cảm tưởng, bày tỏ tâm tình và lời cảm ơn của chính tác giả gởi đến toàn thể quan khách. Phần Văn Nghệ phụ diễn gồm thi ca nhạc do nhóm ca đoàn thân hữu Maria trình bày đồng ca, song ca và các tiết mục đơn ca với các bài tiêu biểu như: “Và Con Tim Đã Vui Trở Lại”, “Một Lần Miên Viễn Xót Xa”... đã gây khá nhiều xúc động cho quan khách.

Về Thơ diễn ngâm, có nghệ sĩ Hoàng Hoa với bài thơ “Màu Hoa Kỷ Niệm”, Nghệ sĩ Thu Thủy với bài “Ước Nguyện”, và lần lượt là phần giúp vui của thân hữu rất đa dạng và phong phú.

Buổi sinh hoạt diễn ra trong vòng hơn 2 giờ đồng hồ nhưng đã được sự tham dự đông đảo của Quan Khách và Thân hữu là một khích lệ không nhỏ cho Ban Tổ Chức và chính tác giả Lưu Thái Dzo.



Mô hình sinh hoạt văn hóa này đang khá thịnh hành tại Hải ngoại nói chung và thành phố Houston nói riêng, rất mong sẽ còn được phổ biến và phát triển.

Tin văn ghi nhanh



văn vẻ phương nam

Chiều mở cửa
mở cho những người cầm bút
có tôi và bằng hữu thân quen
con đường nhỏ mở ra phía trước
nhỏ nhưng đầy dấu vết những bàn chân
từ cái thuở tan đàn rả nghé
hành lý qua sông là ngọn bút gói đầu
cây súng ngắn để dành tự xử
không dám cầm lên chia vào mình
đã vứt lại ở góc rừng nào đó
hay chôn sâu dưới những cống sình
chỉ hai chữ liều mình vượt thoát
thoát được rồi lại biệt xứ lưu vong
khung trời lớn trong lồng ngực nhỏ
đã chắt đầy hai chữ hờn căm
và cứ thế tiến về phía trước
biết đi đâu và sẽ về đâu.

Rất tình cờ ghé qua nhà văn bút
nhà nhỏ khiêm cung
chứa những đời chữ lớn
và trở thành khách trọ thường xuyên.
tôi gặp **phạm ngũ yên**
nửa đời chưa yên ngủ
thao thức từng đêm nhạt nụ mềm
gặp **yên sơn**
thơ như sương khói
quyện lung đèo tưởng tiếc một đời bay
và **vĩnh tuấn** thả lời ngâm như vĩnh biệt
nghe trong tim oan khóc dâng trào

giữa thâm lặng tiếng **lan cao** nghe nặng
hồn sông lam hồng lĩnh cúi đầu
nét về họ **đương** như bình minh lưu **luyến**
trên hắc tam sơn dưới bạch nhị hà
trong góc tối, người vẫn **thế giác**
nguyễn huynh ơi! đại hồng thủy vẫn còn
nghe vương vấn bạn vong niên **quang thế**
vẫn âm thầm truy lục những tàng thư
bỏ chữ tìm câu khai thông hương lộ
cho những đời dân khổ phương nam
có tiếng hát nào xa
vọng về từ đảo lạ
ai hát một mình hát miên man
dù mới ngoài sân
chưa bước vào cửa mở
nghe **an dân** mạnh dạn thét bi hùng
tâm chất ngất quanh miếu đền xiêu ngã
tiếng dương cầm như máu chảy về tìm
rưng điệu nhớ lung **linh** ngọn nến
nhớ **phương** nào giữa bóng tối lặng thình
cờ thế sự u **minh** ai biết
tính **toán** gì để nói thiệt hơn
đời thua lỗ một lần khánh kiệt
còn gì đâu **hữu liệu** cũng khó về
tôi khóc ngất và ngủ vùi trong quán trọ
những đời vẫn
như **thu** đợi **trăng** soi
cứ như gió theo mây về vội vã
hay như mây theo gió khắp phương trời
nghe râm ran người nói điều **nhơn đức**
ý vận buồn còn níu nghĩa **điểm nghi**
con tim thức và vẫn còn thôn thức
huệ chi ơi! hoa rụng lạc cung đàn
ai nâng phím
làm nghiêng đầu anh **tuấn**
nụ cười hiền tay lật giờ từng **chương**
trong điển tịch lục tìm khúc hát
phụng cầu hoàng nhớ **phạm tương như**
ơi cánh chim bằng qua **cù** mộng năm ấy

ghé khánh **hoà** như hoa giữa **phong** vân
trong trái tim có còn nghe có hát
khúc tương tư vang vọng xa gần.
có vẫn hát mặc **mây ngàn** phiêu lãng
theo bè mây lưu thủy **vô tình**
thả vần thơ nhớ trắng **huyền** hoặc cũ
khúc đường thi vẫn **vũ** cõi ta bà.

chiều mở cửa hữu tình hữu ý
như **lưu thái dzo** luôn theo gót đàn chiên
vẫn âm thầm theo vòng bay định mệnh
phảng phất buồn vui ai biết khóc cười
gương mặt lạnh **Vũ linh** đi trước
về cõi vô cùng biết có bạn văn
hay chỉ thấy những đời chữ nghĩa
không trên không dưới chỉ lưng chừng.
cửa vẫn mở
cho đời vẫn trần trở
viết cho mình và dâng hết cho đời
còn ai nhớ
những văn thần thi thánh
phiêu bạt về đâu lạc miếu đền
vẫn về phương nam đẹp như cây **trúc**
hướng **thượng** quang **dương**
ngẩng cao đầu
khách lạ **chu** du qua nhiều xứ
thụy nguyên thơ vẫn đậm tình sâu
xin đừng gác bút đau **hoài niệm**
vén nửa vầng trăng
trắng giỡn chơi.
bạn **huỳnh công ánh** về đâu nhi
đã lạc mấy năm chẳng lại nhà
đình văn ngõ trúc thêm rêu lạnh
như cánh đồng mây thiếu bình **minh**.

Mệnh mang nỗi nhớ
mờ hư ảo
khép lại trang thơ
khách thờ ơ.

tư **duy** như mực bình nghiêng đổ
hùng tâm như sóng biển trào dâng
kẻ **sĩ** thời nay hề như thể
tiếng sáo **trương lương**
vó ngựa dồn
võ thanh văn quay tròn ống kính
núi vạn hoa tô đậm sắc màu
mặc nhiều nhưng
hình thu vẫn kịp
chỉ trắng đen thôi cũng đã đòi
bên **song** cửa **an châu** thả chữ
rớt vào thơ nỗi nhớ ngậm ngùi
còn nhiều - nhiều lắm vẫn thi hữu
góp lời thêm ý nặng tình thâm
còn nhiều
nhiều lắm
quân nhân cũ
cầm bút thả hồn giọt mực đau.

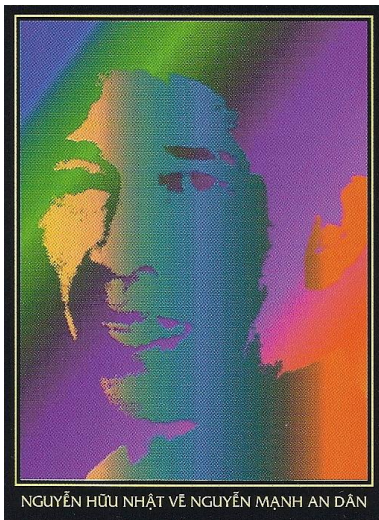
Nhưng không thể, không thể nào không nhắc
khách ghé nhà văn **vương** văn hằng đêm
chính là người đề thơ trên thạch **thảo**
thơ lặng thâm như mặt biển bình **yên**
thêm nét cọ vẽ cầu vồng ngũ sắc
vẫn lại như người quá đỗi dịu êm.
ngọn gió lạ góp thêm hương mới
yên thụy trần lòng lững bước vào thơ
còn **nguyên** đầu một thời **nhung** lụa
lặng lẽ ngồi viết giữa mệnh mông
nắng rọi qua **song**
thy vẫn mở cửa
thanh thiên bạch nhật một vàng **đương**
cứ ngỡ **như** là trong **ly** nước lạnh
có chút mặt trời ấm lạnh quê hương
thả chữ vào hồn mơ thời **cường việt**
mượn đất người tâm bút dâng đời
trời **lập đông**
nguyên huỳnh vạch ngược
rớt rượi thấp tình vung vãi một đời thơ

hào sĩ xưa nay vỗ tay mà hát
đập bàn cạn nốt một hồ trường
bên cạnh người thơ như thiếu nữ
đứng trước nhà văn vẫn ngại ngần
thy văn hương thoảng mùi **lan** đại
thạch **thảo** ý riêng một chút tình
phan xuân sinh bước cao bước thấp
tát cạn đời sông chạm đắng cay
ngậm ngùi tưởng tiếc trời ngũ phụng
chồng bút càn mây mây vẫn bay
phong **vũ** trên đầu
tiến lên phía trước
lập tân hình thức mở đường thơ
có **cải trọng ty** âm thầm kể chuyện
một dòng sông vật vờ riêng mình
đêm tái ngắt rạng ngày **hữu nhật**
cánh chim di trốn lạnh
ghé nhà văn.

Ngũ nghĩa bây giờ
như thuyền giữa bão
sóng to gió lớn vẫn không rời
cửa đã mở ngôi nhà **văn** vẫn mở
đời lưu vong biệt xứ **bút** mực còn
đất lạ phương **nam** trăm **hoa** đua nở
mượn sắc màu vẽ lại hoàng **kỳ**
chỉ mới nhắc thôi chạnh lòng ly xứ
tạp ghi thơ ghi chút tâm tình
gợi những đời văn gần xa đâu đó
“văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình”

*tôi cúi nhặt túi thơ bầu rượu
rượu cạn thơ rơi
rót ngậm ngùi
thôi đành gộp lại đời văn nát
thêm văn nói ý tận ngàn sau.*

Túy ký



Nguyễn Mạnh An Dân

Tên thật: Nguyễn Mạnh Dân - Khai sinh 1948 Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định Việt Nam

- Học: Trung Học Cường Để, Qui Nhơn. Văn Khoa Đại Học Đường Sài Gòn. Trường Bộ Binh Thủ Đức.

- 7 năm tù cải tạo

- Trước 1975 viết trên Văn, Văn Học, Nghệ Thuật, Giữ Thơm Quê Mẹ, Vận Động, Tự Quyết.

- Chủ trương tạp chí và cơ sở Xuất bản Thấp Đường.

- In thơ chung với Hoàng Thị Thủy Tiên.

- Các bút hiệu đã dùng: Nguyễn Mạnh Song Ka, Nguyễn Phạm Thái, Trần Chung Ly, Nguyễn Bình Định.

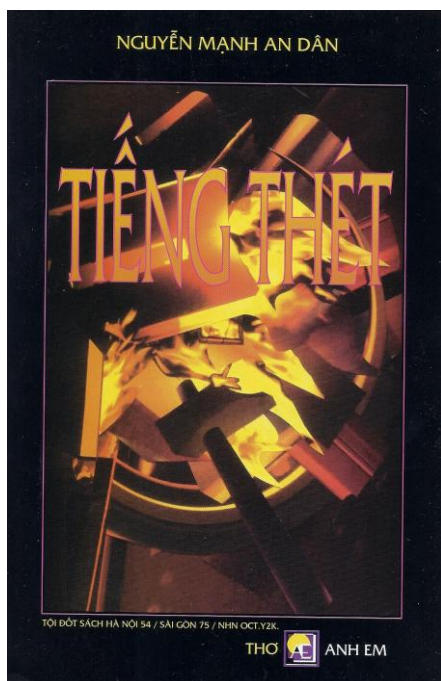
- Vượt biên năm 1989. Phụ trách nguyệt san Niềm Tin, chương trình phát thanh Cộng Đồng và chương trình phát thanh đấu tranh Chuông Tự Do tại Paulo Bidong và Sungei Besi (Mã Lai)

- Cộng tác với các báo: Đường Sống, Chính Danh, Canh Tân, Kháng Chiến (Hoa Kỳ); Làng Văn, Lửa Việt (Gia Nã Đại); Độc Lập (Đức)

- Định cư tại Hoa Kỳ từ 1993. Phụ trách biên tập nhiều Tạp Chí, Đặc San, Tuyển Tập... Sinh hoạt với VBVNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ gần 20 năm. Hai lần trách nhiệm điều hành tổ chức.

- Đã In:

- *Chuyện Hay Hải Ngoại* (nhiều tác giả), Nhà xuất bản Bình Minh (Hoa Kỳ)
- *Trông Vời Quê Cũ* (nhiều tác giả), nhà xuất bản Làng Văn (Gia Nã Đại)
- *Trong Con Vật Vỡ* (nhiều tác giả), Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại
- *Người Lính Không Có Vũ Khí*, nhà xuất bản Làng Văn (Gia Nã Đại)
- *Lan Man Ngày Tháng Cũ*, nhà xuất bản Làng Văn (Gia Nã Đại)
- *Tiếng Thét: Thơ*, nhà xuất bản Anh Em (Na Uy)



Thơ Nhạc Trong Tủ. Nguyễn Mạnh An Dân

*Mắt rung rung lệ cờ vàng
Tiếng hô xé nát ruột gan thân này
“Hạ Kỳ” súng bắt đều tay,
Xin chào đất nước lần này nữa thôi.
(Nguyễn Tư)*

Thưa quý vị.

Ba mươi tháng tư, ba mươi bảy năm trước, từ một doanh trại buồn thảm nào đó, người chiến sĩ, người nghệ sĩ Nguyễn Tư đã nhỏ lệ khi đứng nghiêm chào lá Quốc Kỳ lần cuối. Những giọt lệ buồn chắc chắn không chỉ ứa trên mắt, nghẹn trong tim của Nguyễn Tư và đồng đội của anh, mà những giọt lệ buồn thảm và bi uất đó đã ngập tràn trong lòng mỗi người Việt Nam tự do trong ngày đất nước đã ngưng tiếng súng trong một nền hòa bình rơi nước mắt. Giọt lệ buồn không chỉ ứa ra vì những buồn đau, mất mát của từng mỗi cá nhân mà nó còn tuôn tràn để tiếc thương cho cả một dân tộc và riêng cho một quân đội hào hùng nhưng bất hạnh, anh dũng mà oan khiên của chúng ta. Rồi từ những bất hạnh, những oan khiên đó, người lính, người tù miền Nam đã cắn răng lại, đã gượng đứng vững trên đôi chân của mình và trải lòng ra với chiến hữu, với đồng bào mình:

*Tôi là người lính phải đầu hàng khi còn đang chiến đấu.
Tôi là người tù bị huylu trên chính quê hương tôi.
Đã bao năm trôi qua,
Núi sông ơi bao giờ tôi quên giây phút
Khi bóng cờ ngã xuống súng buông xuôi
Chiến y buồn phơi thây trên đường phố
Kiếp tù binh khép lại đời chiến binh.
Tôi không bao giờ quên máu xương bạn bè đã đổ xuống cho
quê hương,
Tôi không bao giờ quên những hy sinh âm thầm của anh em
trong ngục tối
Khi trái tim còn nồng nàn
Khi ánh mắt còn thiết tha
Tôi xin làm người lính sau cùng ngã xuống*

*Cho những người thân yêu,
Cho anh em, cho đồng bào mãi mãi yên vui.
(Vương Quang Tuệ)*

Rất nhiều người lính, hữu danh, vô danh đã bắn đến viên đạn cuối cùng và nằm xuống ở khắp các mặt trận lớn nhỏ. Rất nhiều người lính khác, từ những tư lệnh quân, sư đoàn quyền uy đến anh khinh binh số hai nhỏ bé đã tự kết liễu đời mình để trả cái giá danh dự cho Tổ Quốc của một người lính đứng nghĩa nhưng cũng còn rất nhiều người lính khác còn sống để chia với tổ quốc những tai ương, chịu với dân tộc những thảm họa:

*Rồi từ đó quê hương ta điêu tàn
Rồi từ đó Việt Nam ta lâm than
Rồi từ đó ta sống trong đọa đầy
Trong ngục tù nghe buốt giá tim ta.*

Người lính có buồn lòng nhưng không nản lòng, bởi vì:

*Lửa vẫn cháy sáng ngời trong ngục tối
Niềm tin còn vang dậy khắp nơi nơi
Ai ngã xuống cho lời ca vang dậy
Ta hát người nghe bài hát ngục tù
Việt Nam ơi! Việt Nam ơi!
Ta vẫn sống tim vẫn còn nung nấu
Trong ngục tù ta mài sắt gươm đao
Còn hơi thở ta còn luôn chiến đấu
Còn hơi thở ta còn nuôi chí quật cường.
(Vương Quang Tuệ)*

Thưa quý vị.

Những lời nhạc tôi vừa gởi đến quý vị được viết từ trại giam Z30D Hàm Tân, Thuận Hải. Bài thứ nhất có tên là Bài Ca Người Tù Bình và bài thứ hai là Tiếng Hát Từ Ngục Tối. Những tiếng kêu bi uất và hào hùng từ trái tim người lính, người tù như một ngọn lửa, như một chất thép giữ vững niềm tin, nối chặt vòng tay của những người lính sa cơ. Nó đã khơi dậy những hy vọng, nhen nhúm một phong trào đấu tranh bền bỉ và kiên cường. Tuy nhiên, tác giả của nó đã phải trả giá cho thái độ dũng cảm của mình. Sáu tháng biệt giam với hai chân bị xiềng bằng kẽm gai còn nguyên gai nhọn đã tàn phá thân xác người chiến sĩ đáng yêu của chúng ta,

anh không bao giờ còn đi lại được bình thường như chúng ta nữa, chỉ có trái tim anh là vẫn luôn cứng cáp để chuyển lời nhắc nhở chính mình, nhắc nhở đồng đội mình, đồng bào mình một thái độ sống đáng sống:

*Xưa họ Đặng đã bao đêm dưới nguyệt
Mài kiếm linh mà nhớ chuyện quốc thù
Nay xin hỏi cả bốn phương hào kiệt.
Nhục năm nào thế đã đủ hay chưa?
(Phạm Nam Quân)*

Thưa quý vị.

Xin hãy cùng tôi nhớ lại những ngày không thể quên:

*Thiếu ăn người ta vất vưởng
Thiếu không khí người ta chết ngay,
Thiếu tự do người ta vẫn sống
Nhưng đời ngựa kéo, trâu cày.
(Nguyễn Hữu Nhật)*

Chữ “đời ngựa kéo trâu cày” tác giả muốn thể hiện bằng hai nghĩa: đen và bóng. Nói nghĩa đen vì quả thật người tù bị bắt làm trâu bò kéo cày ở nhiều trại giam trong cả nước và nghĩa bóng vì xét về nhiều phương diện, từ vật chất đến tinh thần, đời sống người tù không phải là đời sống của một con người. Hãy tưởng tượng, những người lính oai hùng và lẫm liệt của một quân đội oai hùng bỗng chốc trở thành người tù với:

*Áo bao cát, giếp lớp xe,
Bình đông nước lã kè kè bên hông
Sáng bụng đói, trưa cũng không
“Trên” kêu khắc phục làm xong vụ mùa.
(Nguyễn Mạnh An Dân)*

Người lính miền Nam đủ kiên cường để chấp nhận, đủ kiêu hãnh để ngẩng đầu, họ không bi lụy thờ than nhưng cũng có lúc chua chát, ghen cười trong nước mắt:

*Vắt oir đừng cần nữa nghe.
Chừa tao chút máu đốn tre trên rừng
Chỉ tiêu mới đạt nửa chừng
Dù tao đã hạ không ngừng quyết tâm.
(Nguyễn Tư)*

Thưa quý vị,

Tôi biết, nhiều người trong quý vị ở đây biết rõ thế nào là “tù cải tạo”, tôi biết nhiều người khác trong quý vị ở đây biết rõ thế nào là “tù cải tạo”. Tôi cũng biết nhiều người trong số những kẻ chiến thắng nếu có chút tim óc đều biết rõ thế nào là trò lừa mị khi sử dụng mỹ từ “cải tạo”. Thực chất đây là một bản án tử hình gián tiếp. Tránh cho chế độ tiếng ác hung tàn những vẫn đạt được mục đích họ muốn bằng phương cách “cho ăn thật ít, bắt làm thật nhiều và nhốt không có hạn kỳ”. Người lính sa cơ biết rõ thâm kịch của số phận mình, họ đủ kiêu hãnh để chấp nhận, đủ dũng cảm để đối đầu, họ không than vãn, trách oán gì cho chính mình, nhưng trong tận cùng tâm khảm của những chiến sĩ miền Nam, những người con hẩm hiu của tổ quốc vẫn luôn nghĩ đến trách nhiệm của mình, luôn quần lòng trước những thảm họa của đất nước mình, những bi kịch của Tổ Quốc mình, của đồng bào mình. Xin cho người lính được một lần nhớ về những người đã nằm xuống, nhớ về mẹ già, em thơ, nhớ về “một nửa của mình” như một lời tạ lỗi và tri ân.

Hãy cùng nhớ lại những hình ảnh nào lòng:

Hai người tù khiến một người

Tắm ny lông rách hở đôi chân gầy

Vệ binh cầm súng quay quay

Quát: Đào cái lỗ, lấp ngay, rồi về.

(Nguyễn Mạnh An Dân)

Rất nhiều “cái lỗ” đã được đào vùi ở Trảng Lớn, ở Cà Tum, ở Hàm Tân, ở Đồng Tháp, ở Kum Tum, ở Tuy Hòa, ở Bình Điền, ở Nghĩa Lộ, ở Cổng Trời, ở khắp các trại tù lớn nhỏ trong cả nước.

Áo quan bằng chiếu lác tù

Chôn người lấp cả sương mù cuối năm

Chết đứng từ hồi bảy lăm

Đến nay mới chịu chết nằm đó thôi.

(Nguyễn Hữu Nhật)

Người lính, người tù đã thanh thản ra đi, đã “chết nằm” để không còn phải kéo dài nỗi đau “chết đứng” nhưng còn những người ở lại, quần lòng nhìn cả một thế hệ, tương lai của dân tộc sống cảnh đọa đầy:

Bé thơ lòng trắng như bông

*Lê la hè phố trường không một giờ
Ngọc quý thiếu dĩa cũng mờ
Nửa là hoa nhỏ phát phơ giữa đời.
(Nguyễn Mạnh An Dân)*

Những đóa hoa nhỏ phát phơ giữa đời. Buồn lắm, đau lắm nhưng cũng chưa đau, chưa buồn, chưa đáng âu lo bằng cả một kế hoạch, muốn biến từng con người, biến cả một dân tộc thành những con người máy không óc không tim:

*Em bé được lệnh vẽ cờ
Tay run, bụng đói gương tô nền hồng
Máu người khô từ bên trong
Mặt ngoài vẫn phải vui mừng, vỗ tay.
(Nguyễn Mạnh An Dân)*

“Vui mừng vỗ tay”. Nỗi vui gương của em bé đói không có ngày mai có khác nào hình ảnh người lính, người tù bị buộc phải vui mừng, buộc phải “hô hô phấn khởi” tri ân những kẻ đã giam cầm, đầy đọa mình, đầy đọa cả dân tộc mình. Người tù không thể im lặng, không để đồng lõa với những trò lừa mị đáng hổ thẹn và vào những ngày cuối tháng 6 năm 1975, chưa đầy 1 tuần lễ sau khi bị lừa vào các trại giam, những người tù tại L1 T5, hòm thư 7591 trại Trảng Lớn đã chuyển miệng cho nhau một bài thơ nhỏ, rất nhẹ nhàng, rất thơ nhưng là một tiếng nói đồng đặc, khẳng quyết không chấp nhận lối nói, cách sống rập khuôn, một chiều như lời một bài hát người tù buộc phải hát: “...nếu là hoa tôi sẽ là một đóa hướng dương...”

*Dù yêu tất cả loài hoa
Sao tôi vẫn ghét nếu là hướng dương
Mênh mông trời đất vô thường
Lẽ đâu chỉ biết một phương mặt trời
Dù yêu tất cả tiếng người
Sao tôi vẫn ghét những lời nói chung.
Tâm hồn ta rộng vô cùng
Lẽ đâu ngôn ngữ đóng khung hẹp hòi.
(Nguyễn Hữu Nhật)*

Người tù không than vãn gì cho mình, nhưng đau lòng khi nghĩ về mẹ, người mẹ Việt Nam không một ngày vui thời chinh

chiến và chịu cảnh đọa đầy ngày đất nước được ca ngợi là hòa bình, thống nhất:

*Chiều đi lao dịch về nhà
Thấy ngoài đồng gió thổi bà mẹ quê
Thay trâu cày dưới chân đê
Mưa thu nặng hạt, nón mê bật vành.
(Nguyễn Hữu Nhật)*

Người tù lại úa lệ khi nghĩ đến mẹ mình, người mẹ mà:
*Ngày con rời trường gian lao đời lính,
Tóc hót ba phân mẹ cũng dâng Phật tóc mình
Con ăn nhà bàn bữa kịp bữa không
Mẹ cũng hai lần tương cà dưa muối
Con ứng chiến đêm lưng đeo dốc núi
Thức cùng con bên tượng Phật Mẹ quì...”
(Nguyễn Mạnh An Dân)*

Và bây giờ con vào tù:
*...Hỏi con chẳng biết bao giờ được ra
Ngày ngày cúng phật dâng hoa
Một bóng sen nhòa lệ nhòa thành hai
(Nguyễn Hữu Nhật)*

Rồi trái tim người tù quặn thắt khi nghĩ đến một nửa của mình, nghĩ đến những người tình, người vợ thời chiến, nghĩ đến những người như bông hoa buồn “đêm nghe tiếng đại bác” và cùng chung chịu với người thương mọi gian nan, khốn khó. Người tù nghĩ đến cô tiểu thư Sài Gòn của mình, hình ảnh tiêu biểu cho nhiều, rất nhiều những tiểu thư miền Nam, những người vợ lính, vợ tù miền Nam, mỗi ngày phải đổi 4 chuyến xe bus từ Phú Nhuận đi Bình Tây để dạy học, hàng tháng nôn nao chờ ngày được mua thực phẩm tiêu chuẩn với vài lạng thịt, lựa thứ thật nhiều mỡ, đem về thái nhỏ thắng lên, giữ phần phần tốp cho mình và dành năm ba muống nhỏ mỡ nước chờ ngày thăm tù. Nàng không than vãn buồn đau gì cho mình, nhưng luôn chia với người thương nỗi đau về cơn đau của dân tộc:

*Cô giáo vào dạy học trò
Nhìn đâu cũng thấy buồn xo mắt người
Bài học xã hội tốt tươi*

*Đến giờ phải giảng, ngâm ngùi, lại thôi.
(Nguyễn Mạnh An Dân)*

Ôi! xin được một lần nhớ về em, chia với em nỗi đau chung:
*Đường xa nón lá bung vành
Thương em lá ngọn rau xanh bờ rào
Em về bước thấp, bước cao
Nước mưa, nước mắt lẫn vào nước non.
(Nguyễn Hữu Nhật)*

Trái tim héo úa và phiền muộn của người lính miền Nam rộn
rã nhịp đập ngày gặp gỡ hiếm hoi có được.

*Chỗ em đứng chờ anh ra
Bây giờ thiên hạ trồng hoa cúc vàng
Mỗi lần có dịp đi ngang
Nhớ em anh tưởng áo hàng lụa bay
Nhìn trời sóng mũi cay cay
Mấy năm mới được có ngày gặp nhau
Một giờ gặp mặt qua mau
Năm ba câu chuyện đầu đầu đã tàn
Tự dưng thương ghé thương bàn
Nơi em đã để cho làn hương rơi
Anh muốn kêu lên: Em ơi!
Nhớ gì nhớ đến chết người như không.
(Nguyễn Hữu Nhật)*

Rồi cũng có ngày người tù trở về, trở về với một hình hài não
lòng:

*Cô em lấp ló bên rào
Hỏi thăm anh ở trại nào về đây.
Thực tình em đâu có hay
Cứ tưởng học tập đôi ngày rồi ra
Nào ngờ khi trở lại nhà
Thấy anh tàn tạ sao mà thảm thương.
(Nguyễn Tư)*

Hình ảnh người tù có thể thảm thương dưới đôi mắt bàng quan
của người đời nhưng cho dù thế nào, nó mãi vẫn là những gì đẹp
nhất, thân quý nhất với một nửa của họ, bởi vì:

*...Người về như là mưa lũ
Tươi trên vườn hồn em khô
Người về như là ngăn giữ
Hóa đá thân em từng giờ.
Người về thấp lại ánh lửa
So giầy chơi một đoạn buồn
Cuộc đời tự dưng thấy ám
Tiếng hát xanh ngời lòng em....*
(Hà Thúc Sinh)

Người lính, người tù, những “mưa lũ”, những “ánh lửa” của một người đã tạ tình, đã luôn mơ những sum vầy với những gì không thể thiếu:

*Ta về đâu phải đi chân đất
Khắp thế gian này để gặp em.*
(Tô Thùy Yên)

Đẹp biết bao, mừng vui biết bao khi sau những tháng năm dài chia lìa nghiệt ngã là chút hạnh phúc mong manh, chút niềm vui đoàn tụ. Tuy nhiên, bóng đen của kế hoạch hồi hương, của chính sách đầy người “kính tế mới” lại tiếp tục vui đập, đẩy người tù về nơi vô định:

*Tù về con nứa hàm răng
Nghèo mua rau muống già ăn đỡ lòng
Sợ dai nên cứ lòng thông
Ngẩng cổ mà nuốt, đứng trông con người.*
(Nguyễn Tư)

Thưa quý vị.

Người cộng sản có thể đã thành công một nửa trong kế hoạch vui đập và thuần phục người tù của họ. Gọi là một nửa vì họ đã có thể làm thể chất của người tù hao mòn, sức lực của người tù cạn kiệt nhưng họ đã không thể, không bao giờ có thể tước đi ý chí và niềm tin của người tù:

*...Đời anh gắn liền đám đông
Tự do hoặc chết chứ không cúi đầu
Người mà chẳng khác ngựa trâu
Hỏi em mơ ước sống lâu làm gì
Sống hèn thà chết ngay đi....*
(Nguyễn Hữu Nhật)

Thưa quý vị.

Nhiều năm tháng đã trôi qua, nhiều biến cố lịch sử trọng đại đã xảy ra, Liên xô và các nước cộng sản Đông Âu đã lật xác, đã chuyển mình. Ánh lửa của dân chủ, tự do đã phủ tràn trên toàn vùng Bắc Phi và tỏa dài trên toàn thế giới. Những cam nín, uất nghẹn, những nhẫn nhục cam chịu đã có dấu hiệu bùng lên trên quê hương Việt Nam. Chúng ta có quyền tin tưởng một ngày không xa, chúng ta sẽ có dịp nhỏ lệ thêm một lần nữa trước lá Quốc Kỳ thân yêu của mình. Đây không phải là những giọt lệ buồn khi “hạ Kỳ lần cuối” mà là những giọt lệ hân hoan khi được nhìn thấy lá Quốc Kỳ thiêng liêng của Tổ Quốc, biểu tượng của tự do, dân chủ và nhân quyền ngạo nghễ tung bay trên khắp bầu trời quê hương thân yêu. Xin hãy cùng nhau ước mơ và hy vọng.

Xin chân thành cảm ơn những khuôn mặt trầm buồn, những ánh mắt xót xa chia sẻ của quý vị, và xin trân trọng kính chào tất cả quý vị.

Nguyễn Mạnh An Dân

Ghi chú:

- Bài nói chuyện ứng khẩu theo cảm hứng trong buổi sinh hoạt, ra mắt tập san Tin Văn và họp mặt văn nghệ “30 - 4 Một Ngày Nhìn Lại” do VBVNHN Vùng Nam Hoa Kỳ tổ chức vào lúc 2 giờ chiều, ngày Chúa nhật 15- 4 - 2012 tại nhà hàng Sai Gon Maxim, Houston, TX Hoa Kỳ

- Đường như mỗi chiến sĩ của chúng ta là một nghệ sĩ và thảm kịch của đất nước, cũng bi kịch của mỗi phận người đã là nguồn cảm hứng góp cho đời biết bao tác phẩm thơ nhạc tuyệt vời không sao kể hết. Để phù hợp với tiêu đề một bài viết ngắn tôi xin phép tạm gọi nội dung gói đến quý vị là “thơ nhạc trong tù” trong khi lẽ ra phải nói rõ hơn là “chút thơ nhạc trong tù mà tôi biết”

nguyên mạnh an dân

Chuyện đông dài

của một người cha hay Lo

Nước Mỹ là một xứ kỳ cục, chuyên làm những chuyện từng từng, không giống ai. Ngày tôi mới đến đất này, chưa kịp nghỉ ngơi cho lại sức sau nhiều năm bầm dập ở trại tị nạn; chưa quen với giấc ngủ theo giờ giấc mới đã vội hăm hở xách đầu thằng con trai 10 tuổi đến trường xin nhập học. Bà Thư ký người Mễ to như bao gạo biết tôi là người tị nạn chính trị bèn cười rất tươi, nói: Chào mừng ông đến nước Mỹ và đưa cho tôi tờ đơn ghi danh. Tôi cầm tờ đơn, nhìn thoáng qua cái tên trường mà vã mồ hôi, muốn đứng dậy dẫn thằng nhỏ đi về. Đúng là xứ hợp chủng non trẻ mới lập quốc được có mấy trăm năm có khác, nhờ “thiên nhiên ưu đãi” và nhờ “may mắn” mà giàu chứ văn chương, từ ngữ thì tệ quá; ai đòi chữ nghĩa văn hoa bóng bẩy không chọn; hình tượng lạc quan phấn khởi không chọn lại nhè Sunset mà đặt tên trường. Phải chi ở xứ bốn ngàn năm văn hiến của mình, muốn động viên thúc đẩy, muốn gởi gắm kỳ vọng vào đám trẻ mới chập chững bước chân vào trường tiểu học, ít ra cũng chọn Bình Minh, Rạng Đông hay Hùng Đông gì đó, ngời ngời ánh sáng và sức sống cho con nít nó vui, hà cớ gì lại để ra cái trường tiểu học Hoàng Hôn buồn thiu như vậy, đúng là đồ điên mà!

Tôi ngồi suy nghĩ mà râu thúi ruột, đã đành khi liều mạng xuống chiếc ghe mục, với cái máy Yanma mười mã lực cũ rích, giỡn mặt với thần chết biển Đông và hải tặc Thái là cốt kiếm chỗ tạm dung, tìm chút tự do để thở, để nói, để sống tạm và chờ ngày về, nhưng ai cấm mình lợi dụng khoảng thời gian này cho thằng con học hành đàng hoàng một chút; ra được ngoài này mà không nên cơm cháo gì thì hy vọng gì mai này giúp nước. Cũng gần rồi, cùng lắm chỉ đếm hết mười đầu ngón tay nữa là vậy tay từ giả Nữ Thần Tự Do để hồi cố quốc chứ lâu la gì nữa mà rề rà. Hơn nữa, thằng con đối với tôi đâu phải “người phạm”, từ ngày “Tháng Tư Gãy Súng”, vào tù làm bò kéo cây ở Hóc Bà Thước, thằng cha kẻ như đẹp tiệm rồi, “ngậm một khối căm hờn trong cũi sắt” rồi, vì vậy, khi có được chút con trai; mặc dầu cháu thiếu dinh dưỡng từ trong bụng mẹ, sinh ra chỉ được hai ký một kẻ cả cái khăn lông quần mình, cháu đã được giao phó nhiệm vụ tiếp bước cha anh,

làm những điều cha nó chưa làm được. “Chiếc kiếm thiêng ly khách đã trao cho thằng con”, nó mà không xong thì thằng cha có về vùng năm chiến thuật cũng không nhắm mắt được. Chuyện quan trọng như vậy mà bây giờ thằng Sunset làm mất hứng biểu không rầu sao được.

Nói thì nói vậy thôi chứ cuối cùng tôi cũng phải nhắm mắt, miễn cưỡng điền đơn giao thằng con cho trường Sunset. Nghe nói trong học khu nơi tôi cư ngụ còn hai trường tiểu học nữa nhưng tất cả đều ở xa mà mình thì mới qua, bằng lái xe mới lấy được có mấy ngày, lại thuộc loại lái xe dễ tính, tay lái muốn quẹo phía nào thì quẹo, trước lái xe Jeep trong đồng trong ruộng, có lỗ tông gốc cây, lọt xuống mương hư hao méo mó gì thì nhờ Quân cù sửa lại, đái nhau một châu la ve là huề cả làng, còn bây giờ ở xứ này, không biết người ta chạy đi đâu mà lúc nào xe cộ cũng rần rật đầy đường, xa lộ lại chín mươi lane, chồng chất lên nhau tỏa ra tám hướng bốn phương, chạy lộn một cái là đi tuốt luốt cả ngày chưa chắc đã kiếm được đường về. Thôi thì gần gũi dù sao cũng tốt hơn, muốn Sunset thì Sunset, dễ mà, chỉ cần dặn thằng con: Mỹ nó diên khùng gì kệ nó, muốn hoàng hôn, muốn bi quan yếm thế gì kệ nó, mình Việt Nam con Hồng cháu Lạc, cứ lạc quan ngẩng cao đầu mà tiến bước, ráng kiếm một bụng chữ để có lúc dùng.

Tôi nói để tự an ủi nhưng trong thâm tâm vẫn cứ bị thằng Sunset ám ảnh, sợ nó cứ thả nổi kiểu “chiều đi lặng lẽ màn đêm dần trôi” làm hư thằng con mình nên đợi cháu đi học được vài tuần, quen quen với mọi sinh hoạt ở trường mới kêu cháu ra kiểm tra cho biết sự tình. Dù biết thằng con mình “khá lắm”, đã học Anh văn hình vẽ từ năm ba tuổi; đã được bà giáo người Úc làm việc thiện nguyện trong trại, xếp loại Top five trong lớp Streamlaine gồm toàn người lớn, nhưng tiếng Anh của mình đâu giống của Mỹ, chắc gì cháu đã hiểu được bài vở, vì vậy tôi hỏi cháu con có trở ngại gì về ngôn ngữ không? Thằng bé biết tôi lo nên cười cười trả lời: Con đọc hiểu nhưng nghe và nói kém lắm; tuy nhiên ba đừng lo, con có thầy riêng đến cách ngày để giúp con giải quyết những troubles; thầy con trước dạy trường Anh văn Khôi Nguyên ở Sài Gòn, nói tiếng Anh như Mỹ. Tôi ngạc nhiên hỏi lại: Bộ trường con đồng Việt Nam lắm sao phải có thầy người Việt? Thằng con tôi trả lời: Dạ, đâu có ba, toàn trường chỉ có con và chị em con Cyndy, nhưng con này qua lâu rồi còn em nó sinh bên này nên bọn nó nói “uy đông nít him” thành ra thầy tới chỉ để

giúp một mình con. Tôi thấy vững bụng một chút bèn hỏi tiếp: Vậy sách vở, bút mực thì sao? Cần gì nói ba mua. Thằng con tôi trả lời không cần suy nghĩ: Dạ, thôi khỏi ba, trường phát đủ thứ hết, lại cấp cho con một cái học tủ để chứa đồ, lúc nào tiện ba mua cho con cái khóa cho chắc ăn, con để bớt đồ không cần thiết lại đó, mang về hết không nổi. Tôi hỏi đến điều lo lắng cuối cùng: Còn chuyện ăn uống con thấy ra sao? ráng ăn nhiều cho có sức mà học. Thằng con tôi co tay lại, gồng người như biểu diễn cho tôi coi bắp thịt nhỏ xíu của nó và nói, giọng bắt chước kiểu phim phim bộ Hồng Kông: Ba yên chí đi, con biết tự lo liệu mà, mấy ngày đầu con chỉ ăn Hot dog và Hamburger, nó giống giống như lạp xưởng và bánh mì thịt của mình vậy mà, không no thì uống sữa và ăn dặm thêm trái cây, bây giờ con tiến thêm tới gà chiên, cá chiên, cũng na ná như đồ của mình chỉ thiếu chút nước mắm, mai một thì chắc thứ gì cũng OK.

Tôi nghe thằng con nói mà lòng thấy như nở hoa nhưng đồng thời cũng thấy thẹn thùng, hối tiếc vô cùng. Té ra mình đã trách oan cho thằng Sunset, nó lo cho thằng con mình đủ thứ mà mình chẳng những đã không có được một lời cảm ơn lại còn suy nghĩ viển vông và trách oan cho nó, bậy bạ thực. Té ra ông bà mình nói cái gì cũng đúng, tốt gỗ hơn tốt nước sơn mà, để ý làm gì mấy cái tên lẻ tẻ cho mệt, miễn sao nó ngon lành là được rồi. Stop N Go, quán bên đường, mà cái gì cũng có còn hơn Cửa Hàng Bách Hoa Tổng Hợp Trung Tâm, chữ nghĩa thì rồn ra rồn rảng mà một cây kem đánh răng cũng phải sắp hàng chờ mua theo phiếu phân phối: Nguyễn Thị Đen mà trắng trẻo đẹp để nhất định bánh hơn Bạch Tuyết mà có họ hàng với Chà Và Hynos; Kiên Trinh mà tử vi lỗ có hồng đào, tham lang ngộ triệt thì cũng dám lạng quạng lắm chứ không kiên thủ gì được. Thôi, đừng trách thằng Sunset nữa, suy cho cùng thì nó cũng đâu có tệ; hoàng hôn là giờ bắt đầu cho một đêm nghỉ ngơi thoải mái để chuẩn bị cho một ngày mới tốt đẹp mà; đúng là có ý nghĩa sâu xa!

Thằng con tôi liên tục mang về những tin vui, lúc thì nói được chọn vào đội basket ball của trường; lúc thì khệ nệ tha về cái kèn đồng có cái loa to bằng cái nia nhỏ, thối tòe tòe nói là tập thể vào music band; tuần này mang về tờ giấy xin phép đi du ngoạn sở thú, tuần khác đi viện bảo tàng; cứ như thế thời gian qua dần và thằng con tôi vui vẻ nói cười như sáo.

Tôi cũng vui với cháu được một thời gian rồi lại bắt đầu có những lo âu mới. Thôi, kiểu này không được rồi, xưa Cậu Tiễn phải nằm gai nếm mật, áo rách chân trần cùng vợ ra đồng cấy ruộng với bình dân bá tánh, chịu khó chịu khổ, nhẫn nhục phấn đấu bao nhiêu năm mới phục quốc được; Phạm Ngũ Lão trước khi trở thành danh tướng đã phải ngồi chẻ tre đang sốt bên vệ đường, trầm tư suy nghĩ chuyện nước chuyện non muốn bẻ cái đầu ra chứ đầu phải đơn giản, vậy mà bây giờ thằng con đầy đủ quá, muốn gì được nấy, cần gì có đó, đời sống dễ dàng thoải mái quá, làm sao nó hiểu được giá trị của sự phấn đấu, sức cần lao, chí tiến thủ và vân vân...

Đã đành, có ai điên gì lại không muốn con mình được đầy đủ, sung túc. Tuy nhiên vật chất khác nào một cạm bẫy nhiều thử thách, vừa như một người bạn đẩy sức nâng đỡ, vừa như một kẻ thù luôn rình rập. Biết dùng nó để bước tới hoặc khát phục nó để bị vùi dập, lụn tàn. Không khéo thì sẽ hư thằng nhỏ chứ không chơi đâu, lạng quạng có ngày nó cứ cầm đầu cầm cổ chạy theo cái Lexus, cái Acura, cái BMW, cái Mercedes và đủ thứ các cái tiện ích tiêu dùng, hiệu nào hiệu đó nức tiếng thế giới mà quên đường về chứ không chơi đâu. Không được.

Tôi suy nghĩ muốn bẻ cái đầu và cuối cùng quyết định kể cho thằng con nghe về những ngôi trường ngày cũ của mình; chuyện có vẻ lạc đề, kỳ cục nhưng tôi có lý do, làm ơn chịu khó đọc giùm và bạn sẽ hiểu tôi muốn điều gì.

@

Tôi học vỡ lòng từ trường Bình Dân Học Vụ, những năm trước ngày đình chiến năm 1954, tình hình vô cùng khó khăn, máy bay Pháp thường xuyên bắn phá chỗ này chỗ khác và lính Lê Dương liên tục càn quét vùng nọ vùng kia, không khí chiến tranh bao trùm khắp tỉnh Bình Định. Người Qui Nhơn kéo nhau đi tản cư đầy đặc các xã huyện miền núi. Trường học lớp đóng cửa, lớp sơ tán đi xa. Thanh niên nam nữ, muốn đi học phải cơm ăn cơm dỡ, trèo đèo lội suối, thức đêm thức hôm gian nan cực khổ lắm. Phần đám con nít bọn tôi thì chịu chết, trường học là cái gì chưa nhìn thấy qua, thậm chí chưa nghe nói tới nói gì tới chuyện đi học.

Tôi bẩm sinh ốm yếu, nay bệnh mai đau nên mặc dù “chàng tuổi trẻ” cũng “vốn dòng hào kiệt” nhưng đạn bom như vậy, trường trại xa lắc tí mù như vậy cho nên dù cha mẹ tôi có mong như thế nào; dù tôi có muốn như thế nào cũng đành “lực bất

tòng tâm”, chỉ biết nằm nhà và hy vọng nhờ trời cho chút “thông minh”, chần bò riết rồi sẽ giỏi. Cũng may là có cái trường bình dân cứu tôi.

Không biết là thời đó nhân cái chiến dịch gì? Nhờ cái chính sách nào mà phong trào xóa nạn mù chữ được phát động rầm rộ và triệt để lắm; mỗi phiên chợ, dân quân, du kích chặn xét đầy đường, giây thừng gây gộc hùng hổ lắm, ai không đọc được 24 chữ cái thì trối gô lại dẫn đến chợ, bắt đeo tấm bản đề chữ “ma dốt”, đi qua đi lại cho người ta nhìn. Nhiều người hết gạo, hết mắm nhưng sợ bị làm ma dốt nên đành trốn ở nhà gặm khoai mì cho thanh thân tấm thân. Hồi đó, ở thôn quê người đọc được 24 chữ cái đâu có nhiều, bắt riết nhiều quá không biết dẫn đi đâu nên chính quyền rút ưu khuyết điểm và quyết định mở thêm trường; nhờ vậy mà xóm nghèo của tôi được vinh hạnh tung bừng khai giảng một “trường 24 chữ cái” và tôi trở thành môn sinh của cái “cửa Không” lạ đời này.

Trường được dạy ở cái chòi mòng, chỗ dành cho dân quân, du kích ngủ đêm để tuần tra, canh gác gì đó. Đây là một cái chòi nhỏ, lợp bằng lá dừa, vách được trét bằng đất trộn rom, cao quá đầu con nít một chút để có thể nhìn rõ bốn phía; bên trong có một cái sạp tre đủ chỗ cho bốn năm người nằm, mặt sạp đầy những lỗ mọt và ngòi lâu, có hơi người, rệp bò ra lúc nhúc.

Giờ học được ấn định từ chạng vạng tối đến cuối canh một, nhưng đây chỉ là nguyên tắc, nó du di tùy vào nhiều phương pháp phỏng đoán giờ giấc khác nhau, có người căn cứ vào giờ gà vào chuồng, có người nhìn mức trăng non hay đầy, có người coi sao, có người chờ nghe tiếng còi tàu từ bên kia sông để đoán giờ đi học.

Lệnh đồ chữ chỉ áp dụng cho các công dân trên 18 tuổi, dưới tuổi đó, việc không đọc được 24 chữ cái coi như hợp lệ; vì vậy, lớp học của tôi chỉ gồm toàn những ông chú, bà thím, bác trai, bác gái người nào người đó con cháu đùm đê, có bà đến trường mà còn thêm đứa con ngủ trong lòng, đứa bồng trên tay, vừa học vừa cho con bú. Đàn ông phần lớn ở trần, miệng bập phả những điều thuốc to bằng ngón tay cái, nhả khói mù mịt và nói cười ồn ào, học cả tuần chưa nhớ được một chữ. Tôi là đứa con nít độc nhất muốn biết chữ cái sớm hơn qui định 12 năm và có mặt bên cạnh các bạn đồng môn vào hàng trường thượng này.

Buổi trưa ngày tôi chuẩn bị đi học, mẹ tôi lấy cái thúng kê nghiêng làm bẫy, thấy nắm thóc để dụ đàn gà bu lại tranh ăn và úp thúng bắt một con làm thịt. Hồi đó mỗi năm gia đình tôi phải đóng thuế nông nghiệp ba lần gọi là tiên thu, trung thu và thanh thu, tổng cộng trên một trăm tấn lúa hay bất cứ thứ gì có thể qui được ra lúa. Người ta không căn cứ vào diện tích canh tác hay sản lượng thu hoạch để tính thuế mà họp nhân dân bình nghị để quyết định mức độ đóng góp với lý luận là ngoài của nôi (số nông sản thu hoạch được) địa chủ còn của chìm (tài sản tích lũy được từ nhiều đời) và chính quyền phải tận thu triệt để cả hai thứ tài sản này. Vì lẽ đó, việc mua một miếng thịt, ăn một con gà hay bất cứ một miếng ngon vật lạ nào cũng có thể bị coi là phung phí, còn khả năng và mức thuế có thể được biểu quyết cao hơn. Gia đình tôi sợ lắm, tuy nhiên đây là một trường hợp đặc biệt: lần đầu tiên tôi tới trường và mẹ tôi bất kể hậu quả, phá lệ làm con gà để cúng “khai tâm” cho thằng con.

Cả buổi chiều hôm đó tôi cứ nôn nao đi ra đi vào, không phải mong đến giờ đi học mà chỉ chăm chăm nhìn vào nồi cháo gà; dầu vậy, tôi cũng cẩn thận xúc một vớ than bếp đang cháy mang ra giềng tưới nước cho tắt, lựa lấy những cục than xộp, mềm, kê được những vết đen, đậm, và lấy một miếng ván nhỏ để chuẩn bị viết bài.

Đến giờ học, người ta đốt một ngọn đèn chai, một loại phé phẩm lấy từ cây dầu trên rừng, lớp nhựa tốt gọi là dầu rái, dùng trét ghe, trét bồ, phần cặn còn lại dùng lá kê bó lại như đòn bánh tét để làm đèn. Khi đốt chất dầu cháy kêu xèo xèo, tỏa mùi khét và bốc khói nghi ngút.

Ông thầy dùng than viết những chữ mờ mờ lên một vách phen đan bằng tre cho mọi người đọc và chép lại. Thầy đúng là một lương sư đức trọng tài cao, nghe nói là một giáo học người thành phố tản cư, có rất nhiều kinh nghiệm giáo dục nên ông đã áp dụng những phương pháp sư phạm tốt nhất để cố mở mắt mở lòng cho những học trò đặc biệt, cả đời chưa biết cầm qua cây viết. Tuy nhiên, nhiều ngày trôi qua mà học trò vẫn cứ ù ù cạc cạc, tro như đá vừng như đồng, cứ mở mắt nhìn ông thầy, nhìn đám chữ mà không phân biệt được chữ A chữ B gì cả. Ông thầy bối rối, lo âu, hết biết đường mò và cuối cùng ông đành “đánh võ rừng”, dẹp hết kinh nghiệm giáo dục, khả năng sư phạm qua một bên, nhập gia

tùy tục, uyển chuyển dễ thích nghi với trình độ dưới số âm của học trò mình và lớp học của tôi vang lên những tiếng ê a:

“O tròn như quả quả trứng gà, Ô thì đội mũ Ơ thì mang râu”

“A-B-C ngồi xề xuống chằm; A- Ẫ- Ậ phải nhớ trả tiền”

Người mình vốn có khiếu thơ phú từ trong máu, cái gì có vần có điệu là dễ nhập tâm, nhờ vậy mà lớp học tôi tiến bộ rất nhanh, ít nhất mọi người cũng hình dung và vẽ ra được chữ O- Ô- Ơ và cũng biết trong đời có những chữ gọi là A - B - C; A - Ẫ- Ậ dù có thể không biết nó viết như thế nào.

Lớp học kéo dài được một thời gian, rồi phong trào bình dân giáo dục xẹp xuống, ông thầy mệt mỏi không muốn dạy nữa, học trò mệt mỏi nghỉ lần nghỉ hồi và trường đóng cửa. Tôi sung sướng thở phào tưởng đã thoát được nợ, không dè mấy ông anh bà chị bắt đầu luân phiên quần trắng nhỏ thờ chẳng ra hơi. Thầy ngoài nhiều lúc còn có chút nề nang “chú Tám” và tôi còn có thể tà tà, nhưng trong nhà chú Tám hạng bét, lạn quạng là sáng quì, tối quì nhưng cũng nhờ vậy mà chẳng bao lâu tôi xóa được “nạn mù chữ”, có thể xách thùng vôi theo ông anh đi viết khẩu hiệu vòng vòng trong xóm; đợi anh viết xong câu nào là tôi nắn nót “vẽ” ngay xuống dưới mấy chữ BTT-XTP- Ban Thông Tin, Xóm Tăng Phúc- và sung sướng nhìn “tác phẩm” của mình.

Cái số tôi vốn lận đận, đã lỡ dính vào chút chữ nghĩa rồi thì không thoát ra được, nên vừa rời trường Bình Dân, chưa kịp nghỉ ngơi gì đã bị tầu hỏa nhập ma với đủ thứ chiêu thức của mây ông anh bà chị và không lâu sau đó, cha mẹ tôi lại quyết định cho tôi đi “du học” ở một làng khác.

Lần này gia đình chuẩn bị cho tôi chu đáo lắm, trước hết, mẹ tôi lục trong rương đựng đồ thờ (đồ thờ cất giấu trong rương vì chính quyền Việt Minh không cho treo hoành phi, trướng liễn, thờ cúng rườm rà) lấy ra một bức trướng bằng vải sa tanh màu vàng, có thêu hình con công xoè cánh đủ màu, xoay tới xoay lui để tránh những chữ Hán to tướng và cắt may cho tôi một cái áo mới với nguyên con công sau lưng và mấy hàng chữ cụt đầu cụt đuôi trước ngực, trông như đồ của kếp hát bội; sau đó, mẹ tôi lục trong tủ đựng sách tập cũ lựa ra mấy quyển vở đã sử dụng của các anh chị tôi ngày trước để tái tạo thành vở mới cho tôi. Hồi đó, người ta sử dụng một loại giấy gọi là giấy rom, có lẽ được chế ra từ rom rạ bằng một kỹ thuật thủ công thô sơ. Bột giấy không mịn khiến mặt

giấy lộn cợn, thô nhám, thân giấy chỗ dày chỗ mỏng như bánh tráng thợ vụng và màu giấy vàng sậm như màu rơm khô. Mẹ tôi thương con không muốn tôi sử dụng loại giấy thấm hại này nên đã nhần nại tháo từng tờ giấy từ các quyển vở cũ, ngâm vào một chậu nước sạch. Những hàng chữ mực tím thấm nước nhoè ra, loãng dần, tan đi. Mẹ tôi cẩn thận lấy tay xoa nhẹ nhẹ lên mặt giấy, cạo rửa những chỗ còn sót mực và đem những tờ giấy đã sạch dán sát vào thân cây chuối, chờ cho giấy khô gỡ ra, xếp lại. Những tờ giấy đã bị thấm nước nhẵn nhúm, chất mực hòa trong nước loãng nhuộm màu giấy thành xám tro, giống như thứ giấy quý mấy ông thi sĩ in thơ bây giờ trông rất đẹp mắt. Mẹ tôi đóng giấy thành tập và đem ép dưới bộ phận gỗ một đêm là có thể “xuất xưởng” một quyển vở “xịn”. Mẹ tôi cấp cho tôi một đồng xu chi để gạch hàng và sai chị tôi lên gò hái một túi trái chùm mua - một loại trái rừng có nhiều hạt nhỏ như trái sung, màu tím - đem về giã nhừ, bỏ xác vào một mảnh vải cũ vắt kỹ, chắt nước cốt màu tím đặc quánh chảy ra, bỏ vào một chút muối cho nước trái cây khỏi bị thiu và đem nấu cô lại thành mực. Toàn bộ học cụ của tôi chỉ có cây thước gạch, được cha tôi nhờ thợ mộc cửa cây ba ton bằng gỗ mun, bào lạng thành loại thước một phần vuông là bóng lưỡng, ngon lành.

Đến ngày đi học, chị tôi lấy mo cau gói hai phần cơm với cá khô muối nướng vàng, một cho tôi và một như quà mướn một người bạn cùng xóm để đi học với tôi cho có bạn đường. Tôi bận áo con công, thủ mo cau cơm và cùng người bạn lội qua sông, theo tỉnh lộ sáu đi ngược về phía Vân Canh độ hai cây số, rẽ vào đường làng thêm một cây số nữa là đến trường thầy giáo Cảnh.

Trường là một nhà nhỏ bằng tranh, nằm khuất dưới tàn một cây sộp lớn, chung quanh có vườn mù u um tùm. Lớp học có mấy dãy bàn và băng ngồi được làm bằng các cây gỗ rừng, to bằng cườm tay, cong queo, u nắn được ghép lại với nhau bằng giầy lạt, giống như những băng ghé đã chiên ở các lều trại hướng đạo sau này, băng ngồi ê dít và bàn lồi lõm, đóng đũa như răng rụng. Hai bên vách đất người ta khoét những lỗ tròn vừa thân người chun vô, thông với một giao thông hào chạy ngoằn ngoèo dưới hàng mù u bên ngoài, phòng khi có bão động máy bay thì tất cả thầy trò trốn ra ẩn nấp.

Những ngày đầu tôi sợ thầy giáo lắm, thầy có họ hàng với tôi và từ nhỏ tôi đã được dạy gọi ông bằng chú. Thấy ông chú đã ớn, bây giờ lại thêm chức thầy biểu không sợ sao được! Tôi vốn

nhỏ con ốm yếu, từ nhỏ lại chưa từng bị đòn nên mỗi lần thấy ông thầy cầm cái thước gạch vuông cạnh quất chóc chóc vào năm ngón tay chụm lại, dù là tay của người khác, bộ phận bài tiết chất lỏng của tôi như hết còn điều khiển được. Tôi bị cây thước gạch này ám ảnh ngày đêm và chắc sẽ có ngày phát bệnh nếu cơ hội may mắn không đến với tôi. Hôm đó thầy về nhà tôi ăn giỗ ông bà và trong lúc ăn uống tôi tình cờ nghe thầy báo cáo với cha mẹ tôi: “Thưa hai bác, anh Tám học khá lắm”. Tôi đủ nhận xét để hiểu anh Tám chính là tôi và tiếng chú tôi vẫn gọi từ trước đến giờ chỉ là cách gọi lịch sự dành cho vai em lớn tuổi hơn theo thói quen ở quê tôi.

Tôi khám phá ra điều bí mật bằng vàng này và những ngày sau đó hùng dũng đến trường, coi như dưới trời không có ai và cái thước gạch kể như đồ bỏ. Sự thật thì tôi không bao giờ có ý “hồi mại quyền thế”, ý lớn mà coi thường thầy. Mặc dù thực tế tôi vẫn hầu như mù chữ ngay cả khi đã qua trường Bình Dân, nhưng từ nhỏ tôi đã biết “tiên học lễ hậu học văn”, “nhất tự vi sư, bán tự vi sư” và tôi đã tự hứa sẽ giữ trọn đạo sư đồ nếu như không lâm vào thế chẳng đặng đừng.

Mọi việc suông sẻ, tốt đẹp được một thời gian, tôi vốn “thông minh thánh trí” lắm mà, ba cái vắn ngược cỡ oát, oát, oan, oãn làm khó ai chứ dễ gì hại tôi được, uống miệng treo lưỡi cỡ nào tôi cũng đâu có ớn, cái thước gạch dễ gì mà đụng được tới tay tôi. Tuy nhiên cao xanh hình như “đổ kị người tài”, người ta sáng dạ như vậy mà nở lòng nào bắt phải chịu tật nói dốt. Tôi không đọc được chữ Đ, vì vậy sáng nào cũng bị bắt đứng lên khoanh tay rỗng lớn: ình ất á ỏ en, i âu ó ụng ầu au iềng (đỉnh đất đá đỏ đen, đi đâu đó đụng đầu đau điếng). Bình thường thầy rất mềm mỏng và nhẫn nại giúp tôi sửa tới sửa lui giọng đọc nhưng không biết trời xui đất khiến gì mà một bữa kia, tôi mới mở miệng được mấy chữ ình ất á... thì ông thầy nổi trận lôi đình, đập cây thước cốp cốp trên bàn. Tôi hồn bất phụ thể, bủn rủn tay chân và trong phút “thập tử nhất sinh” đó, tôi chợt nhớ tới lá bùa “anh thầy và tự nghĩ: “ta dẫu hèn nhưng cũng là nam nhi đội trời đạp đất dẫu thể thấy cảnh “đạo lý suy vi, gia phong đảo lộn” mà không ra tay can thiệp, vì vậy tôi liều mạng đứng dậy la lớn: Một cái giá bằng ba cái đánh, chú là em tôi không được đập thước hù anh. Ông thầy nghe nói ngừng đập thước. Tôi được trốn xỏ tiếp một câu chữ nho học lóm, mà tôi nghĩ là hay ho, hợp tình hợp cảnh lắm dù chỉ hiểu đại khái ý nghĩa: đồ “mục vô tôn trưởng”.

Cuộc “cách mạng” của tôi chỉ thành công giai đoạn, ông thầy tạm đầu hàng, cười cười xoa tóc thẳng anh, nhưng tới ngày giỗ vẫn ngồi mâm trên, rung đùi uống trà, riêng tôn trưởng dõm là tôi bị tôn trưởng thứ thiệt là ông anh cả tôi bắt gọi một buổi chiều vì tội “mục vô tôn trưởng”. Anh tôi giải thích, mặc dù vai vế nhỏ nhưng phần vì lớn tuổi, phần là thầy, nên chú em tôi đã từ “kẻ hạ” biến thành tôn trưởng, Cũng may anh tôi chỉ bắt gọi chú em là thầy, nếu anh ấy bắt gọi là ông trời chắc lúc đó tôi cũng sẵn sàng: Dạ, ông trời, ngay. Quyền huynh thế phụ mà, tôi đã làm cách mạng để bảo vệ gia phong đâu thể tự mình không tôn trọng được.

Duyên nợ giữa tôi và trường thầy giáo Cảnh không bền, những năm 1953-1954 tình hình có nhiều diễn biến phức tạp: Tin hiệp định Geneve được ký kết, người Cộng sản chuẩn bị tập kết ra Bắc. Chính quyền Quốc Gia rục rịch tiếp thu tỉnh Bình Định. Mọi thứ rối tung rối mù như vậy ai tâm trí đâu mà dạy, mà học.

Tôi hăm hở thầy quyền vờ “giấy Tây” vào học bàn, coi chiếc áo con công ra và sung sướng chạy rong theo đám bạn cùng xóm. Lúc rời trường, bầu chữ của tôi chỉ mới được một chút xiu ở sát đáy nhưng đâu có sao, đồng quê có biết bao thú vui mộc mạc nhưng hấp dẫn, thú vị hơn ba mớ vằn ngược, vằn xuôi nhiều.

Tôi lên đường xe lửa lựa lấy những cục đá xanh bằng nắm tay về đẽo gọt, mài nhẵn làm thành những hòn bi xinh xắn; ra bụi trúc lựa cây vừa cỡ chặt về làm ống thụt, lấy trái cò ke, bời lời làm đạn chia phe bắn nhau; ra bờ sông lấy mù cây sung bỏ vào ống tre, thọt mớ que tre vào kéo tới kéo lui cho mù dẻo lại, đem que tre ra cắm theo hình tam giác đầu chụm lại với nhau, bắt con dế cọt chính giữa làm mồi, chú chèo bẻo, chính choè nào tham ăn, sà xuống đứng trên que tre chuẩn bị bắt dế là mù sung sẽ níu chân ngay, càng dẩy dụa, đập cánh càng dính nhiều, phe ta chỉ việc chạy ra chụp cổ. Buổi chiều tôi thường lăng xăng chạy ôm bã mía cho mấy ông anh bỏ đuốc, cố gắng đóng góp công sức và chứng tỏ sự có mặt để ông anh nhớ tới và hạ lệnh cho theo cầm đút đi soi cá. Nước sông trong vắt và mát lạnh, những chú cá ngừ có cái chấm đen giữa bụng, cá lúi với cái miệng chum chum có duyên như con gái răng khềnh, thấy ánh đuốc là loè mắt lơ dờ. Tội nghiệp mấy em cá ngây thơ vô tội đâu biết cường địch đang cận kề, chỉ cần ụp cái nôm xuống nhốt mấy em lại, thò tay vào nắm cổ như lấy đồ trong túi.

Tôi chơi đùa vui vẻ như vậy đâu cần biết là đã có nhiều thay đổi; chính quyền Quốc Gia đã được thiết lập, vận hội mới đã được mở ra, khí thế mới đã bùng lên và tôi lại “bị bắt” đi học. Lần này trường tôi có tên là Tiểu Học Phước Thành đang hoang và học trình coi bộ giai găng, gian lao lắm chứ không đại khái chơi chơi như mấy lần trước đâu. Tôi được sắm áo sơ mi vải Popline, quần sọt Dagron, bút máy hiệu Caolo và nhiều tập vở bìa con gà có gáy viền đen, giấy trắng, đường lề đỏ và hàng kẻ ngang, kẻ dọc thẳng tắp. Trước bìa có cái nhãn ghi tên trường, tên thầy, tên trò, môn học, niên khóa với một bông hồng nằm ngang phía dưới rất đẹp. Tôi cầm mấy quyển vở vừa mừng vừa thấy nhói nhói trong lòng, giấy nhiều như vậy học đến bao giờ mới hết.

Mẹ tôi nói con ráng học giỏi muốn gì mẹ cũng cho. Tôi nghe mẹ nói buồn đứt ruột nhưng cũng gượng cười như hưởng ứng để mẹ vui mà trong bụng thì nghĩ: đã đi học còn vui thú gì nữa mà muốn và tôi nghĩ cách “tìm tự do”. Đêm trước ngày đến trường, tôi nằm nghe cái đồng hồ quả lắc kêu cóc cách, cóc cách và cảm thấy thời gian đang qua dần, lạnh lùng, khủng khiếp vô cùng. Túng quá hóa liều, tôi bắt đầu rên rỉ và thỉnh thoảng ú ớ mấy chữ không đầu không đuôi như người bệnh nặng mê sảng nói mớ. Thông thường, mỗi khi trái gió trở trời tôi có bị ảm đầu sổ mũi gì thì suốt đêm mẹ ngồi cạnh giường, lúc nào thức giấc tôi cũng thấy mẹ nghiêng người như muốn ôm lấy tôi, sưởi cho ấm nếu tôi bị lạnh và sốt độ nóng nếu tôi có nhiệt độ cao. Lần này tôi quyết “bệnh nặng” để hy vọng mẹ tôi sẽ can thiệp cho tôi được ở nhà nhưng đợi mãi mà không thấy mẹ tôi nói gì, tôi buồn rầu, tủi thân, ráng “mê sảng” thêm mấy lần nữa vẫn không kết quả gì và mệt quá đành chịu ngủ tạm, nhưng sáng dậy ý chí “tranh đấu” lại bùng lên mãnh liệt.

Tôi ngoan ngoãn thay quần áo, ôm sách tập theo chú người làm đi học nhưng đợi lúc ông ta sơ ý, tôi nhảy tòm xuống ruộng lặn qua lặn lại cho lắm bộ đồ, hy vọng câu giờ, trễ học để nghỉ. Sự thật tôi cũng khổ tâm lắm, từ hồi cha sinh mẹ đẻ, mang thân con địa chủ, kẹt trong vùng cộng sản, bị đấu lên tố xuống, ăn thiếu mặc rách, lần đầu tiên trong đời tôi có được bộ đồ mới đẹp như vậy, nhưng thú vui với bạn bè trên đồng hấp dẫn hơn lớp học nên tôi đành cắn răng hy sinh bộ đồ.

Tuy nhiên, mọi nỗ lực của tôi đều vô ích, chú người làm dẫn tôi về nhà báo cáo tình hình, cha tôi trợn hai con mắt tròn vo

như ông Trương Phi, mẹ tôi nói: Học bằng cái đầu chứ đâu phải bằng quần áo, thay đồ cũ đi tiếp. Tôi hoàn toàn hết hy vọng, bà tiên hiền diu là mẹ tôi thường ngày vẫn bảo vệ tôi, có việc gì khó khăn kêu mẹ là được cứu còn mau hơn kêu trời, thậm chí có lúc đi đường bị máy bay thả bom, mẹ tôi còn dám nằm đè lên trên để đỡ mảnh bom đạn cho tôi mà lần này bà cương quyết không động lòng, lạnh lùng nạt tôi cho mấy ông thầy thì nhất định không còn phép lạ nào cứu tôi được nữa. Thôi, mẹ tôi đã muốn thì nhất định không phải việc xấu cho tôi, đi học thì đi.

Đó là lần cuối cùng tôi sợ trường học, sau này đi lính đánh giặc, nhiều lúc tôi nhớ không khí giảng đường vô cùng, thêm được đi học đến độ nghĩ bụng nếu mai kia một nọ hết chiến tranh mà may còn sống, dù ở tuổi nào tôi cũng đi học trở lại. Dẫu sao, tôi cũng không thấy hổ thẹn hay hối tiếc gì về chuyện ngày cũ; ôi! những lêu lổng đáng yêu; những biếng nhác hồn nhiên của thời niên thiếu.

Tôi có nhiều sách vở và quần áo mới, nhờ thoát ách thuế nông nghiệp gia đình tôi đã tương đối hồi sinh nhưng quê hương tôi thì chưa. Chính quyền Quốc Gia đã đem hơi thở, sinh khí nhưng nhất thời chưa thể đem được phần vinh đến cho một vùng đất chết mới vừa hồi sinh. Trường tôi có ba lớp mà phải học tạm bợ ở ba nơi khác nhau với đủ thứ khó khăn, thiếu thốn. Học sinh đủ thứ trình độ, đủ thứ tuổi tác; có anh chị đã mười sáu, mười bảy; có người đã lập gia đình cùng ngồi chung với đám nhóc miệng còn hôi sữa như bọn tôi và cùng cố gắng vươn lên.

Lớp tôi có ba đội: Đội Voi, tiếng reo là mạnh cho các anh chị lớn tuổi; đội Hồ - hùng cho lớp trung trung; phần tôi, trước sau mấy năm ở trường chỉ được ở đội Sóc - nhanh nhưng đúng là “tài không đợi tuổi”, tôi thuộc loại ngon lành nhất lớp. Trường có hai “chức vụ” quan trọng đều trông cậy cả vào tôi: Ôm sổ điểm danh, sổ điểm cho thầy và đánh trống báo giờ ra chơi và giờ vào lớp. Nói thật, ở đời chắc không có chức nào oai hơn hai chức vụ này nên tôi khoái lắm và hết mình chu toàn nhiệm vụ, đau ốm bệnh hạn gì cũng nhất định đến trường để ôm sổ và đánh trống.

Cuộc đời của tôi ở trường Tiểu học Phước Thành sẽ hoàn toàn vui vẻ, thoải mái nếu như không có hai môn Pháp văn và thủ công hại tôi. Hồi đó không biết do lệnh ai mà bắt đám con nít chưa thông tiếng Việt học thêm tiếng Pháp. Ông thầy tôi kiếm đâu được một quyển sách Pháp có vần có điệu giống như Tam tự kinh và bắt

chúng tôi học thuộc mỗi ngày mười tiếng ngữ vựng, nếu không thuộc sẽ bị phạt mỗi chữ sai một roi mây hay một quạt lộ trã rang lên mặt. Đại khái bài học như thế này: Lơ siêng- con cho, lơ sa-con mèo, la pót- con heo, ca na là vịt, vi ăn đờ là thịt, lê giùm là rau vân vân. Chữ gì đâu mà lúc lơ lúc la, lại không có huyền sắc nặng hỏi ngã gì cả làm sao viết. Tôi ớn môn học này lắm và lúc nào cũng lăm la lăm lét thủ cái đuôi trống, gặp khi cần quá mà thầy bạn dò bài không để ý là tôi liều mạng nhảy ra ngoài, xô trống cho ra chơi sớm để cứu mình và cứu anh em.

Dù sao, chữ nghĩa có khó đến đâu học riết rồi cũng biết, chỉ có những kỹ năng cần đến sự khéo léo của đôi tay là vượt quá sức tôi. Tôi vốn trời sinh đã lóng cọng, vựng vè; lại được mẹ cưng từ nhỏ, cầm cái dao gọt xoài còn bị rầy vì sợ làm đứt tay nói gì đến chuyện chẻ tre, vót nan, vót lạt. Những năm đầu môn thủ công chỉ chú trọng đến phần nặng tượng nên vui lắm, đến giờ cứ mượn có lấy đất sét chạy tuốt ra sông, bơi lặn nghịch phá đã đời, gần hết giờ mới quơ đại một nắm đất sét, nặng tới nặng lui muốn ra con gì thì ra; về sau, bài học chuyển sang phần làm đồ gia dụng, vót dừa bếp, đan rổ, đan trệt. Tới lúc này thì tôi chịu chết và từ đó bao nhiêu cà rem, bao nhiêu chai nước cam chai dùi đục ngon lành nhất thời đó lẽ ra tôi được hưởng, đã phải đổ hết vào bụng các bạn lớn tuổi cùng lớp để chuyển hóa thành dừa bếp, rổ rá cho tôi. Tôi cũng đau lòng lắm nhưng không sao, miễn tránh được cái roi mây là vui rồi.

Thời gian không chậm, không nhanh, cứ tà tà như vậy mà cũng đến ngày tôi sắp rời trường Tiểu học Phước Thành, cũng có nghĩa là tôi sắp phải xa nơi chôn nhau cắt rún nghèo khó nhưng thiêng liêng, dịu hiu nhưng đầm ấm để lên tỉnh, để bắt đầu một giai đoạn mới của cuộc đời.

Tôi không có khiếu đóng kịch, muốn làm người bệnh mê sản thì mẹ tôi biết ngay là bệnh làm nũng, biếng học; muốn làm kẻ bị tai nạn ngã té thì bị chú người làm phát giác là tự nhảy xuống ruộng, té giả đồ vậy mà đã có lần tôi bị bắt đóng kịch.

Hồi cuối năm lớp nhất tôi được chọn trong số 50 học sinh đại diện cho trường Phước Thành tham gia một cuộc cắm trại của học sinh toàn tỉnh tại bãi biển Qui Nhơn. Đêm văn nghệ lửa trại có chấm điểm thi đua trường tôi tham gia bằng một vở kịch vui có tên là “Sinh Lên Sộp Xuống”. Đây là một vở kịch cổ thọt lét người ta bằng những động tác chọc cười của một người bệnh cũng như

bằng phương pháp chữa bệnh của một ông thầy thuốc với các y cụ lạ đời như cái ống chích làm bằng cây chuối hay cái ống nghe bệnh làm bằng hai mảnh gáo dừa và giấy thừng.

Sự thật thì tôi không được chọn để đóng vở kịch này, tuy nhiên vào phút chót, “nghệ sĩ” đóng vai người bệnh, không biết do lạ khí hậu hay do sợ quá mà thành bệnh thật không lên sân khấu được và tôi bị chỉ định thay thế. Tôi tự nhiên cũng đắng miệng, phát sốt khi thầy gọi đến tên và nhất định không chịu làm kịch sĩ. Tuy nhiên, biết trò không ai bằng thầy, thầy tôi đem uy tín và danh dự nhà trường ra thuyết phục và tôi chịu thua. Cái gì chứ nói đến ba cái thứ uy tín danh dự này nọ thì tôi ưa lắm, biểu nhảy vào lửa không chừng tôi cũng nhảy nói gì chỉ sinh lên sộp xuống.

Vai diễn của tôi rất thần bí, không ai được thấy mình và mình cũng không cần thấy ai, chỉ nằm dài ra đất, đắp mền phủ đầu phủ chân, trốn êm trong đó muốn làm gì thì làm, đợi khi nào nghe thầy thuốc bảo sinh lên thì ưỡn người phình bụng lên thật cao; và khi nghe sộp xuống thì thót bụng, thu người lại càng nhỏ càng tốt. Vai diễn của tôi chỉ có vậy, sinh lên sộp xuống năm bảy lần gì đó, đợi nghe có tiếng vỗ tay là xong nọ, có thể ôm nguyên cái mền lúi vào đám đông, trốn biệt.

Kỳ trại đó trường tôi thất bại nặng nề, vở kịch do tôi đóng vai chính (vai được chọn đặt tên cho vở kịch đương nhiên là chính rồi) không có tên trong danh sách được giải dù tôi đã ráng sinh thật cao và sộp thật sát. Môn bóng đá thì trường người ta ở tỉnh, có banh bơm hơi hay ít nhất cũng banh cao su để tập luyện, còn nhà quê bọn tôi chỉ đá banh bằng trái bưởi, bằng bẹ chuối khô quần lại làm sao thắng cho được; cuối cùng chỉ còn hy vọng vào môn kéo giây vì ngoại trừ tôi vô dụng, các anh em khác đều ít nhiều có theo cha mẹ cầm qua cái cây, cái bừa nên nghĩ là mình mạnh lắm, không ngờ gặp cái trường Mai Xuân Thuồng hay Đào Duy Từ gì đó, có lẽ gồm các anh em dân biển chuyên kéo ghe, kéo lưới hay sao đó mà bấp thịch người nào người đó cuộn cuộn, trọng tải vừa thôi dứt tiếng còi, họ hê lên một tiếng là hơn một nửa đội chúng tôi đã té nhào qua phần đất địch. Đau đớn lắm nhưng không sao, niên học sắp chấm dứt và ngày thi vào đệ thất Cường Để đã gần kề, sẽ biết đá, biết vàng.

Hồi đó, đệ thất Cường Để là một giấc mơ tươi đẹp mà cũng là một ác mộng hãi hùng của tất cả học sinh tiểu học Bình Định. Làm sao để có tên trong số hai trăm người chiến thắng giữa sáu

bảy ngàn quần hào từ hàng trăm trường Tiểu học khác nhau tụ lại tranh tài không phải là chuyện ai cũng làm được. Đã có rất nhiều trường, trong rất nhiều năm, phải ngậm ngùi nhìn toàn bộ học sinh của mình chạy đôn chạy đáo ghi tên vào các lớp tư thục “tiếp liên” để chuẩn bị cho khoa thi năm tới.

Thi cử khó khăn như vậy mà đám Phước Thành chúng tôi, những thằng nhóc chân đất, ăn củ mì nhiều hơn ăn cơm gạo, năm đó đã đỗ ra được năm nam sinh đệ thất Cường Để. Nhiều năm đã qua nhưng tôi vẫn còn nhớ như in tên tuổi, hình dáng và gia thế của từng anh em một: Trần Hữu C, con ông bà giáo Hai; Lê Văn S, con bà Xã Quyền; Trần Hữu H, con bác ba Cu, Diệp Tấn T, con ông thầy Tàu bán thuốc Bắc và bánh kẹo, bút mực gần trường. Phần tôi, nếu cung khoa quyền lộc sáng hơn một chút, hoặc nếu may mắn được trời thương một chút, chỉ cần cho sáu anh em ở đầu bản ẩm đậu số mũi hay lỏng bụng chột dạ gì đó trong kỳ thi là đời tôi đã có một lần được làm thủ khoa với người ta rồi. Thực tế không được như vậy nhưng tôi đâu phải là người quá tham lam, không tự biết mình; dầu sao, mặc dù đã cố giữ vẻ “ng nghiêm và buồn”, cố đóng vai khiêm tốn, nhiều lúc tôi cũng tự cảm thấy mũi mình hình như nở lớn ra một chút; con nít mà.

Tôi hăng hái và tự tin đi Qui Nhơn với cái túi lúc nào cũng nặng nặng, đủ để mỗi sáng có thể hùng dũng gọi người bán dạo “bánh mì nóng dòn đây” mua một cái và vài đêm có thể chờ nghe tiếng gõ cóc cóc của ông Tàu xe đẩy hoành thánh mì sợi làm một tô. Đời sống tương đối đầy đủ và thoải mái. Tôi học được nhiều điều hay lạ ở trường, tôi hưởng được chút tiện nghi thành phố; tuy nhiên, dường như trong tận cùng tâm khảm, nỗi quyến luyến và niềm tiếc nhớ về những kỷ niệm ở xóm nghèo, quê cũ vẫn luôn ám ảnh tâm trí tôi và nhiều lúc, xác thân tôi bận rộn quay cuồng với nhịp sống của thành phố nhưng hồn tôi lửng lơ bay lượn theo những cánh diều, những đêm trăng, những dòng sông, những sóng lúa nơi quê nghèo ngày cũ. Tuy nhiên, tuổi trẻ luôn nghe những tiếng gọi, luôn có những thôi thúc tiến về phía trước. Hồi đó ông Nguyễn Vỹ có viết một quyển sách có tên là “Tuấn, chàng trai nước Việt” nói về những ước mơ, những hoài vọng của một chàng thanh niên anh tuấn, mong được hữu dụng, giúp nước, giúp đời. Tôi mê đọc lắm và có lúc đã nghĩ mình cũng là một thứ Tuấn, chàng trai nước Việt.

Muốn hay không, thời gian cũng cứ qua, mỗi năm tôi được thêm một đóa hoa năm cánh trên ngực áo để lên lớp cao hơn trong trường và tôi cũng cứng cáp hơn, trưởng thành hơn trong đời. Tôi lớn lên cùng thể hệ băng hữu khốn khó của mình, tôi lớn lên cùng với quê hương đang vươn vai đứng dậy của mình. Những ngày đầu của chính thể Cộng Hòa miền Nam tuyệt đẹp; một chút kỷ cương nề nếp của thời phong kiến cũ còn sót lại; một chút tự do dân chủ mới mẻ được nhen nhúm, cả dân tộc lạc quan nhìn về phía trước và quê nghèo, tỉnh nhỏ của tôi cũng lạc quan nhìn về phía trước. Bóng tối của quá khứ đã lùi xa và bước đường đi tới, dù có xa xôi, đã thấy hé nở những nụ hồng.

Tuy nhiên thanh bình và ổn cố không kéo dài, nhiều biến cố chính trị dồn dập xảy ra, tiếng súng nội thù ngày càng ác liệt; tổ quốc chênh vênh giữa cơn sóng dữ và con người trở thành nhỏ nhoi trước vận nước, bị cuốn hút, xô đẩy giữa những thảm kịch.

Tuổi trẻ chúng tôi trưởng thành trong những năm tháng đầy vinh hạnh và cũng đầy bất hạnh này. Cả một thế hệ quay cuồng với những hoan hô, đả đảo trên đường phố; vật lộn với sự sống và phút chết trên chiến trường; chia với tổ quốc những vinh quang đáng tự hào, chịu với dân tộc những tệ hại đáng xấu hổ và cứ như thế, rất nhiều người đã nằm xuống, và nhiều người còn lại để chứng kiến một kết thúc buồn, rất buồn. Người chết không nhắm mắt được, người sống không ngán cao đầu được Chúng tôi là những nụ hoa trái mùa, tàn héo ngay trước khi sung mãn nở

Tôi đã kể cho thằng con nghe về quãng đời niên thiếu tôi đã trải qua, những ngôi trường tội nghiệp tôi đã học, những cảnh sống, những không khí muộn phiền của cả một giai đoạn, gần gũi và ảnh hưởng đến cả một thế hệ. Tôi đã cố gắng khôi hài hóa mọi chuyện cho bớt vẻ thảm thương, nhưng quả tình câu chuyện tự nó đã không mấy gì là phấn khởi. Dẫu sao, tôi đã kết luận với cháu, hết sức thật lòng từ trong tận cùng tâm khảm rằng: Con biết không? Đất nước mình đã có những lúc như vậy, thế hệ ba đã trưởng thành trong một điều kiện như vậy, tuy nhiên, ba sở dĩ lặn nhàn, không giống ai tại vì ba dõ, hay mơ mộng thơ thần với thi phú lại mê đấu tranh biểu tình, thức đêm thức hôm viết biểu ngữ, quay truyền đơn, vừa học vừa chạy rong ngoài đường, chưa kịp làm gì đã phải cầm súng ra mặt trận - hoàn cảnh đất nước có lúc đòi hỏi phải như thế, ba không ân hận gì về những điều đã làm - nhưng con phải nhớ, có biết bao các bác, các chú đã thành tài, đã

hữu dụng từ những khởi đầu gian truân như vậy. Khó khăn không phải là trở lực nếu có ý chí và sống có mục đích, có lý tưởng. Bây giờ điều kiện khách quan con đã có, cái còn lại là tự chính con. Thăng bé ngồi nghe, rất nghiêm chỉnh và trân trọng.

Học khóa 1996-1997 bắt đầu với một không khí mới; không biết ở vùng khác ra sao, riêng tại trường Sharptown, học khu Harris County, lần đầu tiên kể từ ngày thành lập, học sinh được lệnh mặc đồng phục. Hôm khai giảng, thăng con tôi mặc cái áo Pull trắng có cổ, cái quần màu vàng đất và xỏ đôi giày vía hiệu Nike, mang ba lô hăm hở đến trường với dáng vẻ lạc quan và phong thái tự tin của một người quen biết và rành rẽ với học đường và xã hội Mỹ. Tôi cũng lạc quan và tự tin nhìn chú nhóc con “du học sinh Việt Nam” hớn hờ nói cười nhập vào đám bạn đủ màu da, quốc tịch ở trạm xe bus và nghĩ rằng hạt giống lép của một đất nước nghèo ở tít mù bên kia trái đất đang nảy chồi, đâm lộc ở đây và sẽ có ngày cắm rễ, nở hoa, kết trái trên quê hương mình. Tôi tin chắc như vậy.

Bảy năm đã qua kể từ đêm từ giả bầy muối đông nghẹt ở rừng được ém người để bước lên con cá lớn gần cửa Cần Giờ, thăng con tôi đã cao thêm được hai tấc và đã lớn lên rất nhiều về nhiều phương diện, có điều là khi được hỏi: Mai này lớn lên con sẽ làm gì? Bao giờ thăng bé cũng mau mắn và dứt khoát trả lời, giọng có chút đùa cợt nhưng tâm rất thật: Trở về mái nhà xưa. Cháu đã được chuẩn bị để trở về từ rất lâu trước lúc ra đi.

Thật tình, tôi đã có thể rời đất nước nhiều năm trước thực tế. Ngày tôi mới rời trại giam, nghe người ta rủ, tôi đã nhiều lần xuống Bà Rịa cho người ta lừa, bò lê bò càn ngoài sông Lam Sơn, Hải Sơn, Chu Hải, Láng Cát, chạy bán sống bán chết để tránh Công an; lãnh hàng trăm mũi gai chà là trong chân máu me lênh láng. Khổ lắm nhưng những dịp này đã giúp tôi học được một kinh nghiệm là nếu nỗ lực và thực tâm, tổ chức vượt biên dễ ợt và tôi tổ chức. Cái đầu sĩ quan tác chiến của tôi ngó vậy mà còn xài được, tôi thắng một chuyến rồi nhiều chuyến vượt biên, đưa được nhiều người đi tìm đất sống. Lần nào tiền một chuyến đi tôi cũng dùng một cái ghe mũi Thái Lan, loại ghe cao đầu, thon bụng và dài đòn, rẽ sóng rất tốt, gắn máy Kubota 13/16 chạy như gió, đưa anh em ra khỏi đèn trắng, vòng tới vòng lui chờ cho bạn bè khuất bóng mới lạng lẽ trở về.

Tôi đã sẵn sàng và có thừa điều kiện để ra đi, kệt một cái là thằng con chưa biết nói tiếng mẹ đẻ, chưa nghe được tiếng hò ca dao, chưa thấy được cảnh “mức ánh trắng vàng đỏ đi” những đêm trăng ra đồng tát nước, chưa hình dung được hình ảnh “ngồi mình trâu phất ngọn cờ lau và miệng hát nghêu ngao”, chưa biết được cái tự hào của một dân tộc nhỏ bé nhưng đã nhiều lần vùng lên đánh đuổi và chiến thắng ngoại xâm phương Bắc lớn mạnh hơn mình nhiều lần; chưa thấm được cái nghèo nhưng kiêu hãnh, cái khổ nhưng hào hùng, cái khó khăn nhưng tình nghĩa. Ngắn gọn là chưa cảm được trong hồn, chưa thấm được trong máu cái mùi quê hương, cái vị dân tộc. Nỡ lòng nào bứt thằng con ra khỏi cái nơi nó đã may mắn được sinh ra và là cái chốn nó phải mãi mãi thuộc về. Phải để cho thằng con đủ lớn để biết thế nào là đất tổ, là quê cha và tôi nán ná chờ. Mẹ cháu cũng đồng lòng ủng hộ lựa chọn này và chúng tôi bắt đầu dạy thằng nhỏ.

Bạn bè quen thân, nhiều người, trách tôi đã bắt thằng con vác cây thánh giá quá nặng. Tôi biết nhưng không còn cách nào khác, lòng yêu mến quê hương, đã đành, là một tình cảm tự nhiên bàng bạc trong mỗi chúng ta nhưng nếu thiếu sự gợi nhắc, bồi đắp, tình cảm ấy sẽ không đủ nồng, đủ đậm. Chúng tôi không có nhiều thì giờ, cháu bé có thể chưa cần học chữ nghĩa nhưng nhất định nó phải học cái đạo nghĩa Á đông, tình nghĩa Việt Nam trước khi tạm biệt quê hương. Cháu cần sự quyền luyện đủ, để luôn nhớ tới và sự ràng buộc chặt, để có thể trở về. Công dân tí hon Việt Nam, tổ quốc bảo con phải cố gắng và ba mẹ sẽ giúp con.

Thằng bé chưa nói được đủ tiếng, đã bập bẹ hát “ (Đ)ayê Bạch (Đ)ặng Giang sông hùng dũng của nòi giống, Tiên Rồng, giống Lạc Hồng, giống anh hùng Nam Bắc Trung” rồi “Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người, làm người huy hoàng phải chọn làm người dân Nam, làm người ngan tàng điểm mặt mày của trần gian, hỡi những ai gục xuống ngời dậy hùng cường đi lên”.

Cháu bưng chén bột gạo lúc, để các trưởng hướng đạo nói chuyện với cháu: “Đứng trông cơm canh giờ này, cùng nhau nắm tay, bát cơm tuy vui mà đầy, khổ cực đắng cay. Ăn trái xin nhớ người vun, uống nước nên vọng đến nguồn, bát cơm tuy vui mà đầy, khổ cực đắng cay”. Cháu sợ những người hành khất dị tướng, không được, phải nói để cháu biết: “Thương người như thể thương thân” “Lá lành đùm lá rách”.Thấy một em bé giắt người cha mù

qua đường, “Thầy Mẫn từ rất đường hiếu nghĩa” sẽ đến với cháu ngay.

Cứ như thế, thằng con tôi học yêu thương, học làm người. Thằng bé cầm cây kiếm nhựa múa may, đừng phí phạm thì giờ, cứ để cháu chơi cho vui nhưng phải nói với cháu về ông Đặng Dung mài gươm dưới nguyệt, về ông Lý Thường Kiệt phá Tống bình Chiêm, ông Lê Lợi mười năm kháng chiến, đánh cho tướng giặc phải “quì mà xin lỗi...chạy về Tàu còn vãi mồ hôi”. Thằng bé hiểu được chút đỉnh, cháu rạng rỡ hành diện về những khúc vinh sử của dân tộc, phải tiếp tục. Cháu ngụp lặn vui đùa giữa giòng nước mát, chơi với cháu nhưng phải giới thiệu cho cháu biết ông Yết Kiêu, Dã Tượng, phải cùng cháu ôn lại chiến công của Ngô Quyền chìm thuyền giặc nghẹt cửa Bạch Đằng, về đạo thủy quân áo vải cờ đào vang danh ở Rạch Gầm, Soài Mút. Hãy để cháu cỡi ngựa tàu cau, chơi trò cút bắt nhưng phải nói với cháu về Đình Bộ Lĩnh tập trận cờ lau, về Trần Quốc Toản “ Phá cường địch báo hoàng ân”, về Trần Bình Trọng “Ta thà làm quì nước Nam...”

Thằng con tôi ôm yếu lắm, từ hai ký một, nhờ bột gạo lúc Bích Chi cháu nhích từng trăm gram một, rồi lớn lên một chút cháu sống bằng cơm hầm gạo mục tiêu chuẩn phùng khóm nhưng không sao đâu, mặt thịt thân mỡ làm gì, miễn sao có khối óc đủ cứng, trái tim đủ nồng và tấm lòng đủ rộng là được rồi. Ráng lên, thằng con, học sử mệt rồi thì hát lên đi, ngâm thơ đi, muốn ông Nguyễn Công Trứ “Kinh luân khởi tâm thượng” cũng được; muốn ông Yên Thao “ông quân nâu đã vá mụn giang hồ, chấp tay súng ta mơ về Nguyễn Huệ” cũng được; muốn ông Quang Dũng “Đôi mắt người Sơn Tây, u uẩn chiều lưu lạc” cũng được; thậm chí muốn cổ một chút, muốn chia xẻ thời vàng son của cái nô văn hóa Đông phương “Chúng diêu cao phi tận, cô vân độc khứ nhàn...” “Thương nữ bất tri vong quốc hận, quá giang do xướng hậu đình hoa” cũng không sao; có điều là muốn gì thì muốn, nhưng đừng bao giờ quên hai bản tuyên ngôn độc lập ngời ngời khí thế và chất ngất tự hào của dân tộc: Nam quốc sơn hà Nam đế cư của Lý thường Kiệt và Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, nhớ nhé, thằng con.

Lịch sử chúng ta đâu chỉ có những anh hùng, ba mẹ sẽ thiếu sót và đắc tội lắm nếu như không kể cho con nghe về các anh thư, liệt nữ: Hãy nghe me nói về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Bà Bùi thị Xuân và gần đây thôi, Cô Giang, Cô Bắc. Học đi rồi theo ba về

nội chơi. Trong sáu năm, tôi đã đưa cháu từ Nam ra Trung nhiều lần, cái tuyến đường có bảy trăm cây số ấy nhiều khi phải đi trong hai ba ngày, ngủ đường ngủ sá, chịu nóng chịu lạnh gian nan cực khổ lắm; còn cái đoạn đường từ Qui Nhơn về xóm nghèo Tăng Vinh của tôi nữa, mười chín cây số chứ có xa xôi gì, vậy mà phải chuyển từ xe hàng chật cứng, qua xe Lam cá kèo và lội sông, đi bộ nữa, khổ lắm nhưng thằng con tôi rất vui, chưa bao giờ cháu có ý than van hay giấu cợt về sự nghèo nàn, lạc hậu của quê hương mình mà luôn nhắc đến với lòng ngậm ngùi, chia xẻ. Cháu hồn nhiên chạy chơi trên đồng, mình trần chân đất nhảy tồm xuống sông; lang thang đi hái chà là sim núi trên gò; ngồi chồm hóm trên phản gỗ ăn cơm gạo giã bằng tay; húp canh lá giang, lá bác bờ rào; nghe bà nội kể chuyện con Tấm con Cám, Thạch Sanh Lý Thông, theo anh em bắn bi, chơi vự. Tôi vui mừng và an tâm lắm.

Xong rồi, người bạn trẻ đã có tạm tạm một chút trang bị tinh thần đủ để có thể chu du thiên hạ một thời gian, tu luyện thêm “công lực” chờ ngày về “hiến thân dưới cờ”. Chúng tôi hân hái dẫn cháu xuống tàu vượt biển dù có biết đảo đã đóng cửa và mọi người phải bị thanh lọc. Đâu có sao, thứ thiệt mà. bảy năm tù, không hộ khẩu, không chứng minh nhân dân, đủ chưa, làm ơn phân loại lẹ lẹ giùm cho tôi lên đường. Tôi đã nghĩ như vậy nhưng thực tế không phải như vậy, người anh em lạnh lùng ngoảnh mặt, bộ máy thư lại nhúc nhích từng bước một và cái mà tôi gọi đơn giản là phân loại phải bốn năm sau mới đụng đến hồ sơ của tôi. Đau thật nhưng cũng không sao, tôi đã nói là người bạn trẻ chỉ mới được trang bị tạm tạm thôi mà, hãy để cái xóm nghèo Việt Nam ở Bidong; cái cuốn rún nổi dài cuối cùng của tổ quốc ở xứ người này dạy thêm cho cháu.

Thằng con đến trường học, thằng cha vượt thẳng thớm bộ đồ quá khổ khối xã hội cấp phát, cạo râu, chải tóc, đóng vai “nhân sĩ cộng đồng” đến gặp cố vấn người Úc, trưởng phòng người Mã và hiệu trưởng người Việt để giải thích ý nghĩa, phân tích lợi ích và thuyết phục các giới chức có trách nhiệm ghi phần “Lời hay ý đẹp” vào chương trình giảng dạy ở tất cả các lớp bậc tiểu học và trong suốt nhiều năm ở Bidong, thằng con tôi cùng bạn bè của cháu đã được nuôi lớn bằng lời hay ý đẹp như cha mẹ nó và thể hệ chú bác của nó đã từng được nuôi lớn bằng nhật tụng nhiều năm trước.

Năm năm đã qua, thằng con tôi có được cái chứng chỉ tiểu học song ngữ, một chút thơ phú và tục ngữ ca dao, một ít nhạc khúc đấu tranh, một ít lịch sử, một ít gương sáng cổ kim, một ít kinh nghiệm khó khăn thiếu thốn cộng thêm hai bộ “kinh điển” Tâm Hồn Cao Thượng và Dưới Mái Học Đường nữa là ngon lành. Thằng nhỏ vững vàng như một “cao tăng đắc đạo” không sợ bị ngoại cảnh chi phối, tôi an lòng dẫn cháu tới Mỹ.

Tôi xin gởi lời thực tâm cảm ơn quý ông thi sĩ, nhạc sĩ, quý vị đã giúp tôi dạy thằng cháu, giữ cho cháu chút hình ảnh quê hương, nuôi cho cháu cái tình tự dân tộc. Một câu hát, một ý thơ, đôi khi, có giá trị bằng nhiều lời nói: “Dù nơi xứ người lựa là phủ thân, nào hơn quê ta muôn đời hoa gấm, nam nhi bầy thước tay súng với tay cờ, lời nguyện xưa vang trong tim ta rực lửa”. Thằng con tôi vẫn thường hát khúc ca này và những khi đó, mặt cháu rạng rỡ nhưng hai mắt mơ màng như đang “mơ làm người Quang Trung”. Có lần cháu dành nguyên một sáng Chúa nhật, nắn nót viết gởi cho bà cô bên nhà một bài thơ dài của Trần Trung Đạo, cháu thuộc hết nhưng tôi thì không được như vậy, chỉ nhớ đại khái là:

Tôi mơ ước mai này khi thức dậy,
Bỗng thấy mình đang đứng giữa quê hương,
Con chim nhỏ hót mừng tôi trở lại,
Quảng đường quen rực sáng nắng sân trường.

.....

Cho tôi làm bụi cỏ mọc ven đê,
Để mỗi sáng thở mùi thơm lúa chín
Lỡ mai xa tôi nhớ lối quay về.

Thằng con tôi thích thơ và nhạc vô cùng, cháu được nuôi lớn bằng ca dao, câu hò, giọng hát mà, tuy vậy, cháu chưa biết coi Linda Trang Đài, Trizzi Phương Trinh hát nhạc kích động. Hồi mới qua đây, sợ thằng con quên hình ảnh quê hương và câu hát giọng hò dân tộc, tôi lục trong núi băng truyền hình ở nhà bà chị, lựa ra những Ngọn Cờ Quyết Tử, Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi, Mùa Xuân Nào Ta Về để cùng coi với cháu. Tôi thực sự vui mừng thấy cháu chăm chú theo dõi với ánh mắt rạng rỡ tươi vui hình ảnh duyệt binh 19 - 6; và chăm chú lắng nghe cô Ngọc Xuân nói chuyện nước non theo lời viết xuất thần của ông Duyên Anh. Những lúc sau này, thấy người ta nói là cách mạng y phục, bận áo dài hồ tay, hở lưng, quái thú dị hình, dần dần những chương

thình có thể tận kỳ, mới lạ theo một cách nhìn nào đó nhưng mất đi rất nhiều màu sắc dân tộc, tôi không còn mấy thích thú với loại băng này nữa và cháu cũng vậy.

Bây giờ suốt ngày thẳng nhỏ chỉ nghe ngao hát tới hát lui những bản nhạc đại khái như: “Từ ngàn trùng xa, ai vẫn hát vang lời Việt Nam. Nhìn về đại dương, ta thấy hương quê nhà ở đó” hoặc “Hồi những bước chân Việt Nam lưu vong đang còn phiêu du trên thế giới. Hãy cất tiếng ca cùng tôi câu ca mang tình thương gọi tới quê nhà”. Thằng con tôi thích nhạc Trầm Tử Thiêng lắm, dường như lời hát đã đi thẳng từ trái tim người viết đến tim người nghe, và phải có một tấm lòng rộng lớn và một trái tim nồng nàn lắm mới có thể viết được những lời ca làm quên thất tim gan người ta đến như vậy.

Mới đây thằng con tôi bắt chước cô Ngọc Lan và ông Duy Khánh hát: “Hình bóng cố hương ngàn năm, gọi ta như sóng xô bờ, thành những bước chân mộng du, men theo lối về quê cũ. Để nghe con sông con suối, với mái tranh cây đa đầu làng, cùng trách những câu thật đau, người đi đi mãi mới về”; nó chạy lại ôm vai mẹ và nhìn tôi vừa cười vừa nói: “Chỉ huy trưởng coi lại đi, không khéo có ngày “chúng mình ba đứa” sẽ bị cây đa đầu làng bảo là “người đi đi mãi không về” thì đau lắm.

Tôi vui mừng quá đỗi, ít nhất cho đến bây giờ, khi sắp thành công dân Hoa Kỳ theo thủ tục, thằng con tôi vẫn còn nguyên vẹn trái tim Việt Nam. Tuy nhiên, tôi không phải là người quá lạc quan, cũng không phải là người không nhận ra được những thực tế; có thể một lúc nào đó, mọi việc sẽ đổi khác. Tôi đã tiên liệu điều này và đã có sẵn một hạ sách: Nếu có ngày nào thằng con nói muốn ở lại xứ này, tôi sẽ không cấm cản nhưng sẽ nói với cháu: Con muốn ở đâu cũng được, nhưng mai kia một nọ khi ba mẹ đến trăm tuổi già, con nhớ mang chút tro tàn của ba mẹ về xó núi Tăng Vinh, ba sinh ra ở đó và muốn trở về nơi đó.

Tôi biết chắc, nếu tôi nói như trên, thằng con tôi sẽ trở về, nó không nỡ để “hai người bạn già” ở xa xôi cách biệt như vậy. Tuy nhiên, tôi thực tâm không bao giờ muốn nói điều này, tôi đã nói là hạ sách mà. Tôi không muốn tạo ra bất cứ áp lực nào cho cháu, dù chỉ là áp lực tâm lý hay tình cảm. Tôi muốn cháu có những lựa chọn và kết luận hoàn toàn tự do, từ một khối óc sáng suốt và một trái tim độc lập rằng: mãi mãi cháu thuộc về nơi ấy, quê hương.

Nguyễn Mạnh An Dân



LƯU THÁI DZO

Tên thật : Hoàng Huy Năng

1-Lý lịch

- * Sinh Quán: Quảng Bình (Việt Nam)
- * Cựu học sinh trường Thiên Hữu Huê (1950 - 1953)
- * Cựu Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Khóa 5 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (1955-1975)
- * Cựu tù nhân chính trị Cộng Sản Việt Nam (1975- 1988)
- * Định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO 5 (Từ 21-3-1991)

2-Sinh hoạt thơ văn

- * Trước 1975: cộng tác với các báo: *Chiến Sĩ Cộng Hòa, Tiền Tuyến, Quân Đội*.
- * Tại hải ngoại (từ 1992 đến nay):
Có Thơ, Truyện Ngắn, Tạp Ghi đăng rải rác trên các Báo, Tạp Chí, Đặc San xuất bản tại hải ngoại như: *Saigon Times, Nam Úc Tuần Báo (Úc Châu), Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại 2, Ba Mươi Năm Niềm Đau Còn Đó (Pháp), Tuyển Tập Văn*

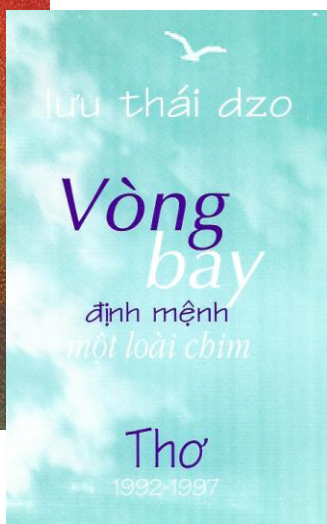
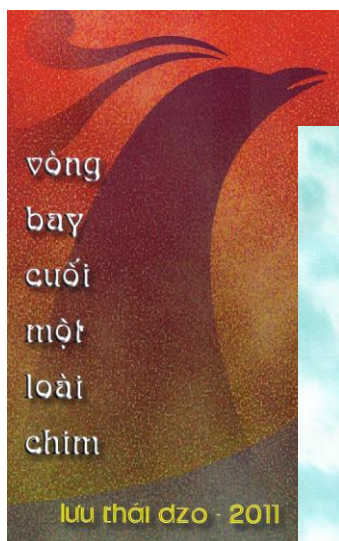
Học & Nghệ Thuật (Oklahoma), Hồn Việt, Việt Báo (California), Văn Hóa Việt Nam (Houston, Texas)

Cộng tác viên thường trực các tạp chí văn học: *Tin Văn, Trầm Hương. (Nam Hoa Kỳ)*

* Giải thưởng cuộc thi “Viết Về Người Tù Cải Tạo” do Nhật Báo Viễn Đông (Santa Ana, California) phát ngày 23-06-2007 (Truyện Ngắn: Bích La) * Giải thưởng văn xuôi do Cơ Sở Văn Thơ Lạc Việt (San Jose, California) phát ngày 1-2-2009 (Truyện Ngắn: Hồn Ma Đồi Áo Quan) * Giải thưởng cuộc thi “Viết Về Nước Mỹ” do Việt Báo (Santa Ana, California) tổ chức năm 2010 (Truyện Ngắn: Tổ Ấm Đa Chủng)

3-Tác phẩm đã xuất bản:

* Sách Thơ văn: *Vòng Bay Cuối Một Loài Chim, Sóng Tình Thu, Mong Manh* (Viết chung với Xuân Bích), *Cung Trầm, Vết Xước Tình Yêu, Vòng Bay Định Mệnh Một Loài Chim. Đóa Hoa Rừng Lúa.*



CHỖ NẪM ĐỊNH MỆNH LƯU THÁI DO

Cúc đạp xe qua khỏi con đường dốc thì trời đã tối. Sau xuất đi thăm nuôi cuối cùng tại trại 6 Nghệ Tĩnh, nàng dự định tới bến đò “Giùng” nghỉ đêm, rồi sáng hôm sau đạp xe dò ra Vinh, từ đó đi xe lửa ra Thanh Hóa để về quê ở Ba Làng. Tuy nhiên, đường còn dài, trời tối và mưa lất phất. Hơn nữa, nàng quá mệt mỏi. Chiếc xe không còn chờ quả thăm nuôi, nhưng nàng vẫn thấy nặng, đi không nhanh hơn lúc đến trại.

Cúc đạp thêm một chặng ngắn thì đến ngang chỗ có ánh đèn phía tay mặt, cách con đường đang đi khoảng 500 thước. Nàng dắt xe, nhắm ánh đèn đi tới, qua một thửa ruộng đã gặt xong, còn trog gốc rạ. Ánh đèn hắt ra từ một ngôi nhà tranh. Nàng đến gõ cửa. Một bà già khoảng 60 tuổi ra mở. Cúc lễ phép chào hỏi và xin được nghỉ đêm. Bà cụ đồng ý và bảo nàng dắt xe vào dựng bên vách đất nơi nhà ngoài, rồi ra phía cửa sau rửa mặt mũi chân tay. Trong lúc đó, một cô gái trẻ tuổi Cúc từ dưới bếp đi lên. Bà cụ giới thiệu con gái tên Lài với Cúc, đồng thời hỏi Cúc ăn uống gì chưa. Bà hỏi con gái đi vo gạo nấu cơm. Nhưng Cúc nói đã ăn chiều với ông chú ở nhà thăm nuôi.

- Hai mẹ con bác ăn rồi, chỉ còn để phần cho thằng anh con nhỏ này. Nếu cháu chưa ăn, cứ nói thiệt, để con Lài nó nấu.

- Dạ cảm ơn bác - Cúc lễ phép trả lời - Cháu ăn thiệt rồi .

- Nhà bác nghèo lắm, quanh năm ăn độn. Chỉ có một phần ba gạo, còn hai phần ba là ngô, khoai hoặc sắn

- Thừa bác - Cúc nói tiếp -, ngoài quê cháu cũng không hơn gì .

- À, cháu nói hồi chiều, cháu ăn ở đâu? - Dạ, cháu đi thăm ông chú ở trại 6. - Chắc ông chú của cháu mới chuyển về đây?

- Dạ, trước chú ở ngoài Bắc Thái, chuyển trại vào đây gần một năm rồi.

Từ nãy đến giờ, trong câu chuyện của Cúc, Lài nghe nói đến việc Cúc đi thăm nuôi thân nhân trại 6. Lài tò mò muốn biết thêm về liên hệ gia đình giữa Cúc và người tù cải tạo.

Cúc có người chú ruột đang ở tù tại trại 6 Nghệ Tĩnh. Người chú này di cư vào Nam năm 1950, được một vị linh mục “đỡ đầu” cho học tại trường tư thục Công Giáo T.H. Năm 1954, theo lệnh động viên của Chính Phủ Quốc Gia, ông chú nhập ngũ theo học

khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Sau đó lập gia đình và sinh sống tại miền Nam. Tháng 4 năm 1975, Miền Nam mất vào tay Cộng Sản. Lúc bấy giờ, ông chú của Cúc là trung tá bị bắt đi tù. Năm 1976, ông được chuyển ra Bắc, qua các trại Yên Bái, Lào Cay, Bắc Thái và năm 1979, vào trại 6 Nghệ Tĩnh. Lúc người chú vào Nam, Cúc chưa sinh, nên không biết mặt chú. Sau biên số 30-4-1975, gia đình Cúc bắt được liên lạc với gia đình ông chú. Cúc theo bố vào Saigon thăm, nhưng lúc đó ông chú đã đi tù. Nhiều lần trước, Cúc đi với bố hoặc mẹ. Gia đình Cúc nghèo, nên quà thăm nuôi rất gọn nhẹ, chở giỏ lác buộc sau yên xe đạp. Chặng đường từ Thanh Hóa vào Vinh, nằng đi xe lửa, từ Vinh đến bến đò Giùng, đi xe hàng. Cúc đem xe đạp theo để tiện di chuyển từ bến đò vào trại 6, chặng đường dài hơn 20 cây số. Chiếc xe đạp là quà tặng của thím nhân dịp Cúc vào Saigon thăm.

Cúc và Lài mau trở nên thân mật. Hai người cùng 18 tuổi, chỉ học hết lớp 5. Vóc người nhỏ bé, tóc cắt ngắn như nhau. Lài mồ côi bố lúc còn nhỏ, ở với mẹ và người anh trai là bộ đội phục viên. Ngôi nhà tranh vách đất gồm 2 gian và 1 chái làm nhà bếp. Phía sau nhà, xa khoảng 200 thước có một vũng nước to bằng 3 cái nia. Đây là một chỗ bom thời chiến tranh để lại rất sâu và đã thành cái hồ, nước tù đọng, đầy rong rêu dơ bẩn. Đi xa một chút là đồi núi, đồi trọc và núi đá lởm chởm gọi là “lèn”. Phía gần đường ra bên đó có đồng ruộng, toàn là ruộng khô, rải rác từng mảnh nhỏ, có nơi hai khu canh tác bị chia cách bởi một diện tích rộng đến hai ba héc-ta đất đá sỏi xen lẫn những chùm cây thấp, cằn cỗi.

Nhà mẹ Lài tro tro giữa vùng đồi núi. Phải đi khỏi chu vi chừng một cây số mới thấy thôn ấp. Trong nhà không có đồ đạc gì quý giá. Ở gian ngoài sát vách lưng, kê một bộ phản bằng gỗ tạp đủ chỗ cho hai người nằm. Giữa gian, gần cửa chính kê chiếc bàn hình chữ nhật với bốn chiếc ghế đầu cũ kỹ. Trên bàn có khay gỗ đựng bình tích bằng sứ và bốn chiếc ly thủy tinh. Một tấm phen nứa ngăn cách gian ngoài với gian trong. Tấm phen chừa bảy tắc về phía vách mặt tiền để làm cửa thông giữa hai gian. Gian trong ngăn làm hai buồng bởi một tấm màn vải nâu thô treo theo chiều dọc của gian nhà. Buồng trong là buồng phía vách lưng, chiếm hai phần ba gian nhà, kê chiếc giường tre dành cho bà cụ, mẹ Lài. Buồng ngoài cũng kê chiếc giường tre, nhỏ hơn, dành cho Lài. Cửa chính ra vào ngôi nhà nằm ở gian ngoài. Cửa là khoảng trống của vách mặt tiền, rộng hai thước. Mỗi cạnh khoảng trống có một

cột gỗ để bắt bàn lẻ . Hai cánh cửa là hai tấm ván. Mỗi tấm rộng một thước và cao bằng chiều cao của cột gỗ. Phía vách lưng của hai gian có hai cửa sổ nhỏ. Riêng gian ngoài có thêm một cửa chính đi ra phía hông và phía sau nhà. Cửa rộng một thước, là khoảng trống của vách hông, nằm gần gốc tạo thành bởi vách hông và vách lưng. Cửa này đóng mở bằng một tấm phen tre đan dày buộc bằng dây kẽm vào một bên cây cột gỗ nơi khoảng trống của vách. Chái bếp có một cửa chính đi ra phía sau.

Bà cụ, mẹ của Lài đã đi năm. Lài lấy chiếu trải trên bộ phản ở gian ngoài và bảo Cúc đi ngủ, nhưng Cúc nói để ngồi chơi nói chuyện, đợi anh của Lài về, hãy hay. Hai người ngồi ở bàn bên ngọn đèn dầu leo lét, vừa nói chuyện phiếm, vừa nhấm nháp mấy củ khoai lang Lài luộc hồi chiều còn lại. Lài kể cho Cúc nghe về cuộc sống cơ cực của gia đình Lài. Qua mấy chục năm làm trong hợp tác xã, không năm nào gia đình đủ ăn, phần phải đóng nghĩa vụ nặng nề, phần mất mùa vì thiên tai. Mẹ Lài đã già yếu, nhưng cũng phải cấp rỗ đi mót từng bông lúa, từng củ khoai, từng mẫu sắn đầu thừa đuôi theo. Lài thì vào rừng săn nhặt củi cành hoặc bẻ măng, nhổ nấm vào mùa mưa. Lạc, anh trai Lài, làm đủ nghề, nào phát rẫy, tía bắp, nào đặt lờ bắt cá, giăng bẫy bắt chồn, cáo, chim, cò, nào mỗ thuê lợn lậu hoặc trâu bò què, già, đã mất hết sức kéo. Lạc bắt mẫn chế độ vì không được đãi ngộ xứng đáng sau khi bị chiến thương phải rời quân ngũ. Lạc làm việc tùy tiện, có lúc hứng, vui đầu làm hùng hục như trâu, có lúc biếng nhác, nằm một đồng hoặc đi rong chơi với bợm nhậu. Dù có làm ra tiền đi nữa, Lạc cũng không cho Mẹ hay em gái đồng nào. Hắn chỉ lo cho bản thân. Lài được tình thương bao la của người mẹ ấp ủ bao bọc, nhưng lại bị người anh bạc đãi. Lạc cộc cằn, thô lỗ, lúc nào cũng gắt gỏng, bắt nạt, bắt khoan, đẩy cuộc sống gia đình càng ngày càng lún vào hố sâu cơ cực. Lạc trút tất cả căm thù chế độ lên đầu đứa em gái ngoan hiền. Hắn không nghĩ đến chuyện lập gia đình mặc dầu hắn đã ngoài 30 tuổi. Có một bữa, hắn bỏ nhà đi đâu hai ba ngày, lúc trở về, trời đã tối. Hắn xách miếng da trâu bằng bàn tay, lông lá rậm rì. Hắn bắt Lài nhóm bếp thui, cạo rửa và hầm nhừ miếng da dành cho bữa nhậu ngày hôm sau. Lài nói đề sáng mai làm, nhưng hắn không chịu. Hắn quát tháo om sòm. Mẹ hắn can thiệp, bênh vực con gái. Hắn sùng sộ cả với Mẹ. Cuối cùng, Lài phải làm theo ý ông anh khó tính.

Lài còn kể cho Cúc nghe sinh hoạt của trại cải tạo. Trước kia, trại chỉ nhốt tù hình sự gồm đủ loại trộm cắp, hiếp dâm, cờ bạc, rượu chè, đâm thuê chém mướn. Hầu hết phạm nhân là thanh thiếu niên địa phương. Vào tù, chúng bị đánh đập, đối xử như súc vật. Gia đình nghèo mạt rệp, họa hoằn mới có vài ba tên được thân nhân tiếp tế, nhưng quà cáp chẳng có gì khác ngoài bịch khoai hoặc sắn khô xắt lát kèm theo lọ muối mè. Có thằng quanh năm chỉ được gia đình nuôi bằng cám lợn. Gia đình nào sang lắm thì cho vài đòn bánh tét gói bằng nếp pha sắn xắt nhỏ như hạt đậu. Áo quần chi viện toàn đồ cũ, anh đã lớn, mặc không vừa, bèn bàn giao cho em kế. Từ ngày có tù trong Nam ra, không khí trại vui nhộn hẳn lên. Các “Ông cải tạo” có nhiều quần áo nước ngoài đẹp đẽ. Những bộ đồ gì vẫn vẹn như da khải (tiếng Nghệ tĩnh: cạp, hồ). Dân mê nhất là quần áo rét. Có những thứ Lài chưa bao giờ trông thấy. Loại áo rét hai lớp, hai màu khác nhau, khi mặc, cho lớp nào ra ngoài cũng được. Còn nữa, bộ đồ gì “co vô giãn ra” mà mấy ông kêu là đồ nhái. Chăn thì nhẹ và mềm nhũn như bông, cũng vẫn vẹn cả hai mặt. Giày vải giống như giày bộ đội, nhưng bền hơn. Lài còn thấy cái “cổng” có quai xách mà mấy thằng vệ binh kêu là “gô”. Mỗi ông cải tạo đi lao động xách một cái đựng nước uống.

Lài có quen thân một chú cải tạo tên Thắng. Chú Thắng còn trẻ, chừng 40 tuổi, đi chăn trâu, nên chú cháu thường gặp nhau ngoài đồng. Chú cho Lài một cái thìa có khắc chữ “US” nơi cán. Chú nói cái thìa bằng kim loại gì đó, hình như “i-nốc” thì phải ? không bao giờ rỉ. Chú còn cho Lài biết chú có một cái “đĩa” cũng bằng kim loại “i-nốc” hình bầu dục, có cán dài. Cái đĩa này là bộ phận của khay đựng thức ăn dành cho lính. Chú nói thằng quản giáo bảo chú cho nó nếu chú muốn được tiếp tục chăn trâu. Chú đành chiều theo ý nó. Thì ra thằng quản giáo lấy cái đĩa để nhờ một người bạn của chú “gò” thành một cái dao găm rất đẹp. Nhờ “quan hệ” với chú Thắng mà Lài biết rõ vụ các ông cải tạo bị bòn tù hình sự bóc lột quá cỡ. Một chiếc áo len mới tinh chỉ đổi được 5 củ khoai lang luộc hoặc 2 chén bắp bung. Có khi tụi trung gian lấy luôn, các ông cải tạo đành cắn răng chịu, không khiếu nại được vì mua bán, đổi chác là việc làm bất hợp pháp.

Từ khi tù được thăm nuôi, trại vui thêm, vui lan ra cả người dân. Bến đò “Giùng” rộn rịp khác thường. Thân nhân các ông cải tạo trong Nam ra mang đồ tiếp tế rất chất lượng. Dân làm nghề

mới: dùng xe đạp thồ hàng, thồ người từ bến đò vào trại. Không có xe đạp thồ thì gánh gồng thuê cũng kiếm được tiền. Lài đã thấy một nông dân gánh đôi sọt, một bên chất đầy quả, còn bên kia để em bé 5 tuổi, ngồi co ro, mẹ em đi kèm bên cạnh. Cũng có những vụ dân thồ làm bậy: chở quả thăm nuôi đông luôn làm chủ nhân kêu trời không thấu, phải trình báo công an, nhưng kết quả chẳng đi đến đâu, vì bọn công an thông đồng với dân trời đánh để kiếm chút cháo. Các ông cải tạo còn bị bóc lột ngay tại nhà thăm nuôi. Vẫn theo lời chú Thắng thì bọn cán bộ phụ trách thăm nuôi rất tàn nhẫn. Chúng hạch sách, làm khó để đủ điều để moi quả. Ai “biết điều” thì được thăm lâu, còn không thì thăm 15 phút. Thức ăn sống bị tịch thu 100%. Có thằng còn dờ trờ ma bùn, sàm sỡ, chọc ghẹo, tán tỉnh mấy bà vợ tù còn trẻ. Chị T. đến trại chiều tối, hết giờ thăm nuôi, phải ngủ qua đêm. Hôm đó chỉ có một mình chị. Nửa đêm, thằng H. cán bộ giáo dục lén ra nhà thăm nuôi, toan làm bậy. Chị T. la lên. Vụ việc đổ bể tùm lum. Thằng H. phải đổi đi trại khác. Nhưng sáng hôm sau, chị T. chỉ được thăm 15 phút. Bao nhiêu quả phải dốc ra khỏi bao bị, chai lọ để trực trại và thằng cán bộ thăm nuôi kiểm soát. Không có đồ chứa san qua, sót lại, chị T. dành đồ nước mắm, nước tương xuống đất. Các thứ bột nếp, bột bích chi, bột đậu xanh phải trộn xà ngẫu vào một bao ny lông. Mười hộp sữa bị đục lỗ. Ngoài ra, chị phải đổ nước vào tất cả bao gạo xây để biến thành thức ăn chín đúng với nội quy trại. Khám xét xong quả, hết giờ, chị T. dành gạt nước mắt từ giã chồng ra về, không trao đổi được tí tẹo tin tức gia đình sau gần 5 năm xa cách.

Cúc muốn trêu chọc Lài về chuyện Lài quen thân chú Thắng. Cúc hỏi, giọng đùa nghịch:

- Chị Lài quen chú Thắng bao lâu rồi?

Lài đáp ứng: - Được chừng 5 tháng nay. Một hôm, em đi mót khoai thì gặp chú Thắng dắt trâu lên đồi.

- Chú Thắng đã có gia đình chưa?

- Em không rõ. Chú nói chú chưa được thăm nuôi lần nào, nhưng nhờ anh em trong đội chia sẻ, nên không đến nỗi. Và lại, chú chăn trâu, công việc tương đối nhẹ. Cúc hỏi tiếp:

- Chú không sợ quan hệ với dân sao?

Lài cười: - Lúc đầu, chú sợ lắm. Chú không dám nói chuyện lâu. Trong lần gặp đầu, em nói lần tới, em sẽ mang cho chú ít sản lược. Chú cảm ơn và bảo cứ để nơi bụi cây, đừng đưa trực tiếp, sợ tội công an bắt gặp. Dần dà chú không sợ nữa.

Cúc ngắt lời Lài:- Tại sao vậy? - Chú nói tội công an đòi quá, được các ông cải tạo cho liếm láp quả thắm nuôi, nên đã dễ dãi nhiều. Như đội xây dựng và đội làm đá vôi, hằng tuần, quân giáo cho gom tiền và dẫn đi chợ mua thức ăn. Những đội nông nghiệp, đội chè (trà) cũng được vào xóm dân mua khoai sắn bồi dưỡng. Có đội mua cả chó đem về nhà lô làm thịt. Tất nhiên phải cho tội quân giáo bộ đồ lòng.

Lài còn nói về thái độ người dân đối với tù cải tạo. Trước kia, dân rất ghét “Sĩ quan Ngụy”. Các ông cải tạo đã bị ném đá trên lộ trình di chuyển bằng xe từ Bắc Thái vào trại 6. Vụ này do chính quyền địa phương tổ chức. Họ tuyên truyền rằng một số tù binh Trung Quốc sẽ được áp tải từ Bắc Thái vào Nghệ Tĩnh. Họ bắt dân học tập và bố trí từng nhóm trẻ em 14, 15 tuổi đứng chờ dọc đường. Khi đoàn xe đi qua, chúng vừa ném đá, vừa hô to: “đả đảo Trung Quốc xâm lược”. Trong vụ này, nhiều người dân biết các ông trên xe không phải là tù binh Trung Quốc, mà chính là tù cải tạo. Biết thế, nhưng họ vẫn tán thành việc các trẻ em ném đá, vì họ rất ghét tù cải tạo. Dần dần, người dân hiểu biết, nên tỏ thái độ hoàn toàn ngược lại. Trong thời kỳ chiến tranh, Lài được nghe nói các ông lính biệt động miền Nam rất dã man. Khi bắt được địch, các ông thường mổ ruột, moi gan, ăn tươi, nuốt sống. Đến khi gặp chú Thắng, Lài mới rõ sự thật. Chính quyền miền Bắc đã tuyên truyền láo khoét, bịp bợm.

Lài và Cúc đang vui vẻ trò chuyện thì Lạc về. Lài xuống bếp, dọn cơm cho anh. Bà cụ, mẹ Lài, từ buồng trong đi ra, bảo Lạc chừng nào ngủ thì vào giường em gái ở gian trong, còn bộ phận hôm nay dành cho Lài và Cúc.

@

Cúc nằm trần trọc trên bộ phản, bên cạnh Lài. Đêm ở vùng quê thật buồn tẻ, vắng lặng. Căn nhà chìm trong bóng tối. Cảnh núi đồi hoang vu làm cho bầu không khí lạnh lẽo đến độ như đông đặc trong một mặt bằng đen ngòm không có giới hạn. Cúc rùng mình nghĩ đến thái độ và cử chỉ khó hiểu của Lạc hồi tối, lúc hắn ngồi ở bàn ăn. Cúc đi theo Lài xuống bếp. Một lát sau, 2 người đi lên, Lài đặt mâm cơm trên bàn, còn Cúc đến ngồi ở bộ phản. Cúc liếc thấy Lạc vừa ăn vừa nhìn về phía vách, nơi dựng chiếc xe đạp của Cúc. Hắn hết nhìn chiếc xe đạp, lại nhìn Cúc. Hắn làm li, ăn vội ăn vàng 2 chén cơm độn bắp xong với chút mắm ruốc. Bữa ăn không có đồ nhắm, nhưng hắn vẫn nốc cạn phần rượu để còn lại

khoảng 2 đốt ngón tay trong cái chai hắt lòi ở gầm giường ra. Cúc nhớ khi Lạc bước vào nhà, Cúc chào hắt đang hoảng, Hắt đáp lại và nói tiếp câu gì nghe không rõ vì hắt nói lí nhí bằng giọng Nghệ Tĩnh. Theo dõi từng cử chỉ của Lạc, Cúc nhận thấy gương mặt của hắt chợt vui chợt buồn. Hình như hắt đang tập trung tư tưởng tính toán một vấn đề quan trọng và khẩn trương ảnh hưởng đến cuộc đời của hắt. Từ lâu, Lạc mơ ước một chiếc xe đạp. Không cần xe mới hay cũ, miễn còn chạy tốt là được. Đối với gia đình Lạc, ước mơ đó quá lớn lao. Có lẽ hắt không bao giờ thực hiện được, dù làm việc cật lực, dành dụm suốt đời. Niềm ước mơ càng gia tăng mãnh liệt khi một số dân trong vùng bắt đầu làm nghề thò quạ thăm nuôi cho thân nhân tù cải tạo.

Lạc đã ăn uống xong. Cúc mệt mỏi, muốn nằm nghỉ, nhưng vì Lạc ngồi nơi bàn ăn và đèn còn sáng, nên Cúc không tiện đi nằm. Lài muốn giục anh vào gian trong, nhưng không dám lên tiếng. Lạc vẫn ngồi yên một chỗ, cặp mắt lơ đãng, hết nhìn Cúc, lại nhìn chiếc xe đạp. Hắt ngà ngà say. Hắt bảo, giọng lè nhè: Hai cô đi ngủ trước đi. Bà cụ, mẹ Lài, nói vọng ra, bảo Lạc đi ngủ, kéo khuya rồi. Lạc ngồi thêm một lúc. Cặp mắt hắt không rời khỏi chiếc xe đạp. Mẹ hắt bảo lần thứ hai, hắt mới đứng dậy, từ từ đi vào gian trong, mang theo chiếc đèn dầu.

Lạc kéo tấm liếp che cửa thông giữa 2 gian, rồi tới ngồi ở giường tre mọi khi dành cho em gái. Hắt bỏ cây đèn dưới gầm giường và vặn nhỏ ngọn. Một lúc sau, hắt đứng dậy, cầm đèn, vặn to, hé tấm liếp, nhìn ra gian ngoài, phía bộ phận. Qua ánh đèn, hắt biết rõ vị trí nằm của Cúc và Lài. Cúc nằm phía vách, ngang cửa sổ. Lài nằm ngoài. Tấm thước 2 nạng bằng nhau. Lạc nhìn thật lâu, thấy Lài và Cúc nằm im. Chắc 2 nạng đã ngủ say. Hắt nhắc tấm liếp qua một bên và trở lại giường, tắt đèn, nằm xuống. Hình ảnh chiếc xe đạp của cô khách hiện rõ trước mắt hắt. Xe còn mới, loại xe sản xuất tại miền Nam, trang nhã và đẹp hơn xe miền Bắc.

Cúc cố đồ giấc ngủ, nhưng không sao chợp mắt. Lài đã ngủ say, hơi thở đều đều. Trong bóng tối, Cúc mừng tượng khuôn mặt của bạn với những nét dịu dàng, chất phác. Lài có vẻ đẹp đơn sơ của một cô gái quê đang tuổi dậy thì với dáng người khỏe mạnh, rắn chắc, với đôi mắt tròn, đen, toát ra những tia nhìn hồn nhiên, dễ mến. Có lẽ Lài đã bắt đầu yêu chú Thắng? Trong câu chuyện hồi tối, mỗi lần nhắc đến chú Thắng, Lài tỏ ra vui thích, hớn hờ pha chút e thẹn. Cúc thương Lài sống trong cảnh nghèo

khô triển miên. Cúc đã khô. Nhưng Lài khô gấp bội. Cúc còn bố mẹ, khi cần, gia đình có thể nhờ vả những người thân ở miền Nam. Những người này sống trong một xã hội đầy tình thương, có cuộc sống thoải mái, tâm hồn cởi mở, uyển chuyển, chứ không khô cứng, cứng nhắc như Lạc và đa số người dân sống dưới chế độ Cộng Sản miền Bắc.

Cúc vẫn nằm thao thức, hết nghĩ đến Lài, lại nghĩ đến Lạc. Đêm đã khuya lắm. Ở quê nhà, Cúc đã nghe nói về những vụ hãm hiếp, cướp của, giết người do bọn côn đồ, lưu manh thực hiện, có khi chỉ vì một miếng dôi chó hay một chiếc áo “pô-pờ-lin” cũ. Giữa các tổ viên cùng một tổ hợp cũng xảy ra xô xát đến đổ máu chỉ vì một tiêu chuẩn gạo chia không đồng cân đồng lượng. Cúc mong trời mau sáng để rời khỏi “Quán trọ” bất đắc dĩ này. Có tiếng gà gáy từ xa vọng lại. Như được linh tính báo động việc chẳng lành, Cúc ngồi dậy, nhẹ nhàng mở cửa sau, đi tiểu tiện. Xong, nàng trở vào. Lài vẫn ngủ say. Cúc đẩy nhẹ Lài qua phía vách. Cúc nằm vào chỗ của bạn và ngủ thiếp đi...

Bỗng Cúc giật mình tỉnh dậy. Nàng nghe tiếng chân người từ gian trong đi ra. Cúc căng mắt theo dõi. Qua ánh sáng mờ mờ từ phía ngoài trời lọt vào cửa sổ được khép bằng tấm phen đan thưa, Cúc thấy một bóng người đi về phía vách, nơi chỗ nằm của Cúc hồi nãy, và của Lài bây giờ. Nhìn vóc dáng, Cúc biết người đó chính là Lạc.

Từ lúc vào giường đến giờ, Lạc thức suốt. Hồi tối, về nhà, thấy chiếc xe đạp dựng bên vách, Lạc đã nghĩ cách chiếm đoạt. Máu tham cộng với bản chất hiếu sát của tên cựu bộ đội bất mãn, đã thúc đẩy hắn đi đến quyết định thủ tiêu chủ nhân chiếc xe. Hồ nước sau nhà sẽ là mồ chôn xác con bé. Lạc bật dậy, mò xuống bếp, lấy cây móc giắt nơi vách và chiếc bao bố cũ dành đựng khoai sắn vào ngày mùa. Thêm sợi dây thừng buộc gàu múc nước giềng chưa xử dụng. Lạc sẽ hành động nhanh, gọn, không đổ máu. Cây móc chỉ để phòng hờ. Lạc rón rén đi về phía vách mà hắn định ninh là chỗ nằm của Cúc. Hắn bỏ cây móc, bao bố và dây thừng xuống nền nhà. Với một động tác cực kỳ nhanh, hắn đưa hai tay chụp vào cổ cô gái nằm phía vách, gần cửa sổ. Có tiếng ú ớ, nhưng rất nhỏ và ngắn. Rồi im bật.

Cúc sợ run bắn người lên, nhưng nàng cố kìm hãm, nằm bất động và nhắm mắt lại như để khỏi nhìn tiếp cảnh hãi hùng đang xảy ra. Thoáng một giây, bản năng sinh tồn bỗng bật dậy trong

con người Cúc. Đầu óc nàng trở nên minh mẫn, tỉnh táo lạ thường. Cúc chợt hiểu rõ ngọn ngành. Lài đã thế mạng cho Cúc. Cúc mở mắt ra. Trời còn tối. Nàng thấy Lạc khẽ mở cửa sau, hẩn quay vào, tay không. Hẩn nhặt cây móc trên nền nhà và đi trở ra, vội vàng, không khép cửa. Cúc hồi hộp theo dõi. Lạc cố bước nhanh. Một tay cầm móc, một tay lôi bao bố. Bóng Lạc xa dần. Hồi tối, sau khi nói về nguồn gốc cái hồ, Lài đã dẫn Cúc ra xem. Đường từ nhà đến hồ nước có nhiều bụi rậm. Cúc đoán chắc Lạc sẽ đến hồ nước. Nàng bật dậy. Nhanh như cắt, Cúc lấy xe đạp, thoát ra cửa sau. Trời gần sáng, sương mù dày đặc. Cúc vừa ra khỏi cửa thì gặp mẹ Lài. Bà cụ đi tiểu xong, trở vào phía chái bếp. Cúc dắt xe, bước thật nhanh, bà cụ lên tiếng gọi, nhưng nàng đã ra đến bờ ruộng. Nàng cầm đầu, đi len lỏi giữa những gốc rạ cao vượng cản hai bánh xe. Đến con đường ra bên đò “Giùng”, Cúc nhảy lên xe, phóng chạy như bị ma đuổi.

@

Đến cách bờ chừng hai thước, Lạc dừng lại, thở dốc. Trời vẫn còn tối. Sương lạnh miền núi lan tràn, nhưng người Lạc ướt đầm mồ hôi. Hẩn định tiếp tục lộ trình “đưa ma” thì nghe tiếng rên nho nhỏ phát ra từ chiếc “quan tài bao bố”. Lạc hoảng sợ: con bé chưa chết hẳn. Lạc nhớ rõ ràng sau khi bóp cổ, hẩn sờ ngực con bé, thấy lạnh ngắt. Lạc liệm xác theo “thế ngồi gục đầu” và buộc túm miệng bao bố bằng sợi dây thừng. Bao bố bự. Cô nàng thấp và nhỏ con. Việc tâm liệm rất nhanh và gọn. Có lẽ con bé bị ngất đi, nay hồi tỉnh? Lạc áp tai vào bao bố. Quả có tiếng rên nho nhỏ. Cuộc “thủy táng” sắp bắt đầu. Để bảo đảm an toàn trăm phần trăm, Lạc thọc nhanh cây móc vào giữa bao bố và để nguyên giống như găm lưỡi dao nhọn vào trái mít chín. Âm thanh của một vật nặng rơi xuống hồ kèm theo những tia nước vọt lên tung tóe kết thúc cuộc “thủy táng” độc đáo. Lạc vui vẻ trở về nhà. Trời chưa sáng hẳn. Trên đường đi, hẩn dự kiến sẽ mang chiếc xe đạp giấu vào hang lèn một thời gian. Sau đó, hẩn sẽ sơn phết, biến chiếc xe thành của riêng, không để lại dấu vết gì khác những chiếc xe dân đang thờ hàng ngoài bên đò. Nếu ai hỏi, hẩn sẽ nói là xe của một người bạn thân nhượng lại. Việc mang xe đi giấu phải hoàn tất trước khi mẹ và em gái hẩn thức dậy.

Lạc vào nhà. Hẩn vô cùng kinh ngạc khi thấy bộ phận trống trơn và bên vách không còn chiếc xe đạp. Hẩn đang thắc mắc thì Mẹ hẩn từ nhà trong đi ra, hỏi hẩn và Lài đi đâu từ sáng sớm. Lạc

chưa kịp trả lời thì bà cụ nói tiếp: con nhỏ ngủ nhờ tối hôm qua, dậy sớm đi mất rồi. Tao đi tiểu vô thấy nó dắt xe ra, tao kêu nhưng nó bỏ đi một mạch. Nghe mẹ nói, Lạc thất kinh. Hồn vía lên mây. Chân tay bủn rủn. Hai tiếng “trời ơi” khô khan vọt ra khỏi miệng hần. Bà cụ chưa hiểu ắt giáp gì. Trời đã sáng. Một vết máu còn tươi trên áo nơi ngực con trai bỗng đập vào mắt bà. Đoán biết Lạc đã làm việc tà trời, bà quát lên:

-Thằng khốn kiếp, mày đã làm gì sáng nay? Em mày đâu?

Bà vừa quát vừa chỉ vào ngực Lạc, chỗ áo dính máu. Lạc như người mất hồn, không biết trả lời sao. Hần không ngờ sau khi thọc cây mác vào bao bố, hần cúi gập người, chạm vào bao để dễ đẩy xuống hồ nước. Do đó, áo bị dính máu. Trời tối, hần vội ra về, không để ý tới chứng tích tội ác trên áo. Tiếng bà cụ lại chọc vào tai hần :

-Mày nói mau. Em mày đâu? Mày đã làm gì nó? Lạc đứng như trời trồng... Hần đã rõ tự sự. Nhưng không biết nói sao, bắt đầu như thế nào. Mẹ hần vẫn day nghiêng. Một phút nặng nề trôi qua. Lạc bỗng lấy lại bình tĩnh. Nhân tính bị đánh thức. Hần ôm chầm lấy Mẹ, khóc ngất. Hần thú nhận đã giết lầm em gái. Vừa nghe, bà cụ ngã lăn kèn xuống đất, bất tỉnh. Lạc vừa khóc vừa lay gọi Mẹ. Bà cụ tỉnh lại, định chạy ra bờ hồ, nhưng Lạc cản ngăn. Bà xô hần ra và bước đi như người điên. Lạc chạy theo kéo mẹ trở vào. Hần sợ Mẹ nhảy xuống hồ, chết theo con gái. Hần dọa sẽ tự sát, nếu bà cụ không trở vào. Giằng co một lúc, hần vọt chạy xuống bếp. Bà cụ hoảng sợ, chạy theo. Hần đến bên vách bếp như tìm kiếm vật gì. Cây mác không còn. Hần giật nắm tranh nơi chái bếp và buoi đồng tro để lấy lửa. Nhưng bếp chỉ còn tro nguội. Lạc đang loay hoay tìm kiếm thì Mẹ hần quát :

- Mày tính đốt nhà, giết luôn cả tao, phải không? Khôn hồn thì lên xã tự thú.

Không còn đường nào khác, Lạc vứt nắm tranh, chạy ra khỏi nhà, trong lúc Mẹ hần vào buồng, nằm vật xuống giường, khóc nức nở

.(Viết theo cốt chuyện do một tù hình sự kể. Trích Tập Truyện “Đóa Hoa Rừng Lá” ấn hành năm 2002)

HỒN MA ĐÒI ÁO QUAN

(Bài đoạt giải 3 trong Cuộc Thi Văn, Thơ do Cơ Sở Văn Thơ Lạc Việt San Jose tổ chức 2008)

Đêm đã khuya lắm. Cang nằm trần trọc, không sao chợp mắt. Căn phòng của hần lạnh vắng khác thường. Để tiết kiệm điện, hần tắt luôn cả bóng đèn ngủ, chỉ để ngọn đèn dầu leo lét. Bên ngoài, trời tối đen như mực. Gió lạnh thổi từng cơn. Cứ mỗi cơn gió, hàng ngàn hạt mưa bị đánh bật đi, rơi nhanh hơn và không theo hướng nhất định.

Cang là Thiếu Tá Công An, Trại Trưởng một trại tù cải tạo miền Bắc. Chiều nay, trại hần lại thêm một tù chết vì bệnh kiết lỵ: Anh H. thuộc Đội 9 Nông Nghiệp. Hần đã cho chôn cất xong. Trước đây, trại hần đã xảy ra hai trường hợp tù cải tạo chết. Trong cả hai lần, hần đã không đến xem cái gọi là lễ nhập quan. Hần giao toàn bộ hậu sự cho sĩ quan trực trại với sự tiếp tay của hai tù hình sự và một tù cải tạo. Nhưng lần này, không hiểu sao hần lại đích thân xuống trạm xá trại xem liệm xác. Phải chăng hần bị ám ảnh bởi hình ảnh một tử thi da bọc xương gói trong chiếc mền cũ rách; do đó, trong đêm nay, hần trần trọc, không sao chợp mắt?

Hình ảnh anh H. người tù cải tạo đã chết vì bạo bệnh, làm Cang nổi da gà. Hần đưa tay vặn to thêm ngọn đèn dầu, và nhìn ra phía cửa chính căn phòng đã được đóng chặt. Hần nghe mưa rơi nặng hạt bên ngoài. Thình thoảng có tiếng gió rít. Hần kéo chăn trùm kín đầu và nhắm mắt cố tìm giấc ngủ. Hần vừa thiếp đi trong mõi mết thì có tiếng ai gọi từ phía cửa sổ bên cạnh giường nằm của hần. Tiếng gọi được lặp đi lặp lại nhiều lần và rõ ràng là gọi đích danh hần. Sau đó, hần nghe tiếng khóc rên ai oán, run rẩy:

- Ôi, rét quá! Trả lại áo quan... rét quá! Mau trả lại... áo quan! Rét quá!

Những tiếng khóc than đập vào tai hần, ròi rạc, ngắt quãng, nhưng rõ ràng. Hần hoảng sợ, muốn la lên, nhưng tay chân cứng đờ như có ai đè chặt lấy, không nhúc nhích, cọ quây được. Cơn hoảng sợ tột cùng đã làm hần toát mồ hôi, ướt đầm cả chiếc mền đỏ Trung Cộng, mặc dầu lúc đó, căn phòng của hần đã chìm ngập trong bầu không khí lạnh buốt của một đêm đông miền rừng núi Bắc Việt.

Tiếng than khóc tiếp tục vang lên. Hần nghe như có tiếng chân ai chậm chậm đi về phía giường hần. Tuy sợ, nhưng hần cố hé mắt nhìn qua ánh đèn dầu, thấy một bóng trắng nhờ nhờ, cao, gầy,

bước xiêu vẹo, đôi chân như cộng sậy di động trong không khí, đôi cánh tay khẳng khiu, quờ quạng, chới với như tay người sắp chết đuối... Hấn thét lên một tiếng, đập tung chiếc mền đầm ướt mồ hôi. Hấn dụi mắt, nhìn quanh căn phòng. Ngọn đèn dầu vẫn cháy leo lét. Thì ra hấn vừa trải qua một cơn ác mộng.

@

Năm 1981, tôi và nhiều anh em tù ở các trại miền Bắc được chuyển vào miền Nam, phân phối đến trại Z30 D hoặc Z30 C (Hàm Tân). Tôi ở Z30 D/K2, Đội Lâm Sản. Cùng chung Đội, có anh V. nguyên là tù trại T.L. do Thiếu Tá Cang làm Trại Trưởng. Anh nói với tôi là lúc còn ở trại T.L, không hiểu sao anh em toàn trại đều biết chuyện tên Cang nằm mơ thấy hồn anh H. hiện về. Có lẽ một thân nhân nào đó của lão Trại Trưởng vô tình tiết lộ, nên anh em tù nghe lóm. Họ bèn kể cho nhau nghe với những chi tiết bịa đặt, thêm bớt, có khi rất nghịch lý...

Anh V. không có ý kiến, nhận xét gì về “giấc mơ” của tên Cang. Anh chỉ cho biết là, lúc bấy giờ, chính anh đã được chỉ định tham dự “Lễ An Táng” của anh H. Trên thực tế, việc chôn cất anh H. đã không được bình thường, nếu không muốn nói việc đó đã gây xúc động mạnh mẽ và căm phẫn tột cùng cho toàn thể anh em tù cải tạo, sau khi họ được biết chuyện chôn xác tù có hòm mà coi như không có.

Sau khi nhập quan, Tổ mai táng đã đẩy nắp quan tài, nhưng không đóng đinh để gắn chặt nắp. Anh V. lấy làm lạ, nhưng không dám hỏi trực trại hoặc mấy anh tù hình sự trong Tổ mai táng. Anh là người Công Giáo, nên nghĩ rằng có lẽ theo thủ tục Phật Giáo (vì anh H. là Phật Tử), trại chưa đóng chặt nắp quan tài bằng những chiếc đinh, vì cần phải thực hiện những nghi thức Tôn Giáo cuối cùng trước khi hạ huyệt. Anh chú ý theo dõi diễn tiến việc chôn cất. Huyệt đã được đào sẵn, sâu không đến một thước. Chiếc quan tài đã nằm bên miệng huyệt. Nắp đây vẫn chưa được đóng đinh. Anh V. hồi hộp, tiếp tục theo dõi. Giờ hạ huyệt đã điểm. Anh há hốc mồm, suýt rú lên khi chính mắt anh nhìn thấy bốn anh tù hình sự nghiêng quan tài, giở nắp ra, cố hất xác anh H. (bó gọn trong chiếc mền cũ) xuống huyệt. Anh V. quay mặt đi, cố giấu những giọt lệ thương cảm và đè nén ngọn lửa căm phẫn sắp bùng lên trước hành động vô cùng man rợ của bọn cai tù mặt người dạ thú đã cho chôn tù một cách quái dị để lấy lại quan tài dành cho những xác chết kế tiếp!



LAN CAO

Tức Cao Hữu Báu

Sinh năm 1937 tại Nghệ An

Vượt tuyến vào Nam năm 1954

Cử nhân Văn Khoa Sài-gòn

Nguyên Giáo Chức

Nguyên Sĩ Quan QLVNCH

Hội viên VBVNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ

Hiện Định cư tại Hoa Kỳ

Sáng tác từ trước 1975

Đã và đang cộng tác với một số Tạp chí văn học nghệ thuật
và các diễn đàn Internet tại Hải ngoại.

Tác phẩm:

Những Giọt Sương rớt muộn (Thơ viết chung)

Hoa Đất (Thơ viết chung)

Áo Nắng Quê Hương (Thơ)

Thấp Đồi (Thơ)

Tổ Quốc Cờ Thiêng

Tổ Quốc là Cha
Từ Vua Hùng dựng nước
Máu Rồng Tiên tiếp nối giữ Sơn hà.
Quê hương là Mẹ
Ta thành người nghĩa Mẹ công Cha
Theo Mẹ hát tình yêu dân Việt
Rơm rạ mưa thơm, nắng đợi chờ.

Cờ là hồn thiêng sông núi
In da vàng máu đỏ Việt Nam
Cả văn hóa
Cả tâm linh
Cả tự tình dân tộc
Ông Bà con cháu
Quyết theo cờ tranh đấu dựng Quê hương.

Ta đã mất giang san gấm vóc
Cờ theo ta từng bước lưu vong
Cờ thiêng liêng máu hùng chiến sĩ
Đang tung bay kêu gọi chí tang bồng.
Từng trận đánh
Đạp lên xác thù, cầm cờ ngạo nghễ
Huế Mậu Thân
Đông Hà phố cổ
Bình Long vàng lửa dững với non sông.

Theo phận nước
Lúc buồn cờ treo rũ
Giờ vinh quang cùng tiếng hát bay cao
Chiến sĩ hy sinh
Ôm quan tài thương nhớ.

Dưới cờ thiêng
Màu vàng ba sọc đỏ
Bản Quốc ca, trên dưới một câu thề
Vì đại nghĩa ta một lòng đoàn kết
Ông Cha ơi, xin chờ đợi con về.

Mất còn

Ta mất rồi tuổi trẻ
Trời quê hương đông bão lan tràn
Đời lại không ngừng, chồng thêm tuổi mới
Mỗi trôi qua, lời ngă chút sức tàn.

Ta còn máu trong tim
Nuôi da vàng mộng chín
Nuôi tình yêu, nắng lụa Cúc vàng
Thương và nhớ kín đầy đêm tang lễ.

Ta mất rồi, áo Mẹ
Gắn hoa xanh trên khắp nẻo quân hành
Chờ đợi hòa bình
Về tặng Mẹ đền ơn thiêng biển cả.

Ta còn nước mắt
Quyện theo ta thấm chảy gót hoang già
Hòa mực viết bài ca màu nhiệm
Đầy hận thù chia rẽ xuống tha ma.

Ta đã mất Cha, mất nhà, mất đất!
Hết cả rồi! Còn tay trắng lưu vong
Nhưng Tổ Quốc muôn đời không thể mất
Vì tình yêu ươm trái Tổ Tiên Rong.

Chỉ còn đề nhớ

Tay nâng ly rượu buồn không nhấp
Từng ánh mây trời chẳng một lời
Gió tạt qua đây rồi biến mất
Một trời tĩnh lặng, một mình tôi.

Cảm sâu nền khóc rơi từng giọt
Chạnh buốt tâm hồn kẻ lão niên
Năm tháng trườn qua tóc gục trắng
Tuổi già sức yếu phải dừng chân.

Bạn bè một thuở đi gần hết
Con cháu xa xôi chẳng đưa gần
Đong đời nợ nước chưa cân đủ
Bài thơ dang dở đối không vần.

Bâng khuâng lão sĩ xoay ly rượu
Rượu chỉ mình ta, rượu lạnh lòng
Đối gương mờ bóng ngời chung chiếu
Một chút âm tình, chút thủy chung.

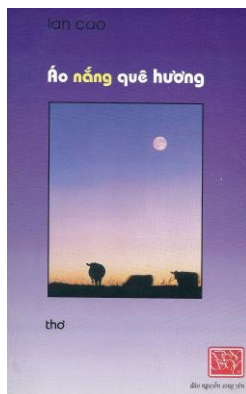
Có phải cô đơn hay ẩn dật
Thăm lặng mà nghe chuyện đã rồi
Lật trang còn dấu đời năm cũ
Từng giọt sầu rơi cảnh mới mồn.

Thu mộng

Ta nằm mộng
Thu về đêm trăng tối
Ôi lúa vàng, trái phố mênh mông
Cả núi, cả sông, cả rừng, cả ruộng
Gió chen mưa quét sạch bụi dơ hồng

Em nằm mộng
Thấy Hằng Nga xinh đẹp
Từ biển bay lên, thức dậy Sài Gòn
Hà Nội hoan hô, Rùa thần trả kiếm
Tiếng chuông ngân, Thiên Mụ gọi oan hồn.

Cha nằm mộng
Mặc áo hoa thượng thọ
Nhấp chén trà, bên Mẹ vịnh thơ trắng
Mây bảng lảng, nguyệt tròn lặn ảo ảnh
Đời lặn theo, xin chọn một đêm vàng.



Chú Cuội nằm say
Ngàn Thu chưa tỉnh
Chân hồng trần, nên đỡ mãi giấc mơ
Em bé hát, thấp trắng sáng lại
Chú Cuội, mau lên, thoát đại khờ.

Ngất ngư tình đời

Đời theo trang Kinh Thánh
Năm xuống mới thành người
Xác tan vào đất tục
Hồn có bay lên trời.

Đời trăm năm bể khổ
Quả báo với luân hồi
Đền phù du siêu thoát
Ta mộng du ngậm ngùi.

Dấu chân vùi cát bụi
Danh vọng chôn thời gian
Trái đất sàng sỏi đá
Vòng tôi luyện Thiên đàng.

Đời có khi êm ả
Hai tay nở hoa lành
Bồng dăng lên bão tố
Dập vùi ta mong manh.

Mồ, chuông vang đèn thánh
Hồn u mê hững hờ
Mẹ hiền rơi nước mắt
Thời gian không đợi chờ.

Thấp đời

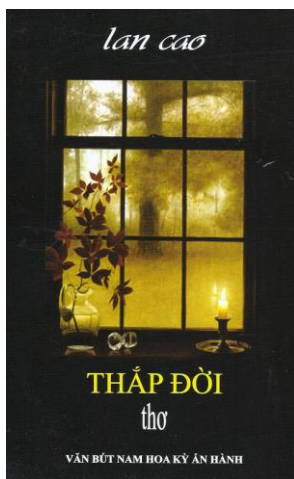
Thấp đời trên ngực Mẹ
Nở vàng hoa Mẫu đơn
Trắng soi vùng hồ phách
Cháy trắng vào môi non.

Thấp đời lên phần bảng
Trưởng thành với lời kinh
Đàn chim trời giăng cánh
Mẹ nhìn con hữu tình.

Thấp đời theo rong ruổi
Dục vó ngựa xông pha
Đan mùa Đông thành áo
Mẹ là áo sơn hà.

Thấp đời xem thế sự
Kẻ sĩ khóc cuồng si
Đối gian thừa như lá
Mất mẹ soi đường đi.

Thấp đời trên ngọn nến
Quan tài Mẹ buông tay
Về lặng thinh viên mãn
Theo khói nhang hồn bay.



Tạ ơn một kiếp làm người

Đêm nay mây đổ về ngàn
Cảm ơn gió tụ, kéo đàn trời đây
Trăm năm xin được một ngày
Tình say hết nghĩa, môi đầy hồn thơ.

Lang thang gặp lại giấc mơ
Nghe em dỗ tiếng trên bờ vai xanh
Nghe mưa dỗ nắng phôi càn
Âm thầm mười ngón vẽ tranh luân hồi.

Tạ ơn một kiếp làm người
Biết cười, biết khóc, biết đời có em
Cho trắng vàng hẹn gió đêm
Cùng ta ân ái, bên thêm đề thơ.

Âm thanh lục bát đợi chờ
Men tình tấu khúc liễu tơ dạo đàn
Hát lên em, kéo muộn màng
Nhớ ơn trời đất mình đang làm người.

Mộ đất đoạn trường

Nghĩa trang gió thổi thì thảo
Nỗi đau quặn thắt, mắt trào lệ đen
Góc nào tĩnh lặng cơn điên
Cầu kinh bật khóc, ưu phiền vực sâu.

Dư âm từ mộ Cha sầu
Lời trăng trời nhắc nhiệm mầu tình yêu
Cơn mưa nhỏ hết nắng chiều
Xanh xao cỏ úa hoang liêu bia già.

Nhớ lúc con lọt lòng ra
Lớn nghe Mẹ kể lòng Cha vui đầy

Ấm lòng với nụ hôn say
Mắt nhìn biển rộng, đất dày tương lai.

Chữ con vai rộng thân dài
Nghĩa ân chưa trả, vội ngày biệt ly
Đắm nhìn trước lúc ra đi
Nắm tay Cha bảo: sống vì quê hương.

Công ơn suối chảy miên trường
Dẫu trong huyết lạnh vẫn thương con mình
Với sông, với núi lung linh
Và trong lòng đất thấm tình của Cha.

Hôm nay quỳ trước mộ già
Nén nhang con thắp, hương hoa dâng bày
Vâng nghe lời dạy Cha đây
Biển Đông gió lạnh, núi cây xanh đời.

Tình và thơ

**Tặng Kim Lan*

Ta ngồi trước những vần thơ
Bên tôi em đứng nghiêng bờ vai chung
Qua rèm trắng lên ngai ngung
Trải vàng thơ ý hồn rung trữ tình.

Tóc em như suối lung linh
Cho môi ngọt lịm hoa Quỳnh thoảng hương
Em ngâm nho nhỏ thơ Đường
Anh say viết vội yêu thương mặn nồng.

Khuya rồi thơ viết chưa xong
Khuya rồi em vẫn bên chồng gọi thơ
Ngoài trời sương đã giăng mờ
Lá đêm trần trở đại khờ thừa xưa.

Em không như lá trong mưa
Như hòn đá cuội nắng trưa chân đời

Em là hồn của thơ tôi
Ngón tay chia sẻ ngọt bùi đắng cay.

Chùm hoa Lan thoảng hương bay
Trong hơi thở nhẹ lung lay đất trời
Cảm ơn Thượng Đế em ơi!
Cho ta nên trọn một đời thủy chung.

Thơ không là

Thơ không là gươm giáo
Để giận hờn rải máu lên hoa
Đêm ngà ngọc đưa trăng vào sát khí
Gieo đau buồn trần trở xót xa.

Thơ không là cơm áo
Đinh chung ngoài mơ ước thi nhân
Lãng mạng thiên đàng coi thường địa ngục
Kiếp văn chương yêu trọn nẻo dương trần.

Thơ không là mua bán
Bút linh hồn vô giá lựa liêu trai
Cây tính nặng, chín thơm đầy quả ngọt
Say vu vơ, môi gió gọi bông lai.

Thơ không là vị kỷ
Viết cho mình xây tháp kiêu sa
Cũng không phải con tằm hóa kiếp
Vấn vương hoài hai chữ thiết tha.

Thai địa ngục

Mặt trời lên
Bóng phổ cúi đầu xưng tội
Đêm tỏ tình
Địa ngục mang thai
Hóc khe núi
Sương mù ôm dối trá
Rừng xôn xao
Thu lá rụng thêm dày.

Trái sao rơm rạ
Ai đốt lửa lưu đày
Cơn mộng ác
Mây dồn òa tiếng khóc
Cơn mưa mùi lệ mặn
Tái mặt rong rêu
Tính yêu con gái
Cắm trên nêu trước ngõ đợi chờ.

Những giọt sương mai
Mang lung lỉnh nhật cầu trong bụng
Căng phồng
Vỡ nắng thổi miên
Thi sĩ làm thơ không bút mực
Tặng cho đời những cảm xúc đen.

Trời chiều
Khăn liệm đỏ
Không phủ kín hoàng hôn rách
Xác người ngồi dậy khóc trắng
Bài thai quý
Sinh ra hòn đá quý
Đám đạo khờ
Hát múa
Màn kịch gió
Ôi, vô thường còn mất
Trời quang xanh
Lọc trắng sợi giao thừa-



NGUYỄN THẾ GIÁC

Tên thật cũng là bút hiệu

sinh ngày 15 tháng 10 năm 1945 tại Bình Định

*Thuở nhỏ học trường làng,
Lớn lên học trường đạo,
Vô Thủ Đô học trường đời,
Khi khói lửa ngút trời gia nhập trường Lính,
Lúc người anh em có ý đồ thôn tính mảnh đất quê hương,
Tuy vẫn còn nằm nhà thương,
Nhưng đã tìm đường ra hải ngoại,
Được dẫm ba huy chương,
Là điều hãnh diện hôm nay,
Một Đệ Ngũ Đảng Bảo Quốc Huân Chương.
Với nhành Dương Liễu.
Nhắc nhở lại từng ngày,
Nhốt chí cả trong lòng Trường Sơn thâm u,
Và đồng bằng duyên hải.
Nghĩen ngẫm nghiệp nước là một rừng oan trái.
Nên thân trai đành chịu kiếp lưu đầy.
Thao thức đếm từng ngày.
Hồi hương trong danh dự.*

Bình nghiệp:

Tốt nghiệp khoá hai mươi trường Võ Khoa Thủ Đức
Nguyên Tiểu Đoàn Trưởng/TĐ92/TĐ947/SĐ22BB
Bị thương tại mặt trận nhiều lần
Sau cùng dù thương vẫn được tiếp tục giữ chức vụ Chỉ Huy
Trưởngng hậu cứ Trung Đoàn.

Sinh hoạt Báo chí:

Trước 1975 viết cho Phổ Thông, Thời Nay, Con Ong, Tuần San
Sinh Viên Huế.
Bỏ nước ra đi tiếp tục viết cho tờ Tre Xanh, (Hong Kong)
tờ Trường Xuân ở trại Dodwell Ridge.

Sinh hoạt tại Hải ngoại :

Đồng sáng lập viên Hội Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do. Hội Ái
hữu Quang Trung.
Nguyên Chủ Tịch hội Cựu Quân Nhân Houston và vùng phụ cận.
Nguyên Chủ Bút Nguyệt San Chiến Sĩ Tự Do.
Nguyên Chủ Bút Nguyệt San Tự Do Dân Bản
của Liên Minh Dân Chủ Việt Nam
Cựu Chủ Tịch Văn Bút Khu vực Nam Hoa Kỳ
(Kiêm chủ nhiệm tạp chí Tin Văn)
Đương kim Đề Nhất Phó Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Thơ văn tiểu thuyết đã xuất bản:

Chiều tình lẻ miền Trung - Nắng quê hương - Gió Nam Bình
Định-Tuổi đại - Con gái xóm đạo -Chiều trên đầm Thị Nại -
Đường Thi Bình Định (viết chung) - Giọt nước mắt cho quê hương
-Trên đỉnh buồn mùa Đông - Tâm sự một dòng sông - Bão Tình -
Trên lưng Trường Sơn - Buồn lên mây đốt ngón tay - Ba mươi
mùa Xuân trên lưng người tị nạn - Đứa con không quốc tịch.

Sẽ phát hành:

Mảnh Vụn Cuộc Đời.

Từ Ngàn Xưa Cho Đến Ngàn Sau Nỗi Đau Của Người Việt Ly Hương

Quyết định đưa Thầy tôi ra đi một chuyến cuối cùng, cho ẩm mộ phần, người nhà từ bên này địa cầu, phải cố vật lộn trước nhiều thử thách, chỉ vì tiên đoán hậu hoạ đối với người về chẳng ít. Thực vậy, khó lòng tránh khỏi lời ong tiếng ve, phần nắm chắc không thiếu gì những bầy sập, giăng ngập khắp nẻo đường quê hương, trong thời gian tôi cũng như những người Lính miền Nam bắt buộc phải thất trận, rồi ai nấy rã ngũ, âm thầm bỏ nước ra đi, dẫn đến một cụm từ ô nhục, không sáng khoái chút nào: “*Đầu hàng vô điều kiện!*”

Nhớ lại vào ngày đau buồn đó, bốn bề thọ địch, quần áo mòn vai đứt cạp, râu tóc bờ phờ, xóc xếch trở về Thủ Đô xem bọn Tướng Lãnh giun đé trốn chui trốn nhủi và bè lũ chính trị trà dư tửu hậu thi nhau diễn trò bán nước. Tôi cố moi móc chút trí khôn còn lại, trong ngăn kéo ký ức của một võ sĩ bị trói tay, để tính chuyện rủi ro, lo tương lai vụn vắn, dẫu đưa thân ẩn dật một nơi nào đó trên quả địa cầu này, cũng còn hơn Việt Nam một địa ngục trần gian, đã đến lúc nung chín quả địa cầu, nên ra sức chạy đôn chạy đáo, tìm đủ mọi phương tiện, trốn tránh nạn diệt chủng trời chết, do người anh em ra rả uống máu ăn thề, từ lâu họ chỉ chọn lộ trình sinh Bắc tử Nam, quyết định cho cuộc đời giải phóng, mà Hà Nội đã chủ trương trồng cây Vô Sản, dân dựng con người máy ra tay đao phủ thủ, chặt ngọt những chương ngại vật, chẳng hề thương tiếc, dẫn đo... Với chiêu bài: “*Thà giết lầm còn hơn bỏ sót!*”

Cứ nhìn hành động thất nhân tâm, biểu hiện lên từng động tác, từ ngày cờ đổi chủ, biết thế nào rồi đây anh em mình cũng bị nghiền xương đốt xác. Chỉ vì suốt mấy mươi năm, ngày Năm Tư chia đôi lãnh thổ, hận thù chồng chất mà họ tích lũy, trong lòng người miền Bắc dưới Chế Độ thiếu vị tha, ngót hai thập niên qua, Nhà Nước vừa tuyên truyền, chĩa ngót khủng bố tinh thần, phải tiêu diệt dù là người anh em, đã không cùng chung chí hướng. Từ đó, nói lên nồng độ tàn bạo từ trong trứng nước, rồi mai đây, sớm muộn gì cũng sẽ muối mặt trù dập, cho hả hê thù hận, cường lực của một mãnh thú vồ lấy con mồi, sau cả đoạn đường dài đuổi bắt, chòn vòn... Dĩ nhiên, như muốn ăn tươi nuốt sống, ngày nào trong

lòng Trường Sơn thâm u, cho đến vùng đồng chua nước mặn, chứ không phải chờ đợi cho đến bây giờ, đất nước mà họ đã may mắn thu về một mối, chẳng một động tác nào đáng kể, của loài chúa tể sơn lâm:

Một mối đau thương, một mối thù hận!

Có lắm điều tối kỵ nữa, cứ thập thò trong từng ý nghĩ, e rằng lòng dạ thân nhân hẹp hòi và bất thiệp vun đầy mặc cảm. Từ đó, là động lực chính, của màn đấu tố Cải Cách Ruộng Đất năm xưa tái diễn. Giờ này hơn ai hết, chỉ có người thân mới biết rõ từ thâm cung bí sử, những dữ kiện làm kinh hồn bạt vía ấy, không khéo là bản điều trần, trước vành móng ngựa của tòa án gia tộc, mà bị can là người thân làm Lý Thông quyết định đi vào hang thương tông, nạp mình cho chẳng đang nhe nanh chờ mồi.

Với những định kiến đau lòng đó, đã cấu xé biết bao suy nghĩ, tai bay vạ gió sẽ không khỏi ập đến, khó có ai trên trái đất này hiểu được lịch sử Việt Nam, một cách thâm thúy, với chiêu bài Quốc Cộng, hơn người Việt di cư dưới sự hà khắc của Xã Hội Chủ Nghĩa, Hà Nội đã gieo rắc không biết bao cay đắng tình đời, cho ba miền đất nước gánh chịu, chả thiếu trận đòn thù tàn khốc nào, mà họ bỏ quên để kẻ khốn cùng có cơ may sống sót, chứ đừng nói định kiến Quốc Gia Dân Tộc có cơ may tồn tại.

Kia... những biển máu, núi xương thấp thoáng trong từng ý nghĩ lưu đầy, làm kẻ ra đi muốn sững sốt trước thảm họa diệt vong, mà Hà Nội đang là tên đao phủ thủ đương đại.

Ông bà mình cũng đã từng than vãn, khi thấy được ít nhiều hậu quả chẳng mấy khả quan, nên để lại một biểu đồ thâm thúy, ai đọc được cũng có thể tượng hình những bất hạnh đi vào nội tâm sâu sắc, làm thành bài toán cộng với lũy thừa chóng mặt, có cả nan đề dồn dập, qua câu Ca Dao răn đời, nhất là cho những ai yên chí phó thác vào số phận, mà quên đi lòng người sau bảy lăm âm thầm, vun quén một rừng ác ý, thậm chí đã mặc nhiên cho biết bao ngón nghề nham hiểm, bỏ vào nội tâm, tạo thành quỹ đạo điều ngoa hồi nào không hay, tượng hình một xã hội vô cùng bất thiệp, tưởng chừng dừng đứng tất cả mọi hiện hữu trên cõi đời này, kể cả họ hàng thân thích, cũng mặc nhiên, để đánh đổi một chút tư lợi nhỏ nhoi và cái hào sản Đại Đồng Chủ Nghĩa phù du lêu bêu, làm mờ mắt nhân sinh. Chí lý thay! Nên người đời chuyển miệng trong lòng nhân gian những e dè khiếp đảm:

Dò sông dò biển, dễ dò.

Nào ai lấy thước mà đo lòng người.

Biết bao gương mặt thân quen hằng ngày, từ xứ Tự Do, chẳng hề biết đến mảnh mung đồn phép là gì, có chăng nữa, cũng chỉ là những lúc chén chú chén anh, mua vui không hại đến ai, nhưng vẫn cứ câu nệ hơn, thiệt, rồi bàn ra tính vào, cân nhắc kỹ lưỡng, làm thành hai chiến tuyến rõ rệt, không ngoài hội đủ tư cách pháp lý, trên bình diện một gia đình nhỏ bé, qua cuộc dong rủi nhất chín, nhì bù, của thành viên rường cột trong một xã hội nhỏ Hải Ngoại, thả quả bóng thăm dò.

Thế là sau nhiều ngày tham khảo ý kiến, đo lường bất trắc, tất cả cuối cùng đầu vào đó, đành nhắm mắt, trước phạm trù đau thương nào cũng chấp nhận, đồng quan niệm cuộc hy sinh dù nhỏ nhất, dĩ nhiên phải có cái giá của nó, mọi người phải dứt khoát tư tưởng, hạ quyết tâm, để cho tôi khăn gói quả mướp lên đường, làm con cơ giả đại qua ải, chứ chưa hề nói đến chàng Kinh Kha qua bờ sông Dịch Thủy, đối diện Tần Vương đầu nhé!

Con chót sang sông, quan niệm của những kẻ chơi cờ có thua gì xe pháo? Nhưng tôi vẫn thủ phận là con chót thí, trên ván cờ trận liệt không hơn không kém, đành ngậm ngùi đánh bạo:

Một liều ba bảy cũng liều.

Cầm bằng như thế chơi điều đứt dây.

Do vậy, tôi mới có cơ hội đặt chân lên hồn đất chôn nhau, khi tình cảm gia tộc đã thắng lý trí, với tí số áp đảo, trên mọi lãnh vực, từng chừng chả còn miễn cưỡng nào chùn bước.

Tuy nhiên, những ngày nằm chờ trên đường về, thứ thể tĩnh trong khối óc mông lung, không biết bao nhiêu âu lo bủa vây lấy tôi, làm thành vết thương trầm tích, xé nát linh hồn thương cảm ra từng mảnh thâm thù, nhất là liên tưởng trong suốt thời gian lẫn lóc trên mảnh đất thiêng, là nỗi đau ngút ngàn của người Việt Nam, sống đời lưu vong Hải Ngoại, đang bất chấp trước mọi dĩ lỡ, cho một chuyến hồi hương bất đắc dĩ, chỉ vì mang nặng hệ lụy sinh thành dưỡng dục trên hai vai môi mồn:

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Cứ xem như mọi chuyện đã an bài, nghĩa là cuối cùng tôi cũng được toại nguyện, khi đưa mình trở lại chốn cũ, nơi tôi bật tiếng khóc chào đời, trên một bình nguyên không lấy gì màu mỡ cho lắm, nhưng hơi phình ra của hình cong chữ S:

Tôi sinh ra bên luống mì, giồng đậu.

Liếp thuốc rê đốt cháy tháng năm dài...

Giờ này, tôi coi như kẻ đã đâm lao, phải theo lao, dẫu cuối đường tuyệt vọng! Nơi đây, một miền quê hẻo lánh, sau ngót sáu mươi năm xa cách. Có điều hết sức lạ lẫm, cho tình người và tình đời. Dĩ nhiên, cả đền thân bằng quyến thuộc, tôi cảm thấy họ chẳng lấy gì niềm nở cho lắm, biết vậy, nhưng cần rằng, không dám trách móc một ai, coi như mình đã am tường khoảng cách thời gian và không gian đã làm mất đi ít nhiều thiện cảm, dù máu mủ ruột rà, vẫn còn dây mơ rễ má, chẳng chịt của gia tộc, nhưng xa mặt cách lòng, khó có thể chứng minh sao cho ổn thỏa, khi thể xác loài người đẩy đẩy tham sân si, hỷ nộ ái ô làm thành pháo đài kiên cố, thứ vi khuẩn diệt chủng cho dù sai lầm, đã ẩn nấp lâu ngày, dưới tế bào da dị ứng, sẽ tấn công với bất cứ lúc nào, khi cơ thể không còn tính miễn nhiễm.

Xét cho cùng, cái giá Tự Do đối với kẻ đói lòng, như một thách thức giáo đầu, đành giấu tiếng khóc ngậm ngùi, khổ hận, những mong tính hiếu kỳ cảm thấy miễn sao mình no nê mùa đoàn tụ, là đủ rồi, trước để được làm người có gia phả, có sự hiểu biết khả dĩ với đời, có truyền thống ông bà cha mẹ tổ tiên, dù trả một giá mắc mớ thêm chút ít, cũng chả nhằm nhò gì, khi việc lớn đã đạt đến mục tiêu tối hậu, đang bày biện trước mặt, mà mình mong đợi, từ ngày ôm lấy trái tim vụn vỡ, trước cảnh chia ly não ruột. Nhưng biết chắc trong thâm tâm mình chẳng khỏi áy náy, khi buồn vui ùa vào chế ngự tế bào luyến nhớ:

Vui là vui gượng ấy mà!

Ai tri âm đó mặn mà với ai?

Gia đình tôi bỏ quê lên Tỉnh, ký ức xót xa còn in đậm nét, trong linh hồn thầm kín trước sự mất mát vô cùng thương tâm, vào thời điểm người anh em phát động chiến dịch:

Vườn không nhà trống.

Rồi hô hào cùng toàn dân, với khí thế đặng đặng sát khí:

Lấy nông thôn bao vây thành thị!

Chuẩn bị cho cuộc nội chiến trường kỳ, nếu cần, khi thể giới đã chia thành lưỡng cực đối đầu và chiến tranh lạnh manh nha vào đạo ấy, làm rã rời một quê hương nông nghiệp ngàn đời.

Từ đó, đất nước chia lìa, quê quặt, cuộc sống dân quê qua thừa ruộng nương dâu, lũ mực đồng với đàn trâu ục ịch về chuồng, hình ảnh khói lam chiều áp ủ bên mái nhà tranh, mấy cô thôn nữ e lệ trốn lũ con trai tồng ngồng tắm sông, coi vẻ hồn nhiên, vô tư dưới

ánh trăng thượng tuần, bao nhiêu cái dễ thương và mộc mạc thường ngày, tưởng chừng quên lên nỗi nhớ, thế mà người đi tìm sự an toàn khá dĩ, không còn cách gì hơn, cứ việc nhắm mắt, đánh rơi những kỷ niệm êm đềm, đánh đoạn lia xa mái ấm. Có lẽ vì lý tưởng sống còn, đã nằm trên cán cân cự ly chính xác, nên buộc lòng khách hàng không còn một đắn đo nào để mặc cả về cái giá của Tự Do hấp lực phóng khoáng.

Về thị thành sống đời ẩn dật, chỉ còn là lối đi duy nhất, cho tuổi trẻ có tương lai, những mong muối dưa đậm bạc đắp đổi qua ngày, mặc nhiên chấp nhận hương hỏa từ đường tẻ lạnh, từ đây như thiếu hẳn nhang khói, trong tâm hồn của kẻ thờ đạo ông bà, hằng năm cúng kính giỗ chạp, đề tưởng nhớ đến tiền nhân có công vun quén, chất chiu, vào những ngày Nam tiến thời trước tiền chiến, trên một quê hương bắt đầu lún dần vào nghiệt ngã.

Tôi biết chắc người lớn tuổi, đạo cha mẹ chẳng thích nghi với cuộc sống xô bồ này đâu! Với cái hoạt cảnh xe cộ náo nhiệt hằng ngày, trên con phố chật hẹp, không còn người lảng giềng tốt bụng khi tôi lửa tắt đèn, là đủ giết chết từng ý nghĩ bảo thủ của kẻ có tuổi trưởng thành. Chỉ vì cả đời, mỗi chiều ông bà thường ra ngoài đầu ngõ, ngồi trên chiếc ghế đẩu, ngắm trời trăng mây nước, phe phẩy chiếc quạt mo cau, đón Nồm từ biển Nam Hải thổi lên, cho ráo hạt mồ hôi, khi Nồm Nam thì nhau san nhượng thời tiết, giữa lúc tranh tối tranh sáng, sau một ngày bầu khí quyền quên đi sự ân cần tôi thiếu cho loài người.

Hoàng hôn bắt đầu tím nhạt trở về, nghe tiếng chim chiến chiến nhao nhao gọi bầy, bên hàng tre bụi trúc, nhìn những cành dừa éo lá cúi sát xuống mặt nước, như tròn nghĩa ân tình, trên dòng sông sương khói bát ngát, còn đùa với từng con sóng nhấp nhô xuôi dòng. Vào những ngày năm cùng tháng tận, đàn én như vọng đến truông mây, trong khoảng không gian nhỏ bé, loài chim đen tuyền, mượt mà nhỏ thó nhớ mùa, không quên vẽ lên những đường kỷ hà, cho ngày Xuân thêm đậm nét giao hoà.

Trước khi rời xa mái tranh nghèo xơ xác của năm nào, còn vang vọng đâu đây, tôi nhớ rõ mòn một, Thầy Mẹ tôi ngày đó, cứ ngồi trên chiếc chõng tre như kẻ mất hồn, đưa mắt qua hàng chần song, bên ngưỡng cửa, chỉ biết nhìn về một góc trời, tuy không còn nước mắt để khóc, cho nỗi truân chuyên lưu lạc của một đời người, những gương mặt buồn thiu, hiện lên vàng trán nhăn nheo khả kính, cũng đủ biết dòng cuồn lưu trong ký ức nghẹn ngào, đã

xoi mòn ít nhiều tế bào nổi nhó, làm thành những cù lao thương tiếc đi động chập chùng, trong khối óc mê một miền quê thanh tịnh, nồng nàn thứ tình yêu chân thành.

Hôm nay, tôi trở lại nơi chôn nhau cắt rốn, sau mùa tang thương ly loạn, là một việc làm bất đắc dĩ và chắc chắn cũng không là người áo gấm về làng, huênh hoang đang sống trên một quốc gia đại cường, mà thực tế hơn hết là đưa cha mình vài thoi đường, vào cõi vĩnh hằng, để ít ra làm tròn nhiệm vụ một người con hiếu thảo, bên quan tài kẻ quá vãng, tưởng chừng linh hồn người đi cảm thấy đỡ tủi thân quanh vắng, cho một lần nằm xuống, chưa phải là tứ cố vô thân.

Tang lễ đầu vào đó, nỗi buồn mất đi một người thân dần vật khôn nguôi, tôi muốn trở về đất tạm dung trong khoảnh khắc, cho âm thầm vùi nồng bao kỷ niệm của một đời tưởng tiếc, nhưng chưa đến ngày giờ, như trên lịch trình chuyến bay ấn định. Với lại, còn phải chờ mở cửa má, cho người đi không còn gì ân hận, rồi còn bái biệt tạ từ, dù sao cũng là hồn đất quê hương nuôi tôi khôn lớn, với vô vàn kỷ niệm từ thuở thiếu thời.

Biết cách gì hơn, mỗi chiều nhìn trời quê mẹ, sự sống giữa chiếc kén tối om, qua lòng mắt đắng nghét, ước gì trong vòng mô đầm chiêu, làm quen những hình ảnh của một thời tóc còn để chôm, cho tâm tư đỡ đi phiền muộn phần nào, mong sao tâm hồn khát khao ít nhiều ước ao cho một đất nước sống lại, giữa kỷ ức chập chùng niềm tiếc thương và hoài vọng.

Những ngày đợi chờ cho một buổi lên đường, tôi mới thấy thời gian dài lê thê, lết thết, may quá cùng lúc giỗ Kỳ Yên, người nhà thấy tôi có vẻ trầm tư mặc tưởng, e trở bệnh dọc đường, rủ rê đi thăm họ hàng, gặp mặt bà con xa gần, cho vui đi những âm ảnh của cả đời trần quý, tính ra hơn ba thập niên, sau một ngày Ba Mươi Tháng Tư Bảy Lăm dài nhất thế kỷ, đã đánh mất tất cả những gì trần quý.

Tôi trộm nghĩ, một lần về là một lần khó, mà muốn hòa hợp trong lòng gia tộc phải bắt chấp tị hiềm, nên cúi xuống tận cùng, trên vùng vị tha, trong khối kỷ ức chật hẹp, nhớ đến làm người có liêm sỉ, dầu bị búa rìu của kẻ yêu nước cực đoan, chẳng bao giờ chấp nhận ngã rẽ của một nhánh sông đời, sau biến cố làm điên đảo lòng người, vì lý do bất khả kháng chẳng nữa. Thế là tôi cũng đành chịu hàm oan, tiếng chì tiếng bác chứ biết sao hơn!

Đoàn xe đủ loại vừa du Xuân, vừa đi ăn giỗ, đã rời thành phố, lên một xa lộ vắt vẻo qua đầm Thị Nại, ngọn Nồm Nam Hải phả lên mặt nước, bầy sóng lao xao như mừng người trở lạ thăm quê, ai có tâm hồn vọng đến một triều đại xưa cũ, không khỏi xao xuyến, quay về một quá khứ dễ thương, trên quê hương yêu dấu, như bà Huyện Thanh Quan khi qua đèo Ngang, chợt ngoảnh lại dưới bóng trời chiều, nhớ về Thăng Long Thành một thuở.

Đọc đường đất dài hun hút, lúa mùa con gái phả bờ, in hình tấm thảm màu xanh lục, dưới nắng vàng rực rỡ, trải phớt lên bầu trời, những áng mây trôi lang thang trong không gian vắng lặng, đầu đây tiếng sáo diều của lũ mục đồng nghe réo rắt, trong tâm hồn như nhảy múa của kẻ hồi hương, rộn lên niềm phấn phới, đoàn xe của người nhà rú còi lên, nghe inh ỏi, tất cả nhao nhao như thuyền về bến cũ. Thế là sau hơn hai tiếng đồng hồ chúng tôi đã đến nơi giỗ Tổ của Nguyễn Tộc Hưng Thịnh.

Xuống xe đầu vào đó, tôi đi bộ một vòng làm quen với họ hàng xa gần, nhất là chào hỏi niềm nở, cho phải đạo của kẻ ở xa trở về thăm cố Quận, người hướng dẫn dắt qua một gò rộng, con cháu quây quần xem trai gái tảo mộ và đám trẻ lẳng lẳng cúi đầu lắng nghe người lớn kể lại công đức tiền nhân cũng như vai vế công thần qua các triều đại, liên quan đến ngày nay, từ sự dẫn dắt chân thành của các bậc tiền bối, cho thế hệ cháu con, tôi mới biết rõ ngọn nguồn, thế mới hay ông Cao Tổ của chúng tôi từ miền Bắc di cư và lập nghiệp ở làng này, vào thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, suốt những đời vua dấy nghiệp đế vương, thịnh suy gần mấy trăm năm, đại gia đình chúng tôi mới hoàn thành cuộc Nam tiến cho cả một tộc họ, từ Bắc vô Trung.

Xong phần vụ dầy mả, những ngôi mộ trong gia tộc có vẻ sáng sủa và khang trang trở lại, sau gần năm dài nắng mưa vui dập, hôm nay như được mặc chiếc áo lộng lẫy, có cả hương trầm thơm ngát và lời chúc tụng chào mừng năm mới, giữa tiếng pháo chuốt, pháo tống đi ùng, bầy trẻ thơ tung tăng giọng ngọng nghịu xin tiền lì xì, vẫn còn lú lo trong tâm hồn của kẻ lạc lõng.

Cũng nhờ dịp tảo mộ, may mắn thay được nghe lại tiếng me đẽ, đã từ lâu không còn trọng dụng, hóa thành mất mùa ngôn ngữ suốt mấy mươi năm qua vay mượn chữ nghĩa xứ người.

Xe chạy vào ngôi Từ Đường cổ kính, đôi mắt tôi không ngớt chăm chú đến địa hình địa vật, điều đầu tiên làm tôi ngạc nhiên không ít, hai bàn thờ được thiết trí ở ngoài sân, có sàn che trong

vọng, còn năm bàn thờ kia, kể cả hương án bài vị đang đặt giữa nội thất, khói hương nghi ngút, phủ phục rồng châu.

Tôi tò mò hỏi ra, vì ẩm ức bên khinh bên trọng, vỡ lẽ mới biết một câu chuyện hoang đường, khó lòng tin được ở vào thời đại mà con người đã bắt đầu tìm đến hỏa tinh, chứ mặt trăng đã trở thành cũ kỹ. Nhưng tôi vẫn thích nghe lý giải, mặc dầu huyền thoại thăng cuối đã không ngồi gốc cây đa từ bao giờ:

... Vị Trưởng Bối thường lệ có trách nhiệm kể lại chuyện xưa, cho con cháu am tường cuộc Nam tiến không kém phần ngoạn mục của Nguyễn Tộc Hưng Thịnh, khi đi lần về phương Nam, chọn đất Bình Định, nơi linh địa này tiên đoán quới nhân phò hộ, sẽ có một danh Tướng dấy nghiệp trong tương lai, làm nơi yên nghỉ cuối cùng của một đời người, ông nhũu mày chậm rãi, tiếng nói của người già vốn dĩ làn hơi khô róc, đứt quãng, giờ có lẽ cảm động trước bối cảnh ly kỳ rừng rợn tuần tự sắp đến, nay lại khao khao giọng thổ thêm lên, những người trẻ chống cằm chăm chú, mới theo dõi được những uẩn tình của gia tộc, từ ngày xa xưa, đang như cuộn phim mà đạo diễn dày công hằng năm trình chiếu với màn đại vĩ tuyến ngoài trời.

Vị Trưởng Lão kéo một hơi thuốc Lào, nghe rọc rạch, như nhựa thuốc vận hành vào thớ thịt, lá phổi, buồng tim, tưởng chừng sáng khoái tinh thần, nhấp tiếp từng ngụm nước trà vôi cho ấm giọng, thao thao bất tuyệt với khí thế đàng đàng, kể tiếp:

... Các cháu biết sao không? Nhưng đoàn lữ hành Nam tiến, trước khi đến vùng đất mầu mỡ này, trong đó có cả đại gia đình mình vượt đèo Hải Vân, phía Nam thành phố Huế bây giờ, bị cọp bọ đi hai người con, lý do tại sao lại thờ hai người bất hạnh ngoài sân, còn năm người kia ở trong chánh điện. Chỉ vì ông bà cha mẹ e rằng, linh hồn kẻ bất hạnh quuyền luyến với gia tộc, rồi đem cọp về rình mắt những người còn lại, thế thôi!

Tôi lân la làm quen người Trưởng Tộc, như chú học trò trường làng xin được thọ giáo từ đây, có vậy mới mong đầy đủ dữ kiện về gia phả, sau khi trở lại Hoa Kỳ sẽ hoàn thành một thiên hồi ký về nỗi khổ đau của người Việt Nam trên đường lập nghiệp và cuộc chiến ý thức hệ sau cùng.

Vị Tiên Bối sụt sùi đôi chút, nhưng cũng vui vẻ trở lại chỉ dẫn, tưởng chừng không giấu diếm một điều gì, đôi mắt quắt thước, dáng điệu phương phi, tay cầm chiếc gậy trúc như tiên ông giáng thế, nắm lấy tay tôi, lưng chừng bước lên gần bàn hương án, dưới

khóai trầm nghi ngút, giọng nhể nhại, có cả sung sướng qua ánh mắt trù mến của kẻ làm công việc dẫn đường, cho lũ trẻ đặt nhiều hoài vọng đến công đức tiền nhân:

- Đây là toàn bộ gia phả, có cả nhiều ngôn ngữ khá lưu loát, chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc Ngữ, ngõ hầu đáp ứng mọi trào lưu tiến hóa của từng thế hệ, chứng tỏ những người đi trước, muốn để lại cuộc hành trình đầy cam go và thử thách, một thời bồng tống nhau tha phương vừa cầu thực, vừa tìm cách chống họa phương Bắc, những mong cuộc sống nở hoa, cho cháu con tận hưởng những ngày thanh bình trên quê hương mới.

Do vậy, nhà diu đất có đầu óc viễn kiến, thiết lập một bộ Hán Tự, phiên dịch ra chữ Nôm và có cả bộ Việt Ngữ dành cho thế hệ tương lai, cơ may nắm vững cội nguồn gia phả và xuất xứ của cha ông từ đâu đến, trong hoàn cảnh nào, đã sống ra làm sao, qua bao nhiêu nhương, trong suốt những ngày khai phóng và bồi đắp cho chữ S mến yêu ngày một thêm tráng lệ.

Tôi như kẻ tìm được kho tàng, từ trong lòng đất không lấy gì làm màu mỡ cho lắm, giữa quê nghèo cùng cực, vợ bộ Quốc Ngữ đọc ngấu nghiến, để tìm lại chân dung của tộc họ mình, một hậu duệ trong bối cảnh lịch sử đầy biến đau nước mắt.

Từ ngày vua Hùng lập quốc, qua những triều đại, con dân Việt phải ra thân vật lộn không biết bao Đế Quốc để sống còn, đã mấy lần Nam tiến mở mang bờ cõi, từ thời Nguyễn Hoàng, một công thần chuyên lo dinh điền và lập ấp, chứng tỏ người Việt chẳng bao giờ quản công giữ vững cõi bờ, không hổ danh là kẻ có trách nhiệm mở nước, dựng nước và giữ nước, giao lại cháu con toàn vẹn lãnh thổ từ Bắc chí Nam.

Tôi sung sướng đến rơm rớm nước mắt, linh hồn trẻ thơ hoài vọng sống lại, tôi nhớ đến Quốc Văn Giáo Khoa Thư, tuổi trẻ ngày nào trước ông thầy giáo già trường làng, tôi là hiện thân chú học trò vòng tay lễ mễ, đọc một mạch thiêu điều ngút hơi: “... *đất nước tôi có hình cong chữ S chạy dài từ ải Nam Quan đến tận mũi Cà Mau, chia ra ba miền Trung Nam Bắc...*”

Tôi chớp mắt... hoảng hốt... như vừa đọc qua bản tin thời sự nóng bỏng, liên quan đến giang sơn gấm vóc:

- Sự chia chác cho đại cường phương Bắc không biết ra sao, giờ này tôi đã thật sự mất thác Bản Dốc và ải Nam Quan!

Vị Tiên Bối lắc đầu, đôi mắt đỏ hoe, tay vằm vằm cây gậy trúc và chiếc dao phát khăn hoang ngày nào trên tay, như cũng bất lực

trước lý trí giằng giụa mảnh thâm thù, làn môi run lên, từng bước chắc nịch, muốn nhai ngấu nhai nghiền đối tượng bán nước:

- *Đừng lo, trước sau gì cũng sẽ có Hội Nghị Diên Hồng thêm một lần nữa, để mình định một công dân tự chủ, tự cường!*

Giọng ông vang vang mấy câu thơ của Lý Thường Kiệt, một trang dũng Tướng đã đánh bại quân Nguyên, giữ vững cõi bờ, để chúng tỏ công khó của người xưa:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư.

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Vọng Về Ải Nam Quan

Ngày xa xưa ấy,
còn là chú học trò tám bé.
tôi muốn được nghe về đất nước mình.
thầy giáo già nghiêm nghị giọng phân minh.
vuốt mái tóc.
tận tình giờ từng trang Sử Ký.
thầy tôi nói.
giang sơn đó
quê hương mình bình dị.
dân tộc mình chung thủy với non sông
đã bao phen làm rạng rỡ giống Lạc Hồng.
một chữ S ôm biển Đông dậy sóng
heo hút từ ải Nam Quan
cúi nhìn mũi Cà Mau
xứ phèn chua nước đọng
dải đất khiêm nhường
lòng lộng Thái Bình Dương.
công khó người xưa
xẻ núi
mở đường
ươm nước mắt cho tươi màu Tổ Quốc.
sung sướng quá
tôi ngủ gà... ngủ gật...
bừng tỉnh dậy
nghe người ta chia đất

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 103

cắt quê hương triều cống lũ quan thầy.
bọn Thái Thú thời nay
bày vẽ chuyện thơ ngây
đau chữ nghĩa dưới gót giày vong bản
thế là ải Nam Quan chôn vùi theo năm... tháng...
biết tìm đâu tác đất để cao rao
tôi bất bình sau một giấc chiêm bao
là ác mộng trở về trên cổ quốc
rồi cũng có một ngày.
sẽ phơi bày sự thật
dù sự thật đau lòng.
thấp vội nén hương.
gọi anh hồn Nguyễn Trãi vái vong.
về chứng giám những người con hiếu thảo.
tuy bỏ nước.
nhưng tâm hồn đầy lương hảo.
vẫn chất chiu hồn đất của tiền nhân
muốn trở về vùng lãnh hải rửa chân
nghe lưu lượng thủy triều.
đăng lên nỗi niềm tâm sự.
và chiêm nghiệm những chuỗi dài quá khứ.
từng xông pha
canh biển
giữ rừng
chắc bây giờ Đại Đế Nguyễn Huệ khóc rưng rưng.
giặc mai phục trên núi đồi Việt Bắc.
Tôn Sĩ Nghị.
hay hồn ma Sầm Nghi Đống.
về Lạng Sơn rồi chắc
nhà Nguyễn Tây Sơn lưu danh hậu duệ kiên cường.
sẽ đưa bảy Bắc Bộ Phủ ma vương.
ra ánh sáng công lý.
giữa pháp trường.
toàn dân mình trị tội.
để những con tim giống da vàng.
lưu vong hải ngoại
muôn đời nhịp đập Việt Nam.
giữ tám bản đồ hình chữ S lộng danh lam.
trao thế hệ tương lai vẹn toàn lãnh thổ.



LƯU NGUYỄN TỪ THỨC

Tiểu Sử:

- * Tên khai sinh Nguyễn Minh Triết
- * Bút Hiệu: Lưu Nguyễn Từ Thức
- * Học vấn: tốt nghiệp Luật, Hành chánh, Điện toán, và Bộ Binh Thủ Đức (khóa 9/68)
- * Sở thích: Làm thơ từ thời còn trẻ nhiều mộng mơ nhưng thất lạc hết. Sau 1975, tiếp tục làm thơ như một thú vui văn nghệ, ngoài thơ còn viết tiểu luận văn học.
- * Cộng tác thường xuyên với các tạp chí: Văn Hóa Việt Nam, Chủ Đề, Đồng Tâm, Đồng Nai – Cửu Long, Trầm Hương, Tin Văn
- * Tác phẩm:
 - CD Thơ GIỌT TÌNH BUỒN,
 - CD Thơ PHIÊN KHÚC TRẦM
 - CD Thơ NHỮNG GIỌT SƯƠNG RỚT MUỘN (nhiều tác giả)

và góp mặt trong các Tuyển tập đã xuất bản:

- Tuyển Tập VĂN THƠ QUỐC GIA HÀNH CHÁNH (1985)
- Tuyển Tập Thơ NHỮNG GIỌT SƯƠNG RỚT MUỘN (2000)
- Tuyển Tập Mùa Xuân của Văn Bút Nam Hoa Kỳ (2003)
- Tuyển Tập Thơ GIAO MÙA (2003).
- Tuyển Tập Thơ HOA VÀNG (2003).
- Tuyển tập PHỐ ẢO TÌNH CHÂN(2005)

DERRIDA VÀ HỌC THUYẾT HỦY TẠO

Vai trò của các nhà phê bình văn học đã được biết đến từ lâu trong các nền văn học phương Tây và là một động lực quan trọng trong việc thúc đẩy các nền văn học này mỗi ngày mỗi cải tiến trong trọng trách phục vụ xã hội và nhân sinh. Các nhà phê bình văn học bằng cái nhìn bén nhạy và một cảm quan nghệ thuật đặc biệt đã soi chiếu cho người đọc và kể cả tác giả của tác phẩm văn học những nét hay, đẹp hoặc những thiếu sót của tác phẩm văn học đó. Một tác phẩm văn học tự nó có thể có nhiều giá trị mỹ học cao, nhưng những người đọc bình thường khó nhận biết hết các nét hay đẹp này nếu không có sự giúp đỡ của các nhà phê bình văn học nhìn vào tác phẩm dưới nhiều góc độ khác nhau. Sở dĩ các nhà phê bình văn học thấy được các nét hay đẹp hoặc thiếu sót của các tác phẩm văn học là vì trước hết họ có được một môi trường thuận lợi để tiếp cận với các nền văn học và với các tác phẩm văn học nhiều hơn người đọc bình thường nên tâm hồn họ bén nhạy hơn trong việc cảm thụ và tìm hiểu tác phẩm nghệ thuật. Thêm vào đó họ được huấn luyện hoặc có sự hiểu biết chuyên môn về các ngành có liên quan đến phê bình văn học như ngôn ngữ học, âm vị học, ngữ âm học, ngữ pháp và cú pháp học... hoặc các hiểu biết về xã hội học, tâm lý học, nhân chủng học....

Tại các quốc gia phương Tây, từ sau thế chiến II, có nhiều trường phái phê bình văn học ra đời. Đầu tiên là trường phái Hình Thức Luận (Formalism) chú tâm phân tích những đặc tính bản thể của tác phẩm nghệ thuật, không đề ý đến cuộc đời của tác giả hoặc môi trường chánh trị trong đó tác phẩm được tạo nên. Theo Hình Thức Luận, một tác phẩm văn học có giá trị nghệ thuật cao phải là một tác phẩm có giá trị thường hằng. Từ thập niên 60 có thêm một trường phái khác là trường phái Cấu Trúc Luận (Structuralism). Theo Cấu Trúc Luận, muốn hiểu một tác phẩm phải đào sâu vào cấu trúc của văn bản để hiểu ý nghĩa đích thực của tác phẩm. Khi đào sâu vào cấu trúc, phải đặc biệt chú ý đến các thành phần của cấu trúc hơn là các yếu tính của cấu trúc. Từ thập niên 80 trở đi một trường phái phê bình mới ra đời được gọi là Hậu Cấu Trúc Luận (Post-Structuralism) dựa trên một quan niệm là khi tìm hiểu

tác phẩm văn học không phải chỉ đào sâu vào cấu trúc mà còn phải tách rời tổng thể của cấu trúc ra để nghiên cứu. Một trong các lý luận gia hàng đầu của trường phái Hậu Cấu Trúc Luận là Jacques Derrida. Ông đã làm chấn động nền văn học phương Tây với một quan niệm lý luận mới trong việc tìm hiểu các tác phẩm văn học được gọi là học thuyết Hủy Tạo (Deconstruction).

Jacques Derrida là một triết gia người Pháp sinh năm 1930 tại El-Biar thuộc xứ Algeria. Ông tốt nghiệp môn triết học tại trường Cao đẳng Sur Pham Paris. Sau khi tốt nghiệp ông được thu nhận vào làm giáo sư triết tại Đại học nổi tiếng Sorbonne (Paris) từ năm 1960 đến 1964. Sau đó từ 1965 đến 1984 ông trở về giảng dạy môn triết tại trường Cao đẳng Sur Pham Paris là nơi đã đào tạo ra ông. Khi ông được nhiều người biết đến nhờ học thuyết Hủy Tạo, ông được nhiều đại học nổi tiếng của Hoa kỳ mời sang giảng dạy như các đại học John Hopkins, Yale, và đại học University of California (Irvine).

Jacques Derrida là người đã tạo dựng nên trường phái Hủy Tạo (School of Deconstruction), là một lối lý luận phân tích có thể áp dụng vào văn chương, ngôn ngữ học, triết học, luật học và cả về môn kiến trúc. Trường phái này coi như được ra đời vào năm 1967 khi Derrida cho xuất bản ba tác phẩm được viết bằng tiếng Pháp và được dịch sang tiếng Anh có nhan đề là *Speech and Phenomena: Introduction to the Problem of Signs in Husserl's Phenomenology* (1973), *Of Grammatology* (1976), và *Writing and Difference* (1978). Ba tác phẩm này đã cùng đưa ra quan niệm hủy tạo áp dụng vào việc đọc và nghiên cứu các văn bản. Quan niệm mới mẻ này của ông đã làm mọi người chú ý đến và đã ảnh hưởng sâu rộng đến lãnh vực phê bình văn học. Theo một cuộc nghiên cứu của John Rawlings tại đại học Stanford vào năm 1999 thì quan niệm Hủy Tạo mới mẻ của Derrida đã được là đề tài nghiên cứu của hơn 400 quyển sách. Chỉ riêng trong lãnh vực triết học và văn học, trong vòng 17 năm qua Derrida đã được nhắc tới hơn 14 ngàn lần trong các bài báo, được hơn 500 sinh viên Mỹ và Anh dùng quan niệm Hủy Tạo của Derrida làm đề tài luận án tiến sĩ của họ. Trình bày quan niệm tân kỳ và thâm sâu của Derrida một cách rõ ràng là một việc làm đòi hỏi nhiều công sức và nhiều giấy mực. Ở đây chúng tôi chỉ xin mạo muội cố gắng tìm hiểu và tóm lược những nét chánh của quan niệm mới mẻ này để cống hiến bạn đọc.

Trước hết, chúng ta nên chú ý trong nguyên gốc tiếng Pháp cũng như tiếng Anh, chữ Deconstruction là một chữ mới được sáng tạo gồm có hai phần là DE và CONSTRUCTION chỉ một ý niệm tháo gỡ, giải thể sự tạo dựng. Vì là một ý niệm mới nên không có tiếng Việt tương đương để dịch, và các nhà phê bình văn học Việt Nam mỗi người gọi một cách. Chúng tôi tạm thời ghép hai chữ HỦY và TẠO lại với nhau để chỉ ý niệm mới này và theo tân văn Trung quốc, “Hủy Tạo Luận” hay “thuyết Hủy Tạo” là phương pháp phân tách, giải thích sự tạo dựng đã thành hình trước đó.

Theo quyển tự điển *A Dictionary of Literary Terms and Literary Theories* của J.A.Cuddon do nhà xuất bản Blackwell ở Luân đôn ấn hành thì thuyết Hủy Tạo (Deconstruction) là một cụm từ dùng để chỉ một lối đọc, một phương pháp lý luận, và cách thức thẩm tra theo lối phân tích. Hủy Tạo không có nghĩa là hủy diệt (destruction) mà có phần nào gần với ý niệm phân tách (analysis) mà theo từ nguyên có nghĩa là tháo mở, giải trừ (undo), và trong trường hợp này là tháo mở, giải trừ sự tạo dựng một văn bản. Nói một cách khác, Hủy Tạo là sự phối hợp giữa sự tạo dựng và sự tháo mở. Khi nghiên cứu phê bình một văn bản ta không chỉ tạo dựng nên một hệ thống những cặp từ tổ mới mà ta còn tháo mở hệ thống luận lý cũ bằng cách chỉ rõ tại sao các đơn vị cấu trúc nền tảng của hệ thống cũ này mâu thuẫn với chính các lý luận của nó.

Thuyết Hủy Tạo của Derrida được coi như là một lý thuyết của Hậu Cấu Trúc Luận (Post-Structuralism), một lý thuyết có mục đích đưa ra một “cách đọc” mới để đọc lại các học thuyết triết học. Hủy Tạo Luận xem mọi tác phẩm như là kết quả của một thủ tục có tánh cách lịch sử và văn hóa bắt nguồn từ sự tương tác giữa các văn bản, từ các định chế và qui tắc viết văn. Xã hội Tây phương được tạo dựng dựa trên một số cấu trúc về nguyên tắc và tổ chức được hiểu một cách khác nhau tùy theo giai tầng xã hội. Ngôn ngữ được tạo thành bởi tài nguyên căn bản là tiếng nói. Tiếng nói được ghi lại bằng ký hiệu (sign). Ký hiệu mang một ý nghĩa nhờ sự phân biệt ký hiệu này với ký hiệu khác. Kiến thức của con người hay những kinh nghiệm sống được ghi lại bằng ngôn ngữ tức được ghi lại bằng ký hiệu. Nói một cách khác, sự hiểu biết của con người là sự hiểu biết qua trung gian những ký hiệu và hệ thống diễn giải những ký hiệu đó. Cho nên, nếu ta không biết mã hóa các kinh nghiệm sống hoặc không đọc hiểu

được các ký hiệu, kho tàng kiến thức của con người sẽ không có gì hữu dụng cho ta. Tất cả các văn bản đều được hiểu qua trung gian của ngôn ngữ, qua trung gian của hệ thống văn hóa, kể cả hệ thống ý thức hệ, và qua trung gian của cấu trúc của tư tưởng và cách thức đọc văn. Văn bản được hiểu nhờ cấu trúc của nó, nhờ cách thức truyền đạt và cũng nhờ nơi cách thức tiếp nhận nó. Văn bản, tự nó, không thể chuyển giao ý tưởng của tác giả được.

Thuyết Hủy Tạo của Derrida đặt trọng tâm vào ngôn ngữ và cách đọc một văn bản. Một người đọc cổ truyền tin rằng ngôn ngữ có khả năng diễn đạt ý tưởng mà không cần phải thay đổi, hoặc tin rằng thứ bậc của chữ viết là thứ yếu so với lời nói, và họ cũng tin rằng tác giả của văn bản là nguồn gốc của mọi ý nghĩa của văn bản. Giống như các nhà cấu trúc luận khác, Derrida phủ nhận vai trò của tác giả như là nguồn cội của sự tìm hiểu tác phẩm và cho văn bản mới đích thực là đối tượng của nghiên cứu. Nhưng khác với các nhà cấu trúc luận, Derrida không những “khai tử” tác giả mà còn cho người đọc một vai trò trội yếu trong việc tìm hiểu văn bản và nhấn mạnh vào sự tương tác giữa người đọc và văn bản như yếu tố quyết định ý nghĩa của văn bản. Ông cho rằng cách đọc cổ truyền hay siêu hình đã tạo nên một số giả sử sai lầm về bản chất của văn bản. Derrida đã phá những giả sử đó và thách thức ý tưởng cho rằng một văn bản có ý nghĩa bất biến và hợp nhất. Các nền văn hóa phương Tây thường hay mặc nhiên cho rằng ngôn ngữ là một phương tiện trong sáng và tốt nhất cho việc truyền thông. Nhưng dựa trên những căn bản về ngôn ngữ học và phân tâm học, Derrida lại đặt nhiều nghi vấn cho sự tin tưởng mặc nhiên này. Theo ông, ý định của tác giả gói gắm qua các văn bản không thể được chấp nhận một cách vô điều kiện. Ý nghĩa của một văn bản phải được diễn giải bằng nhiều cách khác nhau.

Thuyết Hủy Tạo chỉ rõ những ý nghĩa khác nhau này của ngôn ngữ. Theo Derrida, ý nghĩa của ngôn ngữ rất tạm bợ và luôn luôn chuyển dịch. Khi ta đọc một câu văn, ý nghĩa của nó thường chỉ hiện ra khi ta đã đọc hết câu. Nhưng đến khi ấy, ý nghĩa của nó cũng có thể bị đổi thay vì những biểu hiệu ở các câu sau. Mỗi biểu hiệu (signifiers) hay mỗi từ tố không nhất thiết có sự liên hệ trực tiếp với cái ý nghĩa được biểu hiện (signifieds). Không như các nhà ngôn ngữ học cho rằng mỗi biểu hiệu (chữ) và cái ý nghĩa được biểu hiện (nghĩa) có sự hợp nhất, Derrida, trái lại, cho rằng từ tố, sự vật, và ý tưởng không bao giờ hợp nhất. Theo ông mỗi

biểu hiệu là một cấu trúc của sự khác biệt: một nửa của biểu hiệu luôn luôn chỉ cái “không có ở đó” và một nửa kia của biểu hiệu chỉ cái “không là cái đó”. Biểu hiệu và ý nghĩa được biểu hiện (tức chữ và nghĩa) không ngừng tách ra làm đôi và nối kết lại theo một tổ hợp mới với một ý nghĩa mới. Ý nghĩa của biểu hiệu không ngừng chuyển dịch dọc theo dây xích của biểu hiệu, và chúng ta không thể xác định “vị trí” của ý nghĩa sẽ dừng lại vì ý nghĩa không bị cột vào một dấu mốc nào. Cái “điểm cuối” của hiểu biết mà ta tính tìm kiếm cho cái ý nghĩa của biểu hiệu sẽ không bao giờ đạt được. Biểu hiệu và ý nghĩa được biểu hiện tức sự tương quan giữa chữ và nghĩa là một cuộc rượt đuổi không ngừng.

Để chỉ sự bất định này của ngôn ngữ, Derrida đặt ra một từ mới cho tiếng Pháp là “différance”. Theo ông, sự khác biệt không là một thực thể, sự khác biệt cũng không là sự khác nhau giữa hai thực thể. Từ mới “différance” do Derrida đặt ra có ý nghĩa tương tự như động từ “différer” của tiếng Pháp vừa có nghĩa khác nhau vừa có nghĩa triển hoãn. Khác nhau chỉ một ý niệm về không gian: ký hiệu này khác với ký hiệu kia; triển hoãn chỉ một ý niệm về thời gian. Theo Derrida, không có một sự phân định dứt khoát giữa một biểu hiệu và cái ý nghĩa được biểu hiện. Nếu như ta phải trả lời một câu hỏi của một đứa bé hay như trường hợp ta tra từ điển thường một câu hỏi này sẽ dẫn đến một câu hỏi khác, hay một từ này sẽ làm ta tra thêm một từ khác và cứ thế mãi mãi không dứt... Biểu hiệu luôn biến dạng thành cái ý nghĩa được biểu hiện, và ngược lại. Sự triển hoãn ý nghĩa kéo dài theo thời gian này của biểu hiệu là ý nghĩa thứ hai của từ mới “différance”. Điều này ngược lại với điều mà các nhà ngôn ngữ học trước kia như Saussure cho rằng biểu hiệu và ý nghĩa mà nó biểu hiện là một, như hai mặt của một tờ giấy.

Ngoài ra, Derrida còn lý luận là khi ta đọc một ký hiệu, ý nghĩa của nó không rõ ràng ngay tức khắc. Ký hiệu (sign) thường hàm chứa một cái gì thiếu vắng, và trong một chừng mực nào đó ý nghĩa cũng thiếu vắng theo luôn. Theo Derrida, mỗi ký hiệu hay từ tố không những mang dấu vết (trace) của những lần xuất hiện trước mà còn mang dấu vết của những từ khác trong văn bản mà nó hiện diện. Ký hiệu không bao giờ đồng nhất với chính nó vì một ký hiệu xuất hiện dưới những mạch văn (context) khác nhau thường không tuyệt đối có cùng ý nghĩa. Mỗi từ tố trong một câu, mỗi ký hiệu trong một dây xích của ý nghĩa đều có những dấu vết

này dưới một dạng thức phức tạp không cạn kiệt. Ký hiệu này sẽ dẫn đưa tới một ký hiệu khác, ký hiệu này sẽ thành biểu hiện và ký hiệu kia trở thành cái ý nghĩa được biểu hiện, và cứ thế mà hoán đổi vị trí không ngừng. Điều này một lần nữa cho thấy là ngôn ngữ không ổn cố như các nhà cấu trúc luận như Levi-Strauss vẫn thường nghĩ. Trong việc tìm hiểu ý nghĩa của một ký hiệu, không một ký hiệu nào có thể tuyệt đối được xác định, mỗi ký hiệu đều phải được tóm bắt và truy tìm dấu vết xuyên qua mọi ký hiệu khác.

Theo Derrida, các ký hiệu sắp xếp lại với nhau theo một tương quan nào đó tạo thành một văn bản và không có gì bên ngoài văn bản; tất cả những thứ chúng ta biết trong mọi lãnh vực đều là văn bản. Tất cả văn bản được tạo thành bởi sự khác biệt hoặc sự liên hệ giữa văn bản này với các văn bản khác. Nhiều văn bản lại liên hệ với nhau thành những liên văn bản (intertext). Tất cả những liên hệ đó tạo thành một hệ thống liên văn bản rộng lớn. Và sự liên hệ phức tạp này vượt ra ngoài sự chi phối của tác giả các văn bản đó. Derrida không hoàn toàn đồng ý với các nhà cấu trúc luận như khi họ chủ trương là cấu trúc của ngôn ngữ là trung tâm của mọi sự hiểu biết vì ngôn ngữ phản ánh và chi phối mọi thực tại hay hiểu biết của con người hoặc khi họ cho nguồn cội của ý nghĩa không đến từ mỗi cá nhân mà do cấu trúc của ngôn ngữ như hệ thống các ký hiệu, như cú pháp... tạo nên. Tuy Derrida đồng ý là phải chú tâm đến hệ thống, đến cấu trúc thay vì bản thể của tác giả nhưng ông thêm là phải nhìn mọi hệ thống hay cấu trúc như được tạo thành bởi những cặp từ tổ đối nghịch (binary opposition or pair), tức là những cặp từ tổ được sắp chung với nhau trong một mối tương tác nào đó. Những cặp từ tổ này là những đơn vị nền tảng của mọi cấu trúc. Chẳng hạn như trong một cấu trúc siêu hình, ta có thể tìm thấy các cặp từ tổ đối nghịch như: biểu hiện/ý nghĩa biểu hiện, nhạy cảm/lạnh trí, diễn văn/bản văn, lời nói/chữ viết, nhị bộ/đồng bộ, không gian/thời gian, tiêu cực/tích cực... hoặc một cấu trúc triết học thường dựa trên những cặp từ tổ đối nghịch như: người/vật, thiên nhiên/văn hóa, nghĩa thật/ẩn dụ, khoa học/ngệ thuật... Trong những hệ thống hay cấu trúc như vậy, một nửa này của những cặp từ tổ đó bao giờ cũng được xem là quan trọng hơn nửa kia. Chẳng hạn trong những cặp từ tổ như tốt/xấu, sáng/tối, thiện/ác, phải/trái, đàn ông/đàn bà... theo quan niệm cổ truyền của văn hóa phương Tây, nửa trước bao giờ cũng được xem

trọng hơn nữa sau. Tuy Derrida không minh thị chủ trương lật ngược tầm quan trọng của các cặp từ đối nghịch như cho xấu hơn tốt, ác hay hơn thiện, đàn bà trên đàn ông... nhưng qua các tác phẩm của mình ông đã cố tìm cách xóa lẫn ranh ở giữa các cặp từ đối nghịch này để cho thấy là sự liên hệ cổ truyền không còn quá cứng rắn và nhứt là không bên nào trọng, bên nào khinh. Theo ông, những cặp đối nghịch này luôn luôn hợp nhứt, nửa này hàm chứa ý nghĩa cho nửa kia, chúng thay nhau lưu lại vết tích trong ý tưởng..., không có hiện hữu nếu không có vô hữu và không có vô hữu nếu không có hiện hữu, không có âm nếu không có dương và không có dương nếu không có âm... Ta biết được ánh sáng là vì không có bóng tối, ta biết điều thiện hiện hữu vì điều ác đã vắng mặt, ta chiêm ngưỡng đàn bà vì họ duyên dáng, xinh đẹp hơn đàn ông... v.v...

Nói tóm lại, phương pháp căn bản của thuyết Hủy Tạo là tìm các cặp từ đối nghịch ẩn dấu trong văn bản. Sau đó, tìm cách chứng tỏ là mỗi từ trong cặp từ đối nghịch này thay vì có ý tưởng chống nhau chúng là hai thành tố của nhau và bổ sung cho nhau. Được vậy, ý tưởng đối nghịch không còn nữa và hai nửa ý tưởng trở thành hòa đồng và hợp nhứt. Thuyết Hủy Tạo không những chỉ là một sách lược đảo ngược các phạm trù của văn bản mà còn là việc đọc văn bản một cách hoàn toàn tân kỳ và được gọi là lối đọc Hủy Tạo.

Một lối đọc Hủy Tạo (a deconstructive reading) là một cách vừa đọc vừa phân tách những nét đặc trưng về sự khác biệt hệ trọng của một văn bản với chính nó. Hay nói một cách khác, lối đọc Hủy Tạo là cách đọc nhằm làm giảm thiểu lý luận đối chọi ngay trong văn bản, cố gắng phá vỡ những lẫn ranh giữa hai ý niệm đối nghịch mà chúng ta đã quen nghĩ tới, cố giảm thiểu sự đối kháng để thấy được là ý niệm này tùy thuộc và tiềm ẩn nghĩa trong ý niệm kia. Khi giải tỏa được ý niệm đối kháng, ý nghĩa của văn bản sẽ sáng tỏ hơn. Ngoài ra, ý nghĩa được sáng tỏ còn do sự cảm thụ của người đọc nhờ vào kinh nghiệm sống mà người đọc đã kinh qua. Mọi ý nghĩa đều là kết quả của sự tương tác giữa người đọc và văn bản, giữa cái đã biết và cái chưa biết, giữa cái hiện diện và cái vắng mặt... Đọc một văn bản theo lối đọc Hủy Tạo của Derrida giống như dùng quang tuyến X để rọi vào một tác phẩm hội họa. Nhờ quang tuyến X ta thấy được dưới lớp sơn vẽ hiện tại còn có một lớp sơn vẽ khác ẩn dấu bên dưới. Cũng giống

nghư vậy, khi đọc một văn bản người đọc không chỉ đọc “lớp sơn vẽ” bên trên mà còn phải đọc cả “lớp sơn vẽ” ẩn dấu bên dưới vì cả hai lớp đó đều thuộc về văn bản. Muốn được vậy người đọc phải đọc thật kỹ (close reading) văn bản tương tự như khuyên hướng phân tâm học áp dụng cho việc tìm hiểu các hiện tượng thần kinh. Đọc kỹ theo lôĩ Hủy Tạo là phải “thậm vẩn” văn bản, phá vỡ những lớp sơn bọc bên ngoài để có thể đọc được những ẩn dấu bên trong và nhờ đó người đọc thấy được những cặp từ tổ đối nghịch đã “khắc” vào trong văn bản. Phương pháp của Derrida là nghiên cứu những giây phút đặc biệt khi văn bản có vẻ thiếu quyết đoán, hoặc những chuyển đổi rất mờ nhạt dễ dàng thoát khỏi sự quan tâm của người đọc. Theo ông không chỉ cố gắng xác định vị trí những nơi trong văn bản có vẻ mơ hồ hoặc khôĩ hài mà cả những nơi có thể làm sụp đổ nguyên hệ thống ý nghĩa hợp nhứt đã được liên kết với văn bản.

Derrida nhấn mạnh là không phải chỉ vô hiệu hóa các cặp từ đối nghịch của các mô thức siêu hình, thuyết Hủy Tạo còn bao hàm sự đảo ngược và sự chuyển hóa. Giữa các cặp từ tổ triết lý đối nghịch như đã được đề cập tới luôn luôn có một hệ cấp độc đoán, một từ tổ, thường là từ tổ đầu giữ vai trò thượng tôn và kiểm soát từ tổ kia. Vì vậy, công việc đầu tiên của việc hủy tạo sự đối nghịch là phá bỏ hệ cấp đó. Việc tiếp theo là đảo ngược và chuyển hóa ý nghĩa của các từ tổ. Một điều cần lưu ý là với một phương pháp đọc như vậy ý nghĩa của văn bản có tánh cách rất chủ quan nên giá trị thường là tương đối.

Dựa trên thuyết Hủy Tạo, Derrida đã duyệt xét lại các hệ thống triết học cũ của phương Tây nói chung và các hệ tư tưởng đã có ảnh hưởng sâu rộng trước đó nói riêng như hiện tượng học của Husserl, ngôn ngữ học của Saussure, phân tâm học của Freud và Lacan, cấu trúc luận của Levi-Strauss, và các tác phẩm của các triết gia như Nietzsche, Rousseau.... Một cách tổng quát, Derrida cho là các nhà tư tưởng này sở dĩ có thể áp đặt được nhiều hệ thống tư duy khác nhau là nhờ quên lãng hoặc ngăn cản tác dụng xuyên phá của ngôn ngữ. Một trong các ảo giác ngự trị nền triết học phương Tây là lý luận cho rằng có thể nắm bắt được thế giới thực tại không cần nhờ đến ngôn ngữ. Các công trình của Derrida đã cho thấy là ngôn ngữ đã làm chệch hướng các đề án của các triết gia đó. Để chứng tỏ điều này Derrida đã chú tâm nghiên cứu việc dùng ẩn dụ và những cách thức trừu tượng khác đã được dùng

trong các văn bản triết học. Nhờ đó, Derrida làm nổi bật được tánh cách cường điệu của những lý lẽ triết học.

Theo Derrida thì hiện tượng học của Husserl giống như hầu hết các triết gia khác đều dựa trên sự thừa nhận là có một lãnh vực trong đó mọi sự đều chắc chắn (area of certainty). Căn cơ và nền tảng của các nguyên lý của các triết gia này là sự hiện hữu (presence). Trong trường hợp của Husserl, sự truy tìm một hình thức biểu lộ thuần túy (pure expression) đồng thời cũng là sự truy tìm một hình thức chứng tỏ sự hiện hữu ngay tức khắc, điều này ám chỉ sự tự hiện hữu là một điều chắc chắn không chối cãi được.

Tuy nhiên, Derrida bài bác sự khả thể của sự hiện hữu này và như vậy làm mất đi luôn các căn bản lý luận mà các triết gia cổ điển đã dựa vào. Bằng sự bài bác sự hiện hữu, Derrida cũng bài bác luôn ý niệm hiện tại. Đối với nhiều người, hiện tại là lãnh vực của những điều đã biết được. Ta có thể không chắc chắn những gì đã xảy ra trong quá khứ, những gì sẽ xảy ra trong tương lai, hoặc những gì đang xảy ra ở một nơi khác, nhưng ta tin tưởng vào sự hiểu biết của ta về hiện tại, về những gì đang xảy ra tại đây và ngay bây giờ, cái thế giới cảm thụ hiện tại như chúng ta đang kinh qua. Khi thách thức các ý niệm về hiện tại như vậy, Hủy Tạo Luận của Derrida đã đe dọa cả thực chứng luận (positivism) và hiện tượng học.

Husserl cũng cố gắng phân biệt giữa biểu lộ (expression) và biểu thị (indication). Sự biểu lộ có dính dáng đến ý định của diễn giả là cái mà ta có thể gọi là ý nghĩa thuần túy của ký hiệu, như vậy nó khác với biểu thị vì biểu thị chỉ chức năng của ký hiệu và như vậy không dính dáng gì đến ý định của diễn giả. Theo Derrida, sự biểu lộ thuần túy luôn luôn bao hàm yếu tố biểu thị. Và biểu thị không bao giờ tách rời ra khỏi được sự biểu lộ. Các ký hiệu cũng không thể làm cho ta hiểu điều gì khác hơn là chính nó. Do đó, không thể có những biểu hiệu đứng độc lập với những gì được biểu hiện. Những kết luận này hàm chứa không có sự hiện hữu nào bất xứng.

Derrida cũng dị nghị về nguyên lý ngôn ngữ của Saussure. Derrida đã dựa trên cuốn sách *Course in General Linguistics* của Saussure để bình luận về lập trường của ông ta. Qua quyển sách này Saussure đã đưa ra một sự phân chia rõ ràng giữa biểu hiệu và cái được biểu hiện, sự phân chia này phù hợp với những cặp từ đối nghịch truyền thống như vật chất và tinh thần, thực thể và tư duy,

trong đó bao giờ từ tổ tinh thần và tư duy cũng được xem trọng hơn từ tổ đi kèm theo. Derrida cho rằng sự phân chia giữa biểu hiệu và cái được biểu hiện chỉ được duy trì khi một từ tổ phải được xem là cuối cùng, không thể quy chiếu thêm vào một từ tổ nào khác. Điều này như đã được Derrida minh chứng nhiều lần là không thể có được vì cái được biểu hiện và biểu hiệu luôn luôn hoán đổi vị trí cho nhau một cách vô tận. Cho nên theo Derrida không nên có một sự phân chia như vậy. Ngoài ra, Derrida cũng nhận định là Saussure đã sai lầm khi cho chữ viết (writing) có một vai trò thứ yếu so với lời nói (speech). Theo Saussure lời nói được xem gần với tư tưởng hơn, và như vậy gần với cảm quan, với ý tưởng, và ý định của người nói. Lời nói thực hơn, luôn sống động và luôn thay đổi. Khi ta nói, lời nói phát ra từ ta, từ bản thể đích thực của ta. Chữ viết không được trực tiếp, tự nhiên và thành thực như vậy. Chữ viết đã bị các luật tắc về văn phạm và cú pháp làm biến dạng. So với lời nói, chữ viết có tánh cách máy móc, và như là một bản chép lại những gì ta nói. Lời nói, theo Saussure được coi hệ trọng hơn là vì nó gần với sự khả thể của sự hiện hữu. Diễn giả phải có mặt mới nói được. Lời nói cũng bao hàm sự ngay tức khắc. Lời nói phát ra và truyền ngay ý nghĩa đến tai người nghe.

Derrida gọi sự xem lời nói quan trọng hơn chữ viết của Saussure là Trọng Âm Luận (phonocentrism). Theo Derrida, thực ra thì chữ viết là căn bản tiên khởi của ngôn ngữ và phải được thừa nhận là có ưu tiên trên lời nói. Do đó, không nên đặt một lần ranh giữa chữ viết và lời nói vì cả hai đều có một vai trò như nhau. Qua quyển sách *Of Grammatology*, ông cho rằng sự gán ghép cho chữ viết một vai trò thứ yếu là một âm mưu có tánh cách to rộng hơn và nó có liên hệ đến Biểu Trung Luận (logocentrism) là một trường phái bắt đầu từ thời Plato đã đồng hóa các nghị luận triết học với lý luận phổ quát. Triết học phương Tây cho là có một chân lý làm nền tảng của mọi đức tin, nên người ta tin là có một sự sắp xếp, một khát vọng cho một biểu hiệu vượt trội, biểu hiệu này trực tiếp liên hệ đến cái ý nghĩa được biểu hiện và rất là ổn cố và an toàn. Chẳng hạn như các ký hiệu: Ý tưởng, Thế giới thần linh, Trời, Phật, Chúa... Mỗi ý niệm hành xử như là nền tảng cho một hệ thống tư tưởng và tạo thành một chùm những biểu hiệu khác kết tụ chung quanh nó. Cũng tương tự như vậy, ý nghĩa của các biểu hiệu như Quyền uy, Tự do, Trật tự... rất được xã hội xem

trọng. Người ta đôi khi còn cho các ý nghĩa này như là căn nguyên của tất cả các ý nghĩa khác.

Thực ra thì tất cả những ý nghĩa vượt trội gắn ghép này đều là hư cấu. Muốn cho các ý nghĩa của các biểu hiệu trên có thể được biết đến thì trước đó các ký hiệu liên quan đến các ý nghĩa này đã phải có từ trước rồi. Khi ta nghĩ đến căn nguyên, ta thường hay phải tìm về một khởi điểm có trước đó. Tuy nhiên, các ý nghĩa không phải lúc nào cũng phải được nhìn dưới khía cạnh căn nguyên, chúng cũng thường được nhìn dưới khía cạnh chủ đích mà các ý nghĩa khác cũng muốn đạt đến. Nhận thức sự việc với định hướng đi về mục đích tối hậu là phương cách hay nhất để sắp xếp các ý nghĩa theo một hệ cấp tùy theo sự hệ trọng.

Trọng Âm Luận hay Biểu Trung Luận đều mang thành tố Trung tâm luận (centrism) tức ý muốn hướng vào giữa, vào trung tâm, vào trọng tâm quyền lực đã sản sinh ra những cặp từ tổ đối nghịch có tính hệ cấp. Cặp từ tổ bề trên/kẻ dưới là một thí dụ. Bề trên thuộc về sự hiện hữu, sự biểu trưng. Kẻ dưới được dùng để định chế hóa kẻ bề trên. Những cặp từ tổ đối nghịch như linh hồn/thể xác, nhạy cảm/lanh trí, lời nói/chữ viết... là những tài sản được nền triết học phương Tây truyền lại cho chúng ta và trở thành gánh nặng cho môn ngôn ngữ học ngày nay trong việc xóa nhòa sự đối kháng giữa chữ và nghĩa.

Rất nhiều triết gia trong lịch sử đã thảo luận đến cặp từ tổ đối nghịch thiên nhiên/văn hóa. Họ thường cho rằng người cổ xưa sống trong cảnh thiên nhiên nguyên sơ cảm thấy nguy hiểm và thiếu thốn nên nảy sinh ra nhu cầu hay ước muốn sống cộng đồng. Trong sự tiến hóa của loài người từ lối sống giữa thiên nhiên đến lối sống xã hội, giai đoạn xã hội được phác họa như là một sự bổ sung cho giai đoạn nguyên thủy trong đó con người sống hạnh phúc giữa thiên nhiên. Nói một cách khác, văn hóa đã bổ sung cho thiên nhiên. Thực ra theo Derrida thì văn hóa đã chiếm vai trò trội yếu của thiên nhiên từ rất lâu trong lịch sử của con người.

Đối với yếu tố bổ sung Derrida nhận thấy Rousseau khi diễn tả một biến cố hay một hiện tượng, ông thường hay dựa vào yếu tố bổ sung này. Theo Rousseau mặc dầu thiên nhiên được thừa nhận là có thể tự túc nhưng thiên nhiên vẫn cần đến văn hóa, không có một thiên nhiên nguyên sơ vì thiên nhiên đó luôn luôn là một thực thể cần được bổ sung. Mặt khác, Rousseau cũng tin tưởng lời nói là tình trạng khởi nguyên, lành mạnh và tự nhiên nhất của ngôn

ngữ, còn chữ viết chỉ là thứ yếu và có phần nào suy nhược. Nhưng khi đọc kỹ lại các sách của Rousseau, Derrida thấy là Rousseau đã tự mâu thuẫn vì qua các tác phẩm của ông Rousseau đã đặt nặng vai trò chủ yếu cho chữ viết. Nói một cách khác, các văn bản của Rousseau đã tố cáo những điều mà ông đã khổ công phủ nhận, các văn bản của ông không thể diễn tả được những gì nó muốn nói hoặc không nói được những gì nó muốn diễn tả.

Derrida cũng phê bình quan điểm Cấu Trúc Luận của Levi-Strauss. Nhưng trước khi tìm hiểu các lời bình luận của Derrida thiết tưởng nên nhắc lại đôi dòng về chủ trương của Cấu Trúc Luận. Cấu Trúc Luận đã cố cô lập các cấu trúc tổng quát của sinh hoạt của con người và họ nhận thấy là các sinh hoạt này có nhiều tương đồng với môn ngữ học. Môn ngữ học cấu trúc thực hiện bốn thao tác chánh là: thứ nhất, nó chuyển sự nghiên cứu những hiện tượng ngôn ngữ có ý thức sang sự nghiên cứu cấu trúc vô thức; thứ hai, nó không xem từ tổ như một thực thể độc lập mà xem từ tổ như là căn bản của sự phân tích để tìm mối liên hệ giữa các từ tổ; thứ ba, nó đưa quan niệm hệ thống vào nghiên cứu; và cuối cùng nó nhằm khám phá ra những luật lệ tổng quát.

Derrida trước hết nghi ngờ sự khả hữu của luật lệ tổng quát. Thứ hai, Derrida cũng nghi vấn sự đối nghịch giữa chủ thể và khách thể, mà dựa vào đó những miêu tả khách quan được xây đắp. Theo ông, sự miêu tả khách thể đã bị ô nhiễm bởi những mô thức của ý muốn chủ quan. Thứ ba, Derrida cũng nghi vấn về cấu trúc của các cặp từ tổ đối nghịch. Ông kêu gọi phá bỏ sự cần thiết của những phương trình cân bằng, để xem mỗi từ tổ trong cặp từ đối nghịch không phải là một đồng lõa của từ tổ kia.

Cấu Trúc Luận của Levi-Strauss có thể nói như là sự truy tìm những cấu trúc bất biến hay những tổng thể chánh thức phản ánh tình trạng của trí thông minh con người. Khuynh hướng này ủng hộ tư tưởng cổ truyền cho văn bản là nơi mang ý nghĩa ổn cố và người phê bình chân chánh phải tìm chân lý ẩn dấu trong văn bản. Derrida cho rằng Levi-Strauss giống như Rousseau đã biện minh cho vai trò của lời nói hơn chữ viết. Theo Levi-Strauss chữ viết là công cụ của đàn áp, là phương tiện để thuộc địa hóa những trí óc sơ khai. Trong quan điểm của Derrida không có chánh thống thuần túy như Levi-Strauss đã hình dung, và đề tài sự hồn nhiên đánh mất chỉ là một ảo tưởng lãng mạng.

Derrida thậm xét quan điểm của Levi-Strauss dưới ánh sáng của Biểu Trưng Luận. Một trong các vấn nạn của môn nhân chủng học là sự chuyển tiếp từ thiên nhiên sang văn hóa. Derrida nhận thấy là Levi-Strauss thường xuyên đặt nặng ưu tiên cho thiên nhiên trên văn hóa. Với một cách rất tình cảm và luyến tiếc quá khứ ông ta luôn khoắc lên mình một giấc mơ hồn nhiên kiểu Rousseau và mơ về những xã hội thiên nhiên nguyên sơ. Theo Derrida thực ra thì bên dưới mặc cảm tội lỗi và sự luyến tiếc quá khứ là bệnh chung của môn nhân chủng học, Levi-Strauss ủng hộ chủ nghĩa vị tộc (ethnocentrism) thiên về Tây phương nhưng được ngụy trang như là một chủ nghĩa chống vị tộc đầy tự do và nhân ái.

Về ngôn ngữ Levi-Strauss cũng như Saussure quan niệm chữ viết như một dụng cụ văn hóa thứ yếu, một thứ dụng cụ phụ dùng để bổ sung cho tiếng nói. Tiếng nói được phú cho tất cả các đặc tính siêu hình của cuộc sống và dồi dào sinh khí, trong khi đó chữ viết mang đầy ý nghĩa tăm tối của bạo hành và chết chóc. Về điểm này ta đã nghe Derrida biện giải ra sao về sự khinh trọng giữa chữ viết và lời nói ở trong đoạn bình luận về quan điểm của Saussure. Có điều cần ghi nhận thêm là khi Derrida nói “chữ viết” không có nghĩa là các ký hiệu được ghi lại trên giấy hay các phương tiện vật thể khác mà là một danh xưng dùng để chỉ một cấu trúc chứa đầy những dấu vết của các tương quan. Và ý nghĩa rộng này của “chữ viết” đã được Sigmund Freud dùng đến từ lâu.

Khi Freud muốn diễn tả những công trình về tâm thần ông đã dùng đến những mô thức siêu hình trong đó chữ viết đã được dùng thay vì lời nói. Trước đó, Freud đã dùng đến các mô thức cơ giới, nhưng chẳng bao lâu sau ông gạt bỏ mô thức này. Khi ông chuyển từ cách thức giải thích thần kinh sang cách thức giải thích tâm linh ông đã bắt đầu dựa vào những ẩn dụ của cơ chế quang học. Sau đó, Freud cho là thích hợp nếu so sánh các giấc mơ với hệ thống chữ viết hơn là với lời nói. Để chỉ sự lạ lùng của sự liên hệ luận lý tạm bợ trong các giấc mơ, Freud đã luôn luôn dựa vào chữ viết căn bản và các hệ thống ký hiệu khác như lối chữ tượng hình, các hình đồ... Theo Freud các biểu tượng của giấc mơ thường có một hay nhiều nghĩa khác nhau, và giống như chữ Hán, ý nghĩa chính xác của mỗi biểu tượng chỉ đạt được trong mỗi mạch văn mà thôi.

Điều làm Derrida quan tâm về các công trình phân tâm học của Freud là sự kiện Freud đã dùng và dạy ta các lối giải mã cho

văn bản. Bốn kỹ thuật Freud đã dùng là: sự cô đọng, sự hoán chuyển, sự quan tâm đến tư cách đại diện, và sự tái duyệt xét. Sự cô đọng và sự hoán chuyển có thể nói một cách hoa mỹ chánh là sự ẩn dụ và sự hoán dụ. Kỹ thuật thứ ba là kỹ thuật bóp méo một ý tưởng cách nào cho có thể trình bày như một hình ảnh. Sự tái duyệt xét là sức lực tâm linh làm trơn tru các đối kháng và tạo nên sự chánh xác hiển nhiên.

Freud cho rằng nơi đâu mà sự khách quan không kiểm soát được văn bản, nơi đâu mà văn bản tỏ ra hoặc quá suôn sẻ hoặc quá vụng về thì nơi đó người đọc cần phải chú mắt vào. Derrida phát triển ý tưởng này xa hơn và thêm rằng ta nên xem xét kỹ những đoạn nào mà văn bản muốn vượt quá qui luật của nó tự đặt ra, làm như vậy ta sẽ tháo gỡ văn bản ra từng mảnh nhỏ hay nói cách khác là ta hủy tạo được văn bản vậy.

Một người đương thời diễn giải xuất sắc tư tưởng của Freud là Jacques Lacan. Giống như Freud, Lacan phủ nhận là có sự khác biệt giữa “thông thường” và “bất thường”. Ngoài ra, ông ta cũng bài bác các công trình của các nhà phân tâm học Mỹ đã nhấn mạnh là bản ngã như là yếu tố quyết định của tâm thức. Theo như Lacan, chủ thể không bao giờ có thể là một cá tánh hoàn toàn và vĩnh viễn bị chia cách với chủ thể của ước muốn. Rồi Lacan còn đi xa hơn bằng cách dùng thuật ngữ của cấu trúc ngôn ngữ để định nghĩa vô thức. Điều này làm cho Freud gần lại với Derrida, tuy vậy sự tương giao của hai nhà tư tưởng này cũng có nhiều trắc trở.

Đối với người ngoài nhìn vào thì Lacan và Derrida có nhiều điểm tương đồng: thứ nhất là cả hai cùng quan tâm đến các lý thuyết ngôn ngữ chống thực dụng và cùng đồng quan điểm về tánh cách ẩn dụ của ngôn ngữ. Thứ hai, cả hai cùng chịu ảnh hưởng của Freud về các lý thuyết vô thức và về giấc mơ như là một văn bản. Điều đó có nghĩa là cả hai cùng quan tâm về những cách “đọc” và những lối “viết”. Thứ ba, cả hai cũng như Freud đều chú ý đến sự tương quan giữa thiên nhiên và văn hóa. Vậy thì tại sao sự tương quan giữa hai nhà tư tưởng này lại có nhiều trắc trở? Trước hết, Derrida lý luận là mục tiêu của các phân tách của Lacan là để làm sáng tỏ và thiết lập “chân lý” cho chủ thể, và mặc dầu dùng cấu trúc của ngôn ngữ để diễn tả vô thức Lacan vẫn còn bám chặt với các đề án siêu hình của Freud bằng cách thừa nhận vô thức như là nguồn cội của chân lý. Derrida tin rằng Lacan tưởng là ông ta đã nhìn thấy một Freud “đích thực” và cũng không lạc

quan gì về ý niệm “chân lý” và “chánh thống” của Lacan vì Derrida xem hai ý niệm này như là tàn dư của những qui tắc hiện sinh thời hậu chiến.

Ngoài ra, Derrida còn tin là Lacan đã đơn giản hoá quan niệm văn bản của Freud. Theo như Lacan phân tách thì chân lý (tức biểu tượng) đương nhiên tỏa ráng nhờ tiếng nói. Môn phân tâm học được duy trì như là môn chữa bệnh bằng lời dựa trên việc nói ra sự thực. Derrida kêu ta phải thận trọng khi ta bài bác chuyện dành ưu tiên cho cái được biểu hiện (tức nghĩa quan trọng hơn chữ) thì ta cũng không nên tự hài lòng bằng cách dành ưu tiên cho biểu hiệu (tức chữ quan trọng hơn nghĩa) và Derrida nghĩ là Lacan đã vương phải lầm lẫn như vậy.

Đối với Nietzsche ta thử xem xét vì sao mà nhiều người coi nhà tư tưởng này như là “tiền thân” của Derrida. Đặc điểm trội yếu trong các công trình của Nietzsche là sự không tin tưởng vào siêu hình học và sự nghi ngờ về giá trị của “sự thực” và “ý nghĩa”. Dựa vào quan điểm triết lý là không bao giờ có kết luận chung cuộc, Nietzsche cho là văn bản không thể sửa đổi và do đó không bao giờ có thể được giải mã. Nietzsche cũng cho là ta không thể nào thoát khỏi được giới hạn của ngôn ngữ, cho nên ta không có cách gì khác hơn là hành xử với ngôn ngữ. Ngoài ra, Nietzsche cũng ý thức là mỗi con người đều bị trói buộc bởi chính những viễn cảnh (perspective) của mình. Một trong những cách đề đối phó với sự trói buộc này là sách lược hoán chuyển sự đối nghịch (strategy of intersubstituting opposites). Nếu con người luôn luôn bị trói buộc bởi viễn cảnh của mình, thì ít nhất con người cũng có thể tự ý đảo ngược những viễn cảnh này một cách thường xuyên. Tiến trình này cho thấy là hai từ tố đối nghịch thực ra chỉ là sự liên hệ toa rập với nhau mà thôi. Như vậy, sự giải mở sự đối nghịch của Nietzsche rất là giống sự giải mở sự đối nghịch trong thuyết Hủy Tạo của Derrida. Ngoài ra, Nietzsche còn cho là triết học từ thời Plato cho đến nay đã chìm đi một sự kiện là ngôn ngữ có tánh cách ẩn dụ triệt để. Tất cả các học thuyết triết học đều dựa trên tính ẩn dụ này của ngôn ngữ nhưng lại ngụy trang nó đi. Theo chân của Nietzsche, Derrida chỉ rõ là mọi ngôn ngữ đều có tánh cách ẩn dụ từ cội rễ. Chuyện cho ngôn ngữ chỉ là những con chữ theo nghĩa đen của nó là một lầm lẫn. Tác phẩm văn chương trong một chừng mực nào đó ít lừa dối người đọc hơn các lối văn phẩm khác vì các lối văn phẩm khác thường hay mơ hồ với quá nhiều ẩn dụ nhưng

lại tự cho như là những chân lý không thể chối cãi. Điều này cho thấy là không có một lần ranh rõ rệt giữa văn chương và triết học, cũng như giữa phê bình và sáng tạo. Những tác phẩm về triết học, luật pháp và cả các học thuyết chánh trị đều dùng đến ẩn dụ như thi ca, cho nên tất cả đều có tánh cách trừu tượng và hư cấu như nhau.

Theo như Dinitia Smith, một ký giả của báo New York Times thì Jacques Derrida là “một triết gia nổi tiếng nhất của thế giới” ngày nay và thuyết Hủy Tạo của ông đã được đón nhận rộng rãi nhất trong các nền văn hóa phương Tây. Tuy vậy, ông vẫn không tránh khỏi bị chỉ trích mà nổi bật nhất là Terry Eagleton, một bình luận gia thiên tả người Anh. Theo như Eagleton thì những đặc tánh chánh của thuyết Hủy Tạo là phủ nhận mọi ý niệm về tổng thể và như vậy nó đối kháng lại sự dành đặc quyền cho chủ nhất thể (unitary subject). Eagleton cũng cho là vì thuyết Hủy Tạo xác nhận rằng văn bản văn chương không có liên hệ với cái gì ngoài chính nó nên thuyết Hủy Tạo không quan tâm đến việc qui trách một ai về việc bóc lột đang diễn ra để căn cứ vào đó mới có được những phán đoán rõ ràng. Eagleton đã dè bieu là nhiều chủ đề mới có vẻ khoe khoang của thuyết Hủy Tạo chẳng qua chỉ là sự lập lại những đề tài thông dụng của chủ thuyết tự do tư bản. Theo Eagleton, thuyết Hủy Tạo một mặt chỉ là một lý thuyết cải cách văn bản. Vì thuyết Hủy Tạo chỉ hình dung được sự mâu thuẫn như là sự xung đột bên ngoài của hai bản chất nhất thể nên nó đã thất bại trong việc lãnh hội được quan niệm giai cấp biện chứng. Mặt khác, thuyết Hủy Tạo lại có vẻ cực tả vì nó đã tự làm thành khó hiểu khi xem ý nghĩa tự nó có tánh cách khủng bố. Hai tánh chất cải cách và cực tả là hai trong nhiều nguyên nhân thất bại của thuyết Hủy Tạo đối với các phong trào cách mạng quần chúng. Dù nhìn dưới một nhãn quan nào, một điều không ai chối cãi được là thuyết Hủy Tạo qua phương cách đọc văn bản tân kỳ của Derrida đã đóng góp rất nhiều cho việc xét lại giá trị của nhiều hệ thống tư tưởng đã một thời chi phối suy nghĩ của con người, đặc biệt là con người trong các nền văn hóa phương Tây.

Đối với các nền văn hóa phương Đông, đặc biệt là nền văn hóa Việt Nam với rất nhiều văn bản chưa được tìm hiểu đúng mức vì con số các nhà phê bình văn học trong suốt quá trình văn học sử của Việt Nam còn quá thưa thớt. Con số thưa thớt đáng buồn này một phần nào do nơi quan niệm văn hóa sai lầm là phải giới hơn

người “bị” phê bình thì mới có thể phê bình người đó được. Thực tế thì các nhà viết tiểu thuyết giỏi, làm thơ hay chưa chắc là người phê bình văn học đáng tin cậy, đôi khi còn trái lại là đảng khác. Mặt khác, chúng ta cũng thường dễ dàng chấp nhận giá trị của sản phẩm văn học như là bất biến. Khi đã có ai đó tuyên dương một tác phẩm là tuyệt tác hoặc làm ngơ một tác giả nào đó vì cho người này không đáng được người đọc lưu tâm thì thông thường ít có ai dám làm ngược lại quan điểm chung đó. Qua Derrida ta thấy là không có gì tuyệt đối trong văn học để chúng ta cứ mãi nghe theo các “ngự sử” của văn học rồi cứ luôn theo đường xưa lối cũ mà đi. Giá trị của mọi tác phẩm văn học đều có tánh cách tương đối vì nó tùy thuộc vào người đọc chứ không phải hoàn toàn do nơi tác giả và tác phẩm như từ trước tới nay ta vẫn hằng tin tưởng. Với Derrida, văn bản (tức tác phẩm) trở thành thứ yếu và là một nguồn cảm hứng, một nguồn sáng tạo mới cho người đọc. Người đọc hoặc nhà phê bình khi đọc không phải chỉ diễn giải văn bản mà còn làm công tác “sáng tạo” lại văn bản đó. Văn học Việt Nam đang rất cần nhiều người đọc trong tinh thần sáng tạo đó để đọc lại tất cả các văn bản của kho tàng văn học Việt Nam đã có từ trước đến nay và trong tương lai. Nếu dùng lối so sánh của Derrida thì các văn bản trong kho tàng văn hóa Việt Nam trong hơn bốn ngàn năm qua không những chỉ có hai “lớp sơn” mà còn có thêm một lớp bụi dầy của thời gian và các rác rưởi khác như thành kiến, tự mãn, ganh ghét,... bám chặt vào, thiết tưởng cần phải có một cách đọc mới, một máy quang tuyến X mới cực mạnh mới có thể soi thấu suốt được những gì ẩn dấu bên dưới các “lớp sơn” buồn nản kia. Mong thay!

Nguyễn Minh Triết

Tài liệu tham khảo:

- 1.Hazard Adams & Leroy Searle, *Critical Theory Since 1965*, University Presses of Florida, 1986.
- 2.Art Berman, *From The New Criticism To Deconstruction*, University of Illinois Press, 1988.
- 3.William E. Cain, *The Crisis in Criticism*, The John Hopkins University Press, 1984.
- 4.John Lechte, *Fifty Key Contemporary Thinkers*, Routledge, 1994.
- *5.Nguyễn Hưng Quốc, *Văn Học Việt Nam Từ Điển Nhìn Hậu hiện đại*, Văn Nghệ, 2000. *6.Madan Sarup, *An Introductory Guide To Post-Structuralism and Post Modernism*, The University of Georgia Press, 2nd Ed., 1993.



Võ Thạnh Văn

Nhà Báo, biên khảo nhiếp ảnh

Sáng tác thơ văn ảnh nghệ thuật

Hội viên VBVNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ

Thành Viên Hội Quán Trầm Hương

Cộng tác với nhiều báo, tạp chí và đặc san tại Hải Ngoại

Cộng tác viên thường trực:

Tạp Chí Văn Học Tin Văn

Tạp chí Trầm Hương

Võ Thạnh Văn

Miền Tây quê em

(1) Ta đã một lần ghé quê em
Dòng sông sữa mật chảy êm đềm
Phù sa quánh đục thơm tình mẹ
Trôi giữa đôi bờ mộng trắng đêm

(2) Ta đã trở về ghé lại thăm
Quê em, bến cũ, cử trắng rằm
Hỏi mắt môi xưa còn nồng thắm
Thăm vườn cây trái nụ chầm chắm

(3) Buổi ấy ta qua gió chuyển mùa
Con xuồng phẳng lối rạch chia xưa
Dừa ngâm bãi lạnh Cồn Quy nổi
Thôn thức bao lần lệ tiễn đưa

(4) Ta uống rượu khuya đợi trăng lên
Hương men ngày cũ gọi sầu quên
Lục bình óng ánh trăng mười tám
Nguyệt lạc đầu sông sóng bập bênh

(5) Thuyền chở đầy trăng thắm quanh hiu
Sương đêm dạ bạc bến Ninh Kiều
Ta vượt sông Tiền qua sông Hậu
Bạc Liêu áo phượng nắng hanh chiều

(6) Ta qua Phụng Hiệp, ghé Sóc Trăng
Đêm nghe “Dạ Cổ” khúc “Hoài Lang”
“Tình Anh Bán Chiêu” còn văng vẳng
Thiên thu duyên hận khóc lờ làng

(7) Hãy đón ta về ghé Tam Nông
Ngắm cánh hạc bay trắng cánh đồng
Rợp tóc em xanh màu dĩ vãng
Cồn Lân, Cồn Phụng thuở môi hồng

(8) Hãy dắt ta về tận cuối thôn
Đầm Dơi, Xóm Mũi, ghé Ô Môn
Mình đã hẹn nhau bơi thuyền thúng
Vào tận U Minh vớt bồn bồn

(9) Hãy đón ta về thăm An Giang
Cửu Long, Minh Hải, chợ Cái Răng
Chiến sử Rạch Gầm và Xoài Mút
Ở tận nơi nào em biết chăng

(10) Chùa cổ, chùa MIên ta cần thăm
Bói quẻ, xin xăm, vái Phật nằm
Và nhớ đưa ta về Tắc Sậy
Quý lạy mộ phần viếng Thánh Nhân

Từ buổi trăng về (2)

1-

Tình vẫn ngủ nhưng lòng thao thức đợi
Rong vẫn trôi theo đợt sóng gheo bờ
Bóng mây qua cuối trời xanh vời vợi
Từ thiên thu, cửa động khép ơ hờ

2-

Nghe trần trối đáy vực ngậm vách rang
Đội sườn non ngân tiếng thác giao mùa
Đã bao đêm khép chùng vương đá tảng
Chờ người qua vẩy nước lệnmh truyền thừa

3-

Ta cứ ngỡ bước người về động vắng
Lòng nôn nao đêm thức đợi bình minh
Khuya tịch mịch nghe chùng hang sâu lắng
Trắng vàng xanh vừa rục rã tâm tình

4-

Trắng vàng lạnh suốt một đời tro trọi
Ta vàng hanh khánh mỡ tưng kinh chiều
Em vàng võ buổi ra đi bão gọi
Và trở về tóc rối quạnh hiu

5-

Từ thuở ấy ta quên bài nhật tụng
Em nhón nhơ khép mắt lối đi về
Nghiêng tai đón trăm vạn lời chúc tụng
Tận đáy hồn chân lý héo con mê

6-

Bao thế kỷ nay vẫn còn bờ ngõ
Dường tương tư bóng dáng thoảng hương trầm
Nơi bến cũ trắng mấy lần dang dở
Mé hồn ta sóng nước vỗ phẳng đầm.

Sương Nổi

Nhúng chân vào cõi mê lầm
biết đâu oan nghiệt
đã tầm tã phơi

Từ trong ký ức tóc rời
từ trong hoang vắng
bời bời đáng ai

Nghìn năm đá dốc thờ dài
còn nguyên vẹn tấm hình hài
nổi trôi

Bụi làn kiếm rỉ phai phôi
mù sương khuya lạnh
ma trôi hiện hồn

Biết bao bão nổi sóng dồn
biết bao kinh khuyết vùi chôn
đá vàng

Cổng xưa gió lộng thênh thang
vườn xưa trắng giải
băng ngàn ngậm hoa

Chiều nghiêng bụi quáng mắt nhòa
tưởng ai về lại bên tòa nhà rêu

Cay từng nhịp thở chưa đều
quặn từng khúc ruột
tiêu điều khúc quanh

Người đi úa cỏ vàng thành
ngày kia cứ ngỡ mong manh lời thề

Dấu chim biến biệt đường mê
còn in dấu ấn lối về động rêu



LINH PHƯƠNG

- Tốt nghiệp Chuyên khoa Dương cầm tại Viện Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn, Việt Nam khóa đầu tiên(1967)
- Giáo sư âm nhạc tại các trường Bach, Cécillia và Mê Linh.
- Nhạc trưởng Trung tâm Thanh niên Đắc lộ, ban nhạc Michael, Goretie, Vương Cung Thánh Đường Sài Gòn
- Cộng tác các chương trình văn nghệ Gió Khơi, Thuyền Dương, Hương Xưa trên băng tần số 9 Đài TV Sài Gòn, Việt-nam (1970) - Phụ trách phần âm nhạc trong chương trình Văn học Nghệ thuật của Đài Phát thanh Quốc gia Sài Gòn (1966)
- Nhạc sĩ duy nhất trình tấu dương cầm tại thánh đường tòa Lãnh sự Pháp tại Saigon, VN (1976)
- Tù chính trị CSVN sau 1975
- Tái định cư tại Texas, Hoa kỳ.
- Sư phạm Chuyên khoa Dương cầm, Đại học Deland, Florida Hoa Kỳ (1990)
- Dạy nhạc tại các trường trung học Evans, Apopka và Lake Mary, Florida.
- Cộng tác với tạp chí Làng Văn (Canada)
- Hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam Lưu Vong.
- Hội viên Văn Bút VNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ
- Nhạc trưởng của các ban nhạc: Tình Thương, Đêm Đô Thị (City By Night), Phượng Hoàng, tại Orlando, Florida (1985-2003)

Giải thưởng:

- Huy chương danh dự một trong 2000 nhạc sĩ xuất sắc của thế kỷ 20, do International Biographical Center, viện Đại học Cambridge, England trao ngày 7-9-2001 tại Luân Đôn, Anh quốc.

- Giải thưởng Giáo sư xuất sắc tại Orlando, Florida trong các năm: 1988, 1990, 1992, 1994 và 1995.

Tác phẩm:

Văn:- Một số bút ký- Lịch sử âm nhạc - Một số truyện ngắn

Sách giáo khoa:

- Cẩm nang kỹ thuật trên phím dương cầm (1978)

- Tự đệm các điệu nhạc phổ thông trên phím dương cầm (1979)

- Độc tấu dương cầm "Cung Đàn Muôn Điệu 1, 2, 3, 4" , trình độ 1-4 (1997-2002)

- Nhạc Việt soạn độc tấu dương cầm, trình độ 1-7 (1987-2008)

- Độc tấu, đôi tấu, tam tấu, và hòa tấu 300 ca khúc Việt và ngoại quốc

Ca khúc:- Tình Ca 1-Tuyển tập tôn vinh Chúa “Nguồn Yêu Thương” - Tình Ca 2 - Mây sóng, thơ phổ nhạc - CD Solo piano, 25 albums nhạc Việt - Mưa Tình - Mưa Lệ - Mưa Tương Tư - Gió Cuốn Tình Xưa - Vocal- Mưa Dĩ Vãng- Lệ Tình Trong Mưa - Nhạc Ngoại Quốc- Giọt Lệ Tình Ta - Mưa Giao Mùa -Mưa Hoàng Hôn - Dáng Xuân Xưa - Ánh Nền Đêm Giáng Sinh - Tình Trong Dĩ Vãng (2000) - Truyện Đọc (Audio Book) - Trông Về Cổ Hương - Trên Phím Ngà - Khúc Ly Hương -Và Em Yêu Anh - Vocal- Nguồn Yêu Thương - Thánh Ca - Nhạc Trữ Tình Á Châu - Nhớ Về Miền Trung - Trao Anh Mùa Xuân - Suối Mơ - Cung Đàn Thương Nhớ - Đường Con Đi 1 & 2 - Giọt Lệ Tình Ta - Băng Khuâng...



Bông Hồng tạ ơn nhà văn Nguyễn Đình Toàn



LINH PHƯƠNG

Ngày giới thiệu sách của nhà văn, nhà thơ Nguyễn Đình Toàn tại Houston vào ngày 6-1-2007 tôi không có mặt để tham dự buổi ra mắt hiếm có này, vì bận chuyện văn nghệ ở Dallas. Vì thế, tôi đã liên lạc với anh Vân Đình nhận lấy hộ tôi bộ sách “Bông Hồng Tạ Ôn 1, 2” của nhà văn, nhà thơ Nguyễn Đình Toàn biếu tặng.

Ngày hôm sau, tôi nôn nao lái xe trở về Houston hỏi thăm vài người bạn về chương trình hôm ấy. Nhiều người đã khen chương trình này súc tích; tác giả lẫn người điều khiển cô đọng các tiết mục và khán thính giả được nghe tác giả Nguyễn Đình Toàn nói rất hay. Và số sách tác giả mang theo đã được ủng hộ nhiều...

Nhà thơ Nguyễn Đình Toàn là một tên tuổi lớn trong giới văn nghệ ở Việt Nam trước năm 1975, ông đã được nhiều người biết đến nhiều qua chương trình nhạc Chủ Đề trên đài phát thanh Quốc gia và được tiếp vận đến nhiều tỉnh ly khác nhau tại miền Nam Việt Nam. Các thính giả thường đón nghe chương trình nhạc chủ đề do ông đảm trách hằng tuần trên đài phát thanh Quốc Gia. Mỗi một chủ đề do ông chọn kỹ lưỡng và viết lời dẫn nhập (script) cho hợp với bản nhạc; các nhạc phẩm đã được trình bày qua các giọng ca chọn lọc đưa tâm hồn người nghe về thế giới mơ mộng, nồng nàn, tan tác, đón đầu âm thầm hay ray rức qua giọng đọc ấm áp của ông. Các bài thơ, bài văn của ông đã được đăng trên các tạp chí, biên khảo, báo văn nghệ vào những năm đó. Có nhiều nhà văn, nhà báo giới thiệu tên tuổi ca ngợi tài năng, cùng sự sáng tạo thiên phú của ông. Bài thơ “Em Đến Thăm Anh Đêm Ba Mươi” của ông đã được nhạc sĩ Vũ Thành An phổ nhạc rất nổi tiếng. Tôi cũng nghe các ca sĩ hay hát một nhạc phẩm rất được ưa chuộng như “Tình Khúc Thứ Nhất” là một bài thơ của Nguyễn Đình Toàn đã được Vũ Thành An phổ nhạc.

Tôi viết sau đây theo cảm nghĩ riêng tư chân thật khi đọc những bài thơ của ông trước năm 75. Năm 1967, tôi là sinh viên vừa tốt nghiệp chuyên khoa Dương Cầm của trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon. Nhạc viện không dạy cho sinh viên nhạc Việt Modern mà chỉ huấn luyện cho nhạc sinh theo nhạc cổ điển Tây phương mà thôi. Vừa bước ra đời, tôi cố học hỏi, tìm tòi, nghiên cứu, tập tễnh sáng tác với nhạc Việt phổ thông (Modern), tôi tham gia sinh hoạt trên đài phát thanh qua các chương trình văn học nghệ thuật, đệm nhạc kịch theo các đoàn nhạc đi trình diễn xa v.v...

Tuy nhiên, khi đi trình diễn ở đâu cũng có thân phụ tôi đi theo. Và sau khi thành hôn tôi cũng không được chồng tôi cho phép đi đến phòng trà hay vũ trường để nghe các nhạc sĩ có ban nhạc hòa tấu trình diễn. Vì thế, tôi thường theo dõi các chương trình vô tuyến truyền thanh để nghe các nhạc sĩ bậc thầy đệm đàn, nghe hòa âm tiết tấu của các nghệ sĩ như: Văn Phụng (clarinet-piano), Võ Đức Thu (piano) Võ Đức Tuyết (piano) Jacques Hoàng (piano-accordion) Vũ Thành (nhạc trưởng- flute) Hoàng Trọng (nhạc trưởng-violin) Nhật Bằng (guitar- guitar base-arranger) thầy Dung (piano- accordion) Phạm Nghệ (violin).

Tôi đam mê âm nhạc như hơi thở gắn liền, và nhất là nhạc chủ đề của Nguyễn đình Toàn tôi luôn đón nghe những tiết mục do ông viết soạn, cũng như ban nhạc hoà tấu trong chương trình này. Nhà văn Nguyễn Đình Toàn đâu biết chính những chương trình này đã nói lên nỗi niềm của tôi rất nhiều trong hoàn cảnh sống, ông đã nói lên hộ tôi qua bài viết dẫn giải của ông trong mỗi chương trình làm cho tôi vui đi ít nhiều sự đau khổ, nước mắt của đời sống làm vợ, làm dâu bên nhà chồng lúc ấy... Tôi nghĩ rằng những thánh giả nghe chương trình của ông, nhất là phái nữ cũng đồng cảm như tôi.

Với thời gian, tôi có những tích tụ đơm hoa, kết trái do sự học hỏi kinh nghiệm nơi các nghệ sĩ đã truyền dạy, Thượng Đế ban cho tôi chút tài mọn cùng vốn sống để cho bột dậy nên men, cho tình người được thương yêu, tha thứ. Những thăng hoa này đã hình thành trong tôi để tạo nên một phong cách nhạc Việt đậm thấm kết hợp với chất cổ điển riêng biệt qua ngón đàn Piano, của riêng Linh Phương.

Trong bộ sách nói trên, nhà văn, nhà thơ Nguyễn đình Toàn đã viết về 190 nghệ sĩ và tác giả bằng những bông hồng tạ ơn. Đó là

tác giả muốn công chúng nên nhớ ơn những Nghệ sĩ hay Tác giả đã sáng tác, hiến cả đời cho nghệ thuật, đã đem lại niềm vui tâm hồn tinh thần, mà các bậc tiền bối ấy dù còn sống hay đã qua đời ta cũng không thể để cho lãng quên, vì đó là thức ăn của tâm hồn, là một phần không thể thiếu trong đời sống của người Việt Nam.

Tôi muốn nói một lời chân thành cảm tạ nhà thơ Nguyễn Đình Toàn đã có ít nhiều ảnh hưởng trong sự sáng tác của tôi, chất thơ mộng bàng bạc trong thơ ông, công việc của ông qua bao năm tháng, chắc chắn không chỉ riêng tôi mà có những người khác dù nam hay nữ cũng đã ngưỡng mộ ông, và có muốn bắt chước ông cũng không dễ, vì đã nói ở trên là ông có nhiều thực tài. Và tôi được biết là ông còn sáng tác nhạc nữa. Hy vọng một ngày nào đó tôi được biết và đàn những nhạc phẩm của ông.

Trở lại bộ sách vừa cho phát hành và giới thiệu vào ngày thứ Bảy nói trên tại Hội Quán Sài Gòn, tôi đã đọc một loạt những bài giới thiệu các nhạc sĩ tài năng được yêu mến qua lời văn của ông, mỗi bài giới thiệu các nhạc sĩ hay tác giả, ông viết nhẹ nhàng, gọn gàng, dùng lời văn không lặp lại rất khéo léo trong các từ ngữ, từng nhân vật được ông giới thiệu, như tài liệu quý được ghi nhận trong từng trang sách. Ông gợi cho tôi ý tưởng ông làm công việc này qua nhiều năm nghiên cứu, có trí nhớ tốt ghi chép các nghệ sĩ, các nhạc sĩ qua bao thế hệ từ lúc nhạc Việt còn phôi thai cho đến sau này.

Đọc quyển “Bông Hồng Tạ Ôn 1,2” làm tôi hồi tưởng lại thời gian tôi đàn trên đài phát thanh Quốc gia, những khuôn mặt văn nghệ, những chuyến đi ủy lạo các chiến sĩ ở bệnh viện hay tuyến đầu xa xôi, hoặc ngồi chum đầu nghe chương trình của Nguyễn Đình Toàn qua chiếc radio transistor nhỏ bé giữa tiên đồn sương mù hiu quạnh, cách một hai ngày mới có trực thăng thả dù tiếp tế thức ăn hay vật liệu báo chí, thư từ v.v...

Có lần một chiến sĩ nơi tiền đồn đã tâm sự với tôi sau khi nghe tiết mục nhạc chủ đề Nguyễn Đình Toàn, lòng anh như lắng xuống, anh muốn lấy phép trở về để làm hòa với người yêu sau lần giận hờn, hiểu lầm và đã đưa đến bước chia tay. Có người bạn gái chảy nước mắt khi nghe bản tình ca do một ca sĩ hát lên niềm tâm sự của mình. Có người cảm động mơ màng nhìn đắm đắm trong màn đêm thì thầm điều gì đó, và gương mặt đắm nước mắt trong nỗi đau thương. Nhưng riêng tôi, tâm hồn chùng xuống và tôi cảm

thấy không gian và thời gian như tan biến làm một, muốn tẩu lên khúc nhạc cho thỏa nỗi niềm.

Những năm tháng trôi qua đi trong nỗi trầm cảm, nhọc nhằn của cuộc sống nơi quê người, lòng tôi hằng hoài vọng hướng về mảnh đất thân yêu Việt Nam xa xôi, nơi đó đất nước tôi đã có bao anh hùng hi sinh đổ bao xương máu cho quê hương, và các nhà văn, các nghệ sĩ đã vắt tim óc đem những truyện hay, nhạc đẹp viết ra hiến cho đời bằng khối óc, con tim bao năm tháng vẫn tuyệt vời, sống hoài theo thời gian. Chúng ta còn gì ngoài văn hóa, âm nhạc, phong tục tập quán tốt đẹp của đất Việt.

Tại quê nhà sự dệu dàng của phụ nữ có còn không nhỉ? Hay bây giờ là sự ngổ ngáo, phát ngôn ồn ào, thanh niên không còn biết tôn trọng nhường chỗ ngồi cho người già, bài học đức dục và trí dục có còn được dạy dỗ trong học đường không? Thanh niên không còn có phong cách tốt đẹp như ngày xưa. Và còn gì nữa ngoài sự mua bán xác thịt, bán đất Việt Nam cho nước ngoài, xé từng mảnh đất, từng vùng cho bọn tư bản tự trị. Người dân vẫn sống lầm than sau hơn ba mươi năm của cái-gọi-là “giải phóng” buôn lao động đi làm trả nợ, bán thiếu nữ và con trẻ ra nước ngoài phục vụ tình dục. Tất cả là do Cộng sản giờ đây trở thành bọn tư bản đồ đã làm cho nước Việt tan hoang, âm nhạc nghệ thuật thui chột, lai căng, một chút Tàu, một chút Tây, một chút Đông Âu v.v... trộn chung khiến cho sắc thái đậm thắm trong âm thanh của dân tộc không còn nữa.

Nhạc Việt sẽ đi về đâu? Nhạc trong nước và cả nhạc nước ngoài? Tôi đau đớn và băn khoăn hỏi lên câu này. Nghệ sĩ cần có tâm hồn, ngoài tài nghệ còn phải có đức, luôn tìm tòi học hỏi cùng đem tài nghệ của mình viết lên những nhạc phẩm có ý nghĩa, giá trị; chứ không vì quyền lợi thương mại hay chạy theo thị hiếu thấp hèn viết những bản nhạc nghèo nàn loại mì ăn liền, lời nhạc ngô nghê chui vào thệ hệ những nọc độc văn hóa với mục đích muốn chơi nổi để được tên tuổi. Điều đó thật là thất đức.

Thưa quý vị,

Tôi đã đi quá đề tài này rồi. Cũng vì tâm lòng luôn mong mỏi có được thức ăn tâm hồn (food of spirit), với nét nhạc Việt tuyệt đẹp, đậm thắm, duyên dáng; vì âm nhạc là ngôn ngữ quốc tế, nói lên nền văn hóa của mỗi nước đó, và nước ta đã được dựng nước qua nhiều ngàn năm. Chúng ta có bổn phận gìn giữ nền văn hóa dân tộc, bảo tồn nhạc Việt để không bị mai một, những nhân vật,

con người làm nên phải được ghi ơn và trân trọng, thế hệ sau có tìm hiểu cũng hãnh diện về con người Việt Nam chúng ta có một chuỗi sao sáng trên dải Ngân Hà của nền trời Việt.

Quyển “Bông Hồng Tạ Ôn 1,2” tổng hợp danh tính các nhạc sĩ sáng tác, các nhà văn, nhà thơ đã hiến cho đời những bông hoa tươi đẹp có giá trị, ý nghĩa, tuy rằng cũng còn thiếu những nhân vật lẫy lừng, tài ba khác. Ước mong rằng sau quyển “Bông Hồng Tạ Ôn 1 và 2”, tôi mong tác giả sẽ còn viết thêm nhiều văn nghệ sĩ khác ở quyển sắp tới.

Và trên tất cả, xin tạ ơn ông: Nhà văn - nhà thơ - nhạc sĩ Nguyễn đình Toàn đã cho chúng tôi món ăn tinh thần qua công trình của ông.

Xin Ôn Trên ban bình an và sức khỏe cho ông.





TRƯƠNG SĨ LƯƠNG

Nhà văn, nhà báo

Sinh nhật 22-2- gốc Vĩnh Lại, Quảng Trị.

Lớn lên và trưởng thành tại Huế, Thừa Thiên.

Bắt đầu làm thơ, viết văn từ thuở còn trung học, trường Hàm Nghi, Quốc Học, Huế.

-1969 vào nghề phiên dịch viên báo chí, ký giả cho tuần báo Viet News Summary và Typhoon Magazine thuộc Lực Lượng I Dã Chiến Hoa Kỳ (IFFV), vùng II Nha Trang.

-1973-1975: Chuyên viên Dân Sự, Định Cư và Tái Thiết (ADS) thuộc cơ quan DAO - Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, từng sự tại Quy Nhơn, Việt Nam.

-1975 tị nạn và định cư tại New Orleans, LA, phục vụ ngành giáo dục (Social worker) tại Sở Học Chánh, quận Jefferson, Louisiana.

-1984 Chủ bút nguyệt san Tiếng Nước Tôi tại New Orleans. LA

1988 Chủ bút BNS Thế Giới tại Houston và Dallas.

1991 Chủ bút tạp chí Thế Giới Mới, lưu hành tại Dallas, Fort Worth và nhiều nơi ở Hoa Kỳ.

Chủ bút www.tapchithegioimoi.com từ 2006 đến hiện tại

Tác phẩm: Người đàn bà ra đi – 1989 (truyện dài, đã đăng báo), Một đời dang dở - 1992 (truyện ngắn), chủ biên Lý Tổng Trong Lòng Dân Tộc, cùng với một số tác giả khác. Góp bài vào các tuyển tập Văn Bút VNHN và làng báo hải ngoại.

Công việc toàn thời gian:

- Viết bình luận thời sự, chính trị và nhiều mục khác cho Thế Giới Mới; đóng góp bài vở cho báo bạn qua các bút hiệu: Nam Giao, TL. Lão Gà Tre, Nam Tử Việt.
- Bình luận thời sự (hàng tuần) đài truyền hình SBTN- Texas qua chương trình “Vòng quanh Thế Giới” từ 2007 đến hiện tại.
- Bình luận thời sự hàng tuần cho đài phát thanh Saigon 890 AM tại DFW từ 2001 -2009
- Sáng tác thi nhạc, đóng góp vào làng nhạc đấu tranh cho tự do dân chủ nhân quyền Việt Nam.

Hoạt động:

- Thành viên nòng cốt của Phong Trào Hưng Ca Việt Nam (Ban Chấp Hành Trung Ương).
- Hoạt động và sử dụng văn nghệ đấu tranh nhằm tác động tinh thần quần chúng chống cộng, đấu tranh cho tự do dân chủ, nhân quyền Việt Nam.
- Hội viên Văn Bút VNNH
- Cựu Chủ Tịch VB Nam Hoa Kỳ (1996-1998);
- Cựu Tổng Thư Ký VBVNHN (1997-1999);
- Cựu PCT, VBVNHN (2007-2008)



đoạn đời nghiệt ngã

Trương Sĩ Lương

Ngày rời Hong Kong, từ giã những người quen thân còn kẹt lại, Thúy cảm động đến chảy nước mắt. Hầu hết những người trong trại đã đến tiễn đưa nàng và nhẩn nhu đủ điều. Gần nửa năm sống lầy lắt ở Hong Kong, Thúy đã trở thành quen thuộc với cuộc sống ấy, ít ra sống chung với những người đồng cảnh ngộ, Thúy cũng tìm được một an ủi cho chính tâm hồn mình.

Ngồi trên chuyến bay xuyên đại dương, lòng Thúy cảm thấy hồi hộp lạ thường, buồn vui lẫn lộn, có lúc đầu óc bồn chồn và muốn vỡ tan như những chiếc bong bóng bằng xà bông khi được thổi lên không. Thúy ưu tư đủ mọi thứ chuyện: cuộc sống mới với một tương lai mù mịt, làm gì để nuôi con? Quê người đất lạ, làm sao để tháo gỡ được tình yêu mà Cung đã dành trọn cho nàng, nó như một sợi dây vô hình thắt buộc gỡ không ra. Trong một thoáng suy nghĩ, Thúy có cảm tưởng như mình đang trên đường về nhà chồng, một người chồng bất đắc dĩ, một người tình cờ mang và luôn luôn mưu cầu hạnh phúc cho Thúy, nhưng chẳng bao giờ nàng có thể chấp nhận để ngàng mặt nhìn đời một cách ngang nhiên. Thúy tưởng tượng đến một ngày nào đó, trong đám đông của một bữa tiệc, trước mặt bạn bè quen biết, Cung có thể giới thiệu “đây, nhà tôi.” Còn Thúy, làm sao để chối bỏ. Làm thỉnh và chấp nhận thì lương tâm của một con người như Thúy có cho phép nàng chấp nhận hay không? Bỗng dưng Thúy cảm thấy có lỗi với Cung, nghĩa là nàng đã mang đến những khổ đau, khó xử cho chàng, cho mình. Thúy như lạc vào những suy tư lảm cẩm đến đau đầu:

“Mình đang ở đâu đây? Sẽ đến nơi nào đây? Phải chăng là một đoạn đường mới, một ngã rẽ mới của một người đàn bà ra đi lưu lạc”.

Đang miên man suy nghĩ thì có tiếng người phi công báo cáo nhiệt độ, yêu cầu thắt dây an toàn để sửa soạn hạ cánh ở Honolulu. Thúy cố nhắm mắt xua đuổi những ý tưởng mâu thuẫn ập tới một cách mãnh liệt trong đầu óc nàng. Nàng cố gắng vận dụng não bộ để quay về với hiện thực, nhưng không thể được. Hình ảnh Cung với cuộc sống mới, một chân trời mới; rồi hình ảnh Hân, người chồng khổ đau của trại tù, của hòng súng như một bức tranh sống, của những người thân yêu trong quãng đời đi qua cứ hiện ra chập chờn trước mắt nàng. Hình ảnh quê hương rã nát, những buổi chiều mùa đông giá rét, người dân xác xơ bữa đói bữa no lại nhảy múa trước mắt nàng. Hình ảnh khổ đau xanh xao, bệnh hoạn của những đứa bé lạc loài, đói khổ sau chiến tranh cứ hiện ra, hiện ra... Quê hương đổ nát, quê hương điêu tàn, quê hương của một địa ngục, quê hương của lưu đày. Chao ôi!

Tuần ngủ li bì từ khi máy bay cất cánh, Thúy thức con dậy và nói:

- Con dậy coi mình sắp đến Hawaii rồi nè?

Tuần mở mắt nhìn mẹ, hỏi:

- Hawaii là đâu vậy mẹ?

- Là một tiểu bang có nhiều hòn đảo của nước Mỹ đó mà.

Đáp xuống phi trường Honolulu, hai tiếng đồng hồ sau mẹ con Thúy lại leo lên phi cơ để tiếp tục cuộc hành trình qua đất liền của nước Mỹ. Hết ăn rồi ngủ, hết ngủ rồi ăn, Thúy cũng không còn nhớ nàng đã ngồi trên phi cơ bao lâu rồi. Chân tay nàng cứ như co quắp vì không quen ngồi lâu, hết nhìn đồng hồ lại nhìn máy cô tiếp viên hàng không vừa đẹp vừa dịu dàng. Thúy lại nghĩ tới quê nhà và thân phận của những thiếu nữ Việt Nam mà thương. Cũng là con người, sao người ta lại văn minh đẹp đẽ như thế! Còn dân mình biết đến bao giờ mới được ra khỏi bóng tối!

Thúy giật mình vì tiếng người phi công lại thông báo nhiệt độ, hướng dẫn thay đổi chuyến bay cho hành khách, Thúy chỉ nghe và hiểu được ít phần... Máy bay sà xuống phi trường San Francisco. Nhìn qua cửa kính, Thúy thấy hồi hộp. Cái thành phố Cựu Kim Sơn nổi tiếng này Thúy đã đọc sách, coi phim không biết bao nhiêu lần, nhưng bây giờ nàng mới thấy nó vĩ đại thật...

Xuống máy bay, lại ngồi chờ ở phi trường gần hai tiếng, Thúy dẫn Tuần ra ngoài Terminal. Trời chiều gió lạnh, thổi từ hướng núi đồi. Nhìn mọi người lui tới tấp nập, cách phục sức của họ, cảnh bày biện của một xã hội văn minh, Thúy buồn cho quê hương đất

nước, không biết bao giờ dân tộc Việt mới xây dựng được một phi trường, một cuộc sống đầy đủ tiện nghi như đất nước người. Thúy lại suy nghĩ, nhìn lại thân phận mình trên đất khách càng cảm thấy lo lắng, hồi hộp.

Nước Mỹ phồn thịnh quá, tiện nghi quá, nhưng xa lạ quá! Nàng cảm thấy mình như lạc vào thiên đường của một cảnh giới nào đó. Nghe nói người Tàu đã ở nơi thành phố này hơn cả trăm năm, mấy đời người rồi, đã mọc gốc, mọc rễ và dĩ nhiên họ đã có thể tạo niềm vui trong cái thế giới đại đồng nhưng rất ư là riêng biệt của họ. Còn người mình, vừa chân ướt chân ráo trên phần đất phì nhiêu này, không biết có chịu đoàn kết để giúp nhau xây dựng cuộc sống mới trong những ngày lưu lạc hay không? Hay vẫn tính nào tạt này: chia rẽ, đổ kỵ, ôi thôi nhức đầu quá!

Lại leo lên máy bay để về với Cung và gia đình Lan. Những ngày sắp tới sống chung với Lan không biết chuyện gì sẽ xảy ra? Hình ảnh tội nghiệp của Hón khi chia tay lại hiện ra. Những lời nhẩn nhủ, tiễn đưa nàng lên xe buýt như vẫn còn đó:

- Nếu được đi Mỹ, thế nào Hón cũng tìm cách để về gần chị sống cho có bà con. Hón bây giờ chẳng còn người thân, hy vọng chị sẽ không từ chối tấm lòng chân thật của Hón. Chị đi, đã để lại nhiều cảm mến cho Hón và chắc chắn nhiều người khác cũng cùng một tâm trạng như Hón.

Thúy cảm động nắm tay Hón an ủi như một người chị:

- Quả đất tròn, có ngày chị em mình sẽ gặp nhau. Hãy cố gắng để phần đầu vượt qua giai đoạn khó khăn này là được.

Nét vui mừng hiện rõ trên khuôn mặt Hón:

- Đến nơi là viết thư liền, trông lắm nghe chị?

- Sẽ viết mà, đừng lo!

Hón vòng tay qua vai Thúy, một tay vò đầu Tuấn:

- Cho Hón gởi lời thăm anh Cung, chị Lan và Bé Lớn, Bé Nhỏ. Chị nhớ đưa thư cho chị Lan và đừng quên nhắc chị ấy làm bảo lãnh cho Hón.

- Chắc chắn thế nào chị em mình cũng gặp lại nhau mà.

Có lẽ Hón đã biến thứ tình yêu mà chàng ôm ấp trong lòng bấy lâu nay thành tình bạn. Thúy vẫn thường lý luận với Hón rằng, một tình bạn đơn thuần giữa nam và nữ rất khó giữ, khó thực hiện, nhưng nếu giữ được thì chắc chắn sẽ lâu bền hơn một tình yêu vì hoàn cảnh đưa đến. Tình đến tình đi, ghét bỏ, hận thù, nhưng tình bạn thì mãi mãi vẫn còn.

Đi đón Thúy ở phi trường Dallas-Fort Worth, ngoài ông An, Cung, Bé Lớn, Bé Nhỏ, còn có cả ba cha con ông Đầy thấp tùng. Gần tới 12 giờ khuya hai mẹ con Thúy mới lúi thủi bước ra từ cửa phi cơ. Thúy hồi hộp và mang một tâm trạng buồn vui lo lắng lẫn lộn rất khó diễn tả. Không biết nàng sẽ vui mừng như thế nào khi gặp lại Cung. Nàng tự hỏi lòng. Nhớ Cung? Có Không?

Người vui mừng nhất khi gặp lại hai mẹ con Thúy là Cung và hai đứa nhỏ con chị Lan. Cung ôm Thúy và Tuấn vào lòng không muốn buông, còn Thúy không một phản ứng né tránh. Bé Lớn, Bé Nhỏ con chị Lan cũng riu rít bên Tuấn. Cung nói để Thúy vừa đủ nghe:

- Em mệt không? Suốt đêm qua anh không ngủ được vì đầu óc cứ nghĩ đến em và con.

Thúy không trả lời, lặng người trong vòng tay chàng. Chợt nhớ tới những người chung quanh đang dán mắt tò mò vào Thúy, Cung làm một màn giới thiệu ngay:

- Xin giới thiệu với quý vị: đây là Thúy và cháu Tuấn.

Cung xoay về phía những người đi đón Thúy:

- Và đây là anh An làm ở Hội USCC, bác Đầy, Tuyết, Lô, những người thân mà anh thường hay nhắc trong thư.

Thúy tươi cười cúi đầu chào và lên tiếng trước:

- Hân hạnh được gặp anh An, bác Đầy và hai em, cứ nghe anh Cung nhắc hoài trong thư nay mới có dịp để gặp.

Ông An bắt tay Thúy:

- Anh Cung cứ lo ngày lo đêm cho chị và cháu. Tôi cũng được nghe anh ấy giới thiệu về chị rất nhiều, hân hạnh, hân hạnh.

Thúy cười để bày tỏ thân thiện:

- Dạ, anh Cung về... thêm ra đó anh ạ.

Mọi người cùng cười. Tuyết nhìn Thúy thật kỹ, thật lâu không chớp mắt. Thúy tiến lại bắt tay Tuyết rồi nói một cách tự nhiên:

- Chị có mấy tấm hình mà anh Cung chụp chung với gia đình em. Trong hình coi em còn nhỏ, nhưng ở ngoài thì lớn lắm và lại đẹp hơn nhiều.

Tuyết cười gượng - cổ nén cơn xúc động đang phóng tới thật nhanh trong tâm tư nàng - nhưng vẫn cảm thấy mát mát trong lòng. Tuyết tự hỏi lòng, Thúy biết chuyện tình cảm của mình? Đàn

bà nhảy cảm lắm phải không? Hay mình có tật giật mình? Rồi cũng chính nàng tự biện hộ cho mình. Tại sao lại có tật, Cung là của chung, chú ấy vẫn còn tình trạng độc thân mà. Quái, mình cũng có quyền yêu, quyền được lấy chàng làm chồng; quyền được giành giật như bao cuộc tình trên cõi đời này kia mà. Tại sao lại không? Tại sao lại sợ? Tại sao lại phải nhường? Ngụ quá Tuyết ơi!

Lý luận thì Tuyết cứ lý luận, nhưng rồi nàng vẫn suy nghĩ và tự mình ôm lấy những khổ đau. Thế là hết! Từ đây Cung đã có Thúy ở bên cạnh; chị ấy đẹp sắc sảo, khôn ngoan, hoạt bát, hèn gì chú Cung yêu là phải. Bỗng dưng Tuyết cảm thấy mình cô đơn hơn bao giờ hết. Người ta sẽ sống bên nhau, làm vợ, làm chồng. Những ngày tung tăng đây đó, những buổi chiều Chủ Nhật bên chàng sẽ đi vào kỷ niệm, sẽ chôn sâu trong đáy lòng nàng như một vết thương chiến bại khó lành. Nụ hôn, hơi thở, tiếng cười, những lời nói ngọt ngào của chàng từ đây đã thuộc về người khác. Tuyết muốn khóc, muốn chạy ra khỏi phi trường, và muốn đi một nơi thật xa để quên tất cả. Nàng tự trách mình tại sao lại đi đón Thúy. Thế nhưng, Tuyết cố dằn con xúc động, lấy lại bình tĩnh, nhìn Thúy thật lâu rồi nói:

- Chị đẹp thật, trong hình không bằng ở ngoài, chú Cung tương tự ngày đêm là phải lắm mà!

Tuyết nửa thật, nửa muốn nói móc cho đã cơn đau đang lớn dậy, đang dày xéo trong tâm hồn nàng. Con tim nàng đang rỉ máu, đang bắt đầu nuôi dưỡng những oán hận mà tất cả những sinh vật trên cõi đời này đều có chung một căn bệnh, đó là bệnh ghen. Còn Thúy, nàng chỉ cười một cách vô tư:

- Chị già rồi, đẹp gì nữa em?

Tuyết không nói gì thêm, nhìn lơ đãng vào mớ hành lý đang chạy vòng vòng trước mắt như để che giấu nỗi ghen hờn. Ông Đầy nhìn Thúy vui mừng, biểu lộ tình thân:

- Trông chị qua cho mau để anh Cung còn tâm trí mà lo việc này việc nọ, chứ ngày nào chị còn ở bên trại tị nạn là anh ấy ăn ngủ không yên.

Thúy không góp ý, chỉ mỉm cười cho qua chuyện. Chợt nhớ đến chị Lan, Thúy hỏi:

- Ủa sao không thấy chị Lan?

Cung đáp ngay:

- Mấy hôm rày trời quá lạnh, chị Lan bị cảm đang nằm ở nhà.

- Nặng không?

- Cảm thương thôi, chị cũng muốn đi đón Thúy, nhưng anh sợ chị ấy thấm lạnh rồi nặng thêm nên không cho đi theo.

Ra khỏi terminal mới thấy lạnh, Cung choàng thêm áo lạnh cho Thúy. Thăng Lô xách hai va ly chạy nhanh qua bãi đậu xe. Cung ôm Tuấn vào lòng:

- Nhớ cậu không?

- Dạ nhớ.

- Thì cho cậu cái gì?

Tuấn hồn nhiên:

- Mẹ có mang quà cho cậu đó.

- Chứ Tuấn không có gì cho cậu cả à?

Tuấn khôn ngoan:

- Hôn cậu, được không?

- Giới.

Ra đến bãi đậu xe, Cung cảm ơn anh An rồi chia tay. Anh An hứa sẽ đến nhà để chở Thúy đi làm giấy tờ. Quay qua ông Điền, Cung mời:

- Anh Điền, Tuyết, Lô qua nhà tụi này kiểm gì lai rai được không?

Ông Điền đưa mắt nhìn Tuyết, nhưng không thấy có ý kiến, ông vỗ vai Cung:

- Thôi để bữa khác, mới xuống máy bay chắc chị Thúy còn mệt. Để cho chị ấy nghỉ ngơi, giờ cũng khuya rồi, ngày mai Chủ Nhật tui bảo thằng Lô chở qua thăm gia đình anh.

Cung thấy cũng đã khuya nên không cố mời ông Điền:

- Vậy thế nào ngày mai anh cũng phải qua nghen?

Choàng tay lên vai Tuyết, Cung cố nói cho Thúy cùng nghe:

- Chú hy vọng là Tuyết sẽ thân với chị Thúy.

Tuyết nhìn Thúy không nói, chỉ gật đầu, gỡ tay Cung ra theo phản ứng tự nhiên, nhưng thật sự cử chỉ ấy hàm chứa một hờn dỗi. Những lần tâm sự với chị Lan khi Cung vắng nhà, Tuyết mới khám phá được nhiều chi tiết về hoàn cảnh của Thúy mà Cung cố tình giấu giếm. Chị Lan cho hay, chồng chị Thúy vẫn còn trong trại học tập, như vậy Tuyết vẫn còn hy vọng. Vả lại, khi tiếp xúc với chị Lan, Tuyết cũng cảm thấy dường như chị ấy không mấy thích Thúy. Tuyết cố tình khai thác về điểm này để mong tìm một tia hy vọng, một lối thoát cho chính tâm hồn mình, nhưng nàng chưa đi sâu vào vấn đề làm thân với Lan thì Thúy đã qua định cư.

Nhiều lần Tuyết có ý định thổ lộ tình cảm của nàng đối với Cung cho chị Lan nghe, nhưng thấy kỳ quá nên đành thôi.

Đang suy nghĩ vẫn vợ, nghe tiếng gầm gừ của những chiếc phản lực sửa soạn cất cánh trong bầu trời xám đục, Tuyết nói với vàng:

- Thôi lên xe về đi ba! Lạnh quá!

Cung nói với theo:

- Lô chạy theo chú, coi chừng lòng vòng lạc hoài ở trong phi trường không ra được nghe chưa? Nhớ đi hướng South khi ra khỏi terminal và gặp xa lộ 183 thì đi hướng West nhà.

- Không sao đâu mà. Cháu cứ theo sát chú là chắc ăn như bấp.

Cung nổ máy xe, mở máy sưởi tối đa. Ba đứa nhỏ ngồi ở băng sau trò chuyện liên miên. Thúy ngồi trước đưa mắt quan sát đường xá xe cộ, lòng bỗng rộn ràng như hồi rời khỏi phi trường Hong Kong. Ở đâu cũng đèn đuốc sáng rực như ban ngày.

Lấy tay chùi hơi nước đọng ở kiếng xe, Thúy rùng mình:

- Lạnh quá, chừng bao nhiêu độ vậy anh?

- Khoảng zéro độ C. Ở đây người ta xài độ F, tức là khoảng 32 độ.

- Hồi chiều ghé ở phi trường San Francisco cũng đã thấy lạnh, nhưng ở đây lạnh hơn!

Lòng Cung bỗng thấy những ngày hạnh phúc đang lóe lên trong đời chàng. Suốt trên đường về nhà, Cung kể hết chuyện này đến chuyện nọ, Thúy cũng kể cho chàng nghe những sinh hoạt của dân tị nạn tại Hong Kong. Thỉnh thoảng họ đưa mắt nhìn nhau qua ánh đèn đường xa lộ. Cung nói:

- Em mập hơn, trắng và đẹp ra nhiều, nhớ em nhiều lắm!

Thúy không trả lời, lại cảm thấy mình đang phải sang ngang thêm một lần nữa trong đời người đàn bà lưu lạc. Thúy cố xua đuổi những mâu thuẫn, muộn phiền, nhưng nó vẫn đến như một cơn bão giữa bãi sa mạc mênh mông. Cung lên tiếng làm Thúy giật mình:

- Chỉ mới 6 tháng mà Tuấn lớn như thổi.

Thúy trả lời:

- Vậy sao? Có lẽ ở gần quen mắt nên em không thấy nó lớn chút nào cả.

Cung nói ngay:

- Còn anh, em thấy có gì lạ không?

Thúy ngáp ngừng:

- Có lẽ anh lên cân và trắng ra nhiều so với những ngày còn ở Đà Nẵng. Nhưng cứ làm đêm, ngủ ngày chắc là hại sức khỏe lắm phải không anh?

Tay trái giữ tay phải, tay phải Cung mò tìm và bắt gắp bàn tay của Thúy, mười ngón tay đan vào nhau. Cung lý luận:

- Biết rằng giấc ngủ trái với thiên nhiên có hại, mấy ngày trong tuần không thấy ánh mặt trời. Thức đêm mất hồng huyết cầu, nhưng thức riết đâm quen nên cũng chả sao cả. Anh cũng dự định làm gấp gấp một thời gian cho mau có tiền để ổn định đời sống của mình rồi sẽ xin việc khác làm ban ngày thì thích hợp với thiên nhiên hơn.

Thúy cảm động nhìn Cung không nói, lại suy nghĩ lung tung về cuộc sống phức tạp trong xã hội Hoa Kỳ. Hồi ở trại tị nạn cứ nghe người ta bàn về những sinh hoạt lao động bên Tây và các nước Tây Âu. Truyền thống của họ là lè phè, mỗi tuần nghe nói chỉ làm việc rất ít giờ, mỗi năm lại nghỉ hè cả tháng, hằng xường đóng cửa cho nhân công đi chơi xả láng. Trái lại, xứ Mỹ thì làm ngày làm đêm hì hục, dân giàu nước mạnh là phải, nhưng giàu mạnh mà phải đầu tắt mặt tối thì còn gì sinh thú. Hóa ra xứ Mỹ chính là xứ “lao động vinh quang”, cuộc sống cực nhọc còn hơn dân nhà nông bên xứ mình phải cày cuốc quanh năm.

Về đến nhà, chị Lan cô ngồi dậy mở cửa đón mừng Thúy một lát rồi đi nằm. Cung thì lảng xăng đủ thứ như gà mắc đẻ:

- Căn Apartment ba phòng ngủ này anh mới thuê trước khi chị Lan qua mấy ngày. Bên kia là phòng của anh, phòng Lan và hai đứa nhỏ đối diện, phòng này của Thúy và con. Chiếc giường ngủ này mới tậu tuần trước để đón em sang, chiếc tủ kiếng để đồ trang điểm cũng mới mua hôm kia. Tất cả những đồ dùng hằng ngày anh đã mua đầy đủ không thiếu một món gì.

Cung lôi mấy bộ đồ mới, vui vẻ nói:

- Và đây là những bộ đồ ngủ mới của em, của con...

Thúy nhìn đồ đạc sắm sửa, cảm động trước sự săn sóc khá tỉ mỉ của Cung, nằng nói như mắng yêu:

- Anh này cứ bày đặt sắm những thứ chưa cần thiết, lo cho em quá nhiều là tập hư cho người ta đó ghen.

Cung âu yếm nhìn Thúy nói như nửa đùa nửa thật:

- Cũng mong em cứ hư cho anh đỡ khổ.

Thúy im lặng, nửa cảm động, nửa băng khuâng suy nghĩ. Thì ra Cung đã lo cho mẹ con nằng đến thế, đón nằng như đón một cô

dâu về nhà chồng. Trước mắt Thúy bây giờ vật gì cũng lạ mắt, từ bức tường cho đến bếp núc, phòng tắm, phòng ngủ, cầu tiêu thứ gì cũng lạ cả.

Cái xứ văn minh nhất thế giới, đời sống người dân tối thiểu cũng phải có những tiện nghi căn bản như vậy. Cung chỉ mới định cư hơn nửa năm mà tương đối có thể ổn định được đời sống quả là một cố gắng không ngừng. Thật ra, sắc dân nào mới đến xứ này cũng thế, chịu khó đi cày là có tiền. Những năm đầu, chưa đi vào vòng luẩn quẩn, tiêu pha đúng mức theo nhu cầu, tiêu chuẩn đời sống nên có thể dễ dành được tiền. Thế nhưng càng ở lâu thì thế nào cũng nợ nần chồng chất lên đầu, bởi phải mua cái này, sắm cái nọ cho phù hợp với hoàn cảnh sống. Riết rồi người ta cứ thắc mắc tại sao vài năm đầu tiên qua đây lại dư giả, nhưng ở lâu nơi này lại đâm ra thiếu hụt, tiền lên cuộc sống cho đầy đủ mà nợ nần thì cứ chồng chất.

Có tiếng điện thoại reo, Cung chụp lấy:

- Hello.

Người bên kia đường dây làm thỉnh không trả lời, Cung nói lại một lần nữa:

- Hello!

Tiếng Tuyết nghe thật nhỏ, giọng nàng như muốn khóc:

- Cầu chúc chú hạnh phúc.

Cung biết nàng đang ghen, đang giận đời, giận chàng... chàng cũng biết và cảm nhận được những khổ đau ở Tuyết. Nhiều lần bên Tuyết, Cung đã giải thích rõ ràng về hoàn cảnh của chàng và tình cảm phức tạp của con người. Ở đời chỉ có một chữ tình, nếu chính ta không thắng ta trong một cuộc tình, nhất là cuộc tình một chiều thì chỉ tự chuốc lấy khổ đau, nghiệt ngã. Chàng cũng thường khuyên Tuyết hãy sống bình thản để lo cho tương lai, và thời gian là liều thuốc hữu hiệu nhất để quên chàng. Thế nhưng Tuyết vẫn không bằng lòng theo lối lý luận của chàng, nghĩa là Cung có thể chấp nhận Tuyết vẫn hơn là theo đuổi Thúy, bởi chị ấy là một người đàn bà đã có chồng. Tuyết vẫn thường lý luận trong đầu nàng: “Cung không sợ mang tiếng giựt vợ người ta sao? Còn nàng có đầy đủ điều kiện sao Cung không chấp nhận. Thật là một chuyện vô lý.”

Cung cố gắng đặt mình vào trạng thái bình thường, chàng không đáp lại lời chúc tụng gởi theo những trách móc của Tuyết, nhưng nói lảng qua chuyện khác:

- Đã về đến nhà rồi à?

Tuyết không trả lời, nàng giữ im lặng một vài giây rồi cúp điện thoại. Thúy và Tuấn đang mở những thùng đồ mang theo từ trại tị nạn, thấy Cung đôi đáp ngắn, cụt ngắn, nàng định lên tiếng hỏi ai ở bên kia đường đây, nhưng lại thôi. Cung gác điện thoại rồi nói:

- Tuyết gọi cho biết là đã về nhà.

Thúy loay hoay sắp xếp đồ đạc vào phòng. Nghĩ đến gia đình ông Đây, nàng nói:

- À sao anh không mời anh Đây và Tuyết qua chơi, em còn thức tới sáng mà.

- Khuya rồi, ngày mai thế nào họ cũng qua.

Đàn bà rất nhạy cảm, cử chỉ, lời đối đáp không mấy tự nhiên của Tuyết ở phi trường đã làm Thúy cảm thấy như có một cái gì không ổn giữa Cung và Tuyết. Thúy nghĩ thầm, Tuyết đã lớn lại có nhan sắc, ở chung lâu ngày bên Cung dĩ nhiên có sự luyến ái là chuyện thường. Bỗng dưng Thúy bật cười, cười cho sự mâu thuẫn của lòng mình, chính Thúy muốn Cung có người yêu để thay thế nàng. Có thể đó là một cơ hội để nàng trốn chạy cuộc tình khó gỡ, nhưng khi biết Cung có người để ý đến thì nàng lại hồi hộp, suy nghĩ.

Thấy Thúy cười, Cung hỏi:

- Tự nhiên em cười, chắc trên chuyến bay có gì vui lắm sao?

Thúy vừa lục lạo đồ đạc vừa nhìn Cung rồi nói như dối lòng:

- Thúy thấy bỗng dưng mình đến một nơi thật xa lạ để sống và cuối cùng lại ở chung một nhà.

- Như vậy có phải do Trời sắp đặt không em?

Thúy không góp ý, soạn chồng thư của đồng hương bên trại tị nạn nhờ gởi cho thân nhân họ, Thúy đôi dề tài:

- Anh nhớ dán tem và gửi đi giùm họ càng sớm càng tốt, thân nhân của người ta trông đợi tội nghiệp!

Cung nhìn Thúy say đắm, chàng muốn nói nhiều lắm để bù lại những ngày tháng xa nhau, nhưng chẳng biết nói gì cho Thúy hiểu. Thúy nhìn Cung và dường như cũng đọc được những nhớ thương của chàng. Hai người im lặng nhìn nhau. Có tiếng ho của chị Lan ở trong phòng vọng ra, Thúy mở cửa bước vào phòng, nhét lá thư của Hón vào tay chị Lan:

- Chị uống thuốc đi cho mau lành bệnh. Hón cũng trông chị lắm!

- Thúy đi đường mệt không? Ngủ đi, ngày mai mình nói chuyện nhiều!

Thúy ra phòng ăn, nơi có bộ bàn cũ với sáu chiếc ghế. Tuấn và hai đứa nhỏ con của Lan đang ngồi giành nhau kể chuyện. Cung hì hục mở những thùng đồ, dọn dẹp va-li, treo áo quần cho mẹ con Thúy, lòng chàng cảm thấy rộn ràng, yêu đời như tuổi thanh xuân trước ngưỡng cửa cuộc đời với một tương lai sáng lạn.

Thúy vào phòng phụ với chàng. Trước tấm gương thẳng đứng, Thúy thấy mình thật rõ ràng từ đầu xuống chân, ánh sáng từ hai bóng đèn tròn chiếu xuống sáng trưng làm Thúy cảm thấy ấm cúng vô cùng. Lâu rồi Thúy mới được ngắm thân thể mình một cách rõ ràng. Thúy tự nghĩ: “Da thịt mình cũng đã đổi thay và phải hội nhập theo đất trời của từng vùng”.

Ngoài trời nhiệt độ xuống thấp, hơi ẩm đọng ở cửa sổ trông như một lớp sương mù. Chiếc máy sưởi tự hoạt động để điều hòa nhiệt độ trong nhà, nhả ra một làn hơi ấm. Thúy khen:

- Ổ xứ này tiện nghi quá sá!

Cung vừa dọn dẹp vừa nói:

- Không tiện nghi thì chết người! Em biết không, xứ này mùa hè nóng cháy da, mùa Đông lạnh buốt tới xương, không có những phương tiện tối thiểu như nhà cửa phải có máy sưởi, máy lạnh để phục vụ con người thì ai mà sống nổi. Không biết năm chục năm trước đây, chưa có máy lạnh thì mùa hè chắc có nhiều người điên và chết vì nóng.

Cung nói một hơi, nhìn Thúy rồi tiếp:

- Thê nhưng, anh nghĩ ở riết rồi cũng quen với khí hậu, da thịt cũng phải thay đổi để hội nhập với thiên nhiên phải không người đẹp?

Thúy đệm theo:

- Trái tim cũng phải thay đổi chút chút để hội nhập với cuộc sống mới phải không anh?

Cung có cảm tưởng như Thúy đã đánh hơi được những cử chỉ khó hiểu của Tuyết. Hay là nàng muốn nói chính trái tim của nàng cũng phải thay đổi. Chàng tự trách mình “có tật mới giật mình”. Có phải đàn bà tinh tế và nhạy bén trong vấn đề tình cảm phải không? Chàng tự nhủ lòng mình thế nào rồi chàng cũng phải nói hết cho Thúy nghe, nếu không nói, một ngày nào đó sẽ rất nguy hiểm.

Thấy Thúy nhìn mình mỉm cười, Cung đáp lại:

- Cũng có thể như vậy.
- Để coi...
- Em nói gì đó, anh hoàn toàn không hiểu!
- À...

Thúy định nói gì đó, nhưng ngập ngừng rồi thôi.

Từ ngày bỏ nước ra đi, lênh đênh trên biển cả với muôn ngàn nguy hiểm, rồi những ngày sống tạm trên đất Hồng Kông, bây giờ Thúy mới được sống dưới một mái nhà ấm cúng. Nàng tự hỏi không biết rồi tương lai sẽ ra sao? Chắc chắn sẽ có rất nhiều thứ để mà lo lắng. Thế nhưng với hoàn cảnh hiện tại, Thúy cảm thấy một niềm vui lớn dậy trong lòng mình, mặc dầu những mâu thuẫn vẫn luôn luôn quấy động trí óc nàng. Cuộc sống mới, với Cung, nàng phải cư xử như thế nào để đền đáp công ơn lo lắng gần hai năm qua? Với Hân, làm sao để sống cho phải đạo làm người? Cuộc đời của con người không thể nào thoát khỏi định luật vô thường của ông trời sắp đặt. Nghĩa là tất cả... đều có sự đổi thay theo từng giai đoạn, và đôi khi những đổi thay đó đến quá bất ngờ làm cho con người, dù thận trọng đến đâu cũng không thể có cơ hội để chống chọi. Thúy lại nghĩ, đã là đổi thay do thiên định thì sự chống chọi cũng chỉ cho có lệ, nếu không muốn nói đó chỉ là những phản ứng có chiều hướng thuận. Thúy cũng tự đặt mình cho định mệnh, đến đâu thì đến...

oOo

Một tuần sau, Thúy bắt đầu quen với giấc ngủ, mọi thủ tục giấy tờ định cư đã làm xong. Thúy nhất định nhờ ông An kiểm việc làm và ghi danh xin đi học thêm Anh ngữ, nhưng Cung cứ bảo ở nhà nghỉ ngơi cho lại sức, đi chơi đây đó cho biết đường sá. Cung cũng đã có kinh nghiệm và rất cảm thông những nỗi lo lắng của người mới đến chân ướt chân ráo. Hầu như bất cứ người nào mới qua Mỹ cũng mang máng có những cái bồn chồn suy nghĩ, lo lắng giống nhau.

Còn chị Lan, từ ngày qua đây, chị bắt đầu đổi thái độ với Thúy, chị không còn tâm sự những chuyện tình cảm như hồi trước nữa, suốt ngày gọi điện thoại cho Tuyết để to nhỏ chuyện đó đây... Gặp ông An là chị Lan bắt ngay vào những việc nhờ vả. Ông ấy thường hay ghé lại để hỏi han giúp đỡ Thúy, đàm đạo về một số công việc thích hợp với Thúy như nghề phụ giáo ở một vài trường

công, nơi có nhiều con em Việt Nam đang theo học, hoặc có thể xin vào làm cho các hội thiện nguyện. Chừng đó chuyện cũng đã làm cho chị Lan ganh tức, bởi người nào đến nhà cũng sẵn đón, thăm hỏi Thúy. Cung thì tối ngày lo lắng cho Thúy, cái gì cũng Thúy với Thúy làm chị Lan thấy ngứa mắt, ngứa tai vô cùng.

Chị Lan bắt đầu xiên xỏ đủ thứ chuyện. Trước mặt Thúy coi bộ cũng còn nể nang, nhưng sau lưng thì tìm cách dựng chuyện này nọ ở Hong Kong, tỉ tê với Tuyết để hạ Thúy đủ điều. Thúy cũng dư biết tâm địa của chị Lan, nhưng hiện tại nàng đang ở trong tình trạng khó xử. Thúy nghĩ không lẽ phải trình bày với Cung để giải quyết vấn đề. Mà giải quyết gì được đây! Nàng tự hỏi mình. Mới đến xứ người chưa ổn định đâu ra đâu cả thì phải gặp những chuyện không vui.

Đường như Cung cũng biết tâm địa của chị Lan, nên chàng đã mở lời an ủi Thúy:

- Anh nghĩ chị Lan có vấn đề gì đó làm em khó chịu, nhưng theo anh thì chẳng có gì quan trọng cả. Thế nào rồi chị ấy cũng tìm cách ở riêng. Anh biết ý định của chị ấy, và nếu điều đó xảy ra... anh sẽ không ngăn cản.

Thúy nhìn Cung một cách lo lắng, rồi thành thật nói ngay:

- Không thể được, qua đây chỉ có mấy người thân chưa gì đã tìm cách rời nhau là một mất mát. Tại sao lại tính chuyện lìa bỏ nhau? Nếu như vậy không những đã không có lợi trong giai đoạn này, mà còn có thể gây nên nhiều chuyện bất ổn trong đại gia đình mình về sau.

Cung thở ra, rồi nói theo ý của Thúy:

- Ai mà muốn, nhưng tính tình chị Lan thay đổi đột ngột như vậy làm sao em chịu nổi!

- Em sẽ cố gắng tìm hiểu nguyên nhân và sẽ làm vừa lòng chị.

Cung thở ra, đôi đề tài bằng cách hỏi Thúy một vài chuyện ở Hong Kong, như chuyện tình cảm của chị Lan và Hón, chuyện loanh quanh trong thời gian ở trại tị nạn. Thúy không nói, chỉ buồn cho tình đời, tình người. Nàng nghĩ, biết hơn người ta trên nhiều phương diện cũng là một cái tội, bởi chính cái điểm hơn đó đã trở thành mục tiêu cho những kẻ đầy lòng đố kị, ganh ghét tấn công. Thúy hiểu tâm lý con người, nhất là chị Lan, nhưng biết làm cách nào để cảm hóa chị ấy khi cái sân si, hẹp hòi càng ngày càng lớn lên trong lòng chị.

Buổi sáng mấy đứa nhỏ đi học, chị Lan vắng nhà. Thúy nằm vui trên giường, ôm theo những suy nghĩ mông lung của những ngày đã qua... Nàng vẫn nhớ đến những người thân quen ở trại tị nạn. Coi thể mà ở Hong Kong còn thấy vui hơn ở đây. Thúy rướn mình kéo bức màn cửa sổ để nhìn ra ngoài trời. Buổi sáng mùa Đông trời buồn da diết, xúr lạ quê người lại càng buồn hơn. Một cơn gió thổi mạnh làm tung mấy chiếc lá vàng còn lại ở cành cây, bay lượn vòng rồi bám vào kiếng cửa sổ. Thúy có cảm tưởng như những cành cây khô đang than thở vì lạnh. Còn mấy ngày nữa là Noel, chắc là phải lạnh hơn, cây cỏ úa vàng rầu rĩ. Con người cũng thế, làm sao vui được trong giây phút này!

Ở xứ hàn đới này mới thấy mùa Đông rõ rệt, cây cỏ đổi từ màu xanh, qua màu chín đỏ, vàng úa đến tội nghiệp, nhựa sống từ cành cây không còn sức để chống lại giá rét đành phải sống khăng khiu không lá. Thúy tưởng tượng, nếu xứ mình mà lạnh như thế này thì chắc chắn rất nhiều người chết vì lạnh. Thượng Đế vậy mà công bằng, đã tạo ra vạn vật thì phải tạo ra môi trường cho sự sinh tồn. Ấy thế mà người Việt ở đây da thịt hồng hào trắng trẻo hơn ở bên nhà, có lẽ vì sự sung túc về vật chất, khí hậu... Và rồi thì da thịt của con người từ vùng nhiệt đới sang đây cũng phải thay đổi để phù hợp với đất trời của miền hàn đới. Thúy tự chứng minh với lòng mình như vậy, nghĩa là con người của nàng từ thể xác cho đến tâm hồn chắc cũng phải đổi thay cho hợp với hoàn cảnh sống.

Đang thả hồn về mùa Đông và những suy nghĩ lung tung về đất trời, thì có tiếng Cung gọi từ phòng bên kia:

- Thúy dậy chưa?

- Làm biếng quá! Ủa anh không ngủ sao? Chiều đi làm sao nôi?

- Anh định dậy chở em đi mua một ít đồ để ăn Noël.

Cung mở cửa bước vào phòng, thấy Thúy kéo tung màn cửa, chàng lấy tay kéo xuống:

- Em không cảm thấy lạnh sao?

Thúy buồn buồn:

- Em đang nhìn trời đất, đang buồn và nhớ nhà, nhớ đủ thứ...

Hồi ở Hong Kong còn nghe được tin bên nhà từ những người mới cập bến, ít nhiều cũng còn đỡ nhớ. Qua đây thì mù tịt chẳng nghe ngóng gì được cả!

Thúy thở ra. Cung biết Thúy đang buồn, đang nghĩ về Hân, về quê hương, chàng an ủi:

- Nhớ thì viết thư!

Chàng không nhắc viết thư cho Hân như hồi còn ở Hong Kong nữa. Không phải chàng ích kỷ, nhưng sợ nhắc đến tên Hân sẽ làm cho Thúy buồn và biết đâu sẽ tạo nên những khó khăn trong cuộc sống hiện tại. Thúy vói tay lấy mấy lá thư trên đầu giường đưa cho Cung rồi nói:

- Anh đi bỏ mấy cái thư này giùm em. Một cho Hón ở Hong Kong, một cho chị Thịnh và anh Hân.

Cung mang thư bước ra ngoài, bỏ vào hộp thư rồi chàng lật đặt quay trở lại. Thúy lại suy nghĩ vẩn vơ, đầu óc nàng trở nên mâu thuẫn lạ thường. Nàng cảm thấy tội nghiệp cho Cung. Hai năm rồi, Cung đã sống hết cho nàng, từ vật chất đến tinh thần, nhưng chính nàng đã sống trọn vẹn cho chàng một ngày... chưa? Lại mâu thuẫn. Tự nhiên nước mắt nàng ứa ra. Con người và cuộc đời...tại sao lại phải như thế này! Thúy tự hỏi.

Căn phòng trở nên tối. Ngọn đèn ngủ ở đầu giường không đủ ánh sáng cho Thúy thấy Cung đang tiến lại phía nàng. Bất chợt, chàng nằm lên giường, kéo chiếc mền đắp lên người một cách tự nhiên, bởi trong lòng Cung, nàng là người yêu, là vợ.

Thúy hơi bối rối trước sự tấn công bất ngờ, nhưng không phản đối, bởi nàng đã biết thế nào rồi cũng không tránh khỏi... Hơn hai tuần qua bận rộn đủ thứ chuyện và lại luôn luôn có người ở nhà nên Cung không có cơ hội để gần gũi, để tấn công nàng.

Thúy phản ứng lấy lệ:

- Coi chừng chị Lan về thì kỳ chết?

Cung không nói, ôm Thúy hôn lên mặt, lên môi. Hơi ấm từ nàng tỏa ra làm chàng cảm thấy như có một luồng điện cực mạnh đang chạy khắp châu thân. Thúy run lên, chỉ chống đối theo phản ứng nhẹ nhàng của phái nữ rồi im lặng, mặc cho chàng trút hết những nhớ thương lên thân thể nàng.

Sau nụ hôn rực cháy từ nỗi khao khát của chàng, như chợt nhớ ra điều gì, Thúy cố lấy lại bình tĩnh, chống lại sự rung động đang chạy thật nhanh, chạy như tên bắn trong trí óc mình:

- Thôi anh, em ngộp thở quá!

Không gian chìm trong im lặng. Im lặng và chấp nhận một quan hệ gần bó giữa người với người. Thương để đã tạo ra đàn ông và đàn bà, tận cùng của sự quan hệ gần bó khi con người yêu

nhau là tình dục. Họ say đắm cuồng nhiệt trong thời gian ấy để biểu lộ tình yêu, biểu lộ sự kết hợp hài hòa âm dương trong vũ trụ.

Có chuông điện thoại reo ở nhà bếp làm Thúy giật mình:

- Đi lấy điện thoại đi anh!

Cung nói liêu:

- Thây kệ nó!

Tiếng điện thoại reo một hồi rồi nín luôn. Căn phòng trở nên yên lặng. Chỉ có tiếng thở như bùng lên rõ ràng giữa hai người yêu nhau.

Lại có tiếng xe ngừng ở trước sân, rồi có tiếng gõ cửa. Thúy nói nhỏ:

- Có ai gõ cửa anh ơi!

Cung say sưa...nói liêu:

- Kệ họ, đi làm rồi mà!

- Không được, ra coi ai ở ngoài, lỡ có chuyện quan trọng thì sao?

Thúy đẩy người Cung dậy. Chàng vội vàng khoác chiếc áo chạy nhanh ra hé cửa. Thì ra là người đưa thư bắt ký một lá thư bảo đảm của Thúy từ trại Hong Kong gửi tới. Cung ký vào, cảm ơn người đưa thư rồi mang vào cho Thúy:

- Người đưa thư. Có thư bảo đảm của Hồn từ trại Hong Kong thì phải.

Thúy mừng, định bóc ra xem ngay, nhưng Cung chụp lấy bỏ qua bên chiếc bàn cạnh giường. Thúy phản ứng:

- Để em xem coi có gì quan trọng không đã?

Cung nhất quyết:

- Đọc sau, có gì mà em quá lo như vậy!

Cung lại tiếp tục hôn, thỉnh thoảng chàng dừng lại và nói trong hơi thở:

- Anh nhớ thương em không thể dần được nữa rồi!

Tự nhiên Thúy cảm thấy mình như mất hết cảm giác, lẫn lộn trong sự bàng hoàng lo lắng. Nàng cố nhắm mắt lại, tập trung tư tưởng, co rút người lại, nàng có cảm giác như máu đang dồn lên mặt, dồn lên đầu. Nàng nói theo phản ứng:

- Anh liêu quá! Anh đã đưa em vào những khó xử cho chính bản thân em! Tại sao anh không chọn một người... người khác mà phải chọn em. Anh có biết như thế này là tội nghiệp cho em lắm không?

Thúy khóc, những giọt nước mắt nóng trào ra gối. Cung không an ủi, mà lại nói như một kẻ chịu tội:

- Khóc đi em! Cứ khóc cho anh mang thêm tội lỗi là đã trót yêu em. Thú thật với em, chính anh cũng không biết tại sao anh lại yêu em như thế này. Có phải anh đã mù quáng vì tình yêu lôi kéo không? Mà anh đâu có mù. Em biết anh đã yêu em bao lâu rồi không?

Nghe Cung nói trong cơn xúc động, Thúy tò mò không biết chàng đã yêu mình ở giai đoạn nào. Nhưng có là giai đoạn nào đi nữa thì Thúy cũng không thể chất vấn, bởi chất vấn cũng chỉ thừa thãi và không nên làm trong lúc này.

Thúy muốn im lặng, nhưng Cung nhất định thổ lộ:

- Anh đã yêu em từ trước năm 75 lận.

Thúy ngạc nhiên, nhưng vẫn không muốn biết giai đoạn nào trước 75. Nàng lại quay về quá khứ của những ngày gặp chàng ở Đà Nẵng. Nàng nhủ thầm: như vậy là chàng đã tính toán, đã sửa soạn kỹ lưỡng để tiến chiếm mục tiêu. Tự nhiên, Thúy cảm thấy tội nghiệp cho Cung. Thật sự nếu chàng muốn tìm kiếm tình yêu ở bất cứ một người con gái mới lớn nào đó thì cũng dễ thôi. Hồi còn ở bên nhà với nghề tài xế xe đồ, lại có tiền thì thiếu gì người đẹp, nhưng tại sao Cung chẳng muốn chọn ai. Thúy tự lý luận.

Thúy định quay lại quá khứ với những ngày còn ở Đà Nẵng, nhưng Cung lại tấn công bằng những nụ hôn lên cổ, lên những phần... thân thể Thúy. Thúy biết mình đã đến lúc không thể chống cự được những quyến rũ của thân xác, nàng lại buông xuôi... buông xuôi theo hơi thở, nhịp tim, im lặng, im lặng và run lên cầm cập... Chiếc quần lót rời khỏi thân thể Thúy. Thúy cố níu lại theo phản ứng tự nhiên của phái yếu, nhưng rồi Thúy lại buông tay... buông tay...

Bầu trời mùa Đông âm u như thấp xuống. Mặt trời đã trốn đâu mất mấy ngày rồi! Bãi cỏ trước sân nhà đã chết khô bởi giá rét; mấy chiếc lá vàng còn nuôi tiếc cố ôm lấy cành cây khẳng khiu cũng đã lia trần để trở về với cát bụi, làm phân bón nuôi dưỡng cho thân cây trong kiếp sống xoay vần của vạn vật.

Thúy nằm nghe tiếng thở của mình và cũng tưởng tượng nghe được tiếng thở của cỏ cây trước sân nhà đang cố gắng vươn lên để chống chọi với đất trời. Nhưng mà chống sao được khi mùa Đông đã ụp tới mang theo gió lạnh.

Thúy không nhớ là Cung đã... say sưa với mình bao lâu rồi. Nàng thật sự mệt mỏi không thể ngồi dậy được. Lâu lắm rồi, cũng gần 7 năm xa Hãn, lia xa mạch sống âm dương hòa hợp đất trời, nghĩa là lia xa tất cả từ những suy tư về tính dục của con người. Thúy đã cố quên, hoặc chẳng bao giờ nghĩ tới nó vì hoang lạnh của sự sống đấng cay trong những ngày xa chồng, hoặc vì hoàn cảnh của cuộc đời sau biến nạn 75.

Nhưng rồi... bây giờ nó đã đến, đã xảy ra và đã sống lại như vạn vật đang trở mình đầu Xuân. Cỏ cây hoa lá đang đâm chồi trở nhụy, nắng Xuân ấm áp rọi qua một căn nhà lá, nghèo nàn nhưng rất thơ mộng. Ở đó có những đam mê quyến rũ; ở đó, những buổi sáng có tiếng cười hòa nhịp của một đôi tình nhân với cuộc tình nở muộn, nhưng hương sắc của nó vẫn tươi thắm, vẫn rạt rào như tuổi xuân vừa mới sống dậy. Ở đó, tuy xa lạ, nhưng chắc chắn sẽ có một cuộc sống mới với nhiều hứa hẹn, nhiều khám phá mà bất cứ một tâm hồn nào, dù không có máu phiêu lưu cũng phải tò mò tiến tới.

Sự sống vươn lên, vươn lên như tâm hồn Thúy đang muốn vươn lên, vươn lên trước một cuộc đời mới, hoàn cảnh mới và cái gì cũng phải mới... Thế nhưng trí óc nàng thì lại lùng bùng với những mâu thuẫn khó giải quyết. Mới, cũ, chồng con, người yêu, Cung.

Thúy nhủ thầm: “Khóc làm gì nữa Thúy ơi! Định mệnh đã sắp đặt cho mi đến nơi này thì phải chấp nhận thế thôi”.

Thúy lại khóc, những giọt nước mắt bây giờ cũng mâu thuẫn một cách tồi tệ. Thúy khóc cho mình, khóc cho sự mềm yếu, khóc cho những đổi thay ngoài ý muốn, khóc cho định mệnh và khóc cho ngã rẽ cuối đời của một người đàn bà ra đi lưu lạc xứ người.

Thúy ê ẩm cả người như đêm tân hôn với Hãn, cái cảm giác ấy cứ chạy quanh trong đầu óc nàng không thể tháo gỡ, không thể vứt bỏ được. Thúy tự mình xài xể một cách thậm tệ là đã buông xuôi theo dòng sông, không tìm cách chèo chống để rồi tự ngụp lặn đời mình vào đó. Rồi nàng cũng tự hỏi: chèo chống làm sao được đây? Có ai hiểu được hoàn cảnh của mình hay không? Và nếu phải nằm trong trạng huống như hoàn cảnh của nàng - là con người - có chống chọi được không? Nhưng dù gì đi nữa thì cũng không thể ngụy biện. Từ đây nàng có đủ can đảm để viết lên lời yêu thương nồng nàn qua những lá thư thăm Hãn nữa không? Hay nàng vẫn phải dối lòng... dối trá một cách tội lỗi với chồng?

Thúy lại thấy bối rối. Hay cứ tiếp tục dỗi chàng để mà sống, để còn lo cho chàng, tiếp tế cho chàng sống qua những đồng dollar bằng mồ hôi nước mắt của Cung. Thúy cảm thấy tim mình như đang bị ai dày vò, cảm thấy mình xấu hổ hơn bao giờ hết. Và giá trị con người nàng trong phút giây này cũng chẳng còn gì nữa. Bây giờ nàng mới cảm thấy thấm thía với ông quan tòa lương tâm. Thì ra thiên đường ở ngay trong tâm mình và địa ngục cũng ở chính trong tâm mình. Thúy muốn khóc thật lớn cho vơi bớt những quận thắt đang đè nặng lên đầu óc nàng. Nhưng mà phải làm sao đây để mình trốn chạy được mình, chối bỏ được mình?

Trong phòng tắm vọng ra tiếng huyết sáo của Cung, có lẽ chàng đang vui, đang ôm giữ một thứ hạnh phúc mà gần hai năm nay chàng ao ước. Cái vui tự nhiên của con người sau con hoan lạc; cái vui của cuộc tình thâm lặng mà chàng đã dứt điểm và đạt mục tiêu sau gần hai năm dài. Còn Thúy, nàng lại tự trách mình là một con người phản bội, đã trao thân cho người khác trong khi chồng mình vẫn sống khổ đau, không biết sống chết ra sao trong trại tù. Thúy úp mặt xuống gối mặc cho tâm tư trải lên những nhầy nhụa của một đời người đàn bà.

Cung tắm xong, chàng trở lại giường với Thúy:

- Em không giận anh chứ?

Thúy không nói, nàng chỉ lắc đầu. Cung lại ôm chặt Thúy vào lòng, lại hôn lên người Thúy, mân mê tìm kiếm... Chàng lại tấn công tới tấp. Thúy muốn nói gì đó, nhưng nàng như lạc vào cõi thần tiên. Lần này chàng say sưa, mạnh bạo hơn, thấy sức lực mình như tuổi xuân đang sống dậy. Thúy nhắm mắt tận hưởng những giây phút khoái lạc nhất trong đời người đàn bà... và dòng lúc nước mắt nàng cũng ứa ra theo sự đam mê cuồng nhiệt của Cung, của nàng...

Sau cơn mê ân ái, Cung thú nhận:

- Anh đúng là thằng tồi tệ, sao lại phải yêu em như thế này? Biết bao nhiêu người muốn lấy anh, kể cả cô bé Tuyết. Anh có phải là thằng hèn đi lấy vợ người khác không? Nói đi em?

Thúy khóc, cái tên Tuyết mà Cung vừa đề cập làm nàng nhớ tới thái độ lúng túng của Tuyết. Thì ra cái cảm nhận của Thúy về Tuyết hôm gặp ở phi trường là đúng. Tuyết cũng yêu Cung. Thúy nói:

- Em cũng không biết nữa! Có phải đây là định mệnh an bài hay không? Anh có tin vào định mệnh không? Tại sao anh không lấy Tuyết có phải đỡ cần rút cho cả hai đứa mình?

- Anh tin chứ! Bao nhiêu năm rồi, từ ngày ra khỏi tù, rồi làm tài xế, anh có bao giờ nghĩ tới chuyện yêu ai, lấy ai để làm vợ. Anh chỉ nghĩ tới chuyện làm trai phải làm một cái gì đó để xóa bỏ chế độ Việt cộng phi nhân. Ra đi cũng chỉ chừng ấy thôi. Nhưng sao anh lại nghĩ tới em, lo cho em, và sống vì em như thế này? Anh thật không hiểu anh nữa. Còn chuyện Tuyết, anh có bao giờ nghĩ tới cái cô bé tội nghiệp đó đâu!

Cung ôm đầu, Thúy ngồi dậy ôm Cung:

- Em cũng không biết nếu còn gặp lại Hãn, em có thể nhìn vào mặt chàng được nữa hay không? Đất nước tang thương, gia đình chia lìa đổ nát, đói rách, con người có thể lâm vào nhiều hoàn cảnh khổ lụy... Riêng em, bao nhiêu năm nay xa Hãn, mặc dù nghèo đói, nhưng giấy rách phải giữ lấy lề. Ai ngờ định mệnh lại sắp đặt hoàn cảnh để mình gặp nhau.

Cung an ủi Thúy:

- Nếu có ngày anh Hãn đoàn tụ, anh sẽ nhận hết tội lỗi, trách nhiệm và xin được trả em về với Hãn. Em bằng lòng chứ!

Thúy không nói, thở dài...

Trương Sĩ Lương (Trích truyện dài “người đàn bà ra đi”.)



Xuân Về Mẹ Không Còn!

Xuân về sao vẫn mãi bơ vơ
Mẹ tôi đã hết những đợi chờ
Đời đã cạn khô theo vận nước
Xuân khứ xuân lai vẫn hững hờ

Ngày ấy con đi mẹ ngóng trông
Nguyên ước cru mang con chắt chồng
Mẹ mừng con mẹ dù phiêu bạt
Nhưng với niềm tin góp núi sông

Xuân trước, mẹ chờ tóc bạc phơ
Xuân sau, vòng giáp mẹ cũng chờ
Một sớm con về, mừng chiến thắng
Nhưng nước non ơi, vẫn hững hờ!

Xuân đến rồi Xuân lại chờ mong
Kẻ ở người đi, đau thắt lòng
Mẹ già ốm yếu thêm tuổi hạc
Xương mai lòng đất, hết chờ mong!

Con hứa rồi đây con sẽ về
Dựng lại vườn xưa đã bỏ bê
Khói hương nghi ngút dâng hồn mẹ,
Trước mộ bài thơ... con đã về.

Spring was coming, but my mother had passed away!
Translated by Nguyen Huu Ly

Spring was coming, but why was it still so forsaken?
My mother's expectations have passed off
The existence was running dry according to the nation bad
luck
Spring has gone and come back, but it was always in different

From that day, I departed and my mother awaited with
impatience

The aspirations I bore gradually bucked up on me
Though I was drifting away, my mother overjoyed
And she had every confidence that her son will share with his
motherland's duties

In previous spring, my mother's hair had turned snow-white in
waiting for me

In next spring, or in a cycle of twelve years later

My mother will be expecting me also

In an early moment, when I will return to rejoice the victory

Yet the homeland has still been cold! Spring was coming, but
it kept waiting again

How dolorous the separation was!

My old mother was feeble, in addition to her long life

To bury her bones underground later on, with no more
expectations!

I promised that I will be back in the future

To rebuild the former abandoned gardens

The thick incense smoke emitted and offered to the mother's
souls

In front of her grave, read a poem entitled... I have returned.

Kẻ Sĩ Tình

Hai mươi năm về trước

Anh là kẻ sĩ tình

Như vết nhựa sâu đông

Bám trên bìa tập vở

Như loài ong xây tổ

Bên tường đá bơ vơ

Ngày ấy những ước mơ

Vỗn vẹn và ngây thơ

Được nhìn em thật kỹ

Những đêm trắng đợi chờ

Và những chiều tan học

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỶ- 158

Anh vội vã làm thơ

Rồi tháng năm biến biệt
Con đường cũ vắng người
Làm thân trai đất Việt
Mộng ước thật xa xôi
Như đại dương bao tổ
Chiếc thuyền bé vẫn trôi

Em thì đã ra đi
Không một lời từ giã
Con đường nằm buồn bã
Vùi đau kẻ bạc tình
Anh mang theo đồ vỡ
Năm tháng rục chân chim

Hai mươi năm rồi qua
Anh lìa bỏ quê nhà
Khổ đau vì vận nước
Xứ người những xót xa
Tháng năm buồn ray rứt
Kẻ không có nước nhà!

Một ngày trên đất lạ
Ta bỗng gặp lại em
Sững sờ lòng rộn rã
Như nắng mới qua thềm
Như bó đuốc trong đêm
Voi tối tấm buồn bã

Hai mươi năm rồi qua
Anh vẫn kẻ si tình
Như lớp nhựa dầu loang
Bám trên vùng sỏi đá
Như con tàu biển cả
Ôm sóng nước lang thang

Bây giờ vẫn là em
Nhưng cuộc tình đã lỡ

Anh không còn bỏ ngõ
Như buổi sáng sân trường
Cuộc tình không tan vỡ
Nhưng đã ở cuối đường.

Nam Giao, TL
July, 1985

Cứ Giả Dối

Cứ giả dối cho hồn ta được sống,
dù một ngày cũng cứ để ta vui.
Xin cho ta, ánh mắt với nụ cười
dù ngắn ngủi như đã trăng xây cát

Đến đi em như mây trời bàng bạc
Để ta mơ tìm thấy một cuộc tình
Ở đó, đêm dài... một sáng bình minh
Ta thức dậy như cỏ cây thêm sống.

Dối đi em, cho đến khi bất động
Thân rã rời như gió bụi ngàn khơi.
Đến đi em, để ta thấy cuộc đời
Dù hư ảo, nhưng hồn ta bớt lạnh.

Dối đi em, dù đời ta cô quạnh
Để chiều mưa ta mơ thấy em về
Đến đi em, dù một chút đam mê
Để ta được tìm vui trong gian dối.

Dối đi em! Chẳng bao giờ có tội
Dù phải nghe từ khẩu nghiệp của em.
Ta sẽ ru một giấc ngủ êm êm
Quên tất cả cho đời ta đẹp mãi...

Nam Giao, TL



Nguyễn Đức Nhơn

Tiểu Sử

Nguyễn Đức Nhơn

Tên thật cũng là bút hiệu

Những bút hiệu khác:

Xuân Du – Đoàn Thạch Ngọc – Phan Thuận

Nguyên Quán:

Phan Thiết, Bình Thuận

Sinh hoạt văn học:

Chủ nhiệm Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương

Phó chủ tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ (đương nhiệm)

Tác phẩm: Giao Mùa, Mùa Gió Bắc

Điền Gia Lạc

“Bạch đầu nhân túy bạch đầu phò, điền gia lạc”*
Cái thú điền viên hai thằng đầu bạc
Bê rượu ra sân chén tạc, chén thù
Ngửa mặt lên trời cười đến ngất ngư
Xem thế sự như trò chơi con trẻ
Cạn chén đi anh bọn mình say một bữa
Đề thấy đời còn đẹp biết bao!

Mái tóc hai thằng bạc trắng như nhau
Như những đám mây chiều trôi lãng đãng
Đàn vịt ria lông trên bờ ao cạn
Đàn gà con bơi rác sau hè
Chạy quanh sân đàn trẻ nô đùa
Giàn bầu, mướp cũng đơm hoa, nở nhụy

Cạn đi anh bọn mình say túy lúy
Đề nghe đất trời thở nhịp thiên nhiên
Hãy quên đi những chuyện náo phiền
Mà uống cạn chén đời trong mộng tưởng

Tôi đâu phải là kẻ hăng tâm, hăng sản
Mà chỉ là thằng khổ rách, áo ôm
Mượn chiếc cần ngồi câu áo, câu cơm
Đâu có ôm mộng lớn chờ thời như Lã Vọng
Đâu có chí lớn vẫy vùng vượt trùng dương dậy sóng
Tôi chỉ là thằng con nít sống lâu năm
Còn anh? thì cũng là thằng lạc chợ, trôi sông

Giả hiền sĩ gặt đời kiếm bữa
Dựng lầu chông hai thằng nướng tựa
Bê rượu ra sân hai đứa khề khà...

“Bạch đầu nhân túy bạch đầu phò, điền gia lạc”
Cạn chén đi anh bọn mình chén thù chén tạc
Đời vui như mở hội đầu xuân
Chénh choáng men say rượu ngọt lạ lùng
Chiều xuống thấp đẹp vô cùng anh nhỉ?
Gặp bạn hiền rượu ngàn ly chưa phi
Ngắt ngưỡng bên nhau nói chuyện bao đồng...
Khi trở về có lội suối, qua sông
Nhớ chông gậy mà dò sâu, cạn!
“Bạch đầu nhân túy bạch đầu phò, điền gia lạc!”

Nguyễn Đức Nhon

* Cô thi.

Khách Lạ

Khách về đây trời đất thênh thang
Gió mùa bắc thánng giêng lồng lộng thổi
Hàng dương liễu đón chào khách mới
Khách đường xa rũ áo phong trần

Khách về đây sông nước ngại ngừng
Con thuyền nhỏ chở đầy sóng gió
Trở về neo trên bờ bến lạ
Thuyền bập bênh giữa bến chiều hoang

Trên bờ kia ai mất ai còn?
Con phố cũng vắng người qua lại
Khách bỗng thấy cõi lòng tê dại
Đường trăm năm lê đá xanh rêu

Khói vàng thơm nức ngả màu chiều
Con gió bắc cũng ngập ngừng lịm tắt
Bóng chiều đổ trên bờ vai áo bạc
Khách mân mê râu tóc ngại ngừng...

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỶ- 163

Kìa nhà ai cửa khép lạnh lùng?!
Khách ngỡ ngỡ bước lần qua lối nhỏ
Con chó già ngủ vùi trước ngõ
Đàn gà con quần quýt sau lưng!

Khách bấn khoăn chân bước ngập ngừng
Từng nhịp thở gõ đều trên nỗi nhớ
Kìa ai lạ? khách sững sờ hỏi nhỏ
Ai ngồi kia cúi mặt im lìm?

Khách bàng hoàng nghe máu ứa về tim
Hàng dương liễu cũng gục đầu thổn thức
Khách lặng lẽ quay về sông nước
Bến chiều xa khói cũng mơ hồ!

Ghèngh đá ôm nhau ngọn sóng xô đùa
Con nhạn trắng bay đi lặng lẽ
Mùi hương lạ bỗng dừng lại nhớ
Bến bờ xưa đâu còn chút dư âm!

Khách trở về nơi bến đỗ trăm năm
Chống sào đợi tuổi già qua mái tóc
Đêm lạnh ngắt bến sông vàng trắng mọc
Thuyền lênh đênh trên nỗi nhớ bập bênh.

Bến sông vắng lòng người cũng vắng
Sương giăng mờ bến cũ bóng đèn xưa
Trăng đêm nay trắng mờ đêm nguyệt tận
Gió đông về lạnh lẽo ngọn đèn khuya

nguyễn đức nhơn

Một Đêm Thu

Mong gặp em sau bao ngày xa cách
Hai phương trời mờ mịt bóng mây giăng
Tôi nhẹ bước qua ngõ buồn hiu hắt
Đêm thu về nhớ quá một mùa trăng!

Trời chớm thu gió thu lành lạnh
Sương giăng mờ lối nhỏ bước chân khuya
Theo ngõ vắng lần về thăm xóm cũ
Bao lâu rồi, qua hết mấy mùa mưa ?

Em hỡi em
Người em bé nhỏ
Đã cùng tôi hò hẹn một đêm thu
Dưới ánh trăng khuya em tựa đầu thô thê
Anh đi rồi buồn lắm anh ơi!

Rồi ngày lại ngày qua
Tôi vẫn đi biên biệt
Ngôi làng cũ đã tràn lan bóng giặc
Người tôi yêu chờ đợi mãi mòn

Nàng bước theo chồng trong tác dạ héo hon
Tôi vẫn đêm đêm mắt trông canh bóng giặc
Người em gái tôi yêu
Chưa một lần biết khóc
Thôi hết rồi người em gái tôi ơi!

Trời chớm thu lá vàng rơi trước ngõ
Tôi lại đi
Một lần nữa ra đi
Nhưng đêm nay
Không có bàn tay bé nhỏ
Cầm tay tôi bịn rịn buổi phân ly

Em hồi em người em tôi yêu
Có bao giờ gian dối ?
Buồn trong tôi với vợi
Khúc nhạc tình
Quần quít mãi không thôi

Đêm nay buồn lắm em ơi
Tôi đi dưới bóng sao trời lưa thưa...

Nguyễn Đức Nhơn

Mùa Lá Đổ

Một ngày hoa lá rơi đầy ngõ
Em trở về thăm buổi tựu trường
Tôi đã yêu em từ dạo ấy
Khi tuổi đời vừa nở nụ yêu đương

Em cũng yêu tôi từ dạo ấy
Nhưng tình vội đến vội chia xa
Em đứng nhìn tôi dòng lệ ứa
Ngăn lại làm gì giọt lệ sa!

Cổng trường khép lại cuộc yêu đương
Tôi cũng ra đi vạn nẻo buồn
Từng bước chân đi từng bước nhớ
Thôi rồi chấm hết một mùa thương!

Từ đó mỗi lần hoa lá đổ
Là mỗi lần nhớ quá cổng trường xưa
Em có biết nơi phương trời xa thăm
Có một người lặng lẽ bước trong mưa

Em ở nơi nào em biết không
Đời tôi như chiếc lá mùa đông
Lặng lẽ bốn mùa bay theo gió
Ngăn lại làm gì ngọn bắc phong!

Rồi lại một chiều hoa lá đổ
Có người mang đến một tin vui
Tôi xem thiệp cưới mà như đã
Bóp nát tim mình cho máu rơi

Thôi rồi em hỡi vui mùa cưới
Nhớ lại làm gì chuyện trái ngang
Tôi như hoa lá rơi đầy ngõ
Chôn chặt cuộc tình đã dở dang

Từ đó đâu còn mong gặp lại
Nhưng tình quân quít mãi không thôi
Tôi vẫn mơ về con phố nhỏ
Có một người giẫm nát trái tim tôi!

Ngày lại ngày qua tôi vẫn mơ
Mơ về phố cũ cổng trường xưa
Lặng lẽ trong tôi dòng lệ nhỏ
Cho hồn thấm đẫm một bài thơ

Em hỡi làm sao tôi quên được
Một ngày trời đất nổi phong ba
Một ngày hoa lá rơi đầy ngõ
Mỗi bước ngấp ngừng mỗi bước xa...

Nguyễn Đức Nhơn



Nguyễn Đức Nhon

Xuôi Theo Dòng Nước Ngược

Từ bến xe về nhà chú tôi phải băng ngang một cánh đồng hoang. Ở cuối cánh đồng, gần khu chợ chồm hổm Tân Mai có một căn nhà lá nằm trơ vơ với những bức vách xiêu vẹo te tua vì trải qua nhiều năm tháng không được tu sửa. Tôi ghé vào xin nước uống. Bà chủ nhà hé cửa, lộ đầu ra hỏi anh cần gì? Tôi nói trời nóng quá chị cho xin miếng nước và đút mát một chút được không? Bà chủ nhà vừa mở cửa vừa nói mời anh vào rồi bước đến cầm chiếc ấm rót nước vào cái ly làm bằng đất nung. Căn nhà, ngoài lối đi và cái sân nhỏ phía trước, chung quanh đều là cây đại và cỏ tranh. Bên trong nhà kê một chiếc giường tre và một cái bàn với bốn chiếc ghế đầu làm bằng gỗ tạp. Ở bức vách phía sau, kê một bàn thờ, trên bàn thờ là ảnh một người lính trẻ, mặc đồ trận, không thấy mang cấp bậc. Trước ảnh là một lư hương bằng sành, trên lư hương, vài ba chân nhang cắm xiêu vẹo. Thấy tôi đứng nhìn trân tằm ảnh, bà chủ nhà thờ dài nói mời anh ngồi. Đó là ảnh thằng con tôi. Nó chết hồi còn chiến tranh. Thằng nhỏ mới ra trường Bộ Binh Thủ Đức được mấy tháng thì đụng trận bị thương, trực thăng chở về chưa tới bệnh viện là nó đi rồi. Thấy bà chủ nhà có vẻ cỏi mở nên tôi bắt chuyện làm quen, xin lỗi chị tên gì vậy? Tôi tên Trang. Cảm ơn chị Trang, tôi từ bến xe về nhà chú tôi nhưng nắng nóng quá đành ghé vào đây làm phiền chị. Có phiền gì đâu, nhưng nhà không có trà, anh dùng tạm nước lạnh vậy. Tôi hỏi Trang chị còn cháu nào không? Còn, còn một đứa con gái. Nó lấy chồng tốt dưới miệt lục tỉnh. Năm, nửa năm mới về một lần. Chị ở nhà này một mình? Chớ sao giờ. Bà Trang ngừng một chút rồi nhìn tôi tò mò, anh có mấy cháu? Chị làm nghề gì vậy? Bà xã tôi lấy chồng khác rồi. Tôi cũng có một đứa con trai, nó nghịch ngợm lượm đầu đạn đập lấy chì bị nổ chết rồi. Ô! Xin lỗi đã khơi lại chuyện buồn của anh. Mà lý do gì hai người thôi nhau vậy? Vợ tôi không chờ được, bà ấy lấy chồng khác vì cho rằng tôi không thể trở về. Anh ở tù cải tạo? Vâng, tôi ở sáu năm. Bà Trang thờ dài sùnn sụt nói ông xã tôi cũng ở tù. Tôi hỏi anh ấy về chưa? Ông chết rồi. Chết khi còn ở trong tù. Có người cùng trại với ông về nói với tôi như vậy. Tôi bán tin bán nghi nên có đến trại giam hỏi thăm tin tức. Người ta bảo là ông đã chuyển trại. Tôi có hỏi

chuyển đến trại nào thì họ không trả lời vì vậy mà tôi tin là ông đã chết thật rồi. Chiến tranh cũng chết, hòa bình cũng chết. Biết sao giờ! Bà Trang không nói gì thêm. Hình như bà đang hồi tưởng một điều gì đó. Nét mặt bà thoáng hiện một nỗi buồn xa xăm khó hiểu. Mặt trời đã ngã về phương tây. Khu đồng hoang trở nên vắng lặng buồn hiu sau một vài cơn gió mùa thoảng qua. Tôi đứng lên cảm ơn bà rồi bước ra cửa, một mình lần theo con đường mòn dẫn đến nhà chú tôi. Từ đó, năm ba ngày tôi đến thăm bà Trang một lần. Lúc đầu Trang có vẻ dè dặt nhưng dần dần bà ấy tỏ ra thân thiện và khi tôi ra về, lúc nào bà cũng mời tôi rảnh rỗi ghé nhà chơi.

Bầu trời đen ngịt, gió bắt đầu thổi mạnh. Tôi cố đi thật nhanh, nhưng vừa tới gần khu chợ chồm hổm thì cơn mưa đổ ụp xuống. Tôi đành tạt vào nhà bà Trang trú tạm. Cơn mưa giống đầu mùa thật dữ tợn, gió giật từng cơn. Một vài tấm lá trên nóc bị tróc. Nước đổ xuống đọng thành vũng nhỏ trên nền nhà. Bà Trang ngồi ở mép giường, nét mặt buồn buồn nói nhà không có đàn ông, mưa to gió lớn cũng sợ. Tôi nói chiến tranh qua rồi, nhưng hậu quả của nó thật ghê gớm. Kẽ mất vợ, người mất chồng. Tôi và chị gần như cùng cảnh ngộ, kiếp này chúng ta trả quá nhiều. Những ngày còn lại không biết rồi sẽ ra sao. Tôi buồn thật sự. Những lời tôi nói ra đều xuất phát từ đáy lòng. Bà Trang không nói gì và tôi cũng không biết bà đang nghĩ gì.

Cơn giông chấm dứt, nhưng trận mưa vẫn kéo dài. Trời đã tối hẳn, không còn nhìn rõ cảnh vật bên ngoài. Bà Trang bước đến đốt cây đèn trên bàn thờ. Ánh sáng từ ngọn đèn chao đảo, khi tỏ khi mờ, chiếu lên khuôn mặt đầy đặn, còn phảng phất nét diễm kiều của một thời con gái. Tôi nhìn bà đắm đắm... Cái cảm giác tự nhiên của một người đàn ông vắng vợ lâu ngày thôi thúc, khiến tôi không còn tự chủ được. Bà Trang cũng chỉ phản ứng lầy lẹ... Ngoài trời, mưa vẫn còn nặng hạt, thỉnh thoảng một vài ánh chớp lóe lên rồi tắt ngúm. Căn nhà bà Trang chìm trong một đêm mưa đầu mùa dai dẳng, cho đến khi bình minh ló dạng, bắt đầu cho một ngày mới và cũng bắt đầu cho một cuộc tình muộn màng nhưng đầy hạnh phúc.

Cuối cùng, chúng tôi cũng được định cư ở Hoa Kỳ sau một chuyến vượt biên đầy nguy hiểm. Trang suốt ngày buồn bã vì nhớ đứa con gái còn ở lại quê nhà. Chúng tôi sống ở New York một thời gian rồi chuyển về thành phố Garland, Tiểu bang Texas vì không chịu nổi khí hậu buổi giá ở miền bắc. Tại đây tôi và Trang

dồn nỗ lực vào nghề may. Thời điểm đó nghề may khá thịnh hành và kiếm rất nhiều tiền. Từ công việc may thuê, chúng tôi mở được một cửa tiệm, rồi hai cửa tiệm vì vậy mà chúng tôi phải chia nhau mỗi người trông coi một tiệm. Hầu như chúng tôi chỉ gặp nhau về ban đêm và cuối tuần. Chúng tôi khá thành công trên xứ sở tạm dung này.

Một hôm, có một người đàn ông trạc tuổi trung niên vào tiệm tôi xin việc. Ông ấy nói tôi qua diện HO, mới được nửa năm. Tôi vốn là một sĩ quan ở tù cải tạo nhiều năm nên rất thông cảm với những người cùng cảnh ngộ. Tôi xem xong tờ đơn xin việc rồi nói được anh đến đây làm cho vui. Ngày mai anh có thể đi làm. Anh Tân cứ yên tâm, ở đây không có việc gì nặng đâu. Tân đứng lên nói cảm ơn rồi ra về. Tân làm được vài tháng, công việc đã thành thạo nhưng lúc nào cũng buồn bã đăm chiêu, ít trò chuyện và thổ lộ việc riêng tư của mình. Lúc đầu tôi không để ý nhưng dần dà tôi thấy ở anh hình như có một nỗi buồn gì đó đang giữ kín trong lòng. Một hôm nhân công việc rảnh rỗi, tôi mời Tân đi nhậu. Tân có vẻ do dự nhưng rồi cũng đồng ý. Trong một nhà hàng khá sang ở Garland, tôi và Tân vừa uống bia vừa nói chuyện bao đồng. Khi cả hai ngà ngà say tôi tò mò hỏi Tân về hoàn cảnh gia đình anh. Tân buồn buồn trả lời, tôi qua đây một mình! Vợ tôi đã lấy chồng khác khi tôi còn ở trong tù, nghe nói bà ấy cũng qua Mỹ rồi. Tôi hỏi anh về năm nào. Tân trả lời về hồi năm tám lăm. Tôi gật gù nói như vậy là anh về sau tôi tới bốn năm. Tôi dặn Tân một vài công việc cho ngày hôm sau rồi lên xe ra về.

Mùa đông năm nay lạnh hơn những năm trước rất nhiều. Nhất là vào dịp Tết ta, gió từ miền Bắc thổi về lạnh thấu xương. Tuyết cũng bắt đầu rơi càng lúc càng nhiều. Sân sau nhà tôi và những mái nhà nằm bên kia hàng rào phủ lên một màu trắng xóa. Ngày hôm sau tuyết ngừng rơi. Tôi mở cửa nhà xe bước ra bên ngoài. Mặt trời chói chang phủ lên mặt tuyết một màu trắng lung linh rực rỡ trông giống như một cảnh thần tiên nào đó. Con đường trước nhà hằn lên những vết xe trên mặt tuyết. Những đứa trẻ ở mấy ngôi nhà đối diện túa ra sân lấy tuyết đắp thành những hình người trông thật ngộ nghĩnh. Tôi cũng thấy vui lay với các cô cậu nhóc con nghịch ngợm này. Tôi trở vào nhà thì chuông điện thoại bật reo. Tôi nghe đầu giây bên kia tiếng Tân nói sẽ đến nhà thăm vợ chồng tôi. Tôi nói đường đông đá lái xe nguy hiểm lắm, Tân nói xe cộ chạy nhiều rồi, không sao đâu. Tôi đoán được Tân đến với

mục đích tặng quà Tết cho tôi nên không tiện từ chối. Trang hỏi anh cần đồ nhậu không. Tôi trả lời Tân có lòng đến nhà, mình cũng nên đối đãi tử tế với anh ấy. Và lại thời tiết này mà có người cùng nhậu thật là tuyệt.

Khoảng một tiếng sau thì Tân đến nhà. Tôi mời Tân ngồi và nói hôm nay mình lai rai một chút chơi. Tân nói lời từ chối. Tôi gạt ngang và nói vợ tôi đang làm đồ nhậu. Chắc một chút nữa là xong. Trong lúc chờ đợi tôi hỏi Tân có ý lập gia đình với một người đàn bà khác không. Tân trả lời tôi chưa có ý định này. Tôi nói ở cái xứ này sống một mình bất tiện lắm. Dù sao cũng nên lập gia đình để nương tựa nhau thì tốt hơn. Tôi vừa dứt lời thì Trang từ trong bếp bước ra với một đĩa đồ nhậu trên tay. Trang khựng lại khi nhận ra Tân. Nàng đứng sững như trời trồng. Đĩa đồ nhậu vuột khỏi tay nàng rơi xuống nền gạch vỡ toang, thức ăn văng tung tóe. Tân đứng bật dậy như một cái máy bước nhanh ra cửa, không nói một lời nào. Tôi vô cùng kinh ngạc khi chứng kiến sự việc ngoài sức tưởng tượng này. Trang vẫn đứng lặng người tại chỗ. Nét mặt thất thần tái mét. Tôi đứng lên nắm tay nàng dìu đến ngồi trên ghế sofa hỏi sao hai người có cử chỉ kỳ cục như vậy. Trang ồ lên khóc nức nở. Bây giờ thì tôi đã đoán được phần nào sự việc rồi. Tôi nhỏ nhẹ hỏi Trang có phải anh Tân là người chồng cũ mà em tưởng đã chết trong tù đó không? Trang gật đầu rồi ù té chạy vào phòng ôm gối khóc. Tôi nói việc đầu còn có đó. Em đừng quá xúc động. Trang thôi khóc nhưng vẫn nằm trên giường quay mặt vào trong. Tôi an ủi nàng vài lời nữa rồi ra ngồi ở phòng khách. Tâm trạng tôi lúc này rối như tơ vò. Tôi không hề trách cứ Trang và tôi cũng không hiểu được phản ứng của nàng xuất phát từ một cảm xúc nào trước sự việc vừa mới xảy ra. Tôi nghĩ ngợi lung tung về một tương lai mà tôi phải đối mặt trong những ngày sắp tới. Suốt ngày hôm đó tôi luôn ở bên Trang vì sợ nàng không chịu nổi nghịch cảnh rồi làm chuyện điên rồ. Ngoài trời tuyết bắt đầu tan nhưng cái lạnh trong hồn tôi dường như mới bắt đầu. Những chai bia thay nhau cạn, đĩa đồ nhậu vỡ tung vẫn còn nằm nguyên đó. Căn nhà trở nên trống vắng đến rợn người. Tôi với tay lấy xách quà Tân vừa mang đến mở ra xem. Trong đó có hai đòn bánh tét, một hộp mứt và một gói trà. Tôi buộc lại gói quà rồi vào phòng thăm chừng Trang. Nàng vẫn nằm yên đó. Tóc nàng xỏa ra che khuất một phần khuôn mặt còn đọng một vài giọt nước mắt...

Trang à! Bây giờ em định thế nào? Trang trả lời để em được yên tĩnh một vài ngày nữa rồi chúng ta sẽ nói chuyện sau. Vậy cũng được. Anh chỉ muốn em thật bình tĩnh để có một quyết định sáng suốt, đừng để cho sự việc trở nên rắc rối hơn. Chúng ta nên giải quyết vấn đề một cách êm thấm. Anh sẵn sàng chấp nhận những gì em muốn và tôn trọng mọi quyết định của em. Nói xong tôi bỏ ra ngoài với một tâm trạng đầy mâu thuẫn. Hai ngày sau tôi bảo Trang em ở nhà nghỉ ngơi. Anh ra tiệm coi công việc thế nào rồi về ngay. Trang nói dù gì anh cũng nên có mặt ở tiệm để công việc khỏi bị tồn đọng. Tôi nói em yên tâm. Anh sẽ lo mọi việc. Đến tiệm, việc đầu tiên của tôi là muốn nói chuyện với Tân về sự việc đã xảy ra nhưng cô thư ký bảo mấy ngày nay không thấy ông Tân đến tiệm. Tôi hỏi anh ấy có nói đi đâu không. Cô thư ký trả lời mấy hôm trước ông Tân nói đến tìm ông có việc rồi không thấy ông ta đến tiệm nữa. Tôi nói thôi được cô làm việc đi. Trở về nhà tôi đem chuyện Tân bỏ việc nói cho Trang nghe. Nàng tỏ ra một chút ngạc nhiên rồi nhìn tôi nói anh không cần quan tâm nhiều về vấn đề này. Tân bỏ làm là một việc tất nhiên vì dù gì anh ấy cũng bị một cú xóc khá nặng, nhưng thế nào anh ấy cũng sẽ tìm em để tỏ bày một điều gì đó. Anh cũng nghĩ như vậy, nhưng em đã chuẩn bị phải trả lời như thế nào chưa? Em sẽ trả lời dứt khoát với anh ấy là mọi việc đã được an bài không còn một chọn lựa nào khác ngoài việc phải chấp nhận nó. Em nghĩ là anh ấy sẽ phản ứng thế nào? Phản ứng thế nào cũng mặc vì em cảm thấy mình không hoàn toàn có lỗi trong vấn đề này và em tin là anh ấy cũng nghĩ như thế. Theo anh thì mọi việc phải được giải quyết một cách ôn hòa, rõ ràng hơn là biến mình thành một cỗ máy không người lái muốn đâm đầu vào đâu cũng được. Anh muốn chúng ta, cả ba người phải đối mặt nhau để giải quyết vấn đề. Trang nói không được. Anh có nghĩ khi cả ba người gặp nhau thì sự việc sẽ càng phức tạp và tồi tệ hơn không? Thôi được, anh tôn trọng quyết định của em. Nói xong tôi bỏ qua phòng làm việc vui đầu vào những chồng hồ sơ dày cộm cho đến nửa đêm mới lăn ra ngủ. Đã nhiều đêm thức trắng, nên vừa nằm xuống là chìm vào giấc ngủ như một đứa trẻ vô tư lự.

Hai tuần trôi qua trong sự chờ đợi nhưng chúng tôi vẫn không thấy một phản ứng nào từ Tân. Trang cố làm ra vẻ bình thản nhưng tôi biết nàng đang chịu một áp lực rất lớn trước sự im lặng khó hiểu này. Tôi không còn đủ kiên nhẫn nên đã nhờ Lượng đến

nhà Tân để thăm dò thái độ của anh. Lượng cho tôi biết Tân đã trả căn chung cư và đi đâu không rõ. Tôi đem chuyện này nói với Trang. Nàng không nói gì và cũng không biểu lộ một cử chỉ đặc biệt nào. Sự chờ đợi của chúng tôi lại tiếp tục đến tuần thứ tư thì tôi nhận được thư của Tân gọi từ Cali (theo dấu bưu điện). Ngoài phong bì không đề địa chỉ người gọi. Tôi mở thư ra xem, anh viết:

“Kính gọi anh chị Hưng,

Lời đầu tiên của tôi là chúc anh chị luôn vui khỏe và may mắn trong công việc làm ăn. Tôi cũng xin lỗi anh chị về chuyện bỏ việc ra đi mà không báo trước, mong anh chị thông cảm. Tôi không biết anh chị có nảy sinh vấn đề gì khó xử khi sự việc ngoài ý muốn xảy ra hay không? Nhưng tôi luôn cầu mong anh chị tha thứ trước phản ứng không mấy tốt đẹp xảy ra ngoài vòng kiểm soát của tôi. Tôi cũng xin cảm ơn anh Hưng đã cư xử tốt với tôi trong những ngày tôi còn ở Garland. Kính thư, Tân”

Đọc xong tôi đưa cho Trang. Nàng xem qua rồi nói cũng may chúng ta là những người hiểu biết và rộng lượng. Mọi việc coi như đã giải quyết xong.

Hội trường trang hoàng khá đẹp. Thân hữu khắp nơi tụ về tham dự đại hội rất đông. Tôi đang loay hoay chào hỏi mọi người. Trang cũng lảng xăng với các bạn học cũ ở một góc hội trường. Bất chợt tôi nhìn thấy Tân cùng lúc anh cũng vừa nhận ra tôi. Chúng tôi vừa đưa tay chào vừa tiến về phía nhau. Chúng tôi bắt tay với một cử chỉ niềm nở thân thiện. Tôi chỉ tay về phía Trang nói bà ấy rất vui khi gặp lại bạn bè. Tân nói bà xã mình cũng vậy. Anh đã lập gia đình? Vâng. Đã được vài năm. Mừng anh. Tân nói anh chờ chút. Tôi tìm bà xã đưa đến chào anh chị. Tôi gật đầu rồi hướng về phía Trang ra dấu gọi nàng đến. Trang nói gì đó với mấy bà bạn rồi đến với tôi. Trang hỏi có việc gì vậy? Tôi trả lời em chờ một chút. Anh sẽ dành cho em một việc rất bất ngờ. Trang định gắng hỏi tôi việc gì nhưng nàng khựng lại vì thấy Tân đang nắm tay một người đàn bà xinh đẹp tiến về phía chúng tôi. Tôi kịp lấy lại bình tĩnh khi Tân vui vẻ giới thiệu đây là Lệ bà xã mình. Tôi cố kiềm chế cho giọng không bị run nói chào chị Lệ. Tân cũng chào hỏi Trang trong khi Lệ đứng yên như trời trồng. Tôi nhận ra sự giao động kịch liệt từ đôi mắt Lệ nhưng cố làm ra vẻ tự nhiên hỏi chị Lệ qua Mỹ lâu chưa. Lệ biết tôi không muốn gây ra rắc rối trước sự tao ngộ oái oăm đầy kịch tính này nên nàng giả vờ vui vẻ

trả lời dạ em qua được bốn năm rồi. Tôi nói thôi chào anh chị, tôi còn chút việc phải làm. Hẹn khi khác gặp lại. Tôi nói xong liền nắm tay Trang rời khỏi hội trường. Trang không thắc mắc gì cả vì nàng nghĩ là tôi không muốn trò chuyện với Tân nhiều. Nàng nghĩ tôi đang trốn chạy sự thật, nhưng nàng đâu hiểu tâm trạng của tôi khi gặp lại Lệ, người vợ cũ đã lấy chồng khác khi tôi còn ở trong tù. Tôi băn khoăn không biết nên nói với Trang việc này không và tôi cũng thắc mắc không biết hoàn cảnh nào đưa đẩy Tân và Lệ gặp nhau trên xứ sở tạm dung này. Lệ đã chia tay với người chồng mới khi còn ở quê nhà hay cả hai qua Mỹ rồi mới thôi nhau? Tôi tự nhủ mình không nên để ý đến vấn đề này làm gì và không cần biết Trang nghĩ thế nào về mình. Tôi quyết định không tham dự đại hội nữa và cùng Trang biến chuyến đi thành một chuyến du lịch ở miền Nam Cali...

Nguyễn Đức Nhơn



tranh VŨ HỒI

Mùa Gió Bắc

thơ văn hợp tuyển

Trầm Hương 2006

Một chuyến đi huyệt hằng

Người khách sau cùng vừa chui vào được bên trong thì chiếc xe đã rời khỏi bến. Bà đứng lom khom, hai tay quờ quạng không biết bám vào đâu. Bỗng chiếc xe lắc mạnh, bà mất thăng bằng, ngồi phệt xuống cái giỏ gà dưới chân. Mấy con gà hoảng hốt kêu lên oang oác. Người chủ gà cảm râm:

“Mẹ ơi, đề chết mấy con gà tôi rồi!”

Thằng lơ xe cười khúc khích:

“Bảo đề trên mui không chịu, chết đáng!”

Ông tài xế vừa nhìn lên kính chiếu hậu vừa chửi:

“Đ. m mày, còn không xếp chỗ cho người ta ngồi!”

Thằng lơ vất vả lắm mới kê được một bao gạo để làm chỗ ngồi cho bà khách. Người đàn ông trung niên ngồi phía sau (có lẽ là chủ bao gạo) than nhỏ: “Chết mẹ! Ăn bao gạo này chắc nghiền răng suốt ngày”

Trong số hành khách, có người đến sớm chiếm chỗ, phải ngồi trên xe gần cả tiếng đồng hồ. Họ mong từng giây từng phút cho xe chạy. Chiếc xe đầy nhóc người, nhưng ông tài xế (cũng là chủ xe) cứ rề rà để kiếm thêm khách. Không ai dám hỏi thúc, vì biết có hỏi thúc cũng vô ích, vả lại cũng không muốn làm mất lòng ông ta, lỡ lần sau đi trễ, bị bỏ lại thì khôn.

Đây là chiếc xe than duy nhất chạy trên lộ trình này. Chiếc xe được “cải tiến” từ một chiếc Peugeot 203 cũ kỹ. Xe chạy mỗi ngày một chuyến, bắt đầu từ ngã ba Long Thành đến khu kinh tế mới Suối Quýt.

Con đường dài gần năm mươi cây số này bị bỏ hoang từ thời chiến tranh nên đầy dẫy ổ gà. Chiếc xe vừa chạy vừa lắc lư như một chiếc thuyền con trôi trên sóng. Chạy được một đoạn thì hành khách có người say sóng ọc mửa tùm lum, bốc lên một mùi chua lợm giọng, khiến một vài người khác chịu không nổi phải mửa theo.

Lúc này thì không còn ai để tâm đến những cung cách lịch sự thường ngày, kể cả cô gái ngồi bên cạnh tôi. Mỗi lần chiếc xe lắc mạnh, cả người cô ngã lên mình tôi, một tay choàng qua vai, bầu chặt như bầu vào một khúc gỗ, không một chút úy kỵ. Cô gái khá đẹp. Nước da trắng mịn. Khuôn mặt trái xoan. Mũi cao. Miệng nhỏ. Cặp chân mày dài, cong vút với mái tóc đen huyền phủ xuống gần tới thắt lưng.

Sau một hồi dần xóc kịch liệt, chiếc xe chạy qua một khúc đường tương đối bằng phẳng. Cô gái lấy lại tinh thần, sửa lại thể ngồi ngay ngắn. Cô nhìn thoáng qua tôi nhưng không biểu lộ một cử chỉ đặc biệt nào. Tôi cũng tăng lờ, nghiêng người nhìn ra bên ngoài. Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Thời tiết tháng Tư oi bức. Xa xa một vài đám mây lững lờ trên nền trời trong xanh. Một con chim khách nghịch ngợm lượn theo chiếc xe mây vòng rồi bay thẳng vào khu rừng, mất hút.

Chiếc xe ì ạch bò lên một ngọn đồi thoải thoải. Khói từ hai ống bô tuôn ra tạo thành một vòng xoáy bám sát vào đuôi xe. Bên lề đường, một em bé trần truồng đứng trước một ngôi nhà tranh lụp xụp, chăm chú nhìn chiếc xe như nhìn một con quái vật. Một người đàn bà trạc tuổi năm mươi, mặc bộ bà ba đen ngả màu, kéo lê một bao than ra đường. Chiếc xe từ từ ngừng lại. Thằng lờ nhảy xuống nhét vào tay người đàn bà một xấp tiền rồi bê bao than ém vào đuôi xe. Chiếc xe gầm lên rồi cố sức trườn tới. Người đàn bà chăm chú đếm từng tờ bạc lẻ. Thằng bé vẫn nhìn theo chiếc xe với một niềm vui hiềm hoi, mỗi ngày chỉ đến với nó một lần. Chạy thêm một đoạn chừng vài chục cây số, bỗng chiếc xe rung lên bần bật như một người bị chứng kinh phong. Ông tài xế vừa đạp ga vừa chửi thằng lờ luôn miệng. Hình như ông ta chửi vì thói quen chửi không vì lỗi lầm hay biếng nhác của thằng lờ.

Dù cố gắng đến đâu cũng vô ích. Chiếc xe vẫn khắc ra những tiếng khảng khặc rồi tắt phụt. Hành khách trên xe vừa lo vừa mừng. Ngồi trên xe gần hai tiếng đồng hồ. Đây là cơ hội tốt để trút đi những thứ thừa thãi trong người. Nhưng xuống xe rồi mọi người mới chợt nhận ra, chiếc xe ác ôn lại chết máy ngay trên một khu đất trống. Những người đàn ông thì thoải mái, bước ra chừng vài chục thước là xong. Những bà sồn sồn thì chịu khó ra xa một chút rồi cũng êm chuyện. Tôi bất chợt nhìn sang cô gái. Cô ta đứng chết trân tại chỗ, ứa nước mắt. Tôi biết cô đang gặp khó khăn gì. Nhưng trong trường hợp này, tôi vô phương giúp đỡ. Nhìn cô ta thật đáng thương. Bỗng tôi chợt nghĩ ra và móc từ trong túi xách một tấm vải che mưa, bước đến chia vào cô. Cô gái hơi lúng túng nhưng cũng đưa tay nắm lấy miếng vải. Tôi trở về chỗ, tựa lưng vào hông xe và hơi ngạc nhiên vì thấy cô gái vẫn đứng tần ngần tại chỗ, đôi mắt càng đỏ hơn. Tôi biết sự chịu đựng của cô đã đến mức tột cùng. Cũng may lúc ấy có một người đàn bà tốt bụng, hiểu ý, nắm tay cô dẫn ra một chỗ xa giúp cô căng tấm vải làm bức

màn che. Cô gái trở vào với một dáng điệu ngượng nghịu, sượng sùng. Cô nhờ người đàn bà đem trả tôi tấm nylon. Tôi quay mặt qua chỗ khác để khỏi làm tăng thêm nỗi hổ thẹn, ngượng ngùng của cô.

Mặt trời đã ngả về phương tây. Ông tài xế và thằng lơ vẫn hì hục với chiếc cỗ máy bất động như một con vật đuối sức nằm lỳ. Dưới sức nóng hanh hao của buổi chiều tháng Tư, mọi người đều mệt, không ai buồn nói chuyện. Trong cái không gian vắng lặng của vùng hoang dã chỉ còn nghe tiếng va chạm của kềm búa, tiếng chúi bới oang oang của ông tài xế và tiếng càm ràm khe khẽ của thằng lơ. Tôi bước đến ngồi trên một khúc gỗ nằm bên vệ đường, bật lửa đốt thuốc. Thỉnh thoảng tôi đưa mắt nhìn về phía cô gái. Giữa nơi đông không đông quanh mà được ngắm nhìn một bông hoa kiêu diễm thế kia thì còn gì bằng. Ước gì...

Đang đắm chìm trong mơ mộng thì tiếng máy xe nổ rang, kéo tôi về hiện thực. Hành khách mừng rỡ chen nhau lên xe. Tôi bước theo sau cô gái vào ngồi ở chỗ của mình. Nhìn đồng hồ đã 4 giờ 30 chiều. Xe chạy thêm một đoạn chừng vài cây số thì đến một con suối nhỏ, hai bên cây mọc um tùm. Ông tài xế cho xe ngừng lại. Thằng lơ cầm cái thùng nhựa vừa đi xuống suối vừa nói oang oang:

“Đi tiểu, đi đại... đi bà con ơi”

Thì ra đây là chỗ thường ngày chiếc xe dừng lại đổ nước máy và cho bà con đi tiểu. Tôi cười thầm, đồ khi, cái máy cũng biết trêu người, không bỏ thêm một chút, báo hại con bé phải chịu một trận hổ thẹn đến đỏ mầy đỏ mặt.

Đây là lần đầu tiên tôi đến khu kinh tế mới Suối Quít, nên không biết còn bao lâu nữa thì đến nơi. Nếu đến đó vào ban đêm thì việc tìm nhà sẽ vô cùng khó khăn. Bất chợt tôi quay sang cô gái hỏi:

“Xin lỗi, ở Suối Quít cô có biết nhà ông Sáu Ngời không vậy?” Cô gái nhìn tôi với vẻ không được tự nhiên lắm:

“Dạ không. Cháu mới đến Suối Quít lần đầu”

Bây giờ tôi mới để ý đến cách ăn mặc của cô gái. Tuy không sang trọng lắm nhưng rất đúng “mốt” của những cô gái thị thành. Tôi biết mình bị hớ, nên vội khỏa lấp:

“Ồ! thì ra cô cũng như tôi. Nếu mình đến nơi mà trời tối thì thật là phiền” Cô gái không nói gì, đưa tay vuốt lại mái tóc.

Càng vào sâu địa hình càng phức tạp. Những ngọn đồi nối tiếp nhau phôi mình dưới ánh nắng chiều mùa hạ, chấp chới, mờ lung. Một vài căn chòi lá nằm lơ lửng trên ngọn đồi với những cuộn khói bốc lên từ những hàng cao su mới trồng, thẳng tắp. Bất chợt tôi thấy một đám mây đen xuất hiện ở hướng Tây nam. Đám mây mau chóng hình thành một trận mưa giông đầu mùa dữ tợn. Hành khách vội vàng thả tấm màn nylon chống mưa, nhưng nó không giúp được gì. Những đợt gió thay nhau thốc vào hông xe, tấm màn nylon giẫy lên phành phạch, ngọn mưa theo đó tạt vào. Hành khách la oí oí. Thằng lơ lòn hai cánh tay xiết chặt vào chiếc thang gắn ở đuôi xe, gồng mình chịu đựng. Ông tài xế cho xe chạy chậm lại. Lúc này, mọi người trên xe dường như đã khuất phục trước sự cuồng nộ của thiên nhiên. Tất cả đều ngồi co rút, im lặng, trên mặt thoáng hiện một chút sợ hãi. Có người mấp máy đôi môi, hình như đang cầu xin một đấng thiêng liêng nào đó phù hộ. Cô gái nép sát vào người tôi. Với bàn tay rắn chắc của một người đàn ông chưa tới bốn mươi, tôi lấy hết sức ghì chặt tấm màn, vừa che cho cô gái vừa che cho mình. Tôi nghe lòng ấm lại trong cái mát lạnh của trận mưa giông đầu mùa.

Chiếc xe ngừng lại trên một khu đất trống. Trời đã nhá nhem tối. Cảnh vật trở nên mơ hồ lằng đằng sau trận mưa. Hành khách lần lượt xuống xe đi vào các ngã rẽ, mất hút. Trên bãi đậu xe, chỉ còn lại tôi, thằng lơ và cô gái. Tôi đứng nhìn quanh với một nỗi buồn rười rượi. Không ngờ ông Sáu Ngồi, một thương gia có chút tiếng tăm ở Biên Hòa, bây giờ phải giam mình trong cái hóc khi ho cò gáy này.

Tôi đang lưỡng lự không biết phải đi về hướng nào thì chợt nhớ đến cô gái. Thì ra cô ta vẫn đứng tẩn ngẩn ở trước đầu xe. Nhìn dáng vẻ của cô, tôi đoán được không phải cô đang chờ người thân đến đón. Tôi bước đến hỏi:

“Người nhà chưa đến đón cô à?”

Cô gái rướm rướm nước mắt:

“Cháu không báo trước cho chị Mai”

Tôi không hỏi gì thêm, từ từ rút điều thuốc đặt lên môi, bật lửa, những lọn khói cuộn tròn, quấn quít như chưa muốn tan biến vào không gian.

“Vậy cô tính thế nào?”

“Cháu không biết”

Tôi đứng ngó người vài giây rồi hỏi tiếp:
“Nếu vậy, cô có muốn đi với tôi cho có bạn không?”
Cô gái nói nhanh:
“Dạ muốn”

Địa hình khu kinh tế mới Suối Quýt vô cùng phức tạp. Những ngôi nhà không nằm gần nhau mà bị phân cách bởi những khu vườn rộng lớn, trồng đủ loại hoa màu. Tôi và cô gái bước theo thẳng bé, luồn lách giữa những đám bắp cao khỏi đầu người. Phải mất gần nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi mới tới được một căn nhà lá nằm cạnh một con suối nhỏ. Tôi cho tiền thẳng bé dẫn đường rồi bước tới gõ nhẹ lên cánh cửa làm bằng những mảnh gỗ ghép lại. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy một ngọn đèn dầu treo trên bức vách, tỏa ra một thứ ánh sáng yếu ớt, bệnh hoạn. Một ông già lom khom bước đến mở cửa. Dù chỉ một chút ánh sáng lơ mơ từ ngọn đèn dầu chiếu ra, tôi vẫn nhận ra ông Sáu Ngồi. Người ông gầy hăn đi, ốm yếu, hom hem như một cụ già tám mươi. Ông Sáu Ngồi nhìn tôi dăm dăm, dè dặt như nhìn một tên trộm. Tôi vội lên tiếng:

“Thưa bác, cháu là Dũng đây. Cháu mới về”

Ông Sáu Ngồi nhường đôi mắt nhìn tôi từ đầu đến chân rồi vỗ nhẹ lên vai nói:

“Mô Phật, về được là tốt rồi. Thôi vào đi, đứng đây muỗi cắn”

Tôi và cô gái bước vào ngồi trên chiếc sạp bện bằng tre. Ông Sáu Ngồi rót trà ra hai cái tách, nói:

“Hai cháu dùng nước. Cháu Dũng lập gia đình rồi à?”

Thấy ông Sáu hiểu lầm, tôi vội lên tiếng:

“Thưa bác, cô gái này đi chung chuyến xe với cháu. Vì trời tối không tìm được nhà người thân, nên theo cháu đến đây xin tạm trú một đêm, xin bác thông cảm”

Ông Sáu Ngồi vui vẻ đáp: “Ồi, ăn thì nhiều chứ ở bao nhiêu”

Ông Sáu đang chăm chú vắn thuốc, bất chợt dừng tay nhìn tôi thờ dãi sườn sượt: -“Thật không may, cháu vào chơi mà con Quỳnh không có ở nhà. Nó theo chồng về dưới Vũng Tàu gần một tháng nay rồi” Nghe ông Sáu nói, tôi thấy người choáng váng nhưng kịp lấy lại bình tĩnh: -“Quỳnh làm đám cưới lâu chưa bác?”

Ông Sáu vừa tiếp tục vắn thuốc vừa trả lời:

“Có làm đám cưới đám hỏi gì đâu cháu. Thằng chồng nó làm nghề buôn ngũ cốc, thường tới lui Suối Quýt để thu mua bắp và các loại đậu. Hai đứa nó quen nhau. Bác thấy con Quỳnh đã lớn

tuổi rồi nên cũng ừ cho nó yên bề gia thất. Cuộc sống đã đổi thay, mình đâu còn gì để mà lựa chọn nữa cháu!”

Nghe giọng nói rầu rầu, chua chát của ông Sáu, tôi đoán được Quỳnh chịu lấy người lái buôn nào đó chỉ vì muốn thoát khỏi cái vùng tăm tối này. Tôi cúi đầu yên lặng, chịu đựng nỗi đớn đau dày vò như có hàng ngàn mũi kim châm vào lòng ngực.

Đêm đó tôi và cô gái ngủ lại nhà ông Sáu Ngồi. Nhà chỉ có một cái giường duy nhất có mùng. Ông Sáu nhường cho cô gái. Tôi và ông ngủ ở cái sạp tre phía trước. Đêm đã khuya, tôi cứ thao thức trằn trọc mãi, không cách nào chợp mắt được. Lâu lâu lại nghe tiếng thở dài của ông Sáu. Tôi biết nỗi đau buồn của ông không kém gì tôi. Ông buồn vì cuộc sống, tôi buồn vì đã mất người yêu...

Thì ra nhà dì cô gái nằm cách bến xe chỉ vài trăm thước mà chúng tôi không biết. Mai, người chị họ của cô mừng rỡ, lảng xảng hỏi han tíu tít. Bây giờ tôi mới rõ tên cô gái là Phượng Vy. Có một điều làm tôi hơi ngạc nhiên là tính tình cô gái hoàn toàn khác hẳn với ngày hôm trước, nói cười luôn miệng, thỉnh thoảng lại pha trò thật dí dỏm, khiến mọi người cười vang.

Trò chuyện một hồi, Mai đưa tôi và Phượng Vy dạo quanh những khu vườn có nhiều loại cây ăn trái. Phượng Vy nhanh nhẹn như một con sóc, nghịch ngợm, phá phách. Nhìn cô ta tôi nghĩ thâm, chắc cô gái này chưa hề bị tình yêu khuấy động, nên cái vẻ ngây thơ, thuần khiết vẫn còn. Mai thì có vẻ trầm lặng hơn, nhưng vẫn còn giữ được cái dáng dấp của một cô gái thị thành. Mai đưa chúng tôi đến một con suối nhỏ chảy ngang một khu đất bằng phẳng đã được khai hoang để trồng hoa màu. Những luống rau đủ loại xanh mướt trải dài dọc theo hai bên bờ con suối như hai thảm lụa xanh, phơi mình dưới ánh nắng mai dịu dịu. Chúng tôi đến ngồi trên một chiếc cầu nhỏ bắc qua con suối. Dòng nước chảy êm nhưng đục ngầu vì chứa nhiều phù sa. Cách đó chừng vài chục thước, một cô gái đang cặm cụi chăm sóc mấy luống cải mới trồng. Nhìn cái vẻ lam lũ của cô gái rồi nhìn lại Mai, tôi nghĩ thâm, dù ở bất cứ thời đại nào, dù ở bất cứ nơi đâu, sự bất công của xã hội vẫn luôn luôn tồn tại...

Chợ nhóm trên một khu đất trống. Các mặt hàng chính yếu bày bán tại đây hầu hết là những thứ sản xuất tại địa phương như rau cải, thịt heo, thịt rừng và một vài thứ linh tinh khác. Tôi đứng

nhìn hai cô gái lẳng xăng mua sắm những thứ cần dùng cho buổi cơm chiều. Người tôi mệt nhoài vì suốt ngày lễ đờ theo sau hai cô gái. Bữa cơm chiều tuy không thịnh soạn lắm nhưng rất ngon miệng vì tài nấu nướng khéo léo của Mai. Một tô canh mướp, một đĩa mì xào và một đĩa hột gà chiên. Có một điều làm tôi khá cảm động là trước mặt tôi, một chai bia đã khui nắp và một cái ly làm bằng thủy tinh.

“Cảm ơn hai cô nhiều, hai cô chu đáo quá” Mai nhanh nhẩu:

“Đâu có gì. À, mà không có đá đâu nhé. Ở cái nơi thâm sơn cùng cốc này, kiếm một cục đá còn khó hơn kiếm một cục vàng”

Tôi cười xã giao: “Không sao. Hai cô uống một chút cho vui”

Phượng Vy với một giọng trầm buồn khó hiểu đọc nho nhỏ một câu thơ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du: “Người buồn rượu có vui đâu bao giờ” Mai cười hồn nhiên: “Nhỏ ơi! Nguyễn Du nói cảnh chứ nói rượu hồi nào” - “Người buồn thì cảnh rượu gì mà chẳng buồn” - “Chứ nhỏ không nghe người ta nói uống rượu giải sầu sao. Ủa, mà nhỏ buồn hay ai buồn vậy?” Phượng Vy lườm Mai một cái rồi bỏ vào trong lấy chén đĩa.

Tôi phải ở lại nhà Mai qua đêm vì đến ngày hôm sau, chiếc xe mắc dịch kia mới trở về Long Thành. Đêm đó ba người chúng tôi ngồi quay quanh một cái bàn nhỏ, trò chuyện. Mẹ Mai, sau một ngày buồn bán thảm mệt đã vào phòng ngủ trước. Dưới ánh sáng mờ ảo của ngọn đèn dầu, khuôn mặt Phượng Vy càng hiện rõ cái nét diễm kiều, khả ái. Tôi ngồi yên nghe hai cô trò chuyện. Bất chợt, tôi cảm thấy sự hiện diện của mình lúc này là một trở ngại cho hai người lâu ngày gặp nhau tâm sự, nên cáo lỗi bước ra ngoài. Bầu trời đen ngịt. Tiếng con trùng râm ran như một bản nhạc hòa tấu ngân nga bất tận...

Một ngày hai đêm ở Suối Quýt trôi qua như một giấc mộng. Nỗi đau buồn, hụt hẫng của chuyến đi tìm Quỳnh vẫn còn nguyên vẹn trong tôi. Từ già gia đình Mai, tôi lặng lẽ bước theo hai cô gái tiễn về bãi đậu xe. Vẫn chiếc xe than cũ kỹ mang chúng tôi trở về Long Thành. Phượng Vy ngồi yên như pho tượng, trên mặt loáng thoáng một nét buồn xa xăm, khó hiểu... Tôi cũng ngồi yên nhìn ra bên ngoài. Bầu trời trong xanh, một cặp chim rừng đang xoải cánh bên nhau, bay về hướng mặt trời...

Nguyễn Đức Nhơn



PHẠM TƯỜNG NHƯ

Tên thật : Phạm Văn Tông

Sinh trưởng tại Vĩnh Long

Cựu học sinh Trường Tổng Phước Hiệp - Vĩnh Long

Du học Hoa Kỳ/Phi công Tân Sơn Nhất

Tổng quản đốc công ty khuôn mẫu, sản xuất máy bơm. Houston, Texas.

Thành viên BCH hội Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Sa Đéc (Houston)

Thành viên Ban Đại Diện Văn Bút Nam H.K.và quản lý tạp chí Tin Văn

Thành viên Ban Điều Hành Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương và quản lý tạp chí Trầm Hương

Cộng tác thường xuyên với các Đặc San: Lý Tường; Không Quân Bắc Cali; Phù Sa Sông Cửu,

Tổng Phước Hiệp (Nam Cali)

Và hầu hết các báo tại hải ngoại.

Tham gia các trang điện tử: Cánh Thép;

tongphuochiep.com; hoiquantramhuong.net;

vanbutnamhoaky.com; <http://phamtuongnhu.org>

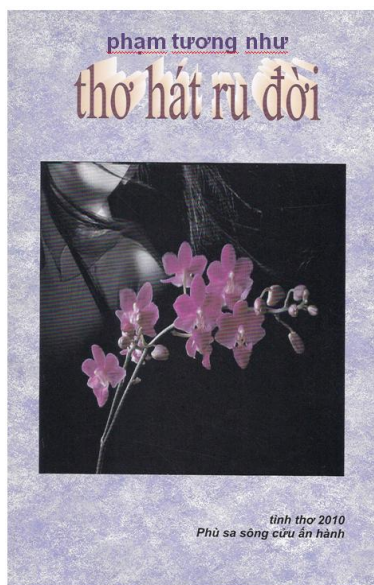
Tác phẩm:

1. Chòm Thơ Chớm Nở Trên Mây (*thơ tình yêu*)
2. Lưu Bút Ngày Xanh (*thơ học trò*)
3. Thơ Hát Ru Đời (*tình thơ*)
4. Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi (*nhà văn Ngô Nguyên Nghiễm giới thiệu 30 Tác giả phần miền Nam, 60 trang giới thiệu Phạm Tương Như*)
5. Vết Trăng Trên Cỏ (*tình thơ*)

6. Trang web : phamtuongnhu.org

Thơ CD diễn ngâm và phổ nhạc :

- Tình Sương Ướt Cỏ: - Vàng Lá Thư Xanh - Tình Thơ Xin Gởi Trao Người - Nguyệt Tử Khúc
- Điều Buồn (*viết chung*)
- Tình khúc Nguyễn Tuấn Chương (*viết chung*)
- 48 bài thơ được phổ thành ca khúc bởi các nhạc sĩ GS Linh Phương(Houston); Nguyễn Đức Tuấn(Canada); Hàn Sĩ Nguyên (SG); Vũ Khoa (Houston); Tâm Thọ (Houston); Nguyễn Tuấn Chương (Houston)



Mưa buồn tháng sáu Tù bút Phạm Tương Như

Tháng sáu trời mưa như giọt nước mắt rơi xuống những đờ đờ người. Nỗi buồn dài bất tận lướt trên mặt xa lộ thênh thang không ngả rẽ chạy miết về hướng mưa giông. Nỗi buồn dày đặc như rừng thu rụng hoài chưa hết lá, màu lá tím vàng ứa niềm đau riêng cứ bỏ đời rơi, bay theo chiều gió lệch hướng thơ đi vụn vỡ cõi lòng. Sau cơn mưa là buổi chiều mây chờ màu tím hoàng hôn bay mãi tìm chân trời mà chân mây cứ mệnh mông vô định trôi tìm góc biển. Dòng sông có con nước lớn rồng xuôi ngược sao lòng mình cứ phải dâng lên dâng lên chắt ngát buồn tênh! Cánh cửa tâm hồn vừa mở ra khung trời mù mênh mông mùa bão rút!

Tôi tìm tôi ở đâu nơi đường đang rơi của hồ sâu vực thăm? Em còn đó bên đời sao tình đã bỏ đi xa? Mái tóc óng ả đeo những chữ thơ của thuở nào tình yêu thiếu ngủ, vẫn lan tỏa hương hoa từ những ngày xuân hội ngộ. Tôi hôn chỗ vai trần hoang dại những sợi tóc buông bỏ niềm riêng cùng khứu giác tôi quán quít làm tê dại dấu yêu xưa. Tôi vuốt tóc em cho chữ thơ kết lại thành vần điệu để hát một lời ru. Tôi hôn bàn tay em của thuở nào từng nắm gọn trong hơi ấm bàn tay tôi như ngậm hỏi em có còn muốn níu kéo những gì đã lỡ? Nắng hôm nay không đốt cháy sự tẻ lạnh và nỗi buồn u ám trong huyết mạch, lại còn un khói cho niềm đau âm ỷ. Cỏ lá nhàu nhàu đang đợi gió qua để ti tẻ âm điệu van lơn thì thầm. Con chim trên cành hát mỗi một điệu buồn tháng sáu rồi vụt bay đi về hướng nắng, bỏ lại tôi nỗi buồn vu vơ của cánh lá đơn phương “*Anh còn lại những gì. Ngoài cuộc đời giông bão. Qua bước đường em đi. Lót tím, vàng lá ứa.*”

Em đã về rồi sao thuyền đời chưa ghé bến? Sao còn lang thang làm rạn nứt cõi thơ tôi? Tiếng thơ ru là lời than văng vỏi non của lòng tôi hay tiếng trách hờn cho đời em chưa tìm lối thoát? Hạnh phúc là gì nếu không có tên gọi từ tim? Là sự bằng lòng chấp nhận hiện tại hờ em? Chữ thơ không định nghĩa được tình yêu dù đó là lời ước của tim. Câu thơ chắt chùng từng lớp trống vắng, chân không của niềm vui và hy vọng, đâu phải điểm tựa cho mình khỏi ngã, càng không giúp mình đứng dậy khi đã té sấp xuống cuộc đời! “*Hoa thả mù phấn hương. Anh một thời bướm dại. Xác bướm gầy tiều thương, cây mùa chưa đơm trái*”.

Tháng sáu trời mưa qua hương em đi. Mùa hạ không có lá rơi phủ chập lồi đường cho bước chân em xào xạc một nỗi lòng. Phần tôi! Tháng sáu thả ra hơn sáu mươi bài thơ dài ngắn hàng hàng lớp lớp giọt mưa rơi để đón bắt một đời tim ngỡ nồng nàn ánh mắt, bờ môi hay vòng tay âu yếm, cho cảm xúc nửa muốn cho đi, nửa muốn tha thiết đón về. Tháng sáu đưa tang nỗi buồn chưa cạn, nguồn sầu chưa khô mạch đau thương! Có phải bút mực là bể sâu hay lòng mình là biển nhớ? Mái tóc em vẫn mượt mà chảy mãi ánh trắng soi, bênh bồng bênh bồng cơn gió thổi. Ánh mắt em rót vào anh dòng hạnh phúc miên man. Đôi môi còn rục rờ nụ cười, còn men say chuốc rượu tình yêu. Tà áo quá khứ hôm qua còn quán bước chân tôi, thả ra những chùm mây và mùi hương làm đầy mộng mị. Thời gian và những tháng sáu cứ trôi, không giữ nổi một tình yêu tròn đầy, những hàng mưa bong bóng chảy trôi nổi sâu làm chặt kín và trắng xóa dòng sông, phủ trùm cây lá. Tiếng ve gọi nắng âm vang xoáy vào lòng tôi niềm trần trở, làm buồn những hồn lá trên cây và hình như làm trôi đi những áng mây vô vọng đang đối mặt với chu kỳ mưa nắng.

Đâu có nỗi tuyệt vọng nào cho tình yêu trú ngụ! Chỉ có nhưng nhớ làm đầy những giấc mơ. Ánh sao trời nơi đôi mắt em đâu cần ai thấp lửa mà vẫn sáng mãi trong lòng tôi ngọn nến rung rung. Giọng nói em là lời ru vừa nũng nịu vừa kiêu kỳ, tiếng ‘ạ’ luôn ở đầu môi như vừa thiết tha vừa ruồng rẫy như tiếng thơ rơi chạm vào bờ đá của cuộc đời và thảm cỏ của thương yêu. Tôi cúi xuống cúi xuống thật gần tình yêu và nhặt lên từng mảnh vụn của tâm hồn. Tôi biết cử chỉ tội nghiệp của tôi sẽ làm đau lòng và tội nghiệp em lắm. Tôi giấu tội nghiệp em và tội nghiệp tôi trong cội thơ tình!

Trời sắp sẵn những cơn mưa cho tôi chìm vào nỗi nhớ. Cơn mưa của ngày hôm qua khi tình yêu nóng bỏng. Quán cà phê ngát mùi thơm Tây Nguyên và mùi tóc, son phấn du dương đánh thức nỗi khát khao trên từng vuông da thịt. Khi tôi sắp tan vào em thì cơn mưa chợt đến, nắng chiều nhọt nhọt làm óng ả những giọt mưa và bóng tôi chực hờ chạm ngõ. Em từ chối mặc áo mưa để cùng tôi ướt đường thơ qua chiếc cầu cao như cầu vòng ngũ sắc để về quán trọ bên sông. Những giọt nước trên tóc áo em cho tôi một hạnh phúc vừa tình tự vừa nôn nao ảo giác xuân thì. Những bờ gió không ngăn được nhịp tim đang thổn thức, cũng không che chắn nổi nghịch cảnh và luân lý xã hội vừa ủa tới trong tầm nhìn. Em

diễm kiều vừa lộng lẫy trong lớp áo vải thô của tôi, hơi hướm em đang lan tỏa cùng mùi nước hoa trong áo vẽ vờ một cõi thơ tình không ngôn từ mà đầy vần điệu. Hàng nút khuy đang chực chờ bật tung trong niềm rạo rức căng cứng đời tình!

Cuối tháng sáu trời chưa dứt những cơn mưa. Tháng bảy đã về nắng đi mưa ở. Em vẫn còn đó trong lòng tôi đầy nỗi nhớ. Dòng Cổ Chiên hồi đó mùa mưa, nước chỉ chảy về hướng biển, tôi và em nơi quán gió bên sông, cùng chia nhau vị ngọt bùi của hai ly sinh tố như chia sẻ một nỗi niềm. Em ví những khóm lục bình trôi như đời tình lênh đênh chưa định hướng *“làm sao ngăn bước thời gian, cho lục bình trôi dừng lại, cho tình kịp lúc đơm hoa, cho anh bên em mãi mãi”*. Em nắm nót đôi bàn tay tôi, kẻ hình tim trong lòng bàn tay mềm mà em bảo là “nghệ sĩ”, em khép những ngón tay tôi lại như ngậm nhờ tôi giữ mãi tim em. Tôi cuốn dấu yêu tôi trong nắm tay hình tim của em, áp sát vào ngực trái, môi tôi như cánh bướm đậu nhẹ bờ môi em, ngậm trao một lời thề son sắt. *“Trên môi anh, vạn đóa hồng. Hôn em trời đất một lòng chứa chan (thơ Trần Dạ Từ)”*

Bây giờ tôi còn lại những cơn mưa. Tháng sáu với hơn sáu mươi bài thơ tình buồn bã và Em, tất cả có thể cộng thêm hay lũy thừa hạnh phúc, đã lấy đi hết những ngày vui, nắng không đủ ấm lòng và mưa rót hạt ngậm ngùi. Tôi nhìn xa qua mặt hồ tĩnh lặng, mây đang kéo tới cho nước hồ và hồn tôi gọn song. Cơn mưa chiều đến muộn, tiếng mưa hay ai đó nói với tôi điều gì tôi chưa hiểu. Trên mặt hồ mù mưa qua, có bóng ai đó đang quay lưng bỏ đi hay bước về hướng tôi không rõ nét. Không biết đó là ảo giác của tình yêu hay là hồn của chữ thơ, đôi chân của bút mực đang lưỡng lự trong hướng thơ chưa biết lối đi, về!!!

Phạm Tương Như **Như là trắng tan***

*ừ mai em về Vĩnh Long
có ai gọi trái tim chùng ngẩn ngơ?
(phan các chiêu hằng)*

Em về bóng ngả hiên ngoài
Bướm vàng nắng lụa sóng soài bay theo
Mùa này nước lớn trong veo
Tay ai gội tóc ngón đeo nhánh tình

Điếng lòng anh đứng lặng nhìn
Trời vừa rót bụi sao mình ướt mưa
Hình như có một ngày xưa
Quần quanh Cầu Lộ vui đùa cùng nhau

Hồn anh vấp mấy mùa đau
Sông em chìm chết “những mùa trắng tan”*
Nhớ trường, thương đáng đài trang
Nụ cười mím nửa vành trăng lưỡi liềm

Tiếng em lạnh lốt lời chim
Sang ngang có biết trăng chìm nước trôi?
Men tình thành rượu ly bôi
Tứ thơ chất ngát nhịp đời đảo điên

Vĩnh Long phố thấp trăng đêm
Gió đưa kỷ niệm qua tim bồn chồn
Em về suốt suốt cô thôn
Tương tư rắc hạt nổi buồn mưa ngâu

**tựa tuyển tập truyện ngắn PCCH
Nxb Làng Văn*

Rượu Xuân

Uống trên môi
rượu Xuân tình
Ngắm em mắt biếc
ngỡ mình mộng du
Nửa vời say
nửa sa mù
Hoa yêu mãi nở
thiên thu tình về

Rót đầy môi
những hẹn thề
Niềm vui ướp mật
điên mê ngắt đời
Van em
nhan sắc tuyệt vời
Rượu Xuân say, tỉnh
chơi vui bốn mùa

Phạm Tương Như

Thơ lữ 2014

Thu Vàng

Đời em riêng cõi Thu vàng
Dáng em ẩn hiện giữa ngàn lá bay
Tình yêu ru mộng tỉnh say
Mây em tím áo quan hoài trăm năm

Men Chữ

Chữ tôi là... thơ, tâm tình em là rượu
Đọc làm tôi say em đền cho những gì?
Khuấy tan chữ sâu vào men cay mỹ tửu
Uống chén bồ đào, túy lúy cuộc tình si

Hồn Lá

Hồn anh như chiếc lá vàng

Đội cơn gió nhẹ là quàng vai em
Em thương thì giữ làm tin
Em phải thì lá như tình thả bay

Diêu Bông

Tình em như lá diêu bông
Trăm năm anh chỉ là chồng trong mơ
Anh về gói mộng dệt thơ
Em đi bóng ảo bơ vơ nhà người

Gọi Buồn

Ngày yêu tháng nhớ năm chờ
Con chim lẻ bạn bơ vơ gọi buồn

Đêm

Một mình đếm sợi mưa tuôn
Ngủ mơ, thức nhớ đều buồn như nhau

Đơm Hoa

Trơ cành cây lại đơm hoa
Mai vàng nhụy thấm lụa là đáng Xuân

Tiến Em

Tiến em, tôi lỡ độ đường
Bơ vơ trước mặt, đoạn trường sau lưng
Con đường mưa nắng sâu vường
Còn tôi mãi vá vết thương không lành

Vắng Em

Vắng em thất theo trong lòng
Thấy bao nắng gió rồi bông nhớ em

Cô lẻ

Bông cô lẻ nở đầy trên nhánh lá
gió đêm qua thổi giật sắc hương thừa,
trong bóng tối phấn son chờ môi má,
người nhớ người khắc khoải tiếng phân bua.

Hồn Mây

Em đi gửi lại tấm lòng
Anh nhìn chỉ thấy mênh mông mây trời
Sáng trắng áo, chiều hồng môi
Hỏi em có biết ai người nhớ mây?

Mưa Bụi

Em ơi! Dầu nát thành mưa bụi
Cũng bám hương đầy mái tóc em
Thấm giọt thương yêu không có tuổi
Chạm nhẹ môi hoa, ướt mắt nhìn

Bóng Đè

Em đi bỏ bóng lại nhà
Sớm hôm thò thẻ bàn ra tán vào
Thương ơi cái bóng ngọt ngào
Anh vừa thiếp ngủ mà sao bóng đè

Đói

Tôi đang đói chẳng tìm ra ngôn ngữ
tôi đang mù chẳng thấy đó là yêu
là gã khờ trước nhan sắc diễm kiều
và đã chết trăm năm tình chôn chặt

Đôi Lúc

Có đôi lúc nỗi buồn chạm đất
Khi đêm về thắt chặt niềm riêng
Đắm thời gian chìm nỗi ưu phiền
Nhớ về anh vọng yêu thương chất ngát

St

thơ nhỏ giọt mưa chưa chạm đất
chờ ưu tư lất phất sầu riêng
đêm lao xao trở giấc muộn phiền
bao ước mộng tình điên say ngất

Trăng Gió

Trăng gian dối soi hình tôi vát vuông
Gió ăn năn hoang tưởng đáng em nằm
Dòng tình buồn con nước cuốn trăm năm
Trăng chìm chết, gió xa xăm cuộn sóng

Chiều vàng trên sông

Dòng Cổ Chiên dò xuôi hướng biển
Chờ hồn tôi nặng những chiều xưa
Phố Vĩnh Long tự tình miên viễn
Cánh chim bông lượn nắng tiễn đưa?

Chiều rơi chậm nắng phơi triền sóng
Tơ lụa vàng giăng phủ mặt sông
Nước thuở nào ôm trăng ru mộng
Giờ chợt chiều rũ bóng hoàng hôn

Sóng lớp lớp thuyền tình xé lẻ
Mỗi đời người xẻ bảy chia ba
Hạt phù sa sau mùa tuổi trẻ
Chảy qua tôi một nỗi xa nhà

Lục bình ơi! Giữ gìn ánh mắt
Người tôi yêu ngấm tím hoa trôi
Cuộc đời em gió sương phiêu bạt
Cuộc đời tôi hai phía lở bồi

Chiều trên sông điệp trùng thương nhớ
Lượn sóng tình xô vỡ hồn tôi
Tóc ai đó ! Áo ai bay đó !
Quần tim tôi gió lộng tôi bờ

Phạm Tương Như



YÊN SƠN

Tên thật: **Trương Nguyên Thuận;**

Tuổi Song Ngư;

Quê Quảng Ngãi;

Cư ngụ Kingwood, TX, USA.

Cử Nhân Quản Trị Kinh Doanh và Computer Engineer.

Xuất hiện trên văn đàn từ năm 1965 đến nay.

Cựu Tổng Thư Ký Trung tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ trực thuộc
Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, từ 2000-2004.

Cựu Tổng Thư Ký Ban Chấp Hành Trung Ương Văn Bút Việt
Nam Hải Ngoại nhiệm kỳ 2008-2011

Nguyên Ủy Cử Viên Chủ Tịch VBVNHN, nhiệm kỳ 2011-2014

Đương kim Chủ tịch Ủy Ban Định Chế VBVNHN nhiệm kỳ 2011-
2013; 2013-2015.

Tác phẩm đã xuất bản riêng: Quê Hương và Tuổi Trẻ, Saigon 1975; Cho Quê Hương - Tôi - và Tình Yêu, San Jose, CA 1998; Một Đời Tường Tiếc, Houston 2002.

Tác phẩm viết chung: Những Giọt Sương Rớt Muộn, Lối Cũ Vẫn Trong Tim, Giao Duyên, 25 Năm Thi Ca Hải Ngoại, Văn Học Thời Nay.

Cộng tác thường xuyên trong: Tin Văn, Cội Hoa Tình Yêu, Văn Học Thời Nay, Văn Hóa Việt Nam, Đặc San VBVNHN, và rất nhiều Diễn Đàn Thi Ca Việt Ngữ trên hệ thống Internet Toàn Cầu.

Trang Nhà cá nhân : <http://thovanyenson.com>



GIẤC MƠ PHI CÔNG

Và Những Chặng Đường Nghiệt Ngã

Thời ngồi trên ghế nhà trường tôi vẫn luôn “*nhìn trời cao mà reo, mà mơ ước như điều để níu áo Hằng Nga, nằm bên dải Ngân Hà*”. Những mẩu chuyện KQ làm tôi say sưa quên cả sách vở. Thấy các ngài phi công bên súng, bên dao xẻ xệ trong bộ áo liền quần phơn phớt dưới phổ cho tôi mộng mị đêm dài. Nhất là bị ông nhà văn phi công Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh qua cuốn “*Đời Phi Công*” đưa mơ mộng của tôi vượt lên chín tầng trời! Có lần bày tỏ với Mẹ tôi về ước muốn này bị Mẹ át giọng “*học hành không xong Ba sẽ bắt về đi cày ruộng chứ ở đó mà mơ với mộng*”! Mẹ biết tôi rất sợ sống ở ruộng vườn; rất sợ đời sống kham khổ với đất đai, nhất là đất đỏ cao nguyên dẻo quánh, nặng bụi, mưa... trời ơi là một nỗi cực hình! Tôi đã từng nói với Mẹ “*bằng mọi cách con sẽ vượt ra khỏi nơi này*”! Ba Mẹ và các anh em thấy tôi ham học (chẳng qua là trốn việc đồng áng) nên dồn tất cả sự hỗ trợ cho tôi đi học trên thành phố sau khi xong phần Trung học đệ nhất cấp ở quận lỵ. Tôi sung sướng được xa nhà, xa ruộng rẫy, bắt đầu “*trắng da dài tóc*” từ đó. Đợi khi vừa thấy tên trên bảng kết quả Tú Tài, tôi đã mơ màng làm phi công chiến đấu. Tôi lén cha mẹ nộp đơn xin làm phi công. Trước khi đi, tôi rất tự tin vì nghĩ rằng mình thừa sức nặng, dư chiều cao, mắt sáng như sao, tai thính như doi, dùng lược con nhà võ... “*nhưng ai có ngờ đâu, đời tôi là bể sầu, nay mộng xưa đã hết, ngày vui đã tàn, lòng tôi nát tan*”. Trời không chiều lòng người. Nhóm thanh niên nộp đơn khám sức khỏe phi hành của chúng tôi gồm 20 người nhưng không có được một móng bước qua nôi ngưỡng cửa Phi Long, và tôi là người cuối cùng nghe ông nha sĩ ca bản “*thôi anh đi về đi, Không Quân đành bài bại cùng anh, duyên không tròn lưu luyến càng thêm đau buồn!*” Có lẽ thâm nỗi buồn nặng trĩu nặng trĩu trên mặt tôi, ông ta lại hát tiếp, “*Thôi tiếc thương mà chi, trông mong gì anh đi về đi,*

anh đi về đi cho vui lòng mẹ cha”... chỉ vì vài chiếc răng trám! Mộng làm phi công tan tành theo mây gió, thất vọng nào nề, tôi tiếp tục vui đầu vào sách vở theo đuổi ngành y khoa như ước nguyện của Ba Mẹ tôi và gia đình.

Chiến tranh càng lúc càng khốc liệt. Sân trường, sách vở trở thành món nợ nhảm chán, nặng nề. Đã vậy, mỗi lần ra phố nếu không Cảnh sát cũng bị Quân cảnh xét giấy tờ quân dịch lia chia... nhưng không có gì nung nấu bằng ước muốn trở thành phi công. Thấy KQ vẫn dòn dập tuyển mộ, tôi lại thắc thỏm muốn liều mình nộp đơn lần nữa. Dù Ba Mẹ tôi vẫn “răn đe” cố gắng học hành, không được xao lãng. Ba Mẹ tôi thường nói, sợ dĩ gia đình dồn hết mọi nỗ lực cho tôi ăn học vì không muốn tôi gia nhập bất cứ loại lính nào, vì đã có hai anh lớn trong lính rồi! Nhưng trận Mậu Thân như một giọt nước làm tràn ly đây, tôi quyết định thử thời vận lần nữa.

Có lẽ vì nhu cầu bành trướng của KQ quá cao nên “hú thần hồn” tôi qua được chương ngại vật cuối cùng “ba chiếc răng trám như cũ”! Chỉ có đậu được vào KQ mà chân tôi đã như đi trên mây, lòng bồi hồi sung sướng, chỉ còn một nỗi lo duy nhất là không biết ăn nói với Ba Mẹ tôi cách nào.

Suy tính thiệt hơn, tôi quyết định giấu biến chuyện nhập ngũ, khăn gói đi thẳng vào Quang Trung học làm đời lính. Chính vì thế, suốt ba tháng quân trường tôi ngoan ngoãn làm con bà phước không một lời oán than. Hàng tháng tôi vẫn nhận tiền ở nhà gửi lên và vẫn tìm cách liên lạc đều đặn như không có gì.

Ba tháng quân trường đã biến một gã thư sinh trắng trẻo thành một anh chàng mặt mày tay chân đen nám, mặt mũi đầy mụn với vai u thịt bắp gồ ghề làm Ba Mẹ và các em giật mình thảng thốt khi tôi dứt đầu về quê... thú tội trong lần đi phép mãn khóa đầu tiên. Tôi nghĩ “gạo đã nấu thành cơm” nên hy vọng không bị rầy la quá độ, nhưng... Mẹ tôi vì thương con nên chỉ biết thở dài; các em sờ mó tỏ vẻ hãnh diện với làng xóm; còn Ba tôi nhất định không nhìn mặt trong suốt thời gian ngắn ngủi đó. Tôi ngậm ngùi trở lại đơn vị sau khi năn nỉ Mẹ tôi và những người thân khuyên giải Ba tôi.

Vì nhu cầu huấn luyện khẩn cấp của KQ nên số đông khóa của tôi, thay vì được gửi đi Nha Trang để hoàn tất giai đoạn hai huấn luyện quân sự, lại được gửi vào Trường Sinh Ngử Không Quân để học tiếng Anh sau khi quanh quẩn “đạp cỏ ở khu nhà ma” một thời

gian ngắn. Khu nhà ma là một khu nhà khá lớn trong căn cứ TSN bỏ hoang, cỏ cao quá đầu gối. Cấp trên dùng nơi này để quản trị lũ chúng tôi, những thằng người có một phần lính nhiều phần học sinh. Mỗi sáng chúng tôi vào trình diện điểm danh chiều lại cho về. Không mấy chốc, bãi cỏ hoang chung quanh khu nhà đã tựa gốc chết tiệt!

Rồi cũng đến lúc trình diện học sinh ngữ. Tôi nhớ lão Đại Úy “Quý heo” đã cho chúng tôi chào trại sinh ngữ bằng cách chạy mấy vòng sân, ở một buổi trưa nắng gắt, với xách Marin (loại bao tải màu xanh cút ngựa của lính phát) trên vai làm bao nhiêu chàng công tử bột té lên té xuống trông thảm hại vô cùng! Rồi chuyện đầu cũng vào đó, chúng tôi được chỉ định chỗ ở và hôm sau nhập khóa học. Tôi không giỏi Anh ngữ như một vài bạn cùng khóa nhưng cũng không gặp nhiều khó khăn vì tiếng Mỹ đã là sinh ngữ phụ thời còn đi học. Thế nhưng, ngày thi mần khóa tôi bị thiếu đúng một điểm chỉ vì nghe lời đường mật của các “sư phụ ma giáo” học tủ một bài thi được các sư phụ chuyền tay nhau trước ngày thi. Tôi phải mất một chậu café thuốc lá cung phụng cho các sư phụ. Các sư phụ bảo đảm bài thi hôm đó nhất định phải là “*con chó nhảy hàng rào*”! Ôi “trời bất dung gian”, con chó của tôi nhảy không qua nổi hàng rào 70 điểm! Âm thoại rất khó nghe, mà vừa nghe vừa cố so sánh với bùa nên không bắt kịp bài thi. Tôi vội vàng vất bùa và chú tâm hơn... nhưng vẫn không cứu vãn được tình thế. Tôi ngậm ngùi nhìn bạn bè tốt nghiệp làm thủ tục đi Mỹ.

May mắn thay! Học lại đầu được vài tuần thì nhận được tin sét đánh ngang tai “làm thủ tục xuất trại để đi du học khóa fixed wing” (fixed wing là tên gọi chung cho các loại phi cơ khu trục, A37, F5, vận tải tác chiến, vận tải để phân biệt với Helicopter).

Như vậy ước mơ để trở thành phi công phân lực tác chiến của tôi có nhiều cơ hội thành tựu. Nếu nổi vui mừng ngày xem kết quả đậu Tú Tài ra sao thì ngày nhận tin đi Mỹ học fixed wing làm tôi vui mừng hơn gấp bội.

Trường sinh ngữ Lackland AFB ở San Antonio, Texas là trạm dừng đầu tiên cho tất cả khóa sinh phi hành ngoại quốc. Và dĩ nhiên Việt Nam là một thành phần. Thường khi đã qua được tới Mỹ có nghĩa là vốn



liếng Anh ngữ tạm đủ để có thể theo học các khóa huấn luyện. Tuy nhiên, ai cũng phải thi đậu sau ba tháng học tập ở trường sinh ngữ Lackland và làm quen với đời sống Mỹ trước khi nhập trường bay. Chính vì thế, Lackland cũng là chơng ngại vật cho các sư phụ mánh mung ở trường sinh ngữ quân đội bên nhà. Có một số người, sau ba tháng ăn chơi này đã phải khăn gói quả mướp lên đường về nước đi thẳng qua bộ binh.

Xong phần huấn luyện sinh ngữ, khóa chúng tôi được nhập trường bay, loại Cessna T41, ở căn cứ Randolph AFB. Trường bay này tọa lạc ở thành phố ven đô, Universal City, cách 24 dặm về phía đông bắc của San Antonio. Thời gian huấn luyện ở đây dự trù 3 tháng gồm có huấn luyện thể lực, địa huấn (ground school), học bay, học nhảy dù, phòng cao độ. Riêng phần bay bổng, người giỏi nhất mất khoảng 9 giờ bay với Thầy, người yếu nhất cũng phải



cần 18 tới 20 giờ huấn luyện trước khi được thả bay một mình trong vòng đai phi đạo. Ở giai đoạn này cũng lắm người bị về nước vì không thể bay một mình trong một thời gian nhất định nào đó. Bị đánh rớt trong giai đoạn này không

đến nỗi phải bị ra khỏi KQ mà cho cơ hội để phục vụ trong ngành Không Phi Hành hoặc các trách vụ phi hành khác như Điều Hành Viên (Navigator, NOS, IR).

Chờ cho đến người cuối cùng hoàn tất giai đoạn bay T41, khóa chúng tôi lên đường qua Keesler AFB ở tiểu bang Mississippi (cách San Antonio 9 giờ lái xe) để học bay loại Khu trục T28. Khi lên đường đi Mỹ, khóa chúng tôi có hơn 40 khóa sinh, bây giờ còn lại 35 người sau hai trạm đầu tiên gồm luôn một vài người từ khóa trước dồn lại.

Chương trình huấn luyện ở đây dự trù là 6 tháng gồm phần địa huấn, academic rất nặng nề (lý thuyết về không gian, kỹ thuật hàng không, và phi cơ, khí hậu...), học bay ngày, bay đêm, bay đường dài (cross country), không hành định vị (navigation), bay phi cụ, bay hợp đoàn... Trong giai đoạn này, khóa sinh được huấn



luyện tổng số khoảng 150 đến 200 giờ bay; nhanh nhất để được bay một mình

trong vòng phi đạo (touch and go) là 14 giờ huấn luyện với thầy cho tới 24 giờ tối đa. Nếu sau 24 giờ mà vẫn không thể bay được một mình vì bất cứ lý do gì cũng sẽ bị trả về nước. Giai đoạn này cũng là một gạn lọc đáng kể cho rất nhiều anh em. Sau khi bay solo ở vòng phi đạo (traffic pattern), khóa sinh được tiếp tục bay các phần hành khác gồm phần aerobatic ngoạn mục, solo vùng, rồi solo navigation, cuối cùng là phần bay hợp đoàn... Bay hợp đoàn rất dễ khi bay trước; bay theo là một ám ảnh tưởng không thể vượt qua chặng này... nhưng rồi cũng quen. Thời gian chỉ có 6 tháng mà như đi rất chậm vì ngày dài triền miên với sách vở, lý thuyết rồi ngồi đồng nghe thầy giảng moral về tài bay bổng của mỗi chàng. Có lắm niềm vui, cũng lắm nỗi buồn phiền; lắm điều trái ngang nghe như chuyện đùa... rồi cũng tới ngày mãn khóa. Khóa chúng tôi còn lại 33 người được gắn cánh bay. Ngày được gắn phải nói là một ngày huy hoàng nhất trong cuộc đời bay bổng. Thế là mộng làm cánh chim trời đã thành tựu, chỉ còn nỗi hồi hộp chờ ngày chọn máy bay và đi học tiếp loại phi cơ chuyên biệt.

Không một khóa sinh nào có thể biết trước được mình sẽ được bay loại fixed wing nào cho đến ngày mãn khóa kể cả các Thầy. Cũng có thể cấp trên và các Thầy đã biết trước nhưng khóa sinh hoàn toàn không biết. Nếu được hỏi, thầy và các cấp chỉ huy Việt lẫn Mỹ đều nói tùy vào “tài khóa”, “tùy vào khả năng bay bổng của mỗi người”; có nghĩa là tùy vào số tiền viện trợ được chi viện từ quân đội Mỹ và tùy vào nhu cầu huấn luyện của từng thời điểm.

Sau ngày mãn khóa, chúng tôi mới biết tài khóa chúng tôi chỉ toàn các loại vận tải cơ gồm 16 chiếc C123K, 4 chiếc C7 Caribou, một số C47, và một số C119. Một số anh em vui mừng nhưng riêng tôi vô cùng thất vọng, tìm đủ mọi cách xin chờ tài khóa tới hoặc cho về huấn luyện khu trục ở VN. Rất đáng buồn đòi hỏi của tôi không được đáp ứng. Cấp chỉ huy bảo tôi “mày (you) có ưu tiên chọn trước, cứ chọn bất cứ loại máy bay nào mày thích trong tài khóa này, thế nào cũng sẽ có cơ hội chuyển ngành về sau”. Mặc dù tôi có ưu tiên số 5 (20 người đỗ đầu khóa được ưu tiên thứ tự ưu tiên chọn trước) nhưng tôi buồn bã nói với thầy chọn gì cũng được bất cứ loại nào ông nghĩ là tốt. Thầy tôi cho tôi biết ông ta cũng thất vọng không kém tôi vì ông ta đã là pilot khu trục trước khi nhận về trường huấn luyện. Thầy khuyên tôi nên chọn C123K vì loại vận tải cơ tân tiến nhất trong các loại của tài khóa này. Tôi đặt hoàn toàn tin tưởng nơi ông nên tôi đã gặt đầu.



Trạm dừng chân kế tiếp của 16 chàng phi công vận tải

C123K là căn cứ Lockbourne AFB, Ohio để huấn luyện chuyên ngành. Máy bay C123K là loại phi cơ to nhất của KQVNCH thời đó. Ngày đầu tiên ngồi trên ghế huấn luyện trong phòng lái tôi thấy mình thật yếu

đuối so với sức lực của loại phi cơ này, nó như con voi bắt trị so với các loại T41 và T28A/B đã qua... nhất là lúc cất cánh. Dần dà cả tháng sau mới làm quen với nó được. Phi hành đoàn vận tải bay huấn luyện cũng đòi hỏi ít nhất có 4 người: phi công chính (thầy dạy), phi công phụ (khóa sinh), kỹ sư cơ khí, và nhân viên áp tải. Chương trình huấn luyện đề ra là 3 tháng nhưng khoảng hai tháng thì cả phòng huấn luyện C123K bị dời xuống England AFB (còn có tên Maxwell AFB) phía đông của tiểu bang Louisiana. Một tháng sau thì mần khóa còn nguyên vẹn 16 trụ khắn gói quả mướp lên đường hồi hương.

Về nước được cho nghỉ phép vài tuần lễ xong là trình diện phi đoàn liên hệ để tiếp tục huấn luyện check out hành quân. C123K có 2 phi đoàn 421 và 423 và lũ 16 con nai vàng chúng tôi được chia đều cho hai phi đoàn. Sau thành lập thêm phi đoàn 425. Trước tiên tôi về phi đoàn 421 của Thiếu Tá Nguyễn Quế Sơn để huấn luyện check out hành quân, xong cho về phi đoàn tân lập 425 với Thiếu Tá Nguyễn Thế Thân. Vừa bay vừa học bổ túc giai đoạn hai quân sự tại căn cứ TSN trong 3 tháng trường để hợp lệ mang cấp bậc Thiếu úy.

Khoảng hơn một năm sau, để đáp ứng nhu cầu chiến tranh, KQ VNCH được tiếp nhận vận tải cơ khổng lồ C130A, chia ra hai phi đoàn 435 và 437. Tôi được chọn đi phi đoàn 435 của Trung Tá Lâm Văn Phiếu. Phi cơ C130A là loại phi cơ to lớn hơn C123K rất nhiều, khả năng vận tải rất cao, kỹ thuật tân tiến nên lôi cuốn rất nhiều người muốn được về bay loại phi cơ này. Có nhiều phi công lão luyện ở các loại phi cơ khác được tuyển chọn về từ C47, C119 để học trường phi cơ và lũ nhí chúng tôi chờ khóa học làm phi công phụ. Vì số người chờ học quá đông nên lũ các ké của chúng tôi dù chưa được ngồi vào ghế lái nhưng vẫn bị chia phiên mang hia, đội mũ đi theo tàu xách thùng bần đồ vài ba lần một tuần. Tình trạng này kéo dài khá lâu làm tôi nản lòng quá sức!

Trong khi đó ở vận tải người ta hay đi nhau chí mạng, hoàn toàn không phù hợp với tâm tánh và ý thích của riêng tôi nên tôi gặp không ít những rắc rối vụn vặt đối với cấp trên “bay thì dở nhưng rất thích ra oai”! Tôi cũng muốn lợi dụng hoàn cảnh để được cho qua tác chiến nhưng vẫn không hữu hiệu!

Đã mấy lần tôi xin Không Đoàn trưởng, KĐ phó chuyển qua bay tác chiến nhưng vẫn không được. Khi mức độ nản lòng đã lên cao độ, tôi nhất định xin đổi qua bay loại vận tải tác chiến AC119K, vừa được KQ Hoa Kỳ bàn giao, dù các cấp chỉ huy đều không muốn. Tôi nói nếu không cho tôi đi tôi sẽ nộp đơn xin ra bộ binh. Sự cương quyết của tôi đã làm phật lòng nhiều người nhưng cuối cùng cũng được chuyển về phi đoàn Tinh Long 821 (duy nhất) của Trung Tá Hoàng Nuôi. Ở đây vui hơn nhiều, được đi đánh trận hàng đêm. Không ở một chỗ như những loại vận tải khác. Lâu lâu biệt phái Phù Cát, Đà Nẵng. Và tôi xin đi biệt phái dài dài, xin biệt phái thế cho bạn. Chiến trường Miền Trung lúc bấy giờ rất sôi động nên cũng lắm chàng có gia đình hay “lạnh vắng”. Ở Saigon hay đi biệt phái tôi cũng xin bay đều đều đến nỗi cấp trên hỏi tôi có còn đầy đủ gia đình cha mẹ không, có bạn gái không (!) Tôi chỉ mỉm cười, đơn giản nói “tôi thích đi bay, thích đi khỏi Saigon náo nhiệt”. Đi biệt phái Đà Nẵng tôi thích hơn nhiều vì ở đây chiến trường nóng bỏng lại có thằng bạn thân gan lì dạy tôi bay trực thăng, chiêu đãi tôi những bữa ăn ngon ngoài phố, cho tôi tháp tùng đi xung trận những ngày tôi được nghỉ bay. Nó thường cười nói như chơi, “nếu có mệnh hệ gì thì hai thằng mình bị dán giấy phạt trên quan tài thay vì ‘truy thăng’... Và tôi cứ thanh thản sống như thế, cứ vô tư như thế ngày qua ngày lại qua ngày cho tới lần sau cùng, trưa ngày 27 tháng 3 năm 1975, tôi theo biệt đội vội vã rời khỏi Đà Nẵng về lại Saigon trong cơn hỗn loạn bỏ rơi Miền Trung.

Về lại Saigon, chiến sự leo thang đáng kể nhưng tôi vẫn sống bình thản, vẫn sinh hoạt như thường ngày, vẫn xin bay đêm dài dài để thấy “giữa lòng trời khuya muôn ánh sao huyền”... cho đến trưa ngày 29 tháng 4, năm 1975, khi tôi nhận ra là tôi phải cấp tốc rời khỏi Saigon sau khi chứng kiến chiếc Tinh Long 7 của Trang Văn Thành bị bắn rơi gần vòng đai phi trường lúc 7g sáng... Bạn bè mạnh ai nấy tự lo thân, kẻ chạy ngược người chạy xuôi tìm phương tiện ra đi và tôi cũng đội mưa pháo tìm kiếm phi cơ hữu dụng trong vô vọng. May mắn thay, đang lơ lửng, lơ ngơ gần trạm

Hàng Không Quân Sự thì thấy Thiếu Tá Phan Vũ Điện và một số anh em trên xe pick up chạy ngang vẫy tay bảo chạy theo tới chiếc C130 cuối cùng ở gần trạm Hàng Không Dân Sự. Sở dĩ chiếc phi cơ này còn nằm ụ ở đây vì một số phi cụ đã bị hư hỏng chưa có dịp thay đổi; thế nhưng đâu còn chọn lựa nào tốt hơn. Tôi ngồi vào ghế copilot phụ anh Điện phân hành của một phi công phụ để cố đưa chiếc máy bay không hoàn hảo rời khỏi phi trường lúc 12g30 trưa, trong hỗn tạp, trong hoang tàn mang theo hơn 100 người khách bất đắc dĩ, bay thẳng qua Utapao, Thái Lan để bắt đầu cho những tháng năm dài ly hương.

Từ một gã học trò mặt trắng tay trơn đến một phi công lơ vắn, lơ thời chỉ có 7 năm dài qua bao nhiêu chặng đường. Mỗi chặng đường chứa đựng biết bao nhiêu hồi ức, bao nhiêu kỷ niệm, có buồn có vui, lắm điều nhiều nỗi kể sao cho hết. Chỉ xin tóm lược qua những chặng đường cho một giấc mơ phi công của riêng tôi để chia sẻ với mọi người. Dù không cao sang như “Đường Minh Đế” nhưng tôi cũng đã được “nhàn du khắp tinh cầu”, cũng đã sống một thời hào hùng bên súng bên dao. Nhìn lại đời sống cũ đã một thời “sống giữa lưng trời, đôi khi nghĩ chuyện đời mím cười thôi”.

Yên Sơn



Thu Khúc Cho Em

Khi em đến
chiều nghiêng cây trút lá
nắng như tơ lấp lánh ở bên song
nụ cười duyên
tóc lộng gió
trời trong
chim rúc rích trên đầu cành đón đợi

Khi em đến
như mang theo nắng mới
thấm hồn anh
khiến hoa cỏ tươi cười
cả rừng chiều cũng bừng sáng nơi nơi
và thanh nhạc trỗi vang lòng tình khúc

Khi em đến
như vàng thêm hoa cúc
bướm đùa nô, đôi cánh mỏng xôn xao
tiếng em reo vui
đôi má hồng đào
anh như lạc bước trong vườn xuân mộng

Khi em đến
gió về ngang lòng lộng
tiếng khánh ngân theo từng bước chân em
chiều nhẹ nhàng từng khắc một vào đêm
nghe hương tóc
ấm vòng tay
đằm thắm

Anh đắm đuối chìm sâu trong mắt thắm
nghe thời gian ngưng đọng
giữa hoàng hôn
tiếng thu râm ran len nhẹ vào hồn
êm như gió
nhẹ như ru
trìu mến

Một Lần Gặp Lại

Đón em ở phi trường
Theo lời hẹn bất ngờ từ phương bắc
Gió lộng tàn thu
Sân ga lạnh ngắt
Tôi hoang mang ngó từng khuôn mặt Á châu
Thấy một người đàn bà từ tốn bước ra sau
Tôi ngỡ ngỡ gương mặt người năm cũ
Nắng lụa vàng
Bỗng như có màn sương che phủ
Khi em nhận ra tôi
Xúc động, ngỡ ngàng
Tôi bồi hồi, lúng túng giữa hành lang
Đưa tay nắm bàn tay run
Em òa khóc

Ngày xưa đó
Mỗi lần em đi học
Qua ngõ nhà anh
Tay ôm cặp sách che ngang
Tóc phủ bờ vai
Tà áo dài tha thướt, đoan trang
Quyện theo gió
Cuốn hồn anh dõi mắt
Nhìn theo bước chân
Lòng thầm mơ ước
Một ngày nào anh nắm được bàn tay

Anh và em học cùng trường
Nhưng kẻ trước người sau
Anh “người lớn” học trước em vài lớp
Giờ ra chơi

Lũ học trò hò reo, nao nức
Anh luôn tìm em ở gốc phượng cuối sân trường
Em luôn giả vờ đọc sách
Luống cuống
Trông thật dễ thương
Anh cười mỉm quay người đi
Không nói

Rồi năm tháng cứ miệt mài đi tới
Em lớn khôn hơn
Mặc cho anh cứ là gã ngu ngơ
Em vẫn vô tình trước những tình thơ
Bao vương vấn rồi cũng theo anh về thành phố
Sách vở
Giảng đường
Xuân thu mấy độ
Trường em mờ xa như gốc phượng cuối sân trường
Người xa người sao giọt nắng cứ vấn vương
Cho cây cỏ xôn xao mỗi lần hè đến

Anh cũng xôn xao giữa lòng cuộc chiến
Giã biệt giảng đường
Khoát áo chinh nhân
Dựa lưng mây đây đó bốn vùng
Nương cánh gió vào ra sinh tử
Rồi bỗng chốc trở thành người lữ thứ
38 năm qua xiết mấy đoạn trường
Nhớ về em
Thời thơ ấu mến thương
Nhớ bóng dáng mảnh mai mỗi ngày qua ngõ

Giờ em ngồi đó
Tóc họa râm
Mặt đầy vết tháng năm
Qua bao nhiêu gian khổ, thăng trầm
Anh tìm mãi vẫn không thấy mùa xuân năm cũ
Gặp lại nhau nói ngàn lời không đủ
Ôn chuyện ngày xưa cho nước mắt lưng tròng

Giấc Mơ Thu Về Thăm Phương Bắc

Chuyến xe lửa đường dài xuyên đêm tối
Băng qua sông, qua rừng núi chập chùng
Tiếng còi tàu tan biến giữa hư không
Khi sắp ghé những ga buồn tỉnh nhỏ
Trong toa riêng cay xè căng mắt đỏ
Ngôn ngữ tình là ánh mắt bờ môi

Rời thị thành theo đò dọc về xuôi
Thuyền rẽ nước êm êm chiều thu muộn
Quê Mẹ xa xăm bên bờ sông Đuống
Vẫn lũy tre làng, vẫn những hàng cau
Xưa ra đi đội chinh chiến trên đầu
Nay về lại khói lam vờn thân ái

Anh và em chỉ riêng mình hai đứa
Đạp xe bên nhau qua những cánh đồng
Con đường mòn nâu sậm đất đá ong
Đưa ta đến những miếu đền hoang phế
Em ngoan ngoãn quỳ bên anh xin lễ
Mái tóc dài chạm đất phủ đôi vai

Chiều cuối thu gió vi vút trên cây
Như cố trảy những lá vàng sót lại
Em bước nhẹ như có điều e ngại
Sợ lá đau dưới đôi guốc vô tình
Bên gốc bàng dừng lại ngược nhìn anh
Mây đắm đuối chìm sâu trong đáy mắt

Em tươi vui cùng gió mùa phương bắc
Hơi thu vờn đôi má đỏ hây hây
Tựa vai anh em thủ thi lời mây
Mặc sương nhẹ đậu bùa trên tóc rối
Chiều băng lãng đã nhường cho bóng tôi
Tay trong tay đan hạnh phúc ra về



VĨNH TUẤN

Tên thật Đào Vĩnh Tuấn

Sinh ngày 15-3 Bình Định Việt Nam

Nguyên sĩ quan Nha Kỹ thuật

Hiện định cư tại Houston, TX Hoa Kỳ

Hội Viên Pen International

Nguyên XLTV Chủ Tịch Ban Chấp Hành

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại nhiệm kỳ 2008-2011

Hội viên Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Có thơ đăng lai rai trên các báo Hải Ngoại

Sáng tác phẩm:

Bì sử (thơ)

Những Giọt sương rớt muộn(viết chung)

Lối cũ vẫn trong tim CD Thơ



Ta cảm ơn người

Người huyền diệu từ bao giờ đã đến
Mở hộ dùm ta cánh cửa Thiên đàng
Trắng mím miệng nở nụ cười tươi tắn
Lòng hỏi lòng mộng đã hết lang thang?

Người dấu ái về trong ta ngự trị
Cả trăng sao cùng chuốt chén say thơ
Gió mang hương từ ngàn năm tri kỷ
Ơi! linh hồn đã bước xuống đời mơ

Người về đây hành trình bao nhiêu dặm?
Nhu sương rơi như gió thoảng bên đời
Hương thơ buồn từ bao năm chìm đắm
Nay tuôn trào như nước lũ về xuôi

Con dốc mỗi bỏ sau đường phiêu bạt
Người về đây nối tiếp bản tình ca
Gỡ dùm ta trái sầu tương tư lạc
Chút hương xưa sót lại vẫn đậm đà

Người đã đến ừ nha người đến thật
Thế mà ta cứ ngỡ chuyện chiêm bao
Bao nhiêu năm nửa cuộc đời lặn đạn
Ta cảm ơn người đã đến cùng ta.

Cõi muộn phiền

Tình như dòng nước lũ
Trắng ngả màu xanh xao
Chảy xuôi vào lòng vực
Một đời rồi hư hao

Ta đi tìm tâm ảnh
Đánh mất tự thuở nào
Nghìn trùng đời nguyệt ngã
Hồn lẫn xác thương đau

Ta yêu em lắm lắm*
Đời bơ vơ tội tình
Chất chiu từng sợi nhỏ
Rồi tan tác hư không

Gỡ hoài con gút nhỏ
Sao thấy nặng đôi bờ
Mất mờ cơn bão động
Tình nào là trăm năm.

**chữ nguyện tất nhiên*

Đêm hoang

Đêm rơi vào chốn muôn trùng
Ta rơi vào chốn đỡ khùng đỡ điên
Cuộc đời bí ẩn triền miên
Điên ta quên được những niềm ưu tư
Thế gian bể khổ mây mù
Ta khùng đỡ phải ngục tù chung thân.

Tự nhũ

Ta về đâu muôn nẻo đời xa lạ
Đã nghìn năm mục rữa tấm hình hài
Ngơ ngẩn đếm thời gian chừng vội vã
Còn lại gì hồn rã xác chia hai

Hồn khắc khoải mơ thiên đàng ngày cũ
Còn lại gì chút mục nát rong rêu
Ta gọi ai vẫn thơ vừa đôi chữ
Thượng đế sao chẳng chút thương yêu

Đêm thơ thần đất trời chừng băng giá
Ngày nhốt lòng trong vội vã đau thương
Ta muốn hét cho cây rừng gục ngã
Cho đèn đài sụp đổ dấu tang thương

Ta gọi em giữa đất trời xa lạ
Giữ trong tim giá lạnh một bóng người
Qua mau đi cơn mưa đời vội vã
Để hồn ta trở lại chốn bình yên.

Nhắn người trăm năm

Cùng nhau đi hết đoạn đường
Ta đưa nhau đến tận cùng nỗi đau
Gởi nhau trăm ngọn tình sầu
Cho nhau nghìn nỗi nhiệm màu sương hoa
Mai này dù có chia xa
Xin còn giữ chút ngọc ngà cho nhau.

Vĩnh Tuấn



THU NGÀ

Tiểu sử

sinh tại Triều Sơn, Hương Trà, Thừa Thiên Huế

Viết văn và làm thơ từ thời trung học.

Định cư tại Hoa Kỳ năm 1975.

Đang cộng tác với các báo: Đa Hiệu, Văn Học Việt Nam, Thế Giới Mới, Tin Văn

Cựu Phó Chủ tịch Ngoại Vụ Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Giám Đốc đài phát thanh Sài Gòn Dallas 1600AM

Giám Đốc: SBTN/TX (từ năm 1995)

Tác phẩm đã xuất bản:

- ***“Vùng kỷ niệm”*** (thơ 1992)
- ***“Ngâm Ngùi Hương Xưa”*** (tập truyện ngắn 1998)
- ***“Tuyển Tập Thơ Văn”*** (viết chung 1999)
- ***“Bên Bờ Hạnh Phúc”*** (tập truyện 1999)
- ***“Gió đưa cây cải”*** (Truyện vừa)
- Trường kịch ***“Đời Sống Trên Đất Mỹ”*** viết riêng cho đài phát thanh và cùng đóng với các xướng ngôn viên

Noel Năm Nào THU NGÀ

Vân thương!

Nhận được thư mày trong khi bên ngoài đang chuyển mưa, nội dung lá thư của mày làm cho bầu trời mùa Noel ở Dallas của tao càng thêm ảm đạm. Tiếng mưa ray rức ngoài kia giống như tiếng khóc nho nhỏ của mày kể chuyện về con chó nhỏ tên Lucy mà mày nói đã nuôi nó 13 năm trời. Tao biết mày không lẩn thẩn, tuy rằng sẽ có kẻ cho rằng ở đời này có biết bao nhiêu chuyện đau buồn phiền toái hơn để cho người ta rơi nước mắt, chớ hơi đâu mà kể lể ni non và nhỏ lệ tiếc thương một con vật. Lần nữa, lòng tao bỗng chùng xuống, hoàn cảnh của mày cũng như của nhiều người cô đơn tại Mỹ, nuôi chó rồi thương nó như thương một phần tử gia đình, trường hợp của mày lại còn thêm yếu tố khác bị cảm hơn ... và tao cũng nghe nơi khóe mắt mình cay cay và đầu óc tao lang man nghĩ đến tuổi thơ của chúng mình nơi làng xưa xóm cũ và cảm thấy thương mày ghê gớm

Xóm của mình nhỏ, người nọ biết chuyện nhà người kia rõ như nhà của mình. Đầu xóm là nhà của chú Tư giặt ủi, ở bên tay phải, nhà thím Cây ở bên tay trái, cái nền nhà này cao hơn nhà chú Tư Giặt Ủi cả thước, lại còn có bờ tường xi măng, ở trên giăng giây thép gai. Mỗi lần đạp xe đạp ngang qua cái truông hẹp giữa hai nhà, nếu lỡ nghiêng tay lái té xuống là đụng vào tường xi măng, không trầy đầu gối cũng sứt gót chân. Tao thì mới tập lái xe đạp, mỗi lần đạp qua truông cứ sợ bị té, mà trong bụng đã sợ bị té thì thế nào cũng té thật. Đi xê vào trong chút nữa bên tay trái, tiếp theo là nhà của con Rợ, nó có thằng anh tên Mọi nhưng 2 anh em nó không giống mọi rợ tí nào cả mà đẹp như Tây lai, má nó cũng đẹp lắm mặc dù lúc bấy giờ bà có nét khắc khổ, cau kính. Mẹ con con Rợ ở cu ky có một mình, ba nó đang ở với bà vợ nhỏ. Má con Rợ là thím Chút, bà ho quanh năm suốt tháng, ho sù sụ, ho đến nổi cả xóm từ đầu ngõ, đến cuối ngõ đều nghe, bà hút thuốc liên miên. Bên tay phải là nhà của chú Chín Xích Lô. Chú này có 2 vợ, bà vợ chú đang sống tại nhà này là bà nhỏ. Giữa xóm là nhà mày rồi nhà anh chị Hữu, nhà chị Lệ và nhà tao. Sâu vào một chút là nhà chú Năm Rồ có hai vợ. Bà vợ lớn gọi là thím Năm, bà vợ nhỏ được gọi

là cô Bảy Ngọng, lếch vào trong là nhà chú Tôn ba của anh em con Chèo, nhà con Luận, nhà anh chị Bông-Công Giáo và một con đường nhỏ đi tắt đến nhà thờ. Nhà thờ nằm gần trường trung học tư thục Đặng Đức Tuấn .

Vì chòm xóm ở san sát quá gần, nhịp sinh hoạt hàng ngày của nhà này nhà kia đều biết rõ; vì vậy, khi nhà mầy có nuôi con chó xù nho nhỏ là cả xóm biết liền. Thế là người lớn bàn tán nhà mầy cu ky có 2 mẹ con, còn bày đặt nuôi chó, có người nói con chó đi lạc vào nhà mầy, chắc nhà mầy sẽ được khá hơn vì cho rằng “mèo vô nhà thì khó, chó vô nhà thì sang”. Mặc cho người lớn bàn tán như thế nào, nhưng tội tao: con Luận, con Rợ, thằng Mọi, con Chèo và cả những đứa con của anh chị Bông và đám con của anh chị Hữu cũng khoái con nhỏ tên Lulu của mầy quá trời, chả cần biết má mầy mua, hay bắt nó ở đâu, hoặc của ai cho!

Tội mình lúc ấy còn nhỏ đều học tiểu học, mấy anh chị lớn trong xóm có người mới thi đậu vào trường trung học, ai đậu vào học trường công Nguyễn Huệ, ai rớt học trường tư Bỏ Đề hay Đặng Đức Tuấn.

Những “biến cố” của từng mỗi gia đình tới bây giờ tao chắc mầy cũng như tao đều nhớ rõ. Ba của thằng Mọi và con Rợ thỉnh thoảng về nhà thăm và sau mỗi lần thăm, má con Rợ lại có về câu kính hơn, ho nhiều hơn và hút thuốc cũng nhiều hơn .Con Rợ lại không được đi học cao, mới tới lớp nhất, lúc nó được 15 tuổi là ba nó bắt nó gã chồng, thằng này tên Minh hơn nó đâu 7, 8 tuổi gì đó. Chẳng biết nó vui hay buồn vì con Rợ ít nói và hiền lành. Gia đình con Rợ trước kia ở Đà Lạt vì vậy trong xóm nói hèn gì da của mẹ con con Rợ trắng như trứng gà bóc vì ở xứ lạnh sương mù và ăn rau trái nhiều, chẳng biết có đúng hay không. Một lần ba nó đem bà đi ghê về, lúc ấy bà đi ghê mang thai, cái bụng đã vượt mặt, má nó phải tiếp và hầu hạ cả ba nó lần bà đi ghê nên sau khi ba nó đem bà đi ghê đi, mẹ nó buồn phiền đau liệt giường cả tháng.

Chú Năm Giặt ủi thì có mẹ già tên cụ U (có lẽ chú Năm, người Bắc gọi mẹ bằng U thành ra trong xóm gọi cụ là cụ U chẳng ?), cụ U và thím Năm, mẹ chồng, nàng dâu cãi nhau chí chóe, chú Năm không dám bình ai, bỏ ai, nhiều khi bức quá vì hai bà chẳng ai nhịn, một bà cho rằng con trai thương mình hơn vợ nó, bà kia nghĩ ai mà không bên vợ mình hơn chồng, chú bức bội quăng hết mấy cái bàn ủi vô lò than đang bốc hơi nóng hùng hục, ra trước sân hút thuốc một mình. Thế là mẹ chồng, nàng dâu vội vàng đi tìm que,

tìm gậy, lôi mấy cái bàn ủi ra, hừ chiền tạm thời để ông chồng, ông con quay lại ủi kiếm tiền mua gạo! Chú Năm mà đình công thì cả nhà cha mẹ, 5 đứa con và cụ U phải nhịn cơm mà thôi vì cả nhà chỉ trông vào sức giặt ủi của chú.

Chuyện nhà chú Chín Xích Lô thì cũng khá ly kỳ, lâu lâu chú về cầu Đà Rằng thăm bà vợ lớn, khi trở về thể nào cũng có màn chú ngủ ngoài hiên, thím Chín không cho vô nhà vì ghen ngược. Khi mới bắt đầu gây sự, chú Chín- Xích- Lô ráng nhịn, cười hề hề, nhưng khi thím Chín lồng lộn lên, nói năng hỗn xược là chú Chín tức mừng ngồi dậy, vác đòn gánh gánh nước của thím, rượt thím chạy có cờ quanh xóm. Cả xóm lại được coi một tuồng kịch sống.

Có lẽ xóm mình một ông hai vợ hơi nhiều, nhưng ít ông nào được ở cùng một nhà với cả 2 bà vợ như chú Năm Rõ. Ai cũng nói chú Năm mặt rỗ nhưng đẹp trai vì vậy cả 2 bà đều mê. Thím Năm lớn gánh nước thuê, thím gánh nước mướn cho hầu hết tất cả người trong xóm, ngoại trừ nhà mây và nhà con Rợ, nhà con Rợ có giếng nước riêng còn nhà mây có lẽ nghèo nên mây phải tự gánh lấy. Có nhiều bữa thấy mây gánh nước oằn vai, anh tao tội nghiệp gánh cho mây đỡ vài thùng.

Thím Năm ốm yếu, mái tóc búi lệch qua một bên, chân tay đung tới nước hòaai nên bị loét. Ai cũng biết thím ghen, nhưng không dám nói vì chú Năm Rõ rất dữ, nói đánh là đánh liền. Một vài lần hăm dọa tự tử, chú Năm Rõ đã không sợ, còn thách, thím Năm Lớn biết mình thất thế thôi ngậm bồ hòn làm ngọt nhìn bà nhỏ là cô Bảy Ngọng tay đeo vàng sáng chói, và lúc nào cũng xách một túi len đan áo, đan vớ thuê, ngay cả lúc đi đánh bài tứ sắc thím cũng mang túi len theo. Nghe nói thím đậu chếnh “cơm gạo” nghĩa là chỉ có cửa ăn chứ không có cửa huê, đừng nói chi cửa thua. Chú Năm cũng đập xích lô như chú Chín Xích Lô, nhưng nghề chính của chú là nghề đánh bài như cô Bảy Ngọng, vậy mới tài. Có khi cả chú Năm Rõ và cô Bảy Ngọng đi “đánh bài cặp”!

Gia đình anh chị Hữu thì cãi nhau cũng như cơm bữa. Anh đi lính địa phương quân. Anh cao lồng không trong bộ đồ lính. Nghe nói anh được nhiều cô mê lắm, chị Hữu nói “tụi nó mê cái lon của anh”, anh được lên trung sĩ khi chị sanh đứa con thứ 3. Anh chị có tới 6 đứa con, đứa chưa thôi nôi, đứa lòi đầy thánh. Anh chị cãi nhau hà rầm, mới đánh nhau u đầu sút trán, mười phút sau im lặng như tờ, hàng xóm buộc miệng, “chín thánh sau thể nào cũng có

một đứa con ra đời” vì anh chị đã “hòa đàm” sau “chiến tranh” rồi, mà y như vậy. Chị bán chè đậu xanh, mỗi ngày bán không hết chị gánh về xóm bán rẻ cho bà con ăn lấy thảo. Mạ tao lúc nào cũng mua 2 chén cho anh em tao, và thế nào tao cũng vác chén chè đi gặp mầy để hai đứa ăn chung và chơi chung với con Lulu, nó cũng được liếm láp vị ngọt của chè quanh miệng chén.

Nhà con Luận ở hơi khuất phía sau và hơi nhếch lên phía trên gần đồn lính, sau này tiểu khu mở rộng thêm, nhà nó phải dời đi nơi khác. Khi còn ở trong xóm mình, chắc mầy cũng còn nhớ tiếng heo kêu trong xóm, vì ba má con Luận làm nghề giết heo. Ai cũng nói làm nghề này ác đức lắm và khi chết thì kêu như heo?! Tao chỉ nhớ mỗi lần nghe tiếng heo kêu giẫy chết là tao với mầy đều sợ hãi nhất là khi con Lulu cũng sủa vài tiếng thật to. Làm heo xong, má nó đi ra chợ bán và để sỉ lại cho người ta. Những người mua đi bán lại có thím Tôn.

Hàng xóm ngoài mua món chè ế chợ của chị Hữu, còn mua thịt heo ế của thím Tôn và em chồng của thím là thím Lựu. Gia đình chú Tôn người Huế. Chú Tôn đạo Phật, nhưng gia đình thím Tôn công giáo. Tới mùa Noel, năm nào anh em con Chèo cũng làm hang đá và giăng đèn trong sân rất đẹp. Có lẽ nhà chú Tôn là căn nhà đẹp nhất trong xóm, có hòn non bộ, có tiên ông, tiên bà, có chim, có cá được chú chăm chút tỉ mỉ chăm sóc, không có đứa nhỏ nào bén mảng tới gần hồ mà không bị chú mét với má của chúng. Mầy nhớ có lần tao với mầy thấy chú lui cui bên hòn non bộ cả ngày, mình làm gan đến gần hàng rào nhìn vô, chưa chi đã bị chú la lên với giọng Huế khó nghe vì toàn dấu nặng. Tao là người Huế nghe còn chưa ra, huống chi mầy là người Tuy Hòa, mầy hỏi tao sau khi chạy trốn chết vô nhà: “chú Năm nói gì dzậy?”, tao giải thích “Chú nói tao mét mạ mi, mạ mi giết đầu”, mầy hỏi thêm: “giết đầu là giết sao mậy?”. Nhưng có lẽ con nít tụi mình trong xóm mê nhất là cái hang đá bằng giấy bồi của anh em con Chèo làm. Giống y như hang đá thật, có tượng Đức Mẹ, Thánh Giu-Se, Tượng Chúa Hải Đồng, tượng mấy con trầu và trước hang là tượng ba vua. Cả vườn nhà chú sáng choang trong mùa Giáng Sinh, con nít thập thò ngoài cổng chỉ trỏ không dám vào. Đôi khi chú vui, ra đầu cho tụi nhỏ vào nhìn ngắm.

Mùa Noel tụi mình thiệt vui, tuy trong xóm phần đông nhà đạo thờ cúng ông bà hoặc đạo Phật, ít đi đến chùa như người công giáo đi nhà thờ thường xuyên. Mỗi lần Noel, nghe tiếng chuông từ nhà

thờ vọng lại lòng tui mình cũng thấy nao nao. Tui mình thường hay nhìn ngắm những đứa con nít mặc quần áo đẹp, đôi khi hóa trang làm thiên thần, mặc áo đầm trắng, trên đầu đội vương miện có gắn hột đá lấp lánh như kim cương đẹp ời là đẹp, mấy đứa nhỏ này được nắm tay ba mẹ, và họ cũng bận những bộ quần áo sang trọng, lịch sự đi “Xem Lễ”, họ băng ngang qua con đường tắt của nhà anh chị Bông-Công-Giáo, sau này thấy người ta cứ nườm nượp đi từng đoàn xâm nhập bất hợp pháp sân sau của mình, anh chị làm một hàng rào kẽm gai, vậy là tui mình hết được ngắm người ta đi nhà thờ cũng buồn. Mà, tao mà mấy đứa nữa cũng rủ nhau đi xem đèn Noel, xem người ta mặc đồ đẹp, xem văn nghệ Noel ở trên nhà thờ

Nhưng “biến cố” quan trọng nhất trong xóm đối với tui mình, và nhất là đối với mây, thì không biết dùng từ ngữ gì cho đúng, mây bị mất con chó ngay đêm Giáng Sinh, mà người lấy mất không phải ăn trộm, không phải người lạ, mà chính là ba ruột của mây! Đêm Noel đó, mây và tao vừa được chú Tôn cho vào sân xem cái hang đá mà anh em con Chèo cho biết là đẹp hơn bao giờ hết vì chú Tôn đã đi mua thêm những bóng đèn chớp rất mắc tiền tận mãi Nha Trang. Đang xem thì mây nghe tiếng má gọi về có vẻ cấp bách, chỉ vài phút sau cả xóm đều biết ba mây tự nhiên về thăm mẹ con mây đêm Noel. Ông đến thăm không mang quà cáp cũng không đem lại niềm vui và hạnh phúc nào cho mây và bác gái, trái lại, ông đã mang sự buồn phiền mà mất mát lớn lao cho người vợ và đứa con khôn khổ bằng cách là bắt mất con chó nhỏ Lulu yêu quý của mây!

Khi Ba mây đi rồi, hàng xóm nghe tiếng khóc của mây và của bác gái, vội đến nơi để tìm biết tự sự thì mới hay ba mây xin con chó để làm quà cho đứa em khác mẹ của mây trong ngày Noel vì ông không có tiền mua quà cho nó! Thật là tàn nhẫn! tao nhớ hai đứa mình đã ôm nhau khóc vui! Sau này khi lớn khôn, mỗi lần nhớ lại, tao đều tự hỏi tại sao trên đời lại có người nhẫn tâm như ba của mây được!? Tao nhớ mây vừa khóc vừa kể lể. Con chó không chịu đi theo kẻ lạ, ba mây lôi đi không được phải bế nó trên tay, nó đã nhảy xuống trốn sau lưng mây, nhưng ông đã giận dữ lôi nó một cách thô bạo, con chó rên ư ử... rồi mây khóc nức nở, ai cũng khóc theo. Bác gái ngồi khóc lặng lẽ ở chân giường. Ai cũng lắc đầu ngao ngán.

Nhưng thôi, tao xin lỗi đã khơi lại nỗi đau của mày mấy chục năm về trước. Tao biết vết thương lòng của mày chưa bao giờ bớt mừng mủ và tao cũng biết mày rất thương chó, nhất là loại chó xù như con Lulu.

Tao lấy tấm hình của mày chụp với con Lucy mày gởi qua trong mùa Giáng Sinh năm ngoái mới thấy là nó giống con Lulu thật, thảo nào mày thương nó quá chừng! Tao cũng thương mày quá! Tao lại nhớ đến hoàn cảnh đơn chiếc nơi miền đông buốt giá mày ở. Mày lập gia đình đã hai lần, hai lần đều đổ vỡ, và cả hai đều không không để lại cho mày một giọt máu nào và có lẽ đó cũng là lý do hôn nhân của mày bị gãy gánh giữa đường. Lần sau cùng tới nay cũng đã 5 năm, mày vẫn cô đơn một mình và từ chối không muốn di chuyển về đây với tao.

Mày có kể gặp lại con Chèo ở California, năm nay nó cũng đã lục tuần, mày kể nó vẫn nhận ra mày, tao quên hỏi mỗi năm đến mùa Noel, nó có nhớ cái hang đá anh em nó làm hay không và nó có nhớ đến những đứa con nít như tội mình sấm soi thềm thường nhìn ngắm những bóng điện lấp lánh như hào quang trên khung cửa của hang đá năm xưa không? Vân ơi! nhớ làm sao mùa Noel của thời niên thiếu! Và nhớ làm sao con chó nhỏ tên Lulu của tội mình năm xưa!

Thu Nga



Thu Nga

Lá Thư Không Gửi

Hải thân!

Nhận được thư mày vào một ngày trời lồng gió tháng Tư, thơ của mày làm cho tháng Tư đen của tao, của một người Việt lưu vong, càng buồn hơn. Cái lạnh còn rớt lại của mùa đông, không lạnh bằng cái lạnh trong tâm tư, trong trái tim, mỗi khi nghe đài phát thanh, đài truyền hình hay báo chí Việt Ngữ nhắc lại những ngày di tản nhốn nháo, những hình ảnh vượt biên, vượt biên đầy kinh hoàng. Những người vượt biên bằng đường bộ thì không có hình ảnh, nhưng hình và phim của những con thuyền mong manh đi tìm cái sống trong cái chết, như ngọn lá trôi theo dòng thì có rất nhiều.

Mỗi lần nhìn những hình ảnh này, tao lại thắc mắc, bây giờ những người trên những chiếc thuyền ấy đang ở đâu, cuộc sống của họ ra sao? Con cái của họ như thế nào? những đứa bé con trong những hình ảnh đó bây giờ chắc đã lớn khôn, có gia đình và những thuyền nhân đó, có nhớ đến những con giông tố của những chuyến vượt đại dương cam go không? Còn những người lớn, những người già còn hay mất? Và bây giờ, dầu không chờ, không đợi, tháng Tư lại về và nỗi đau, dầu ba mươi tám năm trôi qua, vẫn còn hiển hiện, vẫn còn mưng mủ bên dưới mỗi trái tim- dầu hoàn cảnh đưa đẩy có tô son, thếp vàng lên trên mặt da nổi.

Hải thân! Cách ngôn tây phương có câu “cuộc đời giống như cuộn giấy vệ sinh càng tới cuối, càng chạy nhanh hơn” quả thật không sai. Khi còn nhỏ chúng ta mong lớn nhanh để được làm người lớn, nên thời gian có vẻ như chạy chậm, nhưng khi lớn rồi mới hối tiếc thấy tuổi xuân trôi quá nhanh mới thấy rằng không có cách gì ngăn cản thời gian cho bớt tốc lực đi được và tuổi già đến một cách thần tốc; soi gương thấy thời gian vẽ lên mặt, lên cổ, lên tay, những lần ngang dọc, nếu may mắn không có nhiều dấu thời gian thì thân thể cũng ê ẩm, chân tay cũng chậm chạp hơn lúc còn trai trẻ.

Cũng vì thời gian chạy nhanh hay chậm, ngắn hay dài tùy theo tâm trạng, hoàn cảnh nên năm nay những người ở lứa tuổi sáu mươi trở lên thấy ngày ba mươi tháng Tư hình như về quá nhanh, càng ngày càng nhanh, vì mới đó mà đã ba mươi tám năm trôi qua, kể từ khi miền bắc cưỡng chiếm miền Nam! Mà có nhớ đứa con út của tao, lúc ấy mới có hai tháng rưỡi bây giờ đã là một người bắt đầu đi vào tuổi trung niên -nếu mình tính cuộc đời là sáu mươi năm- cháu đã có vợ ba năm rồi, nhưng chưa muốn có con. Còn đứa lớn nhất lúc ấy đã tám tuổi, đứa thứ hai bảy tuổi, đứa con gái thứ ba, lúc ấy bốn tuổi, đứa nào, đứa nấy đều có gia đình. Những đứa cháu bây giờ đã lớn hơn cha mẹ chúng khi mới qua Mỹ và tóc những đứa con của tao cũng bắt đầu đã có vài sợi bạc. Tao bây giờ đã có tới bảy cháu, cả nội lẫn ngoại!

Mày lại nhắc đến những người bạn của mái trường trung học làm tao cũng nhớ quay quắt những hình bóng trong dĩ vãng. Có lẽ những người ở vào lớp tuổi của tụi mình thì thời gian học trung học là khoảng đời thơ mộng nhất, vui nhất, hạnh phúc nhất. Mày hỏi có khi nào tao gặp những người bạn cũ hay không? Tao chỉ gặp được trong hình mà thôi khi trường Nguyễn Huệ của mình có những đại hội. Tao vì hoàn cảnh bận rộn quá, nên không tham dự lần nào cả, tuy nhiên lại được xem những hình ảnh họp mặt trên các trang web, hay trong các email chuyển tay nhau. Tao cũng biết dạo này ở Việt Nam mày cũng nhận được email nếu mày có ghi danh trong danh sách học sinh Nguyễn Huệ, hay mày cũng có thể vào website của trường. Mày có nhắc đến tên anh N. và hỏi anh ấy giờ ra sao, tao có tin tức gì không? Thú thật với mày, thỉnh thoảng bóng người xưa và những kỷ niệm cũng hiện về đầy ắp, nhưng tao chưa một lần nào nhìn thấy anh bằng xương, bằng thịt hay cả trong hình- mà theo những ghi chú của nhiều tấm hình chụp chung, tao cũng không hề nhìn thấy tên anh. Còn người yêu mày yêu thầm nhớ trộm, mặc dầu lúc ấy mày chối leo leo, thì tao lại thấy trong hình. Mày muốn biết anh giờ ra sao và vóc dáng thế nào hả? Mày muốn biết không? Nếu không có những lời ghi chú thì tao không thể nào nhìn ra anh H. được! Tao nhớ lúc xưa, tóc anh dày và chải bông bông cũng như N., nhưng bây giờ thì tóc anh lơ thơ trên vàng trán hói, anh lại mang đôi kính cận khá dày, anh không có dáng dấp gì là một anh chàng điển trai mà đã làm cho tim mày xáo trộn cả! Và tao cũng được biết anh đã bị ở tù Cộng Sản mười năm vì anh là lính pháo binh! Tao nói thật đó! Thôi thì cứ giữ mãi hình

ảnh hồi xưa của anh cho đẹp, chắc mày không muốn mất đi hình ảnh thần tượng của mày đâu. Còn những người bạn khác thì cũng vậy, nếu không có ghi chú tên, lớp thì tao chẳng nhận ra được ai cả. Khi đọc tên, nhìn kỹ hình mới nhớ thấy hao hao giống hồi xưa. Phần đông dung nhan họ tàn tạ hết, lớp thì thời gian đã quá dài và trước đó phần đông đi tù, những người bạn gái của chúng mình thì vừa phải đi thăm nuôi chồng, vừa buôn chài bán buôn nuôi con, nên ai nhìn cũng hom hem, còm cõi, những ai qua sớm thì nhìn có vẻ khá hơn đôi chút!

Thời gian thật là tàn nhẫn, nó giết chết tuổi xuân, giết chết nhan sắc không thương tiếc phải không Hải. Những người bạn của tụi mình một thời là những hoa khôi đã làm cho bao trái tim tan nát, trong đó bạn học cùng lớp cũng có, các anh học nhiều lớp cao hơn cũng có và trong số những người trồng cây si, cũng có những giáo sư nữa. Tao nhớ con M., nó được thầy H. giáo sư Pháp văn, đề mắt tới nhưng M. đồng thời cũng được một chàng trong lớp là T. theo đuổi, thế nhưng T. nhận biết thân phận học trò của mình lại càng không địch nổi với ông thầy vừa tài ba, hào hoa, vừa gia thế hơn nên T. lặng lẽ bỏ đi xứ khác, nhưng cuối cùng con M. lại lên xe bông với người khác, là một anh Không Quân, làm thầy H. nghe nói cũng phải bỏ Tuy Hoà, về Huế trở lại và nghe nói đã bị giết trong Tết Mậu Thân bởi Việt Cộng lùng bắt quân dân cán chính miền Nam, không biết họ giết làm thầy, hay có người thù oán gì với thầy rồi chỉ điểm cho Việt Cộng. Tao nhớ lúc đó nghe tin, mắt con Mai đầm lệ, bạn bè ai nấy cũng nghẹn ngào.

Trở lại với hình ảnh, tên tuổi của những người bạn trong những tấm hình, tao còn thấy con Q. một thời nhan sắc nổi tiếng tại Tuy Hòa! Mày không thể tưởng tượng nổi đâu! Nếu gặp nó ngoài đường, chắc chắn tao không có cách gì nhìn ra nó được. Tao thấy hình chị Ch. Khi nhìn thấy tên xong, tao nhìn đi, nhìn lại hình chị thì có thấy những nét xưa kia ở khoé mắt, nụ cười nhưng những nét khác thì đều không thể tưởng tượng được. Nói về những người khác như thế, không có nghĩa là tao trẻ hơn họ đâu Hải ạ. Nhiều khi tao không dám nhìn vào trong gương, tao cũng như bạn bè của tụi mình vậy thôi, thời gian không tha cho ai cả. Tao biết mày khen cho tao vui thôi. Tao cảm ơn mày đã gởi hình của mày và ông xã, tao để ngay trên bàn làm việc, cứ xem đi, xem lại hoài.

Thơ của mày, tao cũng đọc đi, đọc lại nhiều lần. Mày lại hỏi tao câu hỏi như anh tao vẫn hằng hay hỏi khi anh còn sống, là

chùng nào tao về thăm quê hương? Mày tả quê hương đẹp lắm, và ví von “quê hương là chùm khế ngọt” sao tao không về thăm và nếu có thể bảo con cháu của tao về xây dựng lại quê hương!? Câu hỏi này khó trả lời. Khi anh tao còn sống tao cũng trả lời với tính cách câu giờ, cho đến khi nhận được phone nhắn, anh đã qua đời thì tao mới tức tốc mua vé máy bay trở về, nhưng dĩ nhiên không được nhìn thấy mặt anh lần cuối- Lần tao về, nghe nói mày không có nhà vì theo chồng ra Bắc thăm gia đình- Chắc mày nhớ anh N. của tao phải không? Ông anh nghiêm nghị ít khi cười của tao, tao sợ cây thước kẻ của anh còn hơn sợ cây roi của má tao. Cuộc đời ngang dọc của anh đã kết thúc thể thảm với bệnh gan. Mày cũng biết ở Việt Nam làm gì có tiền chạy chữa những cái bệnh nan y. Tiền tao gởi về cũng như nước muối bỏ biển vì gia đình anh con cháu đầy nhóc, số tiền chia đều thì cũng chỉ giúp đỡ tạm thời. Lúc bệnh anh trầm trọng, anh cũng viết thư nói sơ qua, nhưng lại kể “anh đang uống thuốc nam, khá lắm”. Hải ơi, khi tao về, tao mới biết những thuốc nam anh nhắc trong thư là lá đu đủ, hay những loại lá rừng, hay xác những con rắn phơi khô... toàn là những thứ uống để cầu may mà thôi. Anh đã qua đời trong đau đớn.

Mày biết tao chỉ có một người anh duy nhất, nhưng tao không về thăm vì tao ghét và thù Cộng Sản vô cùng! Chúng nó là nguyên nhân làm cho người dân phải bỏ xứ ra đi, bỏ lại bao nhiêu người thân kẻ thuộc, nên tao thể nhất định không về khi còn chế độ Cộng Sản! Vì thế, khi anh hỏi chùng nào tao về, tao chỉ nói lửng lơ, khi xưa má tao cũng hỏi hoài câu đó, thế mà tao đã bất hiểu không về để nhìn thấy mạ, thấy anh trước khi những người thân yêu nhắm mắt. Ba tao thì chắc mày không biết đã chết ở Huế, không lâu sau khi Việt Cộng chiếm, má tao ở lại trong Nam với gia đình anh chị tao. Khi anh mất, lũ cháu đã kêu gào thảm thiết, bảo tao phải về thăm, nên tao cũng nhắm mắt làm một chuyến trở về và chỉ được dự lễ mở cửa mộ cho anh. Tao cầu mong anh biết cửa nào đi về tiên cảnh và có đầu thai, thì đầu thai vào một xứ có tự do, dân chủ, chứ đừng bao giờ đầu thai làm người Việt Nam sống dưới chế độ Cộng Sản, nó bị thảm quá! Anh bị đi tù, bị ngược đãi, bị trả thù, về sống không bao lâu thì mắc bệnh gan không thuốc chữa, con cái của anh không được đi học tới nơi, tới chốn vì là con của “ngụy quân, ngụy quyền” có bà con là tao đây, “chạy theo đế quốc Mỹ”. Tao cũng không mong Việt Cộng thương tao và được chúng gán cho danh từ Việt Kiều, hay “Khúc ruột ngàn dặm”- cũng như

mày nói trong thơ! Viết lách kiểu này, tao không biết thơ có bị kiểm duyệt và mày có bị phiền phức gì không, nhưng mày nói bây giờ chế độ đã thay đổi nhiều lắm và phố phường cũng đã sửa sang lại thật đẹp đẽ, khang trang và mày nói nếu tao về, tao sẽ không có thể nào nhận diện được những chỗ thân quen nữa!

Hải à! Dĩ nhiên là vậy rồi! Ba mươi tám năm đủ để cho nương dâu biến thành cồn cát hay ngược lại. Khi tao về dự tang lễ cho anh tao, tao đã bảo xe của đám cháu bao cả ngày, chạy xuống biển Tuy Hoà, tao thất vọng vô cùng vì đường xá, phố phường thay đổi hoàn toàn, hình ảnh biển của những ngày tụi mình đạp xe đạp xuống biển không còn nữa. Tuy biển muôn đời là biển nhưng sao biển bây giờ không giống một chút nào của biển năm xưa?! Biển vô duyên như cái chế độ vô duyên đã xoá tan đi bao nhiêu di tích đẹp đẽ của thời chúng ta mới lớn! Tao cố hình dung lại những tà áo trắng phất phơ trong gió lộng, đám nữ sinh tụi mình xắn quần, cột áo, lội xuống nước nô đùa, đám con trai tạt nước vào đám con gái cười đùa vang bãi cát trắng, có những con dã tràng nhỏ ủi đất trời lên... những hình ảnh quá khứ nhòe nhoẹt trong đầu óc chơi vơi của tao.

Tao cũng đi ngang qua ngã Năm, mày nhớ Ngã Năm không? Vì nó ngay tại trung tâm thành phố, được chia ra năm ngõ đường, ở mỗi góc đường có bán nào là nem, chả, cháo, phở, hột vịt lộn, chè, cà rem. Lũ tụi mình mê nhất là nem nướng được bán tại đây, mùi nem nướng sực nức qua không khí từ xa. Ngã Năm thì tao về sao không giống cái ngã năm của tuổi học trò chúng mình chút nào! Ngã Năm trong trí nhớ đồ sộ, sầm uất bây giờ nhìn nhỏ xíu, các tiệm quen thuộc năm xưa, giờ thay tên đổi chủ. Đổi chủ như những con đường mang tên thật xa lạ, mà tao chẳng biết những nhân vật đặt tên đường là những anh hùng liệt sĩ nào của Việt Cộng cả.

Hồi nãy giờ tao chỉ lo mải mê với quá khứ nên chưa hỏi thăm mày ra sao với người chồng chiến binh của “phe thắng cuộc”. Trước đây mày cũng có nói sơ về hoàn cảnh của mày là mày đã tìm được người chồng tốt, đầu anh ấy là cán bộ nhưng không phải là cán bộ sắt máu. Tao cũng mừng cho mày, thật ra chế độ nào cũng có người tốt, người xấu, nhưng may mắn lấy được người thuộc loại tốt trong một chế độ ác ôn thì quả thật cũng là phước đức ông bà để lại phải không Hải. Tuy nhiên chi tiết về ông xã của mày, tuy mày không nói rõ, mày bảo tao đoán đi, nhưng khi nhìn

ánh mắt, nụ cười thì tao cũng sờ khi nhận ra đó là người bạn cùng lớp của tụi mình, anh L. người đã vô bụng khi tụi mình lên lớp Đệ Ngũ! Nếu mày không viết úp úp mở mở, và cho vài chi tiết như anh đã là một trong những người bạn trai hay tặng cho tụi mình những trái me dốt, hay những trái có ngấm đường và hay làm thơ rồi ngấm nga đọc cho đám con gái mình nghe thì chắc chắn tao không thể nào nhận ra. Cũng như tao sẽ không bao giờ nhận ra đám bạn của tụi mình tại những đại hội bên Mỹ.

Cảm ơn mày đã gọi cho tao hình của gia đình mày. Mày có khoe là mới sửa mũi và mắt và nói bây giờ ở Việt Nam sửa sắc đẹp rẻ lắm, nên về mà sửa. Những đứa con của mày coi bộ cũng may mắn hơn nhiều trẻ em khác, được có xe hơi đón đưa đi học, tao đoán vậy vì cả nhà của mày chụp hình bên cạnh chiếc xe hơi và trước căn nhà khá đồ sộ. Mày trông còn trẻ lắm, chứ không ử dột như phần đông những người dân, nhất là những dân oan khiếu kiện, lồi thối lệch thẹo hết via hè nọ, tới via hè kia, hết tháng nọ, tới năm kia mà không được ai xét đến. Ông xã mày cũng có vẻ oai ra phết, à thì ra đó là anh L. tao nhớ ra lúc ấy anh ủng hộ phong trào phản chiến của sinh viên. Tao nhớ lại những bài thơ của anh, anh hay nhắc đến một xã hội công bằng không có nghèo giàu, một xã hội anh mơ ước như một thiên đàng chủ nghĩa mọi người bình đẳng! À thì ra thế! Chỉ có một điều tao tự hỏi không biết ông xã của mày có thật sự vẫn nghĩ như thế không?? Hay anh ấy hãnh diện vì đã góp công để thống nhất đất nước và đưa đất nước Việt Nam đi đến chỗ bi thảm như hiện tại mà chỉ có những cán bộ nòng cốt như anh mới được phì da ấm thân mà thôi?! Tận trong thâm tâm còn chút lương tri của loài người, không lẽ không bao giờ anh ân hận đã tiếp tay với bọn vô thần cường chiếm miền Nam, xô dân chúng vào con cảnh không nhà, không cửa, mất cha, mất mẹ, mất con?

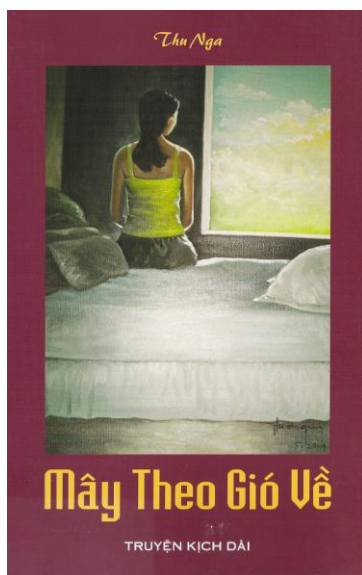
Tao quên chưa kể cho mày nghe, lần về khi anh tao mất, tao ra Huế thăm mộ mà ông bà, tao ghé lại từ đường của gia đình tao để thắp nhang, trong từ đường cũng có treo hình của bao nhiêu liệt sĩ của dòng họ tao, cũng đi tập kết hay vô bụng gì đó, tao cũng đã hỏi thăm, dưới chín tuổi họ có ân hận đã góp công cướp miền Nam của mình hay không?

Tao sẽ gọi cho mày hình những mái tranh xiêu vẹo của con cháu tao, của những vùng chỉ quanh ven đô thành, gọi là Bà Rịa để mày thấy quê hương của chúng ta sau mấy chục năm trời thay đổi

ra sao! Có thay đổi sang trọng cho những người giàu có, cho những đảng viên như anh L., ông xã của mày, còn dân chúng, trong đó có gia đình tao là một xã hội đang đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, mà con đường này là con đường ngược kim đồng hồ, là con đường đưa đất nước thân yêu của chúng ta xuống hố cả nước!

Hải thân, trong một phút xúc động, tao đã viết lung tung không đầu không đuôi và xúc phạm đến mày và người chồng của mày, nên tao quyết định lá thư này sẽ không bao giờ gửi đi. Cầu mong cho mày được bình yên với giấc mộng vàng “quê hương đã thay đổi theo đường lối tốt đẹp”, dầu sao, cũng cầu mong là như vậy!

Thu Nga





LÊ HỮU MINH TOÁN

Tiểu sử

- Sinh năm 1942 tại Cầu Hai, Phú Lộc, Thừa Thiên
- Cựu Giáo Sư Trung Học tại Phan Rang và Nha Trang
- Vượt biên tháng 4/86. Hiện định cư tại Hoa Kỳ
- Nghỉ hưu tại Houston, TX
- Hội Viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/Vùng Nam Hoa Kỳ

Sinh Hoạt:

- Có thơ đăng ở các tạp chí: Làng Vãn (Canada)
- Tạp Chí Thơ, Khởi Hành, Tân Vãn (California)

Thơ In Chung :

- Một phần tư thế kỷ thi ca hải ngoại
(Hội văn hóa Pháp Việt ấn hành)
- Trầm Hương (Bộ cũ và bộ mới)
(Do Hội Quán Trầm Hương ấn hành)
- Tạp chí Tin Vãn
(Do Văn Bút Nam Hoa Kỳ ấn hành)

Tác phẩm đã xuất bản:

- Chân dung nổi nhớ (Tiểu phẩm và CD)
- Bên nhau trong đời (CD)

Sẽ xuất bản: Trên bờ ký ức (Thi phẩm)

Lê Hữu Minh Toán
Xin tiếng cười nở nụ trăm năm

Buồn treo buồn trên nóc đèn khuya
Ta treo ta cuối nẻo trời mù
Ai nhốt gió trong từng hang động
Buồn theo ta dòng chảy ngu ngơ.

Buồn vẫn thê mà vui vẫn thê
Pha nước mắt sơn phết môi cười
Đêm trầm uất cơn trùng kẻ lẻ
Chuyện nhân tình đen trắng dài bơi.

Xin đổi mặt tang thương vỡ nát
Ném oan khiên soi nửa mặt trời
Gom vốn liếng một đời gạn đục
Đốt hư hao bày biện cuộc chơi.

Mây vẩn vũ đèn dầu sắp cạn
Soi bóng đêm thấu suốt tim người
Hồn thao thức nát nhàu tâm cảm
Chuyện vui buồn khoảnh khắc thể thôi.

Cơn sóng vỗ men đời ủ kín
Góc thời gian khép mở từng ngăn
Giây phút cuối bao điều bịn rịn
Xin tiếng cười nở nụ trăm năm.

Chỉ là hạt bụi

Ta đứng chênh vênh
Như hòn đá cuội
Ôm bóng và hình
Lăn theo triền núi

Vết hằn đau mãi
Trên thân phận người
Niềm đau chín tới
Buốt lạnh bờ môi

Đường xa vời vợi
Một chuỗi ta bà
Cánh gió chiều tà
Lệch vùng tóc rối

Ta mãi trườn theo
Những bong bóng nước
Trôi nổi bọt bèo
Làm sao níu được

Mộng cũ lên men
Trắng già hấp hối
Lần mò bóng đêm
So vai gượng dậy

Trăm năm phút cuối
Đốm sáng lượn lơ
Thà như hạt bụi
Chìm khuất trong mơ

Chỉ là hạt bụi
Tan vào hư vô.

Hí lộng

Chữ nào là chữ người ta
Cõi nào là cõi ta bà nữa đây
Thôi đừng hí lộng múa may
Buông câu lục bát
Như say như cuồng.

Lạ

Thiệt tình
Tôi mãi tìm tôi
Soi gương lạ mặt
Nhìn hoài chẳng ra
Hay là
Người lẫn với ma
Cái tâm vong động
Cái tà
biến
thiên.

Cõi tạm

Tôi
Là tôi
Chẳng phải tôi
Chỉ là
Hạt bụi giữa trời vùn xoay
Chỉ là
Nương tạm thân này
Rong chơi một thoáng
Xuôi tay
Nhẹ hều...

Lục bát tứ tuyệt

Trí nhớ đổi màu

Đếm buồn
Trên dấu vân tay
Nửa đêm nhóm lửa khói bay thành sầu
Ô HAY!
Trí nhớ đổi màu
Trăm con dốc đứng
Chạm đầu
Ăn năn.

Hát thơ

Đưa môi ngâm hạt E và
Ngọt chua trái cấm
Đậm đà hương thơm
Bỗng dưng
Lạc mất trí khôn
Ta đi ngất ngưỡng khật khùng hát thơ.

Nửa giấc chiêm bao

Ngày trôi
Lơ đãng lừng khùng
Ta ngồi bó gối trông chừng
Tim đau
Lạ gì nửa giấc chiêm bao
Mà phơi tiềm thức
Nghêu ngao một mình.

Vọng không

Trăng già ôm kín vạt khuya
Vòng quanh ký ức
Mộng xưa
Òa về
Dặm xa nẻo khuất bờ mê
Dòng mưa rót nhạc
Thơ về
Vọng không...

Hư ảo

Hoàng hôn đi rất chậm
Một ngày rồi cũng qua
Vẫn còn vương chút nắng
Trong bóng đêm nhạt nhòa.

Quanh ta tường vôi trắng
Đời mình cũng trắng tay
Căn phòng giờ tĩnh lặng
Nổi quạnh hiu giăng đầy.

Người về cuối chân mây
Bóng trắng mờ khuất nẻo
Tan giấc mộng giữa ngày
Tiếc thương chi ngóng đợi.

Ta dư thừa nỗi nhớ
Người dư thừa đối gian
Nên cuối đường trắng vỡ
Xa nhau cũng ngỡ ngàng.

Người gọi ta bất chợt
Lời trần tình nỉ non
Trò chơi giờ tan cuộc
Khóc mà chi, muộn màng.

Cuối cùng một cuộc tình
Chỉ còn là hư ảo
Thôi thà cứ lặng thinh
Vội nỗi buồn cao ngạo...

Chân dung nỗi nhớ

Ta đưa lên bàn cân
Mấy trắng tàn trắng rữa
Hỏi ta đôi ba lần
Trắng nào ta chọn lựa.

Đừng bắt ai ngồi đếm
Từng vũng trắng rã rồi
Để yên ta tìm kiếm
Vết son hồng trên môi.

Em hiện về đây ly
Bọt bia màu trắng đục
Quanh ta chẳng còn gì
Ngoài tiếng buồn khô khóc.

Hồn ta, con nước cạn
Trăm nhớ với nghìn thương
Bốn phương đều hạn hán
Chờ em, cơn mưa nguồn.

Khói thuốc vẽ đường mây
Lượn là quanh trí nhớ
Hơi men vẽ tiếng cười
Xập xình cơn túy vũ.
Ta say rồi, say rồi!
Nói năng chi cũng vậy
Em giờ quá xa xôi
Ta buồn như thê đây.

Ta không là họa sĩ
Vẽ chân dung người đời
Ta chỉ là cuồng sĩ
Vẽ nỗi nhớ mà chơi...

Phiên khúc mùa Xuân

Vật nằng giao mùa hong khô tóc rối
Từng cánh Mai vàng rớt nhẹ lời đêm
Mùa Xuân đi qua sâu thương vời vợi
Tiếng khóc chim Uyên mỗi cánh bay tìm

Tuổi nhớ

Khói thuốc giăng mây nhuộm vàng trí nhớ
Trên đỉnh sa mù vắt vương vay say
Giọt lụy nửa đời đông đưa phiên khô
Tuổi nhớ chất cao chén đắng vơi đầy...

Gió tương tư

Ngắt một nụ buồn căng tròn giấc ngủ
Đêm gió tương tư trên phiên lựa mềm
Một ráng cầu vòng mời em qua đó
Cánh Vạc bay rồi em ở đâu em.

Vọng tưởng

Khoảng trống bênh bồng màu đen dụ vợi
Năm ngón tay thon tuyết trắng vô ngần
Cánh công dân cao theo hồi chuông đổ
Con dóc đuôi dài mặc niệm sâu riêng.

Tiến nhau

Chuyến xe cuối ngày nhìn nhau cầm nín
Đưa tiễn nhau đi chết tím nửa hồn
Trong mắt em đen vô vàng bịn rịn
Chân bước ngập ngừng trái khoả chon von...

Giỡn Bóng

Giữa khuya
Đất bóng dạo chơi
Ngó quanh chợt thấy đất trời cháy đen
Chao ôi!
Tịch lặng cô miên
Ta co chân
chạy
Bóng mình rượt theo...

Vết Bầm

Phân vân nửa ở nửa đi
Chân đời ẩn mặt
Môi thì chìm câm
Nắng mưa
Chải ngược mê trầm
Dấu đi hay ở
Vết bầm còn nguyên.

Xuống núi

(Cảm phục cách sống chọn lựa của tiền bối Nguyễn Đức Sơn)

Từ ta
Xuống núi bỏ rừng
Xuôi về phố thị
Lạ
Từng bước quen
Ở ta lạc mất tuổi tên
Ngu ngơ giữa chợ
Truy tìm ban sơ...

Răng chừ

(cảm hứng từ “Răng Chừ” của Yên Sơn)

Răng chừ ngày tháng qua mau
Chút se sắt lạnh con đầu trái mùa
Đèn khuya nghiêng ngả gió lửa
Mình ta với bóng đôi bờ quạnh hiu

Răng chừ núi cũng buồn thiu
Cây khô nước mắt chim kêu lạc bầy
Hoàng hôn đậu giữa chân mây
Nhớ ơi! Khói bếp hương cay quê mình...

Răng chừ bạc kiếp phù sinh
Nổi trôi phiến ngọc khối tình Trương chi
Mịt mù sông nước chia ly
Bên tê khuất bóng bên nî xa hình

Răng chừ chân bước gập ghềnh
Tròn tay ôm giữ suối tình lênh dên
Ta ngồi gọi nắng bình minh
Mặt trời chừ đã ẩn mình phương mô?

Răng Chừ

Răng chừ ngày tháng đông đưa
Răng chừ sớm nắng chiều mưa ngổ ngang
Răng chừ đời bổng thênh thang
Tui tương tư đứng dưới hàng me xanh
Hỏi xem giọt nắng long lanh
Tiếc thương chi đậu trên cành hoa khô.

YÊN SƠN



HUỖNH QUANG THẾ

Tên thật cũng là bút hiệu

Sinh tại An Xuyên Việt Nam

Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức- Khóa 6 Cộng Hòa

Hội viên Pen international

Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Nguyên XLTV Chủ Tịch BCH Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Nhà văn và tác phẩm

Văn Bút Nam Hoa Kỳ hoạt động đã trên hai mươi mốt năm, trong thời gian dài này, có rất nhiều văn hữu cùng chung vai hăng say hoạt động để làm nên tên tuổi của hội đoàn. Những câu chuyện cũ, những hình ảnh các văn hữu cũ giờ đây đã nhạt nhòa dưới lớp bụi thời gian, và vì tuổi tác của người viết. Để góp phần vào quyển Kỷ Yếu VBNHK 2014, xin được gởi đến các nhà văn nhà thơ nghiệp dư những chuyện hiện tại gợi ý sáng tác, như là một trong những cột mốc ghi dấu thời gian của tiến trình sinh hoạt Văn Bút Vùng Nam Hoa Kỳ.

Tiếng Việt trong sáng là đoạn văn đầy đủ ý nghĩa tránh tính cách mơ hồ như lá sâm trong chùa miếu. Hai chữ cầm bút được dùng như thói quen để chỉ viết văn làm thơ, thật ra chưa tròn ngữ nghĩa. Vì cầm bút có thể là cầm bút lập số tử vi, cầm bút vẽ bùa

trừ tà, cầm bút viết sớ cầu siêu. Ý nghĩ đi xa hơn, có người còn đánh đồng việc cầm bút biên toa liệt kê các vị được thảo với lời dặn: sắc với năm chén nước còn lại bảy phân, là cầm bút viết văn, quyền đồng y trị liệu Y Tông Tâm Lĩnh của đại danh y Hải Thượng Lãn Ông được đánh đồng là tác phẩm văn học tiêu biểu.

Sống ở hải ngoại, chúng ta muốn gìn giữ một thứ ngôn ngữ Bách Việt truyền thống, khởi từ xa xưa chịu ảnh hưởng với nền văn hóa nhà Hán Trung Hoa, luôn luôn được trau chuốt suốt thời gian trên hai ngàn năm. Chúng ta trân trọng xử dụng và thêm sinh khí mới vào ngôn ngữ Việt Nam.

Về hai chữ Tác Phẩm, từ điển Việt Nam của Lê Văn Đức định nghĩa: đồ vật, đặt để hay uốn nắn ra như sách vở, thi ca, tranh ảnh. Tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm văn chương.

. Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh định nghĩa: sách hoặc đồ họa làm ra [oeuvre].

. Từ điển Việt Pháp của Đào Văn Tập định nghĩa: oeuvre, tác phẩm văn chương, mỹ thuật: oeuvre littéraire, artistique.

. Từ điển Việt Anh của Nguyễn Văn Tạo giải thích: work [of writer, painter, etc.] Tác phẩm văn chương literary work. Tác phẩm mỹ thuật works of art.

. Qua định nghĩa của các từ điển, tiêu chuẩn chung, chúng ta đều hiểu và xử dụng hai chữ Tác Phẩm dành cho Văn Học Nghệ Thuật. Chỉ những người chưa có khái niệm chung mới ngạc nhiên. Việc này cũng giống như người Hán tộc cho là đất nước của họ nằm ngay chính giữa các nước khác, nên họ xử dụng chữ Trung để đặt tên nước. Họ cũng rất ngạc nhiên khi nghe tin trái đất hình quả cầu tròn và quay, đất nước không còn nằm giữa nữa, như đã tin tưởng từ rất nhiều thế hệ.

Những người viết văn làm thơ được gọi là nhà văn nhà thơ. Những người này sáng tạo ra tác phẩm, công việc này được gọi là sáng tác. Theo từ điển Hán Việt, chữ sáng tạo được giải thích: do không mà làm ra có, gọi là sáng tạo [créer, inventer]. Từ một chi tiết, một chủ đề, cả hai đều thuộc về tư tưởng trừu tượng, các nhà văn đã sáng tác ra truyện ngắn, quyền tiểu thuyết. Đó là sản phẩm của trí tuệ.

. Chúng ta đang sống với nhiều tự do, được dịp tiếp cận những nền văn minh tân tiến, với trùng trùng điệp điệp tư tưởng hay, mới lạ trên các phương tiện truyền thông cũng như trong sách báo. Nhờ vậy tầm mắt nhận định và thu nhận được nhìn rộng ra thế giới.

Hiểu biết sinh hoạt và trào lưu văn học nghệ thuật thế giới là điều hay, để tư tưởng theo kịp, không bị bỏ rơi lại sau nhiều thập niên, nền văn học nghệ thuật Việt nam hải ngoại mới có thể vươn lên ngang tầm mức chung.

. Sau đây là phần giới thiệu về nét tổng quan sinh hoạt của các nhà văn Âu Mỹ, để chúng ta biết người biết ta, nhận định công việc làm của chính mình.

. Những nhà văn được biết qua các tác phẩm văn chương của họ đã đến với độc giả. Họ được ưa chuộng, đôi khi được tặng danh hiệu uy tín lớn, như tại Bồ Đào Nha [Portugal], nhưng những điều này lại có thể không xảy ra tại các nước khác trên thế giới. Những nhà văn nước Bỉ [Belgique], nước Tiệp khắc [Tchèque] thiếu vắng độc giả dành phải sống lưu vong. Những nhà văn nước Ý [Italie] phải giúp vui khán giả truyền hình. Những nhà văn Thụy sĩ {Suisse} sống thận trọng ngệt thờ.

Anh Quốc. Uy tín các nhà văn bị tổn thương. Các nhà văn, ngay những nhà văn nổi tiếng, cũng phải có một nghề nghiệp để sinh sống. Đây là truyền thống từ thời nhà văn thiên tài và nổi tiếng Dickens.

. Cũng có tác phẩm *La plage* của Alex Garland với nửa triệu ấn bản, trở thành quyển sách gối đầu giường của các sinh viên Đại học.

Quyển *Train spotting* của Irvine Welsh bán chạy cả thập niên.

Ngày nay, viết văn phổ biến và thú đọc sách không còn là chuyện của người dân Anh quốc. Viết văn và nghèo khó thường trở nên những người không được ai biết đến. Giá trị văn chương và việc đền bù công khó về tài chánh xảy ra trái ngược chiều nhau. Khi khuynh hướng phổ biến tác phẩm văn chương có tính cách đại trà, chỉ còn một số ít nhà văn có thể sống còn với ngòi bút.

Phần lớn các nhà văn giảng dạy trong các trường Đại học. Những nhà văn khác trở thành nhà báo, viết bài cho đài truyền thanh, hay viết kịch bản. Những nhà văn tiểu thuyết trinh thám, tiểu thuyết gián điệp, thích hợp nhanh hơn với nghề nghiệp thứ nhì của mình. Việc sáng tác văn chương trở thành dịch vụ thương mại giữa tác giả và nhà xuất bản. Ngày nay việc xuất bản sách văn chương tại Anh quốc liên quan đến hệ thống các thư viện đặt mua sách.

Nếu các tác giả người Pháp luôn giữ hình ảnh một nhà văn trầm mặc với nội tâm, sống lẻ loi xa cách: những tác giả người Anh lại thích tỏ ra cũng giống như những người bình thường.

Pháp quốc. Ông Antoine Compagnon giáo sư văn chương Đại học Sorbonne danh tiếng hàng đầu nước Pháp, trong một cuộc phỏng vấn về vấn đề văn học, đã có ý kiến như sau: Ngày nay các nhà văn sáng tác một loại văn chương giải trí. Điều này không giúp cho họ đỉnh điểm để đề cập đến một số vấn nạn nào. Những vấn đề lớn của xã hội chỉ được ghi nhận thoáng qua. Vai trò văn học sút giảm, được chuyển sang giới truyền thông. Vấn đề chính trị hiện hữu rất ít trong lãnh vực văn học, chỉ có những người già còn lưu ý, những người trẻ không quan tâm đến. Giờ đây, sinh viên văn khoa tự tìm kiếm những sách cần phải đọc. Sinh viên không đọc sách nào khác hơn, vì họ chẳng buồn phiền mọi biến chuyển chung quanh.

Bồ Đào Nha [Portugal]. Nếu nhà văn Bồ Đào Nha luôn giữ được danh vọng về những phát biểu chính trị trong xã hội, họ cũng không thể sinh sống với ngòi bút. Người ta có thể đếm trên đầu ngón tay những nhà văn sống được nhờ tiền bản quyền tác phẩm văn chương trong suốt thế kỷ thứ hai mươi. Nhiều nhà văn phải tự tử về vấn đề tài chánh. Sự hẹp hòi hèn hạ ở đất nước này rất nhiều.

Tuy nhiên từ lâu, nhà văn một chút danh được trọng vọng và kính nể. Người ta đọc sách của họ và đón nhận vui vẻ về những điều phát biểu mang dấu ấn đặc trưng. Đất nước này đã có nhà văn Tófilo Braga và nhà văn Manuel Teixeira Gomes trở thành Tổng Thống. Người ta viết văn không phải để kiếm sống. Người ta viết tác phẩm vì là nguồn vui sáng tác của những người trí thức.

Nhà nước độc tài chuyên chế Bồ Đào Nha cấm thù nền văn học khai phóng, đã có những hành động nghịch thường với các nhà văn. Nhà nước áp đặt việc kiểm duyệt chặt chẽ nghiêm khắc trên mọi lãnh vực, nhằm ngăn chặn sự thăng tiến của người đọc. Khi người dân mua sách, những người này có cảm giác như đã thực hiện một hành động phản kháng.

Nhà văn Aquilino Ribeiro và nhà văn José Maria Ferreira de Castro rất được ưa chuộng trước cuộc chiến đã trở thành những người đối kháng với chế độ. Nhà văn Miguel Torga một trong những nhân vật lỗi lạc của thế kỷ đã tự bỏ tiền túi ra in tác phẩm, phát tán trong khả năng riêng, và không quan tâm đến việc cảnh sát tịch thu các ấn phẩm in chui.

Sau thời kỳ Cách mạng, những nhà văn như Sophia de Mello Breyner, Maria Soares tiếp tục dẫn thân vào sinh hoạt xã hội. Ngày nay việc tách rời chính trị và văn hóa được thúc đẩy bởi Manuel Alegre và Vasco Graca Moura có khuynh hướng ngày càng rõ rệt.

Việc nhà văn Jose Saramago nhận giải Nobel Văn Chương đã kích động tập thể dân chúng cuồng nhiệt vui mừng, là một bằng chứng đất nước Bồ Đào Nha nâng đỡ sâu đậm các nhà văn. Giai cấp tư sản trong nhiều ngành nghề Bồ Đào Nha ưa thích văn học, là nơi nương tựa cho những người cầm bút viết văn.

Nước Ý. Ngoại trừ những tên tuổi thật danh tiếng trong văn chương như Pirandello hay Moravia, phần lớn thành công nhờ vào những chương trình truyền hình. Nhà văn Maurizio chỉ bắt đầu sống với ngòi bút sau khi xuất hiện được chú ý trong một chương trình truyền hình.

Về phần những quyền sách bán chạy, những quyền này không phải là nguyên bản sáng tác bởi chính tác giả, mà do những nhà viết kịch bản biên soạn lại cho truyền hình. Nhận định đáng buồn là việc lạc hướng của nền văn học nước Ý những năm sau này. Khi những nhà văn đánh mất uy thế, dành một khoảng trống được lấp đầy bởi những người làm chương trình truyền hình. Họ đạt được thẩm quyền can thiệp những vấn đề trọng yếu của đất nước Ý.

Mặc dầu tất cả tác phẩm quan trọng của Alberto Moravia, Italo Svevo và của Luigi Pirandello tiếp tục được tiêu thụ, còn lại những tác giả khác đều gặp khó khăn trong cuộc sống. Một trong những khuynh hướng văn học nước Ý được xem là tàn bạo, những cây viết trẻ bức tức, sáng tác với giọng điệu gây hấn để kiếm chút gì cho phần mình. Cũng có vài người thành công với tài năng. Alessandro Baricco tác giả trẻ của quyển *Soie* và quyển *Ocean mer* với văn phong mới, lôi cuốn việc ưa thích chương trình truyền hình, và Jeune Holding được gọi mỉa mai là những quái vật xinh đẹp của nước Ý.

Trường hợp khác, gương mặt quen thuộc Umberto Eco đã tỏ ra là nhà văn thiên tài, đã gây được tiếng vang cho nền văn học Ý. Vừa là nhà văn, vừa là nhà thông thái, ông quan tâm đến vấn đề khoa học. Ông viết quyển *Bustinadi Minerva* vang danh thế giới. Những nhà văn khác đã có những tác phẩm rất hay như Antonio Tabuechi, Erri De Luca, Daniel Del Giudice, Andrea Camilleri và

Adrians Sfri với nhiều tác phẩm viết từ trong nhà tù, nổi bật nhất là quyển *Il nodo e il chiodo* [Le noeud et le clou] không được dịch ra tiếng ngoại quốc.

Hoa kỳ. Những câu lạc bộ sáng tác ấn định mẫu mực văn chương. Tại đây, viết văn là một nghề nghiệp chạy theo thời trang. Sự thành công của tác giả và kinh doanh là điều không thể tách rời.

Ông Richard Howorth Chủ tịch Tổ chức Thư viện Hoa kỳ nhận định: Từ khi văn chương tùy thuộc vào tay các nhà kinh doanh, việc sáng tác văn chương bị cám dỗ rất nhẹ nhàng. Những nhà xuất bản lớn áp dụng nguyên tắc phân loại các sách. Người ta phổ biến loại tiểu sử những danh nhân, loại sách dành cho trẻ em từ những truyện tranh vẽ nhằm cho truyền hình, và tin tức. Điều này làm suy yếu việc sáng tác văn chương đích thực. Hàng năm, khoảng năm chục ngàn đầu sách được phổ biến tại Hoa Kỳ với tổng số tiền thu được trên toàn thế giới là hai mươi ba tỷ đô-la và nhiều hơn.

Nhà viết tiểu thuyết và viết kịch bản Barry Gifford tác giả quyển *Sailor et Lula* nhận định : Văn chương không còn là một ý tưởng lãng mạn tại Hoa Kỳ. Khi tôi bắt đầu viết văn, những nhân vật mẫu mực của tôi là Jack London hay Joseph Conrad. Bây giờ những tác giả trẻ chỉ mơ ước trở thành những nhà viết kịch bản cho kỹ nghệ điện ảnh Hollywood. Những thần tượng văn học mới là những nhà văn thành công như John Grisham hay Stephen King. Ngày nay đời sống tinh thần trí thức đã mất uy thế. Thời gian trôi đi. Tại Oxford trong tiểu bang Mississippi, người ta không còn nhắc đến Grisham, Ông này có ngôi nhà trong vùng tác giả William Faulkner sinh sống và viết tại đây phần lớn những tác phẩm của ông.

Richard Howorth cho biết, chỉ còn khoảng từ năm đến mười phần trăm những tác giả có thể sống bằng ngòi bút tại đất nước Hoa Kỳ.

Ernest Gaines một trong những tác giả lớn Hoa Kỳ, da đen, có tác phẩm được giảng dạy trong các đại học nhận định : trong quá khứ, những nhà văn nhận được nhiều giúp đỡ của quần chúng và tư nhân hơn ngày hôm nay.

Việc ham muốn cuồng nhiệt học hỏi viết văn trong các câu lạc bộ sáng tác là điều hết sức thực tế tại Hoa Kỳ, mặc dầu những nhà văn không sinh sống bằng ngòi bút. Những câu lạc bộ thật danh

tiếng là những nơi đào tạo những nhà văn của nền văn học hiện đại. Nhiều nhà văn quy tụ quanh những câu lạc bộ sáng tác như tại Iowa city [tiểu bang Iowa], Missoula [tiểu bang Montana], hay Berkeley [tiểu bang California]. Tại Issoula, người ta nhìn thấy vài trăm nhà văn không tên tuổi hay nổi danh như Thomas Mc Guane hay James Crumley.

Xem qua tình trạng sinh hoạt của các nhà văn Âu Mỹ, chúng ta nhận ra chỉ có một ít nhà văn thật nổi tiếng mới có thể sống bằng ngòi bút. Mọi người đều phải có công việc làm khác để sinh sống. Các nhà văn thường sống nghèo nàn, sống nhờ vào trợ cấp xã hội, hay phải chịu im lặng để sống còn như ở Tiệp Khắc.

Tuy vậy, những tấm lòng ưa thích văn chương, những nhà văn dù không thành công, và cũng không sống bằng ngòi bút, vẫn nhiệt tình theo đuổi mộng ước của mình; nhưt là ở Hoa Kỳ, việc ham muốn học hỏi sáng tác rất cuồng nhiệt. Đây là những điều quan trọng, chúng ta cần suy gẫm, giữ vững lòng nhiệt thành với văn chương, và học hỏi trau dồi để tiến bộ trong việc sáng tác.

Người Việt chúng ta tại hải ngoại sống phân tán trên nhiều đất nước, nhiều thành phố; trong sinh hoạt cộng đồng, việc viết văn làm thơ có dịp phát triển trở lại, nhưng rất khó khăn, vì thực sự những người còn quan tâm đến văn chương viết nam chỉ là một phần thật nhỏ trong tổng số người việt tỵ nạn. Hầu hết những nhà văn nhà thơ đều lớn tuổi, đã có quá nhiều thời gian gắn bó với quê hương đất nước và văn chương.

Những hội đoàn văn học đích thực, chân chính cố gắng thực hiện đặc san định kỳ thường xuyên để đóng góp tiếng nói vào sinh hoạt chung của Cộng đồng người Việt, để góp phần vào việc giữ gìn văn hoá việt nam nhân bản nơi quê hương thứ hai. Những nhà văn nhà thơ ghi lại nếp sống thân thương xưa cũ, những sinh hoạt với bản sắc dân tộc trong quá khứ, ngày nay không còn nữa. Sách báo ghi lại nhiều thế hệ đã tranh đấu hào hùng bảo vệ, và cùng nhau xây dựng đất nước, tô thắm những trang sử độc lập, dân chủ, tự do, phú cường.

Trong sinh hoạt xã hội, có những người tốt và cũng có kẻ xấu. Những buổi lễ cầu kinh cho thân nhân vừa nằm xuống, hay cầu kinh tưởng nhớ, có những người không đặt nặng tấm lòng chân thật thành kính, họ cho chạy băng, chạy đĩa cầu kinh.

Về lãnh vực văn học, việc tổ chức sinh hoạt cũng như vậy. Có những hội đoàn văn học nghệ thuật với sáu bảy chục hội viên.

Việc góp mặt của các hội viên trong các hội hè đình đám chỉ nói lên sự hiện hữu của hội, nhưng thực chất không có sự đóng góp cho nền văn học nghệ thuật Việt nam hải ngoại. Ông chủ tịch cùng ban chấp hành viện dẫn nhiều lý do để không thực hiện đặc san định kỳ như những hội đoàn văn học đích thực, nhằm che đậy số lượng quá lớn hội viên không có khả năng viết văn, làm thơ. Và ông cũng nhằm ngăn chặn nỗ lực sáng tác của các nhà văn nhà thơ hội viên có tinh thần quốc gia dân tộc, ngăn chặn nỗ lực đóng góp tiếp nối của thế hệ trẻ. Các hội viên tự liên lạc bên ngoài để phổ biến sáng tác của mình. Vì vậy sẽ có sự giới hạn đề tài thuộc lãnh vực văn học nghệ thuật thuần túy không phù hợp với chủ trương của các báo thương mại biểu không tại các chợ thực phẩm, với những đề tài xã hội cũng bị giới hạn vì khuôn khổ, không thể nào đào sâu chủ đề.

Nền văn học nghệ thuật Việt nam hải ngoại đích thực không có môi trường sinh hoạt và phát triển thích hợp sẽ tự suy yếu và phai tàn theo thời gian. Đây là tương lai sâu xa của vấn đề, chúng ta cần nhận chân để biết cần phải làm những điều gì thích hợp.

Chuyện gian dối không phải là điều mới lạ, nó cũng đã có trong lãnh vực văn chương cổ điển Trung hoa. Đời Mãn Thanh 1644-1911- Trung hoa, bộ Ju lin wai shih viết xong khoảng năm 1750 và phổ biến lần đầu vào khoảng thập niên 1770 hay 1780, bộ Hồng lâu mộng phổ biến gần sau đó, hợp với bốn bộ đã có từ trước Tam quốc chí, Thủy hử, Tây du ký, Kim Bình Mai để trở thành Lục đại kỳ thư của nền văn học Trung hoa. Bộ Ju lin wai shih của Wu Ching Tzu được dịch sang Anh ngữ hoàn hảo là bộ The Scholar [Học giả]. Bộ sách Học giả được nổi danh không phải chỉ diễn tả chính yếu hành vi nổi bật của những nhà học giả và những nhà ngụy học giả, mà bộ sách cũng trình bày những người nam nữ tầm thường trong tầng lớp bình dân, trung lưu, và quan lại vào thế kỷ thứ 18 của xã hội Trung hoa. Những nhà ngụy học giả là nhóm lợi ích cá nhân về danh vọng, địa vị, và tiền tài vật chất.

Những nhà văn nhà thơ từ trước năm 1975 sống nơi hải ngoại, vì lý do sức khỏe, xáo trộn tâm lý, cùng nhiều lý do khác lần lượt vắng bóng trong sinh hoạt văn học nghệ thuật. Những đợt người viết mới tiếp nối công việc sinh hoạt. Những nhà văn mới khởi đầu, sau nhiều lần dưng truyện, tự rút kinh nghiệm, viết trôi chảy hơn và có sáng tác đầu tay. Những nhà văn này thường tự nhận định đó là bước đầu tốt đẹp, với một chút hạnh phúc kiêu hãnh.

Ngày nay, điều thực tế là các nhà văn phải tự bỏ tiền ra in, tổ chức ra mắt sách. Quan khách tham dự là bạn bè thân hữu địa phương, sau đó đem bán sáng tác mới khoảng từ mười lăm đến hai mươi lăm ấn bản cho nhà sách. Nếu may mắn, bạn bè nhà văn nơi thành phố khác có thể tổ chức ra mắt sách lần thứ hai, giúp sách đến với thêm một ít độc giả. Nhìn chung việc thực hiện tác phẩm văn học ngày nay tại hải ngoại chỉ có tính cách viết văn cho bạn bè thân hữu hơn là cho đại chúng người Việt hải ngoại.

Vì tính cách phổ biến này, và vì số lượng độc giả thích đọc sách viết ngữ càng ngày càng giảm dần, trở nên quá ít, loại sách biên khảo với đề tài theo thị hiếu quần chúng còn có cơ hội phổ biến chút ít. Loại sách biên khảo thuần túy văn hóa kén độc giả, sách dày hay đồ sộ không còn thích hợp với tầng lớp độc giả chỉ muốn biết đại cương bề mặt trong cuộc sống ít thời gian rảnh rỗi, cũng như không hiểu thấu đáo ngôn ngữ bác học Việt Nam. Loại sách biên khảo mang tính cách một chút trí thức, trừu tượng hoàn toàn rất khó phổ biến.

Nơi quê nhà, ngược lại, số lượng độc giả của một dân số trên tám chục triệu, tăng dần theo việc phát triển trình độ học vấn của thế hệ trẻ; loại sách biên khảo càng có cơ hội thịnh hành. Điều này nảy sinh, có những nhà văn sống nơi hải ngoại chạy theo lợi nhuận, thay đổi lập trường chính trị. Trong tác phẩm sau này, tác giả tự chỉnh sửa lý lịch cá nhân, chỉnh sửa tư cách tỵ nạn so với những tác phẩm phổ biến khi mới đến vùng đất tự do, để sách của tác giả được phổ biến trong nước, hay trở về sinh hoạt văn học nghệ thuật.

Với các nhà văn nhà thơ quá đầy đủ về tiền bạc, tiền in sách, tiền tổ chức ra mắt sách chỉ là một ít tiền lẻ, không đáng kể so với niềm vui trở thành nhà văn được nhiều người tham dự đương nhiên công nhận, và việc đóng góp tác phẩm vào nền văn học Việt Nam hải ngoại.

Thông thường với sáng tác thành công dẫn đến việc độc giả ưa thích, việc quan tâm của những nhà phê bình văn học. Với những thành công kế tiếp, tên tuổi của những nhà văn tác giả sẽ được dần dần xác định rõ ràng hơn, và hữu xạ tự nhiên hương.

Còn những trường hợp các nhà văn chỉ chú trọng xây dựng tên tuổi cá nhân là chính yếu, những sáng tác chỉ là phương tiện thể hiện. Vì điểm này, người đọc dễ dàng nhận ra tác giả tự cảm nhận là người hiệp sĩ giống như nhân vật Don Quixote, mang gươm, cỡi

ngựa, cùng người hầu cận đi hành hiệp giang hồ. Có một điều đóng góp vào sự nhầm lẫn cho tác giả trong việc sáng tác, là độc giả cũng như tác giả chỉ đọc được những bài điểm sách của bạn bè với cặp kính màu hồng nhìn qua kính phóng đại vài chi tiết. Những tác giả này đã đặt việc đóng góp thực sự vào nền văn học ở hàng thứ yếu, dẫn đến giá trị đích thực của sáng tác cũng vào hàng thứ yếu không giá trị.

Chúng ta không nên quên điều quan trọng, việc theo đuổi văn học hải ngoại chỉ là do lòng ưa thích, lòng muốn gìn giữ lại một nền văn hóa nhân bản tại hải ngoại. Để thực hiện hoàn hảo niềm mong muốn đó, chúng ta cảm thấy cần luôn luôn trau dồi, học hỏi để đi đến thành công. Sóng sau dồn sóng trước là yếu tố thúc đẩy nhà văn cố gắng tiên bộ hơn trong việc sáng tác. Chiến thắng tự chính mình là điều thành công lớn đáng ghi nhớ trong cuộc đời. Chính sự cố gắng đó, nhà văn mới có thể thực hiện những sáng tác thành công thực sự.

Chúng ta hy vọng những thế hệ trẻ tại hải ngoại có trình độ học vấn vững vàng, đã hấp thụ những điều hay của các nền văn hóa trên thế giới. Ngôn ngữ chỉ là phương tiện, các nhà văn trẻ với các tác phẩm mang dạng thức nhiều thứ ngôn ngữ khác nhau, trong tâm hồn còn biết cội nguồn dân tộc, sẽ giúp cho nền văn học Việt nam hải ngoại được tiếp nối và thêm phần khởi sắc.

Trong việc sáng tác, ngoại trừ trường hợp đã có sẵn khả năng thiên phú, người viết thành công ngay từ sáng tác đầu tay; còn thông thường các nhà văn đều phải cần biết đến các điều căn bản để dễ dàng xử dụng ngòi bút.

Nhà văn Mario Varga Llosa dẫn giải: Trước tiên cần có một ý tưởng được nghiền ngẫm về một nhân vật, một tình thế, những ý nghĩ thoáng qua tâm trí. Kế đến viết xuống những chi tiết, thực hiện các tấm phiếu tài liệu, phát thảo những đoạn tường thuật. Một nhân vật xuất hiện trong khung cảnh với những hoạt động, và rời khỏi nơi đó, nhường chỗ cho những nhân vật khác tiếp nối. Trước khi khởi sự sáng tác, phải vạch ra diễn tiến tổng quan cốt truyện. Điều này không phải luôn được giữ đúng như lúc đầu, nó sẽ được thay đổi theo diễn tiến. Việc này chỉ là để bắt đầu việc sáng tác. Viết thật nhanh không ngừng nghỉ, không bận tâm về kỹ thuật, có thể viết đi viết lại nhiều lần những chương đó, sáng tạo ra những tình thế trái ngược. Điều bản khoán là phải trình bày diễn tiến ra sao để kết cuộc được hoàn hảo. Sau khi viết xong bản phác thảo,

thời gian chỉnh sửa đòi hỏi thật dài lâu cần thiết. Với quyển *La guerre de la fin du monde* [Cuộc chiến tranh tận thế], câu viết đầu tiên của sáng tác, tác giả Mario Varga Llosa phải mất thời gian đến hai năm để viết đi viết lại nhiều lần cho đến khi vừa ý, tất cả diễn tiến đều thay đổi. Đến lúc đó tác giả tin chắc rằng lịch sử nằm trong tác phẩm, dấu kín trong cái điều mà tác giả gọi là mớ bòng bong.

Muốn sáng tác, chúng ta phải có một chủ đề để khai triển, một dàn bài khá chi tiết để dàn trải sắp xếp diễn tiến. Việc tìm chủ đề, nhà văn Patrica Highsmith giải thích: Có những nhà văn tìm thấy cảm hứng trong những tác phẩm lớn, hay trong những chi tiết của đời sống hàng ngày. Cũng có nhà văn cảm hứng từ cả hai trong tác phẩm và trong đời thường. Những chi tiết lỗi cuốn tác giả nhưt để sáng tác một truyện ngắn, còn một chủ đề hay một ý tưởng trừu tượng dẫn đến sáng tác một quyển tiểu thuyết.

Nhà văn Rainer Maria Rilke nhắn nhủ : Hãy tìm kiếm trong những chủ đề lớn những điều mà diễn đạt trong đời sống hàng ngày của bạn. Hãy nói lên những nỗi buồn, những ước vọng, những ý nghĩ thoáng qua, lòng tin tưởng tươi đẹp. Hãy nói tất cả điều đó với sự thành thật sâu xa, khách quan, khiêm nhường. Và để diễn tả, bạn hãy sử dụng những điều chung quanh, những hình ảnh mơ mộng và những đối tượng kỷ niệm. Đối với một người sáng tạo, không có một nơi chốn nào, một điều gì tầm thường vô vị. Ngay trong hoàn cảnh tĩnh mịch, thật trống vắng, bạn cũng còn ký ức về tuổi thơ, về kỷ niệm. Trong lãnh vực đó, bạn hãy ứng dụng những điều bạn có được.

Nhà văn Michel Burton đề cập đến vấn đề dàn bài như sau: Tôi chỉ có thể ghi xuống một sáng tác giả tưởng, sau khi nhiều tháng nghiên cứu xếp đặt. Khởi đầu, luôn luôn có một vùng mờ mịt cần soi sáng, những vùng tối tăm cần vượt qua để nhìn thấy rõ ràng. Tôi thử tìm ra nhiều phương cách, sau là khai phá những phương cách đó với những duyệt xét liên tục. Những phương cách cũng tự tiến triển, mọi chi tiết chỉnh sửa có thể tác động trên toàn bộ bản thảo. Sau khi viết xong bản thảo, tôi phải điều chỉnh lại tình tiết. Khi đọc duyệt lại từ đầu đến cuối, không thể thay đổi điều gì thêm, lúc đó bản thảo mới được xem là hoàn thành.

Nhà văn Voltaire nhận định: Tác giả ít thích hợp sửa chữa những tờ bản thảo của chính họ. Tôi chúc mừng tác giả có một

người hiệu đính lãnh nghề hiện diện bên cạnh. Đây là một điều kiện cần thiết.

Nhà văn Max Jacob dặn dò: Không nên viết những chữ sáo rỗng, tránh luôn luôn mọi ngôn ngữ chỉ trích, ngôn ngữ làm dáng trí thức cũng như lời mô tả hay kể chuyện, mà viết về những chủ đề với tình cảm. Không nên viết một câu có cùng nhịp điệu với câu trước, chỉ khi nào muốn nhấn mạnh. Phải biết thay đổi cú pháp thích hợp. Điều quan trọng nhất là một tác phẩm có giá trị không phải vì những điều viết trong đó, mà là những điều vây quanh mệnh mông tràn ngập triết lý của thiên nhiên, của xã hội, của thiên văn, của tính chất siêu hình vân vân. Đó là điều bí mật của những tác phẩm lớn.

Nhà văn Patricia Highsmith cho rằng: Ông không bao giờ thử sáng tác một kiệt tác. Ông không có khả năng hướng dẫn người khác điều đó. Mỗi khi viết, ông cố gắng sáng tác một quyển tiểu thuyết hấp dẫn độc giả ngay từ trang đầu, lôi cuốn độc giả lật sang trang sau để đọc tiếp. Có thể sáng tác đó trở thành best seller hay cũng có thể chỉ là tầm thường. Không có một bí quyết, không có một nguyên tắc thần diệu nào bảo đảm cho sự thành công. Trước hết, ông muốn xua tan cái ảo tưởng đó. Trong việc sáng tác, bí mật duy nhất của một nhà văn nằm trong nhân cách, trong cá tính của tác giả.

Nhà văn Charles Baudelieu nhấn mạnh: Có một sự tiệm tiến đến sự thành công trong việc sáng tác, nhưng không bao giờ có sự thành công tự nhiên và thần kỳ.

Nhà văn Roland Barthes cho biết: Tôi luôn luôn viết tay bản thảo trên giấy, vì tôi gạch xóa, sửa chữa rất nhiều. Kể đến, tôi tự đánh máy bản văn, cũng là lúc chỉnh sửa lần nữa trong chiều hướng tinh lược hay xén bỏ một ý nghĩ, một đoạn văn. Đây là giai đoạn rất quan trọng.

Phản văn học hiện đại Nam Hàn sau đây có lẽ sẽ giúp cho chúng ta cơ hội so sánh trong cùng thời gian với nền văn học Miền Nam 1954-1975 và nơi hải ngoại. Hy vọng sẽ giúp cho mỗi người trong chúng ta tự tìm ra niềm hứng khởi sáng tác đóng góp cho nền văn học Việt Nam hải ngoại được duy trì bền vững. Phần giới thiệu văn học hiện đại Nam Hàn cũng chính yếu gọi đến các nhà văn nhà thơ chưa sáng tác văn chương đích thực, như một lời mời gọi, hãy nhìn vào công việc và ý nghĩa việc làm của các nhà văn nhà thơ xứ người, để tự xét lại chính mình về danh xưng.

Văn học hiện đại Nam Hàn khởi đầu từ thế kỷ thứ hai mươi, đã đặt nền tảng trên chủ nghĩa nhân bản cổ điển và một quan điểm tổng quan truyền thống về thế giới. Tuy nhiên với sự trưởng thành của thể hệ học tiếng Đại Hàn trong giữa thập niên 1960, chủ đích của nền văn học quan tâm đến thực tế đàn áp chính trị và những giai cấp bị bóc lột. Việc phân chia lãnh thổ xảy ra khi đất nước Đại Hàn được giải phóng khỏi chế độ thuộc địa của Nhật Bản trong năm 1945, và sau cuộc chiến tranh ý thức hệ cộng sản và tự do bùng nổ năm năm sau đó, là một vết thương rất ít người tránh khỏi. Những nhà văn Nam Hàn không thể khai thác nguyên nhân, ý nghĩa và hậu quả của mỗi biến cố. Trong thập niên 1950, những nhà văn Nam Hàn như Kim Tong Ri, Hwang Sunwon và Son Chang Sop nhìn cuộc chiến như là nguyên nhân thiêu hủy cuộc đời, làm sụp đổ giá trị đạo đức truyền thống và đánh mất nhân tính.

Trong thập niên 1960, sau vụ nổi loạn tháng tư của sinh viên, cuộc chiến tranh được nhìn bởi những nhà văn trẻ tuổi như Choi In Hun là một sự xung đột giữa hai ý thức đối nghịch. Đối với những thể hệ nhà văn thừa nhỏ học tiếng Đại Hàn gồm Yi Ch'ong Jun, Kim Wong Il và Yun Hung Gil với kinh nghiệm chiến tranh thời thơ ấu, nỗi tàn bạo của chiến tranh là một dẫn nhập cho một bi kịch liên tiếp ám ảnh tâm tư con người, hay là một kinh nghiệm có thể vượt qua do việc nuốt đi những đắng cay. Đối với những người sinh ra trong khoảng thời kỳ khởi đầu hay vừa sau khi chiến tranh chấm dứt như Yi Mun Yol và Im Chol U, chiến tranh là hậu quả của việc phân chia lãnh thổ, những vết thương trùng phạt tiếp tục nhức nhối khi đất nước vẫn còn giữ tình trạng phân chia. An Su Gil mô tả lịch sử di dân Đại Hàn đến Mãn Châu. Shin Tong Yop viết anh hùng ca về giòng sông Kum Gang đã chứng kiến những vết thương lịch sử và số mệnh bi thảm của những thường dân và những người quán quân của họ. Pak Tae Sun và Cho Son Jak miêu tả đời sống của những người nông dân bị tách rời khỏi nơi chôn nhau cắt rún, và trở thành những công nhân xí nghiệp với đồng lương ít ỏi. Họ sống trong những xóm nhà lụp xụp, bần thiêu của thành phố và khu nhà sàn.

Trong thập niên 1970, Hong Song Won và Kim Won Il khảo sát đời sống của các thường dân trong thời kỳ bị lệ thuộc ngoại bang. Pak Kyong Ni, Kim Joo Young và Mun Sun Tae đi ngược thời gian xa hơn, gần đến triều đại Choson để giải thích

những nguyên nhân thất bại của Đại Hàn trong việc canh tân đất nước vào thời gian đó. Hwang Sok Yong tái tạo lại hình ảnh việc tan vỡ những truyền thống xã hội và cuộc kháng chiến của thường dân chống lại giới cai trị áp bức. Những bộ trường thiên tiểu thuyết tái xây dựng lại đời sống của quần chúng trước và sau thời kỳ hiện đại hóa đất nước Đại Hàn là những chúc thư cho lòng ích kỷ của giới cầm quyền và những lý tưởng của họ. Những bộ tiểu thuyết đó cùng nhau tô vẽ một bức tường lịch sử vĩ đại của dân tộc Đại Hàn. Nó soi rọi những nguyên nhân thất bại chính trị và nhấn mạnh đến những điều cần thiết phải hành động để giải quyết những yếu kém hiện tại. Việc kỹ nghệ hóa quốc gia đang trên đà phát triển trong thập niên 1960, và bắt đầu có được thành quả đối với đa số dân Nam Hàn từ giữa thập niên 1970. Việc này không tránh khỏi sự bóc lột những công nhân nông trại, và công nhân xí nghiệp, bởi vì đất nước Đại Hàn có ít tài nguyên thiên nhiên, và một trình độ kỹ thuật thấp kém. Hậu quả là hố sâu ngăn cách càng lớn rộng giữa những người vô sản và giới quản trị. Việc kỹ nghệ hóa gây ra việc đô thị hóa cũng như những khó khăn liên hệ tiếp theo. Những nhà văn nhanh chóng hướng ngòi bút về những khó khăn đó. Hwang Sok Yong và Cho Se Hui phát họa ra hình ảnh những công nhân lưu động và những kẻ vô lại như là những anh hùng. Trong giữa thập niên 1970, Cho Se Hui và Yun Hung Gil trình bày những điều kiện sống khó khăn của những công nhân thất nghiệp, và những nỗ lực vô ích để tìm kiếm việc làm và xây dựng cuộc sống.

Trong thập niên 1980, những người công nhân tự cảm thấy và bắt đầu phát khởi những vận động nghiệp đoàn rộng lớn. Trong thập niên này, những thi sĩ thuộc giai cấp lao động như Pak No Hae khởi hiện. Đời sống trống rỗng của giới trưởng giả đô thị là một đề tài phổ thông thời ấy. Việc kỹ nghệ hoá và nền kinh tế phát triển làm bành trướng số lượng giới thượng lưu, nhưng những nhà văn tranh luận rằng giới thịnh vượng mới này đã tạo thành một giới tiêu dùng thiếu lòng trắc ẩn hoặc cao vọng. Choi In Ho là một trong những người đầu tiên nhắm vào nỗi trống rỗng trong đời sống của giới trung lưu qua những quyển tiểu thuyết và truyện ngắn của ông. Những thi sĩ như Kim Kwang Kyu, O Kyu Won, Chong Hyon Jong, Choi Sung Ho, Yu Ha và Chang Chong Il châm biếm than thở việc đánh mất nhân tính trong việc thương mại, kỹ thuật và đời sống phiến diện của xã hội hiện đại. Lòng ích

kỷ của giới trung lưu và tâm tư băn khoăn của những người trí thức trung lưu được trình bày sắc bén bởi Park Wan Suh, Kim Hyang Suk và Kim Won U.

Tuy nhiên, nhận xét trên đây có thể khó mà công bình về chiều rộng và chiều sâu của nền văn học Nam Hàn trong nửa thế kỷ qua, nếu không kể đến phần nghệ thuật văn học đạt đến. Ngoài ba vấn đề chính yếu: chiến tranh và phân chia đất nước, lịch sử xã hội và chính trị, kỹ nghệ hóa và giới công nhân; vấn đề hiện hữu của nhân loại và sự tìm kiếm cứu rỗi linh hồn được khai thác kỹ lưỡng bởi O Chong Hui, Yi Mun Yol bằng truyện giả tưởng, và Yi Song Bok, Choi Sung Ja, Kim Hye Sun bằng thơ. Các thi sĩ Hwang Tong Kyu, Kim Chi Ha và Hwang Chi U phê bình tàn nhẫn tính nhu nhược của giới trí thức cùng thời đối với những vấn đề vô lý trong xã hội và chính trị. Tóm lại, có thể nói rằng trạng thái căng thẳng và xung đột trong lịch sử hiện đại Đại Hàn kích thích các nhà văn chiến đấu mãnh liệt chống lại sự áp bức trong xã hội, chính trị, và phát biểu hùng hồn xu hướng của họ về một xã hội tự do. Phần cuối của thập niên 1980 không những đem lại việc chấm dứt chiến tranh lạnh và sự tan rã của khối cộng sản, mà còn hứa hẹn chấm dứt việc phe quân sự đã lãnh đạo đất nước trong ba thập niên để khai sinh một chính phủ dân sự Nam Hàn.

Sau cùng một cuộc phổ thông đầu phiếu diễn ra năm 1993, cùng với những sinh hoạt chính trị được cho phép, những sinh hoạt nghiệp đoàn và nhiều sinh hoạt khác trở nên nhộn nhịp. nền kinh tế xây dựng từ ba thập niên trước đã trở nên vững vàng, cho phép hầu hết mọi người có được máy vi tính và những dụng cụ điện tử khác. Dân chúng bắt đầu quan tâm đến sự liên quan giữa đời sống bản thân và những vấn đề chính trị, an ninh. Một thế hệ độc giả ưa chuộng những viễn ảnh trong sáng tác nảy sinh. Những thay đổi đó được phản ánh trong nền văn học Nam Hàn. Những nhà văn lớn tuổi từng được sự kính trọng và ủng hộ của quần chúng, nay mất dần uy tín; và những nhà văn trẻ tuổi với những cảm nhận mới xuất hiện để viết cho một thế hệ độc giả mới. Shin Kyong Suk, Chang Chung Il và Yu Ha viết về những người suy tôn tiền bạc, và những suy đồi về đạo đức trong xã hội. Ku Hyo So, Paek Min Sok lấy ý từ những truyện tranh khôi hài và kỹ thuật vi tính để chống lại các giá trị đạo đức xưa cũ. Theo một chiều hướng sáng tác khác, một số nhà văn mới như Chong Chon chọn việc tìm kiếm sự thật trong tập quán truyền thống. Choi Yun ,

Kong Chi Yong, Kim Hyong Kyong trở nên những tác gia được ưa thích với những hồi tưởng đen tối của thập niên 1980 , và sự mất định hướng của những sinh viên cấp tiến thành linh chạm trán với một thế giới trong đó ý thức hệ của họ không thích hợp. Sự phong phú của nền văn học và sự ổn định của chính trị biến thành mối họa lớn cho văn học, vì nó trở nên thoái hóa thành một thứ giải trí tầm thường. Hiện nay, những truyện kinh dị, những truyện trinh thám, khoa học giả tưởng tràn ngập thị trường văn chương.

Đến đây, chúng ta thấy được điểm nổi bật: những nhà văn Nam Hàn đã cố gắng trình bày những trường thiên tiểu thuyết lịch sử có nội dung trải dài nhiều thế hệ, đã cùng nhau tô vẽ một bức tường lịch sử vĩ đại của dân tộc. Các nhà văn đã làm người dân nức lòng về lịch sử vinh quang của họ. Các nhà văn cũng đã dùng ngòi bút hướng về giới công nhân bị bóc lột, bị áp bức, đời sống khó khăn bi thảm, đã tranh đấu chống bất công xã hội, chính trị để hướng đến một xã hội tự do, công bằng hơn .

Với đất nước Việt Nam, chúng ta đã có những trang lịch sử hào hùng chống ngoại xâm thời đại quân chủ, làm niềm hãnh diện của dân tộc; và trong thời hiện đại, chúng ta cũng có những trang sử đấu tranh giữ vững sự tự do, xây dựng dân chủ cho Miền Nam. Vấn đề đặt ra là mỗi người trong chúng ta sẽ phải viết điều gì, so với các nhà văn nhà thơ Nam Hàn đã làm tại cùng vùng đất Á Châu. Câu trả lời tùy thuộc vào tấm lòng với đất nước dân tộc của mỗi người trong phương cách bày tỏ để xứng đáng danh xưng nhà văn nhà thơ đáng ca ngợi như những người bạn Nam Hàn. Ngày nay tại hải ngoại, những nhà văn nhà thơ có điều kiện hiểu biết lịch sử, xã hội thời gian xưa cũ cũng như hiện tại nơi quê nhà, toàn diện rộng rãi hơn trước, cũng như những viễn kiến tương lai cho đất nước dân tộc, và sự tự do vẫy vùng của ngòi bút. Việc sinh hoạt văn học nghệ thuật giống như đi trên con đường rộng thênh thang và xa dịu với trải dài trước mặt. Điều cốt yếu, chúng ta nhà văn nhà thơ cần luôn giữ tấm lòng son sắt, tràn đầy tâm hồn những ước mơ làm đẹp cuộc đời. Trân trọng kính chúc các văn thi hữu giữ vững niềm tin yêu, và lòng nhiệt thành của tuổi thanh xuân với nền văn học Việt Nam Hải Ngoại .

Huỳnh Quang Thế

Tham Khảo : -Lire Magazine 265 – 283

-The globalisation of Korean literature by Kwon Young Min

-The Scholars (Ju lin wai shih by Wu Ching Tzu)



HUỲNH CÔNG ÁNH

Sinh năm 1946 tại Làng Phú Kim, Quận Phù Cát, Tỉnh Bình Định.
Cựu học sinh tại các trường: La San Kim Phước (Kon Tum) La San
Bá Ninh (Nha Trang) La San Hiền Vương (Saigon)
Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định

Bình Nghiệp:

Tổng Động viên năm 1968/Tốt nghiệp khóa 3/68 SQTĐ/Thủ

Đức. Phục vụ tại Sư Đoàn 22 BB/QLVNCH

Chiến Sĩ Xuất Sắc của Sư Đoàn và Quân Đoàn (1973)

Sau 1975: Tù cải tạo

Vượt ngục cuối năm 1980 - Vượt biên 1980

Chủ tịch hội cựu quân nhân tại đảo Pulau Bidong 1981

Định cư Hoa Kỳ từ 1981

Sinh hoạt tại hải ngoại:

- Sáng lập viên: Tổng Hội Cựu TNCT/VN 1985 - Phong Trào
Hưng Ca Việt Nam 1985 - Hội Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do
1985 - Tổ chức Liên Kết Văn Nghệ Sĩ, Thanh Niên, Sinh Viên,
Việt Nam Tự Do 2013

- Chủ Nhiệm tuần báo Chứng Nhân

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 250

Sáng Tác phẩm:

Thơ: Hạnh Ngộ Bên Trời(2005), Quảng Gánh Lao Đao, Giữ Nụ Cười(2010) và Ôn Nghĩa Trùng Trùng(2013)

CD thơ nhạc: Uất Hận Ca (1981)Tiếng Mẹ Gọi (1985) Lên Đường (Hưng Ca Việt Nam1988) Quê Hương, Tình Ca, Thấp Lửa Tự Do (Hưng Ca Việt Nam 1989) Hưng Ca Hành Khúc (Hưng Ca Việt Nam)

Tập nhạc: Những Trái Tim Rực Lửa(năm 1987)

*Huy Chương- Tưởng Thương:

Tuyên dương tại điện Caucus quốc hội Hoa Kỳ, do thành tích hoạt động đấu tranh cho nhân quyền (1992)

*Diễn giả danh dự về kinh tế và nhân quyền tại Đại Học Harvard, Cambridge, MA (1992)

CSB Good Morning America tại New York City mời phỏng vấn (1992) - Về Vang Dân Việt (1998)

Năm 1998 được trao tặng Jefferson Award là người thành công tại Texas về kinh tế và xã hội.



Ngày Xuân ai đó luận "Đường thi"

Thân tặng Lê Anh Dũng

Này bạn! Bao năm tù đầy
Mấy mươi năm lưu vong lánh giặc
Nhắm nhò chi tóc pha màu bạc
Khi tìm mình, máu quật cường nòi giống còn căng

Những mùa Xuân xứ người tuyết giá lạnh căm
Mà lòng ta nóng, mong ngày về rừng rực
Yêu nước thương nòi, không có lẫn ranh tuổi tác
Nên xá gì chuyện "Thất thập cổ lai hy"

Lòng dẫn lòng khi rời non nước ra đi
Là nung nấu ngày về, lòng lộng cờ bay đuổi giặc
Xuân Kỷ Dậu, gò Đống Đa giặc Tàu phơi xác
Có mùa Xuân nào như thế nữa, hỡi bạn thân?!

Nếu ta không liên kết nhau, không xích lại thật gần
Không thành một khối, những con dân nước Việt
Không đánh thù trong, giặc ngoài ra khỏi nước
Không xiển dương trau dồi dân trí, dân khí Việt Nam

Không nhớ gương Cha Ông, đánh Tống, bình Chiêm
Mà ngồi đó luận Đường thi, với lũ văn nô lai căng phản quốc
Đâu có văn hóa trong đầu những nhà văn, thơ không biết nhục
Mà chỉ có dê hèn, khiếp nhục, xum xuê, nô lệ ngoại bang

Nên bạn à! Chớ có phí thời gian
Hãy dồn những tháng ngày còn lại
Cầu hồn Quang Trung linh thiêng rền tiếng gọi
Dậy sóng Lại Giang, cuộn cuộn giòng Tân An
Đèo dốc Bình Ê, lưng lửng đỉnh Cù Mông
Lan vọng từ Nam Quan, đến tận Cà Mau ngàn ngút

Lừa Dân Chủ, Tự Do, Nhân Quyền thiêu đốt
Đám Việt Gian, Việt Cộng, giặc Tàu

Để có mùa Xuân ta ngồi lại với nhau
Trên đất nước thân yêu không còn bóng giặc

Ôi! Gần bốn mươi mùa Xuân u uất
Biết bạn đau, cũng thế lòng ta đau
Nên Xuân về ta hãy chúc nhau
Còn một phút cũng còn thương nỗi giống

Hãy nở trong lòng nhau đóa hoa đầu muộn
Trong triệu triệu tấm lòng, già, trẻ, gái, trai
Triệu đóa hoa Xuân rực rỡ tương lai
Cho tổ quốc, giống nòi có mùa Xuân thực sự

Chào bạn nhé! Chào những mùa Xuân buồn quá khứ
Cùng hơn hờ chúc nhau mùa Xuân tới an khang.

"Tết trên đường từ Dallas về New Orleans"
Tết Nhâm Ngọ 2014

Gởi lại đời

Ít ra cũng gởi lại đời
Chút băng khuâng phớt nụ cười đắng cay
Chút thiết tha đôn hậu kiếp này
Chút chua chat khê nhúu mảy tha thứ
Chuông mõ khuya khuya tay người
Hồn ta - bà thầu khóc cười nhân gian
Từng con chữ chạm tơ vàng
Rung lên cung điệu âm vang ru đời
Mở hồn này khung cửa vui
Cơ duyên về ngụ ngậm ngùi đi hoang.

Huỳnh Công Ánh

THƠ HUỲNH CÔNG ÁNH

Nhìn từ những bạn văn



Hạnh Ngộ Bên Trời

Đây là tập thơ của đầu tay của tác giả Huỳnh Công Ánh, được xuất bản vào năm 2005. Tập thơ gồm 78 bài, nói về bề khổ của kiếp người, của thân phận, của đổ vỡ, của phù du kiếp nhân sinh mà chỉ có phép nhiệm màu của yêu thương mới có thể xoa dịu hay hàn gắn được.

“Vào Thơ...”, nhà báo **Trương Sĩ Lương** đã bảo “...Đọc “Hạnh Ngộ Bên Trời”, bạn sẽ thấy rõ con người thật của H/CA. Chính những lúc thất bại trên trường đời trong nỗi chua xót đắng cay với công danh sự nghiệp, chính những đổ vỡ trong tâm hồn tác giả - hoặc vì hoàn cảnh đẩy đưa, hoặc do chính anh tạo ra – là lúc anh đã sống thực với bản chất đầy nghệ sĩ tính của con người anh.”

Cũng theo nhà báo Trương Sĩ Lương trong phần giới thiệu, cái lạ của thơ Huỳnh Công Ánh là “...Những âm “chỏi” bằng trắc được sử dụng trong thơ, khá tuyệt vời, y như dấu đảo phách trong tiết tấu âm nhạc. Và trong tập thơ Hạnh Ngộ Bên Trời, ít nhiều anh cũng đã tạo được dặm nét chấm phá giữa bức tranh muôn màu của trường phái thơ tự do.

Thơ của H/CA rất có hồn. Hồn thơ của anh sống dậy bằng sức phản đáp theo lẽ tự nhiên của bản chất thi nhân.”

Nhà văn **Nguyễn Văn Quảng Ngãi**, trong giới thiệu tác phẩm đã viết, “...Thuở xưa, tôi chưa thấy Huỳnh Công Ánh làm thơ. Bây giờ, sau những tận cùng của khổ đau, anh di chuyển về vùng Dallas và trao cho tôi tập thơ Hạnh Ngộ Bên Trời sắp lên khuôn chuẩn bị chào đời nên tôi đã đọc, vừa ngạc nhiên, vừa thú vị.

Trước hết, tôi tự hỏi mình là tại sao Huỳnh Công Ánh làm thơ và đã được anh giải thích:

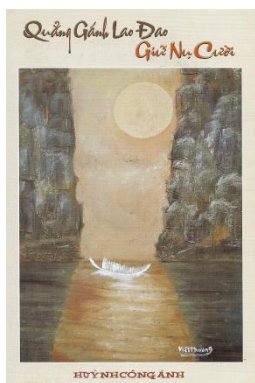
Tay Thương Đế, Đôi khi quên với tới

Nỗi đau tôi. Sầu tận cõi vô cùng

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỶ- 254

Voi cô đơn. Bớt hệ lụy chấp chùng
Tôi làm thơ như một cứu rỗi

Chơi vui dưới đây vực thăm của khổ đau, Huỳnh Công Ánh đã nhờ THƠ để gượng dậy, để vươn lên và gọi đến chúng ta tập Hạnh Ngộ Bên Trời, tập THƠ TÌNH gồm: Tình Bằng Hữu, Tình Quê Hương, Tình Nhân Thế và nhất là Tình Lửa Đồi.”



Quảng Gánh Lao Đao, Giữ Nụ Cười

Tác giả xuất bản năm 2010.

Đây là thi tập thứ hai của tác giả và đã được ra mắt tại Dallas, TX; New Orleans, LA; Montreal, Gia Nã Đại; Philadelphia, PA vào năm 2010 và mới đây nhất, tại Westminster, CA vào tháng 12 năm 2013.

Các buổi ra mắt này là phương tiện của tác giả để yểm trợ những nhà tranh đấu đang bị cầm tù tại Việt Nam. Tổng số tiền yểm trợ sách thu được qua các buổi ra mắt của thi tập Quảng Gánh Lao Đao, Giữ Nụ Cười trong năm 2010 đã được dùng để giúp đỡ người tù thế kỷ, chiến sĩ Nguyễn Hữu Cầu.

Sau đây là cảm nghĩ của một số văn thi hữu về tác phẩm:

Thi nhạc sĩ Việt Phương:

“...Qua thi tập “Quảng Gánh Lao Đao Giữ Nụ Cười”, người đọc thấy được tấm lòng yêu nước, thương người, bàng bạc trong suốt chiều dài của cuốn sách. Bên cạnh đó, tác giả còn cho thấy con tim mẫn cảm của mình qua những rung động rất nhẹ nhàng và đầy thú vị. Lòng yêu quê hương, dân tộc là những trăn trở ta dễ dàng bắt gặp trong những bài thơ buồn như tiếng thở dài của anh. Và hơn thế nữa, đó là tấm lòng an nhiên tự tại của tác giả làm sáng lên những tia hy vọng. Đọc thơ anh, người đọc thấy cả những thao thức, chuyên chờ rất nhiều ý nghĩa. Thơ buồn, nhưng không dẫn đưa người đọc vào trong sự bế tắc, mà đâu đó còn có những nụ cười ý nhị, và chút nắng lạc quan làm ấm áp lòng người.

“Quảng Gánh Lao Đao Giữ Nụ Cười” là tập thơ và nhạc dày 152 trang, gồm 92 bài thơ và 9 ca khúc.

Thơ của anh chia ra nhiều thể loại: Lục bát, 7 chữ, 8 chữ, tứ tuyệt, 4 chữ, Tự do, ... và cũng có những bài thơ anh dùng cách phá thể. Ví dụ như những câu thơ 7 chữ, xen lẫn những câu 8 chữ và ngược lại.

Bài thơ dài nhất trong thi tập này là bài “Tâm tình một hội viên mới”, cảm xúc anh luôn lai láng, được anh diễn tả theo thể tự do dài tới 156 câu (trang 93-101).

Bài thơ ngắn nhất chỉ có 2 câu, đó là bài thơ “Vết Son” (trang 75) viết theo thể lục bát, thật súc tích sau đây:

“Đỏ au nay vết son in

Môi nghiêng húng nặng đến nghìn cân hơn.”

Còn 9 ca khúc kia cũng được anh viết với nhiều thể điệu khác nhau. Trong đó có 6 bài nhịp 4/4, 1 bài nhịp 3/4 và 2 bài nhịp 2/4.

Nói như thế, có nghĩa là anh Huỳnh Công Ánh làm thơ hoặc viết nhạc, đều không đi theo một khuôn sáo hạn hẹp. Anh nghĩ sao viết vậy, khiến người đọc có cảm giác thật thoải mái, không bị gượng ép.

Tập thơ được chia làm hai phần:

Phần một: Em Mãi Trong Ta

Và phần hai: Quê hương, bằng hữu, thân phận”

Nhà văn Huỳnh Văn Phú:

“...Tôi không có khả năng của một người có thể chẻ sợi tóc làm tư, làm tám để nói lên thấu đáo những điều tác giả gửi gắm trong tác phẩm mà chỉ có thể trình bày cùng quý vị những nhận xét riêng của tôi. Điều tôi cảm nhận đầu tiên là bài thơ “Quảng gánh lao đao giữ nụ cười” được sử dụng làm tựa đề chung cho tập thơ đã phản ánh rõ nét cái quan niệm, cái thái độ hay nói cách khác là triết lý sống của tác giả. Tôi sẽ không làm mất thì giờ của quý vị bằng cách đọc bài thơ ấy ở đây mà xin để quý vị khi về nhà nhàn lãm mới thấy sự thâm trầm sâu sắc của tác giả trước nỗi thăng trầm phù thế của cuộc đời.

Người ta nói: “văn tức là người”, nhưng qua tập thơ “Quảng Gánh Lao Đao Giữ Nụ Cười” này của Huỳnh Công Ánh, tôi cũng có thể nói “thơ tức là người”. Tôi nói thế bởi vì qua những bài thơ trong tập thơ này, tôi thấy rõ tính cách của Huỳnh Công Ánh. Anh làm thơ thật dễ dàng, tự nhiên và trôi chảy. Ngôn ngữ thơ của anh rất riêng, tôi rất bất ngờ khi bắt gặp những chữ rất đời thường, rất dung dị theo cách nói của những người lính đã từng cảm súng

chiến đấu trên các chiến trường xưa, vì thế thơ của anh dễ đi vào tâm hồn người đọc. Hãy nghe Huỳnh Công Ánh nói :’

Khi nắng khô rồi trăng cũng chết
Chẳng có gì tồn tại mãi mãi đâu
Không ba hoa mà là nói thật
Còn thôi, tình mãi vạn ngàn sau”

Thi hữu Nguyễn Lương:

“...Còn nhiều, nhiều nữa trong gần 100 bài thơ của tuyển tập có hai phần: phần dành cho riêng Em, phần còn lại dành cho bằng hữu, quê hương và thân phận. Phần dành cho Em chiếm phân nửa, đủ biết tác giả ưu ái người tình, người vợ mà ông gọi là Em trong thơ ông biết chừng nào. Hình ảnh người Em trong thơ HCA không cao xa như Hàn Mặc Tử, không lạnh lùng như Đinh Hùng, cũng không dài các như Bích Khê. Ông yêu quý, trân trọng và thương nhớ người trong nỗi cô đơn lúc xa vắng. Một người đàn ông coi đất là chiếu, trời là màn, mà có lúc cũng thấy lạnh buốt thịt da của nỗi trống vắng nhớ nhung. Ông không thoát được cái luật của âm dương: “Có âm dương, có vợ chồng. Dẫu trong nguyên tử cũng vòng phu thê”, và ông đã ngã quỵ vì tình bao lần, chứ đâu có cứng cáp hơn ai nổi gì. Khi buồn HCA tâm sự: Anh đã mệt mỏi lắm rồi, muốn dừng chân lại...”

Nhà Thơ Trang Châu:

“..Qua gần 100 bài thơ gồm nhiều thể loại tác giả muốn gửi gắm gì đến người đọc yêu chuộng thi ca ở Montréal? Một gửi gắm mà có lẽ tác giả nghĩ không thể truyền đạt hết bằng âm nhạc. Trước tiên Huỳnh Công Ánh coi việc làm thơ như một phương pháp trị liệu cho chính tâm hồn mình:

“ Thơ chữa lành

“ Tui hận, uu tư

Huỳnh Công Ánh làm thơ vì cuộc đời trôi nổi của ông bắt ông không thể không làm thơ

dù ông khiêm tốn không nghĩ mình là thi sĩ :

“Tôi làm thơ

“ Không để thành thi sĩ

“ Ghi lại thôi

“ Những dữ liệu trong lòng

.....

“Hồn mục này
“ Là máu nhỏ từ tim
“ Lời thơ ấy
“ Đã hằn bao oan nghiệt
“ Bởi lòng tôi đầy ứ những ưu phiền

Và đúng như nhận xét của nhà văn Đào Văn Bình trong lời Bạt: thơ Huỳnh Công Ánh vừa là tiếng thở dài vừa là niềm hoài vọng của tâm hồn. Ông làm thơ để tạ ơn đời, bằng hữu, đất nước và người yêu...”

Nhà Văn Phạm Ngũ Yên:

“..Điều rõ ràng nhất mà tôi đọc được, hay cảm nhận được từ thơ anh, những khao khát từng rung trên những áo cơm và những lo lắng rất đời. Nhưng cũng nhờ đó, tình yêu trở nên tròn trịa hơn. Nước mắt cùng môi hôn sẽ va vấp vào nhau như cung phách vọng âm từ bản đàn xưa cũ.

Đôi khi Huỳnh Công Ánh thối lạc quan của mình như thối ngọn nến trong ngày sinh nhật. Đôi khi anh để những giọt đáng rơi xuống lòng nhau, như một hạt mưa tạt vào nỗi nhớ. Người đàn bà từng té vào cuộc đời anh nhưng lạ lùng làm sao đã không ngừng tặng anh bao nỗi đau dịu dàng. Giống như mùa đông dấu kín mặt trời trong mây bỗng hiện ra một tia nắng huyền hoặc.

Đôi lúc anh muốn quay lưng lại với bão giông hôm qua, khi những cơn mưa rớt dài ngoài phố. Mỗi hạnh ngộ, mỗi lia xa được cất dấu như một kinh nghiệm. Nhưng còn nỗi nhớ về người tình đã không thể nào xóa được, sẽ thành sông trôi mênh mang...

Làm sao để biết thế nào là đầy đủ và ngăn ngừa, khi ngôn từ chưa chạm đến mọi ngõ ngách của đời? Nhưng để chừng trong lời thơ của người đàn ông từng có thời là tù nhân trong các trại tù cộng sản kia đã vàng rười. Đã chín đủ đau buồn.

Thơ anh có nắng và có mưa. Nắng đủ làm rát bỏng một vết thương và mưa đủ làm nhòe nỗi nhớ. Mưa nắng trong thơ Huỳnh Công Ánh vẫn mang màu mới mẻ như tự thuở nào. Như bầu trời vẫn xanh cùng những ngọn gió yên lành thổi qua đời thiếu nữ...”

Nhà Văn Hà Kỳ Lam đã nói về "người tù Huỳnh Công Ánh":

“...Trong chuỗi ngày tù tội ở phân trại K1, Nghệ Tĩnh, Huỳnh Công Ánh không “được yên ổn ở tù” như các bạn tù của mình, mà ngược lại, không ngừng bị nhà tù làm khó dễ, hạch sách, khủng

bố, vì những lời tố cáo lập công của chính một vài bạn tù hèn hạ của anh. Tại sao như vậy? Chính vì trong anh luôn tiềm ẩn một tinh thần bất khuất, những trăn trở rất nhân bản, những lý tưởng cao đẹp mà người cộng sản dị ứng, đổ kị. Với một tù nhân như vậy, việc đào thoát, vượt ngục, nếu không là một việc tất yếu thì ít ra cũng là một lẽ tự nhiên. Vào khoảng giữa năm 1980, Huỳnh Công Ánh đã trốn khỏi trại tù ở Nghệ Tĩnh, về miền Nam, và cùng gia đình vượt biển sang Mã Lai. Không phải chỉ vì trại tù ở Tân Kỳ, Nghệ Tĩnh, bị hành hạ tinh thần, lâm vào tình trạng tuyệt vọng mà Huỳnh Công Ánh tìm cách vượt ngục. Khi còn ở trại tù Thác Bà, ngoài Bắc, anh cũng đã một lần toan tính trốn trại, nhưng thấy điều kiện chưa thuận tiện nên đã tạm gác lại hành động. Như vậy vượt ngục là một ý nghĩ, một quyết tâm thường trực trong tâm trí Huỳnh Công Ánh. Đến đây, tôi nhớ lại trong một tài liệu huấn luyện về mưu sinh thoát hiểm dành cho binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt mà tôi đã tham dự ngày xưa, người ta nhấn mạnh đến yếu tố ý chí như là điều kiện quan trọng hàng đầu cho cơ may thành công của một cuộc vượt ngục. Dĩ nhiên muốn vượt ngục phải có kế hoạch chu đáo, phải cần nhiều yếu tố, nhưng trên hết, phải có ý chí, quyết tâm thực hiện những toan tính của mình. Huỳnh Công Ánh đã có đủ mọi thứ. Với tôi, anh là người tù kiệt xuất...”

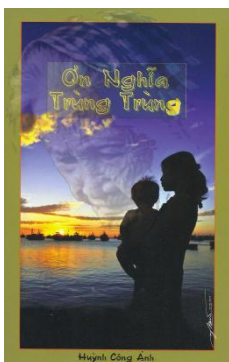
Cảm nhận của Nhà Văn Trần Quán Niệm:

“...Để kết luận, xin trích lời của văn hữu Đào Văn Bình trong lời bạt "Trước khi gấp cuốn sách lại, giá trị của tập thơ nằm ở chỗ người đọc còn giữ lại một chút lưu luyến gì để rồi sau đó đặt cuốn sách lên kệ, rồi thỉnh thoảng lấy ra đọc."

Đúng thế, thơ không phải là món ăn nhiều đến bội thực. Trong thư phòng tĩnh mịch, đọc một đôi vần để thấy thấm ý, thấm lời, tựa như Chu Mạnh Trinh đã từng thốt lên "ta vốn nôi tình thương người đồng điệu" khi đọc Kiều. Thơ như tấm kính vạn hoa, nhìn ở góc độ nào cũng thấy vẻ đẹp của nó, biến đổi tùy theo tâm thức người đọc, từng giờ, từng phút, từng sát na.

Nhưng quãng gánh lao đao, giữ nụ cười, vậy mà không phải vậy. Trong một chừng mực nào đó, chúng ta mong muốn làm nhẹ gánh đời để chắt chiu lấy niềm hạnh phúc đơn giản là nụ cười, điểm xuyết cho cõi đời vốn nhiều thăng trầm, chông gai, phiền muộn.

Tuy nhiên cũng như bao nhiêu danh ngôn chúng ta từng nghe, từng đọc, nó chính là cái đích để chúng ta đạt tới, để thăng hoa...”



Ôn Nghĩa Trùng Trùng

Đây là tập thơ thứ ba của Huỳnh Công Ánh, sau thi phẩm Hạnh Ngộ Bên Trời-2005; Quảng Gánh Lao Đạo, Giữ Nụ Cười-2010.

Thi tập này có khoảng 150 bài thơ, gồm một số sáng tác từ những ngày còn trong trại tù cải tạo sau 1975, một số sáng tác đã được phổ nhạc, cũng như một số bài mới, sáng tác theo tình hình sôi nổi hiện tại. Tập thơ cũng ghi lại cảm nhận của các văn thi hữu với các tác phẩm của Huỳnh Công Ánh.

Thi tập Ôn Nghĩa Trùng Trùng đã được ra mắt tại vùng Thung Lũng Hoa Vàng của tiểu bang California, tại Quận Cam và tại Hoa Thịnh Đốn. Và như các thi phẩm trước của Huỳnh Công Ánh, qua các buổi ra mắt sách, tất cả số tiền yểm trợ nhận được đều được xung vào quỹ yểm trợ tinh thần tuổi trẻ yêu nước, chống ngoại xâm tại quốc nội.

Sau đây là một vài cảm nhận của các văn, thi hữu:

Nhà văn Kathy Trần:

Ba mươi tám năm dài trên đất tự do, HCA vẫn mang một trái tim, một tấm lòng miệt mài tranh đấu. Anh đã bắt đầu lại từ con số không và vẫn mang nặng tấm lòng trở về vận nước. Không còn cây súng trong tay, anh dùng lời thơ, cây đàn, tiếng hát làm vũ khí.

Anh nói về chính nghĩa của những người VN bỏ nước ra đi:

Là người Việt Nam, máu tiếp máu luân lưu

Từ cha ông đến đời đời con cháu

Giòng máu hùng anh, bền gan tranh đấu

Đánh đuổi giặc ngoài thù trong

Xin đừng nói chúng tôi lưu vong

Xin đừng nói chúng tôi tha phương,

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 260

*Vì bát cơm, manh áo
Mà vì một ngày về Làm rạng rỡ Việt Nam
(Khúc Quanh Lịch Sử)*

Không quên bạn bè của những ngày tù tội, anh sáng lập Tổng hội cựu tù nhân chính trị, thành lập phong trào Hưng Ca VN với những sáng tác được biết nhiều như: Quang Trung anh hùng, Vì đâu anh buông súng, Tôi là người tù khổ sai không bán án...vv.

Tiếng hát mang lửa từ tim anh về quê hương góp phần tranh đấu chống bạo quyền:

*Hãy hát cho người, Hát cho tôi
Âm vang thôi thúc, Giục liên hồi
Gửi gió Tự Do, Về quê mẹ
Thương nỗi, nhớ nước, Dạ khôn nguôi
(Gửi Gió Tự Do Về Quê Mẹ)*

Anh ca tụng những tấm lòng nhi nữ sắt son với màu cờ đất nước:

*Hai mươi lăm năm rồi, em vẫn là em gái nhỏ
Mà Triệu Trung linh hiển hiện trong hồn
Vững bước dưới bóng cờ vàng ba sọc đỏ
Ước vọng giống nòi An lạc, quang vinh
(Hưng ca)*

Đất nước còn độc tài, tổ quốc còn bị xâm lăng, lòng anh, như lòng bao người con dân yêu nước, còn đau nỗi nhục chung khi thấy chính bạo quyền ra tay đàn áp dân mình bày tỏ lòng yêu nước!

Nỗi hận bó tay không thể đứng lên chống xâm lăng, lòng yêu nước, nỗi ô nhục ...chính là ngọn lửa để người Việt Nam, trong cũng như ngoài nước tiếp tục đấu tranh chống bạo quyền Cộng Sản:

*Sáng nay tim nhói, ruột như cắt
Dân Việt vùng lên chống xâm lăng
Bạo quyền Việt ra tay đàn áp
Ôi đau thương, ôi ô nhục vô ngần*

Luật sư, thi sĩ Ngô Tăng Giao

“...Quả thật Huyền Công Ánh không hề than mây, khóc gió. Trong thơ không thấy đề cập chi tới “bờ môi trái mộng”, không

thấy hình ảnh “khoé mắt trời sao” và cũng chẳng có “da em lụa là”... Tuyệt nhiên không thấy đề cập chỉ tới “động hoa vàng”. Vắng bóng “chốn Thiên thai”. Còn đâu “rừng ái ân”...

Phải chăng Huỳnh Công Ánh đã chọn đường đi khá biệt lập trong thi ca nhưng lại rất đặc sắc. Vì thái độ tất yếu của thi nhân vẫn là sự chân thành, chân thành với đời và nhất là trung thành với chính mình. Nếu không có sự chân thành đó thì thi nhân sẽ không còn là thi nhân nữa.

*

Thi sĩ Huỳnh Công Ánh là một chiến sĩ nêu cao ý chí chống lại chế độ cộng sản rất tích cực. Cái ngày mà cộng sản thường gọi là ngày “giải phóng” thời thi sĩ của chúng ta khẳng định:

“30 tháng 4

Ngày giao hàng của phường buôn dân bán nước

30 tháng 4

Ngày tũn hồn của người vì tự do tranh đấu

Ngày tổ quốc vấn khăn tang

Ngày Việt Nam trong đêm đen

Ngày dẫn cuộc đời anh đi vào nhà giam...”

Kể từ đó dân Việt làm than trong kiếp tù đầy, cảnh sống tang thương khắp trong xã hội, kẻ đi làm lao nô, người trở thành nô lệ tình dục ở nước ngoài:

..... “Cả giống nòi quần quai bởi lũ cuồng điên
Họng súng, lưỡi lê, trại tù khắp mọi miền...”

Khi còn những lao nô, em bé bán mình
Những trẻ thơ không đủ áo, đủ cơm...”

Đất nước đang trên bờ vực thẳm rơi vào kiếp nô lệ ngoại bang, bị Hán hóa:

“Ôi lịch sử đang đến hồi mạt vận
Lũ vô thần dâng, nộp, bán nước non...”

Thi sĩ nói lên cái ước nguyện của mình. Đây cũng là tiếng nói thiết tha của toàn dân Việt cả ở trong nước lẫn hải ngoại:

“Muốn sống còn về lại với người thương
Anh em ta chỉ còn có con đường

Phá ngục tù, không còn loài quỷ đồ
Về chung xây lại cả nước Việt Nam...”

Nhà thơ, nhà báo Phan Tấn Hải:

“...Huỳnh Công Ánh làm thơ để tạ ơn đời dù đời ông đã trải qua bao nhiêu kham khổ, hiểm nguy: Bị tập trung đi tù qua các trại tù từ Nam ra Bắc , rồi vượt ngục,vượt biên.Nhưng dù đời đã bắt trải qua trăm nghìn cay đắng Huỳnh Công Ánh vẫn nhìn đời bằng đôi mắt bao dung,bằng một trái tim rộng lượng,bằng một lối sống an nhiên và bằng những suy nghĩ về thế sự một cách tích cực. Ta hãy đọc:

Ít ra cũng gởi lại đời
Chút băng khuâng, phớt nụ cười đắng cay
Thiết tha đôn hậu kiếp này
Chút chua chất, khẽ nhủu mây thứ tha...”(hết trích)

*

Nhìn chung, Huỳnh Công Ánh đa dạng, đa tài, đa hiệu... Anh không chỉ hiện thân trong nghệ thuật, mà thực ra anh đã phân thân, anh đã hóa thân để trở thành một chuỗi kính vạn hoa. Nhìn sang bên này, anh là thơ; sang bên kia, anh là nhạc. Tuy nhiên, dù nhìn trước hay nhìn sau, nhìn phải hay nhìn trái... tận cùng trong tác phẩm Huỳnh Công Ánh là nỗi nhớ quê hương, là ước mơ dân chủ cho đồng bào, là những tình yêu nồng nhiệt của anh giành cho đất nước, cho con người, và cả cho người tình...”

Nhà văn Đào Văn Bình:

“..Tập thơ dày 272 trang và đúng như tựa đề, anh đã dùng 147 bài thơ để cảm ơn người vợ, Tổ Quốc, Quê Hương, bằng hữu và xót xa cho phận mình. Trong phần giới thiệu, Nguyễn Hữu Nghĩa – nguyên chủ nhiệm báo Làng Văn đã nhận xét, “ Huỳnh Công Ánh dạ sắt son, thi trung hữu dũng, nhạc trung hữu tình...” Nhưng theo tôi phải nói thêm Huỳnh Công Ánh hiểu thảo và đa tình. Tôi tâm đắc với bài Tựa của Nguyễn Hữu Nghĩa khi anh trích dẫn một đoạn thơ rất “tình” của Huỳnh Công Ánh:

Vì em thi sĩ từ hồn
Anh như thư ký trong nguồn thi ca
Công anh chỉ việc chép ra
Những lời hoa gấm lụa là từ em!”

*Và đây là cảm nghĩ của **Tổng Thư Ký Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Yên Sơn** trong Lời Bạt:*

“Hãy khoan nói về nội dung. Đối với tôi, một người viết lên được nỗi lòng của mình; diễn đạt được những biến chuyển, linh động chung quanh cuộc sống bon chen của kiếp người, kiếp người lưu vong; cảm nhận được cái lãng mạn của bốn mùa mưa nắng, vẻ đẹp thanh tao của trăng sao, nỗi xô xao của gió mây cùng hoa cỏ...bằng văn vần, văn xuôi đã là hay rồi, đáng phục rồi... Xin ngả mũ ngưỡng mộ và chào đón đưa con tinh thần, thi phẩm thứ ba của anh chào đời, góp mặt vào vườn hoa văn nghệ muôn màu muôn sắc..”

Và Huỳnh Công ánh tự ghi Cuồng loạn

Nếu nhìn thẳng được
Mặt trời khi chiếu nắng
Sẽ nhận ra mình
Khi căng thẳng đắng cay
Sau cơn bão tố
Phong ba trầm lắng
Là những tan hoang
Đổ nát phơi bày

Đã không là thiền sư
Còn đầy đầy khốn nạn
Có rúc vào hui quạnh
Sân si chẳng dung tha
Mong phép lạ một ngày tỏa sáng
Mọc trong nhau xanh biếc ngọn hiền hòa

Hiểu khó lắm
Thực hành gay go nữa
Tôi vẫn tôi
Nhiều cuồng loạn, lắm lỗi lầm
Tỏa nộ khí, tan hoang, gan mật vỡ
Tri kỷ ơi! Người soi thấu đáy âm thầm.



CÙ HÒA PHONG

Tên thật Cù Minh Khánh

Sinh quán Hoà Phong, Bình Định. Việt Nam

Trước 1975 từng sự tại ngành viễn thông VNCH

Năm 1991 định cư tại Houston, Texas. USA.

*Chủ trương Giai Phẩm Quang Trung và

Web Site Quang Trung Bình Định Quê Nhỏ (2000- 2006)

*Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/Nam Hoa Kỳ

*Thành Viên Tủ Sách Văn nghệ Sài Gòn Nghĩa Thư.

*Trước 1975: bài và thơ có đăng trên các báo Sóng Thần, Chính Luận, Diều hâu...

*Từ 1991 đến nay: Thơ, biên khảo và bài đăng thường xuyên trên hầu hết các tạp chí văn học và chuyên đề tại Hải ngoại

* Cộng tác viên thường trực Tạp chí Trầm Hương Dallas, Tin Văn (VBNHK)

***Tác phẩm:** viết chung: Tuyển Tập Thơ Văn Hoa Vàng *Tuyển Tập Thơ Văn Nam Phong. * Tuyển Tập thơ ba mươi tác giả của Thi Đàn Hương Thời Gian.

* **Sáng tác phẩm:** - Quê Hương Trong Tâm Thức (thơ-văn) - Kinh Dịch (Biên Khảo)

*Có bài thường xuyên trên các Web và Diễn Đàn TAO NGỘ, THƠ VĂN, HUYẾT HOA, ĐỒNG TÂM...

Cù Hoà Phong
TỨ LINH
LONG, LÂN, QUI, PHỤNG
và Bốn Chu Kỳ của Tổ Quốc

Người đời nghe nói đến Long, Lân, Qui, Phụng là tứ linh, là bốn linh vật mà dân Việt tôn thờ, nhưng không biết tại sao mà có, mà chỉ có bốn con không phải mười hai như Nhị Thập Chi?, Thật ra bốn linh vật này có hai linh vật là biểu tượng, và hai hiện sống trong cõi đời. Hai linh vật vô hình chỉ là biểu tượng, và trong 4 có 2 con thuộc loài chim bay trên trời là Rồng và Phượng, và hai ở dưới đất là Kỳ Lân và Rùa. Như chúng ta thường thấy trong những áng giò nai chân quỳ (bằng gỗ trắc, gỗ hương, gỗ gõ) người ta chạm trở trái đào tiên, bầu rượu thánh, các loài hoa quả nhưng đặc biệt bốn góc của áng gồm tứ linh: trấn ở 4 phương Nam, Tây, Bắc và Đông Theo kinh dịch như sau:

2-Long là Rồng (☰ mạng thủy - Phương Bắc), là con vật linh thiêng trong truyền thuyết, chứ không có trong đời sống sinh vật, thời ăn lông ở lỗ khi người nhìn xuống hướng biển thấy có những đám mây đen, họ liền rủ nhau ra xem và vui mừng vì rồng xuống hút nước sắp đem lên đất liền tưới mưa. Rồng cũng trong lịch sử Việt là Thủy tổ của nòi Việt <Con Rồng cháu Tiên>, là sức mạnh vô biên, rồng cũng là biểu tượng của ngai Thiên Tử

2- Lân là Kỳ Lân (☷ mạng hỏa - Phương Nam), là con vật linh thiêng trong truyền thuyết, chứ không có trên cõi đời, nó biểu tượng cho sức mạnh và đem lại sự an vui cho mọi người, truyền thuyết này còn giữ cho đến hôm nay trong những ngày Tết, khai trương, cúng kính, linh vật này đến đem lại sự may mắn, nhờ ông Thổ Địa dẫn đường, với tiếng trống rền rang của con người trong sự vui mừng, làm ăn được hanh thông, dân chúng được mùa, mua may bán đắt, làng xóm yên lành.

3- Qui là Rùa (☷ mạng kim – Phương Tây), là con vật có tên, sống rất lâu, đi đứng thì chậm chạp, nhưng trong truyền cổ nước Nam Rùa chạy đua với Thỏ, nhưng đến đích thì thỏ bị thua, Theo Kinh Dịch: Theo đời vua Nghiêu, nước tàu bị lụt, đến chín năm liền, Vua Vũ đào sông khai ngòi chữa được nạn lụt, trong lúc

đào sông Lạc bắt được con rùa thần đội vắn, ngài lập ra Lạc Thư là theo hình tượng của con rùa, số trên lưng của nó: đội bằng chín, dầm lên một, phía tả 3, phía hữu 7, vai bên trái 4, vai bên phải 2, chân trái 6 và chân phải 8, nói tóm lại rùa cũng là con vật chọi trời khuấy nước.

4- Phụng là con chim Phụng hay Phượng Hoàng

( **mạng mộc – Phương Đông**), rất đẹp, đuôi dài, luôn bay trên trời, con trống gọi là Phụng, con mái được gọi là Loan, và là vua của các loài chim.

Nói chung mỗi khi một trong bốn con linh vật này xuất hiện thì nơi đó ắt có điều xảy đến, hoặc có nhân vật đặc biệt ra đời, tạo ra một xã hội mới hay một thời kỳ mới.

Riêng nước Việt chúng ta truyền thuyết về Tứ Linh này thì rất là nhiều, nhưng từ ngàn xưa Tổ Tiên nòi giống Việt đã biết trước rằng nước Việt phải trải qua bốn thời kỳ rất là quan trọng mới đến thái bình:



1- **Long** cũng là Rồng: là con vật không có thật chỉ có trong truyền thuyết: Biểu hiện cho xã hội loài người thời thượng cổ “Ăn Long Ở Lỗ”, sống trong hốc đá, ăn trái cây và thịt thú rừng sống thấy gì cũng sợ nên tôn thờ thần linh như thần sấm sét, mưa, bão, lụt. Chung quanh đều là thần, còn nhiều tục lệ cho đến

hôm nay vẫn còn như thầy pháp viết một lá bùa vẽ dán trên cửa ra vào đó là thần cửa, hay vẽ trên cục đá mang về trấn ngoài ngõ là thần ngõ, trấn ngoài vườn là thần vườn các thần canh giữ không cho quỉ ma vào nhà quấy phá, nhất là trong những ngày tết, hay giỗ chạp... đó là thời kỳ thứ nhất **Thần Tắc Kỳ**.



2- **Lân** hay là Kỳ Lân cũng là con vật trong truyền thuyết: Thời kỳ Thần Tắc đã qua, con người đã biết hợp quần, tổ chức, cấy lúa nước, biết xây cất nhà cửa, ngăn thú dữ bằng hàng rào, lập thành Buôn, Làng, Bộ Tộc, Quốc Gia, trên thì có nhà Vua là Ngai Thiên Tử, Vua đi thi cây ưa

lá vàng, được vua ban cho bất cứ người nào quyền “Tiền Trảm hậu Tấu” vua muốn ai chết thì người ấy phải chết, vua thương ai thì người ấy được quyền cao chức trọng vân vân... ngoại trừ Vua ra không một ai được mặc quần áo màu vàng, ngai vua màu vàng (thường gọi là ngai vàng) cái đỉnh hay gọi là độc lư trên nắp đỉnh là con lân, dù đỉnh ấy to tới đâu cũng chỉ làm một con, và trên mỗi bàn thờ chỉ đặt được một cái đỉnh nên mới gọi là độc lư. Vua Bảo Đại là vị vua cuối cùng của chế độ quân chủ tại Việt Nam, thời kỳ Vua Chúa là thời kỳ thứ hai gọi là **Đế Tắc Kỳ**



3- **Qui** hay con Rùa: Thời kỳ Đế Tắc Kỳ đã qua, và cái cơ hội cho chế độ vô sản trung hoành trên nước Việt, một chế độ khi nghe đến ai ai cũng phải kinh hoàng, họ lấy Duy Vật Biện Chứng Pháp áp dụng vào đời sống người dân, chết là hết chứ không có ngày sau, không có luân hồi, không có thiên đàng hay hỏa ngục, không có Tây Phương cực lạc, không có Niết Bàn, họ tôn thờ chủ nghĩa Tam Vô, trong các cuộc đấu tố thu tô thuế nông nghiệp, họ giết hàng triệu người dân vô tội, một chế độ tàn độc mà trong gần 5 ngàn năm trong lịch sử chưa từng có, thật vậy ai nghe danh cũng phải khiếp sợ, đó là thời kỳ thứ ba gọi là **Danh Tắc Kỳ**



4- **Phụng** hay Phượng Hoàng: Thời Kỳ Danh Tắc Kỳ các nước Nga, Đông Âu đã qua và Việt Nam cũng đến thời kỳ quá độ, một chế độ mà làm cho lòng người phẫn uất, cũng chỉ là một giai đoạn của một thời kỳ thứ ba Danh Tắc Kỳ, lại nhường chỗ cho thời kỳ thứ tư là thời kỳ Khoa Học thăng tiến, con dân Việt đi khắp năm châu, bốn bể, con cháu họ đổ đạt thành tài, nhất là sự phát triển về tin học, theo cánh chim Phụng bay lên tận mây xanh, chế độ Duy Vật chắc chắn là phải nhường chỗ thời kỳ khoa học cực thịnh này trong một tương lai rất gần mà

thật sự người dân làm chủ đất nước mình, đó là chế độ Dân Chủ có Nhân Quyền, có Nữ Quyền và Tự Do. Đó cũng là thời kỳ thứ tư gọi là **Lý Tắc Kỳ**.

Nói tóm lại Tứ Linh là bốn Linh Vật mà ngàn xưa ông bà đã dựa theo Kinh Dịch mà lập thành, nước Việt phải trải qua bốn thời kỳ mới thật sự thái bình thịnh trị, mới có Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền, chúng tôi viết ra theo tượng (hiện tượng) của Kinh Dịch chứ không có ý nghĩ bàn hay nói về chính trị.

Cù Hoà Phong

Tham khảo :

Việt Nam Sử Lược (Trần Trọng Kim)

Con Rồng VN (Bảo Đại)

Việt Nam 5,000 năm lịch sử (Nguyễn Long)

Bút khảo về Xuân (Lê Văn Lân)

Điển Quang Biện Chứng Pháp (Lê Trung Trực Ph.D.)

Châu Dịch (Phan Bội Châu)

Kinh Dịch (Ngô Tất Tố)

Chu Dịch với Dự Đoán Học (Thiệu Vĩ Hoa)

Những Bí Ẩn của Cuộc Đời (Nguyễn Hữu Ki)

Văn Cúng, Văn Tế (Nguyễn Xuân Tình)

Trăng xưa

Trăng sáng vương lan tận nẻo xa
Trăng đi dong ruổi lại la đà
Trăng vàng núp bóng qua cội liễu
Trăng lạc hồn vương lại tim ta
Trăng có còn không đời vô vị
Trăng mãi giữ nguyên dáng cỗi xa
Trăng lẻ năm xưa nào biết đến!
Trăng nay lạc gió xứ quê nhà.

Khúc ca mùa hè

Hương Tình Ca gửi người yêu,
Điểm tô nhạc chảy xoay chiều thời gian.
Từng lời điệp khúc bình an,
Hòa vui tâm tưởng trên làn sóng đưa.
Tiếng đàn hoà nhịp ban trưa,
Điệp ngân cao vút như vừa thoáng nghe.
Tiếng ve trong buổi trưa hè,
Âm vui cung nhạc điệu bè thiên thai.
Tâm lòng chia sẻ cùng ai!
Hoà chung nhịp đập tương lai rạng ngời.
Hương thơm tỏa ngát cuộc đời
Tình yêu chung thủy vùng trời thân thương.
Ca vang khúc nhạc đậm trường,
Gửi tình yêu đến quãng đường quê hương.

Cung xưa

An Thành gió thoảng mây đưa,
Nhớ về trận tuyến vẫn chưa xoá mờ.
Bến sông Trường Cửu ơ hờ,
Lũy dài xuôi dốc bên bờ nước trong.
Nền thành trơ chòm đá ong,
Ngày xưa Quan Phủ, chờ mong nàng hầu.
Cây đa xóm chợ dài đầu,
Bao trăm năm đã úa màu gió sương.
Nơi đây rộn rã đấu trường,
Đèn hoa kết nối tiềm đường đầy vui.
Trang lâu tiếng hát ai ơi!
Bát âm cung nguyệt chào mời khách quan.
Giờ đây cảnh đã hoang tàn,
Tìm trong dĩ vãng muôn ngàn tiếc thương.

Đôi ả

Chuốc chén đường trần thể mới say
Trần ai cứ rót cứ đong đầy
Cho ta say khướt mờ thương tưởng
Giữa chốn khê khả đỡ bần tay
Thiên hạ không ngờ trên đất khách
Ta đây túy lý mãi muôn ngày
Còn người còn việc còn thủ đêm
Đốc cạn uống cạn giảm đắng cay!

Dòng sông trần trở

Trời đất chuyển vần hắt sắp mưa
Bao mùa nắng hạn cát sông thừa
Cá nằm đáy vực phơi lưng bần
Rong tấp bờ rêu đuổi nắng vừa
Gió thổi cỏ cây vui lang bóng
Mây che nước bọt đầy lúa thừa
Dòng sông từ thuở ngàn năm ấy
Trải biết bao lần gió với mưa!

Lửa Hạ

Nắng hè trái nóng khắp muôn phương
Gió lộng gành nam đến phố phường
Thân nước trôi theo dòng sóng cạn
Ao hồ dộp nát hạn còn vương
Bao giờ thu tới cây se lá
Thoắt đã đông sang nước ngập tràn
Xuân đến, Xuân đi hòa nhịp sống
Ánh hồng rực sáng nắng hè sang.

Dấu xưa

Riêng trao NH.

Màn sương nhòa bước em đi,
Tìm trong dĩ vãng anh hy vọng nhiều.
Tóc thề thơm, nhớ bao điều,
Nghiêng vành nón lá diễm kiều hương quê.
Tà áo xanh đậm lời thề,
Bước chung trên đoạn đường về dấu xưa.
Em yêu bóng nước vỡ trưa,
Dưới tàng cây cổ như vừa thoáng nghe.
Thuyền qua Kiên Mỹ bến ghe,
Vọng oai trổng trận quyền Kê phong trần.
Sử xưa Nguyễn Huệ mưu thần,
Đền vàng in dấu hàm ân duyên thề.
Tóc thơm hương quện tình quê,
Duyên tơ Long Phụng nguyện thề tin vui.
Bướm hồng diu bước vu quy,
Em trao duyên mộng , anh hy vọng đầy.

Thâu nà

Con phố Houston thật **hữu tình***
Khách vào thoáng mơn điệu làm thính,
Bạn bè có nghĩa? Nẫu quên lãng,
Bằng hữu dây na! Cây trách mình.
Khéo nghĩ loài Ta luôn tản mẫn ,
Xét soi dân Mít mãi chứng minh.
Tây coi nẫu bạn tăng cây số
Không phút nghỉ ngơi hưởng thái bình.

Cù Hoà Phong



LÊ THỊ HOÀI NIỆM

Họ tên: **Lê Phan Tuyết**

Quê cha: Quảng Bình

Quê mẹ: Phú Yên

Cựu Học sinh: Nguyễn Huệ Tuy Hoà, Võ Tánh Nha Trang, Sư phạm Qui Nhơn

Dạy học tại Nha Trang.

Vượt biên đến Mỹ năm 1980, Định cư tại Houston, TX

Cộng tác với nhiều tạp chí, đặc san ở hải ngoại với nhiều bút hiệu khác nhau.

Tác Phẩm đã phát hành:

Vén Mây tìm lại nửa vàng trắng (Tập Truyện)

Hội viên Văn Bút VNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ.

<http://lethihoainiem.blogspot.com>

LÊ THỊ HOÀI NIỆM NHÀ TÔI

“Vô! Vô con! đông dzui mà hao!” Đó là lời mời rất chí tình của ba tôi mỗi khi ngồi vào bàn ăn, dù là một cỗ bàn ngày giỗ, một bữa tiệc ăn mừng hoặc mâm cơm thường nhật nhưng lại có thêm cả một đám con hờ, gọi nôm na, vắn hoa một tí cho đượm tình gia tộc là... con nuôi!

Thật ra thì Ba Má tôi đâu cần phải nuôi thêm con làm gì, khi mà Ông Bà đã sản xuất ra hơn nửa tiểu đội cả trai lẫn gái, đang trong tuổi lớn, ăn uống cứ như là tắm ăn lên. Và lại gia đình tôi đâu phải là nhà giàu có của ăn của để, hoặc thương gia mua may bán đắt, cũng chẳng phải quan to chức lớn có tiền vào nhiều cửa v.v... Chẳng qua là thành phần lánh nạn cộng sản từ quê lên tỉnh. Ba má tôi thường hay nhắc nhở những kỷ niệm hồi còn ở dưới quê.

Ông Nội tôi cũng có nhà to năm gian bảy chái để đủ sức chứa đến những... ba bà nội và một tá cô, chú, bác, rất đông vui. Và cũng vì có nhà to, cửa lớn, ruộng rẫy bẽ bẽ, nên ông nội tôi mới bị Việt Minh ghép vào thành phần “địa chủ, phú nông” có tội với nhân dân, và chúng đã bắt ông tôi cùng với một số địa chủ khác, rồi lừa đi ra liên khu Bốn, để làm những con vật tế thần cho dân chúng đầu tổ vào những năm “cải cách ruộng đất” do bọn chúng đề ra. Nhưng trên đường đi vừa tới Quảng Ngãi, chúng đã gian manh báo cho Tây đem máy bay đến thả bom giết sạch đoàn người. Đó là “Chuyện kể ngày giỗ nội” để cho đám con cháu biết thế nào là Cộng sản!

Tuổi thơ của chúng tôi được hưởng những năm tháng thanh bình, ngày hai bữa cấp sách đến trường làng, làng tôi nhỏ lắm đâu chừng ba chục nóc nhà, nhưng lại là trung tâm của xã, vì nó nằm ngay ngưỡng cửa của cả xã, trên con đường cái quan nối liền các vùng lân cận, mé làng là ngôi chùa lớn có gốc thị thật lâu đời, nên bọn con nít chúng tôi cứ giữa trưa chạy ra ngồi dưới gốc thị, hú thị rớt bị bà già, hy vọng được xem nàng Tấm hiện ra để còn gặp được mặt Hoàng tử trông đẹp xấu thế nào.

Đêm xuống, trăng lên, bọn con nít cả xóm đều tập trung trước sân nhà tôi để nghe người lớn kể chuyện ma, nào là chuyện ma-da trong cầu “Cây Sanh” cứ mờ sáng chờ mấy bà gánh hàng đi chợ ngang qua là hiện lên kéo chân trần nước, nào là chuyện ma kéo gổ trên sông Ba ,v.v... vừa sợ vừa run nhưng cứ thích nghe kể mãi. Có đêm tối trời theo chú, theo anh xách đèn soi ếch, để lờ bắt cá đem về cho má nấu canh chua.

Nhưng tuổi thơ chưa hết mà cảnh thanh bình đã bị bọn người mệnh danh là “giải phóng miền Nam” lên về ban đêm cướp mất. Dù chỉ là một vài tên cắc kè lúc ban đầu, thỉnh thoảng mới lên về một lần, nhưng trong đêm trường thanh vắng, bốn phương thỉnh thoảng như tờ, nhà nhà đóng kín cửa, người người đang trong giấc ngủ say, bỗng bị đánh thức bởi tiếng chó sủa râm ran, rồi kèm theo vài tiếng mõ tre, tiếng thùng thiếc với tiếng loa gọi: “Đồng bào thức dậy, mở cửa thắp đèn lên!” Trời đất quỷ thần ơi, họa may người có mình đồng da sắt mới không bị rợn tóc gáy, ớn lạnh sống lưng. Nhất là những người trong nhà tôi, từ lớn tới nhỏ, tới bà vú già đều run cầm cập. Bởi vì “cái nhà tôi” mấy lâu nay đã được trung đội dân vệ xã (sau đổi thành nghĩa quân) chọn làm bản doanh, ban ngày các chú các anh cứ ra vô hà rầm, nào súng carbine, súng ga-răng đem ra lau chùi, lên nòng rắc rắc, nào máy PRC-10 réo gọi râm ran, cứ: Anh-dũng, Bắc bình, Cải cách, Đồng đa, Lê Lai, Tư tưởng, Về vang, Non nước, v.v... oang oang ra tận đầu ngõ.

Nhưng tối xuống, đêm về là họ lại đưa đơn vị đi... kích ở những vùng nào dân đâu có biết, mà bọn nằm vùng lại hay. Bởi vậy đã sợ càng thêm sợ, nhất là những đêm chúng kéo nhau vào nhà tôi lục soát, cái bồ lúa sau hè biến thành mặt khu an toàn để ba má tôi cất giấu tất cả những vật dụng của các chú, các anh. Nhờ vậy cả nhà tôi thoát nạn, nhưng ba má tôi cũng phải “cúng” cả gạo lẫn tiền cho chúng mới được yên thân.

Và rồi sáng hôm sau, bọn học trò nhỏ cấp sách đến trường làng, đã giật mình khi thấy trên tường hàng chữ viết bằng than nguệch ngoạc: “*Mỹ thua rút về Mỹ, anh em binh sĩ thua rút về đâu?*” Cũng kỳ lạ thiệt, hỏi đó làm gì người dân quê đã biết ông Mỹ mặt dài hay ngắn, tóc đỏ hay vàng, da nâu hay trắng thì làm gì có chuyện Mỹ ... thắng hay thua?

Ấy vậy mà bọn chúng đã tuyên truyền đầu độc và cũng tại bị như vậy nên ba tôi sợ quá mạng, sợ bị bắt như ông Nội tôi năm

nào, nên bèn bán ruộng bỏ làng, giao nhà cho dân vệ xã và theo binh sĩ rút về thành phố sống cho yên và để cho bảy con được tiếp tục cấp sách đến trường, khỏi phải nghe mấy ông già làng lên lớp: *“Chữ nghĩa pho pho không bằng dí dò no cái bụng!”*

Nhờ thế về sau chị em tôi mới có ít chữ nghĩa mà truyền dạy lại cho lớp trẻ. Và kể từ khi ông anh cả của tôi tốt nghiệp trường *“KBC bốn thằng một ca-rê”* về làm huấn luyện viên ở trung tâm huấn luyện Lam Sơn ngoài Dục Mỹ, thì ba má tôi có thêm đám con nuôi bắt đắc dĩ. Những người lính xa nhà rất cần một mái ấm gia đình để an ủi, để... lui về tá túc sau những giờ hết kham khổ: *“Thao trường đồ mồ hôi, chiến trường bớt đồ máu!”* Và nhất là những khi cạn túi hết tiền lương (thường thì nửa tháng đã cạn sạch rồi).

Bởi vậy nhà tôi cứ y như là *“Cư xá SĨ QUAN VẮNG LAI!”* Không giống như cư xá Văng lai góc Lý Thánh Tôn - Bá Đa Lộc ngay ngã sáu Nha Trang, cư xá nhà tôi được thành lập mà không có trợ cấp của chính phủ, lại chẳng nở thu tiền cơm tháng của sĩ quan trú ngụ, ăn nhờ. Và cũng bởi nhà tôi bỗng dưng biến thành cư xá văng lai, mà mấy chị em chúng tôi không thuộc loại cà nhõng, lại chưa quá đắt, nhưng lại bị ế ngang xương, ế chum ế đụp, ế thâm thương. Chị em chúng tôi có xuống đường phản đối ông anh tôi, nhưng ba má tôi lại bênh vực cho *“Tình quân dân cá nước”*.

Và má tôi, sau những giờ đấu tranh với khói lửa trong bếp để tạo những bữa cơm ngon, bà hay thấp hương khấn vái bốn phương, tui tôi cứ ngỡ bà khấn nguyện Phật Trời phù hộ để có tên con trai nào đem trầu cau tới rước đám con gái của bà. Bà sẵn sàng tống xuất chứ giữ làm gì mấy trái bom nổ chậm. Nhưng hủ vía, khi hỏi ra mới vỡ lẽ, má tôi khấn vái là xin Đất Trời, Phật, Chúa, Thánh Thần, Cô Năm, Chú Bảy, các oan hồn Tử Sĩ khuất mặt, khuất mày về phù hộ cho cái đám con lính tráng của bà, dù con ruột hay con hờ đều mãi mãi được bình an, vô sự, đừng để bị đạn... hun, hay lựu đạn xơi tái để rồi... phải chân lên nóc tủ ngồi nhìn gà khoả thân thì tội lắm.

Mà thật, từ khi có mấy ông anh nuôi bắt đắc dĩ, mấy cây si vừa mới trồng trước cửa xanh mơn mớn bỗng bị hạn hán chết queo, mấy cái cột đèn cũng búng gốc đổ chỗ tự bao giờ, dù có lúc tui tôi cũng có nghe lời than thở, tiếc nuối: *“Lối đi qua nhà em, nghe nồng nàn mùi... thịt nướng thật thơm!”* Tuy tiếc thì tiếc

nhưng coi bộ chả có tên con trai dân sự nào dám bước qua cái đám “Kỳ đà cản mũi” cứ ra vô hà rầm, nhứt là vào những ngày cuối tuần - với giày sô, quần áo trần chỉ thiếu có súng ngắn, dao găm và cái ba-lô buộc linh kinh soong nổi.

Ngay cả cái đám bạn gái chúng tôi, có đứa cũng có ý ganh thâm, ngờ rằng chị em chúng tôi là hoa đã có chủ!. Nhưng khổ nỗi “tình ngay mà lý gian”, dù thuộc nằm lòng câu răn của người đi trước “*Trai khôn tìm vợ chợ đông, Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân*”. Rõ ràng là chỗ nhà tôi – “Cư xá Sĩ Quan vắng lai” tạm - chỗ có không những ba quân mà có khi lên cả chục quân, là chỗ thuận lợi cho đám con gái mới lớn dễ dàng tìm ý trung nhân, nhất là khi các cô nào có quan niệm: “*Thà chết cạnh rừng mai hơn là chết trên vai... cánh gà!*”

Ấy vậy mà bọn chị em tôi tưởng chừng như bị ế! Không phải vì câu răn đe của ông anh tôi “Đứa nào lém phếng với em gái tao, coi chừng tao!” Và cũng chẳng phải mấy ông anh hờ của bọn tôi thuộc loại thánh thiện, hay theo môn thiện, hoặc thêm dầu sắc trên chữ thiên để thành hoạn quan gì cả, mà mấy anh cũng thuộc loại phàm phu tục tử, cũng tham sân si đầy người, có khi tình trong như đã mặt ngoài còn e. Nhưng khổ nỗi, vì quá biết về “thân thể và sự nghiệp” cũng như thói quen, gia cảnh, v.v..., nên bọn tôi bị dị ứng với hương vị tình yêu của các anh, nhất là những khi trái nắng trở trời, nắng gay nắng gắt mà phải tiếp nhận mùi tình yêu từ bộ đồ trần mảy ngày chưa giặt.

Lại nữa, có mấy ai dại khờ nhắm mắt đưa chân vào vùng... tử địa, khi mà đã biết được lá bài tây của đối phương. Này nhé; một anh H, người Bến Tre, leo dừa cứ như là sóc, tróc dừa cũng nhanh chẳng kém gì leo, chỉ cần ba nhát dao, xẹt qua, xẹt lại, phạt ngang, là môm trái dừa tróc lóc, lộ nguyên com dừa trắng trắng mềm mềm, chỉ cần chọc nhẹ mũi dao là có quyền đưa lên miệng... tu nước dừa tươi vừa trong vừa mát. Anh lại có tài nấu bếp, nếu thời đó có ai trao giải “Mr MOM!” chắc anh sẽ là người thắng cuộc. Bởi thế anh rất có tâm hồn đa sầu đa cảm kiểu... LÍNH CHÊ! Nên suốt ngày cứ nghe anh vào ra rên ư ử cái gì mà “*Tôi vốn nghèo, em cũng nghèo như tôi, hai đứa từ lâu mơ ước một nhà lầu...*”, lại có khi thấy anh ngồi sững nhìn vào vách mà than thở, ước ao: “*Ước gì mình đừng ngăn cách, ước gì nhà mình chung vách hai đứa mình... khoét vách chui qua!*” thậm chí có lúc anh còn xuống câu xề ai oán, ta thán cảnh “Lương Sơn Bá... đá Anh Đài”. Nghe xong

thì phải vỗ tay, nhưng mà lại ngán, sợ có ngày thành nghệ sĩ cải lương bất đắc dĩ! Nhưng anh là huấn luyện viên rất giỏi!

Anh Ph., bạn bè anh tặng cho anh danh hiệu “Dân chơi xứ Nẫu!” Nhìn anh rất giống tài tử Trần Quang Thái của phim võ hiệp Tàu, mỗi lần về Nha Trang, anh hay đem theo một bộ đồ civil gồm quần xec, áo hoa (bộ đồ vía), nếu kết đề đi phố với anh thì bắt mắt vô cùng. Nhưng khổ nổi, nhờ có bộ mã đẹp trai, nói khéo mà anh đã thành con nợ của rất nhiều người. Má tôi biết, la rầy anh hoài nhưng chứng nào tật nấy. Đã bảo cặp kè đi rước đèn thì được, chứ về nâng khăn sửa tóc cho anh thì chắc chắn có gì để nâng để sửa, vì suốt ngày chỉ nghe anh kể chuyện: *“Nhắm mắt chỉ thấy một chân trời... xập xám, lại thấy tiền nó bay đâu mất, rồi tiếc nuối, rồi chịu đói...!”* Bồi thế *“tiền lính là tính liến, nhiều khi nghèo như điên”*, lại thêm *“cờ bạc là bác thằng bần”* mà lị.

Còn anh Th., người dân P.Y. nên chọn đơn vị về Nha Trang cũng gần. Ai cũng phải công nhận anh có ngón đàn Classic Guitar tuyệt diệu. Vì anh là “đại đội trưởng khóa sinh” nên anh có nhiều cơ hội để trở tài và luyện ngón đàn nhuần nhuyễn. Những đêm trăng sáng lung linh, gió đưa nhẹ nhàng mà ngồi nghe anh ôm đàn vượt phím bản “Hoài Cầm, Ngọc Lan, Nguyệt Cầm, Mất Biếc, v.v...”. Những âm thanh réo rắt, du dương, dịu dặt dễ nói liền nổi lòng người nghe đến với kẻ chơi đàn. Nhưng khổ nổi, ngoài sở trường âm nhạc để trở thành thần tượng của những tâm hồn đa sầu đa cảm, thì giờ còn lại chỉ thấy anh: *“Tay cầm điệu thuốc phi phèo hút. Tay bợ lon bia hể hả tu!”* Còn mọi chuyện khác thì anh tỉnh bơ, phớt tình như dân Ăng-lê. Nhờ vậy mà anh có nhiều bạn, kể cả ông anh tôi, nhưng con em tôi thì vẫn cứ hát đùa: *“Đời nghệ sĩ lặn lóc xuống mương, ba ngày đêm vớt lên sinh chương, sinh thì sinh em vẫn cứ thương, thương thì thương anh vẫn... sinh chương!”* Còn má tôi thì tuyên bố một câu xanh dờn: “Mai một đứa nào lấy nó có nước... bốc mắm mà ăn!” (Má thiệt, về sau chị H. làm vợ anh rất khổ vì máu nghệ sĩ của anh).

Và anh Kh., *“...quê hương anh cái mùng mà kêu cái mần, trên đồng xanh, bên ruộng sâu. Anh trồng toàn cây rau muống!”* Nhưng khi di cư vào Nam, hình như gia đình anh đã định cư gần kho đạn Long Bình, bởi vậy anh nỗ lực. Anh nổi tiếng huấn luyện giỏi ở môn... vũ khí, viên đạn nào qua tay anh cũng không sợ hư, sợ thúi, anh nỗ lực có khi không cần tiếp tế đạn, nhờ vậy mà cả nhà tôi

có dịp cười bò lăn bò càng. Nổ cho... dzui mà! Nhưng đi cạnh kho thuốc nổ, không khéo có ngày bị trúng mĩnh.

Đó là ‘thần thế và sự nghiệp’ của mấy ông anh hờ thường trực, mỗi anh đều có mặt nổi và mặt chìm mà chúng tôi am tường ráo trọi, chứ còn rất nhiều anh thuộc diện không mời mà đến luân phiên. Riết rồi nhà tôi hầu như từ cư xá vắng lại biến sang trại lính dã chiến vào cuối tuần. Từ lính thợ lặn, lính đi mây về gió, lính sát sát, lính con rùa, lính bắn súng cà nông, thậm chí có khi lính sư đoàn cũng về tìm bạn. Cho nên nhiều bữa ăn dù đạm bạc đơn sơ, ba tôi cũng cứ nâng chén” “VÔ! VÔ CON! ĐÔNG DZUI MÀ HAO!”

Chị em tôi thì cứ biểu tình phản đối về cái nạn rửa chén, dọn dẹp nhà cửa, và má tôi thì cứ xuề xòa: “*Kệ tụi nó, con! Tụi nó lính tráng xa nhà mà! Mình nấu cho tụi nó những bữa cơm ngon, tụi nó ăn có sức mà dạy lính quỳnh giặc cho giỏi là mình yên bụng rồi!*” Má tôi đúng là “Bà Mẹ Việt Nam!”. Bù lại anh nào cũng rất thương yêu và quý trọng bà. Và rồi, vào một ngày xuân con én đưa thoi, ông anh hờ Nam kỳ lại đưa về nhà tôi một ông bạn đang là lính “áo liền quần” đóng quân tại sân bay trong thành phố. Anh chàng nói giọng Nam kỳ cục rắc rối, thế là bọn tôi có dịp ra quai (oai) dùng quyền quy (uy) ra lệnh cho mấy ông Lính bộ chại (chạy) có cờ, khiến mấy anh phải đưa hai... tai (tay) ra đầu hàng vô điều kiện.

Thật ra thì lỗi phát âm miền Nam của anh rất lạ tai, đó là đề tài cho chúng tôi tranh luận sôi nổi, chứ có bao giờ người ta lại đưa... tai cho kẻ khác véo để xin đầu hàng (?)

Không hiểu tại làm sao má tôi lại lưu tâm đặc biệt tới anh chàng Nam kỳ cục đi mây về gió này mới lạ. Từ trước tới giờ tiếp xúc với cả bầy con lính đủ binh chủng, tuy có thương yêu sẵn sốc, nhưng bà cứ vẫn nói đùa: “... có con gái gả cho tụi bây, có khác nào xúi tụi nó... trao duyên làm tướng cướp!” Ấy vậy mà lần này, bà lại tuyên bố cứ như là “chiêm tinh gia Huỳnh Liên” không bằng: “...thằng đó má coi được, nó hiền lành, lại không hút thuốc, uống rượu, lại chẳng... bay bướm như mấy thằng không quân khác(?). Đứa nào lấy nó coi bộ... tốt số đó!” Má tôi khen thì cứ để bà khen, nhưng mỗi lần chàng ghé trạm thì bọn em tôi lại đồng ca: “ù-u-ù-u-u-ù, ôi Không quân... mang tiếng muôn đời. Nhìn ra phi trường Nha Trang, Không quân ra đi sá chi.... vợ nhà!”

Nhà tôi thì vẫn cứ “ĐÔNG DZUI MÀ HAO!” mặc dù em tôi đã lên xe hoa về nhà chồng! Ba má tôi chưa kịp hưởng trọn được niềm vui cùng con cái thì gió bụi mịt mù đã ùn ùn kéo đến phủ chập lầy thành phố Nha Trang thân yêu vào những ngày cuối tháng ba năm ấy.

Hình như không ai ngờ ngay cả những người lính, những người con trai mặc đồ trận; mang bột-đờ-sô, dù ở binh chủng nào, đơn vị nào, dù chiến đấu ngoài mặt trận hay ở tận quân trường, cũng đã một lòng kỳ vọng đem sức lực, mồ hôi, có khi máu và nước mắt của chính mình để hoàn thành nhiệm vụ. Thế nhưng giặc chưa đến sao các anh bị bắt buộc phải buông súng, cuốn gói chạy dài (?). Từng đoàn quân xa nối đuôi nhau từ bỏ quân trường, bỏ thành phố, bỏ lại sau lưng tất cả những kỷ niệm thân thương để xuôi chạy về Nam. Những người lính thành phố cũng hốt hoảng tìm đường bỏ chạy (?). Tiếng động cơ trực thăng mới hôm nào vẫn là niềm tin, là vị cứu tinh mỗi khi giặc Cộng từ Đồng Bò pháo kích vào thành phố, bây giờ đã biến thành nỗi thất vọng, buồn phiền cho người ở lại. Những tiếng máy bay vận tải, phản lực gầm rú trong đêm, và ngoài biển kia, từng đoàn tàu thuyền đã vội vàng tách bên ra khơi bỏ lại thành phố Nha Trang hoang vắng, tiêu điều, và người Nha Trang thất thần sợ hãi.

Nhà tôi cũng chịu chung số phận, Ba Má tôi dù sợ vẫn không chịu lần nữa bỏ xứ ra đi. Thế là cảnh chia tay lâm ly, bi đát, buồn áo não diễn ra suốt mấy ngày liền. Chàng lính áo liên quân cũng bịn rịn chia tay. Trước giờ ly biệt kẻ ở người đi không có màn đưa tiễn, Má tôi đã làm cách mạng cho phép tôi... xách gói theo chàng. Nhưng với tôi, cái nhà tôi vẫn là điểm tựa an toàn, dù chưa biết ngày sau sẽ ra sao?

Sau hơn ba mươi năm từ ngày quê hương đổi chủ, biển Nha Trang vẫn còn những con sóng bạc đầu lẫn lẫn vỗ nhẹ vào bờ cát hẹp, nhưng đường sá thì đã lắm đổi thay, hàng cây rợp bóng của những con đường tình xưa giờ đã bị ủi tróc gốc mất rồi, v.v..., và nhất là những người đã từng ở Nha Trang xưa, giờ đã tản lạc khắp mọi phương trời. Nhà tôi bây giờ chỉ còn lại Ba Má tôi, hai cụ già mắt nhòa sức yếu, suốt ngày chỉ ngồi nhìn qua khung cửa kính, để thấy ông đi qua, bà đi lại rồi ước ao có một lần tất cả những đứa con, dù con ruột hay con hờ, qui tụ bên bàn ăn để Ba tôi có cơ hội mời lại: “VÔ! VÔ CON! ĐÔNG VUI MÀ HAO!” Nhưng ước mơ

vẫn chỉ hoài là mơ ước cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay ?)(Bây giờ thật sự ông bà đã xuôi tay). Hồi đó, mỗi lần về thăm nhà, Ba Má tôi cứ nhắc thằng này, thằng nọ giờ không biết chúng nó ở nơi đâu, có được sống sung sướng bình yên hay đã mồ xanh cỏ (?) Duy có điều an ủi cho Ba Má tôi, nhất là Bà cụ, vì một trong những đứa con hờ ngày xưa Bà lưu tâm săn sóc, Bà ngợi khen không tiếc lời đã không phụ lòng Bà, dù bao năm lưu lạc xứ người, cuối cùng đã trở thành đứa con rể thân thương. Đó chính là người lính áo liền quần năm xưa. Chàng, không ai xa lạ chính là...
NHÀ TÔI!

Lê Thị Hoài Niệm
NHỚ MẸ

Nha trang, Phù đồng con về,
Tưởng nhìn dáng Mẹ đứng chờ bên hiên
Trong vòng tay ấm Mẹ hiền,
Con miên man kể nỗi niềm nhớ thương,
Từ ngày con bỏ quê hương,
Từ già Cha Mẹ xuống thuyền ra khơi
Mẹ buồn , ngấn giọt lệ rơi
Từ trong ánh mắt vạn lời yêu thương
Tim gan quặn thắt, tình vương
Vì đâu con - Mẹ hai đường chia xa
Thu tàn, đông đến, xuân qua
Ngân ấy năm tháng Mẹ già đơn côi
Mẹ đau . Ruột thắt gan rời.
Hay tin con vội qui hồi chốn quê
Nhưng con đau đón thần thờ
Sao Mẹ nỡ bỏ đi về cõi nao?
Nhìn di ảnh Mẹ trên cao
Nén hương khăn nguyện mắt trào lệ rơi.
Con về đây Mẹ thương ơi!
Nghìn thu vĩnh biệt không lời từ ly
Nguyện cầu Phật tổ từ bi.
Phóng quang tiếp độ, hộ trì Mẹ con !!!

Lê Thị Hoài Niệm
NHỚ VỀ SƯ PHẠM QUI NHƠN

Bốn mươi năm chưa về qua lối cũ
Chắc bây giờ đường phố đã đổi thay
Nhớ những ngày lang thang ở khu Hai?
Chiều xuống vội, nhanh chân vào nội trú.

Ngôi trường xưa giờ thay tên đổi chủ.
Biết làm sao tìm lại nụ hoa đời
Không gian xưa còn lưu lại tiếng cười
Hay đã xoá bởi thời gian xa cách?

Trường xưa ơi, nơi bao nhiêu bè bạn
Hai năm dài ngồi chung lớp chuyên tâm
Đời Giáo sinh, người ương hạt gieo mầm
Cho bao trẻ khi vào nghề Giáo học

Hai năm qua biết bao là khó nhọc
Phải dùi mài nhiều môn học khó trôi
Thể dục thể thao vừa học vừa chơi
Vẫn cố gắng để xứng danh nhà giáo!

Thế cuộc đổi thay, tràn vào giông bão
Bụi giăng bỏ rời, quê mẹ lìa xa
Trả nợ áo cơm, ngoảnh lại quê nhà
Thấy tiếc nuôi, thương từng viên phấn nhỏ

Nhớ trường xưa biết cùng ai để tỏ
Bạn hữu đâu rồi kỷ niệm đã phai?
Ở nơi đây với những tháng năm dài
Dù thương nhớ cũng chỉ còn hoài niệm!!!!

Lê Thị Hoài Niệm
Tôi gặp Anh
Người Lính Địa Phương Quân

Tôi gặp Anh khi tuổi còn rất nhỏ
Toán Lính về làng để bình định an dân.
Anh hiền ngang cùng đi giữa đoàn quân
Rồi tiến thẳng vào sân nhà tôi ngồi nghỉ

Nón sắt ,ba lô, Poncho và vũ khí
Các anh vui cười, lễ phép hỏi ba tôi:
“Bác cho chúng con mượn tạm mảnh sân thôi
Đêm nay nghỉ mai đi hành quân tiếp

Tôi gặp Anh một chiều vàng rất đẹp
Tuổi trắng non chưa hề biết mộng mơ
Học trường xa ngày nghỉ mới trở về
Con đường vắng chót lính canh xuất hiện

Anh chặn tôi: “Giờ này về bất tiện
Giặc về làng quây phá tới hôm qua
Đơn vị Anh quần thảo đến canh ba
Giặc rút chạy, toán quân nhà vô sự
Tôi gặp Anh, tuổi xuân thì thiếu nữ
Rất bình thường không mơ mộng, kiêu sa
Tan trường về biết mong ngóng Người ta
Rồi tự nhủ: chắc đang hành quân gấp đó!

Anh quân nhân không mũ xanh, mũ đỏ
Không hoa dù, cũng chẳng thiết vận xa
Không lệnh đèn lấy biển cả làm nhà
Không bay bổng giữa trời cao lộng

Anh người Lính: Niềm tin và Hy vọng
Ngăn giặc thù giữ thôn xóm bình an
Ngày hành quân ven biên giới Tỉnh-Làng
Đêm đi kích cũng ruộng hoang, gò mả.

Địa phương quân-Lính con Rùa nhưng vất vả
Sống giữa lòng dân mà nguy hiểm bội phần
Đang nói cười, lựu đạn nổ- thây phân
Đường sinh tử đêm thời gian tích tắc

Quán cà phê có thể là trạm gác
Thằng bé qua đường có thể “giao liên”
Cô bé xinh xinh trông rất nhu hiền
Nào Ai biết là “đặc công Cộng sản”?

Tôi gặp Anh trong dòng người hỗn loạn
Thấp thóm chờ tàu vận chuyển xuôi Nam
"Cuộc di tản" như triệt cả đoàn quân
Vùi chí khí, nén đau buồn "thúc thủ".

Tôi gặp Anh giữa chợ Trời lam lũ
Tầm thân gầy phủ manh áo vá vai
Áo rách vá, làm sao vá đời trai,
Bị toi tả sau tháng ngày nghiệt ngã?

Tôi gặp Anh đang mong manh hơi thở
Thân phận con người trần trở giựt giành
Cuộc chiến sau cùng đã định sẵn lẫn ranh
Nhưng Người Lính đó vẫn trong tôi mãi mãi





DƯƠNG THƯỢNG TRÚC

Tự Trào

Tháng mười, mười bốn năm xưa.
Một đêm giông tố, gió mưa bão bùng.
Cửa thiên đình bỗng mở tung.
Roi xuống hạ giới gã khùng họ Dương.
Mặt mày lơ lảo khó thương.
Tính tình dở dở ương ương gàn gàn.
Cung thương đắm nột tầu cần.
Văn chương vài chữ viết tràn cung mây.
Gật gù nửa tỉnh nửa say.
Lấy sáng làm tối, lấy ngày làm đêm.
Thế mà chẳng chịu là điên!

Dương Thượng Trúc tên thật: Bùi đăng Thủy

các bút hiệu **Dương thượng Trúc**, Mũ Nâu 11, Bảo Thịnh, Trúc Dương, H₂O, Huy Tâm, Trần đình Tân, Bùi Đình Thụy...

Xuất thân khóa 9/68 TBB/TĐ

Phục vụ Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân-Pleiku

Sở thích: Viết văn, làm thơ, soạn nhạc, ca hát và... làm đệ tử Lưu Linh.

Hội viên VBVNHN từ năm 2011.

Đã góp mặt nhiều chương trình phát thanh

Tác phẩm tập truyện ngắn: Thu Xưa.

Cộng tác thường xuyên với Tạp Chí Tin Văn - Trần Hương - Tập San Biệt Động Quân...

Đang phụ trách trang “Thơ Lính” trên Nguyệt San KBC.

Địa chỉ email: trangtholinh@gmail.com

Trang nhà: www.tangnhonphu.com.

Dương Thượng Trúc
Chinh Chiến một thời ...

Chinh chiến một thời vang núi sông.
Tài trai hồ thi trái tang bông.
Ta đem chí khí treo đầu súng.
Tử sinh xem nhẹ tựa lông hồng.

Chinh chiến một thời, ta bước đi.
Xá chi giọt nước mắt phân kỳ.
Của người tri kỷ bên song cửa.
Và những yêu thương tuổi xuân thì.

Chinh chiến một thời ôi đớn đau!
Quê hương tang tóc phủ một màu.
Núi xương sông máu người dân Việt.
Vì ý thức nào chém giết nhau?

Chinh chiến một thời lắm điêu linh.
Muôn dân ao ước sống thanh bình.
Nhưng loài giặc dữ đâu muốn thế.
Chúng thề sẽ mãi quốc cầu vinh.

Chinh chiến một thời nay đã qua.
Mà lòng vẫn quặn những xót xa.
Túi gươm thẹn súng đòi lang bạt.
Chí cả phai phôi buổi nắng tà...

Kịch Thơ ĐÊM CHÍ LINH.

Soạn Giả: **Dương thượng Trúc.**

Lời Tựa

Sáu trăm năm trước, khi giặc Minh đem quân xâm lược nước ta, Lê Lợi (10/09/ 1385 - 22/08/1433), một nông dân áo vải đất Lam Sơn đã hiên ngang đứng lên phát cờ khởi nghĩa.

Suốt mười năm gian lao kháng chiến 1418-1428, một lần nghĩa quân bị vây khốn ở rừng núi Chí Linh, nhờ dũng tướng Lê Lai tự nguyện hy sinh, mặc long bào lừa quân giặc, giúp Lê Lợi có cơ hội đào thoát để tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh cho đến khi quét sạch giặc tàu ra khỏi bờ cõi.

Mấy trăm năm hay mấy ngàn năm trước nữa, con cháu rồng tiên vẫn luôn hiên ngang, bất khuất đứng lên bẻ gãy mọi ý đồ Hán hóa Lạc Việt của bọn bắc phương.

Tác phẩm này được viết ra để nêu cao những tấm gương anh dũng của các bậc tiền nhân, cùng ý chí tự cường của dân tộc trước họa ngoại xâm đang hiển hiện trước mắt.

Thủy Gia Trang -12/2013

Các vai

-**Lê Lợi:** Mặc võ phục nâu, đầu chít khăn xanh, khoác áo choàng màu vàng, lưng đeo trường kiếm.

-**Lê Lai:** Võ phục nâu, đầu chít khăn đen, lưng đeo trường kiếm
-**Tiếng vọng.**

Màn mở:

Khung cảnh núi rừng Chí Linh về đêm âm u, huyền bí.

(Tiếng gió rít rì rào hòa cùng tiếng reo hò vắng vắng của hàng vạn binh lính nhà Minh)

Lê Lợi (ngước nhìn trời cao, cảm thán):

-Đêm âm u giữa mịt mù khói lửa.

Vang tiếng thét gào của muôn vạn tinh binh.

Ta sa cơ nơi rừng núi Chí Linh.

Nên hoài vọng vui chôn trong uất hận.

Đã bao phen vẫy vùng nơi chiến trận.

Đem tài trai mong đền đáp non sông.

Thế mà nay...

Ôi! Thế mà nay, đành giữ nợ tang bồng.

Khi quân xâm lược đang xéo dày đất tổ.

Lê Lai (bước đến khoanh tay thì lễ, nói):

-Tâu Chúa Công!

Giặc bắc phương bạo tàn hung dữ.

Khắp nơi nơi đồ thần hồn cắn.

Chúng bắt dân Nam:

Vượt núi trèo non, ngâm ngải tìm trầm.

Lặn lội biển đông, mò trai lấy ngọc.

Chúng thu gom lựa là gấm vóc.

Chúng vét vợ lúa thóc ngô khoai.

Khiến sinh linh sống trong cảnh đọa đầy.

Đền cỏ cây cũng nghiêng răng hồn oán.

Lê Lợi (thở dài):

-Khi non sông lâm cơn hoạn nạn.

Thân nam nhi đâu lẽ làm ngơ.

Đất Lam Sơn ta tụ nghĩa phất cờ.

Mong quét sạch bóng quân xâm lược.

Lê Lai (chấp tay vái Lê Lợi):

-Trung nghĩa ấy, hạ thần xin bái phục.

Nên một lòng theo phò tá Chúa Công.

Trước là gìn giữ non sông.

Sau làm rạng rỡ con rồng cháu tiên.

Lê Lợi (tỏ vẻ đau khổ):

-Nhưng tiếc thay ta tài hèn đức bạc.

Không theo gương được các bậc tiền nhân.

Nhìn kẻ thù đầy đọa lê dân.

Mà nghe như... máu trào dâng khốc mắt.

Lê Lai (khuyên giải):

-Bẩm Chúa Công !

Tự ngàn xưa, tổ tiên ta bắt khuất.

Không bao giờ chịu thần phục bắc phương.

Đáng quân thoa cũng làm chuyện phi thường.

Giặc Nam Hán đã bao phen khiếp vía.

Lê Lợi:

Bà Trung quê ở Châu Phong.

Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên.

Chị em nặng một lời nguyện.

Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.

Lê Lai:

-Ngàn tây nổi áng phong trần.
Âm âm binh mã xuống miền Long Biên.
Hong quân nhẹ bước chinh yên.
Đánh đuổi Tô Định dẹp yên biên thành.
(Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca)

Lê Lợi:

-Nước Vạn Xuân khai sinh từ nhà Lý.
Chấm dứt thời kỳ bắc thuộc thứ hai.
Lũ giặc Lương phải cuốn vó chạy dài.
Giang sơn ta được tự do độc lập.

Lê Lai:

-Bạch đằng Giang đã bao phen vùi lấp.
Áo vọng nông cuồng của bè lũ tâu ô.
Giòng sông xanh là một nắm hoang mô.
Nhận chìm hết mọi ý đồ xâm lược.

Lê Lợi:

-Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế cư.
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm.
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.
(Lý thường Kiệt 1019-1105)

Lê Lai:

- Nước Nam là của vua Nam.
Thiên thư đã định ràng ràng chẳng ngoa.
Kẻ nào ôm mộng gian tà.
Đem quân xâm lấn ắt là bại vong.
(Dương thượng Trú chuyển thể)

Lê Lợi (vỗ ngực cương quyết):

-Thân làm tướng xá chi điều thua được.
Chỉ hận mình đức bạc tài sơ.
Không đủ trí mưu để giành lại cơ đồ.
Đành cùng giặc... ta thề một phen quyết tử.
(Rút kiếm chỉ thẳng về hướng giặc)

Lê Lai (hoảng hốt):

-Tâu Chúa Công mình Ròng xin gìn giữ.

Lê Lợi:

-Nhưng biết làm sao để vượt thoát trùng vây?

Lê Lai (quỳ sụp xuống, thi lễ):

-Hạ thần xin được mạo muội tỏ bày.

Lòng trung nghĩa như người xưa hành xử.

Lê Lợi (bước đến đỡ Lê Lai đứng dậy):

-Hãy bình thân, nói cho ta nghe thử.

Kế sách nào để thoát khỏi hiểm nguy?

Lê Lai (ngập ngừng):

-Tâu Chúa Công...

Lê Lợi (thúc giục):

-Khanh cứ nói đi, còn ngần ngại chuyện gì?

Lê Lai:

-Xin Chúa Công thứ tha nếu hạ thần phạm thượng.

Lê Lợi (vỗ vai Lê Lai):

-Ta có được khanh theo phò dưới trướng.

Là một điều diễm phúc vô song.

Lời thề Lũng Nhai ta vẫn nhớ nằm lòng.

Lúc gian nan quyết đồng tâm sinh tử.

Lê Lai (chắp tay vái bốn phương tám hướng, cuối cùng là cúi lạy Lê Lợi):

-Xin cáo lỗi cùng Hoàng Thiên Hậu Thổ.

Cho hạ thần được khoác áo Quân Vương.

Dẫn đạo kỵ binh đánh phá mở đường.

Đề Chúa Công có cơ may đào thoát.

Lê Lợi (giận dữ la lớn):

-Làm như thế, ta khác nào một tên hèn nhát

Bỏ ba quân trong lúc lâm nguy...

Lê Lai (vái lạy Lê Lợi):

...Nhưng nếu Chúa Công mất đi... nếu Chúa Công... mất đi thì đất nước còn gì? Hay cũng nát tan với bầy lang, lũ sói.

Sơn Đông Hưởng Mã

(Lê Lai Cứu Chúa - Soạn Giả Viễn Châu)

Nên xin Chúa Công:

Hãy thượng mã, lo tầm phương.

Tẩu thoát cho mau.

Lúc cùng nguy chí hùng anh nên đào sanh.

Nào phải nhục người đừng có e ngại.

Ăn thân, đợi thời phục hồi sơn hà...

Lê Lợi (bước đến ôm vai Lê Lai):

-Lời của khanh thật tràn đầy nghĩa khí.

Đã dám vì đất nước diệt thân.

Vẫn có câu “Sống làm tướng thác làm thần”.

Công trạng này, sử sách ngàn năm còn lưu giữ.

(Tiếng reo hò vang lên rõ hơn, hòa lẫn tiếng trống thúc quân dồn dập)

Lê Lai:

-Xin Chúa Công đừng chần chờ chi nữa.

Chuyện tử sinh chỉ gang tấc mà thôi.

Trống giục quân reo đang đổ từng hồi.

Mau cỡi Long Bào trao cho thần tử.

Lê Lợi (cởi áo chàng, khoác lên vai Lê Lai, chấp tay vái):

-Đội ơn khanh, đã thay ta làm mồi cho giặc dữ.

Lòng hiếu trung cảm động đến trời cao.

Làm lu mờ ngàn vạn ánh sao.

Đang lấp lánh giữa màn đêm tăm tối.

Lê Lai (chấp tay xá đáp lễ và chỉ vào hướng hậu trường):

-Xin Chúa Công theo ba quân dẫn lối.

Vượt trùng vây tìm cách thoát hiểm nguy.

Còn hạ thân...đã đến lúc phải ra đi...

Chúa công ơi! Chúa Công. Từ nay... xin vĩnh biệt...

(Lê Lợi chậm chạp bước lùi dần vào trong hậu trường...cho đến khi khuất bóng. Lê Lai đứng vẫy tay tiễn biệt)

(Nhạc nên nổi lên ai oán).

(Tiếng vọng của giặc Minh vang lên, lơ lửng):

Tiếng vọng:

-Lê Lợi lâu hàng li...lâu hàng li...

Lê Lai (cười ngạo nghễ):

-Ha ha ha...Hồi lũ giặc tầu xâm lăng bạo tàn, ngu dốt.

Chúng bay làm sao bắt được Chúa Công ta?

Vó ngựa của Người bây giờ đang rong ruổi đường xa.

Còn ta đây... ha ha ha ... còn ta đây chỉ là tên lính tốt.

Ha ha ha...

Tiếng vọng:

-Lê Lợi ...lâu hàng li...Lâu hàng thì bọn ta tha tội chết

Lê Lai (lại cười to):

-Đầu hàng hả?

Ha ha ha... Ta là thần dân nước Việt.

Nơi sản sinh biết bao đấng anh tài.

Trong quân cơ còn hàng ngàn, hàng vạn Lê Lai.

Sẵn sàng liều thân hy sinh vì Tổ Quốc.
Hôm nay đây, dù đâu ta có rơi xuống đất.
Cũng chẳng bao giờ... chẳng bao giờ...ta hàng phục lũ chúng bay.
Chùng nào trời mọc hướng tây.
Rừng thiêng hết lá ta đây mới đầu.
Chùng nào biển bắc được cầu.
Ghe đi trên núi ta đâu bọn bay... Ha ha ha...

(Lê Lai Cứu Chúa-Viễn Châu)

(Tuốt gương ra mùa, đi dần vào hậu trường. tiếng vũ khí chạm nhau, tiếng giặc Minh la hét đau đớn, “Sĩ ngộ dôi...sĩ ngộ dôi” hòa lẫn tiếng cười ngạo nghễ của Lê Lai vang lên lòng lộng).

Màn Hạ

Bài tình ca ngày ấy...

Gởi người ngày cũ.

Anh nợ em...

...bài tình ca ngày ấy.

Thuở chúng mình còn tha thiết bên nhau.

Lúc tóc xanh chưa đổi sắc thay màu.

Lúc nhịp tim đang nồng nàn hơi thở.

Hương tương lai là màu hồng rạng rỡ.

Em ngây thơ tà áo trắng thiên thần.

Anh miệt mài theo nhịp bước hành quân.

Đi gìn giữ những mùa Xuân đất mẹ.

Ngày về phép chỉ nhìn nhau lặng lẽ.

Thời đao binh ai dám hứa hẹn nhiều.

Sợ rằng mình chẳng giữ được bao nhiêu.

Sẽ làm lệ hoen bờ mi thanh tú.

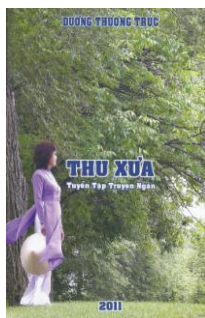
Bài tình ca hát ru em ngày đó.

Vẫn nồng nàn, vẫn sống mãi trong anh.

Dù bây giờ tóc đã chẳng còn xanh.

Món nợ ấy...

cuối đời anh sẽ trả...



Dương Thượng Trúc.

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 292

Nhất quỷ nhì ma...

Mọi sự trùng hợp, là ngoài ý muốn của tác

Dương Thượng Trúc

Nắng lên khá cao. Trời xanh trong vắt, không một gợn mây. Bầu trời mùa Xuân mới đẹp làm sao. Nắng cao nhưng không gay gắt lắm, thế mà trên trán những người lính cũng lấm tấm mồ hôi. Lưng áo cũng đã ướt đầm. Họ bắt đầu cuộc hành quân từ sáng sớm đến giờ. Vượt qua mấy cánh đồng lác, sinh lầy ngập gần đến đầu gò. Rồi lại băng qua những khu rừng dừa nước âm u, với đầy đủ những mìn chông, cạm bẫy. Họ lặng lẽ bước như những cái bóng. Những cái bóng đi gìn giữ mùa Xuân cho đời. Giờ này, nơi phố xá phồn hoa, người ta vẫn thản nhiên thụ hưởng bao niềm vui bất tận, mấy ai có thì giờ nghĩ đến những kẻ đang lặn lội giữa đồng chua, nước mặn như thế này. Bỗng tiếng Trung Sĩ nhất Hà, Trung đội phó vang lên nho nhỏ:

-Ê Năm, nói ba thằng đệ tử mày đi xuống ruộng giùm tao đi, nếu không muốn để lại cái ống quyển cho mấy thằng Vẹm làm ống điếu...

-Nè! Mấy thằng mắc dịch, lội xuống ruộng mau lên. Thấy bờ dê là tươm tước hà!

Vài người lính mệt mỏi bì bõm dưới nước, mon men đến bên con dê nhỏ đang nằm mời gọi một cách quyến rũ. Bị Trung Sĩ Năm, Tiểu đội trưởng quát, vội bước trở xuống ruộng.

Dầm nước từ sáng sớm đến giờ, nhìn thấy cái bờ dê khô ráo như thế, dĩ nhiên ai cũng muốn được đặt chân lên. Cái bờ dê có những bụi cỏ non xanh mướt, giữa tiết trời mùa xuân, với họ lúc này có lẽ còn êm ái hơn cái võng nylon mà họ vẫn nằm hằng đêm.

Ước gì được ngã lưng nằm dài trên đó, gối đầu lên nón sắt, đốt một điếu Ruby Quân Tiếp Vụ, sáng khoái nhả khói, ngược nhìn bầu trời xanh thăm thẳm kia thì sung sướng biết bao.

Ôi! Hạnh phúc của những người lính sao mà nhỏ nhoi, giản dị là thế. Ước mơ của họ mới nhẹ nhàng, an bình làm sao! Nhưng, những chỗ tưởng chừng là an bình lại là nơi kẻ thù sẵn sàng lợi dụng để đặt những cạm bẫy chết người.

-Thảm quyền, ông Hà muốn gặp ông nè.

Hạ sĩ Quý, âm thoại viên vừa nói vừa đưa ống liên hợp cho anh.

-Hồng Hà, Tango tôi nghe đây!

-Trình Tango, phía trước mặt có con rắn nhỏ * mình băng qua luôn hay dừng lại?

-Coi mé bên kia ra sao?

-Cũng trông trải lấm, Tango.

-Nếu dễ quan sát thì anh cho dặm chân tại chỗ trên con rắn đó đi. Nhớ gởi hai thằng em ra nhòm ngó hai đầu nhe.

-Tuân lệnh.

-Nè, nhắc nhở con cái cẩn thận, coi chừng ông địa cười* đó.

-Nhận 5/5 Tango.

Đoàn quân chậm dần lại. Thụy cố bước nhanh vượt hết khoảng ruộng lác sinh lầy. Tiểu đội đi đầu đã bố trí xong hai người gác khi Thụy đặt chân lên con đường mòn đất đỏ khá rộng. Đây là trục lộ nối liền hai xóm nhỏ hẻo lánh giữa rừng dừa nước bạt ngàn. Phương tiện di chuyển chính của cư dân vùng này là xe đạp, xe bò và “lô ca chân”. Trên mặt đường đầy dấu bánh xe bò ngoằn ngoèo, chằng chịt.

-Quý đưa máy anh nói chuyện với Hồng Hà coi.

-Dạ có đây Tango.

-Hồng Hà tôi nghe đây Tango.

-Gần 11 giờ rồi, cho con cái lo cái bao tử đi, đúng ngọ mình zulu*. -Rõ năm trên Tango!

-Không được lơ là chuyện nhòm ngó hai đầu nhe.

-Dạ! -Mình cũng ăn cơm luôn hả Thẩm quyền?

Lê, liên lạc viên đứng bên, cất tiếng hỏi. -Ừ! Lê tìm chỗ nào khô ráo nấu nước pha cho anh ly cà phê. -Có ngay thẩm quyền. Nhưng để em đi tìm chỗ an toàn đã.

Lê là một thanh niên lanh lẹ, nên chỉ một lát sau mấy thầy trò đã tụ tập dưới một tàng cây khá rậm rạp, khá dĩ che bớt ánh nắng bắt đầu gay gắt dần.

-Mày quan sát chỗ này kỹ chưa vậy Lê?

Quý hỏi, trong khi đang tháo ba lô xuống.

-Xong rồi hạ sĩ, không có dấu vết khả nghi nào cả.

-Không cẩn thận, ngòi mìn nó lên ông địa là lúa đó nhe em.

-Hạ sĩ yên tâm, em còn yêu đời lắm mà.

Dưới bóng cây là một mảng cỏ non xanh mơn mẫm, nhưng đã bị nằm rạp xuống, chứng tỏ những người dân trên đường qua lại giữa hai xóm đã thường dừng chân nghỉ ngơi tại đây. Thụy móc túi lấy ra gói Pallmall châm một điếu nhả khói, rồi cầm bản đồ, địa bàn

định hướng vị trí. Quả nhiên từ đây đến khu dân cư không xa là mấy. Có lẽ chỉ qua cánh rừng dừa nước nhỏ này là đến những mảnh ruộng của người dân trong xóm. Đời sống đồng bào nơi này thật vô cùng cơ cực, chỉ cách Thủ Đức Saigon hoa lệ vài chục cây số, nhưng khoảng cách về mức sống và dân trí thì có lẽ phải đến vài chục năm. Nên họ dễ dàng bị bên kia tuyên truyền lợi dụng, thậm chí cả o ép. Rất lâu mới có những đơn vị chủ lực hành quân qua đây. Mà có cũng chỉ để chống pháo kích như đơn vị anh bây giờ. Còn lại là giao khoán cho các lực lượng địa phương. Mà văn phòng xã ấp cũng chẳng gần gũi gì. Để rồi tình trạng an ninh rất bấp bênh như một vùng xôi đậu.

Với một chút C4 lúc nào cũng thủ sẵn trong bao lô, vài phút sau Lê đã bung một ca cà phê thơm lừng đến bên Thụy, nói:

-Có cà phê rồi nè thăm quyền.

-Đề Tango ăn cơm trước đã chứ, mày đưa cà phê ông uống no ngang rồi sao ăn? Quý nạt Lê.

-Tại thăm quyền muốn uống cà phê mà, nhưng đồ ăn em cũng hâm nóng rồi kìa.

Thụy lên tiếng giảng hòa:

-Hai đứa ăn đi, tao không thấy đói. Có lẽ sáng nay ăn mấy miếng bánh chưng nên no lâu.

-Hong biết chị Thư Cúc mua bánh chưng ở đâu mà ngon quá trời luôn.

-Chị Cúc đẹp người mà cái nét cũng tốt nữa.

-Người yêu của Tango mà vậy.

-Tụi mày biết đêch gì về cô ấy mà tán tụng dữ vậy...

-Mấy lần chỉ lên hành quân thăm Tango, tụi em có nói chuyện mà.

-Tội nghiệp chỉ ghé đi há, Hạ Sĩ! Minh đóng quân ở đâu cũng lận lợi tới thăm...

-Ừa! Từ Bình Điền, Bình Chánh đến Tân Bửu, Chợ Đệm không nơi nào thiếu bóng dáng của chị...

-Hong biết chừng nào Thăm Quyền cho mình uống rượu đây Hạ Sĩ?

-Thôi nha! Tụi bay đi quá xa rồi đó. Lo ăn cơm đi.

Bị Thụy nạt ngang, hai cậu nhóc nín khe, xúm xít vào bữa cơm trưa gồm một bịch gạo sảy và hai hộp thịt ba lát kho chung với những miếng măng tre luộc lật ở đầu đó.

Thụy ngồi dựa lưng vào thân cây, phóng tầm mắt ra cánh đồng lác ngút ngàn. Chỉ vì tham vọng của những kẻ cuồng tín, phục vụ mưu đồ đen tối bằng cách gây chiến tranh, nên những mảnh đất này bị bỏ hoang nhiều năm tháng. Nếu không, với sự càn cù, chăm chỉ của người dân miền Nam, nơi đây sẽ thành những ruộng lúa phì nhiêu, cò bay thẳng cánh. Và đời sống người dân sẽ sung túc biết chừng nào. Khi đơn vị dừng chân ở những thôn xóm nghèo nàn, mái tranh vách lá, với những căn bếp lạnh tanh buổi chiều về, lòng anh buồn vô hạn. Nhìn những em bé bụng ỏng đít teo, quần quýt bên anh em binh sĩ, mắt sáng rỡ để đón nhận những hộp thịt gà, những bịch gạo sấy, thấy thương làm sao. Tuổi thơ Việt Nam, những mầm non của Tổ Quốc, nòi giống Rồng Tiên là đây sao? Lớp trẻ này lớn lên sẽ đi về đâu? Cơm còn chưa đủ no, nói chi đến chuyện học hành. Và thế là họ bị nhồi nhét những ước mơ hoang tưởng về một thiên đường hư ảo.

-Thẩm quyền. Hồng Hà muốn nói chuyện với ông nè!

-Tango tôi nghe đây Hồng Hà.

-Tango đến đây ngay đi, có chuyện cần giải quyết.

Thụy buông ca cà phê đứng dậy, tắt tả đi về hướng Trung Sĩ nhất Hà đang tùm tùm với một số anh em binh sĩ.

-Chuyện gì vậy ông Hà?

-Thằng Sự vô lùm cây kia đi đái, nó thấy có một vật giống như cái bọc nylon lòi lên, ông vô coi thử.

Thụy theo chân Hà thận trọng đi vào nơi Sự vừa đi tiểu. Đó là một lùm cây không rậm rạp lắm, nằm trên con đê nhỏ giữa ruộng lác. Sau khi quan sát kỹ, Thụy quay lại nói với Hà:

-Đúng là chỗ bọn chúng chôn tài liệu hoặc vũ khí đây. Bây giờ anh ra cho hai toán gác chặn hai đầu đường, không để dân chúng qua lại trong lúc chúng ta khai quật chỗ này. Kêu thằng Tư, tiểu đội trưởng thám báo lại cho tôi.

Hà quay ra thi hành mệnh lệnh, vài phút sau Tư đến trình diện. Thụy nói:

-Tư, mày đi coi anh em nào có dây vượt sông gom hết lại đây cho anh.

-Dạ, thẩm quyền.

Vài phút sau, hắn mang lại cho Thụy mấy đoạn dây dù:

-Nối các đoạn dây lại với nhau, càng dài càng tốt.

-Chỉ vậy ông thầy?

-Cứ làm đi rồi biết.

Sau khi đã có một sợi thật dài, Thụy bảo Tư:

-Bây giờ mày cột vô đầu cái bao nylon kia, nhớ cẩn thận đó, coi chừng tui nó chôn mình hay lựu đạn bên dưới. Tất cả mọi người tránh xa ra.

Tư bước lại gần cái bao, trước khi ngồi xuống thi hành nhiệm vụ, hắn nói với lại:

-Thầm quyền cũng lên trên đường đi, đứng đây rủi có bẻ gì...

-Không sao cả, tao ở đây với chú mày.

Một số anh em đứng ở khoảng cách tương đối an toàn, hồi hộp theo dõi hành động của Tư.

-Xong rồi thắm quyền. -Cột chắc không vậy Tư?

-Dạ chắc ăn như bắp. Hình như có một mũi súng lòi lên, em cột ngay vô đó, có chạy đằng trời.

Mọi người trở lên mặt lộ. Tư cầm theo đầu dây còn lại.

Khi tất cả đã tìm được các gốc cây ẩn núp, Tư bắt đầu kéo.

Không khí như chùng xuống. Mọi người nín thở chờ đợi một biến cố nào đó sắp diễn ra. Nhưng, khi cái bao nylon đen theo sức kéo của Tư đã phơi mình trên mặt đất, và còn lết thêm một đoạn nữa, cũng không có chuyện gì xảy ra, anh em đều thở phào một cách nhẹ nhõm, ủa lại coi tang vật. Thụy vội lên tiếng:

-Một mình thăng Tư thôi, tất cả tránh xa ra.

Lệnh ra như thế, chứ chẳng có tên nào chịu lui bước, bởi trí tò mò thúc đẩy. Dùng mũi lưỡi lê, Tư nhẹ nhàng rọc ngang cái bao. Phơi bày ra trước mắt Thụy là một khẩu K.59, hai cây AK.47 sáng giới cùng mấy dây đạn và một quyền sổ tay nhỏ. Mấy anh em binh sĩ ồn ào bàn tán:

-Vô mánh rồi ông thầy ơi! -Món quà đầu Xuân đây ý nghĩa.

-Tụi mình lợi từ mừng hai tết đến nay đã được một tuần lễ rồi, chẳng gặp con ma le nào, cái này coi như phần thưởng đến muộn đây.

Thụy cầm quyền sổ tay lên lật qua vài trang, quay lại nở nụ cười thật tươi hưởng ứng lời nói của người trung đội phó, Hà tiếp:

-Đóng “phình” đi thắm quyền! -Anh nói vậy là sao?

-Mình đánh trận giả... -Tầm bậy tầm bạ không hà...

-Như vậy, vũ khí mình tịch thu được mới có giá trị chứ!

-Khỏi đánh trận giả, mà sẽ có trận thiệt tới nay nè.

Vừa nói Thụy vừa dứ dứ quyển sổ tay trước mặt Hà, anh ta tròn mắt lên bước đến sát bên Thụy: -Bộ có tin tức gì hả ông thầy? Thụy không trả lời ngay câu hỏi của Hà, mà nói nhỏ vào tai anh ta:

-Tôi nay bọn chúng sẽ đến đây mang sổ vũ khí này đi. Nên việc trước tiên là anh cho tìm mấy khúc cây thay vào hai khẩu AK và đem chôn lại đúng vị trí cũ. Sau đó, chúng ta phải rút sâu vào trong rừng dừa nước, đợi đến lúc trời tối mới ra phục kích chờ mồi.

Mọi việc được thi hành nhanh chóng. Tất cả những dấu vết của cả một trung đội vừa dừng chân được tẩy xóa sạch sẽ, như chưa hề có ai mới đặt chân trên con lộ này, và cái bao vũ khí cũng trả về đúng vị trí cũ, với lớp lá cây mục phủ lên. Toán quân rút sâu vào trong rừng dừa nước bạt ngàn, để chuẩn bị cho cuộc chiến tối nay. Thụy gọi máy báo cáo với đại đội vị trí đóng quân, nhưng không nói rõ về kế hoạch phục kích của anh.

Để bảo đảm bí mật cho công tác, cả trung đội phải ém quân thật kỹ. Chưa bao giờ anh em chịu khổ sở như vậy. Im lặng tuyệt đối, không nấu nướng củi lửa gì cả. Gần ba mươi mạng người lầm lì, lặng lẽ như những bóng ma. Càng ít di chuyển càng tốt. Cho đến khi ánh trăng thượng tuần le lói trên những ngọn dừa nước thì cả trung đội đã vào vị trí phục kích một cách êm thấm. Hai tiểu đội nằm cụp theo hướng Nam con lộ lớn, cùng phía với doi đất có miếng mồi ngon và cách mục tiêu độ hơn trăm thước để khóa chân khi bọn chúng tháo chạy. Tiểu đội thám báo lãnh nhiệm vụ chính là thanh toán những chú vịt con. Thụy nằm chung với tiểu đội thám báo. Tất cả đều ngâm nửa thân người dưới nước phèn cạnh con đê nhỏ. Thằng Tư thì thảo trong tiếng gió:

-Có chắc là bữa nay tụi nó sẽ tới lấy mấy món đồ chơi đó hông vậy ông thầy? -Có ghi trong quyển sổ tay mà.-Vậy là thấy mẹ tụi nó rồi...Nhưng...-Nhưng làm sao?

-Có khi nào nó kéo tới cả đại đội hông vậy?

-Điều đó tao có nghĩ tới, nhưng chỉ với ba cây súng thì chắc chẳng cần đến cấp số đó đâu, hơn nữa đây không phải là vùng hoạt động các đơn vị lớn của chúng.

-Em cũng mong vậy, mà nếu tụi nó có một đại đội hay hơn nữa, mình cũng chơi luôn ông thầy há! -Dĩ nhiên là phải chơi rồi.

-Chơi cho tụi nó biết thế nào là lễ độ, em sẽ kiếm thằng chính ủy, bẻ giò nó làm ông vô hút “Seventy nine” chơi...

Tư nói xong cười khà khà, khiến Thụy phải nhắc nhở hẳn. Anh nghĩ thầm:

“Thật đúng nhất quỷ nhì ma... thứ ba là lính, hoàn cảnh này vẫn còn đùa cợt được”.

Thời gian chậm chậm trôi.

Không gian tĩnh lặng.

Chỉ có tiếng gió nhẹ vờn qua khe lá vi vu, và tiếng reo hò của đàn muỗi đói được một bữa tiệc no nê. Dù tất cả các chai thuốc chống muỗi đã sử dụng triệt để, vẫn không ngăn chặn được đàn muỗi rừng đói khát lâu ngày. Tất cả nằm im chịu trận chứ không dám đập mạnh vào những chú muỗi đã no kênh nhưng vẫn cố bám vào làn da rám nắng của những người lính trẻ.

Trong cái im lặng đến rợn người ấy, Thụy nghe âm thầm từ tiềm thức những trần trối vu vơ. Tại sao con người lại phải rình rập để chém giết nhau trong những ngày đầu xuân êm ả thế này? Tại sao cuộc đời lại cứ phải bon chen hơn thiệt với nhau từ chút, mà không có những bao dung vị tha để thấy cuộc sống đẹp đẽ hơn? Tại sao chỉ vì những quyền lợi nhoi nhen mà con người có thể đánh mất lương tâm, nhân phẩm một cách dễ dàng? Tại sao và tại sao???

Những câu hỏi tại sao dồn dập trong tư tưởng anh, cho đến lúc có tiếng nước khua động từ xa vọng tới bởi bước chân dẫm lên làm anh chột bùng tỉnh. Những âm thanh bì bõm lúc càng gần hơn, anh lắng nghe thật kỹ, phân tích và phán đoán bọn chúng chỉ khoảng ba, bốn tên.

Mọi người hồi hộp chờ đợi. Những mạch máu căng phồng lên. Những cái đầu như muốn nổ tung. Chẳng bao lâu sau đó dưới ánh trăng thượng tuần mờ ảo, đã hiện ra ba bóng người đang lần mò đi về hướng mục tiêu. Hình như bọn chúng nghĩ rằng nơi đây là mật khu an toàn, nên không hề có lấy một chút cảnh giác. Chúng vừa đi vừa trao đổi xì xào, mà may mắn anh em nằm dưới gió nên nghe rất rõ. Những âm thanh khua động càng lúc càng gần hơn.

“Tách”... Tiếng nổ của trái mìn chiếu sáng vang lên trong bóng đêm. Một vùng ánh sáng bao trùm chung quanh mục tiêu. Ba tên địch trở thành những tấm bia sống trước họng súng của những người lính Biệt Động Quân. Pằng pằng pằng...

Tiếng M.16 khai hỏa nổ dồn trong khi những tên cán binh đang loay hoay tìm chỗ ẩn nấp. Chúng chống trả một cách yếu ớt, và chỉ trong vòng vài phút cuộc chiến đã được thanh toán gọn

gàng. Thi thể ba tên địch đầy vết đạn, nằm vắt vương trên bờ đê, mà vẫn chưa với tay được đến cái bao lynon đựng “củi mực”.

Sáng sớm hôm sau, đơn vị có lệnh rút về bộ chỉ huy đại đội đóng tại Cầu Ông Thìn. Một số anh em nhận huy chương các loại. Còn Thụy thì được về thăm nhà, với tờ giấy phép hai mươi bốn giờ đang nằm trong túi áo anh.

-...Dô dô bà con ơi! Xe dô bến nhe!

Tiếng đập tay vào thùng xe cùng tiếng gào lớn của anh lơ đã lôi Thụy ra khỏi dòng hồi tưởng miên man về trận chiến vừa qua. Bước nhanh ra khỏi cái bến xe ồn ào, Thụy chọn một người khá đứng tuổi trong số những tài xế xe ôm đang nhao nhao mời khách.

Thốt lên yên sau, anh thúc giục:

-Đưa giùm tôi về Khu Lăng Cha Cả. Mau mau lên bác tài, gấp lắm. -Yên tâm đi Thiếu úy. Tôi chạy hết sẩy mà. Bộ ít phép lắm hả. -Có hai mươi bốn tiếng, mà đi đường mất mẹ nó mấy tiếng rồi.

-Bởi vậy ông Nhạc Sĩ Trúc Phương mới viết 24 Giờ Phép:

...Bốn giờ đi dài, thêm bốn giờ về,

Thời gian còn lại, anh cho em tất cả em ơi!

-Anh hát hay lắm, nhưng mà chiều nay nếu chậm trễ, thì đến gặp mặt cũng không được nữa chứ đừng nói là cho em tất cả...

-Sao lạ vậy... À! Tôi biết rồi, chắc cô nàng còn đi học, bây giờ sắp đến giờ vô lớp rồi. Chiều cổ về nhà là lúá...

-Làm gì mà rảnh dữ vậy cha nội!

-Tôi cũng từng là lính, cũng đã hẹn hò như vậy nhiều rồi. - Sao giờ chạy xe ôm?

-Bị thương, mới giải ngũ hơn một năm thôi. Nhớ đơn vị, nhớ bạn bè quá...

-Tới rồi bác tài! Ghé vô đầu hẻm giùm tôi, căn nhà màu xanh đỏ! Có dịp nào anh em mình lại rai chơi...Khỏi thôi...

Dúi vào tay người lính cũ số tiền nhiều hơn cuộc xe ấn định, Thụy nhảy chân sáo lên thêm. Trong nhà vắng tanh.

-Cả nhà đi đâu rồi? Cô em gái từ nhà sau chạy ra mừng tíu tít:

-Anh mới về phép hả?

Vừa đẩy chiếc Honda 67 ra ngõ, Thụy vừa nói với lại:

-Anh đi công chuyện, nói cậu mợ đừng chờ cơm, tối anh mới về.

-Lại đi tìm chị Thu Cúc chứ có công chuyện gì!

Phốt lờ lờ cảm rằm của cô em gái, Thụy rò máy, chiếc xe hòa vào dòng xe cộ đang ngược xuôi tấp nập. Dù đã qua tết hơn một tuần lễ, nhưng hương vị mùa Xuân vẫn còn phảng phất trong lối sống của người dân Sài Gòn. Những tấm liễn đủ màu sắc sỡ vẫn còn lủng lẳng trước cửa nhà, phở xá vẫn vắt vương đầy xác pháo và người ta ra đường vẫn ăn mặc rất “kềng”.

Đã mấy năm rồi, anh luôn đón Xuân ở những nơi khi ho cò gáy. Tuy thế, Thụy cũng thấy an ủi là mình đã góp chút sức mọn để Sài Gòn có những giây phút trọn vẹn của mùa Xuân...

Dù đã cố gắng tăng hết ga, luồn lách như người ta làm xiếc, thì khi Thụy đến được trước cửa trường St. Thomas tiếng chuông vào học cũng vừa chấm dứt. Dừng vội chiếc xe dưới thềm, anh phóng đến cánh cửa sắt đang được từ từ kéo lại bởi vị Giám Thị già nổi tiếng là nghiêm khắc.

-Thưa thầy! Từ từ cho em nhờ tý đã!

-Chuyện gì đấy Thiếu úy?

-Em mới về phép, cần gặp người em có chút chuyện, xin thầy giúp cho.

-Xin lỗi Thiếu úy! Bây giờ các em đã vào lớp cả rồi! Tôi không giúp gì được đâu!

Thụy khẩn khoản:

-Em biết! Nhưng chuyện cần lắm, thưa thầy! Hơn nữa, sáng mai em phải lên hành quân rồi...

Vị Giám Thị đã đóng xong cánh cửa lớn, bóp khóa cái cửa nhỏ bên hông, rồi nói như để chấm dứt câu chuyện:

-Thiếu úy chịu khó chờ khi các em tan học nhé! Chào Thiếu úy!

Thụy đứng thẩn thờ nhìn ông giáo già lạnh lùng quay lưng chậm bước theo hành lang vắng vẻ dài hun hút, anh cảm thấy đường lên đơn vị của mình vào ngày mai chắc cũng sẽ dài và trống vắng như vậy.

Nặng nề quay xe trở ra đường Trương Minh Ký, và cứ thế Thụy để chiếc Honda 67 lượn lờ trên đường phố như con thuyền không bến.

Hơn hai tuần trước Thư Cúc đã bỏ buổi tiệc tất niên của trường, lặn lội lên hành quân thăm anh. Chẳng may, lúc ấy đơn vị còn đang trong vùng, nên không được gặp nhau. Thế là cô gởi lại một số quà tết, rồi lủi thủi ra về.

Hình ảnh cô bé bông giản dị trong chiếc áo dài trắng, thất tha thất thểu đón xe lam, chờ xe đồ giữa trưa nắng cháy trên những đoạn đường vắng vẻ, mịt mờ bụi đỏ làm Thụy như thất cả ruột gan.

Tình yêu của cô dành cho anh thật vô cùng nồng nàn và cao quý.

- Bao giờ em cũng là người lặn lội đi tìm anh...

Phải! Lúc nào cô cũng là người chấp nhận sự thua thiệt.

Những ngày mới yêu nhau, biết gia cảnh anh khó khăn, vì đang lúc tản cư, cô luôn luôn tế nhị gói ghém trong các cuộc đi chơi của hai đứa.

- Để em trả tiền cho, như thế người ta sẽ nghĩ hai đứa mình là vợ chồng.

Cúc ơi! Nét mặt ngây thơ trong sáng của em, cùng chiếc áo dài trắng có đính miếng vải hiệu đoàn của trường sờ sờ ra đó, ai mà tin em là người đã có gia đình. Ôi! Những cử chỉ đó của em, tuy nhỏ nhặt, nhưng đã là dấu ấn khắc sâu trong trái tim anh. .

Bà cụ bán bún ốc trong hẻm Đa-kao có lần nói đùa với hai người khách quen thuộc:

- Bao giờ cô cậu dắt thêm vị khách tí hon đến giới thiệu với lão đây?

Làm đôi má em ửng hồng, và liếc nhìn anh như trao gởi cả trách nhiệm ấy.

Tin...tin...

Tiếng còi xe của ai đó vang lên từ phía sau, có lẽ vì thấy anh chạy lạng quạng, làm Thụy chột bưng tỉnh. Quay đầu nhìn lại, tỏ dấu xin lỗi, Thụy chột nhận ra mình đang đi ngang trường Lê Bảo Tịnh. Vài tà áo dài trắng thướt tha trên hè phố khiến anh nhớ Thu Cúc quay quắt.

Gần đến chợ Trương Minh Giảng, nhìn thấy ở một sạp báo có tấm bảng “Điện Thoại Công Cộng” Thụy chột nảy ra ý tưởng nghịch ngợm. “Mình phải liều thôi, nếu không thật phí một chiều Xuân đẹp để thế này”.

Anh quay xe trở lại trước cửa trường St. Thomas, ghi nhanh số điện thoại văn phòng vào mảnh giấy nhỏ, rồi rồ ga quành lại sạp báo.

...Reng...reng...reng...

- A lô! Văn phòng trường St. Thomas chúng tôi nghe đây. Xin lỗi ai đầu giây?

-Thưa bà, chúng tôi gọi đến từ phòng cấp cứu của Bệnh Viện Chợ Rẫy.

-Chúng tôi có thể giúp gì cho ông ạ?

-Có một nạn nhân vừa bị tai nạn giao thông khá trầm trọng, có thể không qua khỏi. Nên gia đình nhờ chúng tôi gọi đến quý trường để cho cô con gái của nạn nhân đến gặp ông trước khi qua mộ.

-Được, chúng tôi sẽ cho về ngay. Em tên gì và học lớp nào vậy?

-Dạ tên Ngô Thư Cúc lớp đệ nhị A2.

-Tôi sẽ thông báo ngay với ngài Giám Thị và vị Giáo Sư đang có giờ ở lớp em. Cầu nguyện Thượng Đế ban phước lành cho ông ấy.

-Cám ơn bà rất nhiều! Chào bà.

Gác máy điện thoại xong, Thụy thần thờ suy nghĩ: "...Mình đã làm một việc quá táo bạo..." Nhưng biết làm sao được, mọi chuyện đã rồi, nếu không tới đón, cô càng hoảng loạn hơn nữa.

Thụy quay xe đi ngược về hướng Lăng Cha Cả, trong lòng buồn lo lẫn lộn. Chẳng hiểu Thư Cúc sẽ phản ứng ra sao khi biết anh dùng cái kế hạ sách này để được gặp cô. Và lại dám lôi ông "vía" ra làm nạn nhân.

Từ ngoài đường cái, muốn vào đến cổng trường phải đi qua một khoảng sân rộng làm bãi đậu xe của nhà thờ Ba Chuông. Anh không dám chạy thẳng vào, vì sợ ông giáo già lúc này ra mở cổng thì mọi chuyện sẽ bại lộ. Thụy dừng xe phía ngoài, nhưng chọn vị trí mà từ đó vẫn có thể nhìn suốt dãy hành lang dài hun hút phía sau cánh cửa sắt có ô mắt cáo.

Giây phút chờ đợi thật lê thê.

Thời gian mình từ chợ Trương Minh Giảng về đến đây đủ để cô ấy ra rồi, sao vẫn chưa thấy? Hay là có gì trục trặc? Không đâu! Trường hợp khẩn cấp thế này, nhất định phải cho về.

Tim anh chợt rung lên những thanh âm hạnh phúc, khi thấy bóng dáng nhỏ bé, giản dị của Thư Cúc từ văn phòng bước ra.

"...Chết cha rồi! Cũng là vị giám thị ấy... biết làm sao đây? Mà sao cô ấy thần nhiên thế nhỉ? Chắc nhà trường không thông báo chi tiết, vì có thể gây hoảng hốt cho cô. Đã thế, mình cũng chẳng nhắc đến lý do ấy làm gì".

Anh đạp máy cho xe nổ sấm, đợi ông Giám Thị già mở cửa xong, và Thư Cúc đã bước hẳn ra ngoài, Thụy vận tay ga, chiếc

Honda 67 như một mũi tên lìa cung, vọt thẳng đến trước cái cổng sắt nhỏ đang được từ từ kéo lại.

Tiếng nổ inh ỏi của chiếc xe xoay tròn, giữa không gian yên tĩnh trong khuôn viên nhà thờ, khiến vị giáo già giật nảy mình. Qua làn mực kính, dưới ánh nắng chập choạng, ông chợt nhận ra viên Sĩ Quan trẻ tuổi trong bộ đồ trận màu hoa rừng, với cái Mũ Nâu nghênh ngang trên đầu. Ông biết là mình đã mắc hạm, nên la to;

-Ồ... Thiếu úy, Thiếu úy...

Thư Cúc cũng ngạc nhiên khi thấy sự xuất hiện bất ngờ của Thụy:

-Anh về bao giờ? Sao lại biết mà đến đón em?

-Em lên xe mau đi, kéo lỗ hết mọi chuyện. Anh sẽ giải thích sau. Nhớ ngồi cho vững.

Thư Cúc ngoan ngoãn leo lên yên xe sau lưng Thụy, vòng tay ôm chặt lấy anh. Khi cô đã an vị, anh nhìn vị giám thị già, cười cầu tài:

-Em xin lỗi thầy... Trường hợp bất khả kháng, mong thầy thông cảm...

Thụy rồ ga, chiếc xe đảo một vòng ra hướng cổng chính nhà thờ, tiếng bánh xe nghiêng trên nền xi măng ken kết, thế mà anh vẫn còn nghe văng vẳng những lời cầu nhàu, nhưng không có vẻ gì là giận dữ, của vị giám thị già:

-...Đúng là... Nhất quỷ nhì ma... thứ ba... là lính...

Thủy Gia Trang

Chớm Thu 2012.

**Con rắn nhỏ: Đường mòn.*

**Ông Địa cười: Mìn nổ*



VÔ TÌNH

Bút hiệu khác: Hoa Tình

Tên thật là Võ Tình.

Người gốc Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam.

Cựu học sinh Phan Châu Trinh Đà Nẵng,

Quốc Học Huế.

Cựu Sinh viên Thương Mãi Saigon

Cựu SVSQ Võ Bị Đà Lạt khóa 17

Bắt đầu làm thơ từ năm Đệ thất 1953

Giải thưởng cúp, huy chương với thơ Anh ngữ do Hội Thơ Poetry.com trao tặng năm 2001

Đăng thơ trên các Diễn Đàn thơ văn hải ngoại

Dịch và làm thơ Anh ngữ dưới bút hiệu Tình Vo.

MẸ

Hồi còn nhỏ
Mẹ là cô gái đẹp nhất làng
Con nhà nghèo – ít học
Nhưng Mẹ rất thông minh
Chuyện gì – Mẹ cũng biết...!

Ba chết bất ngờ – trong chiến tranh!?
Tình duyên của Mẹ - vỡ tan tành
Mẹ mang ba đứa con - về phố
Nuôi nấng thành người được tốt danh

Mẹ lên chùa học Đạo
Nghe thầy giảng tình thương
Nghe Thầy đọc Kinh Phạn!
Mẹ thuộc lòng như tương

Không có cha bên cạnh:
Mẹ góa – Con mồ côi
Mẹ càng can đảm tuyệt vời!
Hy sinh bảo vệ cuộc đời cho con
Mẹ là biển rộng tình thương
Tội con như thấy Thiên đường là đây
Anh em ba đứa tỏ bày
Chúc mừng thọ Mẹ tuổi đầy một trăm
Chúng con được phúc đâu bằng

ĐÀ NẴNG QUÊ TÔI

Đà Nẵng quê tôi, tỉnh Quảng Nam
Địa linh nhân kiệt tiếng đồn vang.
Tiên Sa vẫn cảnh lòng thanh thản
Ngũ Phụng tề phi dạ rộn ràng
Bãi biển mộng mơ vờn sóng bạc
Bà Nà huyền ảo phủ sương lam?
Tha hương thương nhớ lòng mong mãi
Dân chủ Tự Do cho Việt Nam!

Thơ và tình lên ngôi

Tôi là người ngoại đạo
Theo em đi nhà thờ
Tôi như người ngư ngáo
Nhìn thấy Chúa và Thơ

Chúa – dang hai cánh tay
Đôi mắt hiền muôn thuở
Quả tim Người rộng mở
Tình thương người là đây

Như một người ngoan đạo
Tôi chấp tay nguyện cầu
Tình yêu và Tôn giáo
Vượt ra ngoài – lên cao!

Tôi nhìn nàng Thơ tôi
Lòng tin yêu thánh thiện
Tôi nghe mình hạnh diện
Thơ và Tình lên ngôi

Thơ mây bay

Thuở thơ sinh tôi ưng làm thi sĩ
Vì Quê hương tôi khoác áo quân hành
Rồi hôm qua tôi trở mặt chứng nhân
Thì hối tiếc những ngày xưa tuổi trẻ
Em ca ngợi - đời tôi - trai thế hệ
Súng vai đầy đi lấy lại Quê hương
Mất-biết-sao em sáng đẹp sa trường
Tôi chiến đấu cho em - và cho tôi đó
Từ chiến tuyến xa - thương về phố nhỏ
Mong một ngày được phép viếng thăm em
Đường xa xôi - năm tháng - cứ dài thêm
Giờ quyết liệt - tôi nhận nhiều cay đắng
Bạn tôi chết - tôi không cười chiến thắng
Mà chỉ buồn theo - tiếng thở - chua cay
Buồn cho tôi mang lấy vết thương này

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỶ- 307

Từ mặc cảm đến hoài nghi mất mát
Hư một mắt - tôi chỉ còn - một mắt
Nhìn cuộc đời bằng ý nghĩ mây bay
Trách chi em duyên đáng tuổi xuân đầy
Em xóa bỏ lời xưa đi vội vã
Súng hành quân - giờ tôi không cầm nữa
Thay vào đời bằng mẫu số thương binh
Tôi mong em đừng oán trách chi tình
Thơ tôi đó- tôi nói nhiều em đó
Từ ban sơ cho đến giờ máu đỏ
Từ tay không cho đến phút huy hoàng
Từ hăng say sợ hãi đến yêu thương
Tôi kể hết - để làm thơ kỷ niệm..!
Mai tôi chết mang theo niềm lưu luyến
Tôi không buồn - không trách nữa em đâu
Vì nơi tôi - đã hiến nửa cuộc đời
Cho mảnh đất thân yêu đầy lửa máu
Còn một nửa - cho đời thơ yêu dấu
Là yêu em - em đó - em ơi..!

Chiếc áo dài Việt Nam

Em mặc chiếc áo dài
Em xuất thân Đại học
Gió chiều hôn mái tóc
Tà áo em vờn bay

Mái tóc em mượt đen
Cánh Hồng trên áo trắng
Bạn trường em ngợi khen
Em Việt Nam duyên dáng

Bốn ngàn năm Văn Hiến
Niềm hãnh diện da vàng
Tinh bao dung bất khuất
Chiếc áo dài - Việt Nam

Chiếc áo dài em mang
Nét tinh hoa – dân tộc

Em vinh danh Tổ quốc
Bằng tất cả – tài năng

KỶ NIỆM HUẾ

Mấy mùa Huế thu sang
Trên Bến đò Thừa Phủ
Cô nữ sinh Đồng Khánh
Cô vẫn thường sang ngang
Tôi bỗng yêu xứ Huế
Tôi đi đò - gặp cô
Tôi nghe lời Ôn Mệ:
Tốt nghiệp - khó chi mô?
Tôi thi đậu Tú Tài
Tôi thi vào Sư phạm
Tôi muốn mình tương lai
Cho tình yêu xứng đáng!?
Tôi bỗng mất hân cô
Trên bến đò Thừa Phủ
Hình bóng đi về mô
Nghe đâu cô biệt xứ?

Tôi bỗng yêu xứ Huế
Tôi bỗng buồn cô miên?
Tôi nghe lời Ôn Mệ:
Số phận tùy nhân duyên

Vẹn lời thề

Đêm khuya em dạo trên bờ vắng
Dưới ánh trăng vàng - biển Mỹ Khê
Tiếng sóng xạt xào tràn bãi cát
Lòng em xao xuyến đợi anh về
Chỉ còn chờ đợi một năm nữa,
Hai đứa vui mừng dạ thỏa thề
Gặp gỡ cùng nhau xây mộng ước
Yêu thương trọn vẹn với lời thề.!

Vượt biên

Ta tưởng ta Lý Bạch
Ngắt ngưỡng dạo trên sông
Nhâm rượu để nhìn trăng
Thơ đề cười ngậy ngắt?

Không - ta đang vượt biên
Không một ai – đưa tiễn
Không cùng ai cạm chén
Kể cả người thân quen

Ta đi – mang nỗi buồn
Ta vẫy chào Quê hương
Xa bà con – thân thuộc
Vì Tự do Nhân quyền

Thà chết trên biển cả
Hay trôi giạt muôn nơi
Còn hơn nằm trong nước
Ngậm đắng cay – cuộc đời

Xin cảm ơn – Thượng đế.!
Con ra khỏi vùng biên
Một lời thưa với Mẹ
Trước mặt con: Nhân Quyền
Mã Lai bãi biển đây rồi
Hàng dừa nghiêng ngả - trăng soi mơ màng
Thuyền ta tập bến nhẹ nhàng
Bà con ai nấy – hân hoan – vui mừng..!
Thuyền nhân bày tỏ niềm tin
Tạ ơn Trời Đất Vượt Biên an toàn

(Pulau Bidong - năm 1982)

Về thăm quê hương

Anh dẫn em về Việt Nam
Quê hương yêu dấu – ghé thăm Saigon?
Sau đó - Ta xuống Bình Long
Cần Thơ - Châu Đốc - Gò Công - Biên Hòa
Miền Nam các tỉnh gần xa
Vườn cây - ruộng lúa mượt mà xanh tươi.

Ra thăm miền Bắc - xa vời ...
Hải Phòng - Hà Nội - các nơi huy hoàng
Đấu tranh - bảo vệ giang san
Với quân Hán Chệt - từ ngàn năm qua.
Oanh liệt thay - trận Đống Đa
Bạch Đằng giang nữa cũng là vẻ vang

Bây giờ - Ta ghé Nha Trang
Đến thăm Non Nước sông Hàn Quảng Nam
Vượt qua đèo núi Hải Vân
Ra thăm Xứ Huế - tắm lãng một thời.
Sông Hương lặng lẽ - thuyền trôi,
Đêm khuya ai hát đây vui nổi niềm

Quê hương ta đó - Em ơi
Mong sao đất nước mọi người ấm no
Biên cương - Hải đảo - Bến bờ
Tự Do - Dân Chủ - Cơ đồ Việt Nam..!

Chiến cuộc Việt Nam trước đây

Chiến cuộc Việt Nam - do Ai giàn xếp?
Mỹ và Tàu – Ai cũng thấy từ lâu...!?
Quyền lợi đôi bên tăng thế mạnh giàu.
Còn Việt Nam chỉ con cờ đổi chác

Đảng Cộng Sản Việt Nam - họ dư biết
Quân Miền Nam - họ đâu thắng dễ dàng
Từ Hoàng Sa - Bản Giốc - Ái Nam Quan.

Mỹ im re - khi Việt Nam kêu cứu?

Một bao Salem - chỉ một đô thôi
Dân số Ba Tàu chỉ hút thử chơi,
Mỹ sẽ thâu tiền đô – trên một tỷ.
Mỹ bỏ Việt Nam - Việt Cộng vui cười

Khen thay Phan Huy - Cán bộ của Đảng
Dám nói lên sự thật của Miền Nam
Chẳng khác chi tổ cáo cái ác gian:
Của Việt Cộng – đã dối lừa dân chúng!

Ai đã bán phần đất quê hương ta

Nam Quan biên ải - của quê ta
Ai đã xem như một món quà?
Dâng hiến Chệt phù - mong bảo trợ
An toàn bè Đảng - chẳng lo xa

Hoàng Sa Bản Giốc cùng danh sách
Dân Việt ai người chẳng xót xa
Hãy cố vùng lên - Ngày lịch sử:
Toàn dân bảo vệ nước non nhà

Lịch sử xưa nay – chỉ Việt gian
Bảo toàn chế độ - bán giang san
Cho quân Hán Chệt từ phương Bắc
Nhục nhã nào hơn - để oán than

Ý đồ hán chệt

Ý đồ Hán Chệt... đã từ lâu
Khai thác Biển Đông để mạnh giàu
Thế giới làm thịnh - Chệt sẽ tiến
Hù dọa lân bang - Sếp Á Châu?
Chệt cũng dòm Châu Phi liệu kế
Đào tìm ngọc quý dưới bùn sâu
Hoa Kỳ không lẽ... OK Chệt
Đừng làm bá chủ cả Châu Âu!?



DƯƠNG PHƯỚC LUYỄN

- Sinh tại Huế, cổ đô Việt Nam
- Cựu học sinh Trung học Quốc Học.
- Cựu sinh viên Kiến Trúc, ĐH Sài Gòn
- Định cư tại Mỹ 1992
- Họa sĩ-Biên khảo mỹ thuật
- Tranh triển lãm: Nhiều cuộc triển lãm chung và đã từng triển lãm riêng tại Sài Gòn, Huế, Paris, London, Los Angeles California, Palm Beach, Boca Raton Florida và Houston Texas
- 2011 - 2012 thỉnh giảng các khóa Thư pháp chữ Việt tại University of Texas - Austin
- 2012 được Hội đồng thành phố Houston vinh danh về Mỹ thuật.

Đem Sắc Màu "Huế Đô Diệu Kỳ" Đến Với Muôn Phương

Dương Phước Luyện

Thương Huế - Nặng Tình Với Huế - Đất mẹ của tôi - Tuổi thơ của tôi trải dài năm tháng với vùng đất:

Tỉnh Thừa Thiên dân hiền cảnh lạc

Non xanh nước biếc điện ngọc đền rồng.

Một nơi chốn mà những bậc cao minh như chúa Nguyễn Phước Trăn năm 1678 cho dựng vương phủ ở làng Phú Xuân và đến năm 1802 chúa Nguyễn Ánh, sau khi gồm thu giang sơn lên ngôi hoàng đế hiệu Gia Long đã cho dựng kinh thành Huế huy hoàng tráng lệ, tồn tại đến hôm nay, để năm 1993 đã được Unesco công nhận như một di sản văn hóa thế giới.

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển Kinh Sư chép rằng: Kinh Sư thấy hội cả núi biển. Giữa Nam Bắc khí hậu ôn hòa, núi sông tốt đẹp, đường biển có Trấn Thuận An, Trấn Tư Hiền làm nơi hiểm yếu. Đường bộ có Ải Quảng Bình, Ải Vân Quang làm cho cách trở. Sông lớn bao la phía trước, núi cao hộ vệ ở sau. Ba nguồn Bồ, Tập chảy quanh hai bên. Đầm Tam Giang, Đầm Thanh Lam, Đầm Hà Trung làm then khóa ngõ, địa thế hùng tráng như rồng lượn quanh co, hồ ngòi chễm chệ thật là bụng rốn của Đất Trời làm thương đô cho Đế Vương vậy...

Ôi, cái viễn kiến của tiền nhân cao minh vời vợi để hôm nay kẻ hậu bối đang lưu lạc phương xa, kẻ vẫn bị đè nặng tính khiêm cung cố hữu trong tư chất con người xứ Huế nhưng luôn lòng trào dâng những nỗi niềm tự hào về những di sản của tiền nhân, về những sắc màu xứ Huế quê mình: sáng xanh, trưa vàng chiều tím của núi non trùng điệp bao la, với những làng mạc chìm khuất sau những lũy tre xanh và nhất là một dòng Hương Giang như dải lụa mềm kiêu sa ôm lấy cung miếu đền đài lẫm lẫm, danh lam thắng tích.

Tháng 3 năm 1918, lần đầu tiên đến Huế cụ Thượng Chi Phạm Quỳnh cũng đã có những nhận xét tinh tế: "*Cái phong cảnh ở Huế sở dĩ đẹp là thứ nhất bởi con sông Hương Giang. Con sông xinh thay. Hà Nội có sông Nhị Hà, mà sông Nhị và sông Hương khác nhau biết chừng nào. Một đằng ví như một cô gái tươi cười, một đằng ví như bà lão cay nghiệt. Nhị Hà là cái thiên tai của xứ Bắc.*"

Hương Giang là châu báu của xứ Kinh. Nước trong như vắt, dòng phẳng như tờ, ít khi có tí sóng gợn trên mặt, đi thuyền trên sông như đi trên hồ vậy. Huế không có con sông Hương thì tưởng cái đẹp của Huế giảm đi một nửa phần. Nhưng đã có con sông Hương lại có núi Ngự nữa, cái cảnh mới thực là toàn xinh...”

Mà không tự hào sao được nếu bạn đã dành cả một đời để đi và so sánh chứng nghiệm. Thật vậy tôi đã có những buổi sáng ngồi uống cà phê một mình trên tháp Eiffel, cả một Paris khoe mình bên dưới - dòng sông Seine mà thi sĩ Beaudelaire và danh họa Claude Monet hết lòng ca ngợi trong thơ, trong họa cũng không cho tôi cảm giác thi vị bằng những giây phút ngồi dưới rặng thông già trên đồi Vạn Niên ngắm mây trời lan tỏa trên con sông Thơm của Huế mình. Hay khi bạn dạo quanh cung điện Buckingham của một London cổ kính. Cái hào nhoáng của tường rào đầu bịt vàng ròng, những hàng trụ cẩm thạch trắng tắp vẫn thấy những mái ngói Thanh, Hoàng lưu ly trên điện Thái Hòa hay những viên gạch mang màu hổ phách dọc dòng Ngự hà xứ Huế mình vẫn mang đến cho bạn những hoài niệm ngọt ngào hơn nhiều.

Hay một chiều ngồi thuyền Gondolas, một loại thuyền chèo tay len lỏi qua một Venice xinh đẹp lòng bạn vẫn nhớ và thương về bóng dáng con đò nhỏ từ bến đậu dưới hàng phượng vĩ trước cung An Định, đang chờ bạn lênh đèn trên dòng sông Hương trong tiếng nhạc lời ca điệu Nam Ai Nam Bèo của những cô gái mảnh mai dịu hiền trên sông nước:

Chiều tà Bến Ngự, Kim Luông hát

Bảng lảng, sông Hương vắng giọng hò

(Ngô Viết Thụ - Bài thơ gọi chị - 1962)

Hay một sáng sớm dưới bầu trời xám xịt đứng cùng đám đông ồn ào trước quảng trường Thiên An Môn - Bắc Kinh. Cái to lớn kịch cỡm của chiếc cổng lịch sử này lại làm cho bạn có dịp so sánh để cho bạn tự hào về khiêu thẩm mỹ tinh tế, về nhận thức cân đối trong tỷ lệ vàng của công trình kiến trúc hoàn mỹ của Ngọ Môn với lầu Ngũ Phụng của hoàng thành nơi xứ Huế mình.

Vừa đi vừa đặt giá vẽ nhiều thắng tích, kỳ quan trên thế giới, trong tâm thức của kẻ tha hương này luôn tuôn trào một ước vọng: làm thế nào cùng với văn thơ nhạc của bao văn nhân nghệ sĩ tiền bối tài hoa bây giờ trong lãnh vực hội họa mình phải thể hiện cho được cái dáng xưa với bao vẻ đẹp.

Giò cầu vương áo nàng Tôn nữ

Quai lỏng nghiên vành chiếc nón thơ

(Đồng Hồ - Trong đôi mắt Huế - 1939)

Hôm nay cái bồn phân và tinh hoài hương ngút ngàn đã thôi thúc tôi mang sắc màu Huế Đô Diệu Kỳ Đến Với Muôn Phương. Cái ước muốn này cũng chỉ thực hiện lại ý nghĩ của mình trong một buổi sáng ngồi ở bàn ăn của danh họa Claude Monet (1840 - 1926), căn nhà thuộc vùng đồi núi Giverny, Tây bắc Paris.

...Sao danh họa này treo đầy tranh phong cảnh Nhật bản với Hiroshige, Hokusai, Utamaro hay Yoshitoshi... Ôi tự hào quá cho công dân Phù Tang và tôi miên man tự hỏi khi nào dân nước Việt tự hào về nền mỹ thuật Việt nam, về những sắc màu Huế mình...

Ba mươi năm hay cả cuộc đời để ca ngợi vùng đất mình yêu quý cũng đủ và xứng đáng để cho kẻ này dành toàn tâm toàn trí như ngày nao Paul Gauguin (1848 - 1903) nơi hoang đảo Tahiti giữa Thái Bình Dương đã vẽ và vẽ đến tận cùng sức lực của chàng. Những ngày mang ba lô giá vẽ leo lên đỉnh Tứ Đại Danh Sơn Trung Quốc tôi bồi hồi tự hỏi dấu chân nào của một Zhang Daqian - Trường Đại Thiên (1899 - 1983) từng gồm thâu cảnh sắc thế gian vào tranh thủy mặc của mình nhưng cuối đời vẫn mỗi năm về lặn lội trong núi thẳm rừng sâu Trung Hoa mà vẽ về màu sắc quê Mẹ.

Hy vọng rằng lời khen của nữ sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương cảm tác trong phòng tranh Sắc Màu Xứ Huế tháng 2 năm 1992

Cả một trời thơ qua nét vẽ

Linh hồn đất mẹ tụ về đây

Một lời khen đáng trân quý làm sao, và cũng làm cho người nhận này ở vào cái thế phải chứng tỏ bản lĩnh cho xứng đáng. Tự nhủ lòng từ nay phải sáng tác cho đạt hơn, cho sâu hơn. Biết rằng đây là điều khó nhưng tự làm khó mình thì con đường nghệ thuật sẽ càng ngày càng thăng hoa thành công hơn.

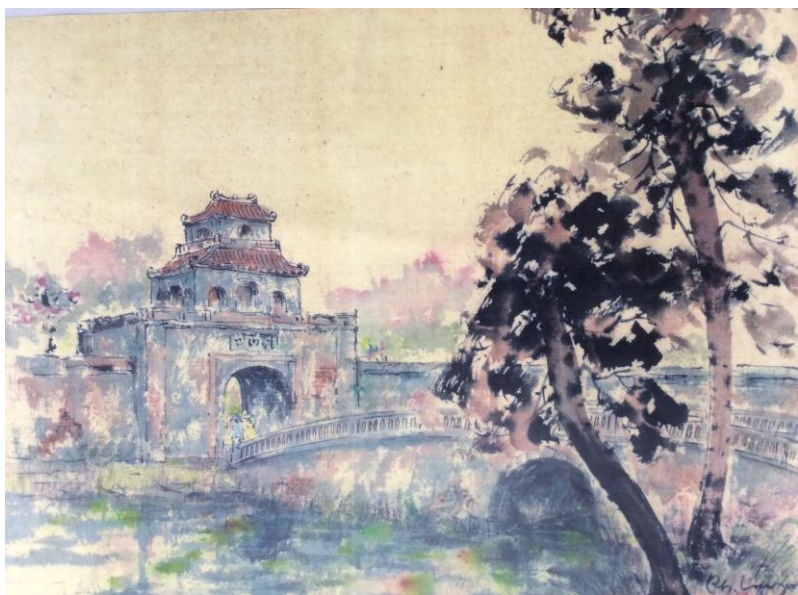
Thay vì nói lời cảm tạ thông thường đến với mọi người yêu tranh Dương Phước Luyện, kẻ này thấy cần đền đáp tấm lòng của bao tri kỷ bằng một cung cách riêng: đó là làm theo lời khuyên của danh họa Salvador Dali: *Là họa sĩ thì hãy vẽ đi*.

Vâng, tôi sẽ vẽ như chưa từng được vẽ vì tôi còn yêu đời và yêu người.

Nghĩ cho cùng: cái còn lại, cái di sản quý báu nhất của một người văn học nghệ thuật là những tác phẩm, những sáng tạo là những sắc màu mình đã và sẽ trao về muôn phương.

Tranh Dương Phước Luyện







KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 319



DIỄM NGHI

Tên thật: **Lê Diễm chi Huệ**

Sinh năm 1977

Di dân thuộc thế hệ thứ 2

Định cư và giáo chức tại Hoa Kỳ

Chuyên viên điện toán

Viết văn, làm thơ, phiên dịch Anh ngữ từ thời Trung Học.

Biên Tập Viên Tạp Chí Thế Giới Mới

Tham gia Thơ Tân Hình Thức - Báo Bút Tre

Cộng tác viên thường trực: Tin Văn, Trầm Hương

Phụ trách trang Web: **vanbutnamhoaky.com**

Hội viên VBVNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ

Sau Cơn Mưa Trời Lại Sáng

Thằng Bé đang cầm máy game, bỗng nhảy bật xuống ghế chạy lại nín chân ba nó:

- Ba, ba đi đâu dạ?

- Ba đi làm!

- Ủa, chiều tối mà sao ba đi làm?

Thằng bé mới năm tuổi đầu nhưng tỏ ra rất thông minh và lanh lẹ hơn đứa anh sinh đôi của nó.

- Ủ, ba đi làm sớm con!

- À, con biết rồi! Ba đi làm sớm để kiếm tiền mua cái ipad cho con phải không?

- Ủ!

Chồng Huyền âm ừ với con để nó khỏi nín chân, rồi ôm chiếc cặp da đi ra garage. Huyền loay hoay chuẩn bị bữa cơm chiều và vờ như không nghe không thấy điều gì xảy ra. Mới mấy phút qua, Huyền và chồng đã lờ qua tiếng lại, tuy không to tiếng nhưng cũng đủ để cho mấy đứa con hiểu là ba mẹ chúng nó đang có chuyện. Từ lâu, Huyền đã hứa với lòng mình là không bao giờ cãi vả với chồng, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Con Huyền càng ngày càng lớn, và cô quyết không để cho sự to tiếng ảnh hưởng tới tâm lý con. Khó khăn lắm Huyền mới tách con ra khỏi môi trường không lành mạnh của gia đình chồng. Cũng vì không chấp nhận những màn cãi vả, to tiếng của mẹ chồng, mà cô phải gánh chịu những đòn tâm lý nặng nề từ mấy năm qua. Đang lèng kèng lấy tô chén chuẩn bị dứt cho con ăn, Huyền thấy chồng bước tới bàn nơi những chiếc máy laptop của con nằm ngổn ngang. Anh xếp giấy nhợ, và bỏ một cái vô giỏ xách. Vài phút sau, chồng Huyền mang áo quần. Đoán là chồng sắp đi đâu, Huyền cất tiếng nói trổng:

- Trước khi đi, nhớ kiêng cái giường ra.

Từ khi nghe con Lan cất tiếng nói, tai Huyền lùng bùng. Huyền cố nhớ lại lời nó:

- Bà đó nghe, năm mới chồng bà cầu cho bà bớt khó khăn để ông nhờ kìa!

Gương mặt con Lan nửa đùa nửa thật. Huyền liếc mắt nhìn chồng coi có sự phản ứng gì. Im lặng. Huyền nghĩ sự im lặng đồng nghĩa với sự đồng lõa. Huyền ném thêm một cái nhìn giận

dối về phía chồng. Lúc này, chồng Huyền hiểu ý rằng sắp "có bầu". Anh nạt con Lan:

- Bà nhiều chuyện quá! Nói vậy gia đình tôi lộn xộn là do bà.

Mặt con Lan sầm xuống, đỏ lên. Nó nói gờ gạc nói:

- "Giờn thôi mà!"

Thấy chồng mình sắp nổi nóng, và sợ chồng nóng ầu. Huyền lên tiếng:

- Thôi, khách quen hết mà. Giữ mặt cho nhau một chút đi. Đây là chỗ làm ăn.

Không ai nói thêm lời nào. Huyền hậm hực chờ con cắt tóc xong rồi dẫn ra xe đi về. Trên xe, hai vợ chồng không ai nói với ai lời nào. Huyền trò chuyện với con trên suốt quãng đường. Về đến nhà, Huyền mới câu nhàu, và lẩm bẩm nói một mình. Biết là Huyền đang giận lắm, nhưng chồng Huyền không biết cách nào nói chuyện. Cuối cùng, anh quyết định đi đến nhà đưa bạn dạy cùng trường ở qua đêm, vì nhà nó gần trường. Không thấy Huyền cản, anh đeo chiếc cặp da lên vai và nói to:

- Anh đi là để cho em suy nghĩ lại.

- Em không suy nghĩ gì hết. Em chịu quá đủ rồi. Té ra, quần quật thờ không ra hơi lo cho chồng cho con, sự hy sinh của em không được quý mà còn bị bán rêu. Em không ngờ, anh lại chọn loại người như con Lan làm tri kỷ.

- Em khờ quá đi!

- Anh có biết, nói xấu vợ là một hành động không quân tử. Và em không còn lời gì để nói vì nó vượt sự tưởng tượng của em.

- Em khờ quá đi!

Chồng Huyền nhún giọng lập lại.

- Tại sao em lại tin lời con Lan. Đáng lẽ em phải hỏi chồng mình có nói không!

- Có lửa mới có khói! Không lẽ anh không nói gì mà con Lan nó tự dựng lên mà nói.

-

- Em bù đầu lo cơm nước cho chồng con, đôi khi thờ không ra hơi. Anh không biết quý, đáng này anh lại đi tỉ tê, bán rao em với người khác. Em chịu quá đủ rồi. Bao nhiêu năm, cái gia đình anh làm em khổ sở quá rồi!

- Anh không nói nữa vì em không chịu nghe!

Chồng Huyền gất giọng.

Huyền giả vờ và làm việc khác. Cô không buông một lời nín kẻo nào. Nước mắt chực trào dâng, ứ nghẹn nơi cổ họng, nhưng Huyền nuốt nước miếng, cố dấu mọi xúc động của mình. Mấy đứa con ríu rít trò chuyện với nhau. Chồng Huyền đi rồi, Huyền ngồi vào bàn đút cho con ăn, rót sữa cho tụi nó uống, và mình làm cho mình một ổ bánh mì ngấu nghiến nhanh cho xong buổi cơm tối. Sau đó, Huyền đi tắm rửa, đọc sách cho con, và ôm con ngủ một giấc. Đến nửa khuya, Huyền trở giấc, lật đặt ngồi dậy và đi đắp mền cho con. Cô có thói quen trở giấc nửa khuya để đi sờ soạn đắp mền và theo dõi tiếng thở đều của con. Đắp mền cho con xong, Huyền bước ra phòng khách. Bật điện phòng khách lên để nhìn đồng hồ. Đã bốn giờ mười lăm sáng, Huyền rảo mắt nhìn quanh coi có vết tích của chồng về không. Không chút động tĩnh. Chiếc giường King kê dưới chân ba cái giường nhỏ nơi mẹ con Huyền nằm trống rỗng. Không một dấu dấu hiệu gì. Huyền lấy đôi vớ mang vô chân và khoác thêm cái áo vô người vì lạnh. Huyền lục đục nấu ăn và bới sẵn đồ ăn dặm cho con, rồi tới máy vi tính đọc vài mẩu tin ngắn. Sau đó Huyền trở về phòng ngủ, nơi đứa con gái đang cuộn trong mền và nằm lẩn sang phía mẹ. Hai đứa con trai cũng đang say ngủ. Đã năm giờ rưỡi sáng, Huyền nằm dật dờ, không ngủ lại được. Đúng sáu giờ bốn mươi, đồng hồ báo thức reo lên từ cái điện thoại cầm tay. Hai mắt mệt mỏi chưa dậy. Huyền đưa tay tắt đi để kéo dài thêm vài phút. Vài phút sau, Huyền giục con dậy:

- Dậy con!

Vẫn không chút động dậy. Mấy đứa con vẫn đang say giấc.

- Đậy đi cu! Tới giờ rồi!

Huyền xoay người, áp má mình vô con, vừa hôn vừa hít ngửi mùi da thịt của con Bé, điều mà cô đam ra ghiền.

- Bé ơi! Dậy con!

Huyền ngồi xồm dậy, lay nhẹ vai con bé, rồi ôm nó vào lòng, khẽ nhe xà xuống mép giường và dịu nó ra phòng vệ sinh nằm ngay cạnh phòng ngủ. Vừa đánh răng cho con bé, Huyền vừa giục hai anh nó.

- Hùng, Thanh... con nghe mẹ kêu không?

Không có tiếng trả lời. Huyền giục lại:

- Hùng à, Thanh à... nghe không con?

Hai thằng nghe mẹ giục hơi to, nên vội phốc người ra khỏi giường. Huyền sức miệting đánh răng cho mình, cho con xong và

mang áo quần vớ cho mỗi đứa xong. Bốn mẹ con dẫn nhau ra nhà bàn ăn nằm ngay ở nhà bếp.

Vừa rót sữa vô ly và đổ cherios vô chén cho con, Huyền vừa nói:

- Mẹ ở nhà một mình. Tụi con phải ngoan cho mẹ, cả mẹ mệt. Chút nữa nhớ đứa nào nhớ nhắc mẹ đem rác ra trước khi mình lên xe nghe con.

Ba đứa nhỏ im lặng nghe mẹ nói và dường như hiểu ý mẹ nó nói gì. Cả ba bắt đầu vừa ăn sáng uống sữa, vừa trò chuyện. Huyền lắng xằng sữa soạn ba lô, nước uống cho con.

Không có đứa nào hỏi ba nó đâu. Huyền không ngạc nhiên vì sau giờ đi làm về, Huyền quán quýt bên con, ngay cả ngày cuối tuần. Mẹ tắm rửa, mẹ đọc sách, mẹ ấp ngủ, mẹ đút ăn, mẹ dạy học, mẹ đưa đi học, mẹ đưa đi bác sĩ. Ba đứa con Huyền lúc nào cũng canh cánh bên mẹ, nên không đứa nào hỏi hay khóc lóc trước sự vắng mặt từ chiều qua của ba nó. Chợt Hùng lên tiếng hỏi:

- Hôm nay mẹ có lấy "sticker" không?

Sticker là giấy xin phép (permission slip) của nhà trường để cho mẹ dẫn con mình vô tận lớp. Vì tấm giấy nhỏ dán được lên áo nên Hùng gọi là sticker.

- Không con! Hôm nay mẹ phải đem rác ra, nên không có thì giờ dẫn con vô lớp đâu.

Hùng im lặng có vẻ như chấp nhận lời giải thích của mẹ.

Giục con ăn sáng uống sữa xong, Huyền đi thay đồ và dẫn con ra xe.

Từ ngày mẹ chồng Huyền dọn ra riêng, vợ chồng Huyền bớt không khí nặng nề, nhưng lòng Huyền trĩu buồn mỗi khi nhớ lại chuyện xưa, tháng ngày mà Huyền cảm thấy chơi vơi, hụt hẫng vì mất đi chỗ dựa tinh thần. Từ nhỏ Huyền là đứa con gái út được gia đình cưng chiều nhất, lại đi lấy chồng xa. Huyền cảm thấy tổn thương khi người thân duy nhất là chồng mình lại đứng về phía gia đình và đã làm Huyền thực sự tổn thương. Huyền đau đớn, hụp lặn trong đau khổ triền miên với những tháng ngày đó. Từ khi theo chồng về nơi xa, thỉnh thoảng Huyền cảm thấy tủi thân rồi lại khóc. Những uất ức hoà trong dòng nước mắt nung nấu ý cương quyết trong một tâm hồn vốn dễ vỡ của Huyền. Huyền lấy ba đứa con thơ là chỗ dựa tinh thần còn lại. Tình thương con giúp Huyền có thêm sức mạnh. Dù mang tư tưởng phóng khoáng nhưng Huyền lại rất bảo thủ khi nghĩ về hôn nhân - một vợ một chồng chèo

chống cho đến ngày răng long tóc bạc. Huống chi cô đã có ba mặt con.

Sáng nay trời trở lạnh vì mưa. Mây đục ngầu vẩn vũ giăng kín bầu trời khiến khung cảnh trở nên âm đạm. Lòng Huyền nao nao. Mấy đứa con vẫn ríu rít chuyện trò, thỉnh thoảng hỏi giật mẹ.

Thanh, thằng con đầu lên tiếng:

- Mẹ ơi! Sao trời mưa vậy mẹ?

- Ủ, ông trời buồn, nên ông khóc đó con!

- Sao mình không dỗ ông trời vậy mẹ? Đứa con gái út nhanh miệng hỏi thêm.

Huyền chưa kịp suy nghĩ trả lời. Hùng xoay người nói qua với em:

- Tại... tại ông trời ở xa mà cao thiệt là cao đó! Mình phải đi phi thuyền mới lên được.

Thanh hòa theo em:

- Ô, đúng rồi! Giọng nói của Thanh như một ông cụ non làm Huyền muốn bật cười.

Huyền nghe tiếng nói cười líu lo như chim của ba đứa con trẻ mà cảm thấy ấm lòng giữa cái lạnh tê tái trời đông. Đứa con vô trường, Huyền trở ra chỗ đậu xe. Mưa lất phất vài cái quất vô người khiến Huyền rung mình. Cô ngập dãi trên đường đi làm.

Đúng năm giờ chiều, Huyền đi làm về. Cô ghé qua nhà mẹ chồng đón các con. Việc đầu tiên sau khi đón con về là giúp con làm bài tập. Sau đó, cô chuẩn bị buổi cơm chiều cho con. Huyền ngồi đút cho con ăn món bánh ướt chả lụa. Mấy mẹ con cười nói huyền thuyên, bỗng Huyền nghe tiếng cửa garage ù ù bên ngoài. Vài phút sau, chồng Huyền bước vô nhà bếp. Huyền đứng dậy đến bên bồn rửa chén, cố tránh mặt chồng. Chồng Huyền đi thẳng tới ôm con hôn mỗi đứa một cái. Hùng hỏi ba:

- "Ba, ba, sao ba đi lâu dạ?"

- "Ủ, ba đi làm con"

- "Ồ, sao ba đi lâu dạ?" Thanh gật gù hỏi theo em.

Hôn con xong, chồng Huyền bước qua phòng khách để chiếc cặp da xuống. Bé Na, đứa con gái út xoay người qua nhìn mẹ. Nó muốn dò coi thái độ của mẹ ra sao. Con bé mới bốn tuổi nhưng lém lỉnh nhất nhà. Ở nhà Huyền nói giọng Huế rặc, nhưng con cô, không một đứa nào nói giọng Huế như mẹ. Cả ba đứa nói

giọng miền Nam dẻo quẹo, vì nó học bên nội nó. Huyền không lấy điều đó làm buồn, mà cảm thấy may mắn ông trời ban cho cô những đứa con xinh xắn, thông minh và lanh lẹ. Suốt cả buổi chiều, Huyền vẫn không mở lời. Cô tắm rửa, ăn uống, đọc sách cho con, rồi mấy mẹ con dắt nhau đi ngủ. Cô ngủ một giấc no say cho tới sáng. Dù trong lòng vẫn còn giận nư, nhưng có một cảm giác ấm cúng với sự hiện diện của chồng ở nhà đêm qua. Thật ra, Huyền đã hết giận từ hôm qua. Sự vắng mặt trong đêm trước của chồng trong căn nhà rộng thênh thang cho Huyền cảm giác thiếu thiếu. Huyền thấy nhớ nhớ giọng nói và tiếng cười của chồng. Thật ra, Huyền thương chồng, nhưng trong quá khứ chồng Huyền vì nghe lời gia đình và đóng vai thụ động, để mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu ngày càng lớn dần. Sự im lặng từ khi về nhà của chồng làm Huyền cảm thấy thương hại thêm. Mấy đứa con lúc nào cũng đeo theo mẹ, réo mẹ. Tụi nó thương ba nó, nhưng không quần quít bằng. Chỉ vắng mặt mẹ vài phút tụi nó chạy đi tìm, và kêu mẹ ới ới. Đang bới xách cho con, Huyền thấy chồng khoác áo gió chuẩn bị đi làm.

- Anh không bới xách gì sao?

- Không!

- Giận thì giận luôn đi!

Huyền lầm bầm. Vài phút sau, chồng Huyền bước ra nhà bếp. Huyền nghĩ thầm chắc anh đang đắc chí vì Huyền là người bắt chuyện trước.

- Xá xiu, bánh mì kìa! Huyền nói trông rồi bước tới bàn ăn giúp con ăn sáng uống sữa. Chồng Huyền đang bỏ nhân xá xiu đưa leo vô ổ bánh mì. Huyền nói với con, gỡ gác đủ to để chồng nghe:

- Hôm nay là ngày Valentine. Mẹ tha cho ba đó.

- Mẹ hết giận ba rồi hả? Hùng lém linh hỏi, rồi quay qua em thuật lại:

- Thanh! Mẹ nói mẹ hết giận ba rồi kìa!

Huyền âu yếm nhìn con. Ánh mắt chúng long lanh, cười nói huyền thuyên làm lòng cô tràn đầy hạnh phúc. Chồng Huyền làm hai ổ bánh mì, một ổ cho vợ, một ổ cho mình, rồi quảy chiếc cặp da ra xe đi làm.

Sau khi đưa con vô trường. Huyền lên xe đi làm. Bấm số điện thoại chồng, Huyền mở lời trước:

- Em suy nghĩ rồi. Con Lan không đáng để em giận. Không đáng để gia đình mình mất hoà khí.

- Con đó là loại người "bụng miệng không kịp".
- Em nên nhớ, con Lan không phải là loại người mà anh tâm sự chuyện nhà.

- Giận thì làm vậy, nhưng chuyện không đáng, nhưng lấy đó làm kinh nghiệm anh đừng trò chuyện với người như vậy mà mang họa.

Huyền già là...

- Ai mà nói chuyện với nó đâu. Tại em overreact.

- Tại anh không chịu nghe anh nói. Tuần trước anh đi cắt tóc. Nó có treo cái ông gì đó, rồi chỉ lên tường mà nói: "Tui thờ ông để năm mới mua may bán đắt, cầu gì được nấy"

- Anh mới nói là: "Bộ bà cầu gì là được hay sao. Thí dụ, có người có vợ khó tính, có lẽ họ cầu rồi vợ họ đổi tính hả?". Vậy mà bữa nay giữa ban mặt ban ngày, nó phát ngôn một cách bừa bãi vậy đó.

- Anh biết nó có ý giỡn mà em nổi nóng.

Huyền nói xuề xòa:

- Thôi, chuyện gì qua không nhắc nữa. Làm hư ngày Valentine hết.

- Vậy, cu ba vẫn mua cái iphone làm quà cho mommy nghe?

Huyền cười xòa. Lòng nhẹ nhõm như nhắc xong một cục đá khỏi lồng ngực. Bầu trời hôm nay trong sáng. Huyền có cảm giác như ông trời bắt mạch được cảm giác của mình.

Diễn Nghi





LÊ HỮU LIỆU

Lê Hữu Liệu: Tên thật cũng là bút hiệu

Sinh năm Canh Thìn tại Cầu Hai Phú Lộc, Thừa Thiên.

Cựu sinh viên Quốc Gia Thương Mại Sài Gòn

Trước năm 1975: Trưởng Ty Thuế vụ các tỉnh: Phú Bồn, Quảng Ngãi, Phú Yên, Tây Ninh, Sa Đéc và Châu Đốc.

Sau 30-4-1975: Tù Cải Tạo

Hiện định cư tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Sinh Hoạt Văn Học: Làm thơ từ năm 1957 và có thơ đăng rải rác trên các báo tại sàigon.

Sau khi định cư tại Hoa Kỳ tiếp tục sinh hoạt văn học.

Cộng tác viên thường trực với Tuần san Đẹp, Các tạp chí Trầm Hương, Tin Văn. Tham gia các giải phẩm Cùm Hoa Tình Yêu

- Phó Hội Trưởng Hội Thơ Tài Tử Hải Ngoại

- Hội Viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/Vùng Nam Hoa Kỳ

Tác Phẩm:

- Cô cây hoa lá thuốc trời (Thơ)

- Như Dòng suối ngọt (CD thơ)

Lê Hữu Liệu **Quê hương nỗi nhớ**

Tôi nhớ gì quê hương
Bao kỷ niệm thân thương
Thương ấu thơ bom đạn
Chiến tranh và tai ương...

Tôi nhớ gì quê hương
Những thao thức đêm trường
Của Mẹ già khắc khoải
Ngóng tin con chiến trường.

Tôi nhớ gì quê hương
Những mảnh đời thê lương
Phế binh và cô cút
Sau cuộc chiến đau thương!

Tôi nhớ gì quê hương
Người nhìn nhau lạ thường
Bắc, Nam cùng dân tộc
Sao hận, thù không thương?

Tôi nhớ gì quê hương
Bao cảnh đẹp khác thường
Bao la đồng lúa chín
Những dòng sông yêu thương...

Tôi nhớ gì quê hương
Bóng em xưa chung trường
Mắt nhìn nhau, ước mộng
Giờ xa cách muôn phương.

Tôi nhớ gì quê hương
Bắc, Nam những con đường
Đêm ngày ôm sóng vỗ
Nghe tiếng hát đại dương...

Xuân về ai có hay

Bao người nô nức chờ Xuân mới
Sao vẫn băng khuâng nỗi nhớ nhà
Thao thức từng đêm buồn điệu vơi
Triệu người khốn khổ chốn quê xa...

Bao kẻ lang thang chiều cuối năm
Nhìn người sắm Tết, buồn xa xăm
Thiên tai, bão lụt, nhà ly tán
Dắt díu nhau, hành khất kiếm ăn!

Bao Mẹ già trong những liếp tranh
Xác thân gầy ốm, áo mong manh
Bệnh đau thiếu thuốc, buồn đơn độc
Chinh chiến lửa con lúc tuổi xanh!

Bao mảnh đời thương binh khốn khổ
Chiến tranh qua, cướp mất chân tay
Tương lai gãy vụn, đời tăm tối
Lê lết cho qua kiếp đọa đày!...

Xuân chợt về nhưng ai có hay
Buồn theo giọt nắng, gió lung lay
Hoa khoe sắc thắm, chim đua hót
Ước nguyện cho đời sớm đổi thay...

Mưa thu thiếu phụ

Như con mèo
Co ro bên bếp lạnh
Em ôm nỗi buồn
Buổi sáng mùa Thu.
KHung cửa nhạt nhòa trời vẫn âm u
Em thềm tay anh, đôi môi nồng ấm...
Kỷ niệm chúng mình
Một thời xa xăm
Thấp thoáng theo em, đôi mắt muện phiên.

Một lần xa nhau
Nhưng nhớ triền miên...
Em như bơ vơ trong rừng ký ức
Mưa vẫn mưa dài, mưa như thốn thức
Mưa Thu đầu mùa
Mưa ướt mắt em!
Anh ơi, anh ơi,
Hạnh phúc êm đềm
Theo lá vàng bay, một mùa Thu đến...

Một thoáng thu xưa

Vàng lá Thu bay nơi xứ lạ
Bâng khuâng buồn nhớ chốn quê xưa
Mênh mông kỷ niệm trong tiềm thức
Bóng dáng ai về dưới nắng mưa...

E áp nhìn nhau mắt đại khờ
Nụ hôn đầu trong trắng ngây thơ
Má em hây đỏ làn da ấm
Hai đứa như là lạc cõi mơ!

Một thoáng đời qua, Thu lá bay
Đường đời muôn lối, có ai hay
Em trong kỷ niệm...trong xa vắng
Theo gió Thu về buồn lắt lay...

Mênh mang nỗi nhớ
Thương tặng Huỳnh Mai

Em ạ, chiều nay buồn đất khách
Nhớ em nhiều, nhớ lắm em yêu!
Em về quê cũ bao xa cách
Lặng lẽ mình anh với nắng chiều.

Như đông lạnh đến, nhà hoang vắng
Chất ngất cô đơn ngập cõi lòng
Phòng ngủ, hương nồng như thiếu hân
Đêm thao thức mãi, nhớ mênh mông...

Anh ước làm con chim Hải âu
Bay qua biển cả suốt canh đầu
Gặp em vào mộng như ngày cũ
Tay vẫn trong tay đến bạc đầu.

Vẫn biết rằng em sẽ trở về
Nhưng sao anh buồn nhớ em ghê!
Đôi ta như hai chim liền cánh
Hạnh phúc bay theo vện ước thề...

Xuân về nhớ Mẹ

Mẹ ơi, trên bước đường phiêu bạt
Con vẫn mang hình ảnh Mẹ yêu
Bao đêm thức giấc, hồn lưu lạc
Mong về thăm Mẹ, nhớ nhung nhiều...

Bên đây Đông lạnh, tuyết rơi bay
Hiu hắt lòng con, nhớ n hững ngày
Xuân về bên Mẹ, ôi vui quá
Được Mẹ cưng chiều, hạnh phúc thay!

Quê cũ giờ đây sắp đón Xuân
Bông Mai nở rộ, nắng vàng sân
Muôn người háo hức chờ năm mới
Chắc Mẹ đang buồn, có phải không?

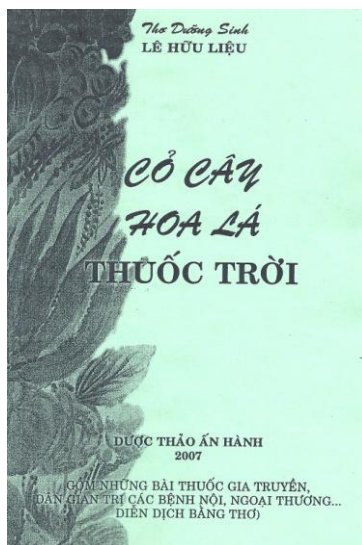
Ôi Mẹ! Làm sao con quên được
Suốt đời tần tảo Mẹ nuôi con
Hy sinh hạnh phúc, bao mơ ước
Mẹ chỉ mong ngày con lớn khôn...

Chinh chiến điêu tàn mãi diễn ra
Đạn bom tàn phá khắp quê nhà
Bao đêm Mẹ thức, lo cầu nguyện
Cho đàn con Mẹ đừng cách xa.

Nhưng ôi, hoàn cảnh đẩy con đi
Đất nước an bình, vẫn biệt ly
Bao nhiêu người chết trong im lặng
Biển cả, mồ chôn vạn tử thi...

Tết này con vẫn còn xa Mẹ
Chắc hẳn chưa về vui đón Xuân
Phương xa, Mẹ ạ, con luôn nhớ
Mẹ hiền con, cao cả vô ngần!...

Lê Hữu Liệu





HUYỀN VŨ

Tên thật: **Lê Văn Huyền**

Sinh năm 1943 tại An Lão, Bình Định

Trước 1975:

Sĩ Quan Cảnh Sát Đặc Biệt/ BTLCSQG/VNCH

Sau 1975: Tù cải tạo

Hiện định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1993

Sáng tác thơ văn nhạc

Có thơ văn đăng trên các báo tại Hải Ngoại

Hội Viên Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Nguyên Chủ bút Đặc San Cảnh Lực/Hải ngoại

Cộng tác viên thường trực các tạp chí Tin Văn,

Trầm Hương và hầu hết các Đặc San Ái Hữu.

Tác phẩm: Tuyển Tập 111 Truyện cười,

Thơ Đường Luật Khảo Luận

Trăn trở

Thức giấc canh khuya luống ngậm ngùi
Ấp đầy trăn trở dễ gì nguôi
Một thời oai dũng xông pha tiến
Thế cuộc nhiều nhường nhụt bước lùi
Quê Mẹ đau thương tràn ngập khắp
Tha hương uất hận há buông xuôi
Phục hưng canh cánh từng đêm mộng
Dân Việt có ngày mở hội vui.

Vọng quê

Viễn xứ vọng quê uất hận tràn
Đâu nhìn sóng dữ dập dồn sang
Lương dân cùng cực không cơm áo
“Cán bộ” tham ô lắm bạc vàng
Chẳng để độc tài gieo thống khổ
Thay vì dân chủ rọi vinh quang
Cao trào phục quốc đang bùng sáng
Nước Việt thân yêu sẽ rõ ràng.

Xuân quê hương

Rượu Xuân đất khách chẳng dùng say
Ủ trồn bầu men nén vững tay
Luyện kiếm dưới trăng tan bão táp
Phất cờ trước gió bạt mưa bay
Đồng tâm bền chí nuôi mong ước
Nhấn nhục kiên gan chịu đắng cay
Hưng phục ngày về say túy lúy
Quê hương mừng Tết vạn điều may.

CHÀNG LÍA-TRUÔNG MÂY

Huyền Vũ LÊ VĂN HUYỀN

Truông Mây có tên nữa là Hóc Sáu, ở xã Ân Đức quận Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Chạy từ thôn Phú Nhuận ở phía Bắc đến thôn Vĩnh Hòa ở phía Nam. Dài khoảng ba cây số. Hai bên mây mọc thành rừng, gai góc tua tủa. Cho nên gọi là Truông Mây.

Phía đông, nhánh sông Kim Sơn chảy từ Nam ra Bắc, cuộn cuộn lục li. Phía Tây núi non trùng điệp, và hòn núi Một tách ra đứng sừng sững bên Truông. Quang cảnh thật man dại. Người cứng bóng vía đến đâu, lúc gió chiều, sương sớm, quanh quẽ hắt hui, một mình đi ngang qua cũng thấy rợn người. Lại thêm nhiều cộp và dây cũng là doanh trại của hai tướng cướp nổi danh -Cha Hồ, Chú Nhẫn -, thường ngày cho lâu la ra chặn đường bắt hành khách nạp tiền mã lộ. Cho nên hành khách ít ai dám qua lại, thời bình cũng như thời loạn. Nhưng ở Bình Định không mấy ai không nghe tiếng Truông Mây; đó là nhờ Chàng Lía. Ca dao có câu:

“Chiều chiều ến liệng Truông Mây
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành”

@

Chú Lía là ai?

Chú Lía hay Chàng Lía, là một hiệp sĩ áo vải, sinh vào thời Chúa Nguyễn Minh Vương. Con của Võ Trụ, lính hồi hưu, người Phù Ly. Mẹ là người Phú Lạc huyện Tuy Viễn. Nay là ấp Phú Lạc xã Bình Thành huyện Tây Sơn, Bình Định (quê hương của Tam kiệt Tây Sơn, và Anh hùng Mai Xuân Thưởng), một gia đình nghèo khó, nhưng lương thiện, chơn chất làm ăn, nên sinh được một mụn con trai, tướng mạo khác thường, vai rộng, tay dài, da đen, đôi mày rậm. Vợ chồng rất đôi vui mừng, cùng nhau nâng niu, nuôi dưỡng.

Đến ngày đầy tháng vợ chồng Võ Trụ mở tiệc mừng mời hàng xóm và lão Hai Đồi là thầy tướng số nhờ đoán xem hậu vận của đứa trẻ. Thầy Hai Đồi nói: “Thằng này lớn lên sẽ hung dữ như Thiên Lôi và chơi bời lung tung hoang đàng chi địa”.

Quả vậy, năm lên mười tuổi, Cha Lía mất, Mẹ đem về nuôi ở quê Ngoại (Phú Lạc), lớn lên cho đi ở chăn trâu nhà Phú ông Cửu Vỹ trong miền. Lía rất thương Mẹ. Đến ở nhà người, nhưng tối nhất định trở về với Mẹ. Những lúc ra đồng, vào rừng hễ bắt được con cá, con chim, đều để dành về dâng cho Mẹ. Những khi không

bắt được chim, cá, thường bắt trộm gà vịt ở các thôn xa, làm thịt mang về, nói dối rằng vịt nước, gà rừng. Nhiều lần bà Mẹ sanh nghi, không chịu ăn, gạn hỏi :

- Bắt trộm của ai ? Lía năn nỉ:

- Thấy Mẹ khổ, Lía kiếm về nuôi Mẹ. Mẹ ăn đi cho Lía vui lòng. Bà Mẹ nhất định không ăn, Lía chui đầu vào lòng khóc đến lúc Mẹ chịu ăn mới thôi. Bà Mẹ giận dữ thì Lía xin chừa. Nhưng rồi thỉnh thoảng vẫn đem về không chiếc đùi gà, cũng nửa chân vịt.

Lía trông không có gì khác chúng. Thân xác cũng không được vạm vỡ, song sức mạnh phi thường, tánh tình ngang ngược, khăng khải. Mỗi lần gây sự đánh nhau, Lía chấp hàng vài ba chục trẻ em đồng lứa. Những khi hai trâu báng lộn, mình Lía nắm một đuôi trâu, cả bọn mục đồng nắm một đuôi trâu, kéo lui ra không cho chúng báng nhau. Lúc nào trâu của Lía cũng bị kéo lui xa hơn. Bởi thế bọn mục đồng đều khiếp sợ Lía. Lía bảo gì phải nghe theo, không ai dám cãi, cũng không ai dám tỏ ý bất bình.

Bấy giờ quanh vùng có bọn côn đồ, thảo khấu tụ tập. Phú ông Cừ Vỹ lo xa bèn mời võ sư về nhà dạy con cái võ nghệ để đề phòng bất trắc. Đêm đêm Lía đứng xem, học lén và hầu hạ võ sư rất mực ân cần. Võ sư thấy tướng Lía khác thường có dáng đồng phu, bèn đem hết sở trường truyền cho Lía. Ban ngày sau khi thả trâu lên rừng, Lía lợi dụng thì giờ gia công luyện tập. Lía học rất sáng dạ, tinh thông lại thêm có sức mạnh phi thường, nên được bọn mục đồng nể sợ tôn làm anh cả. Lía bắt trẻ cùng lứa làm khiếu rước mình, tự xưng là Vua.

Một hôm cao hứng, Lía bảo bọn trẻ vật một con trâu nghé của Cha Di, xẻ thịt thui ăn. Ăn xong sai đen tất cả da xương và lông lá vào rừng chôn dấu kỹ, chỉ để lại đuôi trâu. Lía lấy đuôi cắm xiềng xiềng xuống đất, rồi khuân một tảng đá lớn đè lên trên, chừa lỗ mồm đuôi với chòm lông đen, đoạn chạy về nhà báo cho Cha Di:

- “Trâu đương ăn, bỗng rống lên một tiếng, rồi chui tuột xuống đất, chúng tôi nắm đuôi kéo không lên”.

Cha Di vội chạy ra xem. Thấy đuôi trâu, nắm kéo thử nhưng mắc cứng nhỏ không ra. Hỏi đoàn mục đồng, chúng đều nói theo Lía. Sau dò biết được sự thật, Cha Di đến bắt đền Cừ Vỹ. Cừ Vỹ quờ phạt Lía, Lía tức giận lập mưu, trước là tìm trâu trả lại cho Cha Di để chủ khỏi mang tiếng, sau là diệt đám côn đồ trộm cướp phá phách xóm làng.

Hôm ấy, Lía ăn diện sang trọng, giả làm anh điểm đàn , một mình vào rừng xin gia nhập đám côn đồ. Bọn cướp thấy Lía bánh bao, có bạc vàng, liền thu nhận không chút nghi ngờ. Một bữa nọ, lợi dụng tất cả vui say mừng chiến thắng sau một trận cướp lớn, Lía phóng hỏa đốt doanh trại và lừa sạch bấy trâu của bọn cướp đem trả cho Cha Di một con, còn bao nhiêu biếu hết cho Cửu Vĩ. Cửu Vĩ mừng rỡ, khen ngợi rồi mở tiệc đãi Lía và cho Lía nghỉ việc chăn trâu.

Thế là từ sau hôm ấy, Lía không còn phận tôi đòi đi chăn trâu nữa. Còn bọn cướp bị một vô đầu do Lía ban cho, kéo xuống nhà Cửu Vĩ phục thù. Lía biết trước, bày Cửu Vĩ đào hầm chông trước nhà bấy sập bọn chúng, khiến chúng kinh hồn tán dờm chạy tán loạn. Lía còn bắt được mấy tên giải lên quan huyện lãnh thưởng. Lía được sống thong dong, an nhàn. Lía chạnh nghĩ đến Mẹ già bấy lâu sống hẩm hiu không ai sớm hôm phụng dưỡng, bèn xin phép Cửu Vĩ về lại nhà lo cho Mẹ.

Lía về ở với Mẹ. Thấy Mẹ làm lụng đầu tắt mặt tối, mà tháng ngày vẫn hụt trước thiếu sau, bèn lén đi bẻ bí trộm, đào khoai trộm, đem về giúp Mẹ. Bà Mẹ rầy la mãi không được. Mẹ Lía thấy con mình tính tình hung hãn, muốn mượn chữ Thánh hiền mà thay đổi cuộc đời cho Lía. Bà mang trà rượu đến xin Cử nhân Trần Thanh cho Lía thọ giáo. Thầy nghe Lía là đứa ngỗ nghịch, cứng đầu, thầy dạy từ chối, song thấy mẹ Lía hết sức van nài và Lía hứa sẽ thay đổi tánh nết, nên rốt cục cũng nhận cho vào hàng môn đệ. Lía học rất thông minh. Được ít lâu, Lía chia học trò ra làm hai phe, làm náo động cả trường. Lía lại cầm đầu một nhóm bạn học, thường đêm đi bắt súc vật, lấy của cải nhà giàu đem về giúp Mẹ và phân phát cho những nhà nghèo khó ở xóm làng. Hành động quấy phá của Lía khiến thầy Đồ sợ vạ lây, nên phải mời Mẹ Lía đến để trả Lía về nhà.

Sợ Mẹ, không dám về nhà, Lía đi lang thang trong rừng. Chợt thấy một Lão Trượng đương đánh cùng cọp. Lão Trượng râu tóc bạc phơ, diện mạo quắc thước, tay kiếm lạnh như chớp. Con cọp là một con vện tàu cau, vừa lớn vừa dữ. Hai bên đánh nhau cả buổi vẫn không bên nào chịu nhượng bên nào. Rồi hai bên đều dừng lại, đứng thủ thế ghim nhau. Lía đi lên ra phía sau lưng cọp, nhảy bổ tới, tay ôm cổ, chân kẹp

hông. Cọp thất kinh nhào lộn mấy vòng, nhưng Lía đeo cứng không sao hất ra nổi. Cọp thất thế, vuốt không dùng được, nanh không dùng được, chỉ cố sức vùng giẫy để thoát thân. Cọp càng vùng giẫy, Lía càng siết chặt. Cọp nghệt thở, lần lần đuối sức rồi tắt hơi. Lão Trượng vui mừng đến hời. Lía thừa rõ lai lịch. Lão trượng tỏ ý muốn đem về nuôi. Lía hơn hờ đưa về xin phép Mẹ. Mẹ Lía cung lễ Lão Trượng và gọi con. Lão Trượng để cọp lại cho Mẹ Lía xẻ thịt bán làm vốn nuôi thân, và dắt Lía lên rừng.

Lão Trượng vốn là một võ tướng của nhà Lê. Vì chán họ Trịnh, ghét họ Nguyễn, bỏ quan về ẩn. Lão Trượng dạy Lía võ nghệ. Lía học rất sáng. Học đâu thuộc đó. Học quyền xong, học sang kiếm, côn . . . môn nào cũng tinh nhuệ. Lía lại tự luyện được phép phi thân, đứng đỉnh núi nẩy nhảy sang đỉnh núi kia một cách dễ dàng, như nhảy qua khe suối. Lại có thể đứng dưới đất nhảy lên đột cây cao đậu như con chim, rồi nhảy xuống nhẹ nhàng như một chiếc lá rơi.

Lía ở núi hơn năm năm. Sau khi Lão Trượng qua đời. Lía trở về cùng Mẹ. Lúc bấy giờ Lía đã trưởng thành, thường ngày lên núi kiếm thịt về nuôi Mẹ. Nhưng tánh khí ngang tàng, không chịu nổi những cảnh bất công trong xã hội. “Giữa đường gặp sự bất bình ra tay”. Lía trở thành một hiệp sĩ áo vải, can đảm, nghĩa khí. Bọn cường hào, ô lại rất ghét, nhưng sợ không dám làm gì.

Một hôm, có tên lính Nha về làng, cậy thế hiếp đáp dân chúng, Lía nổi giận đánh chết. Bọn cường hào được dịp trả thù, liền đi báo quan. Quan cho lính đến vây nhà bắt. Biết không thể ở quê nhà được nữa, Lía bèn cùng Mẹ nhảy chui từ nóc nhà nẩy sang nóc nhà nọ, chạy ra bờ sông Côn, nhảy qua Phú Phong, đi thẳng vào rừng sâu.

Vào rừng, Lía gặp một đoàn lục lâm mời làm Chúa. Lía sai sửa sang thành Uất Trì (1) của Chiêm Thành ở Bá Bích làm sơn trại. Từ đó Lía ra mặt chống lại triều đình, vây vùng ngang dọc một phương trời, trừ gian diệt ác, lấy của người giàu giúp người nghèo. Nhiều kẻ bất mãn với chế độ hà khắc bất công của quan lại thời bấy giờ, theo về cùng Lía khá đông.

Ngày ngày Lía kéo nhau đi cướp, thường chỉ lấy của nhà giàu, nhất là nhà giàu bất nhân thất đức. Dân tuần, lính canh. . . không chống nổi. ai nấy đều khiếp sợ. Nhiều nhà giàu thuê

võ sĩ đến giữ tài sản, nhưng tất cả xa gần đều thất đảm mỗi khi bọn Lía đến, vì tay côn của Lía khi vung ra thì hàng trăm người phải ngã quỵ, không một võ sĩ nào có thể chịu nổi một roi. Bởi vậy tiếng tăm của bọn Lía lừng lẫy khắp nơi, không ai còn dám lãnh giữ của mướn, và bọn Lía đến đâu cũng không ai dám chống cự.

Lía lại đặt ra lệ:

- Nếu chủ nhà biết điều đem vàng bạc, lúa thóc, cũng như bò trâu, dê heo. . . ra dâng, thì bọn Lía lấy hai phần, để lại cho chủ một phần, bằng kháng cự thì bị đánh lấy hết. Nếu đi báo quan để cầu cứu, thì nhà cửa bị tiêu tan, có khi còn bị thiệt mạng.

- Những của cướp được đem về trại một phần, còn bao nhiêu phân phát cho người nghèo khó, trước hết là người trong địa phương bị cướp. Bởi vậy chỉ có nhà giàu oán hận bọn Lía mà thôi. Lại thêm, chẳng những Lía ăn cướp của nhà giàu, đem san sẻ cho nhà nghèo, mà còn luôn bênh vực, che chở cho những kẻ yếu thế bị hà hiếp. Nhiều tên cường hào, tham quan ô lại bị xẻo mũi cắt tai, hoặc bị bẻ đầu vỡ mặt.

Nhà cầm quyền tìm đủ mọi cách để trừ khử bọn Lía, nhưng không dám vào sào huyệt của Lía vì núi khe hiểm trở, một vào không còn mạng ra. Những khi có vụ cướp xảy ra, hệ quan quân nghe tin kéo đến, thì bọn Lía đã rút đi. Đôi lúc gặp được lại chỉ thêm khổ cho quan lính mà thôi, vì phần ngọn roi của Lía vung nhằm ai thì không còn mạng sống, phần thì đồng bào tìm cách ủng hộ ngầm ngấm, không tài nào bắt được.

@

Lía vào Bá Bích được ít lâu thì bà Mẹ tạ thế. Không nỡ để Mẹ nằm nơi quê người, Lía quyết đem di hài về chôn ở Phú Lạc. Nhưng chôn ở đồng bằng sợ về thăm viếng bất tiện, lại sợ bọn cường hào manh tâm xâm phạm đến phần mộ, Lía bèn chọn đỉnh Trung Sơn ở Bắc Ngạn sông Côn, cách sơn trại của Lía chừng năm, sáu cây số đường thẳng, xiêng xiêng về hướng Tây Bắc. Để đưa Mẹ về, Lía đội quan tài lên đỉnh núi Chớp Vàng ở phía ngoài sơn trại. Một tay đỡ quan tài, phi thân về hướng Trung Sơn. Chôn cất Mẹ xong, Lía khuân một tảng đá to đặt lên trên mộ để che nắng mưa, và kê hai thớt đá nhỏ lên nhau ở bên mộ để ngồi khóc Mẹ

Mẹ mất rồi, Lía buồn, bỏ Tuy Viễn ra Phù Ly thăm mộ Cha, rồi thẳng đường đi ra phía Bắc. Một đoàn côn, một khăn gói, lang thang hết Phù Ly đến Bồng Sơn.

Một buổi chiều, Lía đi ngang qua Truông Mây, tứ bề vắng lặng. Thấy địa thế hiểm yếu, dừng chân ngắm nhìn. Bỗng một toán cướp, kẻ hò, người mắc, từ trong rừng kéo ra đón đường

- “Muốn qua trưông, phải để khăn gói xuống”.

Lía cười:

- “Ai đòi ăn cướp lại giật của ăn cướp bao giờ”.

Bọn cướp không thém đáp, áp tới đánh, Lía đưa nhẹ cây đoản côn ra đỡ. Mấy tên ngã lẩn. Mấy tên khác xông vào, cũng bị gạt văng ra. Chúng thất kinh chạy lên núi báo cùng chủ trại. Chủ trại là hai tên cướp nổi danh, tục gọi là Cha Hồ và Chú Nhẫn. Cha Hồ, Chú Nhẫn nghe báo liền vát đại đao xuống núi. Trông thấy tướng mạo của Lía tầm thường, vốc vạc lại không lấy gì cao lớn, Cha Hồ, Chú Nhẫn chề không xứng tay, Lía nổi xung đánh cho một côn, Cha Hồ đưa đao lên đỡ thì đao văng, Chú Nhẫn đánh tiếp, Lía hất đao co chân đá lẩn cù. Cha Hồ Chú Nhẫn thất kinh! Hỏi ra, biết là Lía, mừng rỡ đón lên sơn trại, mở tiệc chung vui. Lía cho biết việc mình, Cha Hồ, Chú Nhẫn liền tôn Lía lên đệ nhất trại chủ.

Lía sửa đổi kỷ cương, không cho chặn đường cướp giật nữa, và đem thi hành chánh sách đã áp dụng ở quê hương: Lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo. Truông Mây nổi tiếng hơn trước. Bọn giàu có quyền thế đêm ngày lo sợ nơm nớp, còn đám bình dân thì vui vẻ làm ăn. Người đi qua Truông Mây không còn phải lo nạp tiền mãi lộ.

Được ít lâu, ở thành Qui Nhơn tổ chức cuộc thi võ để chọn nhân tài cầm quân đi đánh Trịnh. Cha Hồ, Chú Nhẫn bàn cùng Lía đi lập công danh để thay đổi cuộc sống - Giúp nước, giúp dân - . Thanh thế Truông Mây tuy lừng lẫy, song không ai biết mặt những kẻ cầm đầu, nhờ vậy mà bọn Lía đã thay đổi y trang xuống núi vào thành vô sự. Nhưng gặp phải viên giám khảo là một tên tham quan, lấy tiền tài làm chủ nghĩa. Bọn Lía không chịu lo lót nên bị đuổi ra như một số võ sĩ chỉ đến với tài năng. Bọn Lía tức giận , về Truông Mây kéo lâu la xuống đốt phá trường thi và giết tên giám khảo. Nhân lúc bất ngờ, đánh phá luôn kho lương và cướp đem về núi một số lớn. Tuần Phùừừ Qui Nhơn cho quân truy kích, nhưng đến Truông Mây không thể tấn công vào sơn trại .

Một đêm, trong khi quân lính bao vây sơn trại, Lía cùng một ít lâu la lên ra đường núi, đi thẳng đến thành Qui Nhơn. Thừa lúc tối trời, Lía công lâu la nhảy vào thành phóng hỏa đốt các doanh trại. Quân canh không trở tay kịp. Lửa cháy ngất trời. Nhân dân trong thành tưởng giặc đến cướp thành, kéo nhau chạy hỗn loạn. Tiếng khóc, tiếng la vang dội khắp nơi. Viên Tuần Phủ giật mình thức dậy, vừa bước chân xuống đất thì đầu liền rơi, người ái thiếp cùng chung gối bị Lía bắt mang đi.

Không biết giặc nhiều ít thế nào, sợ Qui Nhơn bị thất thủ, bọn quan lại phò tá viên Tuần phủ hỏa tốc gọi quân đang bao vây Trùng Mây về giữ thành. Phần bị Lía gặp dọc đường chặn đánh, phần bị Cha Hồ, Chú Nhẫn thúc lâu la đuổi theo, quân Qui Nhơn thất kinh không dám chống cự, ném vũ khí chạy thoát thân.

Được tin Qui Nhơn có biến, quan Thừa Tuyên dinh Quảng Nam, một mặt cho binh vào cứu viện, một mặt làm sớ tâu về Phú Xuân. Chúa Nguyễn cử người vào trấn Qui Nhơn và cấp thêm một đạo binh để dẹp giặc.

Lía biết trước, cho đắp thành lũy thêm cao, mở thêm đường bí mật để tiếp tế và đề phòng khi bị bao kích. Địa thế đã hiểm, việc phòng bị lại chu đáo, nên Trùng Mây bị công phá mấy năm liền, vẫn không chút nao núng.

Liệu dùng sức không thắng nổi, viên Tuần Phủ Qui Nhơn rút quân về đề mong thắng bằng mưu. Dò biết nàng ái thiếp của cự Tuần Phủ, từ khi bị bắt về trại được Lía tin yêu lấy làm vợ. Y liền tìm người thân quyến của nàng cho vào trại dụ dỗ nàng làm nội ứng, để trả thù cho chồng cũ và lãnh thưởng lớn. Mưu chước đã thành, chỉ còn chờ cơ hội.

Một hôm bọn Lía đánh cướp được một đám lớn, về xẻ bò, mổ trâu ăn mừng. Vợ Lía lén bỏ thuốc mê vào rượu. Cả trại đều say vui. Lía và Cha Hồ Chú Nhẫn bị Nàng ép uống quá nhiều, Cha Hồ, Chú Nhẫn nằm gục nơi bàn tiệc. Còn Lía cỡi trần nằm sải trên phản, không cần chăn, không cần gối, ngủ thiếp. Vợ Lía lấy dây thòng trối chặt tay chân, trối ghì cả người vào tấm phản. Nàng rẽ mái tóc dài của Lía thành hai đuôi sam làm giây cột siết đầu Lía vào phản. Nàng trối luôn cả Cha Hồ, Chú Nhẫn bỏ nằm giữa trại, đoạn mở cửa thành, ra ngoài thông báo cho người liên lạc đã chờ sẵn, tức tốc phi báo về Qui Nhơn.

Viên Tuần Phủ Qui Nhơn điều quân tốc hành, lên trại Lía trời đã gần sáng. Cả trại đều còn say. Trong ngoài im phăng phắc. Cửa

thành bỏ trống. Viên Tuần Phủ còn ngại Lía bày mưu gạt gẫm, nên không dám cho quân nhập thành. Quân vây thành đợi trời thật sáng. Sau khi cho người dò la hư thật, viên Tuần Phủ hô binh ủa vào thành. Lúc bấy giờ một ít lâu la vừa tỉnh rượu thấy quân lính kéo vào, thất kinh la ó, bọn lâu la giật mình tỉnh dậy, chưa kịp đứng lên thì lớp bị giết, lớp bị bắt. Cha Hồ, Chú Nhẫn không cựa quậy nổi, Lía nghe ồn, mở mắt, thấy mình bị trói, nổi giận hét lên một tiếng, đứt dây trói chân. Vừa lúc ấy quân lính ủa vào bắt, Lía vùng đứng lên, mang tấm phản sau lưng. Quân lính áp tới, Lía quay tròn mình, dùng phản làm binh khí, đánh ngã tất cả. Ra ngoài thấy toàn thể bộ hạ bị hại, liệu không phương cứu vãn, bèn mở vòng vây, mang tấm phản nhảy lên núi. Quân lính không thể đuổi kịp, đành phá hủy sơn trại, rồi áp giải Cha Hồ, Chú Nhẫn về Qui Nhơn.

Lía lên núi cứ mang tấm phản, theo đường rừng mà đi. Phần thương đồ đảng bị hại, phần giận con đàn bà gian ác, Lía muốn xuống thẳng thành Qui Nhơn để trả thù, nhưng không sao cỏi được trói. Đi mãi trong rừng suốt mấy ngày đêm, chợt nhớ lại cảnh cũ, bèn băng rừng về Phú Phong. Vào Bá Bích thấy thành lũy đã bị phá tan hoang, cảnh vật điêu hiu quanh quẽ! Phần thì đói, phần thì mỏi, phần thì buồn thương, Lía không muốn đi nữa, dựa tấm phản vào vách đá đứng nghỉ, lòng phân vân chưa biết phải làm gì đây. Chợt một ông lão dép da trâu, vai mang mo com, tay cầm rựa, ung dung đi tới, Lía gọi đến nhờ mở dây. Ông lão không chút chần chờ. Mở xong hỏi :

- Kê anh hùng sao đến nỗi sa cơ thất thế?

Lía đáp :

- Có com cho ăn rồi sẽ nói chuyện.

Ông lão trao mo com bầu nước. Lía ăn uống xong, thuật hết mọi nỗi, rồi nói:

- Chỉ vì một con đàn bà mà bạn ta bị hại, thân bị nhục, tội thật đáng chết. Ông Lão Trọng mở dùm dây trói, cứu dùm đói, không biết lấy gì đền đáp, kính dâng vật này để ông Lão đem xuống Phủ lãnh thưởng.

Nói đoạn giục rựa nơi tay ông Lão, tự chặt cổ mình, máu phun, đầu rơi!

Ông lão ứa nước mắt nói:

- Sao nhà người nóng nảy thế?! Lão đây tài sợ, sức yếu phải đợi chết già. Chứ nếu được như nhà người thì há để cho bọn tham ô sống an nhàn trên mồ hôi nước mắt của dân chúng.

Rồi ông lão lo chôn cất Lía tử tế. Về nhà kể chuyện lại cho con cháu nghe, dặn không được tiết lộ cho bọn quan quyền biết.

Viên Tuần Phủ Qui Nhơn ra lệnh truy nã Lía, lâu ngày không thu được kết quả gì, bèn bỏ qua. Và để trừ hậu họa, Y sai phá bằng tất cả thành lũy và chặt hết mây ở nơi Truông.

@

Chàng Lía cũng là một nhân vật nổi tiếng ở Bình Định. Tài năng, võ nghệ siêu quần. Sức mạnh và lòng dũng cảm phi thường. Tuy có tính hung hãn, nhưng nghĩa hiệp. Lía ác với người cần ác. Lía cướp của nhà giàu bắt nhân thất đức cho kẻ nghèo khó. Lại nữa, Lía rất có hiếu với Mẹ. Có lúc bọn Lía muốn hoàn lương, đã vào thành Qui Nhơn xin dự thi võ để cầm quân diệt Trịnh, tìm một chỗ đứng tốt trong xã hội, nhưng gặp phải một xã hội thối nát, tên tham quan Giám khảo đòi hối lộ, đã đẩy bọn Lía vào con đường lục lâm thảo khấu.

- Nếu chàng Lía gặp được người như Lưu Huyền Đức để phò, hoặc có một người như Phạm Tăng ra giúp, thì sự nghiệp nhất định là vẻ vang. Biết đâu Lía đã trở thành một vị anh hùng áo vải như Quang Trung Nguyễn Huệ, như Mai Xuân Thưởng, vì Lía cũng sinh trưởng nơi vùng đất thiêng: Phú Lạc, Tây Sơn. Có thiên tài mà không có thiên duyên cũng trở thành vô dụng.

- Những kẻ có tài xuất chúng, không thể đem tài năng ra giúp đời được, thì không làm ăn cướp (nghĩa hiệp) còn biết làm gì để xuất tiết được nổi uất hận ở trong lòng.

Truông Mây hiện thời chỉ là một phần của ngày trước. Và từ khi sào huyệt của Cha Hồ, Chú Nhẫn bị diệt, khách bộ hành thỉnh thoảng có đi qua. Đôi cảnh nhớ người, thường hát:

*“Chiều chiều ến liệng Truông Mây
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành “*

Huyền Vũ LÊ VĂN HUYỀN.

(1)-Thành Uất Trì cũng thường gọi là Thành Lía, hoặc thành Ôn Công tức là thành của các ông ác ôn



SONG AN CHÂU

-Sanh ngày 15 tháng 10 tại Châu-Độc, An Giang, năm Canh Thìn.
Từ tháng 4/1960 tham gia chánh quyền VNCH trong các ngành
Hành chánh, Tâm Lý Chiến, Giáo Dục đến tháng 4 năm 1975.

- Làm thơ, Viết Văn, Viết Báo từ năm 1958. Trưởng Thi văn đoàn
THẾ KỶ, Châu Độc (1959 -1962).

- Chủ biên nhiều đặc san, tập san, nguyệt báo: Thế Kỷ Mới (Châu-
Độc), Tinh Hoa, Nông Thôn Mới (Vĩnh Long)

- Trước năm 1975, đã có văn, thơ đăng trên một số bán nguyệt
san, nguyệt san tại Việt Nam.

- Từ tháng 4-1975 đến tháng 2-1982: Đi tù cải tạo.

Tiếp tục hoạt động Văn Thơ sau khi định cư tại tiểu bang Georgia,
Hoa Kỳ từ giữa năm 1995 đến nay.

- Đã và đang tham gia các Thi Văn đàn: Hương Thời Gian, Trầm
Hương (Dallas, Texas), Thi Đàn Hoa Tiên (Oklahoma), Vườn Thơ
Atlanta (Georgia), Nguyệt San Giao Mùa Online, Hường Dương

*Tham gia các Website văn, thơ: Trinh Nữ, Bến Sông Mây, Thất
Sơn Châu Độc , Diễn Đàn Hội Ngộ, Tình Nhớ, Hường Dương,
Hương Xưa, TH.Tổng Phước Hiệp, TH. Thủ Khoa Huân.

* Đã và đang cộng tác các báo Rạng Đông, Georgia Trẻ, Hồn Nước, Tự Do tại tiểu Bang Georgia, KBC.Hải Ngoại,VN-US Today (California).

* Nguyên Phụ tá Chủ Bút bán nguyệt San Non Nước, Georgia , đang là Phụ tá Chủ bút Bán Nguyệt San Tạp chí Rạng Đông Atlanta Georgia.

* Hiện là thành viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/Vùng Nam Hoa Kỳ. Tham gia Tập san Tin Văn từ số 15.

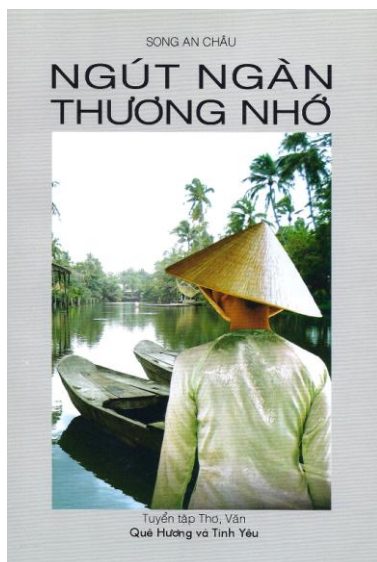
* Đã tham gia 52 ấn phẩm, Tập san định kỳ, Tuyển tập Thơ, Văn chung với các bạn văn, thơ trong các Thi Văn Đoàn dẫn thưởng.

*Tác phẩm:

Tuyển tập Thơ, Văn NGÚT NGÀN THƯƠNG NHỚ xuất bản tháng 5 năm 2011

*Trang web riêng: Diễn đàn Thơ văn Chân Trời Tím

<http://chantroitim.forum-viet.net>, [facebook.com/chauphan1941](https://www.facebook.com/chauphan1941)



SONG AN CHÂU

Kẻ thù nào làm khổ dân tôi

Nơi tôi ở nắng vàng tràn khắp lối. Thương quê hương tôi nắng đã úa màu. Tôi bỏ nước ra đi với vạn niềm đau. Nỗi âu lo xoáy vào lòng như lửa đỏ. Nào mẹ già, con nhỏ buộc căng núm chân. Mắt rung rung nhìn lên bàn thờ cha ngày đó. Hương khói quyện tròn như nhẩn nhủ người đi. Buổi từ ly không đem theo một chút gì, khi tâm hồn chứa quá nhiều đau khổ.

Quê hương ơi! Lãng miếu đền xưa còn đó, u buồn bóng dáng tiêu điều. Ngôi từ đường dòng họ, tường mốc xanh rêu. Cánh đồng lúa xanh đã vàng bông vào mùa gặt. Lòng càng quặn thắt khi đi qua ngõ trường xưa. Bước qua cầu dừa nhớ người yêu cũ. Bè bạn đâu rồi, đứa còn đứa mất. Đứa đi vào lòng đất, đứa vất vương trại tù, đứa bỏ nước vượt biên tìm đường để sống. Bà mẹ già trông ngóng tin con, mắt mờ tóc bạc, lòng đau dạ xót, khi hay tin người quen nhẩn về, con đã chết ở biên khơi.

Tàu ra khơi, nhìn lại đất trời, tiếc thương quê hương, thương từng tấc đất. Huống chi là dải giang sơn từ Nam chí Bắc, sông núi đã liền, nhưng lòng người chưa thắt chặt, hận thù còn đông đặc chưa tan. Hàng triệu người ra đi bỏ nước xa làng, tìm tự do nơi xứ lạ. Thây vùi biển cả. Hải tặc hiếp dâm. Nhục nhã. Bà cụ già đâm đầu xuống biển.

Trên con tàu ọp ẹp, cũ xì, chất đầy người bỏ nước ra đi. Không may, bỏ thây ngoài biển cả làm mồi cho cá. Kẻ băng rừng người lội suối bắt chập rùng thiêng nước độc, cướp đường, địa vật, đổi mặt với tử thần. Nhưng bất cần, miễn sao rời được quê hương cớ máu, ngăn rào từ tác đất, ngọn rau để tìm tự do nơi xứ lạ.

Nỗi đau, oan khiêng này ai tạo, ai gây hại cho dân tôi? Dân tôi ngàn năm đau khổ rồi cũng vì kẻ thù phương Bắc. Đồng bào ơi! Hãy vùng lên chống giặc. Cứu lấy nước nhà mà ông cha ta ngàn năm dựng nước.

Lời Tình Tự Cho Quê Hương

Tháng 4 năm 1975 làn sóng đỏ từ phương Bắc hăm hở tràn xuống phía Nam dải đất bán đảo hình chữ S nằm chơ vơ bên bờ biển Đông nam Thái Bình Dương. Làn sóng này kéo theo đoàn người với xe tăng, súng ống tận răng, nón cối dép râu hung hãn dẫm những bước chân lên ruộng đồng xanh tươi lúa mạ, cây lá tốt tươi oằn sai trái ngọt cây lành ...

Tự do không còn, nhà cửa tiêu tan, tài sản bao năm miệt mài vun xới, rồi cũng phui tay. Kẻ vào tù, người vào khám, con mất cha, vợ mất chồng ...lũ lượt đoàn người bỏ nước ra đi, có người bỏ thân nơi rừng sâu, nước độc, rắn rít, muỗi mòng, có người vui thân nơi biển cả mênh mông, hải tặc, bão giông, sóng cuồng ...

Đồng bào tôi ơi! Bốn ngàn năm văn hiến, một ngàn năm trị bởi giặc Tàu, một trăm năm bị dày xéo dưới gót giày bọn thực dân Pháp, hơn hai mươi năm nội chiến từng ngày, nôi da xáo thịt biết bao sanh linh đi vào lòng đất, kẻ mất người còn héo hon trong đói khổ...

Từ ngàn năm trước, đồng bào tôi như một rừng lau sậy sau cơn giông tố bão bùng, ngã rạp xuống; nhưng không khuất phục, không hèn hạ đã vùng lên đập bằng sóng dậy, không sợ đầu rơi, máu chảy, banh thân vì lẫn tên mũi đạn. Biết bao năm khổ ải dưới gót giày của kẻ ngoại xâm. Đoàn người đi trước ngã xuống, kẻ đi sau vùng đứng lên chống chọi với lẫn tên mũi đạn, tù đầy, gông xiềng, roi vọt...rồi cũng tháo gỡ được ách ngoại xâm tròng vào đầu vào cổ đồng bào tôi.

Sau “một ngàn năm nô lệ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ giặc Tây”, những tướng con cháu mang dòng giống Tiên Rồng nối nghiệp tiền nhân giữ nước và dựng nước đã làm rạng danh vùng đất nhỏ bé hình cong chữ S - dưới cùng vùng đất bao la của kẻ thù một thời thống trị - sẽ xanh tươi ruộng đồng, cây trái đơm bông, người người cười vui hạnh phúc. Nhưng niềm mơ ước cháy bỏng này của đồng bào tôi lại băng giá, thui chột niềm tin. Nôi da xáo thịt, hơn “hai mươi năm nội chiến từng ngày” .Bom đạn, súng ống, máy bay, xe tăng, tàu chiến của những người mang nhãn hiệu: China, Russia, ...nhét vào tay dân tôi, bảo tội mày cứ giết nhau đi để được Hòa Bình, Tự Do, Ấm No, Hạnh Phúc, Dân Chủ, Dân Quyền... Nghe lời ngon ngọt rỉ rả bên tai, ngày qua tháng lại, dân tôi xiu lòng ôm lấy niềm đau sau hơn hai mươi năm đầu rơi máu

chảy, thịt tan, xương nát... một phần đất, đảo và biển đã lọt vào tay kẻ bá quyền phương Bắc. Mẹ Việt Nam chít khăn tang, mắt nhòa lệ khóc. Người thiếu phụ ôm con nhìn ảnh chồng trên bàn thờ khói hương nghi ngút. Đứa con thơ mất cha, người mẹ hiền buồn thương đưa con trai ra đi vĩnh viễn. Người tình bé bỏng hậu phương ngàn năm xa vắng người thương chết trận.

Tre già khóc măng. Người cha vừa nhận xác đứa con cả từ gói poncho hôi mùi tử khí từ chiến trường

Quảng Trị đưa về. Đứa con kế theo đoàn quân giải tỏa chiến trường Huế bất tin. Thăng cháu nội nghe đâu còn nằm điều trị tại bệnh viện Cộng Hòa, Sài Gòn. Tuổi già sức yếu chưa đi thăm nó được. Hôm trước má nó đi thăm nó về, bảo nó cũng khỏe rồi Ba. Chắc nó phải nằm viện điều trị một thời gian nữa không lâu đâu Ba.

- Ồ! Chừng nào nó xuất viện con lên rước nó về.

- Con kẹt mấy đứa nhỏ, chắc con không đi được đâu Ba. Con có hỏi trên đó, họ nói có chuyến xe về miền Tây thì họ đưa nó về luôn. Không sao đâu, Ba đừng lo.

- Vậy cũng được. Ồ! Nó bị sao đó con?

Cô con dâu rơm rớm nước mắt, im lặng đi vào nhà sau. Lời nói uất nghẹn ở cổ họng, không đáp lời ông già chồng được.

Trời nắng nóng. Ông Hai bê bình trà cũ kỹ và cái chung sành đít tròn mà trên hai mươi năm ông trân quý gìn giữ, di cư theo ông từ miền Bắc hồi năm tư (1954). Ông đã bỏ làng xóm thân yêu, nhà cửa, ruộng vườn cùng hơn một triệu người khăn gói vào miền Nam theo tiếng gọi của Tự Do.

Trời nóng. Ông cởi vài cái nút, phanh ngực áo, lấy cái quạt kè phe phẩy cho mát. Rót chung trà nhâm nhi, dựa lưng vào góc cây vú sữa, tàn lá che bóng mát rượi, trong sân nhà, lim dim ngủ.

- Ông nội! Khỏe không ông nội?

Ông Hai giật mình tỉnh giấc trong mơ..., nhồm bật dậy, lấy tay dụi cặp mắt lơ, cổ nhướn mắt nhìn người vừa hỏi đối diện.

- Đứa nào vậy ?

- Trời ơi! Ông không nhận ra cháu sao ông nội? Cháu là thằng cu Tý nè ông nội!

- Ồ ...ờ, con thằng hai Mẫn hả?- Dạ!

Ông Hai giương đôi mắt lơ lếch, chăm chăm nhìn thằng Tý từ đầu đến chân ...

Bộ đồ lính còn mới, một bên ống quần chân trái xắn lên tận đầu gối... Nó vừa xuất viện từ bệnh viện Cộng Hòa về với đôi nặng gỗ. Ngày mẹ nó sanh nó ra hai chân, bây giờ nó đi ba chân.

- Mấy đó hả Tý? Ông Hai hỏi, rồi ông òa lên khóc. Giọt nước mắt cuối cùng trong đời ông. Vì một phần vào tuổi trung niên khi bước xuống tàu di cư vào miền Nam ông đã để lại phân nửa trên quê hương mến yêu đất Bắc. Phần còn lại, tre khóc măng, dành cho thằng con cả ra đi vĩnh viễn. Giờ chỉ cho thằng cháu nội những giọt nước mắt cuối cùng trong đời, khi thấy nó về với hai nặng gỗ ...

Tý bỏ đôi nặng gỗ, xà xuống ôm ông nội. Hai ông cháu ôm nhau, nước mắt ràn rụa, như đôi tình nhân lâu ngày mới gặp lại...

Nhìn gốc cây vú sữa, Tý nhớ lại lúc còn nhỏ năm, sáu tuổi thường cùng ông nội, vào những buổi trưa hè ra đây hóng mát, nằm vào lòng ông nội, có nhiều lần ngủ thiếp đi, đến khi ông nội lay dậy vào nhà ăn cơm chiều...

Từ Ngày Lịch Sử Sang Trang

Ngày em tuổi mới xuân thì
Trường xưa bỏ lại em đi lấy chồng
Sách đèn anh những hoài mong
Công thành danh toại không trông sang giàu
Ước nguyện chỉ sống bên nhau
Trầu cau sính lễ, ngày sau ra trường
Đâu ngờ vận nước tang thương
Bút nghiêng xếp lại lên đường tòng chinh
Ba lô súng đạn bên mình
Áp ôm như thể bóng hình của em.
Trăng khuya phiên gác giữa đêm
Giọt vàng lan tỏa, êm đêm sương rơi
Lạnh đêm lỡ giấc giữa trời
Nghe cay mắt ngủ đêm chơi vơi buồn.
Nỗi sầu như thể cánh chuồn
“Khi vui nó đậu khi buồn nó bay”
Từ xa em những tháng ngày
Thân trong lửa đạn, nhưng hoài nhớ thương.
Ngày kia tin tới chiến trường

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỲ- 350

Xe hoa em đã lên đường Vu Qui
Tiếc thay tuổi mới xuân thì
Vội chi em phải ra đi lấy chồng?
Để anh ngày nhớ đêm trông
Biên cương gối súng chờ mong giấc tàn
Xuân đi rồi lại hè sang
Tháng tư bỏ súng tan hàng về quê
Lòng anh bao nỗi ê chề
Mất non, mất nước, mất quê hương rồi
Anh người thua cuộc em ơi!
Thua tình, thua trận, thua đời trái ngang
Từ ngày lịch sử sang trang
Anh đi xa xứ lang thang quê người
Bao năm chưa hé môi cười
Sầu đau nổi nhịp nhớ người mình thương...

Tha Phương

Giờ đây con đã tha phương
Ngậm ngùi tưởng nhớ cố hương xa vời
Bao năm xa xứ. Mẹ ơi!
Lòng đau như cắt bồi hồi nhớ quê
Ra đi chưa một lần về
Nhớ non nhớ nước con dê đầu làng
Quê cha đất mẹ giang san
Chưa đền đáp được lên đàng ra đi
Xa quê lệ thấm ướt mi
Không lời từ giả... chia ly quá buồn!
Chạnh lòng nhớ đến người thương
Sầu lên chắt ngát... tha phương quê người.

*Kỷ niệm 37 năm sau tháng 4- 1975
USA, GA, tháng 4-2012.*

Đêm Nghe Tiếng Mưa Rơi

Đêm nằm nghe tiếng mưa rơi
Nghe trong giá lạnh, phiền đời vỡ tan
Nửa đêm thức giấc bàng hoàng
Nghe mưa tí tách, đêm miên man sâu
Hạt mưa rơi rụng hiên đầu
Nghe xa tiếng nhạc, từ đâu bay về
Giật mình tỉnh giấc trong mê
Nghe sao ai oán, đêm về buồn thương
Nỗi sầu như giọt mưa tuôn
Nghe thời gian chết, nghe chuông đưa hồn
Vọng xa từ buổi hoàng hôn
Nghe dư âm đến vẫn còn đâu đây
Bao năm lưu lạc xứ này
Thân như rễ mọc, hao gầy xác xơ
Từ khi xa cách đôi bờ
Tiếng ru của mẹ, ầu ơ ... đâu còn!

Dưới Ánh Trăng Vàng

Đêm nay dưới ánh trăng vàng
Tôi người xa xứ bàng hoàng nhớ quê
Bao năm chưa một lần về
Thăm trường làng cũ, mẹ quê mỗi mòn
Mắt nhòa lệ bởi vì con
Ra đi bỏ nước, bỏ non chưa về
Mẹ ơi! Nhớ mẹ chiều quê
Tiễn con ra đến chân đê đầu làng
Dừng chân, mẹ vội nhìn sang
Con đi bên cạnh, hai hàng lệ rơi.
Nhưng mẹ không nói nên lời
Rung rung mẹ khóc. Mẹ ơi! con buồn.
Mắt con dòng lệ lại tuôn
Nói gì với mẹ? Suối nguồn đau thương.
Từ ngày xa mẹ lên đường
Đêm đêm con thấp nén hương vái trời
Cầu xin cho mẹ sống đời
Mừng ngày đất nước rạng ngời vinh quang.

Mây Thu

Chiều về mây phủ non đồi
Nhớ thương tóc mẹ gió lay trong chiều
Mây thu ôm cõi tịch liêu
Dung thân xứ lạ buồn hiu nổi mình
Nỗi nhà lo lắng bệnh tình
Mẹ nay chín chục cầu xin sống đời
Thu về biển nhớ xa khơi
Giang san cách biệt. Mẹ ơi nhớ hoài!
Từ ngày xa xứ đến nay
Lần tay tính lại, ba hai năm trường
Biển đời trăm nhớ ngàn thương
Chia ly trăm nỗi đoạn trường, đắng cay
Quê hương nổi nhớ đêm ngày
Mây thu bàng bạc xa bay phương nào
Trông về cố quận nao nao
Nay thân viễn xứ dạt dào nhớ thương!

Thư Xuân Gởi Về Quê Mẹ

Xuân về, nay cách xa quê
Đôi dòng tâm sự gửi về thân nhân
Trước thăm gia quyến xa gần
Sau thăm bạn hữu tình thân lâu dài
Từ ngày xa xứ đến nay
Hai mươi năm chẵn, nhớ hoài quê hương
Tình quê, xứ lạ đôi đường
Quê người chỉ tạm mà nương nấu nhờ
Cây đa bến cũ bao giờ
Cũng là quê mẹ bên bờ đại dương
Từ khi rút ruột lên đường
Đêm đêm vọng quốc, mắt vương lệ sầu
Thời gian đâu xóa niềm đau
Dẫu trăm năm vẫn tình sâu ngàn trùng

Thư Xuân Gởi Về Em

Thư gởi em từ nửa vòng trái đất
Chờ ngàn thương từ xứ sở đất lành
Qua Đông rồi cây lá nảy mầm xanh
Xuân hy vọng gởi về cho em đó.
Gởi em vãn thơ thơm mùi hoa cỏ
Nắng Xuân về hoa lá trở đầy sân
Gởi về em lời thăm hỏi ân cần
Ngàn thương nhớ với đôi lời tình tự.
Gởi cho em hương nồng thay ngôn ngữ
Của yêu thương và nhạc khúc mừng Xuân
Gởi cho em lời thương mến chúc mừng
Trong vị ngọt cùng vòng tay nồng ấm.
Gởi cho em cảnh hoa Xuân hồng thắm
Tượng trưng tình nồng ấm với niềm vui
Gởi cho em lời thương nhớ không nguôi
Ngàn cánh hoa trong dòng sông tình ái.
Gởi cho em tình yêu thương mãi mãi
Của muôn vạn người xa cách quê hương
Gởi cho em tình anh mãi yêu thương
Tình yêu Tổ Quốc của người xa xứ...

Đêm Buồn Nhớ Mẹ

**Kính dâng hương hồn Mẹ ngày Lễ Vu Lan.*

Đêm tha hương buồn thương nhớ mẹ
Giọt lệ sầu đơn lẻ lạnh lòng rơi
Con đơn côi bật khóc bên trời
Con nhớ lắm bao năm viễn xứ.
Bao năm qua sống đời lữ thứ
Con nhớ hoài dáng mẹ trên đê
Đưa rước con chiều đi học về
Trong nắng vàng đường quê râm mát.
Con nhớ mẹ ru con khê hát
Vào trưa hè kéo kệ võng đưa
Tiếng mẹ ru giờ đâu còn nữa

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỶ- 354

Đã theo mẹ đi vào lòng đất.
Nơi xứ người hay tin mẹ mất.
Con đau buồn khóc ngất nhiều đêm
Vạn nỗi sầu chồng chất lên thêm
Không về kịp cư tang cho mẹ.
Không phải con đưa con bất hiếu
Ngày mẹ mất lại thiếu vắng con
Tình hiếu tử con lo chưa tròn
Con buồn lắm bao giờ đền đáp!?

Chút Tình Gởi Gió

Đêm về
thao thức canh khuya
Giọt sương rơi nhẹ
bay về hồn xa.
Buồn lên
che bóng chiều tà
Dung thân xứ lạ
quê nhà nhớ thương.
Xứ người
huynh đệ tứ phương
Mà sao vẫn nhớ
vẫn thương bạn bè.
Phượng rơi
đỏ lối vào hè
Đưa đi nhớ bạn,
đưa về tui thân!
Bạn xưa
đôi đưa xa gần
Bao lần gặp lại,
bao lần... xót xa! Chút tình
gởi gió bay qua
Chút hương còn đọng,
nay xa xứ ... Buồn!



Em và Tôi

Em về
lạc giữa cơn mưa
Tôi nghe xao xuyến
tim chưa hết sâu.

Mù sương
gió động canh thâu
Thương em cho đến
bạc đầu còn thương.

Giờ đây
cánh nhận tha phương
Em con hạc trắng kêu
thương đêm trường.

Tôi như
đêm lạnh mưa tuôn
Em như cánh bướm
Còn vương bên đường.

Tình mình
sao mãi vẫn vương
Ngàn thu một giấc
mộng thường em ơi!

Song An Châu



MÂY NGÀN

Tên thật: **Đặng xuân Ngô**

Sinh năm 1941 tại Huế

- Nguyên Giáo chức
- Động viên khóa 20 SQTĐ/Thủ Đức
- Tù cải tạo 10 năm
- Hội viên VBVNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ
- Vượt biên và định cư tại Hoa Kỳ từ 1978

***Tác Phẩm :**

- Truyện ngắn: Qua Phá Tam Giang, Kiếp phong trần
- Thơ: - Bóng thời gian - gió núi - mưa sông,
- ý sống tình thơ
- CD thơ: đã được phổ nhạc bởi các nhạc sĩ: Châu Kỳ, Duy Khánh, Thế Luật, Uyên Mạc, Anh Tú, Nguyễn Tuấn Chương, Hoàng Tường

Thơ đăng rải rác trước 1975

Hiện Cộng tác với hầu hết các báo tại hải ngoại.

Tham gia các diễn đàn văn học điện tử.

Bà mê xứ thượng

Mây Ngàn

Ba bà tuổi “Xòn Xòn” ngồi chung với hai ông trạc tuổi 40,45 cùng mấy cô nữ sinh Đồng Khánh vừa nghỉ hè. Họ nói cười và hát hò một cách hồn nhiên vui vẻ.

Đặng ngồi kề cô gái, tuổi chừng 15,16, khuôn mặt xinh xắn, da trắng, môi hồng và đôi mắt tròn màu hạt dẻ cùng mái tóc thề đen nhảy trông thật liêu trai. Tuy ít nói nhưng hay cười, hình như ai nói gì cô cũng cười, tính tình hiền hoà và dạn dĩ.

Mấy Ông bà bên cạnh kể chuyện bà mê thuốc lú và họ nói: “Pleiku đi dễ khó về, nếu thanh niên nào trêu chọc hay lấy gái thượng mà bỏ thì sẽ bị thư chết”. Nghe mà rung mình.

Đặng thầm nhủ: “Mình cũng có tính hay thương người và nhất là những “người đẹp” không phân biệt kinh thượng, có điều hay quên, mà nhất là chuyện tình ái, cho nên lo sợ không biết chuyện gì sẽ xảy ra.

Hết chuyện Bà Ngải họ lại hát hò. Tiếng hò đối đáp giữa Nam Nữ nghe vui vui, giảm đi phần nào cái nóng nực, chật chội chiếc xe đồ chạy ì-ạch bằng than, xịt khói mịt mù, thỉnh thoảng gặp cơn gió mạnh lửa vào xe làm mặt mày xâm xoàng ngệt thở. Tội nghiệp cho các cô nữ sinh ngồi bên cạnh, ho sặc sụa nước mắt, nước mũi chảy ràn rụa.

Các Ông các Bà hầu như đã quen với những chuyến xe đồ như thế này, cho nên họ vẫn xem như không có gì xảy ra, mặc dầu heo gà kêu la inh ỏi và họ tiếp tục nói chuyện với nhau:

*“Đất Pleiku đi dễ khó về,
trao đi có vợ gái về có con”.*

Họ hát và hò đối đáp qua lại rất lâu, nhưng tôi chỉ nghe thoáng và nhớ vài câu:

*Tràng tiền soi bóng dòng Hương
Tôi đi để lại sầu thương lỡ làng*

Hay là:

*Ra đi tiếng Huế mang theo
O tui bên nớ còn nghèo lắm không*

Và:

*Ngày đi bao nỗi vấn vương
Mà nay ai để sầu thương riêng mình.*

Đặng thăm nhủ, mình mới có ý định đi thăm Anh chị và các cháu ở Pleiku rồi trở về; mà sao cứ nghe các O, các Chú ni hát mà buồn chi lạ rứa hè?

Hết hát, họ tiếp tục hò:

Nữ: “*Thân Em như mít chín mùi
Bao chàng Quân tử hưởng hơi tìm về*”

Nam: “*Anh như con Quạ bơ vơ
Tìm được mít chín xơi từ xơ tới cùi*”

Nữ: “*Thân em như cái sập vàng
Anh như manh chiếu lót đàng em đi*”

Nam: “*Cầu trời gió chướng nổi lên
Để manh chiếu rách úp trên sập vàng*”.

Đây là những điệu hò đối đáp và có ý tán tỉnh, trêu ghẹo để trao tình của những thanh niên thiếu nữ trong những đêm trăng thanh gió mát hay trong những Hội hè, đình đám, cưới hỏi. Từ những cuộc gặp gỡ này có khi họ sẽ thành những đôi nhân tình và đi đến vợ chồng.

Trên chuyến xe đò từ Huế vào thành phố Pleiku là cả một hành trình vô cùng vất vả của thời bấy giờ. Mùa hè năm 1963. Sau biến cố lựu đạn nổ ở Đài phát thanh Huế, đã gây chết chóc và làm bị thương nhiều học sinh, sinh viên, tiếp theo là một chuỗi ngày đen tối trên đất thần kinh Huế.

Đặng cảm thấy mệt mỏi và chán ngán thời thế và những sự việc vừa xảy ra, băng khuâng lo sợ cho tương lai sắp tới vì nghĩ mình cũng có tham gia trong đám biểu tình và suýt chết trong đêm biến loạn hôm đó.

Đặng quyết định đi Pleiku, trước là thăm gia đình người anh và mấy cháu, sau là để cho tâm hồn cũng như cuộc sống tạm thời được yên bình.

Anh của Đặng là người thợ Kim Hoàn giỏi, sinh ra và lớn lên ở làng Kế Môn.

Kế Môn là địa danh của một vùng đất nằm tận bên kia bờ Thái Bình Dương, nơi nổi tiếng về ngành nghề Kim Hoàn ở trong và ngoài nước đã nhiều thập niên qua và sau này. Sau biến cố Tháng 4 đen năm 1975, con dân làng Kế Môn đã vượt thoát Cộng sản đi

tìm Tự do khắp năm châu bốn bể, đâu có người Việt là ở đó có người làng Kế Môn và đặc biệt là sinh sống bằng nghề Kim Hoàn.

Anh của Đăng mở tiệm vàng ở chợ Vỹ Dạ, làm được vài năm, và thấy không được phát triển, bởi lẽ dân Huế nghèo, Quân nhân công chức đồng lương chỉ đủ sống và phụ giúp bà con, Anh em cha mẹ, có đâu mà mua vàng có chăng chỉ một số rất ít những Quan chức cao cấp lương tiền khấm khá hơn thì mới đi mua sắm dành dụm và để làm trang sức, còn trong những lễ cưới hỏi cũng đơn sơ, một đôi bông, cặp nhẫn cưới, cái kiềng tổng cộng vài chỉ là khá lắm rồi. Đa số dân quê mùa, cưới hỏi có khi chỉ mua được cặp bông tai, hai chiếc nhẫn tròn, gọi là “nhẫn lá hẹ” vàng 24k hay gọi là “vàng y”.

Lúc bấy giờ người ta thường đồn miệng, đi lên miền Thượng Du làm ăn dễ dàng mau giàu có. Miền Thượng là ý nói các Tỉnh cao nguyên trung phần như Pleiku, Ban mê thuật, Đà lạt, Kontum, Phú bồn. Ngành vàng bán đắt như tôm tươi, mỗi lần phát lương là lính tráng công chức và những gia đình được trúng mùa lúa gạo ngô khoai, nhất là Cà phê, chè và những người thợ rừng xẻ gỗ quý như cẩm lai, Hương, Trắc đem về Sài gòn bán, chẳng bao lâu trở nên giàu có, mua sắm vàng vòng nữ trang cho người tình hay đeo chơi và phòng khi biến loạn, di tản, để bán mà tiêu dùng.

Anh quyết định rời Thôn Vỹ tinh thơ và rời Huế mơ Huế mộng để tìm đường tiến thân.

Đúng như tiếng đồn, vừa đặt chân đến Pleiku chỉ vài tuần là Anh mở tiệm bán và sửa vàng bạc tại khu chợ mới với Bảng hiệu “Vĩnh Thịnh”. Chẳng mấy chốc trở nên giàu có và vài ba năm sau lại mở thêm “Vĩnh Thịnh 2” và Tiệm “Kim Cương” ở số 47 Đường Sư Vạn Hạnh, trước cửa trường Trung, Tiểu Học Bồ Đề là của hiền mẫu Đăng.

Hằng ngày mua bán tấp nập, khách vào ra đông như ngày hội, người tốt cũng đông và kẻ gian cũng không kém.

Một hôm tối trời, Pleiku trở vào thời tiết xấu, mưa phùn gió bắc, cái lạnh của sương đá thấm vào ruột gan, tê cóng tay chân.

Bà Oanh chủ tiệm vàng bên cạnh, hằng ngày đứng tiếp khách và bán hàng luôn luôn cẩn thận, giữ gìn hàng hoá, vàng bạc, nữ trang mỗi khi đưa cho khách hàng. Nhưng không hiểu tại sao, hôm nay có mấy người khách lạ, vừa sáng sớm đã bước vào tiệm, miệng phì phà khói thuốc và hỏi mua một số lượng lớn về vàng lá và đồ nữ trang. Mua xong là bước ra đi tinh queo không thèm trả tiền và

người bán hàng cũng đứng tỉnh khô “như người bị trời trồng”, mặt mày tái mét như ma hớp hồn.

Độ nửa giờ sau, tỉnh lại mới biết là đã bị “Bùa mê”. Thế giới Bùa chú, Bùa Ngải “Thế giới vô hình”. Bùa Ngải luôn luôn là một bí mật của hầu hết các môn phái cho tới nay, những huyền thoại về Bùa chú Ai Cập vẫn còn nằm trong bức màn bí ẩn.

Đồi núi và trong vườn của người Dân Tộc; những vùng đất gần thành phố Pleiku, người ta thấy nhiều cây Ngải, đề rồi có rất nhiều người thêu dệt tính linh thiêng, huyền bí của nó. Người Mường ở Darlac, nổi tiếng về Bùa Ngải nghe người ta kể câu chuyện về Bùa Ngải, mà nổi da gà, ớn lạnh.

Chuyện kể về một ông Thầy giáo, người quá xấu xí mà muốn lấy một Cô con gái đẹp nhà giàu và quyền thế. Ông nhờ nhiều người mai mối, nhưng bị cô ta một mực từ chối và cuối cùng Ông đi chuộc Bùa Ngải “Bùa mê”, đề rồi lấy được Nàng làm vợ.

Chẳng bao lâu Cô này bị bắt đắc kỳ tử, chết không có lý do, tự nhiên lăn đùng ra cườ ha hả, trợn mắt, chảy nước mũi, sùi bọt mép chết co rút trông thê thảm, ghê rợn!

Thay vì lo việc hậu sự cho vợ thì ông này lại đưa cái mũi sát vào người chết mà hít hít hàng giờ, hít không biết mệt và cũng không sợ tanh hôi vì xác chết đã để mấy hôm rồi.

Những người biết về Bùa cho rằng, trước đây Ông ta đã dùng Bùa Ngải mà ép buộc người khác phải yêu, lấy mình, cho nên khi người vợ chết mà không được người cao tay ấn giải Ngải, thì ông ta sẽ bị con ma ấy kéo về “Âm Ty” và sẽ bị Yêu Quỷ hành hạ về tội lường gạt ái tình.

Đã được nghe tiếp một câu chuyện tình khá thú vị thứ hai là ở Huyện Hương Điền, Tỉnh Thừa Thiên, có cô gái người đã xấu xí mà cái nét na cũng không có. Người lùn tịt, mặt rỗ, môi nẻ thành hai mảnh. Răng hô, miệng móm. Nghe đâu Cô là con của một Quan Phủ Sứ Bắc Kỳ, có lẽ Ông Già làm Quan gian ác và hành hạ dân lành cho nên mới sinh con như vậy. Nhìn cô gái ai ai cũng lắc đầu và nhủ thầm: Xấu như rùa, mần răng mà lấy chồng, xấu hơn cả Thị Nở, xấu như “ma trời”. Thế mà một chàng “Bồ giai”, con nhà giàu học giỏi lại yêu cô ta tha thiết, yêu say đắm, Anh là Dân Hà Nội, có vợ đẹp con ngoan, làm thầu khoán, xây dựng đường sá nhà cửa. Thế rồi Anh ta bỏ cả vợ con và cả Đảng để theo Cô nàng xấu xí và xây cho Nàng một cái Biệt thự sang trọng như cỡ Tổng Bí Thư Lê Duẩn, Trường Chinh, Đỗ Mười.

Mọi người dân Huế và kể cả Hà Nội ai ai cũng nghĩ thầm rằng chắc chắn Cô gái này đã đi Pleiku mua “Bùa Yêu” về dùng.

Thời gian thấm thoát trôi nhanh, cuối năm 1963 Đảng trở về Huế lo việc sách đèn đang dang dở và ba năm sau, cuộc chiến leo thang, Đảng bị động viên vào Trường Sĩ Quan Trừ bị Thủ Đức. Đúng là có duyên với phố núi, ra trường lại đưa về phục vụ nơi đây cho đến ngày tan hàng.

Thành phố thân thương với nhiều kỷ niệm đẹp:

*“Chiều qua phố núi tìm em
đường qua Diệp kính phố quen đợi chờ”*

Và:

*“Những ngày nằm đỉnh Chu-pao
Màn sương đêm lạnh đếm sao nhớ người”
Phan tướng Niệm*

Pleiku là thành phố núi, đầy màu sắc của lính, của những chàng trai có máu giang hồ đa tình, lãng mạn. Thành phố nhỏ và luôn mây mù, sương đá lạnh và tường chùng:

*Sáng hôm nay ông mặt trời dậy trễ
Mây giăng mù và hơi lạnh se da
Anh lặng nghe từng tiếng động trong nhà
Từ dưới đất trên lầu đều trống vắng
Yên Sơn*

Hay là:

*Gió đầu mùa thu mang sương đá lạnh
Lòng băng khuâng thương nhớ bóng hình xa
Đã bao năm phố núi mây giăng mù
Con đường nhỏ dấu dày ôm kỷ niệm....
Mây Ngàn*

Pleiku thành phố tuy nhỏ, nhưng mà đã sống ở đây một thời gian; mà khi ra đi lòng mới cảm thấy băng khuâng nhung nhớ, dấu biệt chỉ đi dăm phút đã về chốn cũ, đặc biệt người dân của phố núi sống rất chân tình, hiền hoà và thật thà. Nguyễn Hữu Định đã làm một bài thơ mà gây rất nhiều ấn tượng đẹp của thành phố Pleiku;

Phố núi cao phố núi trời gần

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỶ- 362

*Phố xá không xa nên phố tình thân
Đi dăm phút đã về chốn cũ
Một buổi chiều nao lòng bỗng băng khuâng
Em pleiku má đỏ môi hồng
Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông
Nên mắt em ướt và tóc em ướt
Da em mềm như mây chiều trong.*

Sau một thời gian dài Đăng sống ở thành phố này, mới cảm nhận được trong cuộc đời và nhất là về mặt tình yêu của lứa đôi nam nữ một khi đã “bắt mắt” rồi thì Trời Đất cũng bó tay, không ai can nôi; sá gì bùa với ngải .

M ra sao

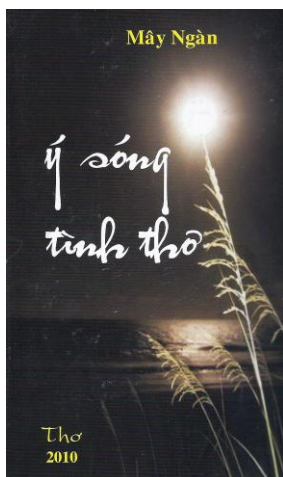
Không biết bây giờ M ra sao
Có còn xinh đẹp như thuở nào
Có còn tóc mượt ôm vai nhỏ
Có còn duyên dáng bước chân dài.

Mất buồn len lén qua khung cửa
Thầm ngắm hình ai dưới nắng mai
Tưởng chừng tin Nhạn trùng khơi biệt
Nào ai biết được việc trong đời.

Có khi cứ nghĩ tình vô vọng
Cuộc tình diễm ảo cao bay cao
Còn nhớ gì không ngày xưa ấy
Thân thương Thôn Vỹ gió lao xao.

Qua cầu Ông Thượng đêm thanh vắng
Kỷ niệm quay về lòng nao nao.





VỀ THĂM PLEIKU

Xe đến đèo Măng giang vào khoảng 11, 12 giờ đêm. Càng về khuya trời càng rét buốt. Ngọn gió đầu mùa mang theo hơi đá và sương mù làm thắm lạnh cả thân thể và chân tay, mặc dầu tôi đã chuẩn bị mặc thêm chiếc áo ấm vừa mua được giá “sale” trong siêu thị sang trọng của thành phố Minnesota Hoa kỳ

Tuy mới qua Mỹ theo diện Tỵ nạn Cộng Sản, và nhất là diện” Ô đi ghe” vượt biển trăm đắng nghìn cay, đùa với tử thần, với “Hà Bá” với sóng nước mênh mông và thường xuyên gặp phong ba bão táp, sóng dập gió vùi giữa Biển trời mênh mông đen tối mịt mù ghê rợn, mà con thuyền thì bé “Tẻo teo”, có những lúc sóng to gió lớn, tưởng chừng lật úp và chìm ngấm dưới đáy sâu của lòng Đại dương và làm mối cho Cá mập. Đã thế vẫn chưa yên, vượt biển nhiều khi còn bị bọn hải tặc cướp bóc hãm hiếp và hành hạ. Quả thật cuộc đời sao mà “ba chìm bảy nổi và vô vàng cái linh đình”. Vượt biển là những cuộc phiêu lưu vô tiền khoáng hậu. Chỉ khi nào mà con người đã đến đường cùng mới đành phải chấp nhận cái giải pháp “Thập tử nhất sinh” này.

“Ra đi không bến không bờ

Phương trời vô định bơ vơ giữa dòng.”

Hình ảnh của những tháng năm tù đầy gian khổ trong các trại cải tạo và nhất là trong hai lần vượt ngục mãi luôn là ấn tượng kinh hoàng trong tâm trí tôi.

Sau tháng tư đen 1975, tôi cũng như hằng trăm ngàn các Sĩ Quan và Công chức của Việt Nam Cộng Hòa đều bị bắt bớ giam cầm, tù đầy trong các trại tập trung của Cộng Sản. Đi tù không biết ngày về, bỏ tù không án lệnh, không thời gian, giam bao lâu cũng được.

Xe qua đèo Măng giang, làn gió lạnh từ sương đá hắt vào mặt, quàng vào vai, lạnh buốt cả chân tay, tê tái cả người.

Trên chuyến xe trở về thăm Quê hương lần đầu, tôi thu xếp chút thời gian để đi thăm Pleiku, thăm thành phố với vô vàn kỷ niệm trong những tháng năm trước ngày miền Nam sụp đổ.

Làm sao mà quên được con đường máu và nước mắt trên bước đường di tản vô tiền khoáng hậu của Tinh lộ 7. Con đường đi từ Pleiku, Phú Bồn về Tuy Hòa.

Hình ảnh chiếc phà nhỏ bé bắc tạm cho đoàn xe và người vượt sông Ba, mãi là ấn tượng kinh hoàng trong tâm trí của mọi người mọi gia đình đã trải qua cái thảm cảnh bi thương ấy.

Sông Ba nước đỏ đục ngầu

Xương khô chất đống, cát màu thịt da

Chính con sông này và cũng chính Tinh lộ máu và nước mắt, được mang tên số 7, đã ăn sâu vào lòng mọi người Quân Dân Cán Chính một cách kinh hoàng trên đường di tản tránh giặc xâm lăng từ miền Bắc.

Chính nhờ những cái hiểm nguy, gian khổ mà tôi cũng như nhiều cựu Sĩ Quan, Công chức khác, phải trực diện hằng ngày hằng tháng, hằng năm, đề rồi tự vũ trang cho mình một đức tính kiên trì, quyết tâm để vượt qua mọi khó khăn nguy khốn bất kỳ thời gian không gian nào, hoàn cảnh nào cũng ứng xử kịp thời, thoát hiểm mưu sinh.

Vừa đến Mỹ chưa đầy năm năm, với sức chịu đựng và quyết tâm để vượt qua mọi khó khăn vất vả trong những tháng năm đầu, “làm ngày chưa đủ, tranh thủ làm đêm” và làm thêm ngày nghỉ, thứ bảy, chủ nhật, lễ lạc cũng làm.

Những tháng ngày kinh hoàng đói khổ trong các trại giam và những câu nói có tính tuyên truyền và mỉa dân “Nhà nước no, nhân dân đói no” và “Cán bộ là đầy tớ của nhân dân”. Quả thực là đầy tớ thì làm sao mà các Quan chức Tư bản đồ giàu như vậy, còn kiêu làm chủ như người dân hiện nay thì chết sớm còn sướng hơn. Làm chủ như kiêu nói của cộng sản là chủ nợ, muôn đời muôn kiếp, ngày đêm phải còng lưng mà “cày” cho các Ông “Cán ngọc” từ rừng sâu mới về hưởng thụ.

Đúng như những ông cán bộ trong trại tù cải tạo thường nói :

“Làm bầm sứt mặt trời, không rời mặt trăng” và “làm tăng thêm giờ nghỉ”.

Thế cho nên ngày học đêm làm ở Mỹ đối với tôi là “chuyện nhỏ”; tôi đang miên man nghĩ ngợi thì xe đã đến chân đèo Măng Giang. Nhìn lên bầu trời lấp lánh đầy những ánh sao và vàng trắng lưỡi liềm chênh chếch trời tây, làm cho tôi sức nhớ lại đêm vượt biên tại dốc đá Bạc ở Nha Trang, nhớ hình bóng người Mẹ hiền kính yêu, ngày đêm vất vả, âu lo cho đàn con còn mãi lặn dạt vào tù ra khám, vượt biên vượt biển, năm lần bảy lượt chưa thành.

Hôm nay tôi trở về thăm thì Mẹ hiền đã vĩnh viễn ra đi, Xe nhỏ mà người và súc vật cứ mãi nhồi nhét đầy xe, ngồi chật chội, nóng nực hôi hám.

Sau vài năm ở Hoa Kỳ, tôi trở lại thăm phố núi thân thương của ngày nào, “*phố núi cao, phố núi buồn tênh*” đúng là cảm nhận đích thực của hồn tôi lúc này.

Mọi cảnh vật đều thay đổi và kể cả con người cũng đổi thay. Quanh tôi đều là xa lạ, con đường Hoàng Diệu không còn rợp bóng thông vàng, cầu Ông Phú, chợ Thân Phong, ngã ba Diệp Kính, đâu đâu cũng treo đầy biểu ngữ và cờ đỏ sao vàng chói chang, đầy ấn tượng về sự lầm than khổ khổ của một dân tộc, một đất nước kém may mắn và triền miên bị dọa dẫm do loài “Quyển đồ” nắm quyền và cai trị.

*Bước chân mỗi một bóng hoàng hôn
Gió chiều khua động buốt tâm hồn
Chùng như em đợi bên thềm vắng
Có tiếng ai cười giữa trống trờn...*

Ngọn gió trở mùa và sương núi, càng về khuya càng lạnh. Tôi và Bạch Ngọc, chàng Hoạ Sĩ tài hoa, quanh năm xương bọc da, chỉ vì “tội nghèo” và hay say sưa vì buồn cho thế sự. Sau khi “Cách mạng” chiếm Pleiku, Chàng ta chỉ “vẽ và viết chùa”: hoạ hoàn may ra cũng được vài ký gạo, đủ nấu cháo cho một vợ và năm con đang đói meo, dờ sống dờ chết.

Chàng hoạ sĩ này vốn tài hoa, hiểu biết nhiều về chính trị, giao tiếp rộng, bạn bè đông và đa số là dân trí thức như Toàn, Nguyên, Phong, Gia, nhưng tất cả nếu nói theo cách của cộng sản, họ đều là “chây lười lao động” không chịu cùn cù nương rẫy trồng trọt, an phận sống một cuộc đời bình dị như bao nhiêu người khác cho nên sau tháng tư đen; tất cả phải sống trong vất vả khôn khó. Riêng chàng hoạ sĩ Bạch Ngọc, lại say mê chủ thuyết Mac-Lê và chủ

nghĩa đại đồng không tưởng. Một chủ nghĩa chỉ làm đảo lộn về mọi mặt và làm băng hoại cả một xã hội, làm đòi truy cả một dân tộc. Thanh thiếu niên sống không có lý tưởng, không có đủ nhuệ khí và tinh thần chống giặc Tàu xâm phạm lãnh thổ lãnh hải, mất đạo đức và nhân cách con người. Ai cũng chạy theo miếng cơm manh áo và tồi tệ nhất là chẳng ai còn giúp cho ai và cũng chẳng dám tin ai.

*Ai biết tin ai bây giờ
Quanh ta chỉ là gian dối*

Tôi đi một vòng quanh thành phố, nhà cửa khang trang, cao đẹp hơn trong những ngày chiến tranh lửa khói. Dân cư đông đúc nhưng đều xa lạ đối với tôi.

Còn đâu ngà ba Diệp kính trong những buổi hẹn hò và những ngày đón xe đi vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II Bộ chỉ Huy Biệt Động Quân, Trại Giam tù binh chiến tranh, tiếng Mỹ gọi Prisoners of War “ POW”; Thiếu tá Trương văn Cao Chỉ Huy Trưởng và đi độ chừng một cây số là Phi trường Cù Hanh, Trại Huấn luyện Trường Sơn và nhiều đơn vị khác đồn trú trong Tỉnh Pleiku, của những chàng chiến sĩ oai hùng ngày đêm trấn giữ Biên cương.

Đi qua tiệm vàng Đồng Tín và đến đường Sư Vạn Hạnh lòng tôi như chùng xuống và nước mắt đã làm mờ đôi tròng kính lúc nào không hay. Căn nhà Số 47 vẫn còn căn nhà êm ấm, hạnh phúc của người vợ đảm đang nét na don hậu và đàn con ngoan. Cũng chính nơi này Tiệm vàng Kim Cương và hình bóng Mẹ hiền kính yêu nay đã vĩnh viễn ra đi.

Môi thắm đỏ, lưỡi như tê cóng, dừng lại một lúc, tôi nhìn vào mái ngói của chùa đầy rêu phong và các lớp học trường Bồ Đề trước thập niên bảy mươi, tôi đã có lần giảng dạy cho các em học sinh hiền ngoan của thành phố thân thương và nhiều kỷ niệm này.

Mắt hoa lên, trời đất như đang quay cuồng, tất cả đối với tôi lúc này đều vô nghĩa, là cát bụi là hư vô, lòng trào dâng uất hận vì cuộc cờ không đánh mà thua.

*Quá buồn đêm nay lòng buồn quá
Chùa mái rêu phong trường vắng lạnh
Quanh đường vắng loang quanh đường vắng
Hồn nghe lạnh tiếng gió ru cành.*

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỶ- 367

Ngày hôm sau, tôi vào Đức An; vùng đất này trước là ngọn đồi thấp thoải thoải, có dòng suối mát mà các cô sơn nữ thường đến tắm giặt và lấy nước cho gia đình uống. Đức An là nơi có nhà thờ của cha Hậu, quanh đây hầu hết là người Công Giáo, vùng đất rất an ninh cho những đêm chúng tôi đi khiêu vũ ở Phụng Hoàng về khuya cũng được yên tâm.

Ngọn đồi Đức An cũng là Bộ chỉ Huy của Tiểu đoàn 205 Địa Phương, một Tiểu đoàn cơ động của Tiểu khu Pleiku. Tiểu đoàn này đi hành quân liên miên. Năm 1972, rời nhiệm vụ của một Sĩ Quan Liên Lạc với Quân đội Đồng minh, tôi trở về nhận chức Đại đội trưởng Đại đội chỉ huy và Công vụ thuộc Tiểu đoàn 205 và Thiếu Tá Nguyễn Hoàng khoá 16 xuất thân trường Võ Bị Đà Lạt làm Tiểu đoàn trưởng.

Thiếu Tá Hoàng là con người rất nhiều tình cảm luôn luôn giúp đỡ và quan tâm cuộc sống thuộc cấp và gia đình họ. Riêng cá nhân tôi và Thiếu tá Nguyễn Hoàng ngoài tình chiến hữu, tình “huynh đệ chi binh” còn quý mến nhau như tình Anh em ruột thịt. Ngoài những lần đi hành quân, còn mỗi khi về hậu cứ, tôi và Anh đều có mặt trong mọi sinh hoạt giải trí đêm cũng như ngày của thành phố Pleiku vào thời chiến tranh khói lửa.

Thiếu tá Nguyễn Hoàng, một Sĩ Quan đức độ, một Tiểu đoàn trưởng tài ba, “đa hiệu” một tấm gương sáng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà và là một người chồng, người cha tốt, trân quý của gia đình anh. Giờ đây Anh đã ngàn thu yên giấc trong lòng đất Mẹ. Anh đã nằm yên bên cạnh các nắm mồ của các chiến sĩ đã anh dũng hy sinh trong đêm giặc thù đột phá, tấn công đồi Chư pao.

Sự vĩnh viễn ra đi và không hẹn ngày trở lại của Anh, là một nỗi đau buồn vô hạn và là niềm thương tiếc khôn nguôi trong tâm hồn tôi cũng như tất cả các chiến hữu của Tiểu đoàn 205 nói riêng và Tiểu khu Pleiku nói chung.

*Giờ đây trở về thăm pleiku
Chẳng có gì vui chỉ sương mù
Gió chiều lành lạnh hồn thắm lạnh
Một thuở huy hoàng theo gió ru.*

Vô đề

*“Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”*

Hai câu ca dao này, Ngọc mang theo qua Mỹ từ khi nàng có chàng việt kiều về cưới hỏi.

Cuộc hôn nhân gượng ép, bên háo sắc, bên mê đi Mỹ, người cao kẻ lùn không cân xứng khi đi ra đường. Thôi thì cao lùn cũng tạm được, nhưng tuổi tác quá ư chênh lệch. Chàng đã hơn sáu bó, mà nàng mới nằm trong tuổi “hăm”, hăm ba, hăm bốn, còn quá trẻ.

Chàng Lâm khi còn nằm trong trại cải tạo, vợ ở nhà không chịu nổi cảnh khốn cùng của chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa, người người nhà nhà quanh năm suốt tháng chỉ lo chạy ăn từng bữa toát mồ hôi.

Chị Hằng vốn sinh ra và lớn lên trong gia đình giàu có trước năm bảy lăm, thuở thanh xuân, nàng là một nữ sinh xinh đẹp, nổi tiếng nhất nhì của Nữ Trung Học Pleime. Từ tấm bé luôn được Bố mẹ nuông chiều, chưa biết cây bừa ruộng vườn là gì, nhưng từ ngày 30 tháng 4 đen đã trùm phủ lên gia đình nàng nói riêng và miền Nam nói chung là cả một thảm họa, một cơn đại Hồng Thủy cho tất cả một Dân tộc.

Lâm đi ở tù hay nói nôm na “cải tạo”, cải tạo con mẹ gì! Cộng sản bắt những quân nhân công chức, phục vụ với chính thể tự do của Việt Nam Cộng Hòa, chúng bỏ tù là một hình thức trả thù mà thôi. Chúng muốn bắn chết cho rồi, nhưng chúng sợ tóa án Quốc Tế “treo cổ” vì tội diệt chủng.

Lâm đi tù 9,10 năm chưa thấy về, Hằng không thể tiếp tục cuộc sống không lối thoát, ngày mai và cho những ngày tháng kế tiếp là vô vùng đen tối, đói rách; khốn khổ.

Chị Hằng quyết định đưa người con gái đầu lòng gởi cho Ông Bà Ngoại tạm thời chăm sóc nuôi nấng và nàng đi tìm đường vượt Biên vượt Biển.

Năm lần bảy lượt vẫn chưa trốn thoát được ra khỏi vòng kiềm kẹp của chế độ độc tài đảng trị và áp bức của người cộng sản, cảm thấy chán nản, buồn rầu; đây âu lo cho ngày mai về thân phận của một nữ nhi, chân yếu tay mềm trong cơn cùng túng, nay đây mai

đó; đôi lúc nàng muốn liều thân để trảm mình xuống sông cho rồi một kiếp người sinh ra nhằm vào ngôi sao xấu.

Nàng đi như điên như dại; đi lang thang ngoài đường ngoài sá không quản nắng trời nắng hay mưa và luôn thâm nhủ “*sao lòng nhiều nỗi đắng cay, bấy lâu thấm chất, sầu xây nên thành*”. Gặp ai quen quen là nàng tiến gần để dò hỏi con đường vượt biên .

Giữa trưa hè tháng sáu, Sài Gòn nóng như thiêu như đốt, hết đường Lê Lợi, Nàng qua Hoàng Diệu, Hoàng Hoa Thám, Đinh Bộ Lĩnh và cứ thế tiếp tục đi, đi mãi, đi như điên như dại.

Sau mấy tiếng đồng hồ lội bộ, đầu đội trời, chân đạp đất ,mồ hôi ra đầm đìa ,thấm ướt áo trong ra ngoài ,áo mỏng làm dính thịt da trông thô thâm tội nghiệp.

Đang ngồi uống nước giải khát bên vỉa hè, chàng chợt thấy và nhận ra nàng là người quen thuộc và cùng cảnh ngộ, chàng nhanh nhẹn đứng lên trả tiền ly nước và tiến gần cô nàng gọi “này, này em đi đâu giữa trưa hè nóng nực vậy, chồng con ở đâu, mà sao đi một thân một mình như thế”. Hằng vô cùng ngạc nhiên và cũng vô cùng mừng rỡ, nét mặt nàng tươi hẳn lên hai tay đưa cao ôm Đấng sát vào lòng tưởng chừng như người thân thuộc từ lâu; miệng áp úng, nàng thở thè bên tai chàng và kéo tay đấng vào quán phở bên đường. Đôi mắt liếc quanh một vòng như dò hỏi có ai đang theo dõi nàng không. Hằng áp sát má Đấng và nói nhỏ “tối nay, Anh và em đi đến nhà trọ..., tại bến xe... Và chúng ta sẽ bàn công chuyện cho những ngày sắp tới. Đấng vừa mừng vừa lo sợ, mừng là gặp lại người đồng hương phố núi pleiku, sợ là sợ cho những ngày gian nguy sắp tới.

Đúng 5 giờ sáng ngày 1 tháng 3 năm 1985 Đấng và Hằng đến bến xe đi lục tỉnh, hai người đóng vai như vợ chồng về Cần Thơ thăm bà con .

Ba ngày sau chờ đợi người tổ chức cho chuyến vượt biển, đúng 10 giờ đến điểm hẹn là quán nước mía ở bến Ninh Kiều.

Mọi người tuy xa lạ nhưng trong lòng ai ai cũng thâm nhủ đây là những người đồng cảnh ngộ và cùng một mục đích trốn thoát chế độ cộng sản và mưu cầu hai chữ Tự do. Họ nhìn nhau không nói nửa lời.

Mây Ngàn



túy hà

túy hà, đoàn thý vãn. Nguyên hà chỉ là một

nguyên quán Việt Nam, tuổi bảo bình

viết văn vẽ tranh từ trước 1975

10 năm lính (bốn vùng chiến thuật)

10 năm tù (cải tạo)

10 năm lái xe dân biểu

hiện tạm dung tại hoa kỳ

hội viên: Pen international, văn bút việt nam hải ngoại, hội nhà
văn việt nam lưu vong.

sinh hoạt:

tổng thư ký văn bút nam hoa kỳ, chủ bút diễn đàn trầm hương, thư
ký tòa soạn tạp chí văn học tin văn, viết cho hầu hết các báo tại hải
ngoại.

tác phẩm thơ văn:

trước 1975:

tình gây, tình yêu lang thang và chiến tranh, trên đồng lau trắng,
những nẻo đường hành hương.

sau 1975:

rực rỡ đời thường, dấu ấn da vàng, dã quỳ vẫn nở, những mảnh
đời biệt xứ, không chỗ gói đầu, cát bụi lưu vong.

tâm niệm: tiếp tục viết cho đến khi ngưng thở.

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỶ- 371

Túy hà Sài gòn nhớ

*Từ thuở ly hương thành người biệt xứ
Hai chữ sài gòn hóa đá trong tim...*

Vì:

Sài gòn xưa có Nguyên Sa lụa trắng
Của Hà Đông làm mát nắng rong chơi
Nắng theo gió ngập ngừng trên tóc ngắn
Cho thơ rơi mơ mộng xuống dòng đời

Sài gòn xưa có Tất Nhiên họ Nguyễn
Qua giáo đường thấy thập giá buồn hiu
Chúa khóc hay cười dùm người thất thế
Khi linh hồn tượng đá đã nghiêng xiêu

Sài gòn xưa mặt trời sau thành phố
Thơ Tâm Tuyền hừng hực nắng bùng lên
Ngọn gió mới nhẹ bay thơ vội vã
Kết nối thêm vẫn là những niềm riêng

Sài gòn xưa có bóng dừa hoang dại
Trong mắt xanh thiếu nữ đẹp như mơ
Cho Đinh Hùng thơ rơi theo hồn chữ
Mộng kẻ vai hương ngát suốt một đời

Sài gòn xưa có lời cây bông vải
Nở trắng đêm khu vườn chuối bàn cờ
Con hẻm nhỏ che đời Trần Tuấn Kiệt
Như dâu tằm nuôi kén để thơm to

Sài gòn xưa có lính trên đường phố
không gian xa còn in đậm dấu giày
Hà Huyền Chi thơ như đường mật ngọt
Rót dịu êm vào chén rượu nồng cay

Sài gòn xưa Du Tử Lê tất bật
Hỏi loanh quanh rồi lại vấn chính mình
Đâu là chỗ nhân gian chưa biết đến
Mãi ưu tư quay quắt một chữ tình

Sài gòn xưa có chàng thi họa sĩ
Nhà ở Kỳ Đồng trên bến dưới sông
Nguyễn Hữu Nhật thương thơ không tri kỷ
Mượn sắc màu hoa gấm vẽ mệnh mông

Sài gòn xưa có nắng mưa thương xá
Tô Thùy yên người quét dọn hành lang
Thơ trải thảm mặc đêm đi ngủ sớm
Ý vẫn rơi vào nỗi nhớ miên man

Sài gòn xưa có Ngũ yên không ngủ
Thường lang thang trên đường phố vắng người
Chê chữ làm tư cất ra thành tám
Thao thức cùng thơ nhớ biển bạc đầu

Sài gòn xưa có thiền sư để tóc
Phạm thiên thư ngủ dưới cội hoa vàng
Chân đất nâu sòng theo chân Hoàng thị
Tịnh thiền tan vì vỡ mộng đồng sang

*Sài gòn xưa hằng đêm người viết chữ
Trần dạ từ gõ cửa tuổi thơ ngây
Luôn tự vấn mình đã già hay trẻ
Rồi thả thơ bàng bạc khắp trời mây*

Sài gòn xưa có ngã năm chuông chó
Nhiều văn nhân hào sĩ vẫn vào ra
Thương kỷ nữ đã son phai phấn nhạt
Kiếp cầm ca thơ nhạc giữa ta bà

Sài gòn xưa có đường tên Cường Để
Đây lá me bay ru giấc mơ hồng
có những quán hàng bán cà phê chạy
Cơn mưa rào nhiệt đới bốc hơi nồng

Sài gòn xưa có ngã tư quốc tế
Khách chơi đêm không thể nở lòng quên
Nồi cháo trắng gạo nàg hương thơm nức
Cá bống kho tiêu ngọt mặn vẫn thêm

Sài gòn xưa còn nhiều nhiều thứ lắm
Thật khó lòng nhớ hết để kê khai
Sài gòn xưa là sài gòn tất cả
Vẫn còn nguyên say đắm chẳng hề phai

và

Sài gòn nay người lẫn người trên phố
Xe chen xe chiếm hết cả lòng đường
Không có chỗ cho những đời chữ nghĩa
Báo chí hằng trăm bát nháo dị thường

Ơ! Những đời văn gia nô hạng bét
Thêm được gì cho văn hiến ngàn năm
Hay đã được những đỉnh cao trí tuệ
Bịt mắt che tai thí một chỗ nằm

Sài gòn nay dân ngậm ngùi uất lệ
Vì chén cơm nhỏ máu mắt cũng đành
Chỉ cần sao có ít nhiều chống đối
Còn chuyện no thường rất mong manh

Sài gòn nay không còn thơ bay nhảy
Văn vẽ trật chia ngược ngao khó nghe
Thì làm sao cho vuông tròn ngữ nghĩa
Đã suy đồi theo phong hóa phòng the

Sài gòn nay nói thêm là chuốc mệt
Vì văn chương chữ nghĩa đã bốc hơi
Chỉ có điều Sài gòn xưa còn khắc
Trong trái tim người Việt chẳng đổi dời

nên

Chắc phải đành mượn thêm hồn đồng cốt
Nhờ những văn nhân ở cõi vô cùng
Chấp bút đề thơ gởi về xứ cũ
Cho Sài Gòn nắng lụa mãi lung linh

Cho hạt mưa còn rơi trên tượng đá
Cho mặt trời sau lưng phố chói chang
Cho phong nguyệt vẫn vờn hoa ghẹo lá
Cho lời cây bông vải mãi rộn ràng

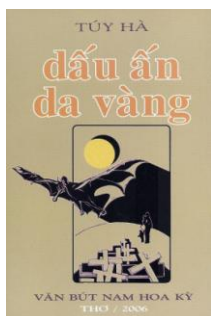
Cho dấu giày in không gian còn rõ
Cho loài chim bói ca vẫn tìm về
Cho sắc màu tình tự mãi say mê
Cho thương xót nắng bùng lên vội vã

Cho đêm về ngủ yên ngưng cánh gió
Trong tim người chưa khai ngộ trần ai
Sài Gòn xưa đêm tình không ngừng đập
Vì bụi hồng son phấn vẫn chưa phai

Khói chen mây đời thơ chưa điên đảo
Đồng điệp sẽ tan hóa giải tử sinh bùa
Sài Gòn xưa dấu hư hao còn đó
Như tim người máu vẫn đỏ màu son

Nên những đời văn linh hồn không bán
Nên Sài Gòn muôn thuở dấu ấn còn
Trong trái tim người ly hương biệt xứ
Như ngựa hồ luôn nhớ ngọn bắc phong

túy hà



Thương áo hoa phai lính tự tình

Nắng xuyên rừng nhuộm áo hoa
Lá khô rơi rụng nhạt nhòa tà huy
Gió chiều dạo khúc từ ly
Thả từng nốt lặng cho đi hững hờ
Bóng tối lên đêm đại khờ
Sương mênh mông phủ trắng bờ viễn phương
Biết mai ngày nắng còn vương
Hay mưa lệ rót dọc đường trần ai
Làm sao chạm cửa tương lai
Hỏi thăm bóng tối nhạt phai hay còn
Nhuộm đen thân phận héo mòn
Phù sinh tro cốt phủ hồn thương vầy

Oi người lính trận hôm nay
Áo hoa đã bạc tình say uất hờn
Sang sông nhớ núi thương nguồn
Lòng sâu đá dựng nước còn thủy chung
Phù vân khó luận anh hùng
Một thời chinh chiến cũng từng ấy thôi
Thân nhập thổ hồn xa xôi
Cũng là tro bụi một thời nhiều nhưong
Ngồi đây đếm tóc nhuộm sương
Núi thời gian lại hỏi đường quá giang
Bờ mê bên giấc thập phương
Phương ta xin được cúng dường phù vân.

Phù vân cõi tạm phân thân
Hình xa ngày nắng bóng gần cửa đêm.



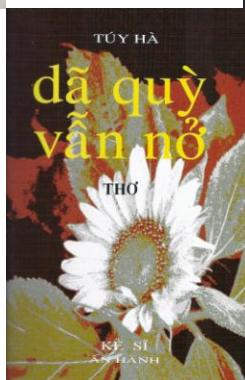
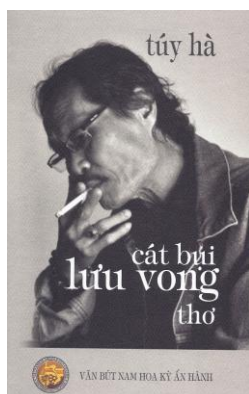
túy hà vượt dốc

Vừa vượt qua dốc thấp
lại đối diện dốc cao
chưa qua khỏi triền khối
gió quạt ngả lật nhào
cổ nhỏ hơn sỏi nhỏ
gió vẫn giật từng cơn
gió ngừng giây phút thờ
sỏi rơi xuống chân đồi

Gió chính là ý niệm
của người muốn một đời
ý niệm ngưng đứng nghỉ
người rơi về hư không
một dặm đường đã qua
một chút đời đã thấm
vừa leo qua con dốc
thành công
thất bại liền
vì đời không bằng phẳng
đường xa dốc lại nhiều
cứ lên rồi lại xuống
phận người đong đưa theo
chẳng lẽ làm chí rận
châm chích da đầu người
thôi đánh làm chột thí
trên bàn cờ cuộc chơi
trò dối gian không thiếu
chỉ thiếu lòng thẳng ngay

KỶ YẾU VĂN BÚT NAM HOA KỶ- 377

bàn cờ đời lật ngược
 thua được cũng như nhau
 quay cuồng theo lốc gió
 trọt ngã trên dốc đau
 lại đứng lên lần nữa
 mặc đời gió mưa mau.
 vẫn còn nhiều con dốc
 nên người vẫn cần nhau
 gió vẫn còn thổi thốc
 cho đến tận ngàn sau.
 phận người như sỏi nhỏ
 cứ lăn hoài mà đau.



Túy hà **Còn đó Hoài Nghi**

*Sự thật có chứa điều không thật
và trong không thật lại có mầm của sự thật.*

Quay lưng về phía tôi là một thiếu phụ có mái tóc cắt ngắn kiểu Nhật Bản, thân hình mảnh dẻ được ủ kín trong chiếc áo khoác bằng dạ màu da bò non. Khi thiếu phụ nghiêng người với tay lấy cuốn Tuyển tập thơ vẫn trên bàn giới thiệu sách, mái tóc ngắn rũ nghiêng không che hết gương mặt khá thanh tú. Tôi bước đến nói vội:

- Tuyển tập này mới nhất của ... Thiếu phụ ngược mặt lên và cả hai cùng khựng lại trong vài giây.

- Anh là, chị đây là... Vâng, Nghi đây, Hoài Nghi đây thưa anh, thiếu phụ nói không kịp nghĩ - một chút bối rối, tôi đáp nhanh:

- Hảo, Thanh Hảo đây thưa chị, cả hai cùng cười phá lên như reo vui làm một vài người quay lại nhìn ngơ ngác.

Tôi và Nghi biết nhau đã lâu, thường xuyên nói chuyện bằng phone, bằng email hoặc qua thư từ, dù chưa hề biết mặt nhau. Chúng tôi thân nhau trên tinh thần văn nghệ, qua các sinh hoạt về truyền thông báo chí. Đây là lần đầu tiên chúng tôi hội kiến. Tôi nói:

- Chúng ta không biết mặt mà nhìn ra nhau hay nhỉ!

- Vâng - có lẽ do tinh anh phát tiết ra ngoài.

- Chị lại cười tôi rồi, thế thì gió nào đưa một người được mệnh danh là khép kín hôm nay đến với chúng tôi vậy.

- À, à! Một phần do thư mời của Ban Tổ Chức, phần lớn hơn là do trong thiệp có tên anh đây. Tôi cười cười:

- Chị lại... Thế chị đến với...à! Không Tôi đi cùng mấy người bạn, trong ấy ồn và ngọt quá tôi ra đây một tí cho thoáng. Vậy thì, tôi biết ở tầng dưới có một chỗ rất thoáng mà lại có cả cà phê khá ngon, Chị muốn thử chẳng?

- Không tiện đâu anh ạ! Vả lại chưa khai mạc mà, anh để cho khi khác nhất định tôi sẽ ghé uống cà phê với anh. Vừa lúc ấy, một vài người khách đến chào nàng. Tôi xin phép rút lui, bước vào một góc khuất sau mấy cây kiểng giả để tự phạt cái thói quen tự nhiên của mình bằng một điều thuốc.

Nghi vẫn cười nói với những người kia nhưng đôi mắt luôn hướng về tôi, với cái nhìn nửa như tò mò, nửa như thăm định điều gì đó và đôi mắt ấy đã không rời tôi suốt buổi sinh hoạt. Khi tiễn khách tôi lại chạm mặt Nghi ngay cửa, không hiểu điều gì xui khiến, tôi bước đến như cổ máy nói nhỏ vào tai Nghi - chị Nghi à! Nghe không bằng thấy, Chị đẹp hơn tôi nghĩ nhiều, Nghi quay phắt lại - nhìn tôi - nói cảm ơn và bước nhanh như muốn cho kịp ai đó.

Nghi ngồi trước mặt tôi thu mình lại như một cô mèo con, gương mặt trắng xanh không dấu được vẻ thanh tú của mình, đôi mắt to, không có nét chì, mũi thẳng, đôi môi nhỏ nhắn lúc nào cũng chúm lại như cười cười. Nghi không có nhan sắc quyến rũ lộ liễu nhưng ngấm chứa cái duyên dáng sau vẻ dịu dàng. Trước ly cà phê hãy còn hơi ấm, Nghi thay đổi thế ngồi, một tay chống cằm tư lự, tay kia để ngay ngắn trên bàn, không hiểu từ lúc nào tay tôi dang ử ả trên tay Nghi, nàng lặng yên không nói.

Bên ngoài cửa kính của quán cà phê này là một phong cảnh đẹp, ở đó là một vùng đồi thấp nhân tạo, có một vuông hồ mà mặt nước lúc nào cũng trong vắt như gương, không hiểu đã bao nhiêu đám mây soi bóng dưới mặt hồ này. Bây giờ đang là tiết xuân, cái lạnh lẽo mùa đông đã nhường chỗ cho những tia nắng ấm. Ven triền đồi là những tấm thảm màu xanh tím được kết bằng hàng ngàn cánh hoa Bluebonnet biểu tượng mùa xuân của tiểu bang cực nam này. Bên kia hồ lại là những tấm thảm màu vàng rực rỡ của những cánh hoa bé li ti tựa như hoa cúc đại què nhà. Xa hơn một tí, bên kia đồi là một cây Sồi hùng vĩ, cành lá như rũ xuống để ôm lấy đất. Đây là một cây Sồi già, lúc trước khi còn ở một khu chung cư gần đây, mỗi sáng chạy bộ quanh bờ hồ tôi thường nghỉ chân dưới gốc Sồi này. Tôi gọi chuyện:

- Chị nghĩ thấy cây sồi kia không, vài năm trước đây còn vươn cành lên như muốn níu tới trời cao, bây giờ lá cành lại rũ xuống như muốn ôm lấy đất. Tôi nghĩ cây kia như một kiếp người khi trẻ và lúc về già. Nghi mỉm cười, tự dưng tôi thấy Nghi quyến rũ vô cùng.

- Có lẽ anh muốn nói tôi già chăng?
- Ấy, sao chị lại nghĩ thế - thì anh vẫn gọi tôi bằng chị đây
- Tôi gọi như thế theo thói quen giao tiếp với phái nữ, trong trường hợp này thì để được gọi lại bằng Anh!
- Từ đầu Nghi chả gọi anh bằng anh là gì.

Sau một thoáng bối rối tôi chưa kịp trả lời thì nàng đã lên tiếng:

- Anh cứ gọi em bằng tên là được rồi.

Tôi thâm nghĩ hóa ra nàng còn tự nhiên hơn tôi nữa.

Thế thì để thay cho lời cảm ơn tôi tình nguyện đưa Nghi đến thăm cây Sồi già biết nói sự thật - tuyệt quá - thế thì chúng ta đi ngay đi anh.

Con đường trải sỏi ven bờ hồ có nhiều nhánh dẫn lên những ngọn đồi thấp ở chung quanh, tôi chọn đường dẫn về hướng có cây Sồi, hai bên vệ đường là những tấm thảm hoa vàng rực rỡ, tôi không rời tay Nghi nữa nàng đi sát vào tôi và khẽ nói:

- Anh này, em có cảm giác như chúng ta đang đi tìm động hoa vàng, không bỏ lỡ cơ hội, tôi đáp nhanh:

- Tiếc thay anh không phải là gã Từ quan - tại sao - vì có em bên cạnh rồi thì anh đây cần gì phải lên non tìm động hoa vàng ngủ yên, Nghi bật cười giòn giã:

- Hóa ra anh cũng biết tán tỉnh cơ à!

Vô hình trung chúng tôi anh anh, em em từ lúc nào không ai để ý.

Khi đứng trước cây Sồi hùng vĩ rợp bóng mát, dưới chân là thảm cỏ xanh ngát Nghi nép sát vào tôi hơn dường như sợ cây Sồi kia nói lên những điều rất thật. Tôi xoay người Nghi lại, nhìn thẳng vào mắt nàng và nói:

- Nghi ạ! Anh vừa nghe cây Sồi nói thật.

- Điều gì vậy, khi nàng nói hai mắt mở lớn, đôi môi mọng đỏ như gọi mời, tôi hôn nàng thật nhanh, Nghi ôm siết lấy tôi và hưởng ứng tận tình. Chúng tôi hôn nhau như chưa từng được hôn.

Từ đó, hằng tuần chúng tôi vẫn thường gặp nhau tại quán cà phê đã trở thành quen thuộc với Nghi, tuyệt nhiên không một lần thứ hai đến dưới gốc Sồi già. Chúng tôi cũng không hề nói đến tình yêu làm như điều ấy đã là hiển nhiên. Nghi không bao giờ hỏi về đời tư của tôi, ngược lại tôi cũng thế. Duy nhất có một lần nàng tự nói cho tôi biết một chút về gia cảnh. Theo lời nàng hiện có hai con đang theo học những lớp cuối trung học nội trú, vợ chồng nàng đã ly thân gần ba năm nay vì một vài thủ tục tố tụng chưa dứt khoát nên vẫn còn ở chung nhà, nhưng sinh hoạt hoàn toàn riêng rẽ. Khi mọi việc hoàn tất chồng Nghi sẽ về quê hương lấy lấy vợ lần thứ hai. Khi nghe kể tôi có tỏ ra một chút ái ngại thì nàng chỉ cười cười và bảo rằng những người viết lách như nàng chỉ sống

được với nhân vật trong sáng tác của mình thôi. Dù không đồng quan điểm, tôi vẫn an ủi nàng một cách rất ư là... cái lương:

- Anh chia xẻ hoàn cảnh không vui của em, nhưng lại cũng rất cảm ơn những điều không vui ấy, bởi lẽ nhờ nó mà anh mới được gần em hôm nay. Nghi cầu vào vai tôi và nói:

- Anh lại lẻo miệng nữa rồi. Cứ thế, chúng tôi có khi cảm thấy thật gần gũi, có khi lại thấy thật xa vời.

Quay đi quay lại, chỉ còn một hôm nữa là đến ngày lễ Motherday truyền thống. Buổi chiều sau khi tan sở tôi từ chối những lời mời gọi của bạn bè, cố tình ghé chợ Randalls gần nhà mua ít thực phẩm, hoa tươi và tiện tay xách cặp rượu vang lòng tự nhủ làm chút lễ mọn tưởng nhớ bà Cụ quá vắng đã lâu. Vừa đặt chân lên cầu thang dẫn vào căn chung cư bé nhỏ của tôi thì một bất ngờ lớn hiện diện. Nghi, vâng, chính nàng đang ngồi như pho tượng ở bậc cầu thang cuối cùng:

- Kia Nghi, sao không gọi phone cho anh, nàng cười, lại cười!

- Để xem có cô bạn gái nào đến thăm anh không?! Hóa ra chỉ có bà già này thôi.

- Nghi ạ! Nếu ai bảo em già thì có lẽ người ấy mù mắt rồi. Nghi đứng dậy và ôm cứng lấy tôi, hai tay tôi còn những xước đồ nên chỉ biết dang ra chịu trận.

Nghi giúp tôi bày biện hoa trái trước tấm hình duy nhất của Mẹ tôi và dĩ nhiên, một bàn ăn nhỏ có nên, có thức ăn và cả chai vang ngâm đá dành riêng cho chúng tôi.

Đối diện với Nghi dưới ánh nến khi mờ khi tỏ, chút nhạc Chopin và vài cốc rượu tôi thấy nghi rục rờ hẳn lên. Không nên được cảm xúc của mình, cả hai dường như cùng đứng dậy một lúc, tôi diu Nghi bước theo tiếng nhạc dù không rành lắm về khiêu vũ rất may nàng lại khá thành thạo. Tay trong tay, mắt trong mắt, môi tìm môi, những ngất ngây lâng lâng, những rạo rục đam mê, vòng ngực rắn chắc như ép sát vào da thịt tôi nóng hổi, quện lẩn trong tóc nàng là mùi nước hoa Liz Arden thơm nhẹ gợi nhớ cho tôi một tình yêu đã xa. Nỗi khát khao bao năm trở thành một thèm muốn hiện thực, khi mảnh vải cuối cùng mang nhãn hiệu của nhà thời trang Victoria 's secret trên người nàng rơi xuống tôi gục mặt vào bầu vú vẫn căng tràn nhựa sống dường như chưa một lần biết cho con bú. Nghi lúc ấy, như con mèo cái trên nóc nhà cháy, oằn người rên xiết, toàn thân như bốc lửa, lẫn ranh nghiệt ngã của một tình yêu đã bị xóa nhòa.

Khi những rã rời buông thả, những quần quít đã mệt nhoài, Nghi nằm gối đầu trên ngực tôi thì thầm:

- Có những lúc em thấy anh là thực, đôi khi em lại có cảm giác như anh từ trong tiểu thuyết bước ra, không nói điều gì, nhưng hành động anh lại là đã nói quá nhiều, em biết khó có thể giữ anh trong đời thực nhưng chắc chắn sẽ giữ được anh mãi mãi trong tiểu thuyết của em. Thú thực lúc bấy giờ tôi chưa hiểu hết ý của Nghi. Tôi vỗ về nàng và cái ham muốn rạo rực lại bùng lên, tôi trấn an nàng bằng vòng tay ôm siết, bằng những nụ hôn tham lam, chúng tôi lại quần lấy nhau như hai thực thể đã gắn liền không tách rời ra. Nàng không ở lại qua đêm, viện lẽ cần viết tiếp một vài trang tiểu thuyết, tôi tiễn nàng ra cửa với nhiều tiếc nuối nhưng không quên chỉ cho nàng nơi tôi vẫn dấu chìa khóa phòng.

Từ đó nàng thường đến thăm tôi vào những giờ bất ngờ nhất chúng tôi vẫn quần lấy nhau và vẫn dành cho nhau những đam mê tột cùng.

Qua khung cửa kính một chiều chưa tắt nắng, tôi thấy người đàn ông có vẻ ngần ngừ đôi ba phút trước khi gõ cửa văn phòng nơi tôi làm việc.

- Cửa không khóa xin mời vào - tôi lên tiếng.

Trước mặt tôi là một trung niên mảnh khảnh khoảng trên dưới năm mươi, gương mặt có thể gọi là điển trai, nhưng có một chút khắc khổ cộng thêm mái tóc cắt ngắn dường như để cố dấu đi rất nhiều sợi bạc. Tôi chìa tay ra làm một cử chỉ thân thiện và lên tiếng trước:

- Tôi là Hảo, Thanh Hảo, thưa tôi có thể giúp gì ông hôm nay thưa ông... Người khách nói nhanh dường như để dấu một chút cảm xúc gì đó:

- Vâng, tôi là Sơn, là...chồng của Hoài Nghi. Tôi thử phào tự nhủ - thì ra là thế.

Người đàn ông tự xưng là Sơn nói tiếp:

- Tôi dường đột đến đây cũng vì chút chuyện của Hoài Nghi, ông có thể dành cho tôi một ít thời gian được không, tôi nhìn đồng hồ cũng sắp hết giờ và gật đầu đồng ý. Sơn nói tiếp:

- Vậy thì tôi mời ông ra quán Kim Tài đối diện đây làm vài cốc bia và nói chuyện cho thoải mái. Tôi tự nhủ hóa ra anh chàng này cũng cần một chút men trợ lực - tốt thôi, tôi đáp.

Sau một vài câu chuyện xa giao mào đầu và sang tuần bia thứ ba, gương mặt Sơn hồng lên nhưng nói năng vẫn rất từ tốn. Anh Hảo này, tôi xin phép được gọi như thế cho thân mật.

- Không có gì trở ngại.

Cái khó ban đầu đã qua, Sơn vào chuyện:

-Tôi biết giữa anh và Nghi trước hết là giao tình văn nghệ cùng giới cầm bút với nhau, dễ cảm thông và dễ gần gũi nhau; thời gian gần đây cái tình cảm viết lách nó đã biến thành một ràng buộc thực tế hơn. Những gì Nghi làm tôi đều biết rất rõ, dù tôi không hề theo dõi nàng. Bởi lẽ tôi và Nghi chung sống với nhau đã hơn mười lăm năm nay. Tôi hiểu nàng muốn gì và tôi luôn chiều ý nàng, tôi để cho nàng toàn tâm toàn ý sống với văn nghiệp của nàng. Chúng tôi có với nhau hai cháu đang theo học những năm đầu trung học, nàng đóng vai một gia sư chỉ cho các cháu về chữ nghĩa, phần tôi phụ trách công việc vừa là người chủ gia đình, vừa là cha, vừa là mẹ, tuy không giao ước rõ ràng, nhưng tôi chấp nhận việc này, cuộc sống chúng tôi chưa hề có cái cọ chứ đừng nói đến việc ly hôn. Nếu là một người khác có thể đã đi đến chuyện này nhưng tôi thì không, có thể anh sẽ cho là tôi nhu nhược, nhưng tôi chấp nhận cả sự thực lẫn tiếng thị phi bởi lẽ tôi yêu Nghi và yêu các con tôi. Tôi tin chắc một điều là Nghi có thể buông thả về thể xác để tìm cảm hứng và tích lũy kinh nghiệm để viết. Nhưng Nghi đã, đang và sẽ không yêu ai ngoài tôi và những nhân vật do Nghi dựng nên. Nghi vẫn quan niệm hư cấu phải dựa trên một phần sự thật. Nghi luôn luôn muốn biến những thực thể quanh nàng thành những nhân vật trong tiểu thuyết của nàng. Nói cách khác Nghi chỉ sống thực với nhân vật tiểu thuyết của chính nàng. Tôi và Nghi vẫn hằng đêm “đồng sàng nhưng dị mộng” Hình như anh đang cười tôi, vừa nói Sơn vừa chiêu bia và tiếp:

- Người ta cười tôi nhiều lắm rồi anh ạ! Nhưng không sao cả bởi vì tôi... vẫn rất yêu Nghi.

Sơn nói không ngừng và dường như nói cho chính mình không nhất thiết phải có người nghe. Thêm một vài tuần bia nữa, Sơn lại trở nên ít nói, có vẻ trầm ngâm, bất chợt Sơn nhìn thẳng vào tôi và nói:

- Anh Hảo ạ! Tôi nghe tiếng anh đã lâu, mục phân tích tình cảm của anh viết trên các báo anh cộng tác tôi vẫn thường theo dõi và quả thực theo tôi anh có rất nhiều kinh nghiệm. Hy vọng những gì tôi tâm sự sẽ là một đề tài mới cho anh. Tôi nhủ thầm:

- Thật ra bạn mới chính là người phân tích đúng đấy Sơn ạ!

Trước khi chia tay tôi định nói với Sơn rằng tôi cũng yêu Nghi nhưng chắc chắn không bằng tình yêu Sơn dành cho Nghi đâu, nhưng không hiểu sao tôi lại không nói lên được điều ấy. Khi bắt tay từ giã tôi mới nhận ra bàn tay Sơn đầm ướt mồ hôi.

Như đoạn cuối của một tiểu thuyết rẻ tiền, hoặc giả như cảnh chót của một tuồng cải lương tâm lý lý xã hội tôi đặt bút viết:

Nghi rất thương,

Khi Nghi nhận thư này thì anh đã rời xa thành phố đầy những kỷ niệm dễ thương và chắc chắn sẽ xa em vĩnh viễn, anh muốn nói với em rằng anh yêu em nhưng trước hết anh phải tồn tại như một thực thể bằng xương bằng thịt thì tình yêu kia mới chất ngất men say mới trở mầm hạnh phúc, tiếc thay anh không làm được điều ấy. Vì nếu anh ở lại chắc chắn anh sẽ bước vào những trang tiểu thuyết của em và anh sẽ trở thành một nhân vật hư cấu của chính em. Trong tình yêu cái làn ranh giữa mộng và thực rất dễ xóa nhòa. Anh muốn tồn tại để mãi mãi yêu em, theo anh nghĩ không phải chỉ có những nhân vật do em dựng nên mới yêu và thủy chung với em, hãy nhớ quanh em còn những người rất thực lòng yêu em. Anh chúc em sống vui viết khỏe và hãy viết những gì đang xảy ra xung quanh mình, anh sẽ nhớ mãi nụ hôn đầu tiên dưới gốc cây sồi biết nói sự thật kia.

Thương nhớ vô cùng - Hào.

Khi người chạy bàn quen thuộc mang đến cho Nghi ly cà phê còn bốc khói và một bì thư nhỏ, Nghi mở thư, nước mắt nhạt nhòa, ngoài kia mặt hồ còn lảng đãng khói sương, những thảm hoa xanh vàng vẫn còn dầm nước và cây Sồi biết nói sự thật rung lên trong gió sớm đầu ngày. Nghi có cảm giác như trò chơi khổ đau mới thực sự bắt đầu và những con chữ ngủ yên bỗng bừng thức dậy. Nghi với tay mở cặp lấy giấy bút đặt lên bàn và ghi xuống: Hư ảo một cuộc chơi.

@

Hai năm sau, tôi lưu lạc về Louisiana, thành phố đầy những con đường mang tên tiếng Pháp. Những con hẻm nhỏ và ít được tu sửa nhưng lại đầy khách bộ hành như sài gòn một thuở nào xa. Hằng ngày làm phóng viên ảnh cho một tờ báo địa phương, tôi đã rảo bước trên khắp hang cùng ngõ hẻm, từ khu Versailles đầy rác rưởi và người viết ly hương làm những nghề lao động, ngư phủ... đã tụ lại ở đây. Có chợ chồm hổm dành cho những Cụ bà già với

nón lá truyền thống, bán hoa quả tươi, rau mùi, rau sống tự canh tác trong vườn nhà. Có những quán Bar nhỏ hẹp nơi tụ tập của giang hồ tứ chiến và dĩ nhiên đã hình thành một xã hội đen thu nhỏ cũng góp phần làm cho khu này thêm phức tạp. Tôi cũng la cà săn ảnh trên cầu con Cò, tàu casino, hệ thống sông bài Harras và dĩ nhiên hằng ngày không quên ghé café Du Monde thơm lừng, ngắm khách du lịch thập phương đầy ắp khu French quarter. Tôi cố tìm quên trong công việc, quên gì, nhớ gì, chỉ biết một điều hình ảnh Hoài Nghi dường như vẫn là một ám ảnh khôn nguôi.

Cộng sự viên bất đắc dĩ của tôi là cecile người Việt một trăm phần trăm, nhưng lại thông thạo tiếng Hispanic một trăm phần ngàn. Cecile cũng là cô giáo Việt duy nhất dạy tiếng Việt cho trẻ em trong nhà thờ xứ Vực Sâu. Mọi thông tin xã hội thời sự nóng bỏng đều từ nàng mà có. Chính vì vậy, căn phòng nhỏ của tôi cũng trở thành nơi quen thuộc của nàng, là nơi nàng thực tập làm bếp, và tôi là người được nàng dùng để thí nghiệm cho những món ăn mới. Nàng giúp tôi thu dọn mọi thứ, tạo trật tự cho căn phòng của một gã độc thân và chính nàng cũng là người đồng sàng ủ ấm tôi trong những ngày đêm bão giông đe dọa. Nàng cho tôi mọi thứ mà chưa hề nói tiếng yêu tôi. Giữa chúng tôi là tình bạn - tình bạn kiểu Mỹ. Những tưởng mọi việc cứ thế mà qua đi...

Quán ăn nhỏ bán hàng Seafood của bạn tôi ở góc đường Manche và Grand là quán duy nhất trong khu do người Việt làm chủ nhưng lúc nào cũng đông khách, chủ quán cũng là một tay chơi ảnh chuyên nghiệp nên tôi thường ghé qua học thêm nghề và thưởng thức những món ăn thuần túy Việt Nam chỉ nấu cho gia đình dùng. Như thường lệ tôi ghé quán sớm khi chưa có khách. Chủ quán đang trầm ngâm trước ấm trà nóng bằng đất thổ nung đã trở màu vàng rơm. Tôi xề vào và tự nhiên rót trà, anh bạn không buồn nhìn tôi mà chỉ nói. Trưa có rảnh ghé nhà giải khát vài chai, có tiệc bỏ túi, tôi ậm ừ - có thể.

- Phải ghé chứ không có thể gì cả tớ không thích kiểu cách Bắc Kỳ của quý ông đâu nhé. Cậu khéo mồm mép, tới bạ hoa vài đường cho họ biết thế nào là lễ độ.(Chúng tôi đều là Bắc kỳ há mồm nên đâu còn kiểu cọ gì đâu). Mà họ là ai, quen hay lạ, tôi hiểu kỳ nên tự nhủ sẽ đến.

Khi tôi đến, phòng khách đã chật kín người, tiếng cụng ly chan chất, tiếng cười nói râm ran. Tôi trở ra theo cửa hông nhà vào cái quán phía sau vườn, gọi là quán chứ thật ra chỉ là cái Patio nhỏ

được bài trí lại theo cái nhìn của một tay chơi ảnh. Na ná như quán cà phê đàn Bầu ở đà lạt ngày nào. Tôi vẫn thích đến đây vào những ngày cuối tuần lai rai bia rượu và nghe nhạc cổ điển. Quanh vườn những khóm hoa cúc dại đã nở, mùa Thu vừa chớm sân sau. Chủ nhà như biết ý đã chờ tôi ở đây.

- Tớ biết thế nào cậu cũng lòn vào đây. Tôi cười cười:

- Khách của ông là khách làm ăn mà, mỗi bữa rượu ngon làm hư người đấy, tớ ngại lắm.

- Khéo bày, một thời lính lác còn sợ gì, thôi vào đây bỏ tèo giọng dẻo dẻo, có dành cho chỗ đứng gu đây này.

Bàn ăn gia đình sáu ghế mà đã đầy năm, tôi khựng lại không phải vì ghế mà vì trong bàn có mặt... Cecile và... Hoài Nghi. Gia chủ ần tôi vào bàn và nói hãy tự làm quen đi, tớ phải tiếp khách ngoài kia. Tôi khẽ chào và bắt tay từng người chưa đến chỗ Hoài Nghi thì Cecile mau mắn giới thiệu:

- Đây là Chị Nghi đến từ Texas - Và đây là Anh Hảo Phóng viên ảnh, bạn em... Tôi khẽ khàng - hân hạnh ...

Sau hai năm thời gian không dài nhưng dường như đã ít nhiều cay nghiệt với Nghi. Làn da mịn màng đã trở vài chấm tàn nhang, mái tóc vẫn cắt ngắn nhưng chân tóc đã có nhiều sợi bạc, bàn tay đã lộ gân xanh và đuôi mắt thì vết chân chim đã chạm. Dù vậy nàng có vẻ đầy đặn hơn trước. Chỉ có màu mắt nâu vẫn long lanh khi đối diện tôi trong quán vườn sân sau. Tiếng nhạc dịu êm hay những ly bia đầy tôi trôi về cõi mơ hồ nào đó. Tôi khó lòng lên tiếng. Bất ngờ Cecile xuất hiện, ần vào tay tôi tập sách và nói nhanh một hơi dài:- Truyện của chị Nghi viết và anh là nhân vật chính đấy nhé. Đùng ngạc nhiên, em là độc giả trung thành của chị ấy, và cũng vì chị ấy mà em đến với anh. Em thay chị ấy khi anh ở đây một mình. Bây giờ thì hết nhiệm vụ em bàn giao anh lại cho chị Nghi. Tôi và Nghi chưa kịp nói gì thì Cecile nghiêng người ôm hôn vào má tôi và nói khẽ:

- Em không yêu anh đâu chỉ thương thôi và không gì thay đổi, em biết anh sẽ về bên ấy hoặc chị Nghi sẽ sang đây, nhưng em vẫn là cộng sự viên của anh mà. Nàng buông tôi ra và bước nhanh vào nhà.

Quả thật tôi hơi hụt hẫng. Bây giờ Nghi mới nắm lấy tay tôi và nói nhẹ như làn khói thuốc vờn bay:

- Anh Hảo, Cecile là người cùng quê em, học cùng trường, dưới vài lớp, tụi em liên lạc với nhau lâu rồi, trước cả khi anh sang

đây. Em vẫn theo anh từng bước thăng trầm. Mọi chuyện là do em nhờ cậy, Ceciel sống hồn nhiên và tự do theo kiểu Mỹ nên dễ dàng giúp em chăm sóc anh. Cô ấy đến và sẽ đi như gió, không ở lâu một chỗ nào, nhất là không có trong tiểu thuyết của em, nhưng cô ấy rất chân tình, anh phải quý trọng điều đó.

- Vậy thì còn em... dường như có điều không vui.

- Em ư! Em là cháu họ của bà gia chủ ở đây.

Nàng nói luôn một hơi như sợ tôi ngắt quãng:

- Chuyện ngày ấy... cũng buồn cười. Em vẫn thường sống theo ảo giác, có người nói em bị đứt dây. Thật ra em vẫn trải lòng ra, sống hết mình cùng nhân vật do chính mình dàn dựng. Và đem chính bản thân em ra làm thí nghiệm. Anh Sơn là một người bạn đúng nghĩa và rất thân của em, để thử nghiệm, em đã nhờ anh ấy đóng một tiểu phẩm kịch do em dàn dựng, cả anh và anh ấy em đều xem là diễn viên. Em chưa hề sinh nở thì làm sao có con. Không phải anh đã từng thấy bụng em không nhả và còn nói em như gái còn son sao. Tất cả em đã dựng thành truyện trong cuốn sách Cecile thay em đưa tặng. Hai năm qua, như anh thấy em đây đã thay đổi nhiều quá phải không. Ngoại hình đã thể trong tâm tâm đã đổi thay cách nghĩ, cách nhìn, vì em đã cảm nhận được tình yêu trên quý biết bao. Cho đến nay em vẫn là phụ nữ chưa chồng nhưng đã sớm là sương phụ chỉ vì anh. Anh về lại nhé, chúng ta thử làm lại từ đầu...

Ở đây xa cách những nhánh sông, nhưng trong gió dường như có tiếng sóng râm ran. Điều thuốc chấy dờ dang, chút tàn rơi vào mắt hay những lời tự bạch của Nghi như những hạt mưa ngâu rớt muộn vào trong chính đôi mắt nâu nhạt nhòa nhân ảnh của nàng.

Sự thường người ta thường nói mùa Thu là mùa của chia ly, của màu tím ảm đạm, của gió gầy đầy đưa cuống lá trơ cành, của những sáng mù sương, của những đêm đầy ảo cảnh, của mùa trăng gọi tiếng soi trư.

Với tôi, chỉ tôi thôi nhé, mùa Thu này còn có vàng hoa cúc nở xôn xao. Tôi ghì chặt Nghi vào lòng và thầm nhủ - Dường như chuyện chưa đến hồi kết thúc.

Vì mùa Thu vẫn đến rồi đi.

Túy hà



Nguyễn Tuấn Chương

Tên thật cũng là bút hiệu

Sinh năm 1946

Định cư tại Hoa Kỳ

Biên khảo, sáng tác thơ, nhạc

Cộng tác viên thường trực của các tạp chí:

Hương Quê, Thời Đại, Tin Văn, Trầm Hương

Hội Viên VBVNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ

Tác Phẩm:

CD thơ phổ nhạc: Yêu em muôn màng,

Như tơ vương. Tình khúc Nguyễn Tuấn Chương

Tạp ghi: Âm Nhạc và thi ca

Mùa thu và ta

Nhạc : NGUYỄN TUẤN CHƯƠNG

Thơ : TÚY HÀ

$\text{♩} = 60$

Pa - ris trời nắng hay mưa vào thu có nhớ mùa xưa cúc
vàng Cho ta gửi chút rộn ràng sang phương trời ấy tơ đàn cùng
rung Sự gì cách biệt muôn trùng Khi trong tim đã chung cùng ước
mơ Dẫu cho hoá đá vẫn chờ Vẫn tương tư mãi lời thơ muộn
phiên Đèn vàng hiu hắt quanh năm Ly - on có lạnh chỗ nằm không
em? Như con tàu rất hay quên em qua những trạm ưu phiền vắng
lại Hôm nay chiều đã tàn phai sông Seine nắng có chia hai bến
bờ? Mùa thu đến tự bao giờ Đường như cuồng lá hững hờ trên
cây Pa - ris giờ chẳng còn nhau sang sông em nhớ làm đau lòng người.

Một thoáng thu xưa

Nhạc : NGUYỄN TUẤN CHƯƠNG

Thơ : LÊ HỮU LIỆU

Vàng lá Thu bay nơi xứ lạ Bâng
khuang buồn nhớ chốn quê xưa Mênh mông kỷ niệm trong tiềm
thức Bóng dáng ai về dưới nắng mưa E
áp nhìn nhau mắt dại khờ Nụ hôn đầu trong trắng ngày
thơ ờ ơ Má em hãy đỏ làn da ấm Hai đứa như
là lạc cõi mơ ơ ơ ơ ơ Một
thoáng đời qua Thu lá bay Đường dài muôn lối có ai
hay Em trong kỷ niệm trong xa vắng Theo gió Thu
về buồn lất lẩy.

Tuổi Học Trò

Nhạc : Nguyễn Tuấn Chương

Thơ : Phạm Tường Như

Tango

Sáng nay con bướm nhỏ. Mượn mây làm đôi cánh. Gió lay tà áo trắng. Bướm bay khắp sân trường. Hàng phượng đỏ bên đường. Tuổi hoa mới chín ngọt. Tiếng chim kêu lành lỏi. Hay tiếng hát học trò. Mộng du vào giấc mơ. Dòng thơ vương ý nhỏ. Nắng đọng vết môi chờ. Nhẹ nhàng như hơi thở. Có con ong cánh nhỏ. Đậu lên cành hoa khế. Ước gì môi có thể. Đậu lên thêm môi em. Em cười nụ thật hiền. Như màu hoa mới nở. Con ong vờn bả ngỡ. Ong ơi hãy cho ta. Mượn đôi cánh lụa là. Cánh vờn quanh môi nhỏ. Màu son môi thắm đỏ. Hương môi thơm gợi tình. Anh nhắm đôi mắt mình. Nhốt hình em trong đó. Mắt anh vừa mở ngó. Gió rũ tóc em bay. Gió rũ tóc em bay...

2012 Nguyễn Tuấn Chương , All rights reserved

Đời Quá Mong Manh

Thơ : NGÔ THU HỒNG

Nhạc : NGUYỄN TUẤN CHƯƠNG

Em nhìn về quá khứ. Hạnh phúc đã qua
rời. Bao nỗi niềm tâm sự. Như một thoáng mơ
thôi. Ôm nỗi sầu hiện tại. Mang nỗi buồn mai
sau. Tình yêu mình còn mãi. Muốn kiếp là của nhau.
Em hướng về tương lai.. Cuộc sống vẫn còn dài.
Đời em sao đau khổ. Hay... lắm kiếp đầu Em quay
lại nhìn em. Đầu ngày tháng êm đềm? Chỉ toàn là nước
mắt. Và tủi phận thấu đêm. Ngày xưa em gặp
anh. Ta xây đắp mộng lành. Tưởng đời mình hạnh
phúc. Nào ngờ quá mong manh.

Houston 12 - 2011

2012 Nguyễn Tuấn Chương, All rights reserved

Thu Đông

Thơ: Túy Hà

Nhạc: Dương Thượng Trúc

Thu thiê?

Thu Đông trở giấc thêm rêu lạnh. Sương khói vọng
âm tiền biệt hành. Gió hú đông hoang đêm nguyệt tận.
mặt hồ nghiêng vỗ sóng long lanh. Cỏ ngổ mùa Thu vàng xác
lá. Đâu ngờ cành nhánh cũng chia xa. Người đi mong
nhạt chồi xanh biếc. Cây lại nung xưa đá nhạt nhòa. Thu
tận cúc tàn trăng mờ ảo. Gió mang mang bao nỗi lụy phiền. Giọt
thơ rụng xuống đau hún đá. Xao xác của Thiên xao xác của
Thiên những phiến buồn tênh. Chao nghiêng đến miếu đêm buồn thả. Khách
trọ dùng chân chạnh nhớ nhà. Cánh chim đùn lẻ còn gọi hạn.
Lũn xũ bên trời xa quá xa. Ta như cầu nối Thu Đông
đến. Một bóng hình xiêu gánh nỗi nề.

Tuỳ Hà - Dương Thượng Trúc - 2014

Thu về.

Ad Lib...

Thơ : Vĩnh Tuấn

Nhạc : Dương Thượng Trúc

Đường hôm nay cây bóng vàng lá ủa

5 Rặng liễu gầy nhỏ lệ ở ven sông

9 Thì ra mùa thu đã về lặng lẽ

13 Rất âm thầm vàng áo lụa bên sông

17 *A. Tempo*

Nhớ hôm xưa thu về ôi quyến rũ

21 Hàng cúc vàng nở nở dưới chân sông

25 Rượu ai rót men nồng say ngây ngất

29 Thoảng hương bay mà xao xuyến tâm hồn Gọi về

34 em chút nắng hồng xút lại Chút bụi

38
mơ phũ lữ ước mơ xanh Anh nhớ

42
lặng dòng sông trôi tĩnh lặng

45
Ngọn lúa đẫy thì trong nắng long lanh.

49
Hãy gửi cho anh thu vàng quê mẹ

53
Em hiện hòa tóc lộng lá me bay

57
Gọi cho anh mạnh trắng xưa hiện đợi Lặng hờn

62
anh theo từng bước thu gầy. Đường hóm gầy...
1. 2.

Hãy gửi cho anh thu vàng quê mẹ

rall.
Gọi cho anh mùa Thu ngày xưa

THAO THỨC

Thơ Song An Châu
lâmộngthường

Hôm

qua nhận được thư em, hỏi rằng có nhớ người quen thuở nào. Dưới

hàng phượng đỏ bên nhau, sân trường đầy nắng anh trao em quà. Bảo

em nhắm mắt lại nha, cảm tay anh vội trao quà cho em. Chỉ

là một lá thư mềm, ướp hương hoa buổi mùi thơm dịu dàng. Thư

anh em gửi từng trang, đọc mê say lắm những hàng yêu thương. Thế

rồi anh đã lên đường, viễn du xứ lạ em thường nhớ hoài. Mới

hay con tạo lá lay, chim quyền liến cánh có ngày chia đôi.

Em ơi, nhớ quá đi thôi, ra đi vội vã không lời biệt em. Tuyết

rơi, rơi trắng bên thềm, trời đông xứ lạ đêm đêm vọng sầu. Xa

em, thương nhớ lòng đau, nhớ em đêm lạnh, anh thao thức buồn. Xa

em, thương nhớ lòng đau, nhớ em đêm lạnh, anh thao thức buồn.

CHIỀU XUÂN ĐẤT KHÁCH

Thơ Song An Châu
lâmộngthường

Chiều ba
mười, thân con nơi đất khách, đốt hương trăm vọng bái quê nhà. Một lần
nữa, con không về thăm mẹ, bao năm rồi, chưa viếng mộ cha. Nhìn cảnh
người lòng con buồn khôn xiết. Nỗi niềm riêng chan chứa sầu thương. Ngày ra
đi, con nuốt hận lên đường. Con đâu muốn già từ đất thân yêu. Những ngày cuối
năm sầu lên chất ngất, nhìn quanh, ôi non nước người ta. Nướng thân
tàn cho ngày tháng trôi qua, vì đâu phải thiên đàng hay quê mẹ. Dẫu cách
xa, lòng con luôn tưởng nhớ quê hương mình là đất nước Việt Nam. Những chiều cuối
năm, con nơi đất khách dâng nén hương lòng cầu cho quê hương thái hòa.
Dẫu cách xa, lòng con luôn tưởng nhớ quê hương mình là đất nước Việt
Nam. Những chiều cuối năm, con nơi đất khách dâng nén hương lòng cầu cho
quê hương thái hòa. Dâng nén hương lòng cầu cho quê hương thái
hòa. Cầu cho quê hương thái hòa.

mục lục

lời mở /3
**sinh hoạt :
kỷ niệm 21
năm /10**

phóng sự đài VOA /24

tập ghi thơ /30

tác giả :

nguyễn mạnh an dân / văn /35

lưu thái dzo / văn /68

lan cao / thơ /82

nguyễn thế giác / văn thơ /92

lưu nguyễn từ thức / biên khảo /105

võ thanh văn / thơ /123

linh phương / văn /128

trương sĩ lương / văn thơ /135

nguyễn đức nhơn / thơ văn /161

phạm tương như / văn thơ / 182

yên sơn / văn thơ /192

vĩnh tuần / thơ /206

thu nga / văn /210

lê hữu minh toán / thơ /224

huỳnh quang thế / khảo luận /234

huỳnh công ánh / thơ và bạn viết /250

cù hòa phong /biên khảo thơ /265

lê thị hoài niệm / văn thơ /273

dương thượng trúc / thơ kịch /285

vô tình / thơ /305

dương phước luyện / văn tranh /313

diễm nghi / văn /320

lê hữu liệu / thơ /328

huyền vũ lê văn huyền / thơ văn / 334

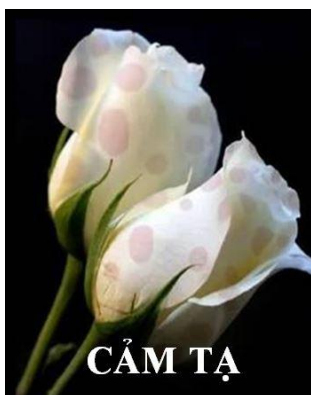
song an châu / văn thơ /345

mây ngàn /thơ văn /357

túy hà / thơ văn /371

nguyễn tuần chương /thơ nhạc /389





Văn Bút Nam Hoa Kỳ
Chân thành cảm tạ toàn thể
Quý Văn Thi Hữu đã góp tư liệu
và sáng tác
Quý thân hữu và bạn đọc gần xa
Quý diễn đàn Trầm Hương
Ấn quán Mr.Print
Đã khuyến khích, yểm trợ tinh
thần cũng như vật chất
Để hoàn thành tập kỷ yếu này.



NHÌN LẠI và HƯỚNG TỚI Kỷ Yếu 2014

Văn Bút Nam Hoa Kỳ thực hiện

Tranh bìa : Hương xa design

Trình bày và lay out : Nghi hà

Kỹ thuật : Yên sơn – Hoài Niệm

In tại : Mr.Print ấn quán

Văn Bút Nam Hoa Kỳ giữ bản quyền